

Hai Mươi Năm  
Hai Mươi Năm  
VĂN HỌC MIỀN BẮC  
1954 - 1975

**Tập III**

# HUỶNH ÁI TÔNG

# HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

\*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 – 1975

### Tập III

Mục Lục .....	3
Lời Tựa .....	5
<b>Chương thứ hai: Văn học Miền Bắc từ năm 1954 .....</b>	<b>7</b>
Tiết Hai: Những người chủ trương và cộng tác .....	7
1. Những người chủ trương Giai Phẩm .....	7
1) Hoàng Cầm (1920-2010) .....	7
2) Lê Đạt (1929-2008) .....	52
2. Những người chủ trương Nhân Văn .....	59
1) Phan Khôi (1887-1959) .....	59
2) Trần Duy (1920- ) .....	72
3) Văn Cao (1923-1995) .....	104
4) Nguyễn Hữu Đang (1913-2007) .....	120
5) Trần Dần (1926-1997) .....	131
3. Những người cộng tác Nhân Văn – Giai Phẩm .....	158
1) Cao Xuân Huy (1900-1988) .....	158
2) Đào Duy Anh (1904-1988) .....	162
3) Lê Đại Thanh (1907-1996) .....	175
4) Nguyễn Mạnh Tường (1909-1997) .....	184
5) Thao Thao (1909-1994) .....	198
6) Bs. Đặng Văn Ngữ (1910-1967) .....	203
7) Nguyễn Tuân (1910-1987) .....	229

## HUỶNH ÁI TÔNG

8) Chu Ngọc (1912-1981) .....	241
9) Trương Tửu (1913-1999) .....	258
10) Thụy An (1916-1989) .....	267
11) Yên Lan (1916-1998) .....	280
12) Hữu Loan (1916-2010) .....	290
13) Trần Đức Thảo (1917-1993) .....	315
14) Nguyễn Bình (1918-1966) .....	357
15) Vĩnh Mai (1918-1981) .....	373
16) Sỹ Ngọc (1919-1990) .....	383
17) Hoàng Tích Linh (1919-1990) .....	390
18) Bùi Xuân Phái (1920-1988) .....	430
19) Trần Lê Văn (1920- ) .....	434
20) Quang Dũng (1921-1988) .....	451
21) Hoàng Yên (1922-2012) .....	461
22) Hoàng Công Khanh (1922-2010) .....	478
23) Tử Phác (1923-1982) .....	484
24) Nguyễn Sáng (1923-1988) .....	490
25) Tô Vũ (1923- ) .....	495
26) Đặng Đình Hưng (1924-1990) .....	501
27) Như Mai (1924- ) .....	510
28) Nguyễn Văn Tý (1925- ) .....	526
29) Nguyễn Thành Long (1925-1991) .....	531
30) Vũ Sắc (1925-2012) .....	546
31) Minh Giang (1927- ) .....	552
32) Phan Vũ (1926- ) .....	557
33) Phùng Cung (1928-1997) .....	570
34) Bùi Quang Đoài (1928- ) .....	601
35) Hoàng Tô Nguyên (1929-1975) .....	619
36) Phùng Quán (1932-1995) .....	623
37) Xuân Sách (1932-2008) .....	639
38) Thúc Hà (1934-1994) .....	671

## Tựa

Rồi đây, khi nói đến Văn học Việt Nam, người ta không thể nào không nói tới tư trào Nhân Văn – Giai Phẩm đã xảy ra trên đất Bắc từ năm 1956 đến đầu năm 1958, nhưng nó kéo dài một đời nghiệt ngã cho những người trong cuộc cho tới thời đổi mới năm 1986, và một số cũng còn mãi về sau này đến những năm 1990.

Riêng nhà văn Phan Khôi, cuối đời bị oan khuất, bị đuổi ra khỏi nơi trú ngụ, chết đã được gia đình an táng, vài năm sau nghĩa trang bị bốc mộ đi, nay không có nấm mồ, không biết có nơi nào để viếng mộ.

Nhiều người trong cuộc, sau khi “đổi mới” được ân thưởng giải văn chương, huân chương. Còn nhà văn Phan Khôi, Tiến sĩ Nguyễn Mạnh Tường, nhà văn Thụy An vẫn không được gì cả, để rửa sạch cái vết nhơ mà nhà nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, để bảo vệ, củng cố chế độ, đã dựng lên bản án, đày đọa cuộc đời, bôi bẩn danh dự của họ.

Người sau sẽ tôn vinh họ, cũng chẳng ngại ngần để phê phán những người chủ trương, trù dập họ.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Trong tập sách này, chúng tôi cố tìm nhưng chưa có đầy đủ, còn thiếu một số người bị kỷ luật trong vụ án này như Mai Hạnh, Trúc Lâm, Trần Thịnh ... mong có duyên may, tìm được những người bị thiếu sót sẽ bổ túc sau.

Chúng tôi, biết ân những người đã có bài viết, được tham khảo, sử dụng để soạn nên tập sách này, nếu không có những bài, những tài liệu đó, tập sách này và cả bộ sách này không thể hoàn thành được.

Cuối cùng, chúng tôi nghĩ, đây chỉ là bước đầu trong việc tìm hiểu, sưu tầm những tài liệu Hai mươi năm Văn học miền Bắc từ sau hiệp định Genève năm 1954 cho đến năm 1975, miền Bắc phá bỏ hiệp định Paris 1973, xua quân xâm chiếm toàn miền Nam.

Từ đó, dưới sự cai trị của Đảng Cộng sản trên toàn lãnh thổ, Việt Nam có một dòng văn học khác, chung cho cả nước. Sẽ là một đề tài khác, ngoài bộ sách này.

Và hơn hết, trong tập sách này sẽ có những thiếu sót, mong được độc giả chỉ cho, để bổ sung được hoàn hảo hơn.

Soạn giả cẩn ghi  
Louisville, ngày 15 tháng 5 năm 2013



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

### Tiết Hai: Những người chủ trương và cộng tác

#### 1. Những người chủ trương Giai Phẩm

Trong khi Trần Dần và Tử Phác bị phân công đi tham quan Cải cách ruộng đất đợt 5 ở Bắc Ninh, lúc đó Hoàng Cầm và Lê Đạt chủ trương Giai Phẩm để đòi hỏi quyền tự do sáng tác.

##### 1) Hoàng Cầm



#### Hoàng Cầm - Bùi Tăng Việt (1922-2010)

Hoàng Cầm tên thật là Bùi Tăng Việt sinh ngày 22 tháng 2 năm 1922, tại xã Phúc Tăng, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

Quê gốc của Hoàng Cầm ở xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Ông xuất thân trong gia đình nhà nho lâu đời. Thân sinh ông thi không đỗ, về dạy chữ Hán và làm thuốc bắc ở Bắc Giang. Tên ông được đặt ghép từ địa danh quê hương: Phúc Tăng và Việt Yên.

Thưở nhỏ, ông học tiểu học, trung học đều ở Bắc Giang và Bắc Ninh; đến năm 1938, ra Hà Nội học trường Thăng Long. Năm

## HUỶNH ÁI TÔNG

1940, ông đỗ tú tài toàn phần và bước vào nghề văn, dịch sách cho Tân dân xã của Vũ Đình Long. Từ đó, ông lấy bút danh là tên một vị thuốc đắng trong thuốc bắc: Hoàng Cầm.

Năm 1944, do Thế chiến thứ hai xảy ra quyết liệt, ông đưa gia đình về lại quê gốc ở Thuận Thành. Cũng tại nơi này, ông bắt đầu tham gia hoạt động Thanh niên Cứu quốc của Việt Minh. Cách mạng tháng Tám nổ ra, ông về Hà Nội, thành lập đoàn kịch Đông Phương. Khi Chiến tranh Đông Dương bùng nổ, ông theo đoàn kịch rút ra khỏi Hà Nội, biểu diễn lưu động ở vùng Bắc Ninh, Bắc Giang, Sơn Tây, Thái Bình một thời gian rồi giải thể.

Tháng 8 năm 1947, ông tham gia Vệ quốc quân ở chiến khu 12. Cuối năm đó, ông thành lập đội Tuyên truyền văn nghệ, đội văn công quân đội đầu tiên. Năm 1952, ông được cử làm Trưởng đoàn văn công Tổng cục Chính trị, hoạt động biểu diễn cho quân dân vùng tự do và phục vụ các chiến dịch.

Tháng 10 năm 1954, đoàn văn công về Hà Nội. Đầu năm 1955, do đoàn văn công mở rộng thêm nhiều bộ môn, Hoàng Cầm được giao nhiệm vụ trưởng đoàn kịch nói. Cuối năm 1955, ông về công tác ở Hội Văn nghệ Việt Nam, làm công tác xuất bản. Tháng 4 năm 1957, ông tham gia thành lập Hội Nhà văn Việt Nam, và được bầu vào Ban chấp hành. Tuy nhiên, không lâu sau, do vụ án "Nhân Văn Giai Phẩm", ông phải rút khỏi Hội nhà văn vào năm 1958 và về hưu non năm 1970 lúc 48 tuổi.

Ông nổi tiếng với vở kịch thơ *Hận Nam Quan*, *Kiều Loan* và các bài thơ *Lá diêu bông*, *Bên kia sông Đuống*. Bài thơ *Bên kia sông Đuống* được chọn vào giảng dạy trong giáo trình trung học phổ thông.

Ngoài bút danh Hoàng Cầm ông còn có các bút danh: Bằng Việt, Lê Thái, Lê Kỳ Anh, Bằng Phi. <sup>[1]</sup>



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Đầu năm 2007, ông được nhà nước Việt Nam tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật do Chủ tịch nước ký quyết định tặng riêng.<sup>[2]</sup>

Thời gian cuối đời ông sống tại Hà Nội và ông đã mất vào ngày 6 tháng 5 năm 2010, thọ 88 tuổi.

Tác phẩm:

- *Hận ngày xanh* (phóng tác theo Lamartine 1940);
- *Bông sen trắng* (phóng tác theo Andersen 1940);
- *Cây đèn thần* (phóng tác theo *Nghìn lẻ một đêm*, 1941);
- *Thoi mộng* (truyện vừa, 1941);
- *Tình giấc mơ vua* (phóng tác theo *Nghìn lẻ một đêm*, 1942);
- *Hận Nam Quan* (kịch thơ, 1944, 1942);
- *Bốn truyện ngắn* (đăng *Tiểu thuyết thứ Bảy* từ 1939 đến 1943);
- *Kiều Loan* (kịch thơ, 1945)
- *Ông cụ Liên* (kịch nói, 1952);
- *Đêm Lào Cai* (kịch nói 3 hồi, 1957);
- *Tiếng hát quan họ* (trường ca, in chung trong tập *Cửa Biển*, 1956);
- *Những niềm tin* (thơ dịch của Bonalan Kanfa - Algérie, 1965);
- *Men đá vàng* (truyện thơ, Trẻ, 1989)
- *Trương Chi* (kịch thơ, xuất bản năm 1993)
- *Tương lai* (kịch thơ, 1995);
- *Bên kia sông Đuống* (tập thơ chọn lọc, 1993) - Giải thưởng Nhà nước 2007
- *Lá diêu bông* (tập thơ chọn lọc, 1993) - Giải thưởng Nhà nước 2007
- *Về Kinh Bắc* (tập thơ, 1994);
- *99 tình khúc* (tập thơ tình, 1955) - Giải thưởng Nhà nước 2007

## HUỶNH ÁI TÔNG

Trích văn:

### **Nguyễn Đình Thi trong tôi - Nguyễn Đình Thi ngoài tôi**

Hồi kí

*Hương hồn anh Nguyễn Đình Thi linh giám*

Anh Thi ơi!

Hà nội, nơi địa linh đã nuôi dưỡng và tạo nên biết bao nhiêu nhân kiệt cho dân tộc chúng ta, nơi chính anh đã để lại cho đời một khúc tráng ca duyên dáng hào hùng: "Đây Hồ Gươm... Hồng Hà...Hồ Tây..." để hôm nay anh đi vào cõi phiêu diêu những Lý Thường Kiệt, Trần Thái Tông, Nguyễn Trãi..., những Hồ Xuân Hương, Lê Ngọc Hân, Nguyễn Du, Nguyễn Gia Thiều và lung linh những Tản Đà, Hàn Mặc Tử. Anh về cõi ấy anh sẽ đứng đâu trong cái bầu hư vô xanh xám kia, chắc hẳn con cháu chúng ta sau này rồi sẽ nhận rõ.

Nhưng có thật là duyên nợ không, hay do hai người mang hai bản chất ngược chiều nên suốt 60 năm, mặc dầu có nhiều lúc rất gần nhau mà không hiểu sao, anh và tôi vẫn cứ rượt ra khỏi cái đáng lẽ ra phải có Ngọn lửa tôi nhen lên chưa kịp âm đã tắt. Tôi nâng tàu lá sen hứng vừa tròn một giọt sương mai, giọt sương thoát đã bốc hơi. Như trên biển lớn, thuyền nan tôi cố bơi đến với anh, thoát cái anh đã xa, vẫn nhìn thấy nhau mà xa, xa tít tắp. Khi viết bài này, tôi đã phải cố gắng nối lại sợi dây đứt quãng nhiều đoạn. Những trang tâm sự rất chân thực này, xin gửi với đất với trời, gửi đến hương hồn anh, hẳn anh sẽ chứng giám cho lòng thành của tôi, nếu có điều gì linh hồn anh khó chấp nhận cũng mong anh lượng thứ.

**I.**

Ngay khi mở đầu những năm bốn mươi của thế kỷ trước, người

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

ta thấy xuất hiện một cái tên tác giả trên bìa những cuốn sách khảo cứu dày cộm: khảo cứu dịch thuật, giới thiệu đôi ba triết thuyết phương Tây. Nào Kant, Nietzsche, Descartes. Một cái tên rất mới mẻ, trẻ trung và tươi tắn như đang muốn bay ra khỏi tủ kính những hiệu sách lớn ở Hà nội: Nguyễn Đình Thi.

Năm ấy tôi cũng vừa chân ướt chân ráo bèn mông vào một cái làng nghe ra có vẻ xa hoa, lại có vẻ hỗn độn kiêu kỳ mà hấp dẫn lắm: làng Văn. Một anh trai quê mãi tới năm 16 tuổi (1938) mới biết đến cái cầu Du-me (tên ta là cầu Long Biên), đứng trước cái nguy nga tráng lệ của những lâu đài, dinh thự và cuộc sống náo động đô thành, tôi chỉ là anh học trò ngây ngô, như hình thù một chữ trong từ điển Larousse của Pháp thời bấy giờ: *lơ nha quê* (người nhà quê). Anh trai quê là tôi lúc ấy, lấy làm kính phục một người cầm bút chắc cũng xấp xỉ tuổi mình đã bạo gan và kiên nhẫn bỏ ra một đồng thì giờ hẳn là khá lớn để giới thiệu cho độc giả Việt nam biết đến những nhà triết học đồ sộ của thế giới.

Thời gian ấy, tôi đã có cái bằng tú tài toàn phần. Mà anh Thi chắc cũng đã là cậu tú chỉ sau tôi vài năm. Tôi không chịu đi làm, hoặc thi vào một trường cao đẳng nào của xứ thuộc địa, mà chỉ mãi mê chơi: chơi kịch, chẵn thơ, chơi ả đào. Có lẽ vì giang hồ mê chơi" <sup>[1]</sup> như thế, nên từ năm 1940 đến 1945, tôi sống ở Hà nội luôn mà chẳng một tổ chức chính trị nào của cách mạng thêm chú ý đến một anh thi sĩ trẻ mà chẵn dốt cho cậu ta hoạt động trong các đoàn thể của Việt Minh như Tô Hoài, Nguyên Hồng, Nguyễn Đình Thi, Nam Cao... (Câu hỏi này là lời tôi tự vấn vào cuối năm 1948 khi tôi đã bước đi vững vàng trên đường kháng chiến chống Pháp). Tôi hoang mang khi tự giải đáp cho mình cái điều thắc mắc ấy, không biết nên buồn hay không buồn.

## II.

Thế là ...Cách mạng tháng Tám đã thành công, lần đầu tôi gặp

## HUỶNH ÁI TÔNG

Nguyễn Đình Thi. Bây giờ, tuy tôi cũng đã là anh bí thư đoàn thanh niên cứu quốc xã Lạc Thổ, làng quê gốc của tôi, những khi ra Hà nội, với lòng mong muốn thiết tha được biết mặt Cụ Hồ, tôi vẫn là anh *lơ nhà quê* với dáng vẻ quê mùa, trước một đại biểu Quốc dân đại hội Tân Trào, một uỷ viên trong uỷ ban khởi nghĩa toàn quốc, mà có mấy anh bạn thân giới thiệu tên là Nguyễn Đình Thi cái tên mới lạ tôi đã biết từ năm 1942 trên bìa mấy quyển sách triết học dày cộp ấy. Trước mặt tôi, sừng sững một anh chàng cao lớn, da ngăm ngăm đen, đôi mắt tinh anh, giọng nói uyên chuyên âm áp. Đặc biệt là bộ âu phục sang trọng đắt tiền, màu đen óng chuốt, cái ca vát đỏ tươi màu mào gà, khiến tôi cảm thấy anh đúng là hình ảnh tiêu biểu cho khí thế cách mạng lúc mới giành được chính quyền. Đôi giày da đen đánh bóng càng làm tăng cái uy phong của một nhà cách mạng trẻ tuổi. Còn tôi chỉ như cậu bé ngu ngơ lẻo đẻo đi theo ở đằng đuôi. Nỗi mặc cảm này ngự trị trong tôi suốt từ ngày Tổng khởi nghĩa ở Hà nội cho đến khi lên Việt Bắc, tôi gia nhập Vệ quốc quân.

### III.

Trước Tổng khởi nghĩa, một nhóm văn nghệ sĩ tự do chúng tôi đã thành lập một ban kịch lấy tên là Đông Phương. Theo sự chỉ đạo của cán bộ Việt Minh tỉnh Bắc Ninh, chúng tôi thường lưu động diễn nhiều vở kịch ngắn ở sân đình, sân chùa các làng thuộc huyện Từ Sơn, Tiên Du, Thuận Thành, có khi ở cả Hà nội, Hải phòng... Cách mạng có chính quyền rồi, chúng tôi càng ra sức củng cố và phát triển ban kịch với khát vọng sẽ công diễn được vở kịch thơ lịch sử quy mô là kịch thơ *Kiều Loan* mà tôi đã viết xong từ cuối 1943.

Theo gợi ý của các bạn mà tôi quen biết từ khi mới vào làng văn (1943) là các anh Nguyễn Huy Tường, Nguyễn Hồng, Nam Cao, tôi đã viết một lá đơn trình Hội Văn hoá cứu quốc trình kịch bản *Kiều Loan* cùng lời kiến nghị xin Hội trợ cấp tài

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

chính ít nhiều, để động viên ban kịch Đông Phương chúng tôi khởi công dàn dựng *Kiều Loan* cho kịp ngày khai mạc Đại hội Văn hoá toàn quốc (Chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ chủ toạ đại hội này). Tôi đưa đơn đến tận tay anh Nguyễn Đình Thi, lúc đó đang là Tổng thư ký Hội Văn hoá cứu quốc, đơn kèm theo kịch *Kiều Loan*. Rồi tôi hồi hộp chờ đợi...

Với tôi hồi ấy cách mạng như một người khổng lồ mà tôi thì bé bỏng xa lạ quá. Cái uy thế của cách mạng tôi không thấy rõ lắm ở những người như các anh Nguyễn Huy Tưởng, Nam Cao, Kim Lân, Nguyên Hồng, nhưng lại thấy nổi bật hẳn lên ở anh Nguyễn Đình Thi. Ngồi trước mặt anh, bên cái bàn giấy lộng lẫy có đủ cả máy điện thoại và hai chồng sách dày, bìa cứng in nổi chữ vàng chữ bạc: *Các Mác với vấn đề văn hoá, Tư bản luận, Chống Du-ring...* tôi hoa cả mắt và cảm thấy mình là con chim chích vào rừng...

Không khí cuộc gặp mặt bỗng trở nên nghiêm trang và lời mở đầu câu chuyện của anh Thi lại càng làm cho nó thêm lạnh nhạt, căng thẳng:

- Tôi đã nhận được vở kịch của anh. Cả lá đơn nữa. Anh Nguyễn Huy Tưởng và anh Nguyên Hồng đã giới thiệu *Kiều Loan* với tôi. Tôi cũng đã đọc qua ...

Vừa nói, anh Thi vừa rút ở cái cặp da đen bóng tập bản thảo vở kịch đánh máy của tôi. Anh trao nó cho tôi với một nhếch mép cười mà cho đến nay tôi vẫn không sao hiểu được, nhất là câu nói ngay sau cái cười nửa miệng ấy:

- Rằng hay thì thật là hay!

Hai tiếng cuối câu đay xuống, tôi nghe như có vẻ vừa giễu cợt vừa hững hờ. Và anh Thi cũng chỉ nói có thế. Không hơn nữa lời. Rồi anh thu dọn sổ sách, như có ý bảo tôi "Về đi!". Cũng để cho anh lính mới làng văn biết rằng mỗi giờ mỗi phút với

## HUỶNH ÁI TÔNG

anh Thi là vàng ngọc đấy! Tôi thấy mình như bé quá, bất cứ lúc nào nhớ đến anh, bất cứ ở đâu, lời anh nói khi đưa trả tôi kịch bản *Kiều Loan* vẫn cứ day dứt trong tâm trí mình: Một lời khen ư? Không chứng minh được! Một liên hệ giữa câu Kiều ấy với thời đại ta đang sống? Cũng không đến mức to tát thế.

Hoặc giả là một ý so sánh nhân vật *Kiều Loan* với nhân vật Thuý Kiều!

Rằng hay thì thật là hay... Chưa đến lúc bình phẩm như vậy, vì đã nói gì với nhau đâu về cái tác phẩm kịch thơ ấy của tôi.

### IV.

Đạo ấy, tôi cũng đang theo đuổi một người nữ đẹp và sắc sảo, gần một năm mà chưa nên hoa trái gì, tôi có viết mấy câu thơ, vẫn còn nhớ đến bây giờ. Tiện đây, xin được chép ra, cũng là để liên hệ đến sự giao thiệp giữa tôi và anh Thi từ năm 1945.

*Có ban mai mơ hồ  
Bấp bênh thuyền sóng lữ  
Có mấy chiều đổ mưa  
Con bướm nào đã ngủ*

*Có phải mũi tên thần mũi tên thần  
Lao nhanh vào ánh lửa  
Hay leo teo sợi cỏ  
Nghênh sang mùa du xuân?*

*Gió bay đi mù khơi  
Phải chăng là bão tố  
Phải chăng là duyên số  
Mà xa nhau thật rồi.*

Đầu năm 1949, anh Lê Đạt, phái viên của Tổng bí thư Trường Chinh từ ban tuyên huấn được cử sang Hội Văn nghệ làm trợ lý

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

cho ông Tố Hữu. Vốn là một anh sinh viên rất trẻ, rất sôi nổi, vừa đặt chân đến Hội, Lê Đạt đã làm thân với các bậc cha chú như Ngô Tất Tố, Nguyễn Tuân, Thế Lữ, Nguyễn Xuân Khoát. Bây giờ, Hội đã tập hợp được hầu hết những văn nghệ sĩ có tên tuổi, anh Lê Đạt thấy không khí trong cơ quan Hội có vẻ bằng phẳng trầm lặng quá, con người ưa hoạt động như anh hình như rất khó chịu. Anh bèn nghĩ ra mấy việc nhằm khuấy động cái không khí công chức ấy lên, tạo ra một không khí chiến đấu, luôn luôn sôi động, gây men sáng tạo liên tục và mạnh mẽ. Vậy thì, Lê Đạt khởi xướng ra cuộc tranh luận về một đề tài mới mẻ và có vẻ hấp dẫn lắm: Vấn đề thơ không vần của Nguyễn Đình Thi. Tôi không dự "cuộc thơ" chắc là lý thú ấy! Ít lâu sau cuộc tranh luận về thơ làm chấn động ít nhiều dư luận trong giới văn nghệ ở Việt Bắc, tình cờ, một hôm tôi gặp anh Thi trên đường Thái Nguyên - Đại Từ. Anh Thi cùng đi với Trọng Hứa và Nhị Ca. Gặp tôi, anh Thi chỉ chào hỏi qua quýt rồi lại cúi xuống đọc một xấp giấy đánh máy, như là một tài liệu gì quan trọng lắm, nhân lúc nghỉ chân cần phải tranh thủ đọc lại. Tôi hơi buồn bèn quay sang tán chuyện với Nhị Ca và Trọng Hứa cũng làm việc ở văn phòng hội (bây giờ cơ quan Hội đóng ở bản Yên Giã, huyện Đại Từ, Thái Nguyên). Anh Nhị Ca sôi nổi cho tôi biết về cuộc tranh luận thơ không vần từ tháng trước, giọng Nhị Ca rất vui, anh nói:

- Tiếc quá! Cậu không dự hôm ấy, giá có cậu thì có lẽ cũng góp được nhiều ý kiến bênh vực cho cái gọi là thơ không vần. Đảng này chỉ có tớ với Lê Đạt thêm một thằng Lưu Quang Thuận. Và anh Bửu Tiên. Cũng may có thêm bác Phan Khôi. Ông già này lại bênh rất hùng hồn, mảy ọ. Còn một tá những ông già khác không chịu nói gì, hoặc có nói lại về hòa với ông Lành. Anh Thi đâm ra yếu thế, sau cứ đành gờ sườn ra cho các ông ấy thụ. Thành thử, cái loại thơ tự do không vần bị ăn một trận đòn đéch cãi vào đầu được.

Tôi ôn tồn nói với Nhị Ca, nhưng chính là để nói với anh Thi đang ngồi bên cạnh:

## HUỖNH ÁI TÔNG

- Cái dở ngay từ đầu dẫn đến thất bại của thơ tự do hôm ấy là tại các câu đặt vấn đề sai. Nói chuyện thơ, chẳng ai và chẳng lúc nào, chẳng chỗ nào có cái thể loại thơ không vần để đem ra làm chủ đề tranh luận cả. Chỉ có thơ và thơ. Còn về chất lượng chỉ nên bàn thể nào là thơ hay, thơ xoàng, thơ tồi. Về hình thức, có khi trong một bài có những câu dài dằng dặc đến 12, 14 chữ, như trong Trương Tiến Tửu của Lý Bạch, câu đầu 17 chữ rồi câu thứ hai cũng 17 chữ chạy liền một mạch như rượu chảy ông ọc ở chai ra. Tất cả đều phải gọi là thể thơ tự do. Tại các câu đưa ra thảo luận về thơ không vần của Nguyễn Đình Thi làm như nó là một thể loại thơ đã định hình từ lâu, mà ở nước ta bây giờ mới có Nguyễn Đình Thi là người dám đem ra sử dụng vậy. Vấn đề các câu đặt ra để thảo luận là thể nên ông Lành mới có cơ để phê phán và bác bỏ cái loại thơ này. Còn nếu chỉ đề ra thảo luận *Về một số bài thơ gần đây của Nguyễn Đình Thi* thì chẳng ai dám bảo đó là loại thơ "vô dụng, phí giấy mực" như lời ông Lành kết luận.

Tôi nói một tràng như thế, hai anh Nhị Ca và Trọng Hứa đều ngồi yên lắng nghe. Tôi thấy anh Thi có thay đổi thái độ đôi chút. Lúc đầu, anh vẫn chăm chú vào máy trang đánh máy. Khi tôi nói đến nửa chừng, anh nhìn tôi một thoáng rồi buông tập giấy xuống bên cạnh, mắt đăm đăm nhìn ra quả đồi có vài khóm trúc trước mặt, như vẫn chăm chú nghe. Có lẽ vì những câu nói của tôi có ý bênh vực cho những bài thơ của anh bị ông Tố Hữu nặng nề phê phán chẳng? Khi chia tay, tôi trở ngược, ba anh về xuôi, trong cái bắt tay tạm biệt, tôi nhìn thẳng vào mắt anh Thi. Tôi thấy, vâng, đúng thế, lần đầu tiên anh Thi hé ra một nụ cười hồn nhiên và thành thực tuy có đôi chút e dè.

Và rồi câu nói sau cùng của anh cũng như bắt đầu một hơi thở chân thực trước một người "đồng chí, đồng nghiệp, bạn chưa hẳn là bạn". "Hôm nay gặp Cầm, mình rất vui". Cái dáng vẻ lịch sự xã giao, vẻ vồn vã ân cần rất kiêu kỳ, thái độ dửng dưng từ lần đầu tiên đến hôm ấy đã gần bốn năm, tôi cảm thấy với anh thật khó gần. Về sau, thắng Điện Biên Phủ rồi, về Hà nội,



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

có lần gặp anh Lê Đạt, tôi cũng trách anh đã đặt sai chủ đề thảo luận đến nỗi làm anh Thi cụt mắt hứng làm thơ. Tài năng hình như không theo tỉ lệ thuận với tầm vóc con người và chức danh trong xã hội. Cho đến hôm ấy, dẫu là gặp nhau tình cờ, tôi vẫn chưa thấy một lần nào anh Thi sống thật như tuột nghề sĩ, một thi sĩ đích thực.

Anh luôn có ba bốn con người đôi lập cùng chung sống trong một cơ thể cường tráng, một khối óc bề bộn nhiều triết thuyết, tưởng như thông tuệ mà yếu ớt, một tâm hồn đầy đam mê mà đậm ra lúng túng, tinh tường mà lăm nổi rồi ren. Tôi có một vài kỷ niệm cũng vui và cũng hơi buồn về bản chất đam mê của anh.

### V.

Năm 1954, đoàn văn công Tổng cục Chính trị được lệnh về tiếp quản thủ đô. Đoàn của chúng tôi hơn bảy chục người, được cấp trên cho kén chọn những diễn viên ưu tú nhất trong số hơn hai trăm nam nữ diễn viên và nhạc sĩ, kịch sĩ ưu tú của loạn quân. Đoàn đóng quân và làm việc ở mấy toà biệt thự đối diện nhà thờ Liễu Giai. Suốt thời gian từ ngày 10.10.1954 đến hết năm dương lịch, hầu như chúng tôi phải biểu diễn cả ngày và đêm, ở các sân khấu thủ đô, trong sân hoặc thềm nhà một số xí nghiệp, nhà máy, công sở, trường trung học, rồi đình chùa, sân phơi thóc các thôn làng ngoại thành. Thường thì đêm diễn, ngày phải ôn luyện rất nhiều tiết mục đơn ca, tốp ca, đồng ca, ngâm thơ, kịch nói, kịch dân ca, múa dân tộc, múa nước ngoài... Công việc thì bề bộn mà kỷ luật làm việc trong quân đội lại rất nghiêm, hầu như không có ngày nghỉ trong cả tuần, cả tháng.

Trong những ngày tháng tung bùng rộn rã ấy, anh Thi còn phải nằm điều dưỡng ở Quê lâm, Trung Quốc. Đầu năm 1955, tôi mới thấy anh xuất hiện ở Hà nội. Một sớm vào khoảng 8 giờ, các diễn viên của tôi đã bắt đầu vào chương trình luyện tập.

## HUỖNH ÁI TÔNG

Anh Thi đi xe đạp thẳng đến cái biệt thự được chọn làm trụ sở của đoàn. Được báo tin có khách, tôi vội xuống nhà, anh Thi bắt tay tôi rất ân cần và nói sẽ nhưng khẩn khoản:

- Anh Cầm, cho phép mình gặp Th. L. một lát, chỉ dám xin anh mười phút thôi.

Trước sau, dẫu suốt 8 năm kháng chiến chống Pháp, với tôi, anh Thi rất "người dung nước lã", nhưng tôi vẫn giữ một lòng yêu mến kính trọng anh. Thấy anh nói có vẻ khẩn khoản, lòng tôi có cảm giác của người đồng tình đồng điệu, vì con người tôi thật ra cũng thuộc về cái "nòi tình" từ cái thuở "em 12 tuổi tìm theo chị" <sup>[2]</sup>. Tôi bèn cười rất "bầu bạn" cởi mở, phá tan ngay cái không khí rụt rè, khép nép kia đi:

- Anh Thi, sao lại mười phút? Mời anh vào phòng làm việc riêng của tôi. Thi có thể chuyện trò với cô ấy ít nhất trong vòng một giờ.

Tôi dẫn anh vào phòng, anh cần vụ của đoàn mang lên một phích nước sôi, ấm chén và một gói trà loại ngon nhất. Tôi thân mật nói:

- Thi ngồi đây nhé. Mình sang chỗ phòng tập, mời Th. L. về.

Anh Thi hơi cúi đầu, vẻ mặt rạng rỡ. Tôi sang phòng tập yêu cầu nhạc sĩ Lê Đoá chuyển cái tiết mục có Th. L. tập ấy xuống dưới, cách ra độ một tiếng và dẫn Th. L. về gặp anh Thi. Thấy Th. L. hơi ngần ngại, tôi phải nói ngay:

- Ô hay! Có việc gì ghê gớm đâu mà trông em có vẻ sợ sệt thế! Chẳng là anh Nguyễn Đình Thi, bạn anh, là Tổng thư kí Hội Văn nghệ ấy mà, anh Thi muốn gặp em để hỏi chuyện về nghệ thuật ca múa thôi, em có đồng ý cho anh ấy gặp em không?

Cô Th. L. vẫn có vẻ e dè, tôi nói vui:

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

- Em thì chắc là chưa quen biết lắm. Anh Thi cũng như anh thôi mà. Anh chị em cùng một gia đình văn nghệ sĩ cả, có quan to quan bé gì đâu mà em ngại. Nào nếu em đồng ý thì đi với anh.

Tuy khép nép, Th. L. vẫn tươi tỉnh đi theo tôi. Th. L. mới 18 tuổi còn rất ngây thơ, nhưng tôi tin cuộc "tao ngộ" giữa một người lãnh đạo văn nghệ từng trải và một diễn viên múa mà tôi vui lòng thu xếp cho cuộc gặp này, đâu chẳng đi tới chỗ tốt đẹp cho cả hai người thì cũng "vô thường vô phạt". Sau buổi đó, tôi nghĩ tôi với anh Thi sẽ trở thành hai người bạn thơ khăng khít, cùng đem hết khả năng để cùng làm việc cho một nền thi ca rực rỡ của dân tộc và đất nước. Vậy mà, rồi sau, có lẽ do vị trí xã hội của hai người có một khoảng cách khá xa nên không vẫn hoàn toàn không.

Trong vòng một tháng, vẫn ở chỗ ấy anh Thi còn đến thêm hai lần nữa, mỗi lần có rút ngắn thời gian lại, lần sau ngắn hơn lần trước, cho đến một hôm, sau tết âm lịch, cô Th. L. có mệnh hạn đến gặp tôi và rụt rè nói rất nhỏ:

- Anh ơi! Từ nay về sau anh đừng bắt em gặp anh Thi nữa nhé.

Tôi hơi sùng sốt và cũng thấy ngượng ngùng đành phải nói với Th. L.:

- Khô! Có bao giờ anh "bắt" em phải gặp anh Thi đâu? Th. L. cứ nhớ xem, lần nào anh cũng hỏi lại: có đồng ý không? Em gật đầu rồi anh mới đưa em đến. Đúng không? Thôi được em không đồng ý nữa thì thôi. Đừng bao giờ nghĩ rằng anh cậy là người chỉ huy bắt buộc em phải làm việc này việc nọ nhé!

Th. L. lúc đó mới tươi tỉnh:

- Vâng, em không dám nghĩ thực. Chỉ vì em nể anh quá mà anh Thi cũng rất tốt với em. Vậy em xin lỗi. Em cảm ơn anh.

## HUỖNH ÁI TÔNG

Bảng đi đến ba tuần lễ, không thấy anh Thi đến. Một buổi tối, đoàn văn công chúng tôi đã mở màn đêm diễn trong sân nhà máy điện Yên Phụ, tiết mục đầu: Ca cảnh giải phóng Điện Biên của Đỗ Nhuận vừa xong thì anh Thi lại đột ngột xuất hiện sau cánh gà sân khấu ngoài trời. Anh rụt rè nói với tôi vẫn cái giọng giao đãi:

- Anh Chăm ơi! Thật phiền anh quá. Vì công việc vội, xin phép anh cho mình gặp B. D. độ dăm bảy phút thôi.

Tôi ấy dẫu tôi thấy cũng hơi "phiền" thật tôi vẫn bị cái thói quen "cả nể" nó lập mất lý trí. Lại vẫn cái "nồi tình", khiến tôi thấy cảm thông ngay với người bạn-chưa-bao-giờ- thân-thiết- ấy, và tôi lại thu xếp như các lần trước. Rồi lại phải nói khó với Hồng Minh, là người chỉ huy đêm diễn:

- Cậu giúp mình, cái tiết mục có B. D. diễn ấy, nếu nó sắp tới rồi thì cậu chuyển nó xuống cuối chương trình, chỉ ra trước cái "sạp" thôi... (đêm diễn nào, điệu nhảy "sạp" cũng là tiết mục kết thúc).

Hồng Minh chẳng nghe tôi một cách dễ dàng như Lê Đoá, anh hỏi lại đoàn trưởng một cách nghiêm chỉnh:

- Vì sao thế anh? Cái tiết mục này khá dài, mà đi với cái "sạp" kết thúc thì em sợ...khán giả người ta hơi nản đấy anh ạ. Và lại hai cái múa đi liền với nhau e rằng... Từ trước, có ai sắp xếp chương trình, tiết mục một đêm diễn như thế đâu? Có thật cần phải chuyển chương trình như thế không anh?

Khó lý giải cái "lệnh" rất vô nghĩa của mình quá, tôi đành nói thật, tuy rằng vẫn là dối trá:

- Hồng Minh à, cậu biết anh Thi rồi chứ? Bạn thân của mình đấy!

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Mỗi lần nói đến anh Thi bằng hai tiếng "bạn thân" tôi cảm thấy ngượng ngượng vì cứ nghĩ rằng người nghe sẽ tưởng mình "thấy người sang bắt quàng làm họ". Ai không biết anh Nguyễn Đình Thi lúc ấy có uy danh rất cao trong số văn nghệ sĩ trẻ, lãnh đạo Hội chỉ đứng sau một người (là ông Tố Hữu thôi). Còn tôi, đã không là đảng viên, lại chẳng có vai vế gì bên Hội cả, chỉ có mấy bài thơ nổi tiếng tạm thời lúc kháng chiến ban đầu như *Đêm liên hoan*, *Tâm sự đêm giao thừa*, *Bên kia sông Đuống*, sự nổi tiếng ấy cũng chỉ lặng lẽ, chìm lắng trong một số cán bộ dân sự và quân sự, chưa lúc nào ồn ào, phơi lên mặt báo hay trong hội nghị nào ở đâu cả.

- Bạn thân của mình đấy Minh ạ. Mai anh ấy phải sang Liên Xô từ sớm, anh Thi cần gặp một diễn viên múa ưu tú vào loại nhất, chắc là để hỏi kinh nghiệm và tài liệu để trao đổi với các bạn văn nghệ sĩ Nga hay Tiệp, hay Đức, Pháp gì gì đó nên anh ấy mới cần gặp B.D. ngay.

Tôi viện lý do bằng cách nói dối Hồng Minh như vậy. Mà cũng chỉ là chiều theo ý riêng một người tôi yêu mến, tuy bạn chẳng phải là bạn, cấp trên chẳng phải cấp trên. Và lại, từ khi "nhập thế cục" tôi chưa bao giờ biết nịnh nọt ai, tâng bốc ai. Mà ngược lại, đôi lúc thẳng thắn phê bình ai đó lại đâm ra đại dột, chuốc lấy vạ vào thân.

Vốn là cán bộ trong quân đội đã lâu, Hồng Minh rất vui tính, hay bông đùa, rất tinh ranh khi vắn tôi thêm một câu nữa, tôi đã không trả lời được lại còn bị ngượng đến đần mặt ra trước anh cấp dưới thân thiết mà tinh quái của mình.

- Sao anh Thi không hỏi em để lấy kinh nghiệm ca múa? Em vừa là nhạc sĩ, vừa là biên đạo múa thì lại không hỏi, mà lại hỏi một cô mới nhập môn có 6 tháng. Chắc hẳn em kém cô B.D. vì trời sinh ra em lại không phải là cô gái 20 tuổi có nhan sắc. Thôi được rồi. Em xin nghe lệnh đoàn trưởng để "bạn thân"

## HUỖNH Ỉ TÔNG

của anh có nhiều thành tích vì *tình* nó đang *thách* anh Thi ỉy mà.

Nhiều lúc anh Hồng Minh này "chơi chữ rất tài tình như thế đó. Rồi cậu ta ôm lấy tôi rất thắm thiết, cười rất tẻ nhị rồi chạy ngay đến chỗ đội múa đã chuẩn bị để ra sân khấu trình diễn.

Đêm ỉy, anh Thi được phép mời cô B.D. sang một tiệm cà phê xê cửa nhà máy đèn, chuyện trò với B.D. chừng 15 phút rồi quay lại nói cảm ơn tôi xong thì nhảy lên xe đạp phóng nhanh trên đường phố Châu Long. Hôm sau tôi có hỏi B.D. xem cô ỉy có ý kiến gì về cuộc gặp không hẹn trước ỉy không, liền được nghe B.D. rất phép tắc:

- Anh Cầm ỉi. Vì anh nói anh Thi là bạn thân của anh, vả lại anh ỉy cũng đã ngoài 30 tuổi rồi, có vợ và ba con rồi, nên em cũng coi như anh cả của em ở nhà vậy. Còn chuyện thì cũng có đôi điều thú vị đấy ạ. Hôm qua gặp anh Thi tự nhiên em đâm ra có thêm nhiều hiểu biết về các "bậc đàn anh" như các anh đấy - Cô B.D. cười hóm hỉnh, rồi hạ giọng nói tiếp - Nhưng từ nay, nếu anh Thi có đến xin phép anh cho gặp em thì anh cứ từ chối khéo khéo hộ em đi anh nhá. Đừng để em...

Cô ỉy ngừng lời... Rồi B.D. <sup>[3]</sup> lại cười rất vui vẻ và...thế là hết chuyện.

## VI.

Vào khoảng cuối năm 1948, đoàn văn nghệ <sup>[4]</sup> lưu động của tôi nhận được một ca khúc của Nguyễn Đình Thi - bài ca *Người Hà nội*, dưới bài có ghi thời gian sáng tác: xuân 1947. Thời gian ỉy trung đoàn thủ đô đã giam chân giặc Pháp trong thành phố thủ đô đến gần hai tháng, nện cho chúng những đòn ác liệt, tiêu hao khá nặng lực lượng xâm lược, làm đổ sụp cái cuồng vọng đánh nhanh thắng nhanh của chúng, buộc chúng phải chờn, phải gờm những anh vệ quốc quân và các anh sao

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

vuông <sup>[5]</sup> của Hà nội. Tôi tin là anh Thi đã có nhiều xúc động mạnh mà cũng rất lãng mạn khi viết ca khúc này trong thời gian quân ta chiến đấu ngoan cường ở từng góc chợ, từng ngôi nhà ở Hà nội. Mà anh Thi, như hình ảnh tôi được tiếp xúc hồi Cách mạng tháng Tám, thật đúng là người Hà nội, mà tiếng Pháp thời ấy gọi là "Hà nội yêng" (Hanoiên). Tôi triệu tập ngay Văn An, nhạc sĩ tài năng trong đơn vị văn nghệ của mình, yêu cầu anh xướng âm và hát tạm để tôi "nghe xem thế nào" (chính là vì tôi điếc nhạc). Mới đọc được các lời in dưới các nốt nhạc, tôi hình dung ra được cái hùng tráng, cái chất trữ tình sâu sắc của anh Thi. Tôi tin bài ca này khi đoàn tôi biểu diễn sẽ thu hút khán giả ghê lắm. Quả nhiên, anh Văn An mới tạm hát thôi, giá mà anh Thi có mặt ngay ở chỗ tôi lúc ấy chắc tôi sẽ lao vào ghì chặt lấy anh như ôm một người tình lần đầu trao xương gửi thịt. Tôi yêu cầu anh Văn An bố trí ngay các ca sĩ của đoàn thành một dàn đồng ca gồm hai mươi diễn viên ưu tú nhất. Diễn tập trong vòng có ba ngày, bài hát ra mắt ngay trong một hội nghị quân sự liên khu. Tôi không ngạc nhiên vì sự thành công vang dội của nó vì tôi đã cảm thấy trước rồi. Từ buổi diễn ấy, bài hát được truyền ngay đến các đơn vị chủ lực, bộ đội địa phương và cả dân quân lan sang cả các cơ quan hành chính toàn chiến khu. Suốt năm ấy đến năm 1949, đi đâu cũng nghe thấy tiếng hát *Người Hà nội*, do tôi phân công nhiều nhạc sĩ, biên đạo múa và diễn viên xuống dạy hát cho các đơn vị bộ đội chủ lực và địa phương toàn liên khu I. Tôi càng yêu anh Thi hơn, mặc dù anh không chú ý mấy đến anh chàng có biệt danh là "Con oanh vàng đất Bắc" này (vì thời trẻ tôi cũng đã từng là một chàng ngâm thơ cổ, thơ mới, đủ các thể loại bằng một giọng ngâm tươi trong, có độ vang xa, có độ trầm lắng sâu, thấm vào lòng người nghe, nên nhiều cán bộ trong quân đội tặng tôi cái danh vị khá trân trọng "Con oanh vàng đất bắc" ngay từ những ngày đầu đánh giặc Pháp).

Từ năm 1949, đoàn văn nghệ liên khu Việt Bắc do tôi làm trưởng đoàn đến tháng 7 năm 1952, tôi được đại tướng Nguyễn Chí Thanh điều động lên làm đoàn trưởng đoàn văn công tổng

## HUỶNH ÁI TÔNG

cục Chính trị, tiết mục bài hát *Người Hà nội* mà tôi rất yêu quý, luôn có mặt trong các chương trình biểu diễn của đoàn. Đến nay, tôi càng vững tin rằng trong các tác phẩm của anh Nguyễn Đình Thi đã ra đời (nào thơ, nào tiểu thuyết dài, ngắn, nào kịch nói, nào ca khúc, nào lý luận phê bình) thì ca khúc *Người Hà nội* sẽ sống lâu hơn hết với tổ quốc, với nhân dân, còn "lâu" là bao lâu thì không ai dám khẳng định.

Cái "ngày mai" sau khi một nghệ sĩ tài danh qua đời hao hao giống như một màn trắng sương mù, ai dám tự khoe mình là người nhìn thấu được cái ngày mai của Nguyễn Du? Thi hào Tố Như cũng chỉ dám tự hỏi rằng ba trăm năm sau khi mình qua đời biết còn ai khóc cho cái số kiếp đau khổ của mình không? Còn theo các nhà lý số học phỏng đoán, cả nhà tiên tri lớn là cụ Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm cũng chỉ may ra nhìn trước được những việc lớn của nhân dân và đất nước ta trong vòng ba trăm năm là cùng. Vậy nếu tôi cứ liều anh mà nói rằng: Một trăm năm nữa nghĩa là sang đầu thế kỷ XXII, dân ta còn nhớ và hát bài *Người Hà nội* thì cũng chả ai tin, nhưng cũng không ai mắng tôi là nói láo vì đến hôm nay ai cũng thừa nhận đó là một bài hát hay. Triết lý dân dã Việt nam nói: "yêu nên tốt", còn một nhà triết học phương Tây cũng đã nói: "Khi yêu, người ta thường nói bốc lên đôi chút, đó là một nét tâm lý phổ quát của mọi con người trong đời sống xã hội của mọi dân tộc, mọi thời đại". Vậy thì anh Thi ơi, hôm nay anh cứ thanh thản mà yên nghĩ trong lòng mảnh đất Hà nội, rồi sang đầu thế kỷ XXII tôi sẽ cùng anh thức giấc vào nửa đêm nào đó, rồi hai đứa chúng mình sẽ cùng lắng nghe xem: đúng là có một đám thanh nữ hình như đẹp lắm và đông lắm đang hát véo von: *Đây Hồ Gươm, Hồng Hà, Hồ Tây. Đây lắng hồn núi sông ngàn năm...*

## VII.

Tháng Chạp năm 1955, tôi chuyển ngành, tạm biệt đoàn kịch nói Tổng cục Chính trị mà tôi làm trưởng đoàn đầu tiên, khi



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

đoàn văn công đã vượt quá ngưỡng trưởng thành, phải phân ra làm nhiều đoàn chuyên ngành: đoàn kịch nói, đoàn chèo, đoàn quân nhạc, đoàn ca vũ, đoàn nhạc giao hưởng. Tôi được phân công làm trưởng đoàn kịch nói từ 1.1.1955. Cuối năm ấy (12.1955) vì một chuyện riêng sinh ra mâu thuẫn gay gắt giữa tôi và ông Cục phó Cục tổ chức (cũng nằm trong Tổng cục Chính trị) nên tôi đã chuyển ngành sang Hội Văn nghệ Việt nam, tạm thời làm cán bộ trong nhà xuất bản Văn nghệ, đọc và duyệt rồi đưa in những tác phẩm của anh chị em văn nghệ sĩ sáng tác trong thời gian kháng chiến chống Pháp.

Một sáng đầu năm 1956, anh Thi đến nhà xuất bản Văn nghệ đưa cho tôi đọc tập thơ *Người chiến sĩ* tập hợp những bài anh sáng tác từ những ngày tháng đầu tiên của cuộc kháng chiến, và anh Thi yêu cầu tôi cho ấn hành ngay, càng sớm càng tốt. Tôi đọc xong, rất thú vị vì vẫn còn nguyên những bài thơ thể tự do mà lúc bấy giờ các anh Lê Đạt, Nguyễn Đình Thi đặt thành một luận đề để tranh luận là thơ không vần rồi hứng lấy thất bại. Bấy giờ (1956) mà in được những bài thơ cách tân ấy thì thật có lợi cho phong trào thơ và chỉ ít lâu nữa là có thể sánh vai bình đẳng với nền thơ các nước phương Tây.

Sau khi để anh em ban biên tập của nhà xuất bản đọc kỹ và thẩm định, ba ngày sau, tôi ký ngay phiếu xuất bản, gửi xuống nhà in Tiến Bộ. Tôi cũng quyết định ngay số lượng in tập *Người chiến sĩ* của Nguyễn Đình Thi là hai mươi ngàn cuốn! (Hồi ấy, số dĩ thơ in được nhiều thế vì cơ quan phát hành của nhà nước sẽ phân phối sách đến các nhà sách nhân dân toàn miền Bắc rồi đến các thư viện từ trung ương đến các cấp tỉnh, huyện, xã chưa kể một số lượng không nhỏ gửi sang Liên Xô, Trung Quốc và các nước khác trong phe xã hội chủ nghĩa).

Tập bản thảo chép rất gọn, đẹp của anh Thi vừa đưa xuống nhà in Tiến Bộ hôm trước thì hôm sau tôi nhận được một cú điện thoại.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Chuông máy điện thoại reo, giọng nói Huệ rất êm ái, rất tình cảm của ông Lành đầu dây bên kia. Tôi tiếp chuyện:

- Vâng, nhà xuất bản Văn nghệ đây. Tôi là Hoàng Cầm, thưa anh, có chuyện gì thế ạ?

- Nghe nói, nhà xuất bản Văn nghệ sắp cho in tập thơ gì đó của anh Nguyễn Đình Thi hi?

- Thưa anh, đúng thế ạ. Tôi đã ký phiếu in và gửi cả bản thảo xuống nhà in Tiên Bộ rồi ạ.

- Anh Hoàng Cầm hi! Tôi đề nghị anh hoãn lại đừng cho in vội.

Tôi hơi sững sốt, tuy cũng cảm thấy vấn đề này có trục trặc gì đó.

- Thưa anh, vì sao thế ạ? Toàn thể anh em biên tập đã đọc và thấy tập thơ không có vấn đề gì sai trái với đường lối chính trị đâu ạ. Đó là một tập thơ tốt.

- Tốt thì có tốt, nhưng bây giờ in ngay rồi phát hành đến các tầng lớp quần chúng, nhất là công, nông, binh thì có khi lại hóa ra không tốt.

- Dạ, tôi chưa hiểu rõ ý anh về tập thơ ấy.

- Cũng đơn giản thôi, trừ một số bài, còn hầu hết là thơ không vần. Quần chúng độc giả của ta hiện nay, trình độ cảm nhận thơ còn thấp, họ mà đọc tập thơ này, tôi tin chắc rằng họ không hiểu, vì trước hết người ta khó thuộc, thơ gì mà lộn nhon, câu ngắn, câu dài tùy tiện. Quần chúng đã khó hiểu, không thuộc thì in ra có ích gì cho họ? Thơ như vậy thì phục vụ ai?

- Vâng, thưa anh, thế thì hoãn đến bao giờ mới in được ạ?

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

- Hoãn là để anh Thi sửa lại đã, sửa cho có vần có điệu quen thuộc, người ta mới hiểu, mới thích đọc rồi mới có tác dụng tốt, để anh Thi chữa, muốn bao giờ xong thì xong. Có thể từ một đến ba tháng.

Đến đây, giọng ông Lành trong máy đột nhiên vui và rõ ràng hơn, tôi nghe cũng dễ hơn lúc trước.

- Nè, Hoàng Cầm, chừ tôi là một độc giả trình độ i tờ hỉ. Tôi thử đọc một bài không vần của anh Thi nhé. Anh nghe xem liệu độc giả là công nông binh, người ta có thích không?

Rồi ông Lành đọc luôn một bài thơ không vần và quả thật có hơi trúc trắc về âm điệu ở đôi ba chỗ. Tôi nghĩ, nếu đúng độc giả là nông dân thì cũng không thể thích được một bài thơ như thế.

Tôi lại nói như để tán thành ý kiến người lãnh đạo cao nhất trong giới văn nghệ:

- Vâng, thưa anh, đúng như anh nói. Có đôi chỗ hơi lủng củng thật. Thôi để tôi cử người xuống nhà in rút bản thảo về rồi trả lại cho anh Thi.

Lúc ấy giọng ông Lành êm dịu và ấm áp hẳn lên:

- Thế còn Hoàng Cầm có dự định in lại *Bên kia sông Đuống* không? Bài thơ ấy tốt đó. Nông dân, công nhân người ta sẽ dễ nhớ đó. Thôi cảm ơn Hoàng Cầm hỉ.

Sau buổi tôi nói chuyện với ông Lành, anh Thi đã đến ngay nhà xuất bản hỏi tôi để lấy lại bản thảo. Tôi làm như không có cuộc trao đổi với ông Lành về tập thơ *Người chiến sĩ*.

## HUỶNH ÁI TÔNG

- Anh Thi ạ, tập thơ của anh, chúng tôi thấy rất "được", có lẽ chính nó sẽ mang lại một luồng gió đổi mới cho chúng ta. Tôi đã đưa xuống nhà in rồi.

Anh Thi đáp, giọng buồn rầu, nhỏ nhẹ:

- Thôi Chăm cứ cho mình xin lại bản thảo, không in vội.

- Sao thế anh Thi? Mình tưởng tập thơ thế là hoàn hảo rồi? Cứ thế mà in. Tôi sẽ cho in rất đẹp và có thể mời họa sĩ Nguyễn Sáng hay Dương Bích Liên vẽ cho một phụ bản màu.

Anh Thi nài ni :

- Để mình sửa chữa lại. Thú thật, anh Lành đã có đọc tập thơ này, trong khi anh Lành chưa có ý kiến gì, mình muốn đưa cho Chăm để xuất bản thật nhanh. Nhưng gần đây, khi nghe nói mình đã đưa bản thảo xuống nhà xuất bản thì anh ấy gọi mình lên và khuyên mình nên sửa một số bài mà anh ấy cho là lủng củng. Vẫn là những ý kiến của anh ấy đã phát biểu trong kháng chiến. Mình đã tranh luận với anh ấy. Cuối cùng anh Lành vẫn bảo mình nên chữa lại cho độc giả công nông dễ hiểu, dễ thuộc. Thôi thì...người ta là lãnh đạo mà.

Tôi chỉ còn một cách rất thân mật nói với anh Thi:

- Chắc anh Thi cũng thừa lý luận để hiểu rằng, không ai sửa chữa thơ mình theo ý người khác, dẫu người ấy là cấp trên. Nếu không thể cưỡng lại anh Lành thì anh cứ hoãn thật lâu, kiên quyết không sửa gì cả, đợi một lúc nào đó tình hình văn nghệ có biến chuyển tích cực, tôi sẽ lại đứng ra chịu trách nhiệm in cho anh. Đã là thi sĩ, hãy cố giữ cái bản sắc riêng, tội gì theo ý người khác để đánh mất bản ngã của mình?

Anh Thi lần ngần đứng dậy, nói bằng một giọng kiên quyết tuy hơi yếu:

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

- Thôi, mai nhé...Tôi sẽ đến lấy bản thảo về. Mà có lẽ mình theo ý Hoàng Cầm, chưa xuất bản vội. Còn có chữa bài nào, câu nào là theo ý mình chứ không theo ai cả.

Hơn một tháng sau, khoảng 5.1956, anh Thi lại cầm bản thảo *Người chiến sĩ* đến nhà xuất bản gặp tôi. Anh nói:

- Dẫu sao tôi cũng phải nhân nhượng ông Lành. Cũng không theo ý ông ấy hoàn toàn, nhưng vì tôi đã là đảng viên từ lâu, cũng không muốn tỏ ra điều gì khiến người ta có thể kết tội mình là bất tuân thượng lệnh hoặc như bây giờ người ta bảo mình là cố ý không chịu sự lãnh đạo của Đảng. Vậy mong Hoàng Cầm cho in thơ của mình theo bản thảo này.

Trong khi đưa tay vào cái túi vải đựng khá nhiều tài liệu để lấy ra cái bản thảo tập thơ mới sửa chữa, anh Thi còn nói thêm một câu khiến tôi cũng đâm ra hoang mang:

- Trí thức văn nghệ sĩ chúng mình đã đi với cách mạng vô sản thì ít nhiều cũng phải hy sinh cái bản ngã của mình dẫu là bản ngã tốt đẹp!

Thế là trong phút giây, tôi chợt nghĩ, Thi nói vậy có lẽ đúng chăng? Mà nói đến tinh thần cách mạng thì mình phải kém Thi rất nhiều chứ!

Anh Thi trao cho tôi tập bản thảo mới, giấy trắng, đánh máy đẹp, đóng bìa khá dày. Tôi cầm tập thơ, chỉ mới giờ vài trang đầu, đã thấy có gì gòn gợn trong người. Hóa ra anh chữa khá nhiều. Có bài đã rất vững vàng về ý tứ, âm điệu, anh đã chữa toàn bộ thành ra đủ vắn điệu kiêu cũ khiến tôi đã như bực bội. Chắc là lúc ấy, mặt tôi đỏ gay gắt và ngậm ngậm có một cái gì cứ trào lên nghén nghén ở cổ họng. Tôi đã muốn nói thật to một câu gì đó cho đỡ bực, nhưng may quá, tôi nén lại được. Tôi kết thúc cuộc gặp bằng giọng nói bình thản, gần như vô hồn:

## HUỶNH ÁI TÔNG

- Vâng, để cả ban biên tập chúng tôi đọc lại. Ba ngày nữa, tức là sáng thứ bảy này, mời anh đến thảo luận lần nữa về việc in tập thơ này.

Dẫu không tán thành việc anh Thi chữa thơ mình theo ý cấp trên, tôi cũng không dám chủ quan, đưa luôn tập *Người chiến sĩ* mới sửa chữa này đến tận tay anh em biên tập viên, yêu cầu mọi người đọc kỹ lại tập thơ rồi suy nghĩ kỹ, cho ý kiến riêng của trình để chiều thứ sáu tới thì hội ý chung trong toàn ban. Hôm ấy mới là sáng thứ hai, còn những bốn ngày để ba biên tập viên và tôi xem kỹ lại bản thảo. Khi giao nó cho anh em biên tập, tôi nhấn mạnh:

- Đừng ai lặp lại ý kiến thẩm định của người khác. Độc lập suy nghĩ, hết sức khách quan trước một tập thơ "có vấn đề". Quả là có vấn đề lớn về thơ nói chung, cả về thi pháp, về trào lưu cách tân thi ca nói riêng nữa sau khi kết thúc chiến tranh, mở đầu giai đoạn xây dựng hòa bình.

Anh em biên tập đều làm việc rất có trách nhiệm. Các ý kiến nhận xét và thẩm định cũng có nhiều chỗ khác nhau. Đến chiều thứ sáu, khi hội ý chung thì trong ban biên tập và tôi (tôi thay mặt anh Tô Hoài - giám đốc bận đi công tác xa) đã có ba ý kiến thống nhất với nhau:

1. Không nên xuất bản vì xem ra nó chẳng mới mẻ gì, thi pháp đã không có sáng tạo lại thụt lùi về những nếp cũ hơn những tập thơ trong phong trào Thơ Mới. Rất nhiều câu chữ đã sáo mòn.

2. Mình đưa in theo bản thảo này thì trước hết rất có hại cho chính anh Thi là một nhà thơ trẻ đang cách tân, hai là không lợi cho trào lưu đổi mới thi ca đang lên cao ở Liên Xô và các nước Đông Âu.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

3. Cứ cho in ra theo bản thảo nguyên tác. Ông Lành có không ưa thì chỉ có cách là mở ra một cuộc phê bình trên các báo "đánh" vào "thơ không vần", thể thôi. Mà như thế càng tốt. Sẽ có những bài báo bênh vực sự cách tân thơ.

- Quá lên nữa thì anh Cầm bị chuyển sang công tác khác là cùng chứ gì? Nếu vậy thì anh Cầm nghĩ sao?

Tôi đáp lại cái thiện chí của anh em:

- Chả phải nghĩ gì cả. Số mệnh nó sắp đặt cho mình làm việc gì thì làm việc ấy. Miền là đúng trách nhiệm công dân và đúng chức năng thơ mà ông trời đã đặt vào con người mình. Thậm chí ông Lành có cách chức mình thì mình cũng không sợ chết đói. Chỉ có khổ thôi (đến đây tôi cười nói bỗ bã cho tan cái không khí thảo luận nghiêm trọng từ phút đầu), nhiều khi đau khổ lại sinh ra thơ hay chưa biết chừng.

Rồi tôi nói tiếp:

- Thôi kết luận về tập thơ anh Thi nhé...Cứ trùng trùng vài tháng nữa rồi ta in tập *Người chiến sĩ*. Cứ nói với mọi người là nhà xuất bản chịu trách nhiệm. Tránh cho anh Thi đỡ phải "ăn đòn". Còn bản thảo mới thì không thể in được. Đồng ý cả chứ?

Đồng thanh đáp lại câu hỏi kết thúc cuộc hội ý chiều thứ sáu ấy:

- Đồng ý mọi vấn đề.

Sáng hôm sau, anh Thi đến. Chúng tôi mời anh ngồi vào chiếc chiếu hoa rải ngay trên sàn gác. Anh Thi hỏi ngay đến quyết định của ban biên tập. Để tránh cho anh Thi đỡ phải nghĩ rằng Hoàng Cầm quyết định theo ý riêng của cá nhân mình, tôi đã dặn anh Đỗ Quang Tiến, biên tập viên truyện ngắn và ký sự, bút ký, phát biểu trước tiên với anh Thi, sẽ không ai có thể

## HUỶNH ÁI TÔNG

trách ban giám đốc nhà xuất bản là thiên vị, hoặc định kiến, hẹp hòi...

- Thừa anh Nguyễn Đình Thi, ban biên tập chúng tôi đều đã đọc kỹ và cân nhắc kỹ cả hai lần bản thảo tập thơ *Người chiến sĩ* của anh. Chúng tôi thống nhất với nhau một ý kiến là có in thì in theo bản thảo nguyên tác anh đưa từ ba tháng trước. Nó có nhiều bài hay và thi pháp đã có nhiều đổi mới. Còn bản thảo sau, anh chữa nhiều, anh trở về với nhiều hình thức cổ và cũ kỹ nên đọc thấy mất hay mà lại chóng chán, nên chúng tôi quyết định chỉ in theo bản thảo trước.

Anh Thi nói ngay:

- Anh em hiểu cho nỗi khổ tâm của tôi, nhưng xin các anh hãy chiều theo lòng mong muốn của tác giả. Lần sửa chữa vừa rồi anh Lành rất tán thành.

Một biên tập viên khác lại nói:

- Đồng chí Tố Hữu không phải là người quyết định những chương trình và chủ trương của nhà xuất bản, trừ phi đồng chí ấy cho chúng ta một cái "lệnh" bằng văn bản hẳn hoi. Anh Thi cố gắng bảo vệ cho cái bản thảo sau của mình:

- Tôi nghĩ nhà xuất bản cứ cho in theo bản thảo mới này. Bởi vì xét đến cùng thì tác giả nào cũng chịu trách nhiệm về tác phẩm của mình trước công chúng và lịch sử.

Đến lúc ấy, mọi người đều im lặng vì hình như mây lời vừa rồi của anh Thi nghe có vẻ có lý. Tôi đành phải lên tiếng:

- Anh Thi ạ, tác giả chịu trách nhiệm của mình trước lịch sử và công chúng thì đúng quá rồi. Nhưng còn nhà xuất bản thì sao? Một nhà xuất bản mà cho ra đời những cuốn sách dở, chắt chắt hàng vạn hàng triệu công chúng sẽ phê phán, chê trách, và lịch sử cũng sẽ đánh giá thấp cả nhà xuất bản nữa chứ?



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Anh Thi hé ra một cái cười hiền lành, nhưng ý kiến biên tập viên và ý kiến tác giả cứ kéo co mãi, dằng dai đến hơn nửa giờ nữa. Sau cùng tôi đành phải quyết định:

- Tôi đề nghị chấm dứt cuộc tranh luận ở đây, xin được kết luận như thế này, nghe xong, xin mới các đồng chí giải tán và không ai nói gì thêm nữa, vì nói mãi cũng chỉ có vậy. Một là nếu anh Thi đồng ý cho nhà xuất bản chúng tôi ấn hành tập thơ *Người chiến sĩ* nguyên tác của anh thì chúng tôi hoan nghênh và có thể tiến hành ngay việc in ấn. Còn nếu anh cứ kháng kháng đòi in theo cái bản thảo mà anh đã sửa chữa thì nhà xuất bản kiên quyết không in. Dẫu in hay không, bất luận hậu quả thế nào, tôi xin chịu trách nhiệm trước cấp trên, trước pháp luật và trước công chúng.

Anh Thi có vẻ không được hài lòng, mặt biến sắc, anh cầm lại tập bản thảo mới sửa sang, rồi bỏ ra về không bắt tay tạm biệt anh em nào cả.

### **Đoạn kết**

Có lẽ do việc không xuất bản tập thơ *Người chiến sĩ* mà từ đó khoảng cách giữa tôi và anh ngày càng xa thêm, rất xa. Rồi trong thực tế, một thời gian không lâu sau cái ngày thứ bảy giằng co quyết liệt ấy, số phận lại xui khiến thế nào mà tôi mắc vào "Vụ án văn học Nhân văn giai phẩm" khiến tôi bị kỷ luật đảng đảng 30 năm, từ năm tôi mới 37 tuổi, đến khi đầu đã bạc hết, răng đã rụng hết, Hội Nhà văn mới tổ chức để một số anh em tham gia phong trào "Nhân văn" trước kia trở lại Hội (1988) sinh hoạt và làm việc có phần tự do và khoáng đạt hơn trước nhưng khôn nổi, già yếu cả mắt rồi!

Riêng với anh Thi, tôi vẫn cứ tiếc và bàng khuâng mà luôn nghĩ đến mối quan hệ giữa người với người trong một cộng đồng, có lẽ đúng như điều mà Đức Thích Ca Mâu Ni đã đúc kết thành một sáng tạo diệu kỳ về triết học quanh số phận con

## HUỶNH ÁI TÔNG

người: *Duyên và Số*. Ví dụ như chuyện vợ chồng là do duyên số, nói cụ thể hơn theo ý Phật là duyên nợ:

*Mỗi người một nợ cầm tay  
đời trước nợ vợ, đời nay nợ chồng.*

Thế thì bạn hữu, bạn trai, bạn gái cũng là do duyên số. Trong cõi đời chúng ta từ Tây sang Đông thiếu gì những đôi bạn trai nổi tiếng: thi sĩ Rimbaud và Verlaine ở Pháp thế kỷ XIX rồi Mallarmé với Musset, Victor Hugo với Lanson. Ở Trung Quốc có Bá Nha- Tử Kỳ, ở Việt nam xưa có Lưu Bình-Dương Lễ. Anh Thi với tôi, gần suốt thế kỷ XX hình như vào cái thưở ban đầu, hai người cùng rất trẻ, cùng chung niềm đam mê sống và sáng tạo, qua nhiều lần gặp gỡ thân tình đều muốn thành bạn tri kỷ mà rồi cuối cùng vẫn là hai con số không to tướng đứng bên cạnh nhau. Là mệnh trời hay do tính cách? Tôi chỉ muốn nhớ lại tính cách anh, như trên đã nói, trong con người anh có đến hai ba bản chất trái ngược nhau hoà thành một. Anh sinh ra, rồi trưởng thành với nhiều ước vọng. Trước tiên, từ Hội nghị Tân Trào, đó là *con người chính trị* ngự trị trong tâm hồn anh. Cách mạng tháng Tám thành công, có thêm *con người quan chức*. Còn khi mới là cậu tú, anh sinh viên trường luật, anh đã là *con người học giả*. Đến khi toàn dân ta phải chiến đấu chống xâm lược, *con người yêu nước* nồng nàn trong anh đã biến thành *con người của nghệ thuật*. Cả trong lĩnh vực văn hóa anh cũng đã phân thân. Anh chưa thỏa mãn trong thơ, anh nhảy sang tiểu thuyết với tham vọng viết những *roman fleuve* (trường giang tiểu thuyết) tưởng chừng có thể làm chấn động dư luận từ Bắc chí Nam. Chưa thỏa mãn với tiểu thuyết, anh quay sang làm một kịch tác gia, viết liền bốn năm vở. Nhưng rồi anh vẫn không vừa ý, anh lại trở về với thơ, lại có lúc muốn làm một nhà phê bình văn học uyên bác. Lại không vừa ý, anh cứ loay hoay mãi với con đường quyền chức chính trị. Cũng không đi đến cái đích mà anh mơ ước thì tuổi già xồng xộc đến ngay trước mắt. Anh lại quay về với thơ, loanh quanh mãi, hẫng

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

anh nhiều lần tự hỏi ta đi về đâu? Ta đã đến đâu! Ai trả lại cho anh câu hỏi lớn ấy ngoài anh ra?

Tôi biết, vào những ngày tháng cuối cùng trên cái cõi mang mang thế sự đầy bí hiểm này, anh Thi có những thời khắc suy tư đầy bi kịch. Anh vốn là một nghệ sĩ nhưng ít khi sống hết mình vì nghệ thuật. Về nhạc, anh đã sáng tác khúc ca *Người Hà nội* rất quyến rũ, rất tình tứ mà cũng rất hùng tráng. Đáng lẽ ra anh nên dừng ở đó mà đào sâu vào cái via quặng rất phong phú là âm nhạc thì tham vọng lại dẫn anh đi vào một thế giới mà anh tưởng có thể ôm chặt lấy được là thế giới văn xuôi, thế giới đến thường tưởng rất ngon ăn mà sao tiểu thuyết *Vỡ bờ* gần nghìn trang của anh lại hình như thừa thớt tiếng vang? Mấy cuốn truyện của anh nữa: *Xung kích*, *Vào lửa*, *Mặt trận trên cao* liệu còn dư vang gì trong lòng người đọc? Anh cứ loay hoay như thế suốt hơn 60 năm cầm bút để rồi đi đến đâu!

Ở anh có hai con người luôn giằng xé nhau bất phân thắng bại. Đó là con *người nghệ sĩ* và con *người quyền chức*. Không lúc nào anh thanh thản, không lúc nào anh được an nhiên tự tại cũng chỉ vì xung đột quyết liệt một mất một còn giữa hai con người đó. Vì thế mà anh sống trong một bi kịch thường trực, nó vô xé, cắn rứt lẫn nhau, không lúc nào ngưng nghỉ (trừ đôi lúc anh để tâm hồn trôi theo nhan sắc, nhưng ngay cả nhan sắc, hay nói rộng ra là tình yêu nam nữ, đôi khi cũng tưởng chừng muốn phát điên lên vì anh luôn thay đổi).

Tuy anh cũng có một gia đình tưởng như đầm ấm nhưng tôi biết cuộc sống gia đình anh cũng chẳng mấy niềm vui. Ngay từ đầu đời, thơ là một trong mấy cái đích lớn mà anh say sưa hướng tới thì càng về cuối đời, thơ anh chỉ còn lẻ tẻ những bài văn xuôi ngắn ngủi, kể lẽ một vài điều bản khoán, rời rã trong tâm thế thất bại pha chút cay đắng gượng gạo làm vui. Rồi tan đi tất cả, anh lại trở về gặm nhấm cô đơn, tâm hồn anh nhiều năm đã trở thành bãi chiến trường ác liệt. Mà con người của thi

## HUỶNH ÁI TÔNG

ca nghệ thuật đã chịu thua. Dẫu anh cố vẫy vùng thì con người của quyền chức cũng chẳng đi tới chỗ mà anh mong ước.

Vài ba năm trước khi anh qua đời, tôi thường bắt gặp nơi anh nỗi buồn bất đắc chí ấy, vì chỉ thấy anh buồn, ngay cả lúc anh nhận huân chương độc lập hạng nhất, tôi chạy lại bắt tay anh, mừng anh bằng một tấm lòng chân thành, anh cũng lại cúi đầu nói nhỏ "Có gì đâu!", nét mặt vẫn buồn rã rọi. Anh vội vàng lảng tránh, tôi càng thêm ái ngại cái nỗi riêng anh trong bấy nhiêu năm lận đận với những hào quang phụ, với những hư ảnh dối lừa, những hư vinh vô ích.

Tôi hiểu rõ anh lắm, thậm chí rất quý anh, nhưng khôn nổi, không hiểu vì đâu mà tôi với anh lại như mặt trăng với mặt trời, như nước với lửa, như thuốc ký ninh với vi trùng sốt rét. Có lẽ từ chuyện tôi từ chối không in tập thơ *Người chiến sĩ*, nên hỏi tôi vương án *Nhân văn*, anh đã ghép thêm cho tôi cái tội là "lũng đoạn" nhà xuất bản.

Ngoài bài ca *Người Hà nội* mà tôi cho là một kiệt tác của anh, có lẽ sẽ sống lâu hơn cả thơ, văn, tiểu thuyết, kịch và các tiểu luận văn học mà anh đã bỏ ra nhiều công sức xây dựng, thì anh còn gì? Hạnh phúc lớn nhất cho một con người, đặc biệt là con người nghệ sĩ, lúc về già còn tình yêu trong trái tim không tuổi.

Về cuối đời, riêng tôi cũng lắm lúc tự buông thả mình vào đám bụi phố hè, ngồi say sưa với nhiều bạn trẻ, nhiều anh em thương tôi lắm nên tôi không thấy cô đơn nữa. Còn anh, tôi biết cũng cô đơn trống trải, nhưng con người quyền chức từ lâu đã không cho phép anh được chơi với tôi, và về già, được rong chơi như tôi, rong chơi hết mình với các "chú em thi sĩ", với cả nhiều "cô em thi sĩ", như tôi. Thế thì, Thi ơi, trước khi vĩnh biệt thế gian này, anh có buồn chẳng, có vui chẳng? Anh sẽ "ra đi" thanh thoát hay còn vương mắc?

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Thực tình, cho đến hôm nay, hai phần ba thế kỷ đã trôi hững, chảy hờ trên quan hệ giữa anh và tôi, vâng, thật thế, khi tôi viết những trang tâm sự này tôi rất thương anh và thật tiếc cho anh. Bởi lẽ, vào những ngày cuối cùng trên thế gian này, trong cõi người này, chắc hẳn anh đã tự biết rằng anh không đạt được ước vọng lớn lao của mình đâu bất kỳ ước vọng ấy nhằm về hướng nào trong tâm thức sâu kín của một con người.

Tháng 5. 2003

H.C.

-----

[1]Thơ Tản Đà:

"Tài cao phận thấp chí khí uất  
Giang hồ mê chơi quên quê hương"

[2]Câu thơ trong bài Qua vườn ổi (tập thơ Về Kinh Bắc của Hoàng Cầm)

[3]Đạo ấy B. D. đã 23 tuổi, cũng trẻ đẹp nhưng tính cách và lối sống già dặn hơn cô Th. L. rất nhiều.

[4]Từ năm 1947 đến năm 1950, trong các đơn vị công tác văn nghệ ở một số chiến khu và binh đoàn, kể cả ở Bộ Tổng tư lệnh, chưa có tên gọi văn công. Sau chiến tranh thế giới, ta mượn tên "Văn công" (Công tác đoàn của Trung quốc gọi tắt là văn công để gọi các đơn vị bộ đội chuyên biểu diễn văn nghệ trong toàn quân.

[5]Chiến sĩ tự vệ thành thường đánh trên mũ ca lô đội lệch ngôi sao vàng trong vương đở, trông hiên ngang mà rất tài tử.

Trích thơ:

### **Bên Kia Sông Đuống**

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Em ơi! Buồn làm chi  
Anh đưa em về sông Đuống  
Ngày xưa cát trắng phẳng lì  
Sông Đuống trôi đi  
Một dòng lấp lánh  
Nằm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kỳ*

*Xanh xanh bãi mía bờ dâu  
Ngô khoai biêng biếc  
Đứng bên này sông sao nhớ tiếc  
Sao xót xa như rụng bàn tay*

*Bên kia sông Đuống  
Quê hương ta lúa nếp thơm đồng  
Tranh Đông Hồ gà lợn nét tươi trong  
Màu dân tộc sáng bừng trên giấy điệp  
Quê hương ta từ ngày khùng khiếp  
Giặc kéo lên ngùn ngụt lửa hung tàn*

*Ruộng ta khô  
Nhà ta cháy  
Chó ngọ một đàn  
Lưỡi dài lê sắc máu*

*Kiệt cùng ngô thắm bờ hoang  
Mẹ con đàn lợn âm dương  
Chia lià đôi ngả  
Đám cưới chuột tưng bừng rộn rã  
Bây giờ tan tác về đâu ?*

*Ai về bên kia sông Đuống  
Cho ta gửi tấm the đen  
Mấy trăm năm thấp thoáng  
mộng bình yên  
Những hội hè đình đám  
Trên núi Thiên Thai*

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Trong chùa Bút Tháp  
Giữa huyện Lang Tài  
Gửi về may áo cho ai  
Chuông chùa vắng vắng nay người ở đâu  
Những nàng môi cắn chỉ quét trầu  
Những cụ già phơ phơ tóc trắng  
Những em xột xoạt quần nâu  
Bây giờ đi đâu ? Về đâu ?

Ai về bên kia sông Đuống  
Có nhớ từng khuôn mặt búp sen  
Những cô hàng xén răng đen  
Cười như mùa thu tỏa nắng  
Chợ Hồ, chợ Sủi người đua chen  
Bãi Tràm chỉ người dăng tơ nghẽn lối  
Những nàng dệt sợi  
Đi bán lụa màu  
Những người thợ nhuộm  
Đồng Tĩnh, Huế Cầu  
Bây giờ đi đâu ? Về đâu ?

Bên kia sông Đuống  
Mẹ già nua còm côi gánh hàng rong  
Dầm miếng cau khô  
Mấy lọ phẩm hồng  
Vải thép giấy dâm hoen sương sớm  
Chợt lữ quý mắt xanh tròng trợn  
Khua giấy đình đập gãy quán gầy teo  
Xi xô cướp bóc  
Tan phiên chợ nghèo  
Lá đa lác đác trước lều  
Vài ba vết máu loang chiều mùa đông

Chưa bán được một đồng  
Mẹ già lại quẩy gánh hàng rong  
Bước cao thấp trên bờ tre hun hút

## HUỖNH ÁI TÔNG

Có con cò trắng bay vùn vụt  
Lướt ngang dòng sông Đuống về đâu ?  
Mẹ ta lòng đói dạ sầu  
Đường trơn mưa lạnh mái đầu bạc phơ

Bên kia sông Đuống  
Ta có đàn con thơ  
Ngày tranh nhau một bát cháo ngô  
Đêm lúu diu chui găm giường tránh đạn  
Lấy mẹt quây tròn  
Tưởng làm tổ ấm  
Trong giấc thơ ngây tiếng súng đồn tựa sấm  
Ú ở con mê  
Thon thót giặc mình  
Bóng giặc dày vò những nét môi xinh

Đã có đất này chép tội  
Chúng ta không biết nguôi hờn

Đêm buông xuống dòng sông Đuống  
-- Con là ai ? -- Con ở đâu về ?

Hé một cánh liếp  
-- Con vào đây bốn phía tường che  
Lửa đèn leo lét soi tình mẹ  
Khuôn mặt bừng lên như dựng giăng  
Ngậm ngùi tóc trắng đang thâm kể  
Những chuyện muôn đời không nói năng  
Đêm đi sâu quá lòng sông Đuống  
Bộ đội bên sông đã trở về  
Con bắt đầu xuất kích  
Trại giặc bắt đầu run trong sương  
Dao loé giữa chợ  
Gậy lửa cuối thôn  
Lúa chín vàng hoe giặc mắt hờn  
Ăn không ngon



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Ngủ không yên  
Đứng không vững  
Chúng mày phát điên  
Quay cuồng như xéo trên đồng lúa  
Mà cánh đồng ta còn chan chứa  
Bao nhiêu nắng đẹp mùa xuân  
Gió đưa tiếng hát về gần  
Thợ cấy đánh giặc dân quân cày bừa  
Tiếng bà ru cháu buổi trưa  
Chang chang nắng hạ vồng đưa râu râu  
"À ơi... cha con chết trận từ lâu  
Con càng khôn lớn càng sâu mối thù"  
Tiếng em cắt cỏ hôm xưa  
Hiu hiu gió rét mịt mù mưa bay  
"Thân ta hoen ố vì mày  
Hòn ta cùng với đất này dài lâu..."

Em ơi! Đừng hát nữa! Lòng anh đau  
Mẹ ơi! Đừng khóc nữa! Dạ con sầu  
Cánh đồng im phăng phắc  
Để con đi giết giặc  
Lấy máu nó rửa thù này  
Lấy súng nó cầm chắc tay  
Mỗi đêm một lần mở hội  
Trong lòng con chim múa hoa cười  
Vì nắng sắp lên rồi  
Chân trời đã tỏ  
Sông Đuống cuộn cuộn trôi  
Để nó cuốn phăng ra bể  
Bao nhiêu đồn giặc toi bời  
Bao nhiêu nước mắt  
Bao nhiêu mồ hôi  
Bao nhiêu bóng tối  
Bao nhiêu nỗi đời

Bao giờ về bên kia sông Đuống

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Anh lại tìm em  
Em mặc yếm thắm  
Em thất lựa hồng  
Em đi trảy hội non sông  
Cười mê ánh sáng muôn lòng xuân xanh.*

Việt Bắc, tháng 4, 1948

### **Bao Giờ Nói Hết ...**

*Dẫu anh biết diêu bông không thực  
Sao diêu bông cứ thức hồn em  
Cứ sao băng mãi đường đêm  
Cứ trăng lên đậu cành mềm xuân què  
Cứ lời áo cỡi trưa hè  
ngực trần vỗ yếm gọi về tuổi hoa  
Cứ hương thiên lý đường xa  
Cứ lưng chùng đợi ngọc ngà hồ ly  
Cứ môi hôn yên chi chụm cánh  
dẫn anh về chuốt mảnh chiếu gon  
Hương nhu xoắn tóc lưng tròn  
cái đêm hôm ấy mắt mòn men tê*

*Diêu bông gọi mãi không về  
Cứ ngồi canh một giấc mê mẫn nồng  
Lá - em tuyết sắc thành không  
Tòa sen tỏa rọi bênh bông kiếp người  
Gọi đôi để hát đôi hồi  
Nhớ con bướm trắng dập vùi mà thương  
Chuyện đời ư? - Vạn nẻo đường  
Cứ lang thang mãi biết phương nào về  
Ừ ừ phố phố xe xe  
Cứ trông lốc bụi cứ nghe thét gào  
Chợt nhìn hẻm hẹp xi xao  
Ai vui đã cất cánh vào hư vô  
Ai buồn mà hát líu lo*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Chớm say ai tỉnh đúng giờ hóa thân*

*Diêu bông biệt chẳng cần em tiễn  
Cứ chấp chờn ẩn hiện tháng năm  
Sao - em trần trọc nổi nằm  
Một pho cẩm thạch ôm chằm trắng đêm  
Xuân Hương gọi tên em mờ tỏ  
Càng long đong phận nhỏ vành khuyên  
Tâm cao thánh giá thánh hiền  
Em dang tay đứng lâu bền đợi anh*

*Không phu tử muốn thành em bé  
Thả diều bay Kinh Lễ Kinh Thư  
Hoãn vãn thơ nhé Nguyễn Du!  
Nghe hồn rêu đá vọng phu ngút rừng*

*Diêu bông dẫu tận cùng chuyện kể  
Cũng không bằng con trẻ nghêu ngao  
Rằng... xưa... ai biết vì sao  
Lá gì lại gọi thế nào...  
Diêu bông...!*

### **Cỏ Bông Thi**

*Chị đưa Em đến bến này  
Cheo leo mỏm đá*

*Trước vực  
Sau khe  
Thòng lọng tơ gì quán gót  
Tua khăn bông còn buộc búp hoa lan*

*Ừ ù gió thổi  
Em vọng ai đâu mà hóa đá*

*Không trôi mà không đi*

## HUỖNH ÁI TÔNG

*không canh gà  
không thu không  
Mắt không mở  
đừng khép  
Kìa đây muốn đại kín Em rồi*

*Lắc đầu hoa tím rụng  
ngó rừng xanh Em hỏi ngọn nguồn*

*Biết rồi  
Thôi*

*nghe hoa tím hát*

*Ngày mười bảy tuổi  
Chót chơi đồ cò Bông Thi  
Cỏ Bông Thi phải cheo leo mồm đá  
Ừ ù gió thổi  
Không canh gà  
Không thu không*

### **Đêm Liên Hoan**

*Anh ơi ! Đêm nay đầu người nhấp nhô như ngọn sóng  
Đang trào lên sức sống muôn đời  
Niềm vui bát ngát trăng soi  
Mảnh trăng úa máu chân trời Việt Nam  
Đêm Liên Hoan ! Trời ơi, đêm Liên Hoan !  
Đầu người nhấp nhô như sóng bể ngang tàng  
Ta muốn thét như vỡ toang lồng ngực  
Vì say sưa tình thân thiết Việt Chính Đoàn  
-- Anh từ phương nào lại ?  
-- Tôi từ đất dấy lên  
Anh có nghe ngọn thủy triều Đông Hải  
Đang hờn ghen cùng thúc máu triều miên  
Thúc máu không tên dội tràn bốn nẻo*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Cỏ không gãy, cây không già, hoa không héo  
Ngàn năm đất nước vững bền  
-- Anh từ phương nào lại ?  
-- Tôi từ đất dấy lên  
Chúng ta cùng một mẹ hiền  
Lúa thơm bầu sữa bông mềm áo to  
Chúng ta chung một mối thù  
Gươm tung uất hận đạn vù đặng cay  
-- Anh đi từ đâu đến đó ?  
-- Tôi đi giết giặc đây  
Đêm nay gặp bạn cùng nhau chén  
Máu giặc đang nồng ta phải say  
Đây ruộng đồng Trung Nam  
Kia núi rừng Việt Bắc  
Cỏ cây đang cắm hờn như vùng lên đuổi giặc  
Tôi với anh gặp nhau trong ngày hội Liên Hoan  
Tay bắt tay, mừng trên giải đất Việt Nam  
-- Gia đình anh ở đâu ?  
-- Mẹ hiền tôi đã khuất  
Nhưng trước khi nhắm mắt  
Mẹ mừng cho đàn con  
Máu tôi mai sẽ chảy  
Trôi phăng hết kiếp ngựa trâu  
Xương tôi, tôi bắt nên cầu  
Cho đàn con bước lên lầu Tự Do !  
-- Anh giết bao nhiêu giặc mà mắt anh long lanh ?  
-- Mời anh lên rừng xanh  
Hỏi những cành lá biếc  
Rừng âm u đang tung bùng mở tiệc  
Bằng thịt, xương và máu của quân thù  
-- Trong tiểu đội anh, những ai còn ai mắt ?  
-- Không, không ai còn ai mắt  
Ai cũng chết mà thôi !  
Kẻ trước người sau lao vào giặc  
Giữ vững ngàn thu một giống nòi  
Dù cho thịt nát xương phơi*

## HUỶNH ÁI TÔNG

Cái còn vĩnh viễn là người Việt Nam !  
Đêm Liên Hoan, trời ôi, đêm Liên Hoan !  
Đầu người nhấp nhô như sóng vỗ ngang tàng  
Ta muốn thét cho vỡ toang lồng ngực  
Vì say sưa tình thắm thiết Việt Chính Đoàn  
Người bạn mến thương ơi !  
Nắm chặt lấy tay tôi  
-- Kìa, sao anh lại khóc ?  
-- Tôi quá mừng anh đó thôi !  
Lần thứ nhất trên đời  
Tôi quay cuồng nhảy múa  
Giặc kia ơi ! Không bao giờ còn nữa  
Ta đếm từng ngày  
Ta trông từng phút, ta đợi từng giây  
Lửa hờn nghi ngút chờ người đêm nay  
Chờ người đến đây  
Ta bầm, ta giết !  
Giặc kia phải chết  
Núi đồng phơi thây  
Anh đi hỏi núi  
Anh về hỏi cây  
Anh hỏi biển rộng  
Anh hỏi sông dài  
Anh hỏi ngô non  
Anh hỏi lúa bé  
Anh đi hỏi già, về nhà hỏi trẻ  
Rằng ta là Việt Chính Đoàn  
Đêm nay say tiệc liên hoan  
Ngày mai xé xác moi gan quân thù !  
Tiệc liên hoan lại tưng bừng hiển hiện  
Giữa đoàn quân bách chiến  
Đổ về thủ đô như nước vỡ bờ !  
Từ mũi Cà Mau cho đến biên giới Lạng  
Từ nắng sớm Sơn La cho đến mưa chiều Vạn Tượng !  
Muôn đội đội hùng binh phát phới cờ bay  
Đoàn quân bách chiến đi suốt đêm ngày

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

-- Mẹ ơi ! Con đã về đây !  
Chị hiền từ tổn đưa tay đón mừng...  
...Anh ơi ! Anh tỉnh lại  
Nước mắt tôi rung rung  
Hình như tôi đã mơ màng  
Phải rồi, anh Việt Chính Đoàn  
Đêm nay say tiệc Liên Hoan  
Ngày mai xé xác moi gan quân thù  
Bao giờ thu lại tới thu  
Liên Hoan bùng nổ bốn mùa Non Sông !

### Đêm Thổ

Cúi lạy mẹ con trở về Kinh Bắc  
Chiều xưa giẻ quạt voi lông  
Thân cau cụt vẩy đuôi mè trắng mốc  
Chuồn chuồn khiêng nắng sang sông  
Đê mười tám khúc Văn Giang  
Chuông Bách môn đổ xô gò má  
Mây thành thổi lửa  
Nẻo Đông Triều khép mở gió kỳ lân  
Chớp rạch dáng tiên vền xiêm xõa ngủ  
Thoắt chìm  
Gấu đẫy đá Thiên thai  
Đi đâu

Tràng mày xéch vòng cung  
bắn nát chiều mai rắng đỏ  
Châu châu ma vờn cổ yếm xây

Không gặp người quen  
hờ  
ngỡ cũ

Đêm xuống  
làm lâu hoang

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Trò chuyện gì ai đâu  
Mồ tháng giêng mưa sũng  
Đầm ca dao sáo diều liềm tím lưng trâu*

*Bưởi Nga My sao Mẹ bắt đèo bong*

### **Em Bé Lên Sáu**

*Em bé lên sáu tuổi  
Lủi thủi tìm miếng ăn  
Bố : cường hào nợ máu  
Mẹ bỏ con lay lắt  
Đi tuốt vào trong Nam*

*Từ khi lọt lòng mẹ  
Ăn sữa, ngủ giường êm  
Áo hoa lót áo mềm  
Nào biết mình sung sướng*

*Ngọn sóng đang trào lên  
Ai nghĩ thân béo bợt  
Nhưng người với con người  
Vẫn sẵn lòng thương xót*

*Có cụ già đói khổ  
Lập cập đi mò cua ;  
Bố mẹ nó không còn  
Đứa trẻ nay gầy còm  
Bỗng thương tình cô út  
Cụ nhường cho miếng cơm*

*Chân tay như cái que  
Bụng phình lại ngẩng cổ  
Mắt tròn đỏ hoe hoe  
Đo nhìn đời bỡ ngỡ :  
" Lạy bà xin bát cháo*



HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
*Cháu miếng cơm, thầy ơi ! "*

II

*Có một chị cán bộ  
Đang phát động thôn ngoài  
Chợt nhìn ra phía ngõ  
Nghe tiếng kêu lạc loài .*

*Chị rùng mình nhớ lại  
Năm đói kém từ lâu  
Chị mới năm tuổi đầu  
Liếm lá khoai giữa chợ*

*Chạy vùng ra phía ngõ  
Dắt em bé vào nhà  
Nắm cơm dành chiều qua  
Bẻ cho em một nửa .*

*Chị bần cố nông cốt cán  
Ứa nước mắt quay đi :  
-- " Nó là con địa-chủ  
Bé bỏng đã biết gì  
Hôm em cho bát cháo  
Chịu ba ngày hỏi truy "*

*Chị đội bông lúi lại  
Nhìn đũa bé mờ côi  
Có tìm vết thù địch  
Chỉ thấy một con người*

*Em bé đã ăn no  
Năm lặn ra đất ngủ  
Chị nghĩ : " sau lấy chồng  
Sinh con hồng bụ sữa " .*

## HUỶNH ÁI TÔNG

### III

*Chị phải đành công tác  
Vì câu chuyện trên kia  
Buồng tối lạnh đêm khuya  
Thắp đèn lên kiểm thảo*

*Do cái lưỡi không xương  
Nên nhiều đường lắt léo  
Do con mắt bé tẻo  
Chẳng nhìn xa chân trời  
Do bộ óc chầy lười  
Chỉ một màu sắt rỉ,  
Đã lâu năm ngủ kỹ  
Trên trang sách im lìm  
Do mấy con người máy  
Đầy gân thiếu trái tim*

### IV

*Nào " liên quan phản động "  
" Mất cảnh giác lập trường "  
Mấy đêm khóc ròng rã  
Ngọn đèn soi tù mù  
Lòng vụn lòng câu hỏi :  
" Sao thương con kẻ thù ?  
Giá ghét được đũa bé  
Lòng thành thoi bao nhiêu !"*

### Lá Diêu Bông

*Váy Đình Bảng buông chùng cửa võng*

*Chị thân thơ đi tìm  
Đồng chiều,  
Cuống rạ.*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Chị bảo: Đưa nào tìm được Lá Diêu Bông*

*Từ nay ta gọi là chồng.*

*Hai ngày em đi tìm thấy lá*

*Chị chau mày:*

*Đâu phải Lá Diêu Bông.*

*Mùa Đông sau em tìm thấy lá*

*Chị lắc đầu,*

*Trông nắng vẫn bên sông.*

*Ngày cưới chị*

*Em tìm thấy lá*

*Chị cười xe chỉ ầm trôn kim.*

*Chị ba con*

*Em tìm thấy lá*

*Xòe tay phủ mặt chị không nhìn.*

*Từ thuở ấy*

*Em cầm chiếc lá*

*Đi đầu non cuối bể.*

*Gió quê vi vút gọi.*

*Diêu Bông hời...*

*Ồi Diêu Bông!*

Rét 1959

Nhà thơ Nguyễn Thụy Kha nhận định về thơ Hoàng Cầm: *“Thơ là thế giới tâm linh, là tôn giáo của Hoàng Cầm, là tôn giáo, văn hóa của vùng đất Kinh Bắc. Đọc thơ anh là đọc văn hóa vùng Kinh Bắc. Thơ anh như cánh diều bay cao trên bầu trời Kinh Bắc, bàn tay nhà thơ níu giữ dây diều, đôi chân trần bước đi nhẹ nhàng trên làn gió quan họ. Thơ anh rất đổi mơ mộng, đầy chất trí tuệ và thấm đẫm văn hóa phương Đông...”*

Tài liệu tham khảo:

- Hoàng Cầm Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)

## HUỶNH ÁI TÔNG

### 2) Lê Đạt



#### **Lê Đạt - Đào Công Đạt (1929-2008)**

Lê Đạt tên thật là Đào Công Đạt sinh ngày 10 tháng 09 năm 1929, tại Á Lữ Bắc Giang.

Lê Đạt tham gia cách mạng ngay sau khi cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công. Gần như trong suốt quá trình hoạt động ông đều công tác ở ngành Tuyên huấn, sau lên Tuyên huấn Trung Ương, trực tiếp theo dõi phong trào văn nghệ, văn hóa và giáo dục. Vì vậy ông có dịp tiếp xúc với gần như tất cả giới văn nghệ Cách mạng Việt Nam.

Năm 1954, ông về Hà Nội làm biên tập viên, bí thư chi bộ của báo *Văn Nghệ*, rồi được học lớp tiếp quản để về tiếp quản khu 300 ngày ở Quảng Ninh.

Sau khi Giai Phẩm Mùa Xuân xuất bản, Đầu tiên ông phải lên Tuyên Huấn trung ương làm kiểm thảo 15 ngày, nhưng vẫn làm việc ở báo Văn Nghệ. Sau khi Giai Phẩm Mùa Thu tiếp tục và báo Nhân Văn ra đời, rồi cả hai bị ngưng phát hành. Lê Đạt được chuyển chuyên sang làm ở ban đối ngoại của Hội nhà văn Việt Nam, để không cho tiếp xúc với việc làm báo nữa, sau đó bị truất quyền đảng viên vào tháng 7 năm 1957.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Một năm sau, sau khi dự lớp "đấu tranh tư tưởng" tại Thái Hà Ấp, vào tháng 8 năm 1958, ông chính thức nhận kết quả kỷ luật, bị khai trừ khỏi Hội Nhà Văn và cấm xuất bản trong vòng 3 năm, ông cùng Trần Dần và Tử Phác về Chí Linh lao động cải tạo, ông được phân công đi chăn bò, việc đi lao động cải tạo như vậy kéo dài trong vòng 10 năm, đan xen giữa những khoảng thời gian được về nhà và thời gian phải lên trại. Thực tế hình phạt 3 năm đã kéo dài 30 năm, cho đến năm 1988, khi ông được phục hồi tư cách hội viên Hội Nhà văn và quyền xuất bản.

Năm 2007, cùng với ba nhà thơ khác của Phòng trào Nhân văn-Giai phẩm là Trần Dần, Phùng Quán và Hoàng Cầm, ông được nhận Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật.

Sau chuyến đi thăm Tây Nguyên, ông bị tai biến mạch máu não và từ trần vào lúc 3 giờ 15 phút sáng Thứ hai ngày 21-4-2008 tại Hà Nội, thọ 79 tuổi.

Tác phẩm:

- *Bài Thơ Trên Ghé Đá* (chung với Vĩnh Mai, 1958)
- *36 Bài Thơ Tình* (chung với Dương Tường, 1990)
- *Thơ Lê Đạt Sao Mai* (chung với Sao Mai, 1991)
- *Tập thơ Bóng Chử* (1994)
- *Hèn Đại Nhân* (tập truyện, 1994)
- *Trường ca Bác* (thơ, 1997)
- *Ngó lời* (thơ, 1997)
- *Mi là người bình thường* (tập truyện ngắn, 2007)
- *U75 Từ tình* (thơ và đoản ngôn, 2007)

Trích văn:

### **Thơ và Vật lý hiện đại**

Vào những năm 60 của thế kỷ trước, một sự kiện văn học đã

## HUỶNH ÁI TÔNG

đẩy tôi vào một tình trạng hết sức trầm luân về vật chất cũng như tinh thần.

Như thói quen mỗi khi gặp vận hạn tôi thường tìm đến sách như tìm đến những người bạn tử tế và trường kỳ tận tụy. Tôi nói khó với Hội Nhà văn giới thiệu xin một thẻ đọc thư viện Khoa học tại phố Lý Thường Kiệt.

Đây là việc tôi cân thiết trên hai phương diện: một là kiếm sống, thư viện có nhiều tài liệu có thể dịch sinh nhai, hai là bổ sung vốn kiến thức mà tôi cảm thấy còn nhẹ ký cũng như thiếu cập nhật vì đã gần hai chục năm do bận kháng chiến và hoạn nạn tôi không có điều kiện tra dồi.

Từ khi cầm bút tôi đã quan niệm việc cách tân thơ Việt là mục đích quan trọng nhất của đời mình lẽ dĩ nhiên có làm được hay không lại là một chuyện khác). Một hôm một anh bạn trẻ (anh bạn trẻ thời đó hôm nay đã tóc bạc: đó là nhà vật lý lý thuyết Đặng Mộng Lân) giới thiệu với tôi cuốn “Emstein: cuộc đời, tư tưởng và lý thuyết” của Kouznetsov.

Lâu lắm tôi mới được đọc một cuốn sách khoa học viết hấp dẫn đến thế. Tôi đọc đi đọc lại nhiều lần. Cuốn sách đã dạy tôi rất nhiều về lý thuyết tương đối nhưng hơn thế nó còn dạy tôi một bài học lớn lao về cách sống và cách nghĩ của một người tìm tòi.

Khoa học thực nghiệm cổ điển đã đem lại cho nhân loại những bước tiến lớn thoát khỏi những vũng lầy mê tín nhưng nó cũng có nhược điểm là dễ khiến người ta quá chú trọng đến những hiện tượng tai nghe mắt thấy mà lơ là những khía cạnh sâu xa và bí ẩn của tự nhiên mà chỉ tư duy mới nhìn thấy.

Vật lý hiện đại (và thơ hiện đại) khuyến khích những giả thuyết thoát nhìn như rồ dại nhưng có khả năng mở ra những khía cạnh kỳ bí của ngoại giới (cũng như thiết kế những tập hợp chữ

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

mới vượt qua biên giới cảm nhận sang những vùng tri nhận phức hợp và huyền rĩ, chuyển sự chú tâm của người làm thơ vào những tác hiệu (siguthants) đa nghĩa sống động hơn là vào những thụ hiệu (siguihés) minh bạch nhưng căn cỗi).

Lý thuyết về những phôtông đã khẳng định tầm quan trọng hàng đầu của những cấu trúc gián đoạn thay thế những cấu trúc liên tục tăng chế ngữ khoa học cũng như thơ ca trong nhiều thế kỷ.

Đã hết rồi thời đại của những chân lý tuyệt đối. Ngay từ cuối thế kỷ XIX, một nhà triết học Đức với trực giác nhạy bén của một nghệ sĩ thiên tài đã bận tâm đến nguy cơ con người có thể bị ngạt thở vì chân lý.

Ai cũng biết xác suất là trung tâm của vật lý lượng tử mà đã nói đến xác suất không thể không đề cập đến ngẫu nhiên, đến may rủi nó cũng là cơ sở của thơ hiện đại.

Những nguyên lý bất định, nguyên lý bổ sung của vật lý lượng tử đã giải phóng nhân loại khỏi lý thuyết nhân quả tất định từng nhắc cũng như những quy luật nghiệt ngã nhiều khi bảo thủ của ngữ pháp.

Chúng đã đánh một đòn chí mạng vào lý thuyết chết người "loại trừ về thứ ba" của logic cổ điển từng gây thảm họa cho loài người (mà không phải chỉ trong phạm vi tư tưởng). Không nên quên hệ quả cao điểm của nó là định thức "Kẻ nào không đi với ta là chống lại ta". Các nhà vật lý lượng tử đã góp phần thiết kế cho nhân loại một phạm trù mới, cái khác. Từ trước đến nay tư duy cổ điển chỉ vận hành trên hai trục đúng sai giờ đây cái vạc hai chân kia đã thêm một trụ mới, trụ thứ ba về cái khai thác góp phần tạo nên một cách ứng xử mới, mở ra kỷ nguyên đối thoại thay thế cho thói quen độc thoại chuyên chế và bạo lực.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Hesenberg và Bohr được nhân loại tôn vinh không phải đơn thuần như những nhà vật lý kiệt xuất mà còn như những nhà tư tưởng dân chủ quan trọng trong lịch sử.

Không nên quên rằng khái niệm “những trạng thái chung sống” (états coexistants), hệ quả của nguyên lý bổ sung đã xuất hiện trên diễn đàn vật lý rất lâu trước khi khái niệm "chung sống hòa bình" xuất hiện trên diễn đàn chính trị thế giới.

Bài viết này của tôi không phải để nói về những vấn đề thuần túy vật lý mà chủ yếu là để nói lên lòng biết ơn của một nhà thơ già với vật lý hiện đại.

Tôi cũng xin phép được cộng hưởng lời kêu gọi thiết tha của nhà bác học người Bỉ, Prigogine cho một cuộc liên minh mới (nouvelle alliance) giữa khoa học tự nhiên, khoa học nhân văn, triết học, văn học nghệ thuật nhằm tạo nên "một cái nghe mới thú vị" đối với cuộc sống muôn màu muôn vẻ. [Xin xem thêm bốn tiểu luận khác có liên quan của Lê Đạt.

Còn đối với những người theo trường phái “Nghệ thuật thuần túy”, “Nghệ thuật Tháp Ngà”...không liên can đến bất cứ cái gì thì hãy đọc bài tiểu luận nói về mối quan hệ giữa các loại hình nghệ thuật *Người hàng xóm thân thiết* của Lê Đạt.

Trích thơ:

### **Dấu Chân**

*Bãi trắng rằm  
dấu chân cầm văng chủ  
Cát lằm  
tên sóng xóa  
chữ vô tâm  
Tim ù ù*



HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

gió ú

một nguyên âm

### **Bài Thơ Trên Ghế Đá**

*Đêm mưa lạnh*

*Gió không có nhà*

*Những cửa phòng khép lại*

*Mái nhà ấm biết bao nhiêu,*

*Hai bóng người nghiêng nghiêng trên ghé đá*

*Vũ trụ đêm nay làm cửa riêng*

*Một áo che chung*

*Đôi lòng khép lại*

*Mái nhà nào ấm bằng*

*Đôi miệng trẻ gặp nhau*

*Chớp rạch chân trời lóe sáng.*

*Ghé đá bỗng rùng mình*

*Lần đầu tiên trong đời*

*Bỗng thấy chán cuộc đời làm đá.*

*Đêm*

*Ghé đá rủ nhau*

*Từng đôi*

*Từng đôi*

*Khoác tay nhau tâm sự*

*Đi suốt đêm không ngủ*

*Cây trút lá gửi tình hôn mặt nước*

*Mưa gió buồn cũng rủ nhau đi nốt.*

### **Đào Uyên Minh**

*Tin thơm vườn hường đôi lúm*

*Mà hỏi lối Hồng hoa thôn*

*Cười tí ông già gốc liễu*

*Ở ẩn*

*còn trông bích đào*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Cửa chiêm bao  
má cứ cả hoa vào*

### **Nụ Xuân**

*Nụ xuân chớp đông  
hoa xuân chớp hồng  
Chũm cau tứ thì chũm chim  
Ú ở mưa ngàn  
một giấc chim xuân  
Chiều bóng mây  
hay mắt em rọp tím  
Hè thon cong thân nắng cựa mình  
Gió ngổ tình  
xanh nín lộc  
giả làm tỉnh*

Trong bài viết Lê Đạt bị ám ảnh bởi câu chữ. Tác giả P.V. đã nhận xét về Lê Đạt như sau:

*Mượn cách nói của một nhân vật trong truyện võ hiệp Kim Dung, Lê Đạt là người “xem chữ nghĩa quý hơn tính mệnh”. Ông thực sự là một kẻ viết tung hoành giữa “kỳ trận chữ”, ông xứng đáng là một “phu chữ” tận tụy, tận hiến và được chữ “bầu lên nhà thơ” - theo quan niệm của ông.*

Tài liệu tham khảo:

- Lê Đạt Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)

## 2. Những người chủ trương báo Nhân Văn:

Vì *Giai Phẩm Năm 1956* bị tịch thu, nên Văn Cao, Hoàng Cầm, Nguyễn Hữu Đang, Lê Đạt, Trần Dần muốn ra tờ báo khác, nhưng họ không có điều kiện đứng tên xin giấy phép, cũng như không có thì giờ, chuyên môn để giải quyết việc in ấn.

Do đó, học đã mời nhà văn lão thành Phan Khôi đứng tên Chủ nhiệm, họa sĩ Trần Duy làm Thư ký tòa soạn.

### 1) Phan Khôi



**Chương Dân – Phan Khôi (1887-1959)**

Phan Khôi sinh ngày 6 tháng 10 năm 1887 tại làng Bảo An, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, bút hiệu Chương Dân, là con của Phó bảng Phan Trân (tri phủ Điện Khánh) và bà Hoàng Thị Lệ (con gái Tổng đốc Hà Nội Hoàng Diệu). Ông học giỏi Nho văn và đỗ tú tài năm 19 tuổi. Sau đó ông có gặp Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và chịu ảnh hưởng của hai nhà cách mạng này.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1907, ông ra Hà Nội, tham gia phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục và làm việc cho tạp chí *Đông Cổ Tùng Báo*. Khi tờ tạp chí bị cấm ông về Nam Định rồi về Hải Phòng ẩn náu. Ít lâu sau ông lên về Quảng Nam hoạt động trong phong trào Văn Thân cùng với cụ Huỳnh Thúc Kháng. Trong một cuộc biểu tình đòi giảm thuế, tức vụ Trung Kỳ dân biến, ông bị bắt và giam tại nhà tù Quảng Nam đến năm 1914 thì được ân xá.

Ra khỏi tù, ông lại về Hà Nội viết cho báo *Nam Phong*. Vì bất bình với Phạm Quỳnh, ông bỏ Hà Nội vào Sài Gòn viết cho báo *Lục Tỉnh Tân Văn*. Năm 1920, ông lại trở ra Hà Nội viết cho báo *Thực Nghiệp Dân Báo* và báo *Hữu Thanh*. Năm 1928, *Thực Nghiệp Dân Báo* và *Hữu Thanh* bị đóng cửa, ông lại trở vào Nam viết cho báo *Thần Chung* và *Phụ nữ tân văn*, trên báo này số 122 ngày 10-3-1932, ông đã viết bài *Một lối thơ mới trình chánh giữa làng thơ*, phát sinh ra Thơ mới ở Việt Nam từ đó. Năm 1933, Phan Khôi trở ra Hà Nội viết cho tờ *Phụ nữ thời đàm*.

Năm 1936, ông vào Huế viết cho tờ *Tràng An* và xin được phép xuất bản báo *Sông Hương*. Năm 1939, *Sông Hương* đóng cửa, Phan Khôi lại trở vào Sài Gòn dạy học chữ Nho và viết tiểu thuyết.

Sau năm 1945, tức sau Cách mạng tháng Tám, ông được Chủ tịch Hồ Chí Minh mời từ Quảng Nam ra Hà Nội tham gia kháng chiến với cương vị một nhà văn hóa, sau lại lãnh chức vụ chủ nhiệm Chi bộ Quảng Ngãi của Việt Nam Quốc dân đảng.<sup>[1]</sup>

Ông ở Việt Bắc suốt 9 năm nhưng vì bị bệnh nên phải vào bệnh viện một thời gian.

Cuối năm 1954 hòa bình lập lại, Phan Khôi về Hà Nội cùng với các văn nghệ sĩ khác. Trong thời gian 1956-1957, là một trong những người thành lập tờ *Nhân Văn* và có các bài phê phán

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

giới lãnh đạo văn nghệ lúc bấy giờ, ông bị cấm sáng tác cho đến khi qua đời.

Ông là hội viên Hội nhà văn Việt Nam, từng làm giám khảo trong các giải văn học của hội nhà văn Việt Nam.

Những năm cuối đời, bạn bè xa lánh vì sợ bị nhà cầm quyền gây khó khăn cho họ. Ông mất năm 1959 tại Hà Nội, đám tang của ông do xe song mã chở quan tài, theo sau là gia đình và chỉ có nhà thơ Yên Lan đưa ông về “nghĩa tử là nghĩa tận”.

Mộ của ông được chôn cất tại nghĩa trang Mai Động, sau đó, theo cơn biến động, các ngôi mộ buộc phải di chuyển, những ngôi mộ vô thừa nhận được nhà nước dời đi, hoặc bị san bằng. Do hoàn cảnh khó khăn của gia đình, hay thiếu thông tin, mộ ông Phan Khôi đã nằm trong những ngôi mộ vô thừa nhận, đến nay ngay cả con cháu ông cũng không biết mộ ông ở đâu.

Năm 2007, kỷ niệm 120 năm ngày sinh của ông, Một tọa đàm về ông đã được Tạp chí Xưa và Nay, Hội khoa học lịch sử Việt Nam tổ chức. Loạt sách *Phan Khôi - Tác phẩm đăng báo*, do nhà nghiên cứu Lại Nguyên Ân sưu tầm, cũng được xuất bản một số tập.

Tác phẩm:

- *Bàn về tế giao* (1918)
- *Tình già* (thơ mới - 1932)
- *Chương Dân thi thoai* (1936)
- *Trở vỏ lừa ra* (1939)
- *Tìm tòi trong tiếng Việt* (1950)
- *Chủ nghĩa Mác và ngôn ngữ* (dịch của Stalin, 1951)
- *Việt ngữ nghiên cứu* (1955)
- *Dịch Lỗ Tấn* (từ 1955 đến 1957)
- *Ngẫu cảm* (thơ chữ Hán)

## HUỶNH ÁI TÔNG

- *Viếng mộ ông Lê Chất* (thơ chữ Hán)

- *Ông Năm chuột* (truyện ngắn)

Ông cũng là một trong những người dịch Kinh Thánh sang tiếng Việt.

Trích văn:

### **Tư tưởng của Tây phương và Đông phương**

Hiện trong thế giới có hai thứ văn minh, là văn minh Tây phương và văn minh Đông phương. Hai cái văn minh ấy khác nhau là do tại hai đảng tư tưởng khác nhau. Tây phương gồm cả các nước châu Âu châu Mỹ mà nước Pháp là một; Đông phương gồm cả các nước châu Á, mà nước ta là một. Tư tưởng của Tây phương phát nguyên từ Hy Lạp, La Mã, Hê-bơ-rơ, song bây giờ đã hỗn thành ra một nền tư tưởng Tây phương, nên ở đây gọi chung là tư tưởng Tây phương. Tư tưởng Đông phương có hai tua lớn, một là Ấn Độ, một là Tàu, mà ta thuộc về tua Tàu, nên ở đây chỉ lấy Tàu làm trọng.

Người ta thấy bên Tây về đường vật chất phát đạt tinh xảo hơn bên Đông, rồi cho rằng văn minh Tây phương là vật chất văn minh, còn văn minh Đông phương là tinh thần văn minh. Nói như vậy là lầm. Những cái thuyết tự do bình đẳng, là phần hệ trọng nhứt trong văn minh Tây phương, chẳng phải tinh thần là gì? Bên nào cũng có tinh thần vật chất cả, chẳng qua vật chất tùy theo tinh thần của mỗi bên mà hiện ra hai vẻ khác nhau. Cái tinh thần ấy tức ở đây tôi gọi là tư tưởng.

Ba điều tôi sắp giải ra dưới này chỉ là từ trong hai cái văn minh ấy mà rút ra mỗi bên ba cái yếu điểm; ngoài ra, mỗi cái văn minh hoặc giả đều có chỗ hay chỗ dở thì tôi không kể đến. Tôi cũng không có ý so sánh bên nào hơn, bên nào kém; cốt muốn tỏ ra cho biết hai bên trái ngược nhau, không thể dung nhau mà thôi.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

**1. - Tây phương chuộng khoa học, Đông phương chuộng huyền học.** - Theo ý người phương Tây, mọi sự vật trong thế gian bất kỳ lớn hay nhỏ, thấy được hay không thấy được, hễ mình muốn biết thì phải biết cho đến nơi, cho đâu ra đó, chớ không được mập mờ, không được lộn xộn. Bởi vậy họ phải làm ra cái cách để mà biết. Đối với một sự vật gì, họ cứ nhặt lầy những cái kinh nghiệm mỗi khi một ít, những cái tri thức mỗi nơi một chút, rồi quán thông lại, lập ra những cái nguyên tắc, công lệ, và những cái thuyết có thông hệ, mà ai cũng không cãi được nữa, thì bấy giờ sự biết mới đích xác và sự học về sự vật ấy mới thành. Ấy gọi là khoa học.

Ở phương Tây bây giờ hầu như mỗi một sự vật gì là có một khoa học. Không những thiên văn, địa văn, quang, điện, chánh trị, pháp luật có khoa học mà thôi; cho đến nuôi gà, trồng rau cũng có khoa học nữa. Triết học ngày xưa đứng ngoài khoa học, mà bây giờ người ta cũng dùng phương pháp khoa học để nghiên cứu triết học. Họ chia khoa học ra làm ba loại: là Tự nhiên khoa học, Xã hội khoa học và Tinh thần khoa học. Những tên riêng từng khoa thì nhiều lắm, không hơi sức đâu mà kể.

Đây cử ra một khoa y học để cho biết cái vẻ khoa học của họ là thế nào. Y học lại gồm có nhiều khoa học khác nữa, nào là: Sanh lý học dạy về sự kết cấu và tác dụng của các cơ thể trong mình người ta; Giải phẫu học dạy về từng cái xương từng mạch máu trong mình người ta; Bệnh lý học dạy về các chứng bệnh; Dược vật học dạy về các vị thuốc; tất phải biết ngần ấy khoa học mà thiết hành ra được đã rồi mới làm nên thầy thuốc. Đến khi chữa bệnh, thầy thuốc nói bệnh tại tim, ấy là trái tim thiệt bị đau; nói bệnh tại phế, ấy là phổi thiệt bị đau. Đau tim đau phổi cách làm sao thì uống thuốc gì, đều có phương nhưt định cả, phải theo khoa học chớ không được theo ý riêng của thầy thuốc.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Tóm lại, người phương Tây biết được sự vật gì đều là do khoa học cả. Khoa học đã thành ra như cái tách riêng của họ.

Sự học phương Đông thì thật là mênh mông và mầu nhiệm. Kẻ học cứ sách mà đọc tràn đi rồi hiểu được chừng nào thì hiểu. Những sự vật mà ta muốn biết, tán mạn ra trong sách mỗi nơi một ít, không có xâu suốt lại thành từng món một, và cũng không có đặt ra phương pháp gì để noi đó mà tìm tòi. Sách thì dạy trước bác mà sau ước. Kinh Thơ nói vô số là chuyện, rồi ước lại một chữ Trung, Kinh Lễ nói vô số là chuyện rồi ước lại một chữ Kính; bác thì cực kỳ là bác, mà ước thì cực kỳ là ước. Đến Kinh Dịch mới là ảo diệu vô cùng: quẻ Kiền có nói đến "rồng bay" (long phi), mà kỳ thiết không phải là rồng bay; quẻ Khôn có nói đến "ngựa cái" (tản mã), mà kỳ thiết không phải là ngựa cái; chẳng qua nói bóng vậy thôi, không khác nào "con rồng có bảy đầu mười sừng" và "con thú ở dưới đất lên" đã nói trong sách *Khải huyền* của kinh *Tân ước*. Sách *Xuân thu* cũng vậy, nói "Doãn thị chết" song không trọng tại Doãn thị chết mà trọng tại cái ý chê thể khanh; nói "thiên vương đi săn", song không phải đi săn mà là bị chur hầu bắt hiếp. Càng những chỗ sâu hiểm éo le như vậy, thì lại càng tôn cho là vi ngôn đại nghĩa. Cứ theo sách thì những âm dương, ngũ hành, cũng đều là những cái giả tượng mà thôi, chớ không phải chỉ ngay về hiện trạng và thiết tế mà ta ngó thấy đâu. Vì vậy cho nên gọi là huyền học.

Người nào đã chịu phép "báp tem" của huyền học rồi thì ra làm việc gì cũng đều được cả, bất cứ việc gì, vì "vận dụng do ư nhưt tâm". Một ông quan có thể coi việc bộ Hộ rồi coi việc bộ Hình, luôn cả sáu bộ cũng được, và có khi ra làm tướng đánh giặc cũng xong. Còn các nghề thợ thì nhưt thiết không có học gì cả, hễ tập quen thì làm được, ăn thua nhau là tại cái sáng dạ.

Nói đến nghề làm thuốc của ta mới càng tỏ ra cái vẻ huyền học, và để cho nó phản chiếu lại nghề làm thuốc của Tây vừa nói trên kia. Bắt đầu dạy về ngũ tạng: tâm, can, tì, phế, thận, thì



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

dạy rằng nó hiệp với ngũ hành, phối với ngũ vị, ứng với ngũ phương và tứ thời. Dạy về dược tánh thì: một vị bạch truat mà chủ cả công cả bổ, đã kiện tì cường vị, lại trị thấp, bĩ, hư đàm; cần cương sao hắc thì nhập thận; hỏi tại làm sao thì bảo rằng vì "thận thuộc thủy, kỳ sắc hắc". Những điều ấy nếu bắt cứ theo phương pháp khoa học mà giải nghĩa thì không tài nào giải ra được. Đến lúc trị bệnh, thầy thuốc nói là bệnh phong, nhưng phong đó không phải là gió; nói là bệnh thấp, nhưng thấp đó không phải là ẩm ướt; thậm chí nói bệnh tại phế, tại can, nhưng thiết không phải là đau phổi hay đau gan. Những chữ phong, thấp, phế, can đó chẳng qua là một thứ chữ trừu tượng chớ không phải cụ thể. Còn đến cho thuốc thì cùng một bệnh mà mỗi thầy đi một mặt: thầy thì hàn, thầy thì nhiệt, thầy thì bổ hỏa, thầy thì lợi thủy, thầy thì ít vị, thầy thì nhiều vị, mỗi thầy đều kê phương dụng dược theo ý mình. Ôi! huyền diệu là dường nào!

Đại ý huyền học không lấy khách quan mà xem xét mọi sự vật,

chỉ lấy chủ quan mà ứng tiếp nó. Kẻ học, sau khi đã học nhiều rồi, đã hội được vạn lý vào nhứt tâm rồi, thì có thể đem cái tâm ấy ra mà đối phó với mọi sự vật chớ không theo y như sự mình đã học; như vậy sách Nho gọi là "thần nhi minh chi". Ấy huyền học tương phản với khoa học là tại đó.

**2. -Tây phương trọng tự chủ, Đông phương trọng thống thuộc.** - Chữ tự chủ ở đây nghĩa là mỗi người làm chủ lấy mình, cũng tức là cá nhân chủ nghĩa. ở phương Tây, nói rằng "một người", nghĩa là đối với thế giới, đối với quốc gia mà nói, chớ không phải phiếm nhiên. Đã gọi là người, thì người nào cũng vậy, ai ai cũng có cái địa vị cái tư cách đối với thế giới đối với quốc gia, thật như ta thường nói "đội trời đạp đất ở đời". Như vậy, người nào tự chủ lấy người ấy, không ai thuộc về ai cả.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Bởi đó mới có sự tự do. Một người đã tới tuổi thành nhân rồi thì không còn ở dưới quyền cha mẹ nữa. Mà cũng không ở dưới quyền chánh phủ hay là dưới quyền ông nguyên thủ, song chỉ ở dưới quyền pháp luật. Một người được y theo trong vòng pháp luật mà tự do. Pháp luật cho mọi người được tư tưởng tự do, ngôn luận tự do, cư trú tự do,... những quyền tự do ấy, người khác - dầu là cha mẹ nữa - không được can thiệp đến. Pháp luật đặt ra cốt là hạn chế sự tự do của từng người để bình vực sự tự do cho từng người.

Lại bởi đó mới có sự bình đẳng. Mọi người đối với quốc gia xã hội đều có nghĩa vụ và quyền lợi bằng nhau. Ai nấy đều phải nộp thuế, đều phải đi lính, thì ai nấy đều được hưởng quyền tự do của pháp luật. Trước mặt pháp luật, ai cũng như nấy, hễ có tội thì bị phạt, không cứ ông nguyên thủ hay là người bình dân. Pháp luật đặt ra cũng cốt để duy trì sự bình đẳng giữa từng người.

Bởi mỗi người đều có địa vị tư cách vững vàng, tự chủ lấy mà không xâm phạm đến ai như vậy, cho nên khi hiệp với nhau thành đoàn thể thì chỉnh tề và ổn kiện lắm. Quốc gia, tức là của chung của quốc dân; hội xã tức là của chung của hội viên; đối với quốc gia xã hội ai có bổn phận gì thì làm hết bổn phận ấy, có lợi ích thì mọi người cùng hưởng. Mới nghe họ nói những là "quốc gia lợi ích, xã hội lợi ích" thì tưởng là xung đột với chủ nghĩa cá nhân, mà xét kỹ ra thì những cái lợi ích ấy cũng chỉ là lợi ích cho từng người vậy.

Các nước bên Tây đều dùng cái chánh thể lập hiến, cộng hòa được, là nhờ họ sẵn có cái tư tưởng như đã nói trên đó. Cái tư tưởng ấy tức là cái tinh thần dân chủ.

Nói đến Đông phương. Theo cái ý nghĩa chữ "một người" ở phương Tây, thì ở phương Đông, trừ ông vua ra, hầu như không có "người" nào hết. Bởi vì "xuất thô chỉ tân, mạc phi vương thần", ai cũng là thần thiếp của vua, ai cũng là dân của

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

vua. Cứ như sách dạy, nhân thần không được tư giao với ngoại quốc, ấy là không có tư cách đối với thế giới; thứ nhân không được nghị luận việc chánh, ấy là không có tư cách đối với quốc gia. Bởi vậy ai nấy phải nộp của cải cho vua, nộp cả đến thân mình nữa; vua thương thì nhờ, bằng vua không thương mà giết đi cũng phải chịu. Như vậy gọi là trọn cái bốn phận thờ bề trên; như vậy gọi là thiên kinh địa nghĩa.

Không những thuộc về vua mà thôi, ai còn có cha mẹ đến chùng nào thì phải kể cái thân mình là của cha mẹ đến chùng nấy. Lại không những cái thân mà thôi, mình dầu có của cải, có vợ con, cũng phải kể là của cha mẹ. Theo kinh Lễ dạy: Con yêu vợ mà cha mẹ ghét, thì con phải để vợ đi; con ghét vợ mà cha mẹ yêu, thì con phải hòa thuận với vợ. Lại dạy: có dư của thì nộp cho tông, thiếu thì lấy của tông. Tông là người tông chủ trong gia đình, tức là cha mẹ. Còn chưa kể đến những lời tục thường nói "Cha mẹ đặt đâu ngồi đó, bảo chết hay chết, bảo sống hay sống" thì lại còn nghiêm khắc quá nữa.

Trọng nhứt là vua và cha mẹ, rồi thứ đến quan, làng, họ, cũng

đều có quyền trên một người. Quan, nào có phải một ông, có đến năm bảy lớp, cứ dùi đánh đục, đục đánh sãng, rút lại trăm sự chi cũng đổ trên đầu người dân cả. Người trong làng thì kể như con của làng, cho nên nói rằng "con làng nhờ làng". Người trong họ đối với họ cũng vậy.

Ấy vậy, lấy ra một người rông rặt Đông phương mà nói, thì người ấy không tự mình làm chủ lấy mình được; song là thuộc về vua, về cha mẹ, về quan, về làng, về họ, nếu là đàn bà thì còn thuộc về chồng nữa.

Bởi có ấy, trong xã hội ta như một cái thang có nhiều nấc. Nghĩa vụ và quyền lợi của mọi người không đồng nhau: người trên đối với người dưới không có nghĩa vụ; còn ai có nhiều quyền hơn thì được hưởng nhiều lợi hơn. Pháp luật đối với mọi

## HUỖNH ÁI TÔNG

người thì tùy từng bậc mà khác: cùng phạm một tội mà dân bị phạt trọng, quan được phạt khinh; cùng phạm một tội mà kẻ thứ ầu bị phạt trọng, kẻ tôn trưởng được phạt khinh. Theo Tây phương, như thế là bất bình đẳng; song theo Đông phương thì như thế là có trật tự.

Một đảng thì trọng tự chủ, một đảng thì trọng thống thuộc, hai đảng tư tưởng khác nhau, cho nên trình bày ra hai cái xã hội khác nhau. Xã hội Tây phương thì như bầy chim sẻ, con nào cũng một lứa như con nào, và con nào cũng tự kiếm ăn cho con nấy, song cũng hiệp nhau thành bầy. Xã hội Đông phương thì như bầy kiến, có con lớn con nhỏ, con lớn giữ phân cai quản, con nhỏ lo việc đi kiếm ăn, song cũng hiệp nhau thành bầy.

**3. - Tây phương quý tấn thủ, Đông phương quý an phận -** Bên phương Tây hay có những người đi bộ quanh trái đất một vòng, đi tìm đất mới, đi thám hiểm đến Nam cực, Bắc cực, là vì họ có cái tư tưởng trọng sự tấn thủ. Họ không chịu đầu hàng cảnh ngộ và sức tự nhiên, mà lại cố chiến thắng cảnh ngộ và sức tự nhiên. Họ không tin có số mạng; dầu biết có số mạng chẳng nữa, họ cũng lo làm cho hết sức mình.

Vì có cái tinh thần tấn thủ, muốn chiến thắng sức tự nhiên mà lợi dụng nó, nên mới sanh ra các thứ khoa học và làm được những công trình to tát, như là dùng điện khí, hơi nước, bắc cầu trên sông lớn và đặt đường hỏa xa xuyên qua núi, v.v.

Người Đông phương chỉ muốn sống cách làm sao cho êm đềm lặng lẽ. Trời bất thế nào thì hay thế: "Bất phong trần phải phong trần, cho thanh cao mới được phần thanh cao". Sách Nho dạy phải "lạc thiên an mạng", sách Lão dạy phải "tri chỉ tri túc" đều là ý ấy. Trái các đời, những ông vua nào hay đi chinh phục các nước xa, thì bị chê là cùng binh độc võ; những người nào có chí lớn cử đồ việc lớn, thì người ta cho là không biết an thường thủ phận. Ai nấy đều lấy sự ở nhà làm sướng, đi ra làm khổ; đến ông Lão Tử thì lại còn muốn ai ở đâu ở đó, đến già

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
đến chết không qua lại nhau (lão tử bất tương vãng lai) nữa  
kia!

Đối với sức tự nhiên, người phương Đông không dùng chước chiến mà dùng chước hòa; cũng lợi dụng nó mà lợi dụng một cách khác. Một hòn núi to và cao, người Tây có thể vỡ thành đường quanh theo chơn nó mà đi, người Đông thì cứ để vậy mà trèo ngang qua; một cái thác, người Tây có thể dùng sức chảy của nó dựng nên bộ máy mạnh mấy ngàn ngựa, người Đông thì không, chỉ dùng làm chỗ ngắm cảnh và ngâm thơ. Cho nên phương Đông khó lòng mà nảy ra khoa học được; mà như vậy thì cũng không cần dùng khoa học làm gì nữa.

Xem ba điều trên đây thì thấy ra hai cái tư tưởng Đông và Tây nó phản đối nhau như phương nam với phương bắc, như mặt trăng với mặt trời. Nay ta nếu muốn theo cách sanh hoạt mới của Tây phương, mà ta lại còn giữ cả tư tưởng cũ của Đông phương thì quyết không có thể được. ầu là phải dứt bỏ tư tưởng cũ của ta mà theo tư tưởng của Tây phương, thì mới hiệp với cách sanh hoạt mới của ta.

(Bài đăng trên *Đông Pháp thời báo*, Sài Gòn,

các số 774 ngày 27-9-1928 và 776 ngày 2-10-1928)

Trích thơ:

**Cảm Đề Khi Đọc Bản Dịch Thuỷ Hử Của Á Nam Trần  
Tuấn Khải**

*Đời loạn vua hèn quan giết dân,  
Ông thần pháp luật đứng bằng chân.  
Trời sinh theo sắt tuôn ra máu,  
Đổ lại trên đầu lũ bất nhân.*

*Trăm tám người linh, một vẻ hào,*

## HUỶNH ÁI TÔNG

Nằm trên rượu thịt, gói giuom đao.  
Xưa nay nổi việc phường này cả,  
Tú sĩ, phương anh có kẻ nào?

Khăn áo hương hoa lạy Võ Tông.  
Giết người như bác mới anh hùng;  
Một đêm đi đứt mười lăm mạng,  
Hàng máu trên tường nhỏ giọt hồng!

Võ nghệ tuy thường, lượng khác thường  
Gần xa suy phục Hắc Tam Lang.  
Cho hay trong cuộc phong vân đó,  
Ai lượng hơn người, ấy chủ trương.

Này vũng Lương Sơn nay ở đâu?  
Xa trông che khuất mấy ngàn lau!  
Hát anh bài hát sau bia sách,  
Cảm khái riêng ta với Á đầu...

## Tình Già

Hai mươi bốn năm xưa, một đêm vừa gió lại vừa mưa.  
Dưới ngọn đèn mờ, trong gian nhà nhỏ,  
Hai cái đầu xanh kề nhau than thở:  
- Ôi đôi ta, tình thương nhau thì vẫn nặng,  
Mà lấy nhau hẳn là khôngặng,  
Để đến nỗi, tình trước phụ sau,  
Chỉ cho bằng sớm liệu mà buông nhau.  
- Hay! mới bạc làm sao chó?  
Buông nhau làm sao cho nỡ!  
Thương được chùng nào hay chùng nấy,  
Chẳng qua ông Trời bắt đôi ta phải vậy!  
Ta là nhân ngãi, đâu phải vợ chồng.  
Mà tính việc thủy chung?  
Hai mươi bốn năm sau. Tình cờ đất khách gặp nhau.  
Đôi cái đầu đều bạc.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Nếu chẳng quen lung đó nhìn ra được.*

*Ôn chuyện cũ mà thôi. Liếc đưa nhau đi rồi,*

*Con mắt còn có đui.*

(*Lục Tỉnh Tân Văn* số 122 ngày 10-3-1932)

Phan Khôi trước nhất là một nhà báo, về mặt này ông hoạt động từ *Đông Cổ Tùng Báo*, *Nam Phong Tạp Chí* ở Hà Nội, rồi *Lục Tỉnh Tân Văn*, *Thân Chung*, *Phụ Nữ Tân Văn* ở Sài Gòn cho đến *Trường An* và *Hương Giang* ở Huế, như thế ông đã làm báo khắp cả ba miền đất nước Việt Nam, lại là người khởi xướng phong trào Thơ mới, cho nên tên tuổi ông, người trí thức, độc giả khắp cả nước đều biết đến qua những bài báo giá trị của ông.

Ông từng tham dự cuộc biểu tình đòi giảm thuế được mệnh danh là cuộc Trung kỳ dân biến, bị tù đày. Trong những năm kháng chiến chống Pháp ông từng tham gia kháng chiến, lên vùng Việt Bắc để dịch các tài liệu cho cách mạng, sau khi miền Bắc hòa bình, công cuộc Cải Cách Ruộng Đất thất bại, Phan Khôi tham gia đứng tên Chủ nhiệm báo *Nhân Văn* để tiếp tay *Giai Phẩm* trình bày nguyện vọng lên lãnh đạo đảng đề: *yêu cầu tự do sáng tác, trả quyền lãnh đạo văn nghệ về tay văn nghệ sĩ*. Vụ án Nhân Văn – Giai Phẩm xảy ra, ông can đảm nhận chịu những oan khiên cho đến khi nhắm mắt lìa đời.

Tên tuổi vậy, mà ngày nay ông không có một nấm mồ, để hậu thế tưởng niệm ông, đặt lên đó một cành hoa!

Tài liệu tham khảo:

- Phan Khôi Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)

## HUỶNH ÁI TÔNG

### 2) Trần Duy



#### **Trần Duy - Trần Quang Tăng (1920- )**

Trần Duy tên thật là Trần Quang Tăng, sinh năm 1920, tại Huế trong gia đình quan lại, ông nội ông từng làm Tham tri bộ Lễ, Thượng thư Bộ Hình, về hưu lại được vời ra làm Tổng đốc Quảng Bình, Quảng Trị.

Thuở thiếu thời ông học tiểu học ở Quy Nhơn, Bình Định rồi Trung học Khải Định ở Huế, ông có bằng Tú Tài.

Năm 1940, ra Hà Nội học ở trường Mỹ Thuật Đông Dương.

Năm 1945, chưa tốt nghiệp trường Mỹ Thuật Đông Dương, cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 xảy ra, ông theo kháng chiến, cùng với Hoàng Minh Chính đánh phá phi trường Gia Lâm, nhưng thất bại. Ban Chỉ Huy giải tán, ông được giới thiệu với tướng Song Hào ở khu 10 (Tuyên Quang-Phú Thọ), ông được chỉ định làm việc ở ban dịch vận, vẽ và viết cho báo *Sông Lô*.

Khoảng tháng 3 năm 1950, ông được Nguyễn Huy Tường nhận vào Hội văn nghệ Việt Nam, rồi tham gia Cải Cách Ruộng Đất tại Yên Thế, Bắc Giang. Trong công tác này, ông



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

không đồng tình nên bị thải hồi về Hội văn nghệ với án kỷ luật: Chống cải cách ruộng đất.

Sau khi Hà Nội được tiếp thu năm 1954, ông theo Lê Chát người phụ trách ban thương nghiệp, vận động những người có tài sản gia nhập các tổ chức kinh doanh mới. Sau gần 1 năm hoạt động những người bỏ vốn trở thành đối tượng cải tạo tư sản, những người này đâm ra oán ghét ông.

Hậu quả việc tham gia Cải Cách Ruộng Đất và Cải tạo tư sản, làm cho ông đối lập với thời cuộc, trong nhận thức bế tắc đó, ông muốn đóng góp xây dựng chế độ dân chủ. Do đó, ông đã gặp nhóm chủ trương Nhân Văn với Văn Cao, Hoàng Cầm, Lê Đạt, Nguyễn Hữu Đang, nhưng họ là Đảng viên, không thể đứng đơn xin phép xuất bản báo, ông có điều kiện này và họa sĩ nên có thể quán xuyến bài vở, trình bày tờ báo và giao tiếp thường xuyên với nhà in.

Sau khi Nhân Văn – Giai Phẩm bị đình bản, ông có bị công an hỏi cung, nhưng không bị bắt, cũng không bị đi thực tế lao động ở nông trường như những người khác trong nhóm này, ông cũng bị cô lập, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, nên gửi thư cho thủ tướng Phạm Văn Đồng, sau đó ông được giúp đỡ, bố trí cho đi làm ở Công ty Mỹ Thuật thuộc sở Văn hóa Hà Nội vẽ những áp phích chánh trị, chống Mỹ-Diệm ..., họ sử dụng ông như một thợ vẽ, nên ông thôi việc và sau đó vẽ bưu thiếp, tranh lụa bán để sinh sống. Nhà xuất bản quân đội nhờ ông dịch những cuốn: *Người Lô-Lô*, *Histoire d'une paix manqué* (Lịch sử một nền hòa bình bị phá sản), sách dịch trả công đếm theo hàng ngàn chữ, nhưng không phát hành.

Năm 1987, thủ tướng Võ Văn Kiệt, chủ trương đổi mới, “cởi trói” cho văn nghệ sĩ Nhân Văn – Giai Phẩm, từ đó ông được triển lãm tranh, sách ông viết được in ấn phát hành.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Đời sống của ông khép kín, vì ít giao tiếp với bạn bè, sau khi mọi người có liên hệ mật thiết với Nhân Văn – Giai Phẩm đã qua đời, ông cho phổ biến bài “*Một câu hỏi còn chưa được trả lời*” năm 2009, nhờ thế người ta được biết thêm về *Nhân Văn*.

Tác phẩm:

- *Trần Duy* (Mỹ Thuật, 1997)
- *Cảm luận về nghệ thuật* (Mỹ Thuật, 2002)
- *Kí họa trên đất Pháp* (HNV, 2008)
- *Suy nghĩ về nghệ thuật* (HNV, 2008)
- *Người xem và tác phẩm* (2010)
- *Triển lãm tranh năm 1994*
- *Triển lãm tranh năm 2005*

Trích văn:

### **Tưởng niệm về Phan Khôi**

Tên ông Phan Khôi tôi được nghe lúc tôi còn học trường Trung học Khải Định tại Huế.

Năm 1947-1948, tên nhà văn Phan Khôi lại đến với tôi trong một hội nghị văn hóa tại Hạ Hòa, Phú Thọ, sau đó là lớp chính huấn tại Việt Bắc.

Năm 1949 tôi lại được ăn ở cùng lán với nhà văn Phan Khôi tại cây số 7 đường Tuyên Quang, là cơ quan của Hội Văn nghệ.

Năm 1956-1957, một số anh em văn nghệ đề nghị nhà văn Phan Khôi giúp họ ra tờ báo *Nhân văn* mà ông làm Chủ nhiệm, còn tôi làm Thư ký tòa soạn.

Đầu năm 1959 anh Phan Thao là con cả của ông báo tin cho tôi: Bác Phan mất! Tôi đến hôm liệm bác, anh Phan Thao nhắc

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

tờ giấy đắp mặt và tôi được nhìn bác lần cuối cùng lúc 10 giờ sáng ngày 17 tháng 01 năm 1959.

Năm thời điểm ấy của đời tôi cũng là năm dịp may tôi được tiếp xúc với một con người mà nhiều người đều biết, đều e ngại, đều cảm phục, và cũng là một tên tuổi mà trong chúng ta không ít người coi như một ẩn số cần nghiên cứu và tìm hiểu.

Tôi không nhằm nghiên cứu về sự nghiệp văn học của Phan Khôi, vì vậy hôm nay, nếu tôi được trình bày một vài ý nghĩ về ông Phan Khôi thì cũng chỉ là một vài hoài niệm riêng tư bên lề đời sống của con người ấy mà thôi.

\*

Vì tôi làm nghề vẽ nên nhìn người thiên về cái đẹp của sắc diện, do đó tôi ngắm nét mặt Phan Khôi đẹp như một tác phẩm điêu khắc tạc vào đá, như đồng bộ nói lên cái khí tiết, cái cương nghị, cái quắc thước của con người Phan Khôi. Nhưng nếu sống gần ông thì vẫn thường nghe từ ông tiếng chếp miệng, tiếng thở dài của một tâm hồn nhạy cảm.

Trong giao tiếp ông là người rất ít nói, nếu cần phải nói thì cũng nói rất ngắn gọn mà có người không hiểu cho là bần gất. Ông ít nói về người thứ ba, nếu phải nói thì ông thường dùng "ông ấy", "anh ấy", không mấy khi ông dùng "hắn" hay "nó".

Những ngày gặp nhau trong lớp chỉnh huấn mọi người trở nên ít nói, không vui đùa. Không khí trở nên nặng nề và dè chừng. Khi yêu cầu viết tự thuật tiểu sử sơ lược, anh Văn Cao đến tìm tôi và nói:

“Cậu nên nói qua về quan hệ gia đình, nếu không người ta cho là giấu thành phần, không thành khẩn thì việc học tập thiếu kết quả.”

## HUỶNH ÁI TÔNG

Trong số những người nghe câu ấy có ông Phan Khôi; ông hỏi tôi:

“Hiện anh có còn quan hệ với những người anh vừa kể tên không?”

Tôi trả lời:

“Không!”

Ông Phan Khôi cười :

“Chẳng ai biết ai, thì kể ra cũng chẳng ích gì cho ai.”

Tôi hỏi:

“Nhưng nói ra như vậy có sao không?”

Ông trả lời:

“Ngày nào thì lo ngày ấy, biết thế nào để mà lo trước.”

Tiếp năm ấy có hội nghị văn hoá tổ chức tại Hạ Hoà, Phú Thọ. Trong hội nghị có thuyết trình về *Truyện Kiều*, do đó cần chân dung Nguyễn Du. Ông Tố Hữu gọi tôi và bảo tôi vẽ chân dung Nguyễn Du, tôi nói không có tài liệu nào tả về Nguyễn Du để vẽ. Ông Tố Hữu cười và bảo:

“Cứ vẽ một nhà nho, trí thức, đẹp.”

Anh Tú Mỡ đứng cạnh đó, nói thêm:

“Nhớ là nhà nho râu ba chòm.”

Trên những hiểu biết ấy tôi lấy giấy bút vẽ chân dung Nguyễn Du. Tôi nghĩ chắc chắn có ai để ý đến bức tranh đó, nhưng tôi

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
đã nhàm. Có một người đã để ý đến bức tranh, người ấy là ông  
Phan Khôi. Cuối buổi họp ông Phan Khôi gặp và hỏi tôi:

“Anh dựa vào đâu để vẽ Nguyễn Du?”

Tôi lúng túng đáp:

“Mọi người bảo cháu vẽ, và chẳng có tài liệu nào cả.”

Ông bảo tôi ngồi xuống cạnh ông, rồi ông nói:

“Lời nói gió bay. Nhưng viết thành văn, vẽ thành tranh thì không dối trá được. Đối với một nhân vật lịch sử như vậy mà anh dối trá đến thế, thì rất có thể có rất nhiều dối trá kiểu như thế tồn tại trong lịch sử.”

Lần đầu tiên có người răn đe tôi về việc làm hàng nghệ thuật giả.

Sau một thời gian qua nhiều nơi công tác, anh Nguyễn Huy Tường gọi tôi về Hội Văn nghệ, trụ sở đóng ở cây số 7 đường Tuyên Quang, và tôi đã thành hàng xóm, cùng lán với ông Phan Khôi.

Một dãy lán dài, chia thành từng ô cho mỗi người, bắt đầu từ ông Phan Khôi, Trần Duy, đến Xuân Diệu, Trần Văn Cẩm, Kim Lân... và cuối cùng là Phùng Cung.

Mỗi người trong tập thể ấy đều phải nghĩ kế để cải thiện bữa ăn của mình. Người trồng thuốc lá, người trồng cải, trồng cà chua, có người đánh cá về ăn, có khi đổi, bán cho anh em. Riêng ông Phan Khôi nuôi hai con gà, mỗi sáng đều đặn có hai quả trứng tươi, hôm nào gà kém ăn thì chỉ một con đẻ. Nhưng có một hôm ông ra lấy trứng về dùng, phát hiện trong hai quả trứng thì có một quả đập ra chỉ toàn là nước. Anh Phùng Cung nói: có thể trứng bị răn ăn. Ông Phan Khôi thắc mắc: răn ăn bằng cách gì mà không thấy vỏ trứng có vết nứt? Nhưng sau hỏi qua Kim

## HUỶNH ÁI TÔNG

Lân mới biết đó là một trò đùa: Phùng Cung lấy kim tiêm rút hết lòng trứng, bơm nước trở lại, rồi lấy vôi bít kín lỗ kim. Tôi bảo Phùng Cung đến xin lỗi, bác Phan vui vẻ nói:

“Việc đầu tiên tôi vui vì đã biết được cái cách rắn ăn trứng của anh Phùng Cung. Tôi không tiếc quả trứng, nhưng tôi tiếc thì giờ để thắc mắc về cái cách rắn ăn trứng, về cái thật và cái dối.”

Ông nhìn Phùng Cung, cười và tiếp:

“Ang thông minh và hóm hỉnh đấy, nhưng dễ dễ cho mọi người hiểu lầm là dối trá thì nguy hiểm!”

Đạo ấy rét, tôi nằm cạnh giường ông Phan Khôi, suốt đêm nghe ông trần trọc, có thể là thiếu chăn, lại giường nửa ọp ẹp. Tôi ngồi dậy cùng thức với ông vì cũng khó mà ngủ được bên cạnh một người không ngủ được. Sáng hôm sau tôi nghĩ ra cách lấy lá chuối khô xé nhỏ lót xuống dưới chiếu làm đệm. Quả nhiên là từ đêm đó về sau ông ngủ ngon.

Có lần tôi sốt, nằm bẹp cả mấy ngày. Có thể là sốt rét. Ông Phan Khôi tỏ vẻ lo lắng vì mấy ngày liền tôi không ăn uống gì. Ông chép miệng:

"Nếu có một ít đường pha với chanh uống thì tốt."

Nhưng hỏi ấy lấy đâu ra đường với chanh! Suốt ngày hôm ấy tôi nằm liệt cho tới sẩm tối mới tỉnh, thấy ông Phan Khôi đi từ bếp lên, tay bưng một cái bát. Ông bảo tôi:

"Phở Đất đó, cố gắng ăn đi."

Ông chủ cửa hàng phở ở vùng đó có tên là Đất, nổi tiếng vì bán một thứ canh bánh đa khô, thêm một ít thịt gà hoặc thịt lợn. Ông Phan Khôi cười:

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

"Phải lấy một cái ống nứa để đựng nước phở! Vì tên gọi là phở thì cứ phải ăn như phở!"

Tôi vẫn biết ông không có tiền, nhưng nếu có ông cũng không bao giờ cho ai vay mượn. Ông không làm phiền ai và cũng không bao giờ muốn ai làm phiền mình nếu đó không phải là việc bắt buộc phải phiền. Thế là từ ngày ấy, tôi đã nợ ông một món nợ khó trả!

Năm 1954. Sau chiến dịch Điện Biên Phủ, vào đầu tháng 6, tôi được điều về Tuyên Quang làm việc tại Phòng dịch vận của Trại tù binh đóng ở núi Cốc. Ông Phan Khôi đến trại thăm tôi và cho biết cơ quan Hội Văn nghệ đóng ở cây số 7 sắp chuyển về xuôi. Ông sợ lúc đi không kịp gặp nên ghé lại thăm tôi trước. Từ ngày đó tôi không gặp lại ông, cho tới 14/10/1954 tôi về Hà Nội cùng Hội Mỹ thuật.

Về Hà Nội lần này, tôi gặp ông, được biết ông đang dịch Lỗ Tấn và thuộc biên chế Hội Văn nghệ, ở ngay 51 Trần Hưng Đạo. Ông được Hồ Chủ tịch tặng quà. Ông có chế độ người giúp việc, chính là bà Nguyễn Thị Huệ, vợ hai của ông từ Quảng Nam cùng gia đình tập kết ra Bắc đầu năm 1955. Tôi mừng lắm!

Nhưng cũng chính vì ở ngay trong Hội mà ông được mục sở thị những gì không mình bạch trong việc chấm giải thưởng văn học và những giải thưởng khác. Con người ông có một bản tính là đặc biệt dị ứng với sự dối trá, gian dối và lừa đảo. Bản tính đó, tự nó, hình thành trong ông những bất đồng với một số người phụ trách Hội. Mỗi bất đồng ấy lan dần đến các người lãnh đạo khác.

Một hôm có vị phụ trách cao cấp đến Hội nói chuyện với số đông anh em văn nghệ sĩ về vấn đề sáng tác, về dân chủ, về chế độ đãi ngộ, về ý thức phục vụ cách mạng và phê phán thái độ làm công ăn lương. Sau cùng vị này có dẫn ví dụ về chuyện có

## HUỶNH ÁI TÔNG

người nhận định sai lầm về dân chủ, thái độ sai của người này về đấu tranh đòi dân chủ. Nghe xong buổi nói chuyện, mấy hôm sau gặp tôi, ông Phan Khôi nói:

"Một người cao cấp của một cơ quan đấu tranh cho dân chủ mà định nghĩa dân chủ như vậy, thì rất nguy hiểm cho những ai muốn đấu tranh cho dân chủ."

Ông chép miệng, nói tiếp:

"Người được nói đừng nói lấy được!"

Tiếp sau đó là sự việc chấn động của bài thơ "Nhất định thắng" của Trần Dần. Người ta tổ chức một cuộc họp ở ngay trụ sở Hội, 51 Trần Hưng Đạo. Qua bình đọc, trao đổi với nhiều nhận xét, lãnh đạo cuộc họp kết luận: "Bài thơ có xu hướng phản động..., có gián điệp nhúng tay vào!...".

Người nói lời sau cùng là một nhà văn lớn:

"Đây không còn là một bài thơ của văn chương, mà là một tài liệu gián điệp."

Rời cuộc họp, trên đường đi về, ông Phan Khôi nói với tôi:

"Ông ấy nhận định về sự nghiệp văn học của một con người mà như khen chê một bát phở!"

Rồi ông hỏi tôi:

"Anh có biết anh Trần Dần không? Và anh có đọc bài thơ đó không? Theo tôi thì bài thơ không đáng để làm to chuyện."

Thật ra tôi không mấy lưu tâm đến phần thơ ca của Hội vì tôi đang chú tâm vẽ bức tranh "Công xưởng xe lửa Gia Lâm" (Cho đến nay tôi vẫn còn lưu giữ tài liệu và các ký họa của bức tranh dở dang này). Có lần tôi mời họa sĩ Mai Văn Nam là bạn học



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

cũ từ trường Quốc học Huế, đến xem và cho ý kiến. Anh Nam xem tranh và nói:

"Cậu không hiểu biết về công nhân mà lại vẽ về công nhân nên cậu sẽ bơi trong một đề tài không thuộc về cậu."

Nhận xét ấy nhắc tôi nhớ lời răn của ông Phan Khôi khi tôi vẽ chân dung Nguyễn Du, nên tôi nhờ ông Phan Khôi tới xem. Tôi nhắc lại ý kiến của Mai Văn Nam cho ông nghe. Ông xem các ký họa, các tranh nghiên cứu về công nhân, và nói:

"Thật ra anh đã yêu đề tài này chưa? Nếu vì một lý do nào đó buộc mình phải cưỡng, đến nổi tranh không có hồn thì hỏng, tranh chết và người vẽ cũng chết theo."

Tôi bỏ không vẽ bức tranh đó nữa, và cũng từ đó tôi rơi vào khủng hoảng: Vẽ cái gì là đẹp? Và đề tài nào thuộc về tôi? Phù hợp với tôi?

Tôi bước theo cuộc kháng chiến có lẽ vì tuổi trẻ cần phải làm cái gì đó cho tuổi trẻ. Tôi bước theo cuộc kháng chiến như một người mộng du, theo cách mạng mà không hiểu cách mạng đi về hướng nào, nên gặp việc gì thì làm việc ấy. Gặp anh Hoàng Minh Chính bàn việc đánh trường bay Gia Lâm, thì tôi tham gia đội quyết tử quân đánh trường bay Gia Lâm cho đến khi anh Hoàng Minh Chính bị trọng thương. Ông Đặng Việt Châu bảo tôi về khu Mười dưới quyền chỉ huy của ông Song Hào, thì tôi về khu Mười. Khi về đó rồi, ông Hoàng Thế Thiện bảo tôi phụ trách Ban địch vận, tôi hăng hái vẽ tranh áp-phích, viết truyền đơn kêu gọi binh lính địch. Sau đó, Ban chỉ huy cử tôi lên đường 4 tầng cường cho công tác địch vận dưới sự chỉ huy của anh Đặng Văn Việt, là bạn thời trung học cùng tôi ở Huế, và thế là tôi lại hăm hở có mặt trên con đường 4 hiểm trở.

Tôi đã đi như vậy trong suốt 10 năm kháng chiến chống Pháp, không ở trong một tổ chức nhất định nào, không có một người

## HUỶNH ÁI TÔNG

phụ trách nào nhất định, nay làm việc này, mai làm việc nọ... Riêng về nghề vẽ thì cũng còn may cho tôi, là trong thời kỳ học ở Trường Mỹ thuật chuyên lên Sơn Tây, tôi được tiếp xúc với đình, chùa, tiếp xúc với người dân quê, với đồng lúa. Và cái đẹp ấy còn lưu lại mãi trong tâm hồn tôi.

Tôi cứ lênh đênh trên con đường may rủi ấy, và tôi đã gặp nhóm Lê Đạt, Nguyễn Hữu Đang, Trần Dần, Hoàng Cầm, Văn Cao là những người tôi không hề thân thiết và chưa lần nào trao đổi, chuyện trò.

Như Gide đã nói: "Toutes rencontres sont plus ou moins fatidiques". Cuộc gặp gỡ ít nhiều mang tính định mệnh đã đưa không chỉ riêng tôi mà cả ông Phan Khôi vào một bước ngoặt.

Ông Phan Khôi không hề quen biết nhóm người trên. Một hôm ông Phan Khôi rủ tôi đi ăn phở ở cạnh phố Phan Chu Trinh, ăn xong chúng tôi rẽ phố Phan Chu Trinh để về thì gặp nhóm Lê Đạt, Nguyễn Hữu Đang. Họ hình như đang bàn một công việc gấp bết tắc. Thấy chúng tôi, họ reo lên:

"Trần Duy đây rồi!"

Ông Phan Khôi nói thâm vào tai tôi:

"Bàn cái gì mà như bọn buôn lậu vậy?"

Họ mời chúng tôi vào một quán cà-phê gần nhà anh Minh Đức. Anh Đang và Văn Cao cùng cho biết họ đang định ra một tờ báo chuyên về văn thơ. Mỗi người một ý, nhưng cái khó là không ai biết việc xin giấy phép ra một tờ báo là thế nào, rồi người chịu trách nhiệm đứng tên báo, rồi tiền mua giấy, rồi nhà in nào nhận in... Mấy người bàn ra bàn vào, ai cũng muốn được phần mình, nhưng không mấy ai chịu cái vạ đá rơi xuống đầu mình. Chứng kiến cái cuộc lộn xộn ấy, ông Phan Khôi giục tôi về. Sáng hôm sau Văn Cao tới tìm tôi:

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

"Cậu đưa tôi tới gặp ông Phan Khôi, hôm qua ồn ào, cụ khó tính, sợ thất lễ."

Tôi đưa Văn Cao đến gặp ông Phan Khôi. Văn Cao nói về những bế tắc trong sáng tác, sự độc quyền trong sáng tác văn, thơ... Ông Phan Khôi im lặng, không nói thêm gì, Văn Cao ra về, ông mới bảo tôi:

"Có vẻ ông Văn Cao muốn làm lãnh tụ thơ sao?"

Tôi trả lời:

"Anh em vẫn gọi ông ấy là ông tiên chỉ!"

Ông Phan Khôi cười. Cuộc trao đổi giữa Văn Cao, tôi và ông Phan Khôi tiếp tục trong mấy ngày sau. Cuối cùng ông Phan Khôi hỏi anh Văn Cao:

"Vậy các anh muốn tôi giúp gì?"

Sau khi Văn Cao có ý mời ông đứng ra làm Chủ nhiệm, ông hỏi tôi:

"Theo anh có nên làm không? Việc tài chính tôi không biết gì, việc giấy tờ ra báo anh lo lấy."

Ông Phan và tôi cùng đồng ý.

Như vậy việc anh Hoàng Cầm trả lời phỏng vấn của cô Thụy Khuê đài RFI, rằng anh Hoàng Cầm mời ông Phan Khôi tham gia báo *Nhân văn* là không đúng sự thật. Tờ báo có ghi tên Chủ nhiệm, Thư ký toà soạn, nhưng thực tế có thể nói không ai có trách nhiệm gì cả. Có chuyện gì thì bàn cãi như kiểu trao đổi ở chợ trời, ai nhiều lời thì được, ai to tiếng thì thắng, nhưng hệ lụy của mọi việc do tờ báo gây ra thì không đơn giản như ở chợ trời!

## HUỶNH ÁI TÔNG

Có hôm ông Phan Khôi ngồi nghe, rồi hỏi tôi:

"Vậ tờ báo ai là người chịu trách nhiệm?"

Mọi người mượn tên Phan Khôi, nhưng thực ra thì Lê Đạt, Nguyễn Hữu Đang là những người chủ trương bài vở và nội dung của tờ báo. Anh em xem ông Phan Khôi là một cái *étiquette* cần thiết và đẹp. Nhân chuyện báo *Nhân văn* có bài viết trả lời ông Nguyễn Chương trên báo *Nhân dân*, mà chỗ tác giả ký tên đến bốn người, là Trần Dần, Trần Duy, Lê Đạt, Hoàng Cầm; ông Phan tìm hỏi tôi:

"Anh có biết ông Nguyễn Chương không?"

Tôi trả lời:

"Không."

Ông hỏi tiếp:

"Anh có đọc bài của ông Nguyễn Chương trên báo *Nhân dân* không?"

Tôi trả lời:

"Không."

Ông Phan Khôi nói:

"Anh không biết người ta, anh không đọc bài người ta viết, mà anh dám ký tên vào bài người khác viết để đả kích người ta."

Tôi không trả lời, ông nói tiếp:

"Anh làm ăn kiêu gì lạ vậy? Mục đích khi ra báo là văn thơ, nay lại quay mũi nhọn sang chính trị. Chống báo của Đảng nghĩa là tuyên chiến với Đảng đấy!"

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Sau cùng, ông hỏi:

"Thật ra bài ấy của ai?"

Tôi trả lời:

"Của Nguyễn Hữu Đang."

Ông khó chịu:

"Ông Đang có đủ chữ để viết một bài như vậy mà lại không đủ can đảm để nhận là tác giả của bài viết ấy, lại còn gấp lửa bỏ tay người. Làm việc cách này để dắt nhau vào tù lắm!"

Mấy hôm sau có giấy của Phủ Thủ tướng mời Thư ký toà soạn hoặc Chủ nhiệm báo *Nhân văn* lên Văn phòng Thủ tướng. Thủ tướng Phạm Văn Đồng tiếp tôi, có anh Phan Mỹ ngồi cạnh, Thủ tướng nói:

"Công việc rất bận, giờ này tôi còn phải tiếp khách quốc tế bên Phủ Chủ tịch, nên tôi chỉ nói với anh vài lời, còn mọi việc sẽ do anh Phan Mỹ giải quyết sau. Anh về nói lại với anh em, nếu cần trình bày, yêu cầu điều gì thì nên trình bày yêu cầu cụ thể, đừng làm như báo chí tư bản đấu tranh! Mà đấu tranh với ai?"

Trước khi ra đi, Thủ tướng quay sang nói với anh Phan Mỹ:

"Nếu anh em cần điều gì thì anh phải giải quyết cho anh em."

Tôi về gặp mọi người tại một hiệu ăn ở phố Hàng Quạt, góc Hàng Nón. Tôi chưa trình bày hết ý thì mọi người đã cho rằng tôi bỏ cuộc, đầu hàng và bán rẻ anh em. Có ý kiến đề Trần Công thay tôi, ông Phan phản đối, ông nói:

"Vì anh em mà làm việc, có giấy tờ tuyển dụng tuyển bổ đầu mà xử sự vậy được."

## HUỶNH ÁI TÔNG

Nguyễn Hữu Đang bỏ đi, Văn Cao nói:

"Chắc Đang đến nhà in."

Lê Đạt nói:

"Nó đến nhà in là rắc rối đấy. Làm việc theo ông này mệt mỏi quá!"

Hữu Đang tự ý thay đổi báo *Nhân văn* số 5, thay vào các bài về biểu tình ở Tiệp Khắc, ở Hung-ga-ri...

Trước tình hình ấy, ông Phan Khôi lo lắng hỏi tôi:

"Anh gặp ông Đồng, thái độ ông ra sao?"

Tôi thuật lại mọi chuyện, nghe xong ông Phan nói:

"Ông Đồng là người hiểu anh em trí thức, văn nghệ và báo chí. Theo anh nên thế nào? Tôi thấy tờ báo có vẻ thành tờ báo mà nội dung là ‘đối phó’".

Một hôm tôi, Văn Cao và ông Phan ngồi ở một hàng nước trà ở phố Hàng Quạt, thì Nguyễn Sáng đến. Sáng gọi thẳng tên tôi và nói:

"Bọn mày là bọn lừa đảo. Tại sao Trần Dần chỉ kéo da cổ để cắt ăn vạ bọn báo *Quân đội* mà chúng mày lại bảo là cắt cổ tự tử? Rồi đây tao minh họa bài báo ‘Con người Trần Dần’?"

Văn Cao là người khôn và tròn trịa, không muốn xảy ra to chuyện, nên nói với Sáng:

"Bài viết ấy của Hoàng Cầm; Trần Duy không hay biết gì việc này. Cậu nghe tin này ở đâu?"

"Tụi Văn nghệ Quân đội." – Sáng vừa trả lời vừa bỏ đi.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Chiều hôm ấy, gặp tôi, ông Phan Khôi vừa cười vừa nói:

"Vậ là thiên anh hùng ca không có anh hùng!"

Trước khi ra về ông nói với tôi:

"Xem ra khi đến với nhau thì bằng chữ ‘nghĩa’, nay nghĩa không còn thì cũng nên lo liệu trước."

Và ông hỏi tôi:

"Tiền nong như thế nào? Ai nắm? Các phiếu bưu điện bạn đọc gửi tiền cho toà báo, ai giữ?"

Tôi đáp:

"Cháu."

Ông bảo:

"Theo tôi, anh nên ra bưu điện hoàn trả lại người gửi, vì mình không rõ lai lịch của người gửi, không biết họ là ai, gửi tiền nhằm mục đích gì? Anh nên gửi trả lại để tránh những điều không hay."

Cũng nhờ vậy, sau này có tin đồn báo *Nhân văn* đã nhận tiền của nước ngoài, thì biên lai của Bưu điện Hà Nội đã chứng minh được sự lành mạnh về tiền nong, tài chính của toà báo.

Cũng từ dạo ấy, tôi thấy sức khoẻ của ông Phan Khôi sa sút. Có lúc thấy ông đi không vững. Có lúc thấy ông khó thở. Ông nói với tôi ông bị sốt thường xuyên, xin được đi khám bệnh nhưng không ai ký giấy giới thiệu.

Một buổi chiều tôi đến 51 Trần Hưng Đạo thì gặp cảnh: Một quan chức có quyền lực quát đuổi vợ chồng ông ra khỏi số nhà 51 Trần Hưng Đạo.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Người này quát lớn:

"Tống cô thằng già khốn nạn này ra khỏi đây!"

Vợ ông, – bà Huệ ôm chần màn, sách vở; ông Phan Khôi lao đảo theo sau. Ra công gặp tôi, ông chào và nói:

"Thôi, anh về đi... Buồn không cần thiết!"

Đến buồn mà cũng không cần thiết, kể cả khi hất bát nước đi vẫn biết là không hót lại được.

Hôm sau tôi gặp lại vị quan chức hôm qua, nguyên là bạn học cùng tôi thời tiểu học ở Quy Nhơn, Bình Định, tôi hỏi:

"Ăn ở đối xử với nhau như vậy có quá lắm không? Nhất là tâm tuổi ông Phan cũng ngang hàng cha chú chúng mình?"

Ông bạn tôi cười nói:

"Cậu có biết chuyện lên đồng không? Người lên đồng nói những điều không do họ chịu trách nhiệm, họ nói những điều đến từ thế giới khác."

Và cũng nhân câu nói ấy, tôi nhớ có một nhà viết kịch nói với tôi giai thoại về ông này. Nhà ông này có một cái tủ lạnh, lúc vắng ông có người mở tủ lạnh ra thì thấy trong tủ toàn là lười. Có thể vì thế mà ông ta nói được bằng nhiều thứ lười!

Có một hôm đã rất khuya, ít ra cũng sau 12 giờ đêm, anh Phan Thao đến nhà tôi ở 62B Khâm Thiên, hỏi:

"Anh có thể nói thật với tôi về chuyện tiền nong của cha tôi như thế nào không?"



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Tôi hiểu, ý anh Phan Thao muốn xác minh tin đồn rằng chúng tôi đã nhận tiền ngoại quốc, của sứ quán Pháp, của ông Durand nào đó. Tôi trả lời:

"Thật ra tôi không biết mặt ông Durand, cũng không biết đồng đô-la ra làm sao. Nói thật với anh là tôi và ông Phan vừa đi bán cái đồng hồ đeo tay của tôi trên hàng ông Sinh Thành ở Trảng Tiên để mua thuốc kháng sinh cho ông Phan theo đơn của bác sĩ Nguyễn Xuân Ty ở bệnh viện Việt - Đức, bạn của tôi."

Lần cuối cùng tôi gặp ông là hôm ông đi về nhà ông ở 73 phố Thuốc Bắc qua lối phố Hàng Điều. Tôi thấy ông mệt lắm. Cuộc đời đã bỏ rơi ông, quên lãng ông trong cô độc!

Ông Phan Khôi là người có nghị lực. Những nỗi lo buồn ít khi ông bày tỏ cùng ai. Riêng một điều ông vẫn thường nói với tôi: Đó là chuyện một nhân vật lão thành cách mạng viết một số bài báo quy cho ông Phan cái tội làm tay sai cho mật thám Pháp: Bọn Pháp nhét ông dưới gầm bàn của một tiệm ăn ở Sài Gòn-Chợ Lớn để ông Phan theo dõi một cuộc họp giả trang của tổ chức Đảng.

Kể cho tôi nghe chuyện ấy, ông Phan Khôi bình luận:

"Tôi kể chuyện ấy không nhằm minh oan, nhưng là để chứng minh sự ngu dốt của người đã bịa ra câu chuyện ấy."

Ông tiếp:

"Bọn mật thám Pháp mà nhét một tên tay sai vào dưới gầm bàn của tiệm ăn để tên này theo dõi một cuộc họp, thì bọn chúng ngây thơ quá, ngu quá. Thế lẽ người ngồi họp duỗi chân ra, đụng phải, thì sao? Lại nữa, tiệm ăn nào mà chẳng có dăm con chó, con mèo, lũ lũ này thấy có người dưới gầm bàn, mà "gâu" lên, "meo" lên thì sao? Rõ là, người bịa chuyện chẳng hiểu mật thám Pháp là thế nào!

## HUỶNH ÁI TÔNG

Nhưng tôi nghĩ chắc chắn mật thám Pháp lại biết rất rõ Phan Khôi là ai: Ông là cháu ngoại của người anh hùng dân tộc Hoàng Diệu.

Ông trầm ngâm, nói tiếp:

"Cái ngu dốt của riêng kẻ bịa chuyện thì kẻ ấy phải chịu. Nhưng câu chuyện được mọi người tin, mới là điều đáng bàn."

\*

Nhà sư Ngô Tịnh Không năm 1170 có câu thơ: *"Trí nhân vô ngộ đạo, ngộ đạo tức ngu nhân"*.

Vậy ở đây: Ai là trí nhân? Ai là ngu nhân? Ai là ngộ đạo?

Ông Phan Khôi không còn nữa, nỗi oan khuất của đời ông vẫn chưa có người giải!

"Nỗi oan của nàng Đậu Nga" trong Kinh kịch nổi tiếng của Trung Quốc đã được minh oan. Nỗi oan trái của gia đình Nguyễn Trãi – Thị Lộ đã được minh giải. Nguyễn Du chưa đến ba trăm năm sau đã được đồng bào của mình thấu hiểu. Riêng nỗi oan của Phan Khôi, cái mà ông quý nhất, gìn giữ nhất là phẩm giá, thì đã bị bôi nhọ, bị chà đạp. Ai là người minh giải?

Tiếng thở dài và tiếng chép miệng của ông trong những ngày cuối cùng như còn vọng lại. Sinh thời, mỗi lần ông nói đến một nỗi oan khuất nào đó của người đời, ông vẫn thường nhắc đến tiếng cóc kêu với trời! Gió mưa là do chuyển hoá Đông - Tây của thời tiết, nhưng vẫn có người tốt bụng tin rằng: Trời mưa nhờ có cóc kêu.

*Hà Nội, những ngày kỷ niệm 120 năm sinh Phan Khôi (6/10/1887-6/10/2007)*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

### Cô Lụy

Hiền là bác sĩ. Tôi bạn với Hiền từ lúc còn học trung học. Ngày toàn quốc kháng chiến, Hiền đã hết hạn nội trú và tham gia mặt trận. Mỗi người một phương tản lạc theo từng chiến dịch.

Việc gặp lại nhau trên đường kháng chiến thật hiếm có. Và tôi đã gặp được Hiền trên đường cùng đi chợ Rã.

Năm ấy rét. Hai đứa rủ nhau vào một cái quán ven đường. Đêm có trăng, càng về khuya, trăng càng sáng, rét càng dữ. Tôi và Hiền không ngủ được, phần vì rét, phần vì lâu ngày không gặp lại, chúng tôi rủ nhau ra rìa rừng ngồi nói chuyện. Đủ mọi chuyện để nói, để nhắc. Từ chuyện lúc trẻ học ở Huế đến những ngày cùng là sinh viên ở Hà Nội Bồng Hiền hỏi tôi:

- Ông có nhớ hỏi tôi về thực tập ở Viện Giải phẫu không nhỉ?
- Có, hình như trước năm 1942?

Hiền im lặng, rồi anh nói như thì thầm:

- Và cũng từ ngày ấy tôi có một suy nghĩ về con người, về cái giá trị hữu hạn và vô hạn của nó.

Hiền lấy tay xoa vào nhau và áp vào tai cho đỡ rét rồi nói tiếp:

- Chính ở Viện Giải phẫu tôi đã hiểu mọi bất ngờ, mọi bất hạnh đều có thể đến với con người.

Ngày ấy, đại chiến Thế giới lần thứ hai, Nhật đánh Pháp bắt đầu ở biên giới Tình hình Hà Nội không yên, anh chị tôi lúc bấy giờ ở góc đường Wiellé (1) và Chanceaulme (2), vừa dọn

## HUỖNH ÁI TÔNG

vào Sài Gòn rồi sang Pháp. Tôi đến ở thay anh chị tôi, vừa trông nhà vừa có nơi trú học. Lúc bảy giờ tôi học xong năm thứ ba vào thực tập ở nhà thương Phủ Doãn. Anh chị tôi có một người giúp việc tên là Lỵ Tôi nhận nhà cùng cả người giúp việc. Tôi không mấy khi để ý đến cô ta, cô ta cũng chỉ như cái bóng trong nhà. Không mấy khi tôi hỏi chuyện và hỏi han điều gì trừ việc đưa tiền đi chợ hoặc mua bán những thứ cần thiết. Thật ra lúc bảy giờ chúng ta còn bận tâm nhiều thứ khác hơn là một người ở quê lên giúp việc.

Tôi bận học, lại còn nhận làm gia sư cho một gia đình ở Bưởi, chuyến tàu điện cuối cùng đưa tôi về đến Bồ Hồ đã quá chín giờ đêm. Dù khuya đến mấy, về đến nhà tôi vẫn thấy cô ngồi ở cửa chờ tôi Cô lặng lẽ đứng dậy sắp xếp bữa cơm, thường lệ cô chờ tôi ăn xong, rồi mới ăn. Sự cách biệt ấy làm tôi áy náy nhưng vẫn không nghĩ ra cách sắp xếp khác. Cái gì đã làm tôi có cái nhìn xa cách ấy Và tôi cũng không thể không xem cô Lỵ là một con người hiện hữu trong nhà tôi.

Có hôm nghỉ học sớm về đến nhà bất chợt tôi thấy cô đứng ngấm mình trước gương to và cũng lần đầu tiên tôi nhận thấy cô đẹp, rất đẹp. Qua gương cô nhìn thấy tôi nên sợ hãi úp mặt vào tay Qua kẽ tay tôi thấy đôi mắt đen thoáng lo, thoáng cười, thoáng vui Chỉ tiếc tôi không là họa sĩ như cậu để có thể vẽ cô hôm ấy Cái hay của nghề cậu là cậu thấy được cái đẹp của con người, tôn cái đẹp ấy lên cho cuộc sống. Còn tôi, cái nghề chỉ thấy những bệnh tật, những thân hình tiêu tụy, những gì không đẹp đẽ của con người với mục đích giành giật con người ra khỏi cái chết, trả họ về cuộc sống.

Lần đầu tiên tôi thấy chiếc khăn mỏ quạ ôm khuôn mặt trái xoan của cô rất duyên dáng so với đầu tóc xoắn tít, bù xù hoặc chải trần của các cô gái Hà Nội Người cô cân đối, cao chừng một thước sáu, ngực nở nang che bằng một chiếc yếm xanh đã ngả màu Tôi cảm thấy bất nhả khi nhìn cô như một vật trưng bày, tôi nói như vừa để giải bày vừa xin lỗi:

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

- Hôm nay tôi mới nhìn cô được kỹ, không thể nhớ ra đường chẳng nhận được ra thì khốn!

Và cũng lần đầu tiên có nụ cười giữa cô và tôi, và cũng lần đầu tiên tôi nhận được một nụ cười rất xinh tươi trên một khuôn mặt đôn hậu và đẹp của cô Lụy

Năm ấy đã đến những ngày cuối tháng chạp tôi không thấy cô như mọi người đi làm ngõ ý về quê ăn Tết. Thấy cô đứng cạnh bàn, tôi hỏi:

- Cô đã cần về quê hôm nay chưa hay chờ đến hai tám?

Cô không trả lời và hỏi tôi:

- Thưa cậu, cậu không về trong ấy ăn Tết ạ?

- Còn cô ?

- Cháu không có Tết ạ!

Tôi nghe cô nói một cách tự nhiên và đơn giản.

- Tại sao thế cô Lụy ?

Cô đáp ứng và lúc nào cô cũng đáp ứng như vậy để trả lời những câu tôi hỏi.

- Thưa cậu cháu không có Tết ạ. - Và cô nói tiếp:

- Cậu đốc cần sắm Tết như thế nào cậu bảo cháu. Hôm nay đã hai bảy rồi ạ.

Và trải qua hai cái Tết cô lo cho tôi mà không về quê.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Tôi thấy cô mặc toàn quần áo cũ nhưng tôi không bao giờ có ý định mua sắm hoặc gợi ý cho cô mua sắm. Có hôm tôi đưa tiền công cho cô và nói:

- Cô xem có cần mua sắm gì không?

Cô không tỏ thái độ vui mừng, nhưng tay vẫn cầm tiền.

- Thưa cậu, cậu giữ hộ cháu, lúc nào cậu cho cháu một thể, cháu giữ sợ mất lắm!

Hình như cô Lụy trước kia xem anh chị tôi là nơi nương tựa chính và nay cô chỉ còn biết nhìn vào tôi. Nhưng qua cái rụt rè ngần ngại, tôi có cảm giác cô không thể đặt nơi nương tựa ấy vào tôi. Cái gì đã gây cái nhìn ngất quăng ấy ở cô ?

Tôi trả lời:

- Cậu đừng quên rằng ngày ấy cô Lụy xem mình là người ở và cậu là cậu chủ. Hơn nữa cậu chủ lại là cậu đốc.

Cái danh hiệu "cậu đốc" mà xã hội lúc bấy giờ đã phong quá sớm cho các sinh viên trường Y đã tạo ra khoảng cách chết người ấy.

Hiền tiếp theo tôi:

- Và điều ấy thật ra cũng đã có ở tôi, nó ẩn trong suy nghĩ của tôi và tôi cũng không hề muốn xua nó ra khỏi cách suy nghĩ của mình.

Tôi bảo Hiền: tuy nó không hay nhưng cần thiết cũng chẳng nên xua nó vì chính nhờ nó mà cậu không giống Nghị Hách trong Tắt đèn, cũng chính nhờ con đường mòn nghiệt ngã ấy

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

đã định hình cuộc sống của cậu để cậu không rơi vào những lỗi lầm đáng tiếc.

Hiền nói:

- Nhưng vì nó mà điều đáng tiếc ấy vẫn cứ đến, không cách này thì cách khác.

- Vậy cậu chọn cách nào?

- Thật ra tôi không phải là người muốn chọn!

Đêm rừng và trăng rừng lạnh buốt. Tiếng hoẵng kêu, tiếng nước lã róc rách rơi trên bản xạ Hiền nói tiếp:

- Tôi phải nói với cậu rằng sự có mặt của cô Lụy đã làm cuộc sống học hành của tôi ổn định từ ăn mặc, giường chiếu. Có lúc tôi nghĩ đến những câu chuyện về một người đẹp trong quả thị hoặc trong tranh bước ra ngoài đời để giúp đỡ lo toan mọi việc cho tôi; cô Lụy ở trong nhà như một cái bóng nhưng một cái bóng có hồn. Có hôm tôi đang học bất chợt ngừng đầu thấy cô im lặng nhìn tôi, một cái nhìn huyền bí của một ngôi sao lạ, của một kẻ ước nguyện một điều gì. Trong trường hợp như thế tôi lại im lặng cúi đầu xuống sách.

Ở những người nghệ sĩ, nhìn một thực thể đẹp là cái đẹp ấy được chuyển vào tranh: từ một mỹ nhân đến con gà, con bướm, từ một cái hoa đến đôi giày rách, từ một lá cỏ đến một ngọn sóng, tảng đá... Cái đẹp ở các cậu không thông qua một lăng kính méo mó của xã hội nhưng những người như chúng tôi thì không có được cái giáo dục thẩm mỹ toàn diện ấy Hiền thở dài:

- Cô ấy đẹp, nhưng chính tôi cũng không hiểu vì lẽ gì mà mình không dám nhích lên một bước dù là một bước rụt rè.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Có một hôm tôi vào nhà Bách hóa Gôđđa (3). Tôi đi xem các hàng xa xỉ, nước hoa, cà-vạt, đồng hồ... bỗng tôi nhìn đến một chiếc áo con nịt ngực, chiếc áo đặt trên ngực một hình mẫu đẹp, tôi nghĩ đến bộ ngực cô Lụy. Tôi rụt rè hỏi giá, cô bán hàng nhìn tôi cười:

- Anh dùng à?

Tôi lần đếm số tiền dạy học vừa nhận được dẫn đo chưa dám trả lời thì cô bán hàng đã lấy chiếc áo đặt vào tay tôi và nói:

- Nếu tặng thì đẹp, nếu dùng cho anh thì hơi rộng.

Tôi cũng nhạt nhẽo cười theo vì số tiền phải trả tương đương với mười ngày ăn! Tôi đem chiếc áo về nhà đặt lên bàn. Một hôm đi học về trước giờ, tôi thấy cô Lụy mân mê cầm chiếc áo lên xem, lúc quay lại thấy tôi, tôi cảm thấy cô vừa xấu hổ lại vừa sợ hãi đặt vội chiếc áo xuống bàn và định chạy xuống bếp. Tôi cầm chiếc áo đưa cô:

- Cô cất cái này vào tủ hộ tôi, tôi quên để ở bàn.

Cô đáp:

- Cháu cũng định cất, nhưng không thấy cậu bảo nên không dám.

Cô đem chiếc áo cất vào tủ và nói khẽ:

- Đẹp thế!

Thế là chiếc áo được cất vào tủ. Cậu sẽ hỏi tôi tại sao lại mua? Mua để làm gì? Và tại sao lại không tặng cô ta?

Tôi cũng họa theo:



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

- Ủ, tại sao cậu không tặng cô ta ?

Hiền đáp:

- Tôi không thể tặng một cách tùy tiện như vậy, thứ nhất tại vì gái quê người ta vẫn dùng yếm, lẽ thứ hai có thể là cái lẽ làm tôi không tặng cô ta được vì có một nhà văn Pháp nào đó mà tôi quên tên có nói: Nếu một kỷ vật anh tặng mà không gửi gắm vào đây một phần của tâm hồn mình thì món quà tặng ấy sẽ thành một món cho vô lễ và trịch thượng. Tôi không dám đưa mặc dù tôi nghĩ rằng cô Lụy mặc sẽ vừa Nhưng nếu cô mặc thì chuyện gì sẽ xảy ra?

Tôi nói với Hiền:

- Trong quan hệ, cậu dỡ sách ra đọc từng dòng để chiếu theo đó mà đối xử giữa con người với nhau thì quả cậu là một ông đồ Tây thật sự rồi.

Hiền đáp lại có vẻ trách móc:

- Cậu sẽ nghĩ thế nào về tôi nếu tôi gửi gắm vào món quà "thân tình" ấy một phần của tâm hồn mình? Thì điều ấy sẽ là một trò đùa giả dối hay một trách nhiệm? Tôi sợ một trách nhiệm, cũng sợ một trò đùa giả dối ngang thế. Đó là phần suy nghĩ của tôi, còn cô Lụy nghĩ thế nào về tôi ?

Hằng ngày tôi vẫn bắt gặp cô khóc một cách thảm lạng. Nếu nói rằng vì tôi mà cô Lụy buồn thì quả là một suy đoán quá chủ quan nhưng nếu vì gia cảnh thì sự việc xảy ra cũng quá lâu rồi bởi theo lời anh chị tôi thì bố mẹ cô có một bề vó, năm lụt to bề vỡ, hai ông bà mất tích, cô Lụy trôi dạt vào bên nhà thờ xứ. Được cứu vớt và năm 1938 cô lên Hà Nội, anh chị tôi gặp cô ở chợ người Ô Cầu Dền và đưa cô về nuôi.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Có một hôm tôi đi dạy về rất khuya cô vẫn ngồi chờ ở cửa, im lặng như một pho tượng. Khi thấy tôi về cô đứng dậy và hỏi:

- Cậu xoi cơm chưa ạ?

Cô dọn cơm, tôi ăn xong thì vừa đúng 12 giờ đêm.

Sáng hôm sau, lúc tôi vừa dậy thì đã thấy cô Lụy xách một bọc nhỏ đựng một ít quần áo. Tôi chưa kịp hỏi thì cô đã nói:

- Thưa cậu, cháu xin phép cậu về quê.

Tôi nghĩ: ngay cả ngày Tết cô cũng không về quê, sao ngày thường cô lại xin về quê. Mà quê cô ở đâu, tôi biết hỏi cô, cô sẽ không trả lời, giữ cô ở lại cũng không được, tôi đành nhận lời cho cô về. Tôi đưa tiền công, cô cầm tiền và bỗng oà lên khóc. Nhân thể tôi nói thêm:

- Ra đi mà buồn thế thì cô về làm gì?

Cô ấp úng trong nước mắt:

- Không phải cháu buồn đâu ạ.

Tôi tiễn cô ra ga Hàng Cỏ về Nam Định. Tôi hỏi cô:

- Về Nam Định rồi cô về đâu ?

- Cháu về Cổ Lễ, Nam Hồng.

- Ở đấy có ai ?

Cô đáp:

- Có ạ.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Đến giờ tàu chạy, cô chào tôi vừa khóc vừa nói: Trời rét cậu đừng đi đêm nữa!

Tàu rời ga.

Tôi về nhà bỗng cảm thấy trống trải, không có người chờ đón, không có người mong đợi. Và điều làm tôi không ngờ đến là sự vắng mặt của cô Lụy, đã có một ảnh hưởng rất lớn trong nếp sống hằng ngày của tôi. Cô Lụy đột ngột ra đi, ở tôi bỗng có cái gì hẫng hụt, mất cân bằng. Cái ấy là cái gì? Một nếp quen, một phản xạ hay là một tình cảm chưa được định hình?

Nhân một đợt thực tập ở vùng quê, tôi xin đi Nam Định. Nếu nói là nhớ thì chưa hẳn đúng, nhưng mục đích tôi xin đi Nam Định là để nhân cơ hội tìm cô Lụy.

Tôi về Cổ Lễ hỏi một sư nữ, tôi được biết cô Lụy có đến xin nhà chùa ở nhờ. Sư bà nghe cô Lụy ở Hà Nội về nên từ chối. Không nơi nương tựa, không có giấy tùy thân, lý trưởng Nam Hồng thấy cô xinh đẹp nên đã ép cô làm lẽ hắn. Sợ vợ cả ghen nên đã đem gửi cô Lụy nay đây mai đó những nơi quen biết. Tôi tìm được ra nhà cô ở - một cái lều tựa vào một bức tường sắp đổ, một chiếc chiếu che bên ngoài thay cửa. Trong nhà le lói một ánh lửa bếp. Khi thấy tôi cô kêu lên:

- Ôi! Cậu, cậu..

Tiếng gọi tuy là chào nhưng vẫn ẩn một lời cầu cứu! Cô bảo tôi:

- Nhà chỉ có ổ rơm, cậu đừng vào, cháu đứng đây với cậu Tôi nhìn cô Lụy mắt thâm đen, đôi môi cánh cung khô và nhợt nhạt. Cô Lụy quay người nhìn thẳng vào mắt tôi. Có lẽ lần đầu tiên đôi mắt ấy đã chạm vào người tôi, tâm hồn tôi. Tôi không biết nói gì và cũng không biết hỏi gì cô. Tôi chỉ biết là cô

## HUỶNH ÁI TÔNG

đang khóc. Tại sao suốt cả đời chỉ lấy khóc thay lời nói. Và nếu nói được thì cô sẽ nói điều gì?

Cô nói:

- Cậu nghỉ trên tỉnh, vậy cậu về kéo muôn, cháu sẽ lên cậu.

Tôi mừng và hỏi lại. Cô Lụy đáp:

- Cháu không dám dối cậu, nhưng...

Tôi hỏi tiếp:

- Nhưng làm sao ?

Cô vừa khóc vừa trả lời:

- Thưa cậu, không làm sao cả ạ, cháu sẽ lên cậu.

Tôi đưa cô một số tiền để đi tàu xe và chào cô ra về, tôi dặn với:

- Cô nhớ lên trong tuần sau, tôi chờ!

Tôi quay lại nhìn cô Lụy, bóng dáng một con người tiều tụy trong hoàng hôn le lói ở Nam Hồng là hình ảnh cuối cùng của cô còn lưu lại trong tôi.

Tôi về Hà Nội, đếm từng ngày chờ cô. Hai tuần trôi qua, và một tháng trôi qua cô Lụy vẫn không lên.

Sự chờ mong đã đưa đến lo lắng và lo sợ. Vào những năm bốn mươi nhiều nơi trên miền Bắc có dịch sốt chấy rận, người chết nhiều. Dịch cũng bắt đầu vào đến Hà Nội.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Phần đông các xác là bệnh nhân vô thừa nhận ở các nhà thương làm phúc đưa về. Tôi dặn bác Năm người chọn nhận xác ở bệnh viện:

- Bác cẩn thận nhé, đừng lấy xác người bị bệnh chảy rận.

Hôm ấy tôi vào viện thì bác Năm cho biết vừa nhận thêm ba xác của nhà thương Bạch Mai và đã đánh số làm thủ tục. Họ chết trên tàu từ Nam Định đến đầu Ô, nhân viên xe lửa cho xuống nhà xác Bạch Mai.

Tôi xuống sân rửa xác. Người phụ nữ nằm úp sấp trên sàn mang số 2. Không hiểu tại sao khi nhìn xác này tôi có linh cảm lo sợ. Bác Năm lấy vòi nước phun vào các xác người và xác được lật ngửa lên. Bỗng dưng tôi hốt hoảng bảo bác:

- Thôi bác đừng phun nữa!

Nhìn bác Năm ngờ ngác tôi bảo:

- Bác cho xác số 2 vào thang đưa lên phòng tôi. Tôi đeo găng đây xác lên bàn, dùng cồn rửa sạch xác, và nhìn kỹ.

Cô Lụy!

Vẫn khuôn mặt ấy, tóc rụng gần hết, mắt nửa nhắm nửa mở. Tôi lấy tay vuốt mắt cho cô, đôi mắt vĩnh viễn không còn khóc nữa. Tại sao nên nông nổi này ? Tôi đoán cô Lụy ôm từ Nam Hồng. Hiện tượng rụng tóc có thể là bị thương hàn, cô lần đến Nam Định để đi Hà Nội nhưng trên tàu gặp lạnh, cô đã quá yếu nên chết dọc đường.

Cô nằm trên bàn xác không quần áo, tôi cảm thấy Con Người đã đối xử quá tàn nhẫn với Con Người. Tôi vội cởi chiếc áo bờ-lu đang mặc đắp lên người cô, và tìm chiếc quần của y tá trực mặc vào cho cô. Tôi gọi bác Năm và nói khẽ:

## HUỶNH ÁI TÔNG

- Bác không ghi xác này trong sổ, tiện lên phố bác mua cho tôi một cỗ áo, đặt cho tôi một huyết ở nghĩa trang gần đây và thuê cho tôi một xe đám.

Bác Năm có vẻ không hiểu tại sao nhưng vẫn đi làm.

Thấy hai tay cô vẫn co quắp, tôi lấy cùn nắn thẳng lại và đặt lên ngực cô. Khi làm cử chỉ ấy tôi nhớ đến cái yếm cô vẫn mặc và chiếc áo con tôi đã mua dạo nào. Tôi vội vàng lấy xe chạy về nhà, chiếc áo ở góc tủ vẫn y nguyên như ngày nào cô Lụy đã đặt nó vào đấy. Tôi đến phòng xác, mặc chiếc áo con vào ngực cô. Có lẽ đây là món quà tặng, tặng cho con người chỉ còn là một cái xác. Món quà đánh dấu một hối hận, một sơ hở của tôi. Tôi muốn nói lên một lời với cô nhưng với một nỗi ân hận khôn nguôi tôi cảm thấy mình đã sai trái với cô, một sai trái không hành động, giờ đây nói bất cứ điều gì tôi thấy mình giả dối! Hối hận nào cũng là điều muộn màng.

Tôi kéo ghế ngồi bên cạnh cô, cố tưởng tượng ra những điều cô có thể nói mà không nói được. Những đêm dài lịch sử không được ghi chép đâu có nghĩa là không có cuộc sống và sự im lặng không có nghĩa là con số không.

Đến giờ phút này tôi mới thấy được hết ngôn ngữ của sự im lặng. Người thầy mà lúc này đang là một cái xác vô thừa nhận đã dạy tôi những điều trên: Im lặng cũng là lời nói.

Tôi đứng dậy nhìn cô và lấy miếng gạch trắng đập lên mặt cô.

Bác Năm đưa cỗ áo lên bằng thang máy. Tôi đặt cô Lụy vào áo quan. Xe tang đang chờ ở cổng sau.

Tôi đi theo chiếc xe tang lên dốc đê Lương Yên về nghĩa trang Hợp Thiện. Huyết đã đào sẵn, mộ đắp xong tôi sực nhớ đến tấm bia. Tôi quay ra đầu cổng mua một bia đá và nhờ người

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
thợ đục chữ Lụy trên mặt bia. Cái điều duy nhất mà tôi được  
biết về cô chỉ là chữ "Lụy" ấy.

Ai là người đã đặt cho cô cái tên ấy - cái tên đã làm cho người  
mang "lụy" cả cuộc đời. Riêng tôi từ ngày ấy "Lụy" đã nhập  
vào đời tôi như một nỗi đau mãn tính...

Không nói gì thêm, Hiền đứng dậy cùng tôi về quán trọ. Gà  
rừng đã te te gáy. Sáng hôm sau, chia tay nhau, Hiền đi chợ  
Rã, tôi về Đại Từ. Từ ngày ấy không còn gặp lại nhau. Không  
biết Hiền ở đâu.

Hà Nội, 10-1997

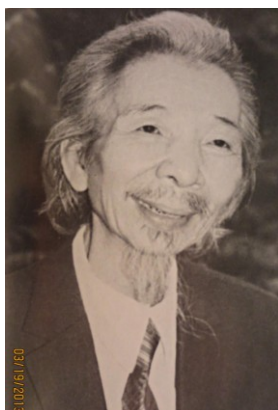
(1), (2): Nay là đường Tô Hiến Thành và Triệu Việt Vương  
(3): Nay là Mậu dịch Quốc doanh Tràng Tiền

Tài liệu tham khảo:

- Trần Duy Web: [thuykhue.free.fr](http://thuykhue.free.fr)

## HUỶNH ÁI TÔNG

### 3) Văn Cao



#### **Văn Cao - Nguyễn Văn Cao (1923-1995)**

Văn Cao tên thật là Nguyễn Văn Cao, sinh ngày 15 tháng 11 năm 1923 tại Lạch Tray, Hải Phòng, nhưng quê gốc ở thôn An Lễ, xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

Xuất thân trong một gia đình viên chức, cha của Văn Cao vốn là giám đốc nhà máy nước Hải Phòng. Thuở nhỏ, Văn Cao học ở trường tiểu học Bonnal, sau lên học trung học tại trường dòng Saint Josef, là nơi ông bắt đầu học âm nhạc. Năm 1938, khi mới 15 tuổi, vì gia đình sa sút, Văn Cao bỏ học sau khi kết thúc năm thứ hai bậc Thành chung. Ông làm điện thoại viên ở sở Bưu điện tại Hải Phòng, nhưng được một tháng thì bỏ việc.

Cuối những năm 1930, tân nhạc Việt Nam ra đời. Ở Hải Phòng khi đó tập trung nhiều nhạc sĩ tiên phong như Đinh Nhu, Lê Thương, Hoàng Quý... Văn Cao tham gia vào nhóm Đồng Vọng của Hoàng Quý cùng Tô Vũ, Canh Thân, Đỗ Nhuận... và bắt đầu sáng tác ca khúc đầu tay là *Buồn tàn thu* vào năm 16 tuổi. Cùng nhóm Đồng Vọng, Văn Cao còn sáng tác một số ca khúc hướng đạo vui tươi khác như *Gió núi*, *Gò Đống Đa*, *Anh em khá cảm tay*. Cũng trong thời gian ở Hải Phòng, Văn Cao



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

làm quen với Phạm Duy, khi đó là ca sĩ trong gánh hát Đức Huy. Phạm Duy chính là người đã hát *Buồn tàn thu*, giúp ca khúc trở nên phổ biến. Năm 1940, Văn Cao có một chuyến đi vào miền Nam. Ở Huế, Văn Cao đã viết *Một đêm đàn lạnh trên sông Huế*, được coi là bài thơ đầu tay.

Năm 1942, nghe theo lời khuyên của Phạm Duy, Văn Cao rời Hải Phòng lên Hà Nội. Ông thuê căn gác nhỏ số 171 phố Mongrانت - nay là 45 Nguyễn Thượng Hiền - và theo học dự thính tại Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương. Văn Cao còn làm thơ, viết truyện đăng trên Tiểu thuyết Thứ Bảy. Năm 1943 và 1944, Văn Cao hai lần xuất hiện trong triển lãm Salon Unique tổ chức tại nhà Khai trí Tiến Đức, Hà Nội với các bức tranh sơn dầu: *Cô gái dạy thì*, *Sám hối*, *Nửa đêm*. Đặc biệt tác phẩm *Cuộc khiêu vũ những người tự tử* (*Le Bal aux suicidés*) được đánh giá cao và gây chấn động dư luận. Tuy được báo chí khen ngợi, nhưng tranh của Văn Cao không bán được. Ông trải qua một thời gian dài ở Hà Nội trong thiếu thốn. Cùng bạn bè, Văn Cao thường phải đứng bán các tác phẩm của mình trên các đường phố Hà Nội, Hải Phòng.

Cuối năm 1944, Văn Cao gặp lại Vũ Quý, một Việt Minh mà ông đã quen biết trước đó. Vũ Quý thuyết phục ông tham gia Việt Minh, với nhiệm vụ đầu tiên là sáng tác một hành khúc. Văn Cao đã sáng tác ca khúc đó trong nhiều ngày tại căn gác số 171 phố Mongrانت và đặt tên cho tác phẩm là *Tiến quân ca*. *Tiến quân ca* được in trên trang văn nghệ của báo Độc Lập tháng 11 năm 1944. Ngày 13 tháng 8 năm 1945, Hồ Chí Minh đã chính thức duyệt *Tiến quân ca* làm quốc ca của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Văn Cao tiếp tục tham gia hoạt động trong đội Trừ gian của Việt Minh. Ông viết và phụ trách ấn loát cơ quan Phan Chu Trinh, in sách báo, truyền đơn. Vào cuối mùa xuân năm 1945, Văn Cao đã có mặt trực tiếp tham dự vụ ám sát nổi tiếng, đó là vụ giết ông Đỗ Đức Phin tại Hải Phòng, người bị Việt Minh kết

## HUỶNH ÁI TÔNG

án là Việt gian theo Nhật. Sau vụ ám sát, Văn Cao tạm lánh một thời gian để tránh mật thám Pháp và Nhật theo dõi. Trở về Hà Nội, Văn Cao còn tiếp tục tham gia vụ ám sát Cung Đình Vận ở gần rạp hát cuối phố Huế nhưng không thành công do ông bắn trượt.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Văn Cao làm phóng viên và trình bày cho báo Lao Động.

Năm 1946, Văn Cao được cử cùng Hà Đăng Ân chuyên chở vũ khí và tiền vào mặt trận Nam Bộ. Sau đó chính thức được mời tham gia Hội Văn hoá Cứu quốc và được bầu là Ủy viên Chấp hành, Văn Cao hoạt động ở liên khu III, phụ trách tổ điều tra của công an Liên khu và viết báo Độc Lập. Đầu năm 1947, ông được cử phụ trách một bộ phận điều tra đặc biệt của công an Liên khu 10 ở biên giới phía bắc. Tại đây ông được giao nhiệm vụ kết nghĩa với vua Mèo để lập ra một phòng tuyến bảo mật chống sự tràn sang của quân Trung Hoa Quốc dân Đảng khi thua trận. Ở Lào Cai, Văn Cao còn mở một quán bar để làm địa điểm theo dõi. Tháng 3 năm 1948, Văn Cao được kết nạp Đảng Cộng sản Đông Dương. Cuối năm 1949, Văn Cao thôi làm báo Văn Nghệ chuyển sang phụ trách Đoàn Nhạc sĩ Việt Nam. Thời kỳ này, ông tiếp tục sáng tác các ca khúc nổi tiếng khác như *Làng tôi* (1947), *Ngày mùa* (1948), *Tiến về Hà Nội* (1949)... và đặc biệt là *Trường ca Sông Lô* năm 1947.

Năm 1952, Văn Cao sang Liên Xô nghiên cứu âm nhạc. Theo Hoàng Minh Chí thì chuyến đi này làm Văn Cao "thất vọng về chủ nghĩa cộng sản". Trần Gia Phụng thì miêu tả một cậu bé thổi sáo bằng hai mồm. Một cái được vẽ từ cách nhìn thẳng, một cái được vẽ bằng cách nhìn nghiêng. Làm nền, phía sau cậu bé là đông nghịt những con người trong một tiết tấu đầy chuyển động của nhịp chiến tranh. Bức tranh này cùng với bức *Cây đàn đờ* vẽ một người bộ đội ôm "Cây đàn chủ nghĩa" mà Văn Cao gửi tham gia Triển lãm Hội họa ở Liên khu III, ông bị quy kết: hình thức lai căng, nội dung thì có vấn đề về tư tưởng.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Sau hiệp định Genève 1954, Văn Cao hồi cư về Hà Nội, làm việc cho Đài Phát thanh, nhưng rất ít sáng tác. Năm 1955, ông cầm bút trở lại, viết bài cho đặc san Giai Phẩm. Tháng 2 năm 1956, bài thơ *Anh có nghe không* được đăng trên Giai phẩm mùa Xuân. Bài thơ này bị Xuân Diệu đánh giá là "lập lò, áp úng, bí hiểm, hai mặt, tuy nhiên công chúng cũng hiểu nó muốn nói gì". Văn Cao cùng các nghệ sĩ của hai tờ báo Nhân Văn và Giai Phẩm khi đó chủ trương đòi hỏi tự do văn nghệ, sáng tác. Đến tháng 12 năm 1956 thì cả hai tờ báo đều bị đình bản.

Như những nghệ sĩ khác của nhóm Nhân Văn-Giai Phẩm, tuy có muộn hơn, đến tháng 7 năm 1958, Văn Cao phải đi học tập chính trị. Tên tuổi của Văn Cao hầu như không còn xuất hiện trên các tạp chí văn nghệ ở Hà Nội. Những năm sau đó, Văn Cao tiếp tục bằng nhiều công việc, như viết nhạc không lời cho các truyện phim và truyện kịch, trang trí sân khấu cho các đoàn kịch, vẽ quảng cáo các báo, vẽ nhãn diêm... Các tác phẩm của ông, cũng như các ca khúc lãng mạn tiền chiến khác, không được trình diễn ở miền Bắc, trừ bài quốc ca. Giai đoạn này, Văn Cao hầu như không còn sáng tác. Đến cuối năm 1975, Văn Cao viết *Mùa xuân đầu tiên*, nhưng ca khúc bị phê bình là không đi đúng đường lối của Đảng, không phục vụ cho Cách Mạng, vì thế bản nhạc mới phát hành đã bị tịch thu. Nhưng các chương trình Việt Ngữ tại Moskva vẫn cho trình bày bài hát, và nhờ vậy *Mùa xuân đầu tiên* đã không bị lãng quên. Văn Thao, người con trai của Văn Cao, tiết lộ tiếp rằng:

“Nhưng cũng thật bất ngờ (không hiểu bằng con đường nào), trong cái năm 1976 ấy *MÙA XUÂN ĐẦU TIÊN* được in ở nước Nga và được Liên Xô trả nhuận bút cho tác giả 100 Rúp. Văn Cao phải viết giấy uỷ quyền qua sứ quán để con gái ông đang học bên đó lĩnh hộ. Ông bảo con gái: “Con cứ lấy mà tiêu, ở nước mình bao lâu nay bố có được biết đến đồng nhuận bút tác phẩm nào đâu.”

## HUỶNH ÁI TÔNG

Cho đến cuối thập niên 1980, nhờ chính sách Đổi mới của Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh, các tác phẩm của Văn Cao cùng những nhạc sĩ tiền chiến khác được biểu diễn trở lại.

Năm 1989, tạp chí National Geographic đã đăng một bức ảnh của nhạc sĩ Văn Cao đang ngồi trầm tư bên chiếc đàn dương cầm của ông. Chính tấm hình này sau đó đã tạo cảm hứng để nhà soạn nhạc đương đại người Mỹ Robert Ashley sáng tác nên bản solo cho piano mang tên *Van Cao's Meditation* vào năm 1992, dù rằng cho đến tận khi Văn Cao qua đời (1995) thì Robert Ashley vẫn chưa một lần gặp mặt tác giả của *Tiến quân ca*.

Sau một thời gian mắc bệnh ung thư phổi, ngày 10 tháng 7 năm 1995, Văn Cao mất tại bệnh viện Hữu Nghị, Hà Nội, thọ 72 tuổi.

Năm 1996, một năm sau khi mất, Văn Cao được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh trong đợt trao giải đầu tiên. Ông cũng đã được Nhà nước Việt Nam trao tặng Huân chương Kháng chiến hạng nhất, Huân chương Độc lập hạng ba, Huân chương Độc lập hạng nhất

Tác phẩm:

Nhạc:

- *Anh em khá cầm tay*
- *Buồn tàn thu* (1939)
- *Thiên Thai* (1941)
- *Đêm sơn cước*
- *Đêm xuân*
- *Gió núi*
- *Hò kéo gõ Bạch Đằng Giang* (1941)
- *Bến xuân* (nhạc Văn Cao, lời viết chung với Phạm Duy),

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

sau này Văn Cao viết lời mới và đổi thành *Đàn chim Việt*.

- *Suối mơ*
- *Thu cô liêu* (1942)
- *Cung đàn xưa* (1942)
- *Gò Đống Đa* (1942)
- *Trương Chi* (1943)
- *Tiến quân ca* (1944)
- *Hải quân Việt Nam* (1945)
- *Không quân Việt Nam* (1945)
- *Công nhân Việt Nam*
- *Bắc Sơn* (1945)
- *Chiến sĩ Việt Nam* (1945)
- *Làng tôi* (1947)
- *Ngày mai*
- *Thăng Long hành khúc ca*
- *Tiến về Hà Nội*
- *Tình ca Trung du*
- *Trường ca sông Lô* (1947)
- *Ngày mùa* (1948)
- *Ca ngợi Hồ Chủ tịch* (1950)
- *Mùa xuân đầu tiên* (1976)

Thơ:

- *Lá* (tập thơ, Tác phẩm mới, 1988)
- *Tuyển tập Văn Cao* (Văn học, 1994)

Trích thơ:

### **Một đêm đàn lạnh trên sông Huế**

*Nảy nảy tơ đồng nhịp nhịp đôi  
Lòng nâng ngọn ngọt lại đầu môi  
Này em hát khúc tương tư nhé  
Ngâm khẽ em ơi nhẹ nhẹ lời*

## HUỶNH ÁI TÔNG

Sao đàn u hoài gì mùa thu?  
Sao đàn u hoài gì mùa thu?  
Tri âm nghe thử dây đồng vọng  
Lạc lõng đêm vàng khi nhạc ru

Như Tử Kỳ nghe nhạc Bá Nha  
Em nghe anh dạo khúc thu xa  
Thuyền xuôi về bến mô thuyền bi  
Sông trắng bờ xa lộ bóng nhà

Giọng hát sâu chi phần nữ ơ  
Từng canh trời đêm một sao rơi  
Tà tà trăng lặn hiu hiu gió  
Ánh lửa chài xa thấp thoáng trôi

Tay nhân tơ chùng đã ngấm sương  
Hò ngân cung Bắc lướt cung Thương  
Dòng Tiêu Kim Thủy gà xao xác  
Ngẩng thấy kinh kỳ khói vấn vương

Em cạn lời thôi anh dứt nhạc  
Biệt ly đôi phách ngó đàn tranh  
Một đêm đàn lạnh trên sông Huế[1]  
Ôi nhớ nhung hoài vạt áo xanh

### **Ai về Kinh Bắc**

Có ai cưỡi ngựa về Kinh Bắc  
Tôi gửi nhờ đem hộ lá thư?  
Trời hỡi! óm nằm trong quán trọ  
Bạn bè còn lại mấy bài thơ...

Trông qua song cửa: trời vàng úa  
Mấy lá bàng rơi nhắc nhớ thu!  
Chiều óm cũng đang chậm chậm xuống

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
*Sương mù chìm lẫn lá vàng thưa.*

*Hỡi người cưỡi ngựa về Kinh Bắc  
Tôi gửi thư đưa hộ mẹ già  
Cố thét song lời tôi yếu quá  
Ngựa đều chân chạy, nhạc càng xa.*

14-10-1941

Trích từ tập thơ "Lá", NXB Tác Phẩm Mới, 1983

### **Đêm mưa**

*Sông chậm chậm chảy trong mưa  
Nghe chùng cô gái đã thưa nhát chèo*

*Mưa trong trăng tiếng nhỏ đều  
Bến mở mật: mấy mái lều bơ vơ*

*Thuyền vào nằm ngủ trong mưa  
Trên con sông vắng lập lòe bóng trăng*

*Khuya rồi ốc giục trong làng  
Thuyền ai vợ vẫn trôi sang bến này*

Thu 1941

Trích từ tập thơ "Lá", NXB Tác Phẩm Mới, 1983

### **Bài thơ bên suối**

*Suối mơ bên rừng thu vắng  
Dòng nước trôi lững lờ ngoài nắng  
Ngày chưa đi sao gió vương?  
Bờ xanh ngát bóng đôi cây thùy dương*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Suối ơi ôi nguồn yêu mến  
Còn ghi khi bóng ai tìm đến  
Đàn ai ngân buông lưu luyến  
Suối hát theo đôi chim uyên*

*Từng hẹn mùa xưa  
Cùng xây nhà bên suối  
Nghe suối róc rách trôi  
Hoa lừng hương gió ngát  
Đàn ai đùa trong khóm lá vàng tươi*

*Tơ đàn chùng nhớ tháng năm  
Rừng còn nhớ tới người  
Trong chiều nào giữa chốn đây  
Hồn cảm lắng tiếng đời*

*Suối ơi nghe rừng ca hát  
Dòng êm đưa lá khô vàng trôi  
Còn như dư hương yêu dấu  
Với suối xưa trôi nơi đâu? ...*

Bài thơ này đã được nhạc sĩ Văn Cao phổ nhạc thành nhạc phẩm *Suối mơ*.

### **Chiếc xe xác qua phường Dạ Lạc**

*Ngã tư nghiêng nghiêng đóm lửa  
Chập chờn ảo hóa tà ma...  
Đôi dãy hồng lâu cửa mở phấn sa  
Rũ rượi tóc những hình hài địa ngục  
Lạnh ngắt tiếng ca nhi phách giục  
Tình tang... Nỗi nuốt khóc tàn sương  
Áo thê hoa rũ rượi lượn đêm trường  
Từng mỹ thể rạc hơi đèn phù thể*



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Ta đi giữa đường dương thế  
Bóng tối âm thâm rưng xuống chân cây...  
Tiếng xe ma chở vội một đêm gầy  
Xác trụy lạc rũ bên thềm lá phủ  
Ai hát khúc thanh xuân hờ ơi phần nữ  
Thanh xuân hờ thanh xuân  
Bước gần ta chút nữa thêm gần  
Khoảng giữa tuổi thanh xuân nghe loạn trùng hút tủy  
Ai hủy đời trên tang trống nhỉ?  
Hay ác thần gõ quách nạo mồ khuya!  
Đảo điên... mê say... Thế phách chia lia  
Nghe reo mạnh, chuỗi tiền cười lạnh lẽo!  
Tiền rơi! Tiền rơi! chùm sao huyền diệu  
Lấp lánh hằng hà gạo rơi! Tiền rơi!  
- Vàng mấy lá thừa đãi mây phủ chiếu  
Ngã tư nghiêng nghiêng chia nẻo  
Dặt dìu cung bậc âm dương  
Tàn xuân nhẽ nhạt mưa cô tịch  
Đâm đìa rả rích phương Đông  
Mang mang thở dài hồn đất trịch  
Lưỡi thép trùng trùng khép cổ đô  
Cửa ô đau khổ  
Bốn ngã âm u  
(Nhà ta thuê mái gục tự mùa thu  
Gác cô độc hương về phường Dạ Lạc)  
Đêm đêm, dài canh tan tác  
Bốn vực nhạc động, vẫy người  
Giã đèn chao thấp đỏ quanh máu đời  
Ta về gác chiếu chẵn gào tự tử  
Trên đường tối đêm khóa thân khiêu vũ  
Kèn nhịp xa diệu múa vô luân  
Run rẩy giao duyên khối nhạc trầm trầm  
Hun hút gió nâng cầm ca nặng nhọc  
Kiếp người tang tóc  
Loạn lạc đòi xương chất lên xương  
Một nửa kêu than, ma đói sa trường

## HUỖNH Ỉ TÔNG

*Còn một nửa lang thang tìm khoái lạc  
Ngũ tư nghiêng nghiêng xe xác  
Đi vào ngõ khỏỉ công yên  
Thấy băng khuâng lỏỉ cỏ hư huyền  
Hương nha phiến chập chờn mộng ảo  
Bánh nghiền nhựa đường nghe sào sạo  
- Ai vạc xương đổ sọ xuống lòng xe  
Chiếc quỹ xa qua bốn ngã ẽ chẽ  
Chở vạ kiếp đi hoang ra khỏỉ vực  
Mưa, mưa hàng thao thức  
Trong phố lỏỉ đều hiu  
Mưa, mưa tràn trên vực  
- Hang tối gục tiêu điềủ  
Mang linh hồn cô liêu  
Tiếng xe càn ảm ảnh  
Tiếng xa dần xa lánh  
Khi gà đầu ô kêu.*

(1945)

### **Anh hùng ca**

*Mắt sáng ngời lên như ánh dương,  
Rượu hồ, da đỏ, khách ly hương.  
Thiên bôỉ đối ảm nhìn quan ảỉ:  
Quần quại cờ bay trong gió sương.*

*Lắng nghe dòng máu ta đang sôi!  
Say nữa! Say lên tráng sĩ ôỉ!  
Lòng thép vang rền: xương gãy rạn,  
Sa trường: than ôỉ là toi bôỉ!*

*Chuyện thê nhi: Bẻ trâm vàng đi!  
Khăn lụa người cho lau máu đi!  
ảnh tặng giầu vào trong ngực áo!  
Trở về? - Không! Chỉ có ra đi!*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Quan san xa cách trùng dương hận.*

*Cười ré lên nào! Rủ nữa lên!*

*Da đỏ trời ơi là máu! Máu!*

*Bên ngoài quan ải linh thay phiên.*

*Đập vỡ cho ta hồ rượu này!*

*Chén thù uống cạn nhớ đêm nay;*

*Trắng vàng vỡ nữa, gương tình lỗi*

*Khuê nữ đâu say hơn rượu đây?*

*Anh em! Anh em! Hãy cố say!*

*Mai gặp nhau chẳng hay gặp thầy?*

*Da cổ ví dây đàu đỡ rụng,*

*Thây anh rồi lấp với thây này.*

*Xót đời linh thú không tên tuổi,*

*Cả một nghìn thây đổi lấy thành,*

*Nói đến cuộc đời còn chẳng tiếc,*

*Tiếc gì nước mắt đón đưa, anh?*

### **Không đề**

*Con thuyền đi qua*

*để lại sóng*

*đoàn tàu đi qua*

*để lại tiếng*

*đoàn người đi qua*

*để lại bóng*

*tôi không đi qua tôi*

*để lại gì?*

### **Năm Buổi Sáng Không Có Trong Sự Thật**

*"Những mái nhà ủ những cánh chim đêm*

*Ủ những giấc mơ dưới trời sao lỏng lẻo"*

## HUỶNH ÁI TÔNG

### Một

Ngủ dậy một sáng  
Cả phố biến đầu mắt  
Không một bóng người đi  
Im lặng hồ nước sâu thăm thẳm  
Mặt đất đỏ màu gạch nung  
Như miệng quả núi lửa  
Anh đi tìm em  
Tìm dấu vết những con đường  
Chúng ta thường đi lại  
Giữa mênh mông tôi gọi em mãi mãi  
Thế kỷ chúng ta đứng lại nơi đây  
Em ở đâu ?  
Thế kỷ chúng ta còn đang tiếp tục  
Trên trái đất này  
Hàng ngày đứng lại nơi đây  
Tôi gọi em mãi mãi

### Hai

Buổi sáng nay không nghe tiếng chim hót  
Một buổi sáng không thật  
Tôi bước đi không thấy tiếng chân đi  
Cả thành phố cùng tôi im lặng  
Tất cả những con người  
Chỉ thấy mắt đen lay láy  
Cả tiếng xe không thành tiếng  
Tại sao ? Tại sao ?  
Không ai nhìn miệng tôi gào thét không ra tiếng  
Trong kinh hoàng tôi chạy trên đất  
Một mình  
Giữa thành phố mọi người im lặng  
Tại sao ? Tại sao ? Không tiếng nói

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Không tiếng động, không sự sống  
Tại sao thành phố sa mạc  
Không nghe gió thổi  
Những hình người như bị đẩy  
Qua nhanh  
Hình như nơi đây  
Bị dày trong im lặng*

### **Ba**

*Buổi sáng nay không phải mình thức dậy  
Một người nào trong tôi đang thờ  
Trước mặt tôi  
Buồn nửa đêm nửa ngày len lỏi  
Nửa phố mặt trăng nửa phố mặt trời  
Từ khi ấy chúng tôi, hai người suy nghĩ  
Hai kẻ thù nhau  
Hai thái cực tâm hồn  
Hai người ấy trong một người chịu đựng  
Muru lại lẫn nhau  
Không biết ngày đêm không biết giả thật  
Từ phút ấy, tôi không còn thật nữa*

### **Bốn**

*Buổi sáng nay cả phố phường như mở hội  
Mọi con người đeo mặt nạ đi chơi  
Những bước chân nhảy múa  
Vui lên cảnh non  
Lá bàng trên phố xanh màu ngọc  
Xuân tháng hai  
Cửa hàng rượu bên đường  
Tơ lụa pha len, hoa giấy ni-lông  
Những mặt nạ gặp nhau chào hỏi  
Những em bé búp-bê mùa xuân  
Hồng hào da thịt*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Ngồi đập nút chai làm tiền bạc chơi xuân  
Mở tròn mắt nhìn kinh ngạc  
Họ vui làm sao  
Ô kìa  
Nước mắt mờ hôi  
Sao chảy ra trên từng mặt nạ  
Từng con người  
Vội vàng lau mờ hôi và nước mắt  
Trên những mặt nạ giấy bồi*

### **Năm**

*Những cánh cửa đều khóa chặt  
Trong gian phòng trong suốt thủy tinh  
Em ở đây với anh  
Cho bớt lạnh sáng mùa xuân náo nức  
Thịt da em cho anh sờ  
Hơi ấm mình con chim khuyên  
Trong lòng bàn tay  
Run rẩy  
Giữa hai cành non  
Nghe nhựa mùa xuân  
Những nụ hồng mới nở  
Và mật vừa thơm và ong đã tới  
Chúng ta đi vào bí mật mùa xuân  
Ngày đầu tiên của em trên biển*

(1960)

*Nhạc của Văn Cao không nhiều như Phạm Duy hay Trịnh Công Sơn, nhưng nhạc của ông được chọn làm Quốc ca cho Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, những bài còn lại là nhạc êm dịu, trữ tình. Trong đó hai tình khúc được đánh giá cao nhất là Thiên Thai và Trương Chi.*

*Trường ca “Sông Lô”, theo nhạc sĩ Phạm Duy đánh giá: “Đó*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*là tác phẩm vĩ đại... chẳng thua bất cứ một tuyệt phẩm nào của nhạc cổ điển Tây phương... Bài này đánh dấu sự trưởng thành của Tân nhạc".*

*Thơ của ông lời êm dịu, tứ giản đơn, người đọc dễ cảm nhận. Ông đã góp phần vào cuộc đấu tranh giành độc lập từ thực dân Pháp, và đòi hỏi tự do dân chủ, trong những ngày đầu khi nước nhà độc lập, dưới chế độ cộng sản.*

Tài liệu tham khảo:

- Văn Cao Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Văn Cao Web: [nhanmonquan.net](http://nhanmonquan.net)

## HUỖNH ÁI TÔNG

### 4) Nguyễn Hữu Đàng



### Nguyễn Hữu Đàng (1913-2007)

Nguyễn Hữu Đàng sinh ngày 15 tháng 8 năm 1913 tại làng Trà Vy, huyện Vũ Tiên, tỉnh Thái Bình. Theo bản *"Tóm tắt quá trình hoạt động xã hội của Nguyễn Hữu Đàng"* do chính ông viết, từ năm 16 tuổi, Nguyễn Hữu Đàng đã tham gia Học Sinh Hội làm tổ trưởng và đã là đối tượng được kết nạp vào đảng, đó là năm 1929.

Cuối 1930, bị bắt, bị tra tấn và bị giam 2 tháng rưỡi tại nhà lao Thái Bình. Hè 1931, bị đưa ra toà, nhưng vì tuổi vị thành niên cho nên chỉ bị quản thúc tại quê nhà. Từ 1932 đến 1936, Nguyễn Hữu Đàng học trường sư phạm Hà Nội.

1937-1939: tham gia Mặt Trận Dân Chủ Đông Dương. Biên tập các báo của Mặt Trận như *Thời Báo* (cùng Trần Huy Liệu, Nguyễn Đức Kính), *Ngày Mới* (cùng Nguyễn Đức Chính, Nguyễn Đức Kính) và các báo của Đảng Cộng Sản như *Tin Tức* (cùng Trần Huy Liệu, Phan Bội), *Đời Nay* (cùng Đặng Xuân Khu tức Trường Chinh và Trần Huy Liệu).

Từ 1938 đến 1945, hoạt động trong Hội Truyền Bá Quốc Ngữ, ở các vị trí: Ủy viên ban trị sự trung ương, Huấn luyện viên



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

trung ương, Trưởng ban dạy học, Trưởng ban cổ động, Phó trưởng ban liên lạc các chi nhánh tỉnh.

1943: Gia nhập đảng Cộng Sản Đông Dương, bắt đầu liên lạc mật thiết với Tổng bí thư Trường Chinh và thành ủy Hà Nội, *nhưng vẫn chưa được chính thức kết nạp vào đảng.*

Năm 1943 đến 46: Tham gia sáng lập và lãnh đạo Hội Văn Hoá Cứu Quốc, tiếp tục hoạt động chống nạn mù chữ. Mùa thu 1944 bị Pháp bắt ở Hà Nội và bị giam một tháng tại Nam Định. Được thả, lại tiếp tục hoạt động cách mạng.

Tháng 8 năm 1945 dự đại hội Tân Trào, được bầu vào Ủy Ban Giải Phóng Dân Tộc. Tham gia Chính Phủ Lâm Thời mở rộng, giữ chức thứ trưởng Bộ Tuyên Truyền. Được cử làm trưởng ban tổ chức ngày lễ tuyên bố độc lập 2-9-1945.

Từ tháng 10-1945 đến tháng 12-1946 giữ các chức vụ: Thứ trưởng Bộ Thanh Niên, chủ tịch Ủy Ban Vận Động Mặt Trận Văn Hoá. Tổ chức Hội Nghị Văn Hoá Toàn Quốc lần thứ nhất tại Hà Nội.

Từ tháng 12-1946 đến tháng 3-1948, làm Trưởng ban Tuyên Truyền Xung Phong Trung Ương.

Năm 1947, được chính thức kết nạp vào Đảng Cộng Sản Đông Dương.

Tháng 4-1948 đến 4/1949, phụ trách báo *Toàn Dân Kháng Chiến*, cơ quan trung ương của Mặt Trận Liên Việt.

Tháng 7-49 đến 10-54: Trưởng ban thanh tra Nha Bình Dân Học Vụ.

Tháng 11-54 đến 4-58: Tổ chức biên tập báo *Văn Nghệ*.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Cuối năm 56 đầu năm 57: Tổ chức, lãnh đạo và biên tập báo *Nhân Văn*. Giúp đỡ tập san *Giai Phẩm*.

Những dòng trên đây trích theo tài liệu viết tay của Nguyễn Hữu Đang, đã dẫn ở trên. Về NVGP, ông chưa thêm: "*Những hoạt động này là tự ý làm ngoài công tác, vô tổ chức*".

Hoạt động NVGP từ tháng 9-1956, với *Nhân Văn* số 1, ra ngày 20-9-56, và chấm dứt với *Nhân Văn* số 6, chưa ra, đã bị đình bản, tháng 12-56.

Tháng 4-1958 Nguyễn Hữu Đang bị bắt trên đường vào Nam.

Ngày 19-1-1960, ông bị đưa ra toà cùng với Thụy An, Trần Thiều Bảo, Phan Tại, và Lê Nguyên Chí.

Bị kết án 15 năm tù, 5 năm mất quyền công dân, tội "*phá hoại chính trị*". Từ Hòa Lò chuyển lên Yên Bái, rồi Hà Giang.

Năm 1973, được thả cùng với Thụy An, diện "*Đại xá chính trị phạm trong hiệp định Paris*".

Từ năm 1973 đến năm 1989, bị quản chế ở Thái Bình 16 năm.

Năm 1989, được "phục hồi".

Năm 1990, được trả lương hưu.

Từ 1993, được về sống ở Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy ngoại ô Hà Nội cho đến khi mất.

Ông mất ngày 8 tháng 2 năm 2007 tại Hà Nội, thọ 94 tuổi.

Tác phẩm:

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

- *Cần phải chính quy hơn nữa* (Nhân văn số 4 ra ngày 5-11-1956)

- *Hiến pháp Việt Nam 1946 và Hiến pháp Trung Hoa bảo đảm tự do dân chủ như thế nào?* (Nhân văn số 5 ra ngày 20-11-1956)

- *Bộ Vòng Xơ Men* (báo Lao Động tháng 12-1993)

- *Ngày Độc lập* (hồi ký 200 trang đã có hợp đồng với NXB Văn hóa)

Trích văn:

*Hà Nội, ngày 10-11-1993*

Anh Hoàng Hưng thân mến,

Tôi gửi vào lời ân cần hỏi thăm sức khỏe, sinh hoạt và công việc của anh và của các bạn tốt đã quan tâm đến đời sống của tôi với tình nhân ái cao quý. Một lần nữa, tôi khẳng định lòng biết ơn sâu sắc của tôi đối với thịnh tình của các bạn. (Xin nói rõ: tôi đã rất phấn khởi nhận được đầy đủ các món quà của các bạn mà anh em ngoài này gọi là “lộc”).

Hôm anh trở về, tôi không biết trước để đến cùng anh chia tay, tôi rất tiếc và xin anh thứ lỗi. Từ sau buổi gặp anh, tôi vẫn có ý muốn gửi vào trong ấy một cái gì làm món quà mọn tỏ mối quan hệ thân thiện giữa chúng ta, mối quan hệ mà tôi mong càng ngày càng phát triển tốt đẹp.

Các bạn hãy coi như chúng ta gặp nhau, cùng nhau nói chuyện vui vẻ, thân mật và tôi cao hứng cho các bạn nghe một bài thơ, kể cho các bạn nghe một câu chuyện yêu đương thời còn trẻ. Quà sông thế đấy!

Thơ thì tôi ít lắm nhưng cũng có sẵn một bài làm trong trại giam năm 1960 nhân nghe một người đồng cảnh ngâm mấy câu thơ của Vũ Hoàng Chương là bạn học với tôi hồi còn nhỏ. Tôi

## HUỖNH ÁI TÔNG

chép gửi vào để các bạn đọc cho biết một vài cảm nghĩ của tôi, cách đây ba mươi ba năm, về tình nhân loại vẫn đực những tội ác của chủ nghĩa Xtalin, chủ nghĩa Mao Trạch Đông, chủ nghĩa đế quốc Mỹ... chủ nghĩa phát xít đã qua hay biến dạng và những hành động duy ý chí tổn hại vô ích.

Chuyện thì có đoạn hồi ký tôi mới viết gần đây. Tôi ghi lại **hoàn toàn đúng sự thật**, có sai chệch chút ít thì cũng chỉ trong chi tiết nhỏ, thí dụ lời lẽ những câu đối thoại (trí nhớ không thể trung thành như máy ghi âm). Nếu các bạn thấy câu chuyện “**có vẻ tiểu thuyết**” thì lý do chính bản thân sự việc nó như thế, nó giống nội dung một cuốn tiểu thuyết nào đó một cách ngẫu nhiên chứ không do tôi thêm dặt. Các bạn biết đấy, sự thật nhiều khi vượt xa hư cấu hoặc trùng hợp với hư cấu.

Cũng xin bộc lộ là chính vì lý lo cái “vẻ tiểu thuyết” dễ gây nghi ngờ mà trong đoạn hồi ký này tôi đã phải bới đi hai tình tiết có thật không quan trọng:

1. Trên thực tế, trong buổi đầu tôi gặp Huyền Nhiên ở giữa đường, có cả cô em Huyền Nhiên xấp xỉ tuổi chị. Trong bài viết tôi phải loại bỏ sự thật có mặt của cô ta để khỏi giống đoạn đầu *Truyện Kiều*.

2. Trên thực tế, còn có một người anh họ xa của Huyền Nhiên cũng yêu Huyền Nhiên tha thiết mà không được Huyền Nhiên đáp lại. Trong bài viết tôi phải loại bỏ sự tồn tại của anh ta để khỏi giống *Đoạn tuyệt* của Nhất Linh có nhân vật Thân (tầm thường) bên cạnh nhân vật Dũng (xuất sắc) cho Loan so sánh, lựa chọn trong lòng.

Ngoài ra, để tránh sự phản ứng có thể sẽ có ở phía chồng và các con của Huyền Nhiên đang sống ở Sài Gòn – do câu nệ hay hẹp hòi, không muốn ai nói động đến chuyện yêu đương cũ dù là đúng đắn của người thân đã khuất, tôi gọi chệch các tên thật (...). Thế thôi.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Tôi gửi bài hồi ký vào, trước nhất để các bạn đọc cho vui, nhưng nếu anh thấy có thể đăng báo và chuyển đến tờ *Lao Động* mà các bạn đang góp sức đẩy mạnh, thì tôi càng hoan nghênh. Tôi vẫn có thiện cảm với tờ báo ấy.

Trong trường hợp **đăng được**, tất nhiên tôi phục tùng quyền sửa chữa và quyết định tối hậu của Ban biên tập, nhất là việc **cắt bớt** thì không nên dè dặt, miễn là có chỉ rõ chỗ cắt bằng ba dấu chấm (...).

Về đầu đề, có thể dùng "Bộ vòng xơ-men" hoặc "Bộ vòng giao ước", tùy Ban biên tập chọn.

Bài hơi dài, không nhất thiết phải đăng ngay, có thể giữ lại, đăng vào số Tết có nhiều trang.

Trong trường hợp **không đăng được**, anh cứ tin là vẫn vui vẻ cả và anh hãy yên tâm giữ bản thảo lại làm vật lưu niệm (tôi đã viết sẵn câu đề tặng <sup>[4]</sup>). Anh chỉ cần báo cho biết càng sớm càng tốt bằng thư gửi qua Phùng Quán (Ngõ số 10, cạnh trường Chu Văn An, đường Thụy Khuê, quận Ba Đình, Hà Nội.)

\*

Dưới đây là đôi nét về tình hình tôi hiện nay mà dĩ nhiên là bài Phùng Quán viết về tôi không thể nào nói rõ vì Quán đến thăm tôi đầu năm 1991, từ bấy đến nay đã gần ba năm, trong thời gian ấy người ta đã có thay đổi một phần cách đối xử với tôi cũng như với những anh em *Nhân văn* khác, xin báo cáo tỉ mỉ cùng các bạn quý:

1. Người ta không chính thức công bố sửa sai, phục hồi theo tinh thần Đại hội VI, cứ đối xử khác đi để ai chú ý thì ngầm hiểu như thế. Vấn đề là giữ ý thế nào đó.

## HUỶNH ÁI TÔNG

2. Người ta trả lại chế độ hưu trí nhưng ấn định mức lương một cách tùy tiện chứ không kể cấp bậc, không tính thâm niên. Đáng lẽ, phải xếp tôi tối thiểu chuyên viên 7, nhưng chỉ xếp chuyên viên 5.

3. KGB không còn gây phiền hà hay xử sự thô bạo như trước. Ít ra, bề ngoài tôi cũng bình thường như mọi người dân lương thiện.

4. Hoạn quan, bồi bút không còn lên gân đả kích, qui chụp, chỉ thỉnh thoảng nói mơ hồ “vụ *Nhân văn-Giai phẩm* đã giải quyết xong rồi”.

5. Hội Nhà văn thay Hội Văn nghệ cũ nhận là cơ quan chủ quản của tôi (được coi là cán bộ biên tập của Hội đã về hưu).

Hằng năm, đến Tết có biếu quà mừng tuổi. Vào dịp kỷ niệm 40 năm xuất bản báo *Văn Nghệ* có mời đến chiêu đãi riêng và tặng 100.000<sup>d</sup>. Nhân dịp anh em văn nghệ sĩ mừng thọ tôi 80 tuổi, có cử Hữu Mai đại diện đến chúc mừng và tặng quà.

6. Nhà xuất bản Văn Hoá đã ký hợp đồng ấn hành một tập hồi ký 200 trang của tôi.

7. Một số tờ báo sẵn sàng đăng bài hiện lành nhưng tôi chỉ mới hứa hẹn (trừ tờ *Nghệ thuật Điện ảnh* đã đăng hai bài).

8. Chưa được hưởng trợ cấp lão thành cách mạng tuy có đủ tiêu chuẩn. Vì đã phạm kỷ luật nghiêm trọng (Không cần biết việc thi hành kỷ luật đã được xét và sửa sai).

9. Chưa được phân phối một căn hộ hai phòng để có chỗ sống là phụ, có chỗ chết là chính. Đã tích cực đề nghị mà chưa được trả lời

10. Nói tóm tắt một câu thì việc sửa sai, phục hồi đối với tôi mới chỉ được thực hiện nửa vời, chiếu lệ.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Chắc chắn tôi sẽ chết trước khi được xã hội trả lại đầy đủ sự công bằng theo lương tri chứ không phải sự “công bằng” theo những nguyên tắc qui định của một tổ chức.

Song song với cách đối xử mới của người ta bước đầu như trên, tôi đã tự mình xây dựng **cuộc sống chuyển hướng** trên cơ sở:

**1. Sức khoẻ** tốt: không có bệnh mãn tính nặng, không hay ốm đau lặt vặt. Cơ thể có suy nhược theo tuổi già như tai, mắt răng, đầu gối, động tác phản ứng... đều kém đi nhưng cũng còn tạm đủ dùng ở mức trung bình. Có bốn cái khoẻ: ăn khoẻ, ngủ khoẻ, nói khoẻ, đi xe đạp khoẻ. Trong lứa tuổi tám 80, thuộc loại khá.

**2. Trí tuệ** minh mẫn tuy trí nhớ yếu. Việc cũ nhớ nhiều, nhớ kỹ, việc mới hay quên. Còn đủ năng lực viết lách, viết báo, thuyết trình, thảo luận.

**3. Sinh hoạt hàng ngày** theo nếp “ba ít”: ít vật chất, ít quan hệ, ít quan tâm. Tiêu dùng đại tiết kiệm. Thiếu sách báo, tài liệu để bồi dưỡng kiến thức. Không có đồng hồ, radiô, tivi. Quần áo, chăn màn tạm đủ. Xe đạp tồi. Đối nhân xử thế sòng phẳng, chung sống hoà bình.

**4. Tình cảm:** sống với bạn bè là chính, tìm được ở những người thân tình yêu thương, quý trọng, giúp đỡ ân cần. Ngoài ra cũng có nhiều người quen biết hay không quen biết tỏ thiện cảm. Đó là niềm **an ủi**. Tự xét mình lương thiện, chưa bao giờ làm hại cá nhân hay xã hội. Đó là niềm **tự hào**.

**5. Tư tưởng,** về căn bản theo học thuyết Lão, Trang. Chấp nhận, phục tùng khách quan; thích ứng với môi trường; coi nhẹ các vấn đề đấu tranh cải tạo, cống hiến, công bằng xã hội, tiến hoá loài người v.v... Cụ thể về chính trị, cứ nhắm mắt theo đuôi tuyệt đại đa số quảng đại quần chúng nhân dân; làm nghĩa

## HUỶNH ÁI TÔNG

vụ công dân ở mức độ tối thiểu cần thiết; không cần phân biệt chủ nghĩa nào, chế độ nào, đảng phái nào. Chỉ cần hai chữ “**bình yên**”.

Trong hoàn cảnh tuổi già, thanh bần, đứng ngoài lề xã hội, lý do tồn tại của tôi những năm còn lại là **sống để xem và thưởng thức cái xem**.

**6. Hoạt động tinh thần:** nói thưởng thức cái xem là nói cảm nghĩ trong khi xem. Tôi tranh thủ những giờ nhàn rỗi (không xem) để viết những cảm nghĩ trong khi xem. **Viết chơi** như người ta chơi cây cảnh, không khăn trương, không cố gắng xuất bản hay không xuất bản không thành vấn đề. Không cần danh, lợi hay ảnh hưởng.

**7. Để dành tiền:** một câu hỏi lớn day dứt là “sẽ chết ở đâu?” Bởi vậy những món tiền mà bạn bè và những người thương yêu san sẻ, giúp đỡ, tôi không dám tiêu ngay. Phải gửi ngân hàng để tích lũy, phòng xa người ta nhất định không phân phối cho một căn phòng, cùng đường phải tự lực làm một gian bán mái bám vào chái nhà ai đấy thì tôi cũng có thể góp phần mình với các nhà hảo tâm.

Tình hình tôi mọi mặt hôm nay đại thể là như thế. Không dám chắc rồi đây tôi sẽ có thêm được cái gì tốt hơn không. Dù sao tôi cũng đã quen chịu đựng số phận bất hạnh, chỉ mong khổ vừa vừa. (Tiện đây cũng xin báo cáo thêm là tôi tin có **định mệnh** và do đó tôi nhận thức loài người là một bầy con rối.)

Anh Hoàng Hưng ạ,

Trên kia tôi có nói về tư tưởng tôi **theo** học thuyết Lão, Trang song nói cho thật đúng thì là tôi **hướng theo**, mà lại chỉ mới hướng theo ở một vài điểm nào đấy thôi. Học thuyết ấy quá cao siêu, tôi không có đủ **trình độ** và **bản lĩnh** để lĩnh hội được hết và áp dụng được thoả đáng. Nói nôm na, tôi chỉ mới dựa vào



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

quan niệm “vô vi” để kiên định thái độ “tiêu cực cầu an”, không còn sợ “tiêu cực cầu an” là **hèn**. Trái lại, tôi ngang nhiên khoe mình “tiêu cực cầu an” vì đó là chân lý, là con đường đi tới hạnh phúc – “tiêu cực cầu an” có lý tưởng, có lập trường vậy.

Chưa cần tìm hiểu sâu xa gì lắm, chỉ cần biết một điểm này: Lão Đam khuyên dạy người đời cái lẽ “**tri túc**”: **Hãy tự lấy làm bằng lòng với những cái gì mình đang có**. Đây là bí quyết để sung sướng, ít ra cũng là bí quyết để tránh bấp bênh, vất vả, bảo đảm **binh yên**.

Tôi thật lòng muốn học đời “**tri túc**” để biến cái **thiếu** khách quan, phạm tục thành cái **đủ** chủ quan tiên tử.

Chúc các bạn trong ấy vui, mạnh, thành công và “**tri túc**”.

Xiết chặt tay và mong gặp lại

Nguyễn Hữu Đang

(Bài thơ gửi kèm thư)

### **Quán trọ hành tinh**

Gửi Vũ Hoàng Chương, nhà thơ Đạo học

Nguyễn Hữu Đang

*Anh “đến nhân gian lạc bến bờ  
Tìm sông lưu lạc, núi bơ vơ” (1)  
Biết chẳng sâu oán vùi tâm thức  
Máu đầm tay người ngáp phím tơ  
Bước chân lịch sử đi không vội  
Tơ nhện thiên đường dệt giấc mơ  
Ngày đêm vô hạn hành tinh vỡ  
Lặng ngắt tinh không vũ trụ mờ*

HUỶNH ÁI TÔNG  
Yên Bái, 1960  
N. H. Đ.

(1) Lời thơ Vũ Hoàng Chương:

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI  
của Nguyễn Hữu Đang  
(Sinh năm 1913 ở làng Trà Vỹ, huyện Vũ Tiên, tỉnh Thái Bình.)

1929-1931: Năm 1929, ở tỉnh lỵ Thái Bình, tham gia Học sinh Hội thuộc Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội Hội nội Đông dương công sản Đảng. Là tổ trưởng và tổ trưởng kết nạp Đảng.  
Cuối năm 1930, bị tổng đốc Vũ Văn Đĩnh (tay sai của Đế quốc) bắt, tra tấn và giam giữ hai tháng rưỡi ở nhà lao thị xã Thái Bình.  
Mùa hè 1931 bị đưa ra tòa án Thái Bình kết xử cùng với các đồng chí cách mạng khác. Vì chưa đến tuổi thành niên, chỉ bị xử phạt quản thúc tại sinh quán là làng Trà Vỹ, huyện Vũ Tiên, tỉnh Thái Bình. (Tuổi chính thức trong giấy khai sinh là tuổi rứt bớt để hợp thể lệ vào học trường Pháp-Việt thời ấy; tuy sinh năm 1913 nhưng phải khai năm 1916, do đó lúc ra tòa được coi như ở vị thành niên...)

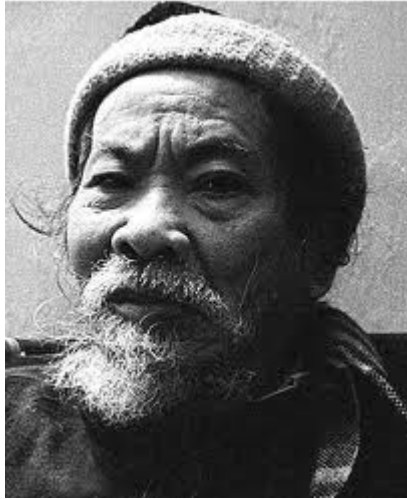
Thủ bút của Nguyễn Hữu Đang

Nguyễn Hữu Đang là một người cương trực, thẳng thắn, một nhà hoạt động chính trị, văn hoá khá nổi tiếng và là một nhân cách lớn. Mặc dù bị oan khuất gần 30 năm, nhưng ông vẫn tự cho mình là người cộng sản chân chính. Trong những tác phẩm của ông, người ta không thấy sự oán giận mà chỉ thấy sự khoan dung, nhân hậu, lòng tin vào tương lai của đất nước, dân tộc. Bài của ông viết được Trần Duy, thư ký tòa soạn Nhân Văn khen là viết giỏi, viết hay và rành mạch.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Hữu Đang Web: diendan.org
- Nguyễn Hữu Đang Web: vi.wikipedia.org
- Nguyễn Hữu Đang Blog: talawas

5) Trần Dần



**Trần Dần - Trần Văn Dần (1926-1997)**

Nhà thơ Trần Dần tên thật là Trần Văn Dần, sinh ngày 23 tháng 8 năm 1926 tại thành phố Nam Định. Thân phụ ông là một viên chức kho bạc Nam Định. Ông học qua bậc Thành chung ở quê rồi lên Hà Nội học tiếp và đỗ Tú tài Triết.

Năm 1946, Trần Dần cùng Trần Mai Châu, Đinh Hùng, Vũ Hoàng Ịch, Vũ Hoàng Chương thành lập nhóm thơ tượng trưng *Dạ đài* với tuyên ngôn 16-11-1946 có những câu: "Chúng tôi, một đoàn vong gia thất thổ, đã đầu thai nhằm lúc sao mờ...". Đến ngày 19-12-1946, ông cùng nhóm *Dạ đài* ra số báo *Dạ Đài* 2, khi Kháng chiến chống Pháp bùng nổ, ông trở về Nam Định tham gia công tác thông tin tuyên truyền ở huyện Vụ Bản rồi làm việc ở *Sở Tuyên truyền Khu IV*.

Năm 1948, ông tham gia Vệ quốc quân, ở Ban Chính trị Trung đoàn 148 Sơn La (nay thuộc Sư đoàn 316), làm công tác tuyên truyền cùng Vũ Khiêu, Vũ Hoàng Ịch, sau đó làm báo ở mặt trận Tây Bắc và phụ trách văn công Trung đoàn 148 Sơn La.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Trần Dần cùng Trần Thu, Hoài Niệm tham gia sáng lập nhóm văn nghệ quân đội đầu tiên - *Nhóm Sóng Đà*. Thời gian này ông bắt đầu làm thơ bậc thang và vẽ tranh lập thể, bị cho là khó hiểu. Ông là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (lúc ấy có tên là Đảng Cộng sản Đông Dương) từ năm 1949.

Năm 1954, cùng với Đỗ Nhuận, Tô Ngọc Vân, Trần Dần tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ và viết truyện dài *Người người lớp lớp*. Chiến dịch kết thúc, ông được cử sang Trung Quốc viết thuyết minh phim *Chiến thắng Điện Biên Phủ*. Tuy nhiên do bất đồng với người cán bộ chính trị đi cùng nên ông "nhường" cho người này viết thuyết minh.

Tháng 03 năm 1955, ông tham gia phê bình tập thơ *Việt Bắc* của nhà thơ Tố Hữu. Trần Dần nhận định tập thơ Tố Hữu nhỏ bé nhạt nhẽo trước cuộc sống vĩ đại và mắc một sai lầm nghiêm trọng là sùng bái cá nhân, thần thánh hoá lãnh tụ.

Tháng 04 năm 1955, ông cùng Đỗ Nhuận, Hoàng Tích Linh, Hoàng Cầm, Trúc Lâm, Tử Phác đệ trình *Dự thảo đề nghị cho một chính sách văn hoá* với các đề nghị yêu cầu tự do sáng tác, trả quyền lãnh đạo văn nghệ về tay văn nghệ sĩ, thủ tiêu hệ thống chính trị viên trong các đoàn văn công quân đội, sửa đổi chính sách văn nghệ trong quân đội. Ông cũng viết đơn xin giải ngũ và đơn xin ra khỏi Đảng, và quyết định kết hôn với bà Bùi Thị Ngọc Khuê, là người theo đạo thiên chúa và gia đình đã di cư vào Nam, bất chấp sự phản đối của các cấp lãnh đạo quân đội.

Từ ngày 13 tháng 6 đến 14 tháng 9 năm 1954, ông bị giam theo quân kỷ để kiểm thảo cùng với Tử Phác ở đơn vị. Trong thời gian này bà Bùi Thị Ngọc Khuê bắt đầu ốm nghén người con đầu lòng là Trần Thị Băng Kha, còn ông sáng tác bài thơ *Nhất định thắng*.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Từ 2 tháng 11 năm 1955 đến giữa tháng 2 năm 1956, được "phân công" đi tham quan cải cách ruộng đất đợt 5 tại Bắc Ninh. Trong thời gian này ở Hà Nội Hoàng Cầm cho đăng bài thơ "Nhất định thắng" trong tờ *Giai Phẩm Năm 1956*, sau này được gọi là *Giai Phẩm Mùa Xuân*, tờ giai phẩm này bị tịch thu.

Tháng 2 năm 1956, Hội Văn Nghệ tổ chức hội nghị phê bình bài thơ "*Nhất định thắng*" với 150 văn nghệ sĩ tham dự. do nội dung có những câu bị cho là phản động, chống phá cách mạng:

*Tôi đã sống rãi rời cân nã  
Quãng thời gian nhưng nhúc chuyện đi Nam...  
Họ léch thếch cùng nhau đi từng mảng  
Họ kêu những thiếu tiền, thiếu gạo  
Thiếu cha, thiếu Chúa, thiếu vân vân  
.....  
Tôi bước đi  
                                không thấy phố  
                                không thấy nhà  
Chỉ thấy mưa sa  
                                trên màu cờ đỏ  
Gặp em trong mưa  
Em đi tìm việc  
Mỗi ngày đi lại cúi đầu về  
- Anh ạ !  
                                họ vẫn bảo chờ...  
Tôi không gặng hỏi, nói gì u ?  
Trời mưa, trời mưa*

Ông bị kết án là đồ đệ của Hồ Phong ở Trung Quốc, mất lập trường giai cấp và đi ngược lại đường lối của Đảng. Theo lệnh Tố Hữu, Trần Dần bị bắt từ nơi tham quan Cải Cách Ruộng Đất, đưa về Hà Nội nhốt ở dưới hầm, ông dùng dao cạo râu cửa cổ, giả tự tử để được tướng Nguyễn Chí Thanh can thiệp thả ra.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Ngày 7 tháng 3 năm 1956, báo Văn Nghệ số 110 có đăng bài của Hoài Thanh *Vạch trần tính chất phản động trong bài thơ "Nhất định thắng"* của Trần Dần.

Tháng 9 năm 1956, báo Nhân Văn ra đời, do Phan Khôi làm chủ nhiệm, Trần Duy làm thư ký toà soạn, Minh Đức xuất bản, ban biên tập gồm Nguyễn Hữu Đang, Trần Duy, Lê Đạt, Hoàng Cầm, Trần Dần. Trong số 1 có đăng bài *Con người Trần Dần - Tiến đến việc xét lại một vụ án văn học: Trần Dần* của Hoàng Cầm.

Ngày 15 tháng 12 năm 1956, Ủy ban hành chính Hà Nội ra thông báo đóng cửa báo Nhân Văn. Sau khi in được 5 số, đang chuẩn bị in Nhân Văn số 6.

Cuối tháng 2 năm 1957, Đại Hội văn nghệ toàn quốc lần thứ 2 tại Hà Nội với gần 500 đại biểu. Tổng bí thư Trường Chinh nói chuyện, kêu gọi đấu tranh đập nát luận điệu phản động của Nhân Văn-Giai Phẩm.

Tháng 3 đến tháng 4 năm 1958, ông tham dự lớp học "đấu tranh tư tưởng" tại Thái Hà Áp với 304 cán bộ văn hoá văn nghệ tham dự.

Đầu tháng 6 năm 1958, Hội nghị ban chấp hành Hội Liên Hiệp Văn Học Nghệ Thuật Việt Nam họp tổng kết cuộc đấu tranh chống Nhân Văn-Giai Phẩm. Hơn 800 văn nghệ sĩ hoan nghênh kết quả thắng lợi của cuộc đấu tranh.

Tháng 7 năm 1958, cũng như các nghệ sĩ tham gia Nhân Văn-Giai Phẩm khác, ông nhận kết quả kỷ luật. Trần Dần bị khai trừ khỏi Hội Nhà Văn và đình chỉ xuất bản trong thời hạn 3 năm.

Từ 22 tháng 8 đến tháng 2 năm 1959, ông đi lao động cải tạo tại nông trường Chí Linh với Lê Đạt, Đặng Đình Hưng và Tử Phác.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Tháng 11 năm 1959, ông được phân công dịch tại ga-ra Hội Nhà Văn cùng với Lê Đạt, Phùng Cung, Nguyễn Khắc Dực.

Năm 1960, ông hai lần đi cải tạo lao động tại khu gang thép Thái Nguyên. Đến tháng 8 thì ốm nặng, nên được về Hà Nội. Từ đó sống âm thầm tại Hà Nội bằng nghề dịch sách và tô ảnh màu, đứng ngoài mọi sinh hoạt văn nghệ chính thống.

Năm 1988, Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm,... được mời tham gia sinh hoạt văn học trở lại. Tháng 5 năm 1988, Trần Dần vào Huế gặp gỡ đồng nghiệp và bạn đọc.

Trần Dần qua đời ngày 17 tháng 01 năm 1997 tại Hà Nội, thọ 71 tuổi.

Năm 2007, Trần Dần được truy tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật.

Tác phẩm:

- *Chiều mưa trước cửa* (Thơ - 1943);
- *Hồn xanh dị kỳ* (Thơ - 1944);
- *Người người lớp lớp* (Truyện dài - 1954);
- *Nhật định thắng* (Thơ - 1956);
- *Cách mạng tháng Tám* (1956);
- *Đêm núp sen* (Tiểu thuyết - 1961, chưa xuất bản);
- *Jờ Joacx* (Thơ - 1963, xuất bản di thảo);
- *Những ngã tư và những cột đèn* (Tiểu thuyết - 1964, xuất bản năm 2011);
- *Một ngày cầm phá* (Tiểu thuyết - 1965, chưa xuất bản);
- *Những ngã tư và những cột đèn* (Tiểu thuyết - 1966, xuất bản năm 2010);
- *Con trắng* (Thơ - hồi ký - 1967);
- *177 cảnh* (Hùng ca lựa - 1968);
- *Động đất tâm thần* (Nhật ký - thơ - 1974);
- *Thơ không lời - Mây không lời* (Thơ - họa - 1978);

## HUỖNH ÁI TÔNG

- *Bộ tam Thiên Thanh* - 77 - Ngày ngày (1979);
- *Bộ tam 36 - Thở dài - Tư Mã zâng sao* (1980);
- *Thơ mini* (1988);
- *Bài thơ Việt Bắc* (Trường ca - Viết năm 1957, xuất bản năm 1990);
- *Cống tình* (Thơ - tiểu thuyết - Viết năm 1959 - 1960, xuất bản năm 1994);
- *Mùa sạch* (Thơ - Viết năm 1964, xuất bản năm 1998);
- *Trần Dần - Thơ* (2008 - Giải Thành tựu trọn đời của Hội Nhà văn Hà Nội).

Trích văn:

### **Hai đứa trẻ vào đêm giao thừa**

Suốt đêm Ba mươi vào cái Tết hòa bình năm thứ nhất, tôi thông dong bách bộ trên khắp phố Hà Nội. Tôi dự định là sẽ đi tới kỳ không bước nổi chân nữa, chứ đi ngủ thì quanh năm, tôi thiếu gì lúc.

Vào đêm nay, cái đêm đặc biệt Ba mươi Tết, thì một nhà thơ trẻ sống độc thân như tôi, cũng giống hàng triệu người dân khác, chắc đều thấy đi ngủ thật là uổng phí, chắc đều đang hồi hộp, xao xuyến ngóng đợi năm mới sắp đến. Vậy là tôi đi vung khắp các con phố. Một mình.

Gần 12 giờ đêm. Cái giờ biên thùy giữa hai năm cũ mới. Trong tôi cứ trôi dạt từng mớ tình ý nhập nhằng khó diễn tả, không ra vui cũng chẳng buồn, không rõ về hồi ức hiện tại hay quá khứ, về ước ao hay mơ mộng... Đó là một thứ hồ lớn tâm tư, hết sức lan man và lêu lổng. Chẳng hạn như tôi mừng tượng ra một người con gái nào đó mình bắt chợt quen rồi đem lòng yêu thương... giống cái thứ mộng mơ của đám trai chưa vợ. Thế rồi vẫn đang bước đi trong hưng phấn, tôi lại quay ra cãi vã tưởng tượng, với một người tưởng tượng, về một cuốn thơ có thực. Chưa xong, đến lúc quặt ra đầu phố Đ... thì một kỉ niệm yêu



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

đương từ mười năm trước, thời tôi còn đi học trung học ở chính nơi đây, đang nằm phục sẵn trong tôi, đã chồm lên, xĩa vào tâm của tôi một nhát dao lá mía khá đau. Tôi mãi chống đỡ với cảm giác nhói buốt thì đã tới cái ngõ P.Đ lúc nào không hay.

Ngõ hẻm P.Đ dài hun hút, ngay cạnh sông Hồng. Cái mòm ngoác miệng ra phía bờ sông thì khá rộng, lại được xây cổng gạch, trát xi măng, ra dáng ngõ tử tế lắm. Nom hao hao như ga ra ô tô vậy. Một cái hàng nước nhỏ xíu, co ro ở đầu ngõ, lom dom một ngọn đèn hạt tằm vàng nhạt. Gió lạnh của năm tàn, đã vận tải xác lá bay tứ tung, tạt phứa cả vào bà hàng nước nhỏ xíu đang ngồi rúm ró, không rõ mặt, chỉ thấy một chiếc áo bông rách. Bông trắng lòi cả ra vô khối chỗ. Hàng bày bán cũng lèo tèo, chỉ có dăm chiếc bánh chung còn nóng lũng chông bên mấy gói thuốc lá, vài phong thuốc Lào.

Tôi ngồi nghỉ chân nơi hàng nước khá quen thuộc này.

Bà chủ tên Gấm. Đêm Ba mươi, bà vẫn dọn hàng để mong bán thêm được ít nhiều cho kịp thợ còn làm quá giao thừa, ngoài bến phà kia. Chồng bà cũng có trong số đó. Tuy trong túi của tôi có đến gần hai bao thuốc, xong tôi vẫn cứ mua cho bà vài điếu lẻ. Rồi ngồi trên cái ghế thấp khấp khểnh, tôi duỗi chân, giơ tay vờ về các bắp thịt mỗi nhừ...

Tôi nói chuyện tếu, tưởng làm thế thì bà Gấm vui lên khi năm mới sắp về. Ai ngờ có người tiếp chuyện, bà cứ bám lấy tôi mà phàn nàn đủ mọi chuyện: “Nào kháng chiến mười năm về thế này đây...!”. (Tôi trộm nghĩ, chắc bà cụ tưởng đi kháng chiến về thì bà sẽ được làm vương làm tướng, được báo ân báo oán đây?). “... Nào hòa bình lại khổ hơn, đêm Ba mươi cũng chẳng được nghỉ!... Nào con nhà người ta ở trong thành thì quần áo kia xúng xính, chứ đám con bà theo cách mạng lên chiến khu mà bây giờ, ngày Tết cũng chả có cái gì cho chúng nó mừng gọi là có!... Nào biết vậy cứ ở mẹ Hà Nội lại đâm sướng. Chả kháng chiến thì đừng, chứ được tiếng khen ho hen chả

## HUỶNH ÁI TÔNG

còn!... Nào tôi tui lẩm anh ạ! Cứ so bì với người ta, nhục không để đâu cho hết cái nhục!...”.

Áy thế rồi bà mếu xệch đi, khóc sục sùi, giọt ngắn nói giọt dài. Bà lấy vạt áo bông lau những vệt nhăn đọng đầy nước mắt. Suýt nữa thì tôi đã lên tiếng ngay để giảng giải chính trị nếu bà không khóc như thế này. Để cho bà dù không thông hiểu, thì lý lẽ phải trái ít nhất cũng ngăn bớt được cái tốc độ của sự bất mãn đang cái đà lao đi, khó kìm hãm làm sao... Vậy mà trước những giọt nước mắt đau khổ đang rỏ ở cái ranh giới của năm tàn này, tôi đắm thành lúng túng. Rồi tôi cũng cố lựa lấy dăm lời an ủi, nhưng xét ra, toàn là những lời vô bổ cả...

Vừa hay, có hai đứa bé tông tốc chạy xộc vào ngõ, cười nói như phá làm không khí thay đổi hẳn. Hai đứa bé dất nhau vào một góc bên trái, đối góc với hàng nước, cách nhau chừng mười thước. Trong chúng, chắc ai cũng biết đây là những đứa trẻ vô thừa nhận, phải ăn mày mà sống.

Đứa lớn hơn là con gái. Tóc nó cắt ngắn, rối bết từng cụm trên bộ mặt nhem nhuốc, nhưng thoáng nhìn cũng nhận ra khuôn mặt với cái mũi xinh đáo để. Đứa bé hơn cũng chạc tuổi đứa gái, khoảng chừng mười hai mười ba, nhưng có lẽ là con trai nên cộc người. Bộ mặt đứa trai trông danh danh như một đứa bé sớm khôn. Cuộc sống vỉa hè đã phết lên nó những nét láu cá cùng những nét quỉ quyết thật khó chịu.

Mỗi đứa khoác ở ngoài một cái bao tải, cùng khâu theo một kiểu. Cái áo bao tải lam nham chẳng ra cái kiểu gì. Nhưng để ý kỹ, tôi thấy nó có thể trải phẳng ra làm đệm và có thể làm chăn đắp được, mà khi mặc bao tải vào trông vẫn gọn, có đủ cả túi tử tế. Có lẽ là do đứa con gái khâu nên chăng?

Tôi chưa kịp hỏi bà Gấm về hai đứa bé này, thì bà đã chép miệng nói trước:

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

- Ấy dung mà, cứ trông cái cảnh đám trẻ ăn mày ăn nhạt kia mới ngẫm ra lũ con mình còn sướng chán! Hai đứa này mới đến đây từ một tuần thôi! Khổ thân, chả có cha, có mẹ gì sót!

- Hai chị em hay sao thế bà? Nhưng mà trông không giống nhau, bà nhỉ?

Lúc này bà Gấm đã quên hẳn cái khổ của mình, nét mặt rất ái ngại khi nói về hai đứa bé kia.

- Không phải chị em đâu! Kết ngài đó thôi. Vậy mà thân bằng mấy ruột thịt. Rõ khổ! Công an cứ đuổi chúng nó chạy quanh các xó xinh mãi! Giá công an có đến đây hỏi, tôi sẽ nhận liền chúng là con ông bác... Nhưng chắc sớm muộn cũng không che được con mắt các ông ấy đâu. Mà hai đứa này cũng ương bướng lắm cơ! Chứ ai lại không chịu ở trại thiếu nhi mà trốn ra ngoài. Chúng kêu rằng trong đó khổ với bị bó buộc lắm... Con nhà lại có cái chứng lạ, đầu đường xó chợ mà lại lấy làm sướng!

Trong khi ấy, hai đứa đang ngồi tính sổ chi thu trong ngày hôm nay. Tôi để ý đến chúng mà lãng quên câu chuyện lúc nãy với bà cụ Gấm. Chính bà cũng không biết tên hai đứa bé. Chúng muốn giấu danh tính hay sao ấy? Bà Gấm đành gọi chúng là Cu với Gái. Chúng cũng nhận. Thế mà thành tên.

Cu dốc túi áo bao tải ra, đếm được một ngàn. Nó còn sắm được ít món ăn Tết gồm hai cái bánh chưng to xụ với một bọc kẹo. Gái cầm lấy số tiền cất đi cẩn thận. Xong xuôi nó mới nấn khắp người Cu, từ gấu áo đến cạp quần, xem thằng Cu có ăn bớt ít nào không? Hai đứa hình như có giao ước với nhau, cái Gái làm cái khoản thủ quỹ nghiêm khắc để chèo chống cho cái gia đình lưu lạc nhỏ bé và sinh sống bấp bênh này.

Khi móc túi trong cái áo bao tải của Cu, thì Gái bỗng kêu toáng lên: “Cái gì thế này, hử...?”. Gái móc ra một bọc giấy

## HUỲNH ÁI TÔNG

nhỏ. Cu hơi sượng sùng quay đi, miệng huýt tí sáo còm. Gái giở bọc giấy ra thì thấy hai điều Côtáp... Gái liếc nhìn Cu rồi rút nhanh trong người mình ra một gói con và bảo: “Tao cũng mua cho mày hai điều rồi! Nhưng thế này là cu cậu sai lời thề nhé! Cấm hút thuốc rồi cơ mà! Xa xỉ!”.

Cu cười xòa: “Tết thì cũng nói vòng vây ra cho người ta một tí chứ lị!”. Gái ném tất cả thuốc lá cho Cu, môi bĩu dẩu ra. Đứng là một lời đồng tình độ lượng thật đặc biệt. Hôm nay Gái kiếm được chùng gấp rưỡi của Cu, mà sự mua sắm cũng tương đương. Ngoài ít mứt, lại có cả một chai rượu mùi con nữa! Gái còn xia ra có đến dăm bảy cái pháo đỏ, là những cái pháo lọt lưới mà Gái nhặt ở những nhà đốt pháo sớm, cốt để cho Cu...

Hai đứa liên hoan ở cái góc nhập nhoạng. Gái ý tứ dúm cho bà Gấm ít bánh kẹo mứt, bảo là “cho các em”. Nó ép mãi, bà Gấm mới chịu nhận vài miếng mứt gừng vì sợ chúng tủi thân. Bà lại rót hai cốc nước nóng, bung đèn cho hai đứa trẻ.

Lúc này, pháo giao thừa nổ phá lên. Hà Nội như quê hương của các loại âm thanh báo hiệu mừng vui. Phố to, ngõ hẻm đang chen chúc biết bao con người chứa chan xúc động trong giờ phút đẹt đẹt này. Xin chớ có ai rỏ một giọt lệ nào, dù là một giọt lệ đáng rỏ nhất!

Tôi sung sướng dõi theo cái hạnh phúc tiệp tùng tay đôi của hai đứa bé. Cả hai đứa cùng uống rượu. Rồi thì Gái xếp các thứ lá lằm đem bỏ đi và trải một chiếc áo tải làm đệm, còn một chiếc để đắp. Trong khi đó Cu vẫn ngất ngưỡng ngồi tu cái chai, từng ngụm nhỏ, khề khà nhắm với khói Côtáp. Trông Cu đặc là một tay nghiện, sành mếp lằm. Nhưng Gái, nghĩ thế nào, hắt chặn nhóm dậy. Nó đến chỗ Cu, giật lấy cái chai còn độ một phần ba, thủng thỉnh thút nút lại, đem về chỗ nằm. Cu ngồi hút thuốc lá, lạnh lùng một lát, rồi cũng bò đến bên Gái. Nó bảo: “Giả chai đây!”. Gái không đáp, cứ quặp cái chai trong lòng, kéo chặn nằm lạng thình. Cu dọa: “Không giả, ông cù cho bây

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

giò!”. Gái đáp: “Cho cù, tao chẳng sợ!”. Hình như bé gái ấy không có máu buồn! Cu gật gù cái đầu khô khăng, nhếch mép ranh mãnh, cười khà: “Thế ông... ông giữ cái trò... cái trò ấy nhé!”. Gái hỏi: “Trò gì?”. Cu nói: “Còn vờ! Trò... trò cu-nấn ấy!”. Gái hoảng lên: “Không sợ người ta chửi cho à?”. Cu trâng tráo: “Thứ tao mà lại còn sợ chửi nữa à?”. Nói đoạn, nó chui vào chần, lục xục... Gái hốt quá, vùng dậy, đành chịu đưa chai cho nó.

Nói vậy thôi, Cu không uống nữa.

Vừa hay, có một cặp trai gái phía xa. Tôi trông thấy họ trong bóng tối thì chụm đầu, đến chỗ sáng thì tách nhau ra. Người con trai vờ vĩnh nói một câu bông quơ: “Mai lên bà em nhé!”. Họ ăn vận rất diện. Người thanh niên đầu trần, chải bóng, com-lê nâu. Người con gái vận áo Sơ-vi-ốt đen, lót xanh, dưới thè ra cái tà áo gấm đỏ chữ thọ vàng. Vừa qua khỏi ánh đèn, lại vào bóng tối, họ tưởng là an toàn nên đã chụm đầu vào nhau, tay người con trai lả lơ đỡ lưng người con gái. Cặp này nếu không phải là già nhân ngãi thì cũng mới vợ chồng non thôi. Tôi đang lảm bảm đoán vậy thì đã thấy bé Gái chạy ra, lẻo nhẹo theo sau họ. Nó chìa bàn tay nhỏ xíu mà gầy gò ra xin. Họ từ chối: “Không có tiền lẻ!”. Cu cũng vừa chạy phóng đến, đứng cạnh Gái.

Người con trai kia gắt: “Đã bảo không có tiền lẻ mà!”. Cu đáp lại: “Thì cho tiền chần, tôi trả lại vậy!”. Người con gái đẹp mã kia quay ra mắng lũ trẻ: “Ăn mày mà sang thế? Tiền chần cũng không có! Đã nói không cho là không cho!”.

Có lẽ cái chữ “ăn mày” nó nhục lắm nên Cu mới rụt phắt tay lại, chống khuỷu cạnh sườn, quát tướng lên:

“Không cho thì thôi, chứ làm bộ với ai hử con kia? Có phải thời Đê Quốc đâu hả?”

## HUỖNH ÁI TÔNG

Tức thì nổ ra một cuộc đấu khẩu dữ dội. Không ai ngờ rằng câu chuyện lại xảy ra đến cái nước ấy. Người con trai lịch sự thế kia mà khuyển hai tay, rẽ vet-tông ra chống nạnh, đứng hiên ngang quát: “Đồ khốn nạn! Đồ mất dạy!”. Anh ta giậm chân, vung đấm tay, nhẩy bô lên hai đũa bé. Nhưng hắn ta chỉ vồ được cái khoảng trống không! Hai đũa đã chạy bứt đi. Hắn đuổi theo, hai bên chửi nhau không ngớt, khua động đường phố tĩnh mịch... Nhất là khi mùa xuân độ lượng đã sang, bầu trời tối đen trên thành phố đang ửng lên những ánh phản quang màu đỏ, thì một cuộc chửi nhau như thế, nghe mới lạc điệu và rộn tai làm sao! Tôi đứng dậy, theo bản năng, nhưng rồi lúng túng chưa biết nên xử sự như thế nào?

Hai đũa bé đã rẽ ngoắt vào đầu ngõ bên kia. Người thanh niên áng chừng không có cách gì nữa, có khi cho thế cũng là may, mới lộn lại. Cặp trai gái tiếp tục đi, bước rảo hơn, và không thấy họ chụm đầu vào nhau nữa. Cũng chưa thôi! Hai đũa bé lại đã hiện ra, đứng chửi: “Đồ khốn nạn!” vang um cả lên. Cặp kia rảo càng miết, không ngoái cổ lại, rồi gặp một cái phố ngang, họ rẽ biến đi mất.

Cu với Gái lộn về cái ngõ Ga-ra ô tô. Tôi đinh ninh sẽ được thấy hai bộ mặt đắc thắng của hai đũa bé ấy! Ngờ đâu, mặt hai đũa đều sa sầm cả lại. Cu bảo: “Về bố nó Trại là hơn! Nhục lắm!”. Gái phân vân: “Liệu Trại người ta có nhận không?”. Cu tự tin: “Chẳng nhận cứ nằn nì ăn vạ, khắc phải nhận! Như thế này thì nhục lắm! Mẹ bố chúng nó “khinh người!”. Gái trách móc: “Tại mày rủ tao đi chứ?”. Cu cáu: “Mày chẳng thích thì ai rủ được”...

Đến lúc hai đũa đã đập chặn rồi, tôi còn nghe chúng cãi nhau với nhau. Rồi thấy tiếng Gái khóc nức nở, tiếng Cu dỗ: “Đừng nhớ mẹ nữa đi, Gái!”. Xong dỗ cũng chả được, tự dưng Cu cũng khóc nấc lên! Không hiểu có phải vì sự sỉ nhục vừa qua, nó khơi gợi trong em tất cả những gì là cay đắng nhất của cái kiếp vỉa hè, những cái thú vui của sự lang thang vẫn không át

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

hết được những điều tủi nhục! Hay là chỉ vì, cũng như Gái, Cu nhớ đến một hình ảnh thân yêu máu mủ nào?

Nhưng chỉ một lát sau, hai đứa bé đã ôm nhau ngủ, như đã quên hết tất cả mọi sự ưu tư phiền muộn. Lúc ấy, tôi cứ ước làm sao mình có cái phép gì, có thể cung cấp cho các em, một giấc mộng đẹp nhất trong các giấc mộng có thể có trên cõi đất. Giấc mộng thật nhiều bướm chim, thật nhiều mút mật...

Tôi rời khỏi ngõ P.Đ, sau khi đã trả tiền cho bà hàng nước. Còn một số tiền lẻ thừa, cũng kha khá, tôi dặn bà, đưa cho hai đứa trẻ. Cũng không phải là khi nào tôi cũng độ lượng quá như thế. Xong lúc ấy, tự dung tôi có cái ý muốn như là đền bù một cái gì đó cho hai em bé, để các em thấy rằng, bên cạnh những cái vị đắng của cuộc đời, cũng lại còn khá nhiều vị ngọt...

Lúc tới một ngôi đền gần Hồ Gươm, tôi thấy cái hình ảnh thần tiên của tục đi hái lộc đầu năm. Thực nhiều màu sắc thanh lịch, và nhiều nụ cành tươi hơn hớn, đậm đà cái không khí tâm nhạ say, thừa thãi tình yêu. Tất cả cái quang cảnh ấy, mãi lâu vẫn không thể thay thế được trong tôi, cái hình ảnh buồn bã của hai đứa bé ôm nhau ngủ trên đỉnh đầu mùa xuân năm ấy...

*Tháng 12-1957*

Trích thơ:

### **Nhật định thắng**

*Tôi ở phố Sinh Từ*

*Hai người*

*Một gian nhà chật.*

*Rất yêu nhau sao cuộc sống không vui ?*

*Tổ quốc hôm nay*

*tuy gọi sống hòa bình*

*Nhưng mới chỉ là trang thứ nhất*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Chúng ta còn muôn việc rồi tinh...*

*Chúng ta*

*Ngày làm việc, đêm thì lo đầy giấc  
Vợ con đau thì rối ruột thuốc men  
Khi mảng vui - khi chợt nhớ chợt quên  
Trăm cái bận hàng ngày nhay nhất.  
Chúng ta vẫn làm ăn chiu chắt.  
Ta biết đâu bên Mỹ miếng tit mù  
Chúng ta còn đương bày kế hại đời ta ?*

*Tôi đi giữa trời mưa đất Bắc  
Đất hôm nay tâm tã mưa phùn  
Bỗng nhói ngang lưng  
máu rỏ xuống bùn  
Lưng tôi có tên nào chém trộm ?  
A ! Cái lưỡi dao cùn !  
Không đứt được mà đau !  
Chúng định chém tôi làm hai mảnh  
Ôi cả nước ! Nếu mà lưng tê lạnh  
Hãy nhìn xem: có phi vết dao ?  
Không đứt được mà đau !  
Lưng Tổ Quốc hôm nay rớm máu  
Tôi đã sống rã rời cân não  
Quãng thời gian nhưng nhưc chuyện đi Nam  
Những cơn mưa rơi mãi tới sầm  
Họ léch thếch ôm nhau đi từng mảng  
Tôi đã trở nên người ôm giận  
Tôi đem thân làm ụ cản đường đi  
- Dừng lại !  
- Đi đâu ?  
- Làm gì ?  
Họ kêu những thiếu tiên, thiếu gạo  
Thiếu cha, thiếu Chúa, thiếu vân vân  
Có cả anh nam chị nữ kêu buồn  
- Ở đây*

*Khát gió, thêm mây...*



HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Ô hay !

Trời của chúng ta gặp ngày mây rủ

Nhưng trời ta sao bỏ nó mà đi ?

Sau đám mây kia

Là cả miền Nam

Sao nữ tướng non bông của Mỹ !

Tôi muốn khóc giữ từng em bé

- Bỏ tôi ư ? - Từng vạt áo - gót chân

Tôi muốn kêu lên - những tiếng cộc cằn...

- Không ! Hãy ở lại!

Mảnh đất ta hôm nay dù tối

Cũng còn hơn

Non bông Mỹ

Triệu lần...

Mảnh đất dễ mà quên ?

Hỡi bạn đi Nam

Thiếu gì ư?

Sao chẳng nói thật thà ?

Chỉ là:

- Thiếu quả tim bộ óc !

Những lời nói sắp thành nói cục

Nhưng bỗng dừng tôi chỉ khóc mà thôi

Tôi nức nở giữa trời mưa bão.

Họ vẫn ra đi.

- Nhưng sao bước rã rời ?

Sao họ khóc ?

Họ có gì thất vọng ?

Đất níu chân đi,

Gió cản áo quay về

Xa đất Bắc tưởng như rời cõi sống.

Tưởng như đây là phút cuối cùng

Trăng trời lại : - Mỗi lùm cây - Hốc đá

- Mỗi căn vườn - gốc vả - cây sung

Không nói được, chỉ còn nức nở

Trắng con người nhìn lại đất trời

## HUỖNH ÁI TÔNG

Nhìn cơn nắng lụi, nhìn hạt mưa sa  
Nhìn con đường cũ, nhìn ngôi sao mờ  
Ôi đất ấy - quên làm sao được ?  
Quên sao nơi ẩm lạnh ngọt bùi  
Hôm nay đây mưa gió dập vùi  
- Mưa đổ mãi lên người xa đất Bắc...  
Ai dẫn họ đi ?

Ai ?

Dẫn đi đâu ? - Mà họ khóc mãi thôi  
Trời vẫn quật muôn vàn tảng gió  
Bắc Nam ơi, đứt ruột chia đôi  
Tôi cúi xuống - Quỳ xin mưa bão  
Chớ đổ thêm lên đầu họ  
- Khổ nhiều rồi !  
Họ xấu số - chớ hành thêm họ nữa  
Vườn ruộng hoang sơ - cửa nhà vắng chủ  
Miền Nam muôn dặm,  
Non nước buồn thương  
Họ đã đi nhưng trút lại tâm hồn  
Ôi đất Bắc ! Hãy giữ gìn cho họ !

Tôi ở phố Sinh Từ  
Những ngày ấy bao nhiêu thương xót  
Tôi bước đi  
không thấy phố  
không thấy nhà  
Chỉ thấy mưa sa  
trên màu cờ đỏ  
Gặp em trong mưa  
Em đi tìm việc  
Mỗi ngày đi lại cúi đầu về  
- Anh ạ !  
họ vẫn bảo chờ...  
Tôi không gặng hỏi, nói gì u ?  
Trời mưa, trời mưa  
Ba tháng rồi

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Em đợi

Sống bằng tương lai

Ngày và đêm như lũ trẻ mồ côi

Lũ lượt dắt nhau đi buồn bã...

Em đi

trong mưa

cúi đầu

ngiêng vai

Người con gái mới mười chín tuổi

Em ơi.

Em có biết đâu ta khổ thế này

vì sao?

Em biết đâu

Mỹ miếc, Ngô nghệ gì?

Khổ thân em mưa nắng đi về lủi thui

Bóng chúng

đề lên

số phận

từng người

Em cúi đầu đi mưa rơi

Những ngày ấy bao nhiêu thương xót

Tôi bước đi

không thấy phố

không thấy nhà

Chỉ thấy mưa sa

trên màu cờ đỏ.

Đất nước khó khăn này

sao không thấm được vào Thơ ?

Những tủ kính tôi dùng chân dán mũi

Các thứ hàng ế ẩm đợi người mua

Nhưng mà sách - hình như khá chạy

À quyển kia của bạn này - bạn ấy

Quyển của tôi tư lự nét dăm dăm

Nó đang mơ : - Nếu thêm cả miền Nam

Số độc giả sẽ tăng dăm bảy triệu

Tôi đã biến thành người định kiến

## HUỶNH ÁI TÔNG

Tôi ước ao tất cả mọi người ta  
Đòi thống nhất phải đòi từ việc nhỏ

- Từ cái ăn  
    cái ngủ  
    chuyện riêng tư
- Từ suy nghĩ  
    nặng con  
    và tán vợ.

Trời mưa mãi lây rây đường phố  
Về Bắc Nam tôi chưa viết chút nào  
Tôi vẫn quyết Thơ phải khua bão gió  
Nhưng hôm nay  
    tôi bỗng cúi đầu  
Thơ nó đi đâu ?  
    Sao những vần thơ  
Chúng không chuyển, không xoay trời đất ?  
Sao chúng không chấp được cõi bờ ?  
Non nước sục sùi mưa  
Tôi muốn bỏ thơ  
    làm việc khác  
Nhưng hôm nay tôi mê mãi giữa trời mưa  
Chút tài mọn  
    tôi làm thơ chính trị.  
Những ngày ấy bao nhiêu thương xót  
Tôi bước đi  
    không thấy phố  
    không thấy nhà  
Chỉ thấy mưa sa  
    trên màu cờ đỏ.

Em ơi ! - Ta ở phố Sinh Từ  
Em đừng có chuyện gì vui hử ?  
À cái tin trên báo - Ủ em ạ  
Hôm nay bọn Mỹ miếc, lũ Ngô nghe

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Chúng đang phải dậm chân đấm ngực !*

*Vượt qua đầu chúng nó,*

*mọi thứ hàng*

*Những tấn gạo vẫn vượt đi*

*Những tấn thư, tài liệu*

*Vẫn xéo qua đầu chúng, giới ranh gì ?*

*Ý muốn dân ta*

*là lực sĩ khổng lồ*

*Đè cổ chúng mà xóa nhòa giới tuyến*

*Dân ta muốn trời kia cũng chuyển*

*Nhưng*

*Trời mưa to lụt cả gian nhà:*

*Em tắt tả che mưa cản gió*

*Con chó mực nghe mưa là rú*

*Tiếng nó lâu nay như khăn em à*

*Thương nó nhỉ - Nó gầy - Lông xấu quá*

*Nó thiếu ăn - Hay là giết đi ư ?*

*Nó đỡ khổ - Cả em đỡ khổ.*

*Em thương nó - Ừ thôi chuyện đó*

*Nhưng hôm nay em mới nghĩ ra*

*Anh đã biến thành người định kiến*

*Mực ơi!*

*đừng oán chủ Mực à!...*

*Những ngày ấy bao nhiêu thương xót*

*Tôi bước đi*

*không thấy phố*

*không thấy nhà*

*Chỉ thấy mưa sa*

*trên màu cờ đỏ.*

*Tôi đi giữa trời mưa đất Bắc*

*Tại bỗng nghe những tiếng thì thầm*

*Tiếng người nói xen tiếng đời ầm ỹ*

*- Chúng phá hiệp thương*

*- Liệu có hiệp thương*

## HUỶNH ÁI TÔNG

- Liệu có tuyển cử
- Liệu tổng hay chẳng tổng ?
- Liệu đúng kì hay chậm vài năm ?

Những câu hỏi đi giữa đời lồng chông.  
Ôi xưa nay Người vẫn thiếu tin Người  
Người vẫn thường kinh hoàng trước Tương lai  
Người quên mất Mỹ là sư tử giấy.  
Người vẫn vội - Người chưa kiên nhẫn mấy  
Gan người ta chưa phải đúng công nông  
Người chưa có dạ lim trí sắt  
Người mở to đôi mắt mà trông !  
A tiếng kèn vang  
quân đội anh hùng  
Biển súng  
    rừng lê  
        bạt ngàn con mắt  
Quân ta đi tập trận về qua  
Bóng cờ bay đỏ phổ đỏ nhà...  
Lá cờ ấy lá cờ bách thắng  
Đoàn quân kia muôn trận chẳng sòn gan

Bao tháng năm đôi rét nhọc nhàn  
Từ đất dấy lên  
    là quân vô sản  
Mỗi bước đi lại một bước trưởng thành  
Thắng được chiến tranh  
    giữ được hòa bình  
Giặc cũ chết - Lại lo giặc mới  
Đoàn quân ấy kẻ thù sợ hãi  
Chưa bao giờ làm mất bụng dân yêu  
Dân ta ơi ! chiêm nghiệm đã nhiều  
Ai có LÝ ? Và ai có LỰC ?  
Tôi biết rõ đoàn quân sung sức ấy  
Biết nhân dân  
    Biết Tổ Quốc Việt Nam này  
Những con người từ ức triệu năm nay

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Không biết nhục*

*Không biết thua*

*Không biết sợ !*

**Hôm nay**

*Cả nước chỉ có một lời hô*

**THỐNG NHẤT**

*Chúng ta tin khẩu hiệu ta đòi*

*- Giả miền Nam !*

*Tôi ngựa mặt lên trời*

*Kêu một tiếng - Bỗng máu trời rơi xuống*

*Vài ba tia máu đỏ rớt vào tôi*

*Dân ta ơi !*

*Những tiếng ta hô*

*Có sức đâm trời chảy máu.*

*Không địch nào cưỡng nổi ý ta*

*Chúng ta đi - Như quả đất khổng lồ*

*Hiền hậu lắm - Nhưng mà đi quả quyết...*

**Hôm nay**

*Những vần thơ tôi viết*

*Đã giống lưỡi lê : Đâm*

*Giống viên đạn : Xé*

*Giống bão mưa : Gào*

*Giống tình yêu : Thắm*

*Tôi thường tin ở cuộc đấu tranh đây*

*Cả nước đã bầu tôi toàn phiếu*

*Tôi là người vô địch của lòng tin*

*Sao bỗng đêm nay,*

*tôi cúi mặt trước đèn ?*

*Gian nhà vắng chuột đêm nó rúc.*

*Biết bao nhiêu lo lắng hiện hình ra.*

*Hừ ! Chúng đã biến thành tảng đá*

*chặn đường ta !*

**Em ơi thế ra**

*Người tin tưởng nhất như anh*

*vẫn có phút giây ngờ vực*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Ai có lý ? Và ai có lực ?*

*Ai người tin ? Ai kẻ ngã lòng tin ?*

*Em ơi*

*Cuộc đấu tranh đây*

*cả nước*

*Cả hoàn cầu*

*Cả mỗi người đêm ngủ vẫn lo âu*

*Có lẫn máu, có xót thương lao lực*

*Anh gạch xóa trang thơ hằn nét mực*

*Bổng mặt anh nhìn thấy ! lạ lùng thay !*

*Tảng đá chặn đường này !*

*Muôn triệu con người*

*Muôn triệu bàn tay*

*Bật cả máu ấy đá lăn xuống vực !*

*Anh đã nghĩ: Không có đường nào khác*

*Dem ngã lòng ra*

*mà thống nhất Bắc Nam ư ?*

*Không không !*

*Dem sức gân ra !*

*Em ơi em !*

*Cái này đồ lắm, gọi là TIM*

*Anh dành cho cuộc đấu tranh giành THỐNG NHẤT*

**Hôm nay**

*Trời đã thôi mưa*

*thôi gió*

*Nắng lên*

*đỏ phỏ*

*đỏ nhà*

*Đỏ mọi buồng tim lá phổi*

*Em ơi đếm thử bao nhiêu ngày mưa!*

*Bây giờ*

*Em khuân đồ đạc ra phơi*

*Em nhé đừng quên*

*Em khuân tất cả tim gan chúng mình*

*phơi nắng hết.*

*Em nhìn*



HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

cao tíu

trời xanh

Dưới phố bao nhiêu cờ đỏ

Hôm nay em đã có việc làm

Lương ít - sống còn khó khăn!

Cũng là may...

Chính phủ muôn lo nghìn lắng

Thực có tài đuổi bão xua mưa

không thì còn khổ!

Em treo cờ đỏ đầu nhà

Lá cờ trù ma

Xua được bóng đen chúng nó...

Đúng rồi! Đó là công sức của dân ta

lùa mây đuổi gió

Những vết thương kháng chiến đỏ lôm

Đã móm miệng, lên da lên thịt.

Tôi bỗng nhói ở nơi lồng ngực

Em ơi

Chúng đốt phố Ga-li-ê-ni

và nhiều phố khác.

Anh đã sống ở Sài - Gòn thừa trước

Cảnh miền Nam thành một góc tim anh

Chúng đốt tận đâu

mà lửa sém tim mình

Tim nó thui đen một nửa

Từ dạo ấy

mà em chẳng rõ.

- Em hãy đỡ cho anh khỏi ngã

Đứng dậy

Một lúc!

Cờ bay

đỏ phố

đỏ nhà

Màu cờ kia là thang thuốc chữa cho anh.

Em có thấy bay trên trời xanh

Hàng triệu tâm hồn?

HUỶNH ÁI TÔNG

Em ơi  
Hôm nay  
    trời xanh  
        xanh đục  
Nắng lên  
    đỏ phỏ  
        đỏ cờ...

Ta ở phố Sinh Từ  
Em này  
Hôm nay  
    đóng cửa  
Cả nhà ra phố  
    mít tinh  
Chúng ta đi  
    nổi bão  
        biểu tình  
Vung cờ đỏ  
    hát hò  
        vỡ phỏ  
Hỡi những người  
    thành phố,  
        thôn quê  
Đói no lành rách  
Người đang vui  
Người sống đang buồn  
Tất cả!  
    Ra đường!  
Đi!  
    hàng đoàn  
        hàng đoàn  
Đội lấy tương lai:  
HÒA BÌNH  
    THỐNG NHẤT  
        ĐỘC LẬP  
            DÂN CHỦ

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Đó là tim*

*là máu đời mình*

*Là cơm áo! Là ái tình*

*Nhất định thắng!*

(1955)

### **Thơ mi-ni**

*Tác phẩm là bản gốc ? đời là bản sao ?*

*Ồi Ôi, luôn tam sao thất bản*

*Tôi khóc những chân trời không có người bay*

*Lại khóc những người bay không có chân trời*

*tôi khóc những chân trời - bụi đỏ*

*Ở đó: vắng người*

*không có người biết khóc – các chân mây*

*vô tư như thuở ngày xưa*

*Nhìn một vì sao*

*buồn bên ngưỡng cửa*

*Em hãy giữ gìn đôi mắt lệ.*

*Đừng đau mắt lệ hạ huyền*

*Nỗi buồn sáng thế còn nguyên.*

(1988 – 1989)

### **Chiều vô nghĩa**

*Gió thổi quá tay*

*Lạnh cây Bàng bé*

*Chiều thu cỏ lổ sổ*

*Công viên đồng chí*

*Sương sa cà khịa*

*Cho tôi một ngày chức năng vô lý!*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Để tôi ngồi vô nghĩa nhất  
Vô tri...*

### **Không đề số 4**

*Mưa rơi phay phay  
Ngã tư năm ngoái  
Biết tôi khờ dại  
Em đi không sao chóng cự nổi  
Đại lộ tai hại  
Em dài man dại  
Em dài quên che đậy  
Em dài tê tái  
Em dài quên cân đối  
Em dài bối rối  
Em dài vô tội  
Em dài – khổ tâm...*

### **Bài hát người lớn**

*Đi chơi! đi chơi!  
Đầu trục bình vôi  
Hai tay hai hòn sỏi  
Đi chơi! đi chơi!  
Hai tay hai hòn sỏi  
Đầu trục bình vôi...*

*Đi chơi! đi chơi!*

### **Ngã tư xưa**

*Anh muốn rao lên cho làng nước biết  
hôm nay em bạc đãi một người.  
Nhưng em ơi! anh chỉ đến ngã tư xưa  
anh đứng dưới một ngôi đèn bỏ.*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

### Đoạn kết

*Cấp cứu! Cấp cứu!  
Ô tô chẹt lá chết...  
Một cặp đi ngang đường bệt  
Hãy để tôi đi tìm đêm trăng vườn quýt!  
Điện thoại kêu thét  
Con cóc đi xa  
Chương ba tiểu thuyết  
Hành trình!... Hành trình!...  
Không thấy sương bay thành vệt...*

*Nhà thơ Trần Dần cùng Tử Phác nổ ra phát pháo đầu tiên là tổ chức phê bình tập thơ “Việt Bắc” của Tố Hữu rồi viết “Dự thảo đề nghị cho một chính sách văn hoá”, rồi sáng tác “Nhật Định thắng” trong khi bị cấm trại 3 tháng, rồi đi tham quan Cải Cách Ruộng Đất, khi đó Hoàng Cầm, Lê Đạt đăng bài “Nhật định thắng” vào “Giai Phẩm Năm 1956”, giai phẩm bị tịch thu, Trần Dần bị tổng giam, phải dùng mưu cửa cổ để được tướng Nguyễn Chi Thanh cứu ra. Thơ, Trần Dần cũng như Lê Đạt muốn cách tân, cho nên đọc thơ ông không có những giai điệu du dương, tứ thơ không giản dị, ẩn chứa nghĩa lý sâu xa. Văn Trần Dần hiện thực, tả cái xã hội Hà Nội năm 1957, ông đã phê phán nó. Truyện “Hai đứa trẻ vào đêm giao thừa” gói ghém tâm lòng nhân hậu của tác giả.*

Tài liệu tham khảo:

- Trần Dần Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Trần Dần Blog: [talawas.org](http://talawas.org)

## HUỲNH ÁI TÔNG

### 3. Những người cộng tác Nhân Văn – Giai Phẩm

Những người cộng tác với Nhân Văn Giai Phẩm, có các nhà khoa bảng như triết gia Trần Đức Thảo, luật gia Nguyễn Mạnh Tường, học giả Đào Duy Anh, Trương Tửu ...

#### 1) Cao Xuân Huy



#### **Cao Xuân Huy (1900-1983)**

Cao Xuân Huy sinh ngày 28 tháng 5 năm 1900 năm tại làng Thịnh Mỹ, xã Cao Xá, phủ Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, trong một gia đình dòng dõi khoa bảng danh gia. Ông nội ông là Cao Xuân Dục. Cha ông là Cao Xuân Tiểu (1865-1939), đậu phó bảng khoa thi 1895, giữ chức thượng thư, Hiệp biện đại học sĩ kiêm Tổng tài Quốc sử quán triều nhà Nguyễn.

Năm 1906, ông bắt đầu học chữ Hán với thầy của gia đình và được ông nội (là cụ Cao Xuân Dục, khi đấy là Tổng tài Quốc sử quán) rèn cặp. Năm 1915, ông thi hương tại trường thi Nghệ An. Sau đó, ông ra Huế theo học bậc Thành chung và tốt nghiệp năm 1922. Sau đó, ông theo học trường Cao đẳng sư phạm Đông Dương và tốt nghiệp năm 1925. Sau khi tốt nghiệp,

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

ông bước vào cuộc đời dạy học trong 55 năm chỉ gián đoạn chút ít.

Cũng trong năm 1925, cụ Phan Bội Châu bị thực dân Pháp bắt giam. Nhiều phong trào đấu tranh chính trị đòi thả cụ Phan. Vốn sinh trưởng trong một gia đình có truyền thống yêu nước và chống Pháp, ông cũng bắt đầu tham gia hoạt động cách mạng. Khi đó, ông đang dạy ở Trường Quốc học Huế. Năm 1926, ông gia nhập Tân Việt Cách mạng đảng.

Năm 1927, thực dân Pháp tấn công đảng Tân Việt. Ông bị giải chức, đày ra Lao Bảo, sau đó giải về Nghệ An mãi đến năm 1929 mới được thả, ông về làm công tạm cho nhà in Đắc Lập, Huế. Từ năm 1935, ông vào Sài Gòn dạy tư thục Trung học Paul Doumer và Trung học Chấn Thanh. Năm 1938, thầy trở ra Huế dạy tư thục Hồ Đắc Hàm, Việt Anh, Thuận Hóa và tham gia viết báo tiếng Pháp: *Revue pédagogique*.

Năm 1945, ông được Chính phủ Lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mời ra Hà Nội dạy môn triết học phương Đông tại trường Đại học Việt Nam. Trường này đóng cửa sau 3 tháng vì tình hình chính trị Việt - Pháp căng thẳng.

Sau khi chiến tranh nổ ra, ông trở về quê nhà và được cử làm hiệu trưởng trung học Nguyễn Xuân Ôn, Diễn Châu, Nghệ An. Trường năng khiếu huyện Diễn Châu mang tên ông, Cùng thời gian này, ông còn kiêm các chức vụ quan trọng như giáo viên dạy văn học và dạy Pháp văn, giáo viên trường trung học chuyên khoa Huỳnh Thúc Kháng, giáo sư triết học của lớp Đại học Văn khoa đầu tiên ở vùng Thanh - Nghệ.

Năm 1949, ông là giáo sư triết học của lớp Đại học Văn khoa đầu tiên do Bộ Giáo dục nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thành lập tại vùng tự do Liên khu IV. Lớp có 7 học sinh tốt nghiệp trung học chuyên khoa.

## HUỖNH ÁI TÔNG

Năm 1951, ông được mời làm Giáo sư Trường Dự bị Đại học Việt Nam tại Thanh Hóa. Tháng 12 năm 1954, ông được điều về Hà Nội giảng dạy môn triết học phương Đông, môn logic học và môn tâm lý học cho lớp Đại học Văn khoa (tiền thân của khoa ngữ văn, trường Đại học Tổng hợp Hà Nội) và trường Đại học sư phạm Hà Nội. Năm 1957, ông được mời sang khoa ngữ văn, trường Đại học Sư phạm Hà Nội, giảng dạy môn tâm lý học. Năm 1958, ông được phong chức Giáo sư.

Cũng trong năm 1958, vì có liên quan đến hoạt động của nhóm Nhân Văn - Giai Phẩm, ông bị đình chỉ nhiệm vụ. Đến năm 1959, Viện Văn học thành lập, ông được cử làm Trưởng Ban Hán - Nôm, rồi Trưởng Ban văn học cổ đại Việt Nam của Viện. Năm 1965, ông là giáo sư chính, giảng dạy môn triết học cho lớp đại học Hán Nôm tại Hà Nội, chịu trách nhiệm đào tạo lớp chuyên tu Hán Nôm trên đại học (1972-1974). Năm 1972, ông là chủ khảo kỳ thi tốt nghiệp 4 năm của Viện Văn Học.

Trong thời gian ở ban Hán Nôm, ông được mời thỉnh giảng ở khoa ngữ văn trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, trường Đại học Sư phạm Hà Nội, trường Đại học Y - Dược Hà Nội, Viện Đông Y Việt Nam.

Cô ruột ông là nhà thơ Cao Ngọc Anh (1878-1970) tên thật của nhà thơ là Cao Thị Hòa, em gái Cao Xuân Tiếu, con của Cao Xuân Dục Thượng Thư Bộ Học năm 1907.

Năm 1974, ông nghỉ hưu. Ông mất tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 22 tháng 10 năm 1983, thọ 83 tuổi.

Tác phẩm:

- *Kinh Dịch*
- *Luận ngữ*
- *Mạnh Tử*
- *Bách gia chư tử.*



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Và một số công trình nghiên cứu đóng góp cho nền văn học và triết học:

- Nghiên cứu triết học Đông phương
- Nghiên cứu tư tưởng và văn hoá Việt Nam cổ, trung, đại
- Chủ Toàn và Chủ Biệt - Hệ Tư Tưởng Nhất Nguyên - Phi Bài Trung
- Nghiên cứu về Nhận Thức Luận
- Động và Tĩnh trong Cấu Trúc Luận
- Tham gia nghiên cứu và hiệu đính bản dịch *Vân đài loại ngữ* của Lê Quý Đôn, Nguồn gốc các loài của Charles Darwin, Đông Chu Liệt Quốc của Phan Kế Bính, Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh của Ngô Thì Nhậm.

Năm 1960, ông được Nhà nước Việt Nam tặng thưởng Huân chương Kháng Chiến hạng nhì. Năm 1996, ông được truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh cho công trình nghiên cứu "Tư tưởng Phương Đông gợi những điểm nhìn tham chiếu".

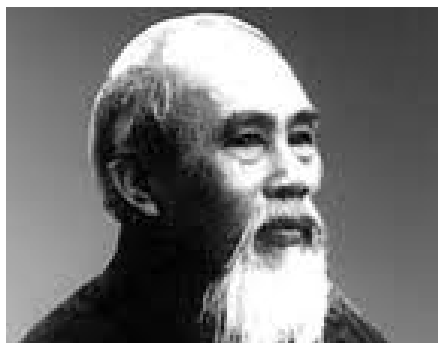
Có người cho ý kiến trên Thảo luận Wikipedia : *Ông là một trong tứ trụ khoa học xã hội Việt Nam một thời, gọi là "tứ kiệt Bắc Hà", "tứ hổ Tràng An": đầu thế kỷ XX là Quỳnh Vĩnh Tôn Tố (Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Duy Tố, Nguyễn Văn Tố), giữa thế kỷ XX trở đi là Anh Hãn Huy Mai (Đào Duy Anh, Hoàng Xuân Hãn, Cao Xuân Huy và Đặng Thai Mai).*

Tài liệu tham khảo:

- Cao Xuân Huy Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)

## HUỶNH ÁI TÔNG

### 2) Đào Duy Anh



#### Đào Duy Anh

Đào Duy Anh sinh ngày 25 tháng 4, 1904 tại Thanh Hóa, tuy nhiên dòng họ của ông vốn gốc ở làng Khúc Thủy, tổng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây (nay là huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội), đời ông nội của Đào Duy Anh chuyên cư vào xã Trung Chính, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi đỗ Thành chung tại trường Quốc học Huế năm 1923, ông không làm công chức dưới chính quyền thực dân Pháp mà làm nghề dạy học ở *Trường Tiểu học Đồng Hới* tỉnh Quảng Bình. Ông chịu ảnh hưởng của các phong trào yêu nước đang dấy lên thời kỳ đó như phong trào đấu tranh đòi "ân xá" cho Phan Bội Châu năm 1925, đám tang Phan Chu Trinh năm 1926... Cuối năm 1925, ông tham gia sự kiện *Hội Quảng Trị Đồng Hới* đón tiếp Phan Bội Châu trên đường từ Hà Nội vào Huế.

Năm 1926, ông từ chức giáo học, vào Đà Nẵng và có ý định đến Sài Gòn. Trên đường vào Đà Nẵng, ông đã gặp Phan Bội Châu đang bị giam lỏng ở chùa Phổ Quang, vào Quảng Nam gặp Huỳnh Thúc Kháng đang làm Viện trưởng *Viện Dân biểu Trung Kỳ*. Ông đã giúp Huỳnh Thúc Kháng sáng lập báo *Tiếng dân* và làm *Thư ký tòa soạn*. Đào Duy Anh tham gia Việt Nam

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Cách mạng Đảng năm 1926 và sau khi đảng này đổi tên thành Tân Việt Cách mạng Đảng (tháng 7 năm 1928), ông trở thành *Tổng Bí thư*.

Năm 1928, ông sáng lập *Quan hải tùng thư*, với sự cộng tác của những trí thức như Võ Liêm Sơn, Trần Đình Nam, Phan Đăng Lưu... xuất bản những tập sách phổ cập để người đọc làm quen với tư tưởng khoa học và duy vật lịch sử (như *Lịch sử các học thuyết kinh tế*, *Phụ nữ vận động*, *Lịch sử nhân loại*, *Tôn giáo là gì? Xã hội là gì? Dân tộc là gì?*). Trong thời gian này, ông lấy biệt hiệu là *Vệ Thạch* (chim tinh vệ).

Tháng 7 năm 1929, Đào Duy Anh bị chính quyền bắt giam cho đến đầu năm 1930. Từ đó ông chuyên tâm nghiên cứu văn hóa bắt đầu là từ điển học rồi văn hóa, văn học, sử học. Sau Cách mạng tháng Tám, Đào Duy Anh được mời giảng dạy môn Lịch sử tại Đại học Văn khoa Hà Nội. Ông là Ủy viên Ban vận động Đại hội văn hóa toàn quốc năm 1946. Trong kháng chiến chống Pháp, ông hoạt động trong *Chi hội văn nghệ Liên khu IV*.

Năm 1950, ông được mời ra Việt Bắc làm Trưởng Ban Sử - Địa thuộc *Vụ Văn học Nghệ thuật, Bộ Giáo dục*.

Năm 1952, Đào Duy Anh về Thanh Hóa giảng dạy tại trường *Dự bị Đại học*. Năm 1954, ông trở về Hà Nội giảng dạy tại trường Đại học Sư phạm và Đại học Văn khoa.

Năm 1956, khi trường Đại học Tổng hợp Hà Nội thành lập, ông được cử làm Chủ nhiệm *Bộ môn Cổ sử Việt Nam* cho đến năm 1958.

Năm 1956, ông có bài trả lời phỏng vấn về vấn đề mở rộng tự do, dân chủ đăng trên bán nguyệt san *Nhân văn* số 5 (ngày 20 tháng 11).

Năm 1958, Đào Duy Anh chuyển sang làm việc tại Bộ Giáo

## HUỖNH ÁI TÔNG

dục, năm 1960 chuyển sang Viện Sử học. Từ đây, ông thôi công tác giảng dạy đại học và tập trung vào nghiên cứu. Ông nghỉ hưu năm 1965 nhưng vẫn tiếp tục nghiên cứu cho đến năm 1988

Ngày 1 tháng 4 năm 1988, ông qua đời tại Hà Nội, thọ 84 tuổi.

Ông là một trong số ít nhân vật Việt Nam được ghi tên vào bộ từ điển Larousse với tư cách là một nhà bách khoa toàn thư của thời hiện đại.

Đào Duy Anh được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về khoa học xã hội năm 2000.

Tác phẩm:

- *Hán - Việt từ điển* (1932)
- *Pháp - Việt từ điển* (1936)
- *Việt Nam văn hóa sử cương* (1938)
- *Khổng giáo phê bình tiểu luận* (1938)
- *Trung Hoa sử cương* (1942)
- *Khảo luận về Kim Vân Kiều* (1943)
- *Lịch sử Việt Nam* (giáo trình đại học, 1956)
- *Cổ sử Việt Nam* (giáo trình đại học, 1956)
- *Lịch sử cổ đại Việt Nam* (1957) gồm 4 tập: "Nguồn gốc dân tộc Việt Nam", "Vấn đề An Dương Vương và nhà nước Âu Lạc", "Văn hóa đồ đồng và trống đồng Lạc Việt", "Giai đoạn quá độ sang chế độ phong kiến".
- *Vấn đề hình thành của dân tộc Việt Nam* (1957)
- *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX* (2 tập, 1958)
- *Đất nước Việt Nam qua các đời* (1964)
- *Chữ Nôm, nguồn gốc, cấu tạo và diễn biến* (1975)
- *Lịch triều hiến chương loại chí* (1961 - 1962)
- *Đại Nam thực lục* (1962 - 1977)
- *Phủ biên tạp lục* (1964)

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

- *Đại Việt sử ký toàn thư* (1967 - 1968)
- *Đại Nam nhất thống chí* (1969 - 1971)
- *Binh thư yếu lược* (1970)
- *Gia Định thành thông chí*
- *Nguyễn Trãi toàn tập* (1969)
- *Khóa hư lục* (1974)
- *Sở từ* (1974)
- *Từ điển Truyện Kiều* (viết xong năm 1965, xuất bản năm 1974)
- *Truyện Hoa Tiên* (1978)
- *Thơ chữ Hán Nguyễn Du* (1988)
- *Nhớ nghĩ chiều hôm* (hồi ký, xuất bản năm 1989)

Trích văn:

### **Việt Nam văn hóa sử cương**

#### **THIÊN THỨ NHẤT TỰ LUẬN**

#### **I - VĂN HÓA LÀ GÌ ?**

Người ta thường cho rằng văn hóa là chỉ những học thuật tư tưởng, có lẽ gì văn hóa của các dân tộc lại khác nhau như thế? Vì rằng cách sinh hoạt của các dân tộc không giống nhau. Chính vì những điều kiện tự nhiên về địa lý khiến mỗi dân tộc sinh hoạt ở trên cơ sở kinh tế khác nhau, cho nên cách sinh hoạt cũng thành khác nhau vậy. Bởi thế muốn nguyên cứu văn hóa của một dân tộc, trước hết phải xét xem dân tộc ấy sinh trưởng ở những điều kiện địa lý nào.

Các điều kiện địa lý có ảnh hưởng lớn đối với cách sinh hoạt của con người, song người là giống hoạt động cho nên trở lại cũng có thể dùng sức mình mà xử trí và biến những điều kiện ấy cho thích hợp với những điều kiện cần thiết của mình. Cách sinh hoạt vì thế mà cũng biến chuyển và khiến văn hóa cũng

## HUỶNH ÁI TÔNG

biến chuyển theo. Nguyên cứu xem sự hoạt động để sinh hoạt về các phương diện của 1 dân tộc xưa nay biến chuyển thế nào, là nguyên cứu văn hóa lịch sử của dân tộc ấy!

### II - ĐIỀU KIỆN ĐỊA LÝ ÁN ĐỘ - CHINA (1)

Vì địa thế giữa nước Án Độ và nước Trung Hoa nên người ta gọi là Án Độ-China. Về phương diện văn hóa, tên ấy lại càng thích đáng vì giải đất Án Độ - China lại là nơi gặp nhau giữa hai nền văn hóa cổ nhất Á Châu: Án Độ và Trung Hoa. Song hai văn hóa ấy truyền bá ở hai khu vực khác nhau có giới hạn thiên nhiên chia cách. Tuy thỉnh thoảng có tiếp xúc nhau mà không khi nào dung hòa. Xem thế ta đủ thấy rõ ảnh hưởng của địa lý hay điều kiện thiên nhiên đối với văn hóa vậy. Điều kiện thiên nhiên đối với sự sinh hoạt của loài người vốn có ảnh hưởng quyết định, vì sinh hoạt chẳng qua là dùng sức thể chất và tinh thần mà thích dụng hay lợi dụng tự nhiên để mưu sự sống còn. Thế thì cách sinh hoạt của người, tức là văn hóa, có quan hệ rất mật thiết với điều kiện tự nhiên, cho nên nguyên cứu văn hóa của một dân tộc, ta phải nguyên cứu hoàn cảnh tự nhiên của dân tộc ấy trước.

#### a) Địa thế:

Án Độ - China là 1 bán đảo ở giữa biển Đông và vịnh Bắnggan, cấu thành bởi mấy giải núi từ Tây Tạng chạy về miền Đông Nam đến biển, xòe ra như hình réo quạt; ở giữa các giải núi ấy là những thung lũng đầu thì hẹp rồi dần dần tỏa ra thành cao nguyên và bình nguyên. Những sông lớn như sông Nam (Ménam), sông Khung (MéKong) và sông Nhị (Fleiverouge), phát nguyên từ Tây Tạng chạy theo các thung lũng ấy rồi bồi thành 1 giải trung châu ở dọc bờ biển từ Bắc đến Nam. Đó là đại khái địa thế của Án Độ - China.

Xứ Án Độ - China thuộc Pháp, tức xứ Đông Pháp, gồm những

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

núi và sông ở phía Đông. Giải thứ nhất theo phía Tây Cao – man đến vịnh Xiêm – la thành những núi Carda – mones và Eléphant, có đỉnh cao hơn 1000 mét. Giải thứ hai gồm các chòm núi ở Thượng Ai – lao và Thượng Bắc Việt chia ra thành giải Trường Sơn chạy dọc từ Bắc xuống Nam, có đỉnh cao hơn 2000 mét.

Những núi và gò ở miền Trung Bắc Việt thì thuộc về sơn hệ Quảng Tây và Văn Nam.

Các miền núi ấy chiếm hết 1 phần lớn cõi Đông Pháp. Miền bình nguyên và trung châu hẹp hơn, chia ra nhiều khu ở phần giữa xứ Cao – man, suốt cả xứ Nam Việt dọc bờ biển Trung Việt nhất là về phía Bắc và miền Hạ Bắc Việt chỉ cao hơn mặt biển chừng vài mét thôi. Các miền ấy tuy hẹp nhưng lại là những nơi dân cư trù mật, nhờ dễ cày cấy và dễ dùng thủy lợi, cho nên cũng là những nơi cường thịnh, văn hóa phát đạt hơn hết. Nam Việt và Bắc Việt là trung châu của hai con sông lớn, sông Khung và sông Nhị, là hai cánh đồng lúa mênh mông, thật xứng với câu tục ngữ “Nhất công lưỡng cư”.(2)

Nếu xét toàn thể địa thế xứ Đông Pháp thì ta thấy có hai phần cách biệt hẳn nhau, ở giữa là những núi non ở phía Bắc và giải Trường Sơn, một bên là Ai – lao, 1 bên là Bắc Việt và Trung Việt. Hai phần ấy xưa nay vẫn ít dịp tiếp xúc nhau cho nên văn hóa của mỗi bên phát triển theo hướng riêng, phía Tây chịu ảnh hưởng của Ấn Độ còn phía Đông chịu ảnh hưởng của Trung Hoa. Tại miền Nam xứ Nam Việt và xứ Cao – man, nguyên xưa là 1 khu, sau vì sự tình lịch sử mà thành chia rẽ, 1 phần là người Việt Nam ở miền Bắc đến định cư, theo văn hóa Trung Hoa, 1 phần thì người Cao – man còn giữ được mà sinh tồn theo văn hóa Ấn Độ.

Nếu xét riêng về địa thế của khu vực của dân tộc Việt Nam ta lại thấy từ Bắc và Nam, có nhiều khu lại tách nhau vì những rặng núi ngang từ giải Trường Sơn chạy ra biển. Từ khu này đi

## HUỶNH ÁI TÔNG

sang khi khác phải tràn đèo lội suối, không có mối liên lạc vĩnh viễn, cho nên sự sinh hoạt địa phương thường làm trở ngại cho sự sinh hoạt quốc gia. Ngày nay có đường thiên lý và đường xe lửa xuyên Đông Pháp thì sự giao thông đã được dễ dàng, ba miền: Bắc, Trung, Nam đã liên lạc thành 1 khối.

### b) Khí hậu:

Cõi Đông Pháp ở về khu khí hậu mà nhà địa lý học thường gọi là khu gió mùa (Zone Des Moussons) từ Ấn Độ đến Nhật Bản. Khí hậu miền ấy do hai yếu tố, đại lục và đại dương tiếp xúc nhau mà thành. Mùa đông, khí áp ở phía Bắc đại lục Á Châu mạnh hơn khí áp ở Ấn Độ Dương và nam Thái Bình Dương nên gió khô ở đất thổi ra biển. Mùa hạ, khí áp ở biển mạnh hơn ở đất nên gió ẩm thổi từ miền đại dương vào miền đại lục, rồi vì bị các núi cao ngăn cản mà kết lại thành mưa. Bởi thế khí hậu xứ Đông Pháp, cũng như tất cả các xứ ở trong khu gió mùa, có hai mùa phân biệt là mùa mưa và mùa nắng.

Trạng thái khí hậu như thế có ảnh hưởng mật thiết với tính chất thảo mộc và sự lao động của người. Cư dân những miền đồng bằng thấy chỉ trồng lúa là thứ cốc loại rất cần nước và nắng. Họ thường cày cấy vào tháng Janvier, Février (Nam Việt, Cao - man) hay tháng Novembre (Ai - lao) là lúc nước lớn vừa qua, còn ở những nơi ruộng hai mùa thì mùa chính là mùa tháng 10 (Bắc Việt và phía bắc Trung Việt), hay là mùa tháng 3 (phía giữa Trung Việt). Đồi xưa những rừng rậm vùng lầy lan man hầu khắp cả xứ, hiện nay các miền thượng du vẫn là vùng rừng nhiệt đới rất sầm uất, phồn thịnh.

Những rừng rú ấy ngăn cản sự di cư của dân hạ bản nhiều hơn các núi cao, cho nên từ xưa người Việt Nam chỉ bành trướng từ Bắc xuống Nam, chứ không hề di thực từ Đông sang Tây.

Trạng thái sông ngòi xứ Đông Pháp có quan hệ mật thiết với sự luân chuyển mùa nắng mùa mưa. Mùa nắng thì ruộng khô sông cạn, mà hễ đến mùa mưa thì nước sông dâng lên thành lụt, theo



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

tiết độ rất nhiều. Có nơi thì nước lụt làm lợi nhiều như: miền Bắc – hồ ở Cao – man và miền trung châu Nam Việt (sông Khung) nhờ lụt mà ruộng đất thêm màu và có nước cho cày cấy; cũng có nơi thì nước lụt là mối họa hại tàn khốc như ở trung châu Bắc Việt (sông Nhị), khiến người ta hễ đến mùa lụt thì lo sợ và phải hết sức giữ đê.

Ở trong các tính chất chung của khí hậu ấy, ta lại còn có thể phân biệt những tính chất riêng do vĩ độ và phương vị của bờ biển và núi non sinh ra. Cõi Đông Pháp bề dọc dài 1.500 Km, từ 8 độ 31 đến 23 độ 23 bắc vĩ độ., cho nên ở Bắc Việt thì trong mỗi mùa ôn độ đã khác nhau nhiều, mà ở gần đường xích đạo thì hầu như nóng suốt cả năm. Và lại, ở miền Bắc mùa mưa và mùa nắng rõ rệt phân biệt rõ ràng như ở miền Nam, vì Bắc Việt và Bắc bộ trung Việt ở bao quanh 1 cái vịnh nhỏ nên gió mùa biển tính khiến nơi ấy ở đó cuối mùa đông thì có nhiều sương mù và mưa phùn.

Sau hết, vì giải Trường Sơn là 1 bức thành cao chia dọc cõi Đông Pháp thành hai khu vực, cho nên ở Trung Việt từ tháng Octobre đến tháng Janvier vẫn còn mùa mưa, mà ở Ai – lao, Cao – man và Nam Việt thì đã là mùa nắng rồi.

### III - Cư dân:

Nếu so sánh địa thế cõi Đông Pháp và trạng thái cư dân thì ta thấy thượng du và hạ bản có vẻ tương phản rõ rệt. Ở miền thượng du thì nhân chủng phức tạp mà rải rác. Trình độ văn hóa chất phát đơn giản, còn ở hạ bản thì cư dân trù mật, chủng loại đơn thuần và văn hóa tiến bộ.

Vấn đề gốc tích của các nhân chủng ở Đông Pháp vẫn còn mờ tối. Căn cứ kết quả của các công trình khảo cổ gần đây thì thấy rằng: từ thời thượng cổ cư dân ở đây đã phức tạp lắm rồi, nhưng đại khái thì tương tự những chủng loại ở hiện nay ở Nam Dương quần đảo và Đại Dương châu. Người ta đoán rằng

## HUỖNH ÁI TÔNG

có lẽ lớp người Mê-la-nê-diêng là giống xưa hơn cả, rồi đến lớp người Anh-đô-nê-diêng, rồi sau nữa mới đến giống Mông Cổ tràn vào. Ở đầu tây kỷ nguyên trên cái nền tàn nhân chủng phức tạp ấy đã có mấy văn hóa lớn phát triển ở miền trung châu Bắc Việt và Bắc bộ Trung Việt. Buổi ấy, dân tộc Việt Nam đang dần dần đem văn hóa Trung Hoa mà tiến vào phương Nam. Đồng thời có 1 giống người phương Tây cũng đem văn hóa Ấn Độ đến các đồng bằng phía hạ lưu sông Khung và miền bờ biển Trung Việt ngày nay. Từ thế kỷ thứ 7 đến 12, văn hóa của họ phát triển rực rỡ, ngày nay ta còn thấy những di tích tráng lệ như các đền Đế Thiên Đế Thích ở Cao – man. Trong khi gặp làn sóng nam tiến của người Việt Nam người Chiêm Thành hoặc bị tàn sát hoặc bị đồng hóa cho đến gần tuyệt chủng, còn người Cao – man thì phải bỏ miền Thủy Chân – lạp mà lui lên miền Hỏa Chân – lạp. Hiện nay, trong hơn 21 triệu dân ở Đông Pháp, hơn 17 triệu là người Việt Nam ở khắp các miền đồng bằng từ Nam – quan đến Cao – man là phần tử trọng yếu của cõi Đông Pháp.

Ở miền thượng du thì nhân chủng phức tạp lạ lùng. Ở đồng bằng các nhân chủng đồng hóa với nhau dễ dàng nên ngày nay hơi khó nhận ra đặc tính chur ở miền thượng du thì các nhân chủng còn cách biệt rõ rệt. Những giống xưa nhất, người ta căn cứ theo ngôn ngữ tương tự mà gọi chung là giống Anh-đô-nê-diêng ở khắp các miền rừng núi trên giải Trường Sơn và xung quanh vùng biển hồ, người Ai – lao gọi họ là khả, người Việt Nam gọi là Mọi, người Cao – man gọi họ là Pnong. Họ ở thành nhiều bộ lạc, văn hóa đơn giản lắm. Họ đã dung đồ đá từ lâu, hiện nay sinh hoạt bằng công nghệ và 1 ít thủ công. Phong tục và tính nết của họ, 1 phần là theo tục truyền cổ hữu, 1 phần là do ảnh hưởng của bên ngoài mà thành.

Các giống người And-đô-nê-diêng ấy xưa nay thường bị

giống người Thái lấn lướt để tranh địa bàn. Giống người này đến ở Ấn Độ - China từ khi nào, hiện nay chưa rõ, người ta chỉ

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

biết rằng, trong khi người Việt Nam tiến từ miền trung châu Bắc Việt về phương nam thì họ cũng tiến từ miền trung du Ai – lao xuống phương nam. Song đường nam tiến của họ ở Ai – lao phải theo những thung lũng nhỏ hẹp không được rộng rãi thuận tiện như đường nam tiến của người Việt Nam, cho nên lịch sử của họ có nhiều chỗ gián đoạn mà không bao giờ cường thịnh. Người Xiêm – la tuy cũng giống Thái, nhưng nhờ gặp 1 xứ đồng bằng mà bành trướng được ra đến biển cho nên lịch sử của họ rạn vỡ hơn lịch sử của người Thái ở Ai – lao nhiều, xem thế lại càng thấy rõ sự ảnh hưởng của địa lý đối với văn hóa vậy.

### IV – NGƯỜI VIỆT NAM

Trong các giống người trên cõi Đông Pháp thì người Việt Nam là trọng yếu hơn cả.

Theo tục truyền thì người Việt Nam là nòi giống Tiên Rồng. Vua đầu tiên họ Hồng Bàng nước Xích Quỷ là Lộc Tục, tức Kinh Dương Vương, 1 hôm đi ngoạn cảnh ở hồ Động Đình thành linh gặp 1 thiếu nữ nhan sắc tuyệt vời tự xưng là Long Nữ, con gái Động Đình Quân. Lộc Tục kết duyên cùng nàng ấy sinh được 1 người con trai đặt tên là Sùng Lãm, nối ngôi cha làm vua xưng là Lạc Long Quân.

Lạc Long Quân lấy Âu Cơ con gái vua Đế lai, vua 1 nước láng giềng, đẻ ra 1 trăm cái trứng, sau nở thành trăm người con trai. Một hôm Lạc Long Quân nói với Âu Cơ rằng:” Tôi là dòng dõi Long Quân mà mình là dòng dõi thần tiên, ăn ở lâu với nhau không thể được. Nay trăm đứa con trai thì mình đem 50 đứa lên núi, còn 50 đứa tôi đem xuống Nam Hải. “ Sau Lạc Long Quân phong cho người con cả làm vua, ở nước Văn Lang, người ấy là giống Thủy tổ của nước Việt Nam ta vậy.

Chuyện ấy tuy hoang đường, song tất cũng có ý nghĩa. Có lẽ nó chỉ sự phân liệt của nước Xích Quỷ thành những nước gò là

## HUỶNH ÁI TÔNG

Bách Việt (3), nhưng đó chỉ là 1 điều phỏng đoán. Nay ta căn cứ vào sự nguyên cứu của các nhà sử học, nhất là các vị giáo sư trường Viễn Đông bác cổ, mà xem xét gốc tích của dân tộc ta là thế nào. Có người cho rằng tổ tiên ta phát tích từ Tây Tạng, sau theo lưu vực của sông Nhị mà di cư xuống miền Trung châu Bắc Việt. Nhưng theo ông Aurousseau dẫn chứng cổ điển rất kỹ càng thì tổ tiên ta lại là người nước Việt ở miền hạ lưu sông Dương Tử, sau bị nước Sở (đời Xuân Thu) đánh đuổi phải chạy xuống miền Nam ở miền Quảng Đông, Quảng Tây, rồi lần lần đến Bắc Việt và phía Bắc Trung Việt. Theo nhiều nhà nhân chủng học hiện thời thì ở đời thượng cổ, giống người Anh – đô – nê – diêng bị giống Ariăng đuổi ở Ấn Độ mà tràn sang Ấn Độ - China, làm tiêu diệt người thổ chức đầu tiên ở đây là giống Mê-la-nê-diêng rồi 1 phần trong đám di dân ấy đi thẳng mãi sang Nam Dương quần đảo, còn 1 phần ở lại Ấn Độ - China, ở phía nam thành người Chiêm Thành và Cao – man sau đồng hóa theo văn hóa Ấn Độ, ở phía bắc thì hỗn hợp với giống Mông Cổ ở Trung Hoa xuống mà thành người Việt Nam.

Giống người Việt Nam buổi đầu ở địa vực phía xứ Bắc Việt ngày nay, sau vì địa thế và hoàn cảnh sinh hoạt khác nhau chia ra 2 nhánh: nhánh ở miền trung châu trù phú, dễ hấp thụ ảnh hưởng của người ngoài, thì dần hóa theo văn hóa Trung Hoa mà tiên thẳng vào phương Nam, tức là người Việt Nam ngày nay; còn nhánh ở miền đồi núi thì còn duy trì được tính chất văn hóa xưa và vẫn còn tổ chức theo chế độ phong kiến, tuy có chịu ít nhiều ảnh hưởng của người Thái là giống lân bang, đó là người Mường hiện nay ở miền thượng du Nghệ An, Thanh Hóa và Hòa Bình. Xét tính chất người Việt Nam ngày nay thì ta thấy người Việt Nam là giống ngắn đầu (chi suất 82,8), mình thấp (1m58), chân ta nhỏ, mặt xương, lưỡng quyền cao, mắt đen và hơi xếch, mũi hơi tẹt, môi hơi dày, tóc đen và hơi cứng, râu cứng và thưa, dáng đi thì nhẹ nhàng và chắc chắn. Song đem địa phương mà so sánh thì ta thấy ở Bắc Việt và phía Bắc Trung Việt người ta có dáng mạnh mẽ và cao (1m59), còn phía

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

trong thì người thường yếu và thấp hơn (1m57). Sự sai biệt ấy tất là vì ảnh hưởng của địa thế và khí hậu mà sinh ra. Tuy nhiên người Việt Nam vẫn là 1 chủng loại thuần chất, nếu ta xét về sinh hoạt và văn hóa thì lại càng thấy rõ.

Về tính chất tinh thần thì người Việt Nam đại khái thông minh, nhưng xưa nay ít người có trí tuệ lỗi lạc, phi thường. Sức ký ức thì phát đạt lắm, mà giàu trí nghệ thuật hơn trí khoa học, giàu trực giác hơn luận lý. Phần nhiều người có tính ham học, song thích văn chương phù hoa hơn là thực học, thích làm sáo và hình thức hơn là tư tưởng hoạt động. Não tưởng tượng thường bị não thực tiễn hòa hoãn bớt cho nên dân tộc Việt Nam ít người mộng tưởng, mà phần phán đoán thường có vẻ thiết thực lắm. Sức làm việc khó nhọc, nhất là ở miền Bắc, thì ít dân tộc bì kịp. Cảm giác hơi chậm chạp, song giỏi chịu đau đớn, cực khổ và hay nhẫn nhục. Tính khí cũng hay nông nổi, không bền chí, hay thất vọng khoe khoang, trang hoàng bề ngoài, ưa hư danh và ham mê cờ bạc. Thường thì nhút nhát và ưa chuộng hòa bình, song ngộ sự thì cũng biết hy sinh vì đại nghĩa. Não sáng tác thì ít mà bất chước, thích ứng và dung hòa thì rất tài. Người Việt Nam lại rất trọng lễ giáo, song cũng có não tính vật, hay bài bác chế nhạo. Đó là lược kể những tinh thần phổ thông nhất của người Việt Nam, cũng có tính nguyên lai từ thượng cổ mà có thay đổi chút ít, cũng có tính do lịch sử và trạng thái xã hội hun đúc hình thành cho nên ta đừng xem những tính chất ấy là bất di bất dịch.

Từ xưa người Việt Nam đã biết làm ruộng, nhưng trình độ kỹ thuật còn kém lắm, họ chỉ biết dung cốc bằng đá trau chứ chưa biết cày bừa, nhưng họ đã biết lợi dụng nước sông lên để đem nước vào ruộng và đã biết trồng lúa hai mùa. Về vũ khí họ có những cung dài để bắn; tên thì mũi bịt đồng và nhúng thuốc độc.

Người Việt Nam xưa có tục vẽ mình (văn thân) có lẽ đến đời Trần tục này mới bỏ(4). Họ cũng đã bôi tóc, chít khăn, ăn trầu,

## HUỖNH Ỉ TÔNG

nhuộm rãng và dung quần áo, nhưng giống như áo gài về tay trái (tả nhiệm) chứ không phải gài về tay phải như ngày nay.

Về phong tục và tôn giáo hiên ta không biết rõ lắm, nhưng chắc rằng tôn giáo có quan hệ mật thiết với nông nghiệp mà lễ to nhất là hội mua xuân. Hiên nay ở Bắc Việt, di tích lễ ấy cũng còn sót lại 1 vài nơi, ví như hội chùa Lim ở Bắc Ninh vào ngày rằm tháng giêng. Ngày hội ấy, trai gái hoặc hát (hát đối) để gheo nhau, hoặc dung trâu cao để ngõ ý cùng nhau, ở hội chùa Lim ta vẫn còn thấy cảnh tượng như vậy. Họ lại có tục đàn bà góa không con phải lấy anh hoặc em chồng (Lévirat) để cho dòng họ tiếp tục và của cải sang tay người ngoài; hình thức gia đình là chế độ mậu hệ (matriarcat).

- 
- (1) Tên "Ấn Độ - China" là một danh từ địa lý chứ không phải tên một dân tộc hay quốc gia. Nó chỉ cả doi đất ở phía đông nam Á châu.
  - (2) Một đòn gánh hai thúng (lúa)
  - (3) Việt ở Chiết Giang, Man Việt ở Phúc Kiến, Đông Việt ở Giang Tây, Nam Việt ở Quảng Đông, Lạc Việt ở An Nam.
  - (4) Sử chép rằng vua Trần Anh Tôn (1293-1314) không chịu cho xâm hình rồng vào chân, từ đó dân cũng theo vua mà bỏ tục vẽ hình. Sử cũng chép rằng sở dĩ có tục ấy là vì những người ở bờ biển làm nghề chài lưới thường hay lặn xuống nước nên phải vẽ mình để cho thường luồng sợ mà không dám làm hại.

*Học giả Đào Duy Anh có nhiều đóng góp trong các lĩnh vực nghiên cứu. Ông là một nhà từ điển học, nhà văn hóa học cũng là nhà sử học. Về sử học, ông đã tiến hành nhiều đề tài nghiên cứu rất cơ bản về lịch sử Việt Nam, nhất là về nguồn gốc dân tộc, sự hình thành dân tộc Việt Nam...*

Tài liệu tham khảo:

- Đào Duy Anh Web viwikipediaorg
- Đào Duy Anh Web: lichsuvn.info

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

### 3) Lê Đại Thanh



#### Lê Đại Thanh (1907-1996)

Lê Đại Thanh sinh năm 1907 tại Hải Phòng trong một gia đình trí thức, quê gốc ở Thanh Hoá. Ông học bậc tiểu học tại trường Bonnal, Hải Phòng (nay là Trường Trung học phổ thông Ngô Quyền, Hải Phòng). Sau khi học xong tiểu học năm 1922, ông lên học trường Bưởi, Hà Nội.

Tốt nghiệp bằng Thành Chung, Lê Đại Thanh theo học ngành sư phạm tại Hà Nội.

Năm 1927, ra trường, ông được bổ nhiệm về dạy học tại Nam Định (1927 - 1932). Tại đây có hai học trò của ông sau này đã trở thành những nhà văn nổi tiếng là Nam Cao và Nguyễn Hồng. Cũng tại Nam Định ông làm quen và kết bạn với một số chiến sĩ cách mạng và những thanh niên có tư tưởng yêu nước như Ngô Gia Tự, Đỗ Ngọc Du, Nguyễn Công Mỹ, Bùi Đình Đồng nên năm 1933, bị chuyên công tác lên Hoà Bình.

Năm sau lại bị điều đi xa hơn, tận Nước Hai, Cao Bằng. Học sinh của ông ở Cao Bằng sau này nhiều người trở thành tướng lĩnh Quân đội nhân dân Việt Nam như Bằng Giang, Nam Long.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1935, Lê Đại Thanh được chuyển về công tác gần quê nhà, tại trường Hàng Kênh, thuộc huyện Hải An, tỉnh Kiến An (trước đây vốn tách ra từ tỉnh Hải Phòng thành tỉnh Kiến An và thành phố Hải Phòng).

Năm 1935 ông được chuyển về trường Hàng Kênh thuộc huyện Hải An tỉnh Kiến An (trước đây vốn tách ra từ tỉnh Hải Phòng thành tỉnh Kiến An và thành phố Hải Phòng). Cũng trong giai đoạn này ông đã bí mật liên hệ với cách mạng và được cán bộ cách mạng phân công hoạt động trong các phong trào công khai như Hội truyền bá Quốc ngữ và phong trào thể dục thể thao Duycuaroa. Ông còn bí mật quyền tiền mua súng cho cách mạng.

Năm 1937, trong khi dạy học, ông vừa viết báo, làm thơ, viết kịch và diễn kịch. Thành công đầu tiên của ông trong sự nghiệp văn nghệ là giải thưởng của Tự Lực Văn Đoàn cho vở hài kịch *Hai người trọ học* (1937). Cùng được nhận giải của Tự Lực Văn Đoàn trong đợt này còn có *Kim tiền* của Vi Huyền Đắc và *Bỉ vỏ* của Nguyên Hồng.

Tới năm 1941 ông quay trở lại mái trường cũ Bonnal với cương vị là một thầy giáo và dạy học ở đây cho đến năm 1945.

Tháng 5 năm 1945, Lê Đại Thanh bị hiến binh Nhật bắt khi đang diễn thuyết tại hội quán AFA.

Sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, chính quyền cách mạng cử Lê Đại Thanh làm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời phụ trách tuyên truyền song ông chỉ nhận chức Ủy viên tuyên truyền phù hợp với khả năng của mình. Lãnh đạo Ủy ban cách mạng Hải phòng đều là những trí thức như ông Vũ Quốc Uy, bác sĩ Nguyễn Xuân Nguyên.

Dựa vào thế lực quân Tưởng Giới Thạch, phe Việt Nam Quốc dân đảng bắt ông giam ba tuần và định thủ tiêu. Tuy nhiên do



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

phong trào vận động và đấu tranh quyết liệt của quần chúng dưới sự phát động của Bí thư thành ủy Hải Phòng lúc đó nên ông được trả tự do.

Tháng 8 năm 1946 Thành ủy Hải phòng thành lập trường Huấn luyện cán bộ Tô Hiệu, Hiệu trưởng danh dự là ông Hoàng Hữu Nhân. Ông và Hoàng Mạnh Thu được giao phụ trách nhà trường, trực tiếp phụ trách huấn luyện.

Năm 1946, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bùng nổ, Lê Đại Thanh tham gia hàng ngũ các chiến sĩ trung đoàn 42 bảo vệ Hải Phòng. Sau khi ra vùng tự do ông được cử làm Phó Giám đốc Ban Tuyên truyền liên khu II.

Năm 1948, ông tham gia Đại hội thành lập Hội văn học nghệ thuật Việt Nam và được cử vào Ban Thư ký đại hội. Tiếp đó, Lê Đại Thanh công tác tại Hội Văn hóa cứu quốc rồi tạp chí *Gió biển*, báo *Quân Bạch Đằng* thuộc Bộ Tư lệnh liên khu III, báo *Cứu quốc* thuộc liên khu I. Có thời gian ông nhập ngũ tiểu đoàn 142.

Năm 1954, hòa bình lập lại, Lê Đại Thanh được phân công công tác ở báo *Văn Nghệ*.

Sự kiện *Nhân Văn-Giai Phẩm* xảy ra vào năm 1956, đã trở thành cú sốc lớn đối với cuộc đời và sự nghiệp nghệ thuật của Lê Đại Thanh cũng như nhiều nghệ sĩ tên tuổi đương thời trong đó có Văn Cao. Ông bị cấp trên kiểm điểm và buộc thôi công tác tại Đoàn kịch Trung ương. Cũng vì lý do này mà các tác phẩm của Lê Đại Thanh không được phép xuất bản trong suốt một thời gian dài

Lê Đại Thanh hoạt động trên sân khấu kịch nói trong nhiều vai trò như diễn viên, đạo diễn, nhà viết kịch. Ông tham gia thành lập nhiều đoàn kịch như đoàn kịch mang tên *Lê Đại Thanh - Lan Sơn*, *Gió biển*. Trước Cách mạng tháng Tám, Lê Đại

## HUỶNH ÁI TÔNG

Thanh tham gia đóng kịch trong ban kịch của Thế Lữ. Ông thủ vai Trần Thiết Chung nhân vật chính trong vở *Kim Tiền* của Vi Huyền Đắc, diễn lần đầu tại Nhà hát lớn Hải Phòng năm 1938. Năm 1946, Lê Đại Thanh được cử làm Hội trưởng Hội Văn học Hải Phòng. Năm 1948, ông tham gia Đại hội thành lập Hội văn học nghệ thuật Việt Nam và được cử vào Ban Thư ký đại hội. Trong thời gian này Lê Đại Thanh sáng tác hai vở kịch nói *Những cái chết anh hùng* và *Người mẹ tiễn con ra trận*.

Lê Đại Thanh còn là hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam (1957), Hội Văn nghệ Hải Phòng (1964), cũng như các tờ báo *Văn nghệ* và *Cứu quốc*.

Lê Đại Thanh mất năm 1996, tại Hải Phòng, thọ 89 tuổi.

Tác phẩm:

- *Những ngôi sao biển* (tập thơ, 1987)

Trích thơ:

### **Tôi yêu chuyện cổ tích nước tôi**

*Tôi khổ như chàng trai tương tư  
Tìm em hò hẹn tự bao giờ  
Em là cô gái đi hái đỗ  
Rắc bướm hoa vào những giấc mơ  
Tôi bé nhưng tôi đã biết rồi  
Em là cô Tấm của đời tôi  
Bụt về cả những đêm tôi khóc  
Đám hội làng bên chẳng được mời  
Nước mắt em là chuỗi ngọc xanh  
Mắt tôi sông nước sáng long lanh  
Em ngồi đái thóc chiêm mùa trộm  
Tôi bắt chim vàng thả lượn quanh  
Tôi yêu Sơn Tinh chòm râu thưa*

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Thất núi quả bông gọi gió mưa*

*Mây bay*

*bão chuyển*

*tan sông nước*

*Thủy Tinh thua trận lạy xin chừa*

*Cô gái nhà bên mặc áo nâu*

*Sọ Dừa lăn lóc đợi chặn trâu*

*Giáng Kiều câu chuyện người xưa kể*

*Hiện giữa tờ tranh hội Bích Câu*

*Rồi lớn khôn tôi bỏ giếng làng*

*Giậu hoa kèn tím mảnh dây lang*

*Tôi mơ cười ngựa cầm roi sắt*

*Giết giặc Ân trên các nẻo đường*

*Mây bắc cầu vòng chân núi lưa*

*Gió rung nắng ngọc xóm hoa đào*

*Tôi là Từ Thức về thăm động*

*Cây lá đêm rừng mũ đội sao*

*Em tuổi hai mươi mắt sáng ngời*

*Yêu anh bộ đội đón mừng tôi*

*Bát chè tươi*

*khói xanh*

*men ngọt*

*Tôi uống chè hay uống mắt ai*

*Tổ quốc tôi giàu chuyện ái ân*

*Chuyện thần tiên đến với nhân dân*

*Nước tôi (cô Tấm bao người giúp)*

*Hát một ngai vàng sụp dưới chân*

*Đất hẹp trời nhanh biển sóng người*

*Từng trang thân thoại sáng trong tôi*

*Em là cô gái đi hài đỏ*

*Trẩy hội đêm trăng vượt núi đồi*

*Tổ quốc trưởng thành bao Thánh Gióng*

*Sơn Tinh đuổi giặc núi Ba vì*

*Giặc bò lổm ngổm như cua cáy*

*Tôi nhỏ tre làng trụi lối đi*

*Câu chuyện người xưa hoá chuyện mình*

## HUỖNH Ỉ TÔNG

*Thạch Sanh cầm búa chém trần tinh  
Cung thần bắn gậy đôi xương cánh  
Đại Bàng bay quanh vùng Khe Sanh  
Tiên Dung gặp mặt Chử Đổng Tử  
Một đêm xây dựng một đô thành  
Cổ tích điểm tô trang lịch sử  
Tổ quốc tôi cười đôi mắt xinh.*

### **Đám cưới chuột đỏ xanh**

*Tôi nhớ ngày xưa mẹ già đón Tết  
Phiên chợ cuối năm mua tờ tranh đám cưới chuột  
Chuột lớn*

*Chuột con*

*Chuột đỏ*

*Chuột xanh*

*Đánh trống, thổi kèn, râu ngựa vênh vênh  
Chuột chủ rể ngồi trên lưng ngựa trắng  
Cầm roi liểu  
Mắt nhìn cao lơ lửng  
Chuột cô dâu che quạt tím theo sau  
Khênh kiệu son có bốn chuột khênh hầu  
Ấm nhạc : sáo, tiêu, nhị, hồ, trống bỏi  
Đàn chuột đi vui như ngày trẩy hội  
Tâm hồn tôi  
Mảnh kính ánh muôn màu  
Sáng từng giây lộng lẫy giữa đêm sâu  
Giấc mơ nhỏ*

*có bướm vàng hoa lá*

*Tôi mơ ước tôi là chàng phò mã  
Gặp em là cô gái đi hài thêu  
Tuổi ấu thơ chưa rõ ý thương yêu  
Chuyện thần thoại sáng vì sao tưởng tượng  
Yêu đất nước người nông dân đồng ruộng  
Mỗi xuân về bôi phấn vẽ tranh  
Tranh lợn*

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Tranh gà*

*Đám cưới chuột đỏ xanh*

*Cô Tô nữ thoa son môi hồng cánh kiến*

*Mặt vách nhà tôi mỗi ngày Tết đến*

*Chú cóc cầm roi dạy học nghiêm trang*

*Chị in lưng xanh*

*Anh in khoanh vàng*

*Đúng đình khoe màu giữa lòng đêm tối*

*Em đến đời tôi mùa xuân mở hội*

*Cô gái rơi hài mặc áo cô dâu*

*Nhà nghèo đám cưới vải nâu*

*Chiếc nón tình Thanh lá gồi bẻ trắng*

*Em đến đời tôi bốn mùa mưa nắng*

*Đêm sáng trăng đập lúa sân rêu*

*Tôi vẫn mơ*

*em mặc yếm*

*phẩm điều*

*Tôi cười ngựa đi giữa đường võng lọng*

*Rôi khói lửa thất khăn tang cuộc sống*

*Không giết nổi người nông dân lao động*

*Yêu tranh lợn gà như yêu vợ yêu con*

*Mỗi xuân về cô Tô nữ thoa son*

*Lại gẩy đàn tranh gỗ xênh đón Tết*

*Đất nước Việt Nam ngàn năm bất diệt*

*Màu phẩm son, bàn khắc mộc đơn sơ*

*Còn người tôn trọng đời thơ*

*Còn người xây dựng giấc mơ tâm tình*

*Đám cưới chuột đỏ xanh*

*Âm thầm kéo quân đi trên vách*

*Chiếc roi tre điểm sách*

*Họ cóc học đánh vần*

*Vợ chồng nhà in kiếng chân*

*Xoắn tít cái đuôi đình ốc.*

Hà Nội 1956

HUỶNH ÁI TÔNG  
Ngây thơ

Ú tim  
Em đi tìm  
Tôi đi nắp  
Chân lý bên này bên kia trái đất  
Ta yêu con người ta mãi tìm nhau  
Sân gạch : Đại dương  
Xếp đá  
Làm cầu  
Ú oà!  
Tôi đi ra  
Em vào bóng tối  
Mười ngón tay mảnh mảnh đan vội  
Em nhìn thấy tôi em mãi đi tìm  
Tôi biết em mở mắt mà tôi không nói  
Trò chơi ngày thơ như một cuộc săn đuổi  
Mặt trời ở trên  
Ta đi ở dưới

Hà Nội 1985

**Di chúc**

Khi tôi chết, những người thân đừng nhỏ lệ  
Mà ngâm với tôi một đoạn ngắn thơ tôi  
(Chết là trở về tinh thể sao trời  
Trả trái đất những gì vay mượn trước)  
- Chào những bộ hành tuổi xanh xuôi ngược  
Tôi xuống ga đời gửi lại về quê hương  
Người làm thơ coi cái chết bình thường  
Vì cuộc sống là một hành trình có hạn  
Tôi bước vào đời đã ngã theo Cách mạng  
Như hoa hướng dương quay theo ánh mặt trời  
- Đẳng là đại dương  
tôi là con cá hồng bơi  
Đẳng là núi

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*tôi là con chim ngực đỏ  
Tôi đã nằm tù với tổ Việt Minh đất bẻ  
Kháng chiến thánh thần tôi ngủ rừng bương  
Với anh chiến binh trái lá làm giường  
Đơn vị pháo hành quân vào địch hậu  
Tôi cầm bút theo tổ xung phong chiến đấu  
Hạnh phúc sao được sống mãi làm thơ  
Hãy trông cho tôi bốn cây đại quanh mô  
Và một cây bạch đàn lá xanh biết hát  
Để chim sơn ca tâm trưa nghỉ mát  
Kể chuyện với tôi bằng những nét nhạc lung linh  
Hoài bão,*

*ước mơ*

*thế giới của tâm tình  
Và những ngôi sao xanh đêm đêm không ngủ  
Nghiêng cánh về tôi lặng im tâm sự  
- Một người sinh ra không chết bao giờ  
Khi giữa thời gian để lại một bài thơ.*

(1965)

*Lê Đại Thanh là thầy giáo, là chiến sĩ cách mạng, diễn viên kịch, viết kịch, về thơ tuy ông sáng tác không nhiều nhưng gần như mỗi một bài thơ của ông đều để lại ấn tượng trong lòng người đọc bởi những triết lý sâu xa mà tác giả muốn gửi tới độc giả, lời trao gửi nhẹ nhàng về thế giới nhân sinh.*

Tài liệu tham khảo:

- Lê Đại Thanh Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Lê Đại Thanh Web: [haiphong.net.vn](http://haiphong.net.vn)

## HUỶNH ÁI TÔNG

### 4) Nguyễn Mạnh Tường



### **Nguyễn Mạnh Tường (1909-1997)**

Luật sư Nguyễn Mạnh Tường sinh ngày 16 tháng 9 năm 1909 tại phố Hàng Đào, Hà Nội, nhưng quê quán ông lại là làng Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, Hà nội. Cha ông là Nguyễn Căn Cát, công chức.

Ông học tiếng Pháp từ nhỏ, trước học trường Paul Bert, sau học trường Albert Sarraut, Hà Nội.

Năm 1926, ông đỗ Tú tài triết học (16 tuổi), hạng ưu.

Năm 1927, được học bổng sang Pháp học Luật và Văn chương tại Trường đại học Tổng hợp Montpellier.

Năm 1929, ông đỗ Cử nhân văn chương, và năm sau đỗ Cử nhân Luật (1930).

Tiếp theo, ông dự định thi tuyển Thạc sĩ (concours d'Agrégé) để dạy học, nhưng vì quốc tịch Việt Nam nên không được thi.



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Sau đó, ông sửa soạn làm luận án Tiến sĩ quốc gia (doctorat d'état). Trong thời gian làm luận án, ông thực tập luật sư tại toà Phúc thẩm Montpellier.

Tháng 5 năm 1932, ông bảo vệ luận án Tiến sĩ Luật, với luận án chính: *L'Individu dans la vieille cité annamite (Cá nhân trong xã hội Việt Nam cổ)* và luận án bổ túc: *Essai de synthèse sur le Code de Lê (Tổng luận về luật đời Lê)*.

Tháng 6 năm 1932, ông bảo vệ luận án tiến sĩ văn chương với luận án chính: *Essai sur la valeur dramatique du théâtre d'Alfred de Musset (Giá trị bi kịch trong tuồng của A. Musset)* và luận án bổ túc: *L'Annam dans la littérature française, Jules Boissières (Việt Nam trong các tác phẩm của Jules Boissières)*.

Ca ngợi thành tựu kiệt xuất này, ngày 29 tháng 5 năm 1932, nhật báo *Le petit Meridional* xuất bản ở thành phố Montpellier đã đăng bài diễn văn của Chủ tịch Hội đồng giám khảo trường Đại học của thành phố, nhận xét về luận án của một nghiên cứu sinh Việt Nam, trong đó có câu mang tính ngoại lệ: *"Luận văn của Ngài quả là một tác phẩm pháp lý, hơn nữa còn là một tác phẩm pháp lý và văn học. Nền tảng của tác phẩm thật là vững vàng và không hề có một lời chỉ trích nào. Cả hình thức cũng thật xán lạn... Công trình nghiên cứu của Ngài thực sự là một tác phẩm văn học hoàn chỉnh"....*

Tháng 9 năm 1932, ông về nước nhưng không nhận một chức vụ gì của chính quyền thuộc địa, vì vậy nên họ tìm cách gây khó khăn cho ông.

Ở nhà được khoảng ba tháng, ông trở lại Pháp. Được các Đại học châu Âu mời đi tham quan: Tây Ban Nha, Ý, Hy Lạp, Thổ Nhĩ Kỳ, Ai Cập,... Trong khoảng thời gian này ông viết được bốn cuốn sách bằng tiếng Pháp.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1936, về nước, Nguyễn Mạnh Tường dạy văn chương Pháp ở trường Bảo hộ (Lycée du Prélectorat, tức trường Bưởi, sau này là Chu Văn An) và trường Cao đẳng Công Chánh ((Ecole Supérieure des Travaux Publics). Theo lời ông kể thì đây “là quãng một thời gian hạnh phúc của đời tôi”. Trong khoảng thời gian này, ông học thêm chữ nho và văn chương cổ điển Việt, tham gia phác họa cuốn *Việt Nam Văn Phạm* (với nhóm Bùi Kỳ, Trần Trọng Kim), hợp tác làm Việt Nam tự điển (với nhóm Khai Trí Tiến Đức), và còn làm phụ tá cho Thị trưởng Hà Nội.

Năm 1937, Nguyễn Mạnh Tường lập gia đình với Tống Lệ Dung, học Trường Đồng Khánh Huế Tú Tài năm 17 tuổi, con của Tống Nguyên Lễ người Thanh Hóa, kỹ sư Hóa học ở Pháp về, làm việc cho nhà máy rượu ở Hà Nội.

Năm 1940, Pháp thua trận, Nhật Bản đưa quân vào Đông Dương, lập ra một Hội đồng, do Phạm Lê Bổng đứng đầu, vận động nông dân bán lúa gạo cho Nhật. Họ muốn ông Tường tham gia nhưng ông từ chối, nên bị họ gây khó khăn. Sau đó, ông nộp đơn xin từ chức, ra mở văn phòng luật sư ở phố Gambetta (nay là phố Trần Hưng Đạo), Hà Nội).

Sau Cách mạng tháng Tám (1945), Trường Đại học Văn Khoa được thành lập, ông được cử dạy Khoa Văn chương Phương Tây.

Tháng 4 năm 1946, ông được Chủ tịch Hồ Chí Minh cử vào phái đoàn Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa dự Hội nghị trù bị Đà Lạt.

Năm 1946, ông đang biện hộ cho thân chủ ở Hải Phòng thì toàn quốc kháng chiến bùng nổ. Sau đó, ông lên Việt khu Việt Bắc, rồi vào Liên khu III và IV, được cử làm Luật sư tại các Tòa án quân sự, Tòa án đại hình và là thành viên Ban Giám đốc Trường dự bị đại học.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Năm 1951 ông tham gia Đảng Xã hội Việt Nam.

Năm 1952, ông được cử đi dự Hội nghị bảo vệ Hòa Bình châu Á - Thái Bình Dương ở Bắc Kinh (Trung Quốc). Ba tháng sau đi dự Đại hội Hòa Bình Thế giới ở Vienne (Áo).

Ngày 7 tháng 5 năm 1954, Chiến dịch Điện Biên Phủ thắng lợi, ông về lại Hà Nội, tiếp quản trường Đại học Luật và Đại học Sư phạm, rồi được cử làm Giám đốc Đại học Luật, Phó Giám đốc Đại học Sư Phạm, và được bầu làm Chủ tịch Hội đồng Luật sư Hà Nội. Cũng trong khoảng thời gian này, ông được phong Giáo sư, và tham gia giảng dạy tại các Trường đại học Văn khoa, Sư phạm, Tổng hợp Hà Nội....

Vào những năm 1953-1956, miền Bắc Việt Nam tiến hành Cải cách ruộng đất. Sau khi ông Trường Chinh, thay mặt Đảng Lao động Việt Nam (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam), tự phê bình về các sai lầm đã phạm trong Cải cách ruộng đất. Ở Hội nghị của Mặt trận Tổ Quốc, họp ở Hà Nội ngày 30 tháng 10 năm 1956, Nguyễn Mạnh Tường đọc bản tham luận Qua những sai lầm trong Cải cách ruộng đất, xây dựng quan điểm lãnh đạo. Từ góc độ một người hoạt động trong lĩnh vực luật pháp, tôi nói đến một chế độ pháp trị chân chính, một chế độ dân chủ thực sự.

Sau Hội nghị, Nguyễn Hữu Đang đến phỏng vấn, rồi viết bài đăng lên báo *Nhân văn* của Phong trào Nhân Văn - Giai Phẩm, nên ông thành một người “phạm pháp quá tang”, bị sa thải khỏi Đại học và không được hành nghề Luật sư nữa. Từ năm 1957, là thời kỳ đen tối của cuộc đời ông và gia đình. Bận bè và cả những người thân đều xa lánh ông. Gia đình trở nên túng thiếu, phải bán quần áo, mỹ phẩm, các bộ muông nĩa đãi khách, sách vở quý hiếm, các bàn ghế .... để sống qua ngày, ngay cả việc dạy kèm Pháp văn tại nhà cũng bị cấm. Nhưng thỉnh thoảng, ông vẫn nhận được những phong thư có tiền, người ta nhét vào cánh cửa nhà ông, hoặc chớp nhoáng nhét vào tay, khi ông đi

## HUỶNH ÁI TÔNG

dạo buổi tối, chỗ vắng người nhưng không phải là không có công an theo dõi thường xuyên.

Năm 1989, ông được phép sang Pháp, và lưu lại ở đó 4 tháng. Tại đây, ông cho xuất bản cuốn hồi ký bằng tiếng Pháp *Un Excommunié* (Một người bị rút phép thông công) viết về những điều trong những năm ông đã sống và và viết kể từ sau 1945.

Ngày 13 tháng 6 năm 1997, Luật sư Nguyễn Mạnh Tường qua đời vì tuổi già tại nhà số 34 phố Tăng Bạt Hổ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, thọ 88 tuổi.

Tác phẩm:

- *L'Individu dans la vieille cité annamite* (Cá nhân trong xã hội Việt Nam thời cổ). Essai de synthèse sur le Code de Lê (Tổng luận về luật đời Lê).

- *Essai sur la valeur dramatique du théâtre d'Alfred de Musset* (Giá trị bi kịch trong tuồng của A. Musset).

- *L'Annam dans la littérature française, Jules Boissières* (Việt Nam trong văn chương Pháp, tác phẩm của Jules Boissières).

*Sourires et larmes d'une jeunesse* (Nụ cười và nước mắt tuổi trẻ, Revue Indochinoise, Hà Nội, 1937)

*Construction de l'Orient-Pierres de France* (Xây dựng Đông phương-Nền tảng Pháp, Revue Indochinoise, 1937)

*Construction de l'Orient - Apprentissage de la Méditerranée* (Xây dựng Đông phương-Kinh nghiệm Địa Trung Hải, Collection Tendances, Hà Nội, 1939)

*Le voyage et le sentiment* (Du hành và cảm xúc, kịch ba màn, Collection Tendances, Hà Nội, 1943)

*Một cuộc hành trình*, Minh Đức, Hà Nội, 1954.

*Un princesse née dans une chaumière* (Nàng công chúa sinh ra trong túp lều tranh, tiểu thuyết, 1978, chưa in)

*Larmes et sourires d'une vieillesse* (Nụ cười và nước mắt tuổi già, tự truyện, ba cuốn, chưa in)

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Triptyque* (Bức họa ba tấm, chưa in)

*Un excommunié* (Kẻ bị khai trừ, hay là Một người bị rút phép thông công, Quê Mẹ, Paris, 1992)

*Malgré lui, malgré elle* (Mặc hắn, mặc nàng, chưa in)

*Partir, est ce mourir?* (Đi là chết? chưa in)

*Une voix dans la nuit* (Tiếng vọng trong đêm, tiểu thuyết về Việt Nam từ 1950 đến 1990, chưa in)

*Palinodies* (Phủ nhận, chưa in)

*Lý luận giáo dục Âu châu thế kỷ XVI, XVII, XVIII, từ Erasme tới Rousseau* (tên Pháp: *Doctrines pédagogiques de l'Europe du XVI au XVIIIe siècle, d'Erasme à Rousseau* - Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1994)

*Eschyle và bi kịch cổ đại Hy Lạp* (tên Pháp: *Eschyle et la tragédie grecque*) (Giáo Dục, Hà Nội, 1996)

*Oresteia, bộ ba vở kịch cổ đại Hy Lạp* (dịch, Giáo dục, Hà Nội, 1997).

*Virgile và anh hùng ca La tinh* (tên Pháp: *Virgile et l'épopée latine* - Khoa Học Xã Hội, 1996)

Trích văn:

### **Kẻ bị mất phép thông công** (trích)

*Bản thảo cuốn sách này đã được soạn và đánh máy trong một tình thế lén lút và bị cô lập. Vì vậy tôi khiêm tốn gửi lời xin lỗi về những lỗi lầm hay sai trật đến những ai quan tâm đến những suy tư và những bài viết của tôi, và mong muốn cuốn sách này sẽ được phát hành ở Pháp*

N.M.T.

13 Tháng 5 năm 1991

(....) Liên quan đến chuyện của tôi, tôi không bị ném vào tù hay bị còng tay. Tôi không bị bắt đưa ra bất cứ toà án hình sự hay chính trị nào. Tôi không bị bắt đày đi xa nhà hay xa gia

## HUỶNH ÁI TÔNG

đình. Nhưng cả xã hội và mọi người đều biết: để tránh phải chịu những phiền phức, những ai muốn tiếp xúc với tôi, dù bất cứ chuyện gì, đều không dám. Nhà tôi như đang chứa một người đang bị bệnh dịch, không nên đến gần. Ra đường, mọi người thấy tôi từ xa đã quay ra ngõ khác để tránh đụng mặt, nếu người nào đó, vì vô tình vô ý hay vì can đảm đến gõ cửa gặp tôi, ngay sau khi vừa rời khỏi nhà là đã có công an mời về cơ quan để tra tấn họ với những câu hỏi về họ là ai, về gia đình và tầng lớp xã hội và đặc biệt là có quan hệ gì đến tên tội phạm là tôi đây. Chắc chắn rằng tên tuổi của người đó sẽ được ghi vào sổ đen và từ đó sẽ thường xuyên bị theo dõi. Không cần phải có cặp mắt tinh anh để nhận biết rằng ở tất cả những ngã tư đường dẫn đến nhà tôi lúc nào cũng có một hay hai tên cóm dù đã thay đổi căn cước hình dạng nhưng không đổi nhiệm vụ canh giới và canh gác, để chặn bắt những người chỉ vì vô tâm hay gặp lúc số phận bị xấu mà đến bấm chuông nhà tôi. Thật là một màn hài kịch, vừa tức cười vừa bi đát, mỗi khi tôi ra khỏi nhà để đi lang thang đây đó, tôi luôn luôn bị bám đuôi theo dõi chặt chẽ. Nhiều người bạn thấy tôi từ xa đã ngay tức khắc quay lưng và biến mất như chiếc bóng trong đêm. Nếu gặp đôi lúc, để giữ gìn sức khỏe, tôi ra ngoài tản bộ quanh những con đường kế cận, tôi không bao giờ bỏ qua cơ hội, mỗi khi đi ngang qua những người công an đang theo dõi tôi, cẩn thận giờ nón chào họ một cú ra trò làm cho họ không được vui lắm. Cả họ và tôi đều biết rõ họ đang diễn trò gì. Như thế họ phải hiểu là tôi quá biết rõ những lệnh lạc mà họ nhận từ chủ nhân và cái tinh quái của tôi là không bao giờ để cho cái cảnh giác của họ có thể thành linh bắt tôi được. Dĩ nhiên, tất cả thư từ của tôi đều bị mở và một số không bao giờ đến tay tôi. Tất cả thông tin đều được ghi vào hồ sơ, về tên tuổi những người gửi thư cho tôi và dĩ nhiên họ sẽ tiến hành điều tra về những người này. Tất cả những con chó to đùng được gửi đến để cắn tôi đều không thể táp với những cái răng nanh vì chúng không thể tìm ra khoảng trống nào có thịt của tôi cả. Sau nhiều năm dài theo dõi, chủ nhân của chúng khám phá rằng chẳng được tích sự gì nên đã buộc phải chấm dứt sự theo dõi đó.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Vào thời gian đầu của cuộc sống đầy bất hạnh của tôi, và trong suốt những chuỗi ngày đen tối đó, tôi thật bất ngờ khi thấy những nhân vật chính trị có tầm cỡ đến nhà tôi, như đồng chí Hà Huy Giáp. Tôi không biết ông ta tự ý đến hay có ai đó đã giao cho ông việc làm đến thăm tôi như thế. Ông ta tỏ vẻ lo lắng cho sức khỏe của tôi và đặt những câu hỏi vô thường vô phạt về sinh hoạt của tôi. Trước đây tôi được nghe những lời đồn tốt về ông nhưng chưa có dịp gặp ông ta. Cuộc trao đổi không đi sâu đến mức riêng tư nhưng tôi có cảm tưởng là có những động lực thân thiện đã đưa ông đến nhà. Một người trong Trung Ương, một nhân vật khá quan trọng của Đảng, đã cất công đến thăm một kẻ bị loại, bị mất phép thông công. Bất kể cái gì, bất kể từ động lực tình cảm nào, cuộc viếng thăm của ông ta như thể một tia nắng chiếu vào đêm tối cô độc của tôi.

Mặc dù với cuộc viếng thăm rạng rỡ và đầy ánh sáng của Hà Huy Giáp như là một tia chớp làm sáng lên đêm tối của đời tôi, tôi vẫn cảm thấy đau khổ cô đơn sống cô lập vì người ta đã kết án tôi. Tôi không bị cô lập với gia đình nhưng vợ con cố giấu nhin những dòng nước mắt để không làm tôi khổ thêm, và tôi biết những giọt nước mắt của họ lại sẽ tuôn trào những khi tôi vắng nhà. Về phần tôi, tôi ráng tránh nhìn trong mắt họ để không nhìn thấy những nếp nhăn trên gò má vì những đêm mất ngủ và phải chịu quá nhiều đau khổ. Một khi quyền lực đã ném sức nặng vào tay giới cầm quyền, họ hống hách tuyên bố, dưới cái nhìn của họ, là đã có kẻ đã phạm một tội ác không dung thứ được, thì cái sợ hãi đã lan ra đến nỗi không ai dám mở cửa hay mở lòng đón tiếp kẻ “phạm tội” đó. Kẻ “phạm tội” chỉ còn cách tự buộc mình sống trong cô lập mà cũng chỉ có nó là phải chịu đau khổ bởi những dằn vò đau đớn của sự cô đơn. Không có nhà nào dám che chở cho nó ngủ, không một bộ quần áo nào có thể che chở cho nó chống chọi đêm đông lạnh giá, không món ăn nào làm ấm bụng, giúp cho nó chút sức để đứng dậy trên đôi chân mà bước đi, không còn một đôi tai thân thích nào để nghe lời than vãn của họ, không một tiếng nói đầy lòng thương nào để ban bố cho tiếng kêu than.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Người đời nhìn tôi, tôi nhìn họ, không còn ai nhận ra ai. Vàng, một kẻ bị trục xuất, bị cắt phép thông công thì phải sống cô đơn ở mọi nơi, ngay cả khi đang sống trong đất nước của mình.

Nhưng cuộc sống bị cô lập giữa những người xa lạ, dù họ là những người cùng nòi giống với bạn, đau đớn bao nhiêu cũng không sánh bằng cái khổ khi phải thấy cái thống khổ của chính gia đình mình, của những người thân thương nhất, của người bạn đời và của máu mủ của mình! Cái cô đơn này cũng là cái quý giá hiếm hoi làm lộ ra cái tình yêu sâu đậm tạo nên sợi giây liên lạc thiêng liêng giữa tôi và vợ con. Họ đau khổ khi nhìn thấy tôi khổ. Họ nghĩ suy cho đó là bổn phận và tình yêu nên cố giúp tôi bớt đau khổ bằng cách giấu đi khổ đau của chính họ. Tự nó, đó là cái động lực rất đáng khen, quý phái, đáng được thán phục và vinh danh, nhưng rủi thay, người chồng và cha, mà họ mong muốn làm cho bớt khổ, dù chỉ trong muôn một, lại làm cho hẳn khổ đau gấp hai khi thấy không thể chia cho nhau những tiếng thở dài và niềm đau cay đắng. Trong cuộc chơi đầy bi thảm và đau đớn, mỗi người trong ba chúng tôi là lo cho người kia, cho hai người kia, tin rằng mình mới là kẻ có khả năng chịu những đợt tấn công của nghịch cảnh và giữ được sự thanh thản và cân bằng bên trong để có được sự an bình của tâm hồn. Nhưng cái mà đang giết chúng tôi là ai cũng biết mình đang lừa dối với chính mình, và muốn lừa dối người kia hay cả hai người kia. Không ai bị lừa cả, nhưng cả ba người đều tự cho rằng mình là người được nhiều an ủi, để rồi tuôn trào nước mắt nhiều hơn khi nỗi cô đơn đến trong đêm khuya.

Vì thế tôi rất đau khổ khi biết rằng vợ con đã phải chịu khổ vì mình, sức khoẻ họ đang kém đi vì những đêm không ngủ kéo dài, và cứ lặp đi lặp lại mỗi ngày. Ý nghĩ đó tra tấn tôi ngày đêm, xé nát tim tôi, làm tôi luôn thao thức trên giường, buộc tôi phải ngồi dậy, bước quanh trong phòng cho tới khi đi nằm lại. Trong nhà, cả ba con người đều không nhắm mắt ngủ được, và nhờ cái đó, họ đành cứ phải lê những bước yếu ớt quanh phòng và nếu có một con ngủ đến làm họ nằm xuống, chẳng



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

qua là nhờ sự kiệt sức đã làm tan biến chút năng lượng hay sức lực còn lại. Thật là một phép lạ khi chúng tôi đã vượt qua biết bao lần như thế, trong khi chỉ cần một lần là có thể đã dễ dàng lấy đi mạng sống của chúng tôi.

Nếu cứ mỗi cuộc khủng hoảng làm chúng tôi đau nhức chết người, thì những lúc tĩnh lặng sau đó, khi dài khi ngắn, lại làm cơn đau dồn dập hơn nữa. Cái đau đớn đã xé tôi ra từng mảnh, đè nghiêng, xé toạc tôi, xuyên thủng tim tôi những lỗ sâu bén, cắn xé hồn tôi ra từng mảnh với hàm răng sắc nhọn. Đó là một thứ sức mạnh hiện hữu, có nét riêng và, nếu tôi có thể nói là xác thực, mà tôi không thể đo lường được cái cường độ, cái năng động, sức mạnh, sự tiến hoá và chu kỳ, thời gian ngưng đọng và tái diễn. Ngược lại, những cảm giác thống khổ mới đang tra tấn tôi lại thuộc về một chủng loại hoàn toàn mới mà tôi chưa bao giờ được biết. Ngược với cái đau đớn mà tôi gọi là hiện hữu xác thực đang đập nát tinh thần và đang xé nát tim tôi, thì những cái đau mà tôi cảm nhận là những tác động tiêu cực làm tan rã ý chí, làm mềm đi hệ thần kinh, làm chậm dòng sinh khí, làm nhu nhược hoàn toàn thể chất và tâm lý của tôi, biến tôi thành một thứ giẻ rách chỉ xứng đáng để ném vào sọt rác. Cái khổ đau này, nó như cơn thủy triều đang dâng, tràn ngập và nhấn chìm tôi trong một tình trạng suy nhược và tê liệt, chỉ để lại trong tôi một mảnh ý thức rời rạc đủ để tôi nhận ra cái sức nặng của một khoảng trống rỗng không. Trước đây cuộc sống của tôi thật sống động, cho những bài giảng ở Đại Học, tranh cãi trước Toà Án, viết những bài tham luận, khảo cứu văn chương. Tôi thường có một cảm giác sung mãn, nóng bỏng muốn hành động và biểu lộ ra ngoài. Ngày nay tôi trở nên gặt gù trong trạng thái lừ đừ yếu đuối, tưởng như đang trôi dạt trên một biển cả không bờ không bến và bị tan biến trong cái vùng nước mênh mông không động đậy. Ngày xưa, thời gian đối với tôi là một kho tàng quý giá nhất, nó trôi qua quá nhanh ngược lại ý mình, đã làm tôi tuyệt vọng; ngày nay nó chỉ là một chiếc khung hình hoàn toàn không có gì trong đó, hiện ra một khoảng trống không màu sắc, chỉ để làm hư tâm nhìn và tiêu

## HUỶNH ÁI TÔNG

diệt cả ý chí. Tôi căng óc lấp đầy cái hư ảo này với những cảm xúc nghe, nhìn. Tôi phải tìm nhìn chăm chăm vào từng chiếc lá trên cây bên đường, chú mục vào từng kẻ đang bước trên phố, từng cái xe chạy, tôi như một người mù vừa mới tìm được lại ánh sáng, vừa xem xét chăm bẵm từng thực tiễn của cuộc sống, vừa ngạc nhiên trước những điều mới lạ. Nhưng mọi cố gắng đều trở nên vô ích, và sự kiêu hãnh của họ đã ném tôi vào một niềm thất vọng không thể chịu đựng được. Cả thời gian đó, dù tôi đã cố gắng quên mình trong những chuyện tâm phào, nó vẫn tiếp tục làm cho tôi hoang mang lẫn lộn, nó vẫn quấy phá tôi bằng cái rỗng tuếch của nó.

Tôi nảy ra ý nghĩ một mình lang thang khắp phố, tập trung với tất cả chú tâm nhìn ngắm những sinh vật, tất cả các căn nhà, tất cả những hoạt cảnh đang chuyển động, những thứ kết hợp thành bao nhiêu là chuỗi phim tài liệu về đời sống ở thủ đô. Không có một du khách nào đã đẩy trí tò mò của mình đi xa như tôi như thế. Nhưng tất cả những bận bịu, mà tôi hiểu rõ hơn ai hết đó là chuyện vô ích, cũng không cho phép tôi lấp đầy hết khung thời gian của tôi. Tất cả những việc làm vô hồn đó không thể nào thoả mãn một tâm hồn đang khát bồng những ước vọng chưa thoả, với những nhiệt tình nhất định. Tôi tự so sánh mình với người lữ hành đang băng qua sa mạc, nặng chiu trên vai một gói vàng và không cầu xin gì hơn là được trao tất cả số vàng kia để đổi lấy một cốc nước.

Tôi lang thang trôi dạt đến khu Ba Đình, nơi mà xưa kia tôi hay đến chơi tennis trong những lúc rỗi rảnh. Vẫn chưa đến giờ tan sở, trên sân vẫn vắng bóng người chơi. Đang ngồi cạnh sân, bỗng nhiên tôi hết sức ngạc nhiên thấy như một cục gì đang lăn tròn dưới chân tôi mà lúc đầu tôi cứ tưởng là một cục len. Đó là một con mèo bé tí chắc mới đẻ vài ngày trước đây, chắc là mẹ nó, theo thói quen, đã quyết tâm bỏ đi để nó tự một mình khám phá thế giới. Tôi bế nó lên trong lòng bàn tay, dịu dàng vuốt ve nó và tôi cảm thấy nó thật tội nghiệp. Nó và tôi là hai kẻ lạc loài đang trôi dạt bơ vơ trong cuộc đời, cả hai cùng

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

chung cái đói, nạn nhân cùng bị cô lập và sàu não chung một số phận. Sau khi đi một vòng trong khu nhà hỏi xem ai là chủ nó, câu trả lời luôn là không biết, tôi cảm ơn sự may mắn hay Đấng Cứu Thế nào đó đã trao cho tôi một người bạn đồng hành bất hạnh và khôn khéo để tôi có thể thì thầm chuyện văn hầu lấp đầy cái khoảng thời gian trống vắng, để cho tôi có một kết nối tình cảm mà tôi không dám đòi hỏi nơi vợ con vì sợ rằng sẽ đào sâu thêm nỗi khổ đau của họ. Giữa tôi và vợ con, sự im lặng là cái hùng biện hơn là những lời nói và nó không làm tuôn thêm những dòng nước mắt. Câu chuyện giống như tôi và con mèo con kia: chỉ cần nhìn nhau trong ánh mắt là quá đủ cho những trao đổi tình cảm.

Trở về nhà, tôi chia cho nó chén cơm trắng của tôi. Tôi rất vui khi thấy nó bằng lòng một chút cơm như thế và nó lên cân khá nhanh. Mỗi khi tôi ngồi thiền hay ngồi mơ mộng bên cạnh cửa sổ, nó leo lên ngồi trên đùi tôi, về đêm nó đến nằm kê bên cạnh. Nhờ đó, tôi bắt đầu bước những bước đầu tiên, bước ra khỏi con đường hầm vô tận của cô đơn, tự cho mình một lý lẽ để sống bằng cách lấp đầy những khoảng trống trong sự hiện hữu của tôi. Tôi không thể đi dạo một mình ngoài đường vì lúc nào cũng có bọn chó săn bám gót phía sau. Tôi không thể ghi danh vào câu lạc bộ tennis Ba Đình vì giá vợt, banh và giày vải để chơi là quá cao với một giá thật điên khùng và tôi không thể nào vươn tới. Nhưng điều làm tôi đau lòng nhất là thấy biến mất những bạn cùng chơi ngày xưa nay kiếm cách tránh và chạy mất tôi. Sự bỏ chạy của họ như là những cú dao đâm vào tim tôi, tôi không thể nào đóng vai một kẻ vô gia cư hay cùi hủi. Tôi hiểu thái độ những người bạn chơi tennis kia, tất cả đều là những chức sắc cao cấp trong chính quyền, dĩ nhiên là những người của Đảng, là những người luôn luôn lo lắng hơn ai hết về tương lai quan chức và chính trị của mình. Vì thế họ sẽ bị kinh hoàng khi phải bắt tay một kẻ đang bị bệnh dịch và phải chơi một trận tennis với kẻ này. Họ cũng chỉ là con người, với những tâm hồn yếu kém, tôi không thể nào mong họ bớt mất tư cách hơn, bớt hèn hạ, bớt mất phẩm giá hơn.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Con mèo lớn nhanh và nó được tôi dành cho nhiều săn sóc. Nó giúp tôi hoà giải lại với cuộc đời, nó làm nẩy nở trong tôi cái thú vui được có lại những sinh hoạt trí thức, những sinh hoạt ngày xưa đã đem lại cho tôi những niềm vui thanh khiết. Tôi phải làm cách nào để khởi động lại cái máy trí thức của tôi đây? Tôi lướt xét lại tất cả từ năm 1932, năm mà tôi trình luận án Tiến Sĩ Quốc Gia về Văn Chương và Tiến Sĩ Luật. Trong lúc chọn đề tài khảo cứu, tôi dành phần như nhau giữa phương Tây và phương Đông, giữa nước Pháp và Việt Nam. Luận án chính của tôi về văn chương viết về Musset, luận án về Luật viết về cá nhân trong xã hội xưa dưới các triều đình An Nam (Bộ Luật nhà Lê). Riêng về cái luận án bổ túc về Văn Chương, nó nhằm giới thiệu đến công chúng Pháp một tác giả người Pháp đã viết về đề tài “Việt Nam vào cuối thế kỷ 19” tên Jean Boissière. Niềm ưu tư về sự cân bằng và giao hoà giữa hai thế giới đã gây cảm hứng cho tôi trong bốn cuốn sách viết vào khoảng năm 1940. Cuốn thứ nhất, *Nụ cười và nước mắt của tuổi trẻ*, trình bày cái tâm lý và những sinh hoạt trí thức và xã hội của một cô gái trẻ người Việt, được đào tạo ở Pháp, có trách nhiệm phải xây dựng phương Đông của ngày mai. Chính cái “xây dựng phương Đông của ngày mai” lại là cái cảm hứng để tôi viết hai cuốn sách, một cuốn dành riêng viết về những giá trị của Pháp: *Những viên ngọc của nước Pháp và cái khác với những giá trị vùng Địa Trung Hải* (Tây Ban Nha, Ý, Hy Lạp), một cuốn là *Bước đầu của Địa Trung Hải*. Tác phẩm thứ tư là một vở kịch mang lên sân khấu cái xung đột, trên khía cạnh tình cảm, giữa một kẻ du hành hiện thân cho phương Tây với những nhu cầu hay di động và thay đổi, và một cô gái tiêu biểu cho tình cảm qua sự trung thành và bền vững: “Cuộc hành trình và tình cảm”.

Từ năm 1940 đến 1945, nhiều xáo trộn cực kỳ nghiêm trọng đã xảy ra trên thế giới và ở Việt Nam: từ nay, nước Pháp không còn tập trung vào những hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nơi mà Cách Mạng cộng sản đã thắng thế từ năm 1945 và đang điều hành nhân dân. Từ 1945 đến 1956, tôi và gia đình bỏ vào

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

bung cùng tham gia Kháng Chiến chống thực dân. Khi trở về Hà Nội, tôi trở lại đi dạy Văn Chương ở Đại Học và mở lại văn phòng Luật Sư ở Hà Nội. Tôi được bổ nhiệm, nhờ Đảng ban ân huệ và cũng chẳng phải do tôi xin, ngồi trên ghế của Ủy Ban Trung Ương của mười tổ chức quần chúng. Từ năm 1958, vì đứng ra bảo vệ cho dân chủ, tôi đã bị tước bỏ mọi nhiệm vụ; tôi đã nhắc lại những diễn biến này trong phần đầu của cuốn sách này. (....)

*(Un Excommunié*

*Hanoi: 1954-1991: Procès d'un intellectuel*

Nguyễn Quốc Vĩ dịch)

*Là một nhà trí thức, vừa có bằng tiến sĩ luật lại có bằng tiến sĩ văn chương, nên văn ông viết thật mạch lạc, khúc chiết, phân tách hợp lý những tình tiết câu chuyện đã xảy ra. Đọc hồi ký của ông, với cách hành văn bình dị đầy xúc cảm, người ta không khỏi mũi lòng cho thân phận của người trí thức, có liêm sĩ phải sống dưới chế độ cộng sản.*

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Mạnh Tường Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Nguyễn Mạnh Tường Web: [quehuongta.com](http://quehuongta.com)

5) Thao Thao



**Thao Thao – Cao Bá Thao (1930-1994)**

Nhà thơ Thao Thao tên thật là Cao Bá Thao, sinh ngày 11 tháng 6 năm 1909, tại xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh (nay là huyện Gia Lâm, Hà Nội). Ông là cháu xa đời của danh nhân văn hóa Cao Bá Quát: 1809-1865. Thuở nhỏ, ông học tiểu học ở thị xã Bắc Ninh.

Năm 1927-1931, ông theo học ở trường Bưởi (nay là Trường Chu Văn An, Hà Nội). Trong thời kỳ này, ông có biệt tài làm ứng khẩu thành thơ, nên đã được các thầy và bạn học đặt cho biệt danh là "thi sĩ".

Năm 1931, ông thi trượt tú tài, phải đi dạy tư kiếm sống.

Năm 1932-1935, ông cùng Nguyễn Nhược Pháp và Phạm Huy Thông, là những nhà thơ hàng đầu khởi xướng phong trào "Thơ mới" của Hà Nội.

Năm 1935, ông cho in tập thơ đầu tiên: *Dưới trăng*, gồm 16 bài thơ 8 chữ và thơ một câu.

Năm 1936, ông cho in các tập thơ "*Thuyền Mơ*", "*Bờ Suối*" và "*Duy Tân*", gồm toàn thơ 8 chữ.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Năm 1937, ông làm phóng viên báo *Việt Báo*.

Năm 1939, ông làm phóng viên báo *Tin Mới*.

Năm 1942, ông được chủ báo *Tin Mới* cử vào Sài Gòn dự triển lãm sách tại nhà sách của Nguyễn Khánh Đàm và đi thăm Đế Thiên Đế Thích (nay thuộc Vương quốc Campuchia).

Năm 1941, ông viết thơ trường ca *Ái Bắc*, cho in vào năm 1942 và sau đó được tái bản nhiều lần, gây được sự chú ý rộng rãi của bạn đọc.

Năm 1943, ông viết xong kịch thơ *Quán Biên Thùy*, được công diễn tại Nhà hát Lớn Hà Nội, rồi Hải Phòng, Nam Định và nhiều tỉnh thành khác (năm 1950, tác phẩm này được nhà xuất bản Lê Thăng ở Hà Nội cho in và cho tái bản nhiều lần sau đó).

Năm 1946, kháng chiến toàn quốc bùng nổ, ông tản cư về quê nhà ở Phú Thị (Gia Lâm, Hà Nội) cho đến cuối năm 1947, mới trở lại Hà Nội.

Năm 1948, ông làm phóng viên báo *Tia Sáng*.

Năm 1949-1954, ông làm công chức Sở Kiểm Duyệt Bắc Việt.

Năm 1954, ông làm cán bộ lưu dung Sở Văn Hóa Hà Nội.

Năm 1956-1959, ông làm Phó trưởng đoàn Đoàn Văn Công Hà Nội.

Năm 1957, ông tham gia Đại Hội thành lập Hội Nhà văn Việt Nam lần thứ nhất và trở thành hội viên sáng lập.

Năm 1960, trong không khí hậu *Nhân Văn - Giai Phẩm* ông bị loại khỏi biên chế của Sở Văn Hóa Hà Nội, rồi bị đưa đi tập

## HUỶNH ÁI TÔNG

trung cải tạo lao động ở Bất Bạt (Sơn Tây), Thái Nguyên cho đến 1966.

Năm 1966, ông được tạm tha trở về nguyên quán (Phú Thị, Gia Lâm). Năm 1972, ông mới được nhập hộ khẩu chuyển về ở Hà Nội sống với gia đình. Ông tiếp tục sáng tác và mất tại 195 Lê Duẩn, Hà Nội vào ngày 07 tháng 02 năm 1994, thọ 85 tuổi.

Tác phẩm:

- *Dưới trăng* (thơ, 1935)
- *Bờ suối* (thơ, 1935)
- *Thuyền mơ* (thơ, 1936)
- *Duy tân* (thơ, 1936)
- *Ái Bắc* (trường ca, Lê Thăng, Hà Nội, 1942)
- *Trăng nước* (1943)
- *Những tâm hồn lạc lõng* (kịch, 1945),
- *Suối vàng thương kẻ* (tập truyện ngắn, 1945)
- *Tự điển tử vi* (1950)
- *Quán biên thùi* (kịch thơ 8 chữ, Lê Thăng, Hà Nội, 1950)
- *Người mù đạo trúc* (kịch thơ 8 chữ, Phúc Thắng, Hà Nội, 1950)
- *Thầy Lác* (tập truyện ngắn, 1952)
- *Xem tướng lấy* (1952)
- *Tướng pháp thực hành* (1952)
- *Nhìn mặt đoán người* (1952)
- *Ba Đóm trên bến Vị Hoàng* (tiểu thuyết, Phúc Thắng, 1953)
- *Trần Thủ Độ* (kịch, viết năm 1958 chưa in)
- *Cao Bá Quát* (chưa in)

Trích thơ:

trích thơ một câu:



HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

- Trời nước lặng

mơ hồ  
cá đớp trăng.

- Sông nước mờ

hơi sương  
chớm lửa buồn.

- Gió mơ hồ

cây rủ bóng  
trăng êm.

- Bể mịt mù

cát vàng nhạt  
trăng soi.

- Đóm lập lòe

tha ma  
đồng quạnh quẽ.

**Quán biên thù,**

(Kịch thơ trích hồi thứ ba, màn một)

Sông dịch Thủy. Hương án, tán, quạt...trong sương khuya, buồn rữ. Một con thuyền đậu ven sông, quanh co dòng nước chảy lạnh lùng...

Kinh Kha, dừng bước:

*Đây phải chăng là bên sông Dịch  
Nơi triều Yên sắp sửa tiễn đưa chân?*

## HUỶNH ÁI TÔNG

Tiến đưa ta sang Hàm Dương hành thích,  
Giết bạo Tần để cứu vớt muôn dân?  
Phải đây rồi! Vì cầu kia đang đợi  
Mé chân cầu cò xí phát phơ bay  
Hương án tỏa trầm hương, mờ mịt khói  
Quân trang nghiêm, gương giáo ánh lò mây.  
Phải đây rồi! Đây là bờ sông Dịch  
Nơi triều Yên sắp sửa tiễn đưa chân?  
Ta dừng lại ngắm non sông tịch mịch  
Trời Yên bang sầu ly biệt cố nhân!  
Sông Dịch Thủy vời trông sao quạnh quẽ?  
Nước về đâu mờ mịt lạnh lòng trôi?  
Ta sắp sửa sang sông, buồn ngán nhẽ:  
Sông còn đây mà khách tận sang xôi!

.....

Cao Tiệm Ly, từ xa đến tiễn:

Ngao ngán nhẽ! Bao nhiêu ngày cách biệt  
Giờ gặp nhau sắp sửa phải xa nhau!  
Sông Dịch Thủy, nước lạnh lòng chảy xiết  
Quán Biên thùi tro đó, bạn bầu đâu?

Kinh Kha:

Quán Biên thùi, nơi chia đôi ranh giới  
Triệu một bên, yên hồ hững một bên,  
Nâng chén rượu, chiều chiều nghe gió thổi  
Sương mờ mờ bao phủ, hận vô biên.  
Hận vô biên vì tài không chỗ đựng  
Kiếm thần đeo hoen rỉ, tháng ngày qua  
Tê, Ngô, Vệ...dậm ngàn không chỗ đứng,  
Đất Yên nhìn...hôm sớm...núi mờ xa...  
Rượu đầy vơi...âm thầm nghe điệu trúc  
Rúc ngân buồn, rừng núi trĩu lệ sương  
Võ kiếm ca...lưng trời lơ mờ đục...

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Lời buồn than vương vấn ủ biên cương...*

Trong *Từ điển Văn học Bộ mới* Thế giới xuất bản năm 2004, Nguyễn Huệ Chi nhận xét về nhà Thao Thao:

*Thơ Thao Thao không có những bài thật nổi trội. Các tìm tòi của ông về thơ một chữ chưa đi đến thành công. Thơ tám chữ của ông có nhiều đoạn hay, nhất là ở giọng thơ sôi nổi hào hùng trong “Ái Bắc”, nhưng nhìn chung, chất trữ tình cô đọng còn ít hơn chất tự sự. Đó cũng là điều không tránh được bởi thơ của ông chủ yếu dùng để viết kịch thơ, mà kịch thơ theo ông vừa phải có chất thơ vừa phải có chất kịch, nhưng vì phải đáp ứng cả hai nên rốt cuộc yêu cầu nào cũng không trọn vẹn. Tập truyện ngắn “Thầy Lác” không có gì đặc sắc. Ngay cả quyển tiểu thuyết “Ba Đóm trên bến Vị Hoàng” dừng về cấu kết cũng như diễn biến tâm lý của nhân vật cũng hãy còn đơn giản...*

Tài liệu tham khảo:

- Thao Thao Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)

## HUỶNH ÁI TÔNG

### 6) Đặng Văn Ngữ



### **Đặng Văn Ngữ (1910-1967)**

Bác sĩ Đặng Văn Ngữ sinh ngày 4 tháng 4 năm 1910, quê ở làng An Cựu, ngoại thành kinh đô Huế.

Ông tốt nghiệp bác sĩ y khoa năm 1937, tại trường Đại học Y khoa Hà Nội. Sau đó, ông làm trợ lý cho giáo sư bác sĩ người Pháp Henry Galliard chủ nhiệm Bộ môn Ký sinh trùng trường Đại học Y khoa Đông Dương (tiền thân của trường Đại học Y Hà Nội). Năm 1942 ông là trưởng Labo (phòng thí nghiệm) Ký sinh trùng và ông đã hoàn thành 19 công trình nghiên cứu khoa học nổi tiếng.

Năm 1943 ông đi du học tại Nhật Bản. Năm 1945, ông là hội trưởng hội Việt kiều yêu nước tại Nhật Bản.

Năm 1949, ông về nước tham gia kháng chiến chống Pháp, trở thành giảng viên Chủ nhiệm Bộ môn Ký sinh trùng trường Đại học Y khoa tại Chiêm Hóa. Trong thời gian tham gia kháng chiến chống Pháp tại chiến khu Việt Bắc, ông đã nghiên cứu thành công cách sản xuất ra thuốc nước Penicillin, loại thuốc kháng sinh này đã góp phần rất lớn trong điều trị chống nhiễm

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

khuẩn cho thương binh và nhân dân trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ sau này.

Năm 1955, ông sáng lập ra Viện Sốt rét - Ký sinh trùng và côn trùng Việt Nam, và làm Viện trưởng đầu tiên của viện này. Trong Kháng chiến chống Mỹ, ông tập trung nghiên cứu phòng chống và điều trị căn bệnh sốt rét tại Việt Nam. Năm ngày 1 tháng 4 năm 1967, ông đã mất trong một trận Mỹ ném bom B52, tại một địa điểm trên dãy Trường Sơn thuộc địa bàn tỉnh Thừa Thiên - Huế, khi đang nghiên cứu căn bệnh sốt rét. Một ông nằm yên ở đó, đến hai mươi năm sau một người tiều phu vô tình phát hiện ra, Người ta nghĩ rằng đó là hài cốt của một chiến sỹ cách mạng Đặng Văn Ngữ, nên đã đưa về Nghĩa trang liệt sỹ xã Phong Mỹ, huyện Phong Điền Tỉnh Thừa thiên. Mãi năm năm sau hai người con của ông mới tìm được, để đưa cha mình về nghĩa trang họ Đặng trên núi Ngự Bình .

Bác sĩ Đặng Văn Ngữ có tham gia trả lời phỏng vấn của Nhân Văn về Tự do dân chủ đăng trong Nhân Văn số 3. Là một bác sĩ có nhiều đóng góp cho cách mạng, nên ông không bị hình thức kỷ luật cùng các nhà trí thức khác như Triết gia Trần Đức Thảo, Tiến sĩ Nguyễn Mạnh Tường.

Ngày 10 tháng 9 năm 1996, ông được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt một về lĩnh vực Y học cùng với 12 người khác.

Tác phẩm:

- *Contribution à l'étude des abcès du foie au Tonkin* (thèse de Doctorat en Médecine). Hanoi, -1936.

*Particularités de l'évolution du Diphyliobothrium Mansonni*. (Compte-rendu de la PEATM, Tokyo, 1943).

- *Une nouvelle espèce de Salmonella*. Singapore. (Review of Infection diseases, Tokyo, 1945).

## HUỶNH ÁI TÔNG

- *Nouvelle technique de recherche des propriétés anti-bi-otiques. Technique de l'ensemencement par vaporisations* (Rev. of Inf. diseases, Tokyo, 1945).
- *Applications of the Technic of seeding by spraying on purification of penicillin producing strain of penicil-lum* (Rev. of Inf. diseases, Tokyo, 1946).
- *Studies on the antibiotic substance produced by action-myc-es slightly toxic and basic entriobiosia substance from a stratu of actinomyces* (Journal of penicilline, Tokyo, 1947).
- *Nghiên cứu kháng sinh ở Việt Nam* (Penicilline tập san, 1951, Chiêm Hóa, Tuyên Quang).
- *Tăng gia men Pénicilline* (Tập san Chiêm Hóa, 1951).
- *Nước bẹ ngô ngâm Pénicilline* (Tập san Chiêm Hóa, 1951).
- *Nghiên cứu các chất kháng sinh ở một số thảo mộc. Y học tập san, Hà Nội, 1957.*
- *Nghiên cứu công dụng các thuốc chữa giun sán, đặc biệt về các loại thảo mộc* (Công trình chủ yếu, Đại học y dược, Hà Nội, 1959).
- *Hướng dẫn lãnh đạo và kỹ thuật tiêu diệt sốt rét.* Hà Nội, 1963.
- *Sinh vật học* (sách giáo khoa Đại học Y). Hà Nội, 1963.
- *15 năm kí sinh trùng y học Việt Nam.* Tập san Y học, 1960.

Trích văn:

### **Trở về với quê hương kháng chiến**

Cha tôi lúc còn nhỏ tự học chữ nho có tiếng là giỏi, nhưng đến tuổi đi thi thì thực dân Pháp đã bãi bỏ các kỳ thi chữ nho. Mẹ tôi, lúc lấy cha tôi, là người bán hàng xén, hàng ngày gánh một

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

gánh hàng đi bán khắp các chợ ở vùng thôn quê quanh thành phố Huế. Đến lúc để tôi thì vốn hàng rong đã tương đối khá hơn, đã thuê được một tấm phản ở chợ An Cựu. Hàng ngày chị tôi và một người giúp việc gánh hàng ra chợ; mẹ tôi, chị tôi và sau này chị dâu tôi cùng ngồi bán. Không bao lâu gian hàng của gia đình tôi đã trở nên đắt khách nhất và to nhất ở chợ An Cựu. Cha tôi không bao giờ bước chân ra chợ, chỉ ở nhà lo việc sổ sách, chuẩn bị hàng hoá, như làm mút kẹo, xắt thuốc lá cho mẹ tôi bán. Anh tôi lớn hơn tôi bốn tuổi, tuy từ lúc bé cũng đi học trường Pháp thuộc, không học chữ nho, nhưng chịu ảnh hưởng của nho giáo một cách sâu sắc. Anh tôi lấy chữ “Hiếu” làm mục đích của đời sống, và suốt đời chỉ muốn làm như thế nào cho đúng theo lời dạy của Khổng Mạnh.

Lúc chúng tôi đi học, cha mẹ tôi đã làm ăn khá giả, nên thường xuyên rước thầy về nhà để dạy thêm cho chúng tôi. Các thầy phần nhiều là học sinh người Nghệ An, Hà Tĩnh, học trên anh tôi hai - ba lớp (một trong số thầy giáo đó là đồng chí Hà Huy Tập). Ban ngày các thầy cũng đi học với chúng tôi, đến tối lại ngồi học và giảng thêm cho chúng tôi. Trong mấy tháng nghỉ hè, chúng tôi thường xuyên có thầy dạy ở nhà. Lúc nhỏ, anh tôi rất thông minh và luôn đứng đầu lớp. Cha tôi rất vui mừng, nghĩ rằng đời mình đã không đỡ đạt được thì may ra con mình sẽ đỡ đạt cao để gia đình mình khỏi mang tiếng là “Trọc phú”. Tất cả hy vọng của cha mẹ tôi lúc ấy đều đặt vào anh tôi, vì tuy nhà luôn có thầy kèm, nhưng khi nào tôi cũng đứng chót lớp.

Và cũng vì học dốt, nên mỗi năm tôi phải đổi trường để xin lên lớp trên, nếu không nhất định phải lưu ban. Tôi đã học quanh hầu hết tất cả các trường ở Huế: Paul Bert, Chaigneau, Quốc học, Trường Giồng.

Năm 15 tuổi, tôi theo một người dưỡng (cậu rể) ra học lớp nhất (tương đương với lớp 5 bây giờ) tại Trường Quốc học Vinh. Dưỡng tôi cũng là giáo viên ở Trường Vinh nên nhờ gửi gắm cho các giáo viên khác và tôi đã thi đỗ bằng Sơ học yếu lược.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Trở về Huế, thi vào Trường Quốc học, tôi thi trượt phải học lại một năm lớp nhất Trường Quốc học Huế. Năm sau thi lại, vẫn trượt nên phải xin vào học lớp đệ nhị niên ở Trường Thầy Giòng, Trường Giòng là trường tư nên chỉ xin vào là được, không cần phải thi. Năm ấy anh tôi đang học lớp đệ tam ở Quốc học, cha mẹ tôi cưới vợ cho anh tôi. Việc đó rất tai hại: cưới vợ chưa được một tháng, anh tôi từ đứng đầu lớp, tuột xuống đứng cuối lớp. Cuối năm ấy phải lưu ban và năm sau không đủ điểm lên lớp nên phải thôi học, xin đi làm giáo viên trường làng.

Cha tôi thất vọng, có lần toan tự tử, gia đình can mãi mới thôi. Nhưng lúc ấy thì tôi lại học khá dần. Tuy học có khá hơn, nhưng về thời sự thì hoàn toàn không hiểu gì hết. Lúc tôi học lớp đệ tứ ở Trường Giòng cũng là lúc có phong trào bãi khoá của học sinh các trường để phản đối cảnh sát bắt giam một số học sinh Trường Quốc học đã để tang cụ Phan Chu Trinh. Một số anh em vận động bãi khoá ở Trường Giòng. ở Trường Giòng, mỗi buổi sáng có một hồi chuông, học sinh xếp hàng theo hai hàng, lớp đệ tứ đi trước, rồi đến lớp đệ tam, đệ nhị... Tôi thuộc loại bé nhất lớp đệ tứ nên đến hồi chuông thứ hai là đi mở đường cho toàn trường. Hôm ấy, trong giờ chơi trước khi sắp hàng, một số học sinh lớp đệ tứ đến gặp bọn nhỏ bảo: chốc nữa cứ xếp hàng như thường lệ, nhưng đến khi hồi chuông thứ hai thì đi thẳng ra cổng trường không đi vào lớp. Bọn trẻ chúng tôi không đồng ý, cho rằng Trường Giòng là trường tư, không có lý do bãi khoá theo trường công, và đến hồi chuông thứ hai chúng tôi vẫn theo thường lệ đi thẳng vào lớp học. Đa số học sinh đã theo chúng tôi vào lớp, chỉ có một số ít bỏ hàng ngũ đi ra cổng.

Trong kỳ thi Thành chung, trong số hơn bốn mươi học sinh Trường Giòng đi thi, chỉ có hai người đậu: tôi và một người khác. Cha mẹ tôi rất vui mừng, bao nhiêu hy vọng trước đây đặt vào anh tôi thì nay chuyển cả sang tôi. Tôi được coi như một vị cứu tinh của gia đình. Thấy tôi đang trên đà học khá,



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

cha mẹ tôi cho tôi ra Hà Nội tiếp tục học ở Ban tú tài bản xứ mới thành lập tại Trường Bưởi. Lúc học ở Hà Nội, tôi được học bổng như tất cả các học sinh ở miền Trung. Năm 1930, tôi thi đỗ tú tài bản xứ và tú tài Tây. Sau đó tôi lại được học bổng để vào Trường Đại học Y - Dược, và đến năm 1937 thì tốt nghiệp Y khoa bác sĩ.

Lúc tôi học đến năm thứ hai Y khoa thì cha mẹ tôi hỏi vợ cho tôi là cô con gái mười bốn tuổi của Thượng thư Bộ Hình triều đình Huế Tôn Thất Đàm. Cha tôi muốn hỏi vợ cho tôi ở nhà quan to để chứng minh với xóm giềng rằng, cha tôi không cần phải vào luồn ra cúi với triều đình nhà Nguyễn, nhưng vẫn vinh dự, không kém kẻ đỗ đạt cao ra làm quan. Tôi lúc ấy chỉ biết học, còn vấn đề vợ con thì hoàn toàn theo ý bố mẹ. Hàng năm đến kỳ nghỉ hè, tôi sang thăm gia đình vợ sắp cưới một lần, cho đến khi thi bác sĩ xong mới cưới. Suốt thời gian “Làm rể” trong sáu năm, tôi không hề thấy mặt vợ chưa cưới của tôi.

Trong thời gian học ở Trường Đại học Y - Dược, tôi luôn luôn đứng đầu lớp, và vì vậy theo quy định, năm nào cũng làm đại biểu sinh viên lớp: năm 1935 tôi là đại biểu lớp năm, đồng thời là đại biểu sinh viên toàn trường, vì lớp năm lúc ấy là lớp cao nhất. Lúc bấy giờ xảy ra một việc làm tôi suýt bị đuổi ra khỏi trường. Sinh viên lúc ấy, từ năm thứ ba trở lên, có nhiệm vụ thường trực ở Bệnh viện Phủ Doãn. Trong lúc thường trực sinh viên ăn cơm ở bệnh viện theo chế độ của bệnh nhân trả tiền thuộc loại cao nhất. Nhưng vì bọn thầu khoán ăn lãi rất nhiều nên cơm ăn rất tồi, sinh viên đòi bệnh viện phải trả tiền cho sinh viên thường trực để tự giải quyết lấy bữa ăn, không chịu ăn ở bệnh viện. Tôi là đại diện của trường có nhiệm vụ đưa yêu cầu của sinh viên cho Giám đốc bệnh viện. Bệnh viện không đồng ý và vấn đề cứ thảo luận đi thảo luận lại mãi. Trong khi giằng co chưa giải quyết, một số sinh viên đến giờ ăn, bỏ cả thường trực bệnh viện ra ngoài hiệu ăn cơm. Một hôm có bệnh nhân cấp cứu đến vào lúc hai sinh viên trực đều bỏ đi ăn cơm. Bệnh nhân chết. Trường Đại học Y khoa đã quyết định đuổi hai

## HUỖNH Ỉ TÔNG

sinh viên nói trên ra khỏi trường. Một năm sau vụ này tôi mới biết rằng tôi cũng suýt bị đuổi. Hôm ấy tôi đang soạn thực tập cho sinh viên, Henri Galliard xem tôi làm việc, rất thích và bảo: “Hay quá, nếu năm ngoài tôi không thận trọng thì tôi đã mất một người cộng tác quý báu!”.

- Sao vậy?

- Năm ngoài tôi có chỉ thị của Phủ Toàn quyền phải đuổi anh và hai sinh viên thường trực ra khỏi trường vì Sollier báo cáo lên rằng anh là “Meneur” (người cầm đầu) trong việc sinh viên đấu tranh ở bệnh viện. Tôi vừa ở Pháp sang, thấy Sollier rất quý quyết, nó lừa anh vào tròng để hại anh. Tôi xét lại học bạ của anh, thấy anh là học trò xuất sắc nên nhất định không đuổi anh. Đến nay tôi thấy tôi đã làm đúng.

Tôi bắt đầu nghiên cứu ở phòng thí nghiệm và yêu thích công tác nghiên cứu khoa học từ năm thứ ba trung học. Lúc ấy tôi vào loại học sinh khá nhất về toán và lý. Giáo sư lý lúc ấy là Vicenti giao tôi nhiệm vụ chuẩn bị các thí nghiệm vật lý cho lớp.

Đến năm thứ ba Y khoa, tôi lại được một dịp khác để làm công tác ở phòng thí nghiệm. Giáo sư môn lý lúc ấy là Fenix de Lacombe giao tôi chuẩn bị thực tập cho sinh viên cùng lớp.

Khi tôi học đến năm thứ sáu Y khoa, thì trong trường có sự thay đổi lớn. Trước đây sinh viên học năm thứ năm xong, phải sang Pháp học năm thứ sáu và trình luận án Y khoa bác sĩ ở Pháp thuộc Đại học Paris. Nhưng từ năm ấy trở đi, Trường Đại học Y khoa Hà Nội mở thêm một lớp sáu nữa. Đại học Paris cử sang Hà Nội một giáo sư để làm Giám đốc Trường Đại học Y khoa Hà Nội và để làm Chủ tịch Hội đồng giám khảo các luận án. Như thế là sinh viên Y khoa không sang Pháp nữa. Giáo sư được cử sang làm Giám đốc Trường Đại học Y khoa Hà Nội là Henri Galliard, chuyên môn về khoa Ký sinh trùng và kiêm

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

làm Chủ nhiệm bộ môn Ký sinh trùng. Lúc ấy Phan Huy Quát và tôi cùng ở một nhà, học một lớp cả hai đều muốn làm công tác nghiên cứu khoa học. Chúng tôi đến xin làm phụ trách trợ lý cho Bộ môn Ký sinh trùng. Henri Galliard nhận cả hai. Đến năm 1937 sau khi ra trường bác sĩ Phan Huy Quát chuyển sang làm trợ lý Bộ môn Nội khoa, Chủ nhiệm là Massias. Tôi ở lại làm trợ lý cho Henri Galliard. Phụ cấp cho chúng tôi lúc ấy mỗi tháng là sáu mươi đồng. Được tin tôi đậu Y khoa bác sĩ, anh tôi liền viết cho tôi một bức thư gọi tôi về Hué mở phòng khám bệnh để được gần gũi gia đình và “Trả công lao cho cha mẹ”.

Tôi viết thư trả lời lại rằng tôi chỉ muốn tiếp tục học và nghiên cứu ở Trường Đại học Y khoa, còn vấn đề trả hiếu cho cha mẹ, tôi sẽ trả bằng cách sẽ nuôi con tôi như cha mẹ tôi đã nuôi tôi. Anh tôi cho câu nói ấy là láo xược và gửi trả lại thư cho tôi.

Là bác sĩ mới ra trường, mở phòng khám bệnh thì mỗi tháng trung bình có thể thu được năm, sáu trăm đồng, thi vào ngạch bác sĩ bệnh viện thì lương tháng chừng ba trăm đồng, nhưng nếu ở lại làm trợ lý cho Trường Đại học Y khoa thì chỉ được lĩnh phụ cấp mỗi tháng sáu mươi đồng không có lương, vì lúc ấy chưa có ngạch cán bộ giảng dạy là người Việt Nam ở Trường Đại học Y - Dược khoa. Tuy vậy, số anh em cùng tốt nghiệp năm ấy muốn ở lại làm trợ lý không phải là ít. Để có thể sinh sống, đồng thời có thì giờ học thêm ở trường, chúng tôi đã họp nhau lại, tổ chức một cơ sở khám bệnh và bệnh viện gọi là Bách khoa Y viện Lucas Championnière. Lucas Championnière là một giáo sư đã chết mà sinh viên Y khoa đều mến phục. Bách khoa Y viện có các khoa: Nội do Phan Huy Quát trợ lý Bộ môn Nội khoa phụ trách, Sản phụ và Hài nhi do Lê Hữu Mỹ trợ lý Bộ môn Sản phụ ở trường phụ trách. Da liễu do Nguyễn Hữu Phiến trợ lý khoa Da liễu phụ trách. Khoa Chiếu điện và bệnh phổi do Đặng Hữu Lộc trợ lý bộ môn Điện quang phụ trách và khoa Tai-Mũi-Họng do Nguyễn Trọng Tuệ phụ trách. Tôi phụ trách Kiểm nghiệm và Vi trùng, Ký sinh

## HUỖNH ÁI TÔNG

trùng với cả một ít hoá nghiệm. Nguyễn Trọng Tuệ không có nhiệm vụ ở trường đại học làm thường trực bệnh viện. Còn tất cả các anh em khác đều sáng làm công việc trợ lý ở Bệnh viện Phủ Doãn, chiều ở Bách khoa Y viện. Riêng về tôi thì suốt ngày làm việc ở phòng thí nghiệm của trường, chỉ làm việc ở Bách khoa Y viện lúc ban đêm hoặc khi có việc cấp bách. Polyclinique Lucas Championnère có hai cơ sở. Cơ sở khám bệnh ở phố Hàng Trống, có cả máy chiếu điện, kính hiển vi, một ít công cụ mổ xẻ thông thường, có ô tô v.v... Cơ sở điều trị ở phố Jaureguibery (bây giờ là phố Quang Trung) có mười hai phòng, có giường sắt, lavabo, bàn mổ, bàn đẽ v.v... Để xây dựng Y viện, chúng tôi phải vay tiền của một tên địa chủ cho vay nặng lãi, anh vợ của Nguyễn Hữu Phiến. Polychnique Lucas Championnère đã phá sản sau hai năm hoạt động rất khó khăn. Thu hoạch hàng tháng chỉ vừa đủ để trả tiền nhà, tiền y tá, tiền ét-xăng ô tô và tiền nợ. Rút cục, chúng tôi cũng chỉ dựa vào phụ cấp trợ lý để sống. Tiếp đó Lê Hữu Mỹ, rồi Đặng Hữu Lộc mắc bệnh lao mà chết. Bách khoa y viện phải giải tán. Phan Huy Quát nhận cơ sở điều trị ở phố Jaureguibery và mua lại máy điện. Nguyễn Hữu Phiến và Nguyễn Trọng Tuệ chia nhau phòng khám bệnh Hàng Trống. Tôi từ giã tất cả, để chỉ tập trung vào Trường Đại học Y - Dược khoa.

Lúc ấy tôi đã trở thành giảng viên ở Trường Y - Dược khoa. Với lương tháng được một trăm đồng, nhưng vì mới sinh một con nên đời sống khá khó khăn. Vợ tôi phải làm bánh gửi đi các nhà hàng bán để tăng thêm thu nhập. Đến năm 1941 tôi phụ trách giảng thêm môn Sinh vật cho sinh viên Dược khoa, lĩnh thêm một trăm đồng tiền phụ cấp nữa, nên đời sống trở nên dễ dàng đôi chút.

Năm 1941 Massuo Ôta, một giáo sư Nhật Bản, chuyên môn về nấm học sang thăm Hà Nội. ở đại giảng đường đại học, Ôta thường xuyên đến phòng thí nghiệm ký sinh trùng để nghiên cứu về nấm và có dịp hướng dẫn tôi một ít kỹ thuật nuôi cấy nấm. ít lâu sau khi ôta về nước, nhân lúc nói chuyện về Nhật

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Bản, tôi hỏi Henry Galliard: “Giá như có điều kiện sang Nhật Bản nghiên cứu thêm thì ông có để cho tôi đi không?”. Henri Galliard trả lời: “Nếu Nhật có mời học sinh sang học bên Nhật thì chúng sẽ chọn những sinh viên chưa hiểu biết gì để chúng nhồi sọ cho dễ, chúng chả đại nhận những người đã trưởng thành như anh đâu”. Tôi hỏi lại: “Nhưng nếu có trường hợp đi được thì ông nghĩ sao?”, Henri Galliard bảo: “Anh đi thì thiệt cho tôi thật, nhưng nếu là vì lợi ích của anh thì tôi cũng để anh đi. Brumpt (thầy của Henri Galliard) đối với tôi như thế nào thì tôi cũng đối với anh như vậy. Tôi sang đây Brumpt có gặp khó khăn, nhưng vì sang đây có lợi cho tương lai của tôi nên Brumpt vui lòng để tôi đi. Anh sang Nhật Bản học, sau này về sẽ trở thành một nhà Nôm học giỏi nhất ở Á Đông cũng nên”.

Câu chuyện hầu như đã quên hẳn, nhưng một hôm Henn Galliard gọi tôi đến và nói: “Câu chuyện đi Nhật Bản thế mà có thật đấy. Có hai loại sinh viên có thể được chính phủ Nhật Bản mời sang. Thứ nhất là nghiên cứu sinh, lấy ba người đã tốt nghiệp đại học; loại thứ hai là lưu học sinh, trình độ học sinh trung học để vào Đại học ở Nhật Bản, lấy bảy người. Henri Galliard lại đưa tôi xem công văn của Nha Đại học giao nhiệm vụ cho Trường Đại học Y - Dược khoa chọn bác sĩ gửi đi, và có dặn cụ thể nên chọn một người có trình độ khá, đại diện được xứng đáng cho nền Y học Pháp ở Việt Nam. Henri Galliard bảo: “Anh có đủ điều kiện lắm, và lại tôi đã hứa, tôi để anh đi nhưng nghĩ lại cho kỹ xem, và hỏi lại vợ anh xem”.

Vợ tôi sẵn sàng hy sinh, chịu xa cách để tôi theo đuổi một nguyện vọng mà vợ tôi cho là cao quý. Ngày hôm sau tôi trả lời dứt khoát với Henri Galliard là tôi quyết tâm đi. Henri Galliard làm giấy giới thiệu để tôi đi Nhật Bản. Tôi được gửi đi với tư cách một phái viên của Trường Đại học Y - Dược khoa, vì vậy phụ cấp trợ lý của tôi vẫn được giữ. Vợ tôi về Huế ở với cha mẹ tôi, đem theo ba con: lên năm, lên ba và một tháng tuổi. Hàng tháng Trường Y gửi phụ cấp của tôi cho vợ tôi.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Sinh hoạt phí của tôi ở Nhật Bản thì do Chính phủ Nhật Bản cấp. Cùng đi với tôi lúc ấy có hai nghiên cứu sinh khác là Hà Thứ, cử nhân luật và một người Pháp (tôi quên tên), giáo sư Anh văn và Nhật văn ở Trường Albert Sarraut. Bảy lưu học sinh (năm Việt Nam và hai Pháp) là: Phan Thị Đào, Phạm Thị Lý, Hoàng Đình Lương, Lê Văn Quý, Nguyễn Thanh Nguyên, Rivoalen và Barthelemy. Trừ Nguyễn Thanh Nguyên là sinh viên Nha khoa, tất cả đều là học sinh lớp đệ nhất và đệ nhị trung học.

Đến Nhật Bản, chúng tôi ở Tokyo, tại nhà trú quán dành riêng cho học sinh các nước Đông Nam á. ở đây đã có bảy sinh viên Việt Nam đến trước chúng tôi là: Ngô Văn Mạnh, Phạm Đại Thái, Hồ Quang Phước, Lương Đình Cửa, Nguyễn Xuân Oanh, Phạm Xuân Ngoạn và Trần Văn Lý. Trong trú quán có chừng vài chục học sinh người Indonesia và vài chục người Thái Lan.

Chủ trương của nhà trường lúc ấy là tất cả học sinh đều phải học qua một năm tiếng Nhật Bản rồi mới vào trường đại học hay vào nghiên cứu. Tôi phản đối chủ trương ấy, vì tôi không thể nào xa rời công tác nghiên cứu lâu như thế được. Nhà trường nhất trí để tôi sáng học chữ Nhật Bản, chiều đi nghiên cứu ở trường đại học trong bộ môn của Ôta. Tuy vậy không có lớp riêng, tôi học một lớp với anh em khác nhưng họ học cả ngày, tôi chỉ học buổi sáng. Do đó chữ Nhật của tôi rất kém, không thể theo kịp anh em khác. Nói chung tất cả lưu học sinh các nước Đông Nam á sang học ở Nhật Bản đều ghét Nhật, nhưng biểu hiện mỗi nước một cách, tùy theo tình hình chính trị trong nước mình. Học sinh Thái Lan ý thế nước mình được độc lập công khai phản đối, chỉ trích Nhật Bản. Học sinh Nam Dương thì kín đáo ghét Nhật một cách ngầm ngầm. Học sinh Việt Nam thường rất vui vẻ, lễ độ nhưng thỉnh thoảng có những phản ứng bất ngờ.

Lúc ấy do sự phong toả của tàu ngầm Đồng minh, đời sống ở Nhật Bản rất khó khăn.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Biết được thức ăn ở ký túc xá rất kham khổ, bọn Pháp ở Tokyo phân công mời chúng tôi đến nhà chúng ăn cơm vào những ngày thứ bảy, chủ nhật. Chúng tổ chức nói chuyện ở nhà Pháp-Nhật, mời chúng tôi đến nói chuyện về tình hình văn hoá ở Việt Nam. Thính giả là những người Nhật trước đây có học ở Pháp, đa số là giáo sư các Trường Đại học ở Nhật Bản.

Đại sứ Nhật Bản lúc bấy giờ là Henry Cosmeno thường mời tôi đến khám bệnh. Ông ta nói rằng không tin tưởng vào bác sĩ Nhật Bản, nên nhờ tôi hàng tuần đến tiêm thuốc. Tôi chữa bệnh không lấy tiền, nhưng phần nhiều tiêm xong thuốc là được mời ở lại dùng cơm. Một năm sau Henry Cosmeno về Pháp, Arsene Henry thay, lại mời tôi đến tiêm thuốc cho con gái.

Tình hình giao thiệp với Pháp như thế kéo dài cho đến ngày Nhật đảo chính ở trong nước. Một hôm tôi đến tiêm thuốc cho Henry Arsene thì thấy Henry Arsene đang chuẩn bị tản cư đi Kazaneva, vì Tokyo bị ném bom dữ dội. Henry Arsene bảo:

- Anh chưa biết, bọn Nhật đã hắt chúng tôi và tuyên bố Việt Nam độc lập. Nhưng chỉ tạm thời thôi, Đồng minh nhất định thắng và chúng tôi sẽ trở lại. Tôi nói:

- Nếu các ông trở lại, có thể với tư cách là những người du lịch.

Nói xong, tôi bắt tay Henry ra về. Và từ đó tôi cắt hẳn giao thiệp với Pháp.

Sau khi đình chiến, Mỹ đổ bộ lên đất Nhật Bản ít lâu thì Hội Hồng thập tự Mỹ tổ chức cứu tế cho kiều dân các nước Đồng minh ở Nhật Bản. Một hôm Hội Hồng thập tự Mỹ chở đến khu Học xá một ô tô thức ăn, nào là thuốc lá, cá hộp, biscuit, v.v., tất cả học sinh Việt Nam đều trả lại các thứ viện trợ ấy và viết thư cho Hội Hồng thập tự Mỹ đại ý nói: “Các ông đã gửi nhầm vì tưởng rằng chúng tôi thuộc quốc tịch Pháp, xin nhắc lại chúng tôi là Việt Nam, không phải là Pháp”.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Từ sau khi chiến tranh kết thúc tôi không còn được thư nhà nữa. Đến năm 1947, sau khi Pháp chiếm lại Hà Nội, tôi nhận được một bức thư của Đại sứ quán Pháp ở Tokyo mời tôi đến nhận thư. Tôi không đến. Đợi không được, nó lại đánh một bức điện nữa bằng tiếng Nhật để mời tôi đến, và còn cho người nhắn tôi đến nhận thư. Tôi cũng không đến, vì tôi thề không bước chân vào sứ quán Pháp nữa.

Tôi nghĩ nếu chỉ có một cái thư thì cần gì phải đến nhận mới được, nó đã mất bao nhiêu tiền tem, tiền điện để gọi cho tôi, nếu dùng tiền ấy để gửi cái thư cho tôi có phải giản đơn không? Tôi cho rằng vấn đề thư chỉ là cơ hội để bàn với tôi công việc khác, tìm cách mua chuộc tôi như trước, nên tôi không trở lại nữa.

Năm 1948, tôi lại nhận được thư của Huard (lúc này là Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược khoa Hà Nội) đại ý thư có những điểm sau:

1. Từ ngày đảo chính đến nay Trường Đại học Y - Dược khoa không gửi lương cho bà Ngữ. Tôi đề nghị Phủ Toàn quyền gửi lại số tiền lương từ lúc ấy tới nay cho bà Ngữ, nhưng Phủ Toàn quyền nói anh đã cắt đứt liên lạc với Đại sứ quán Pháp từ lâu. Nếu anh muốn bà Ngữ được truy lĩnh số tiền đó thì trả lời cho biết. Chỉ cần ý kiến anh đồng ý là tôi làm giấy trả lương được, không có ý kiến anh, Phủ Toàn quyền sẽ không cho trả.

2. Hiện nay Trường Đại học Y - Dược khoa Hà Nội trang bị rất đầy đủ, anh nên mau trở về để nghiên cứu.

3. Ở Đại học Y- Dược khoa đang có một nhóm làm việc rất tốt như Hồ Đắc Di, Tôn Thất Tùng đã theo kháng chiến; một số anh em khác hiện cũng đang làm giáo sư ở trường như Hoà, Tân. Chúng tôi rất vui mừng nếu được anh về cùng làm việc. Về thôi, đừng ở Nhật Bản lâu quá mà mất tác phong tốt của anh đi.



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Lúc Mỹ đổ bộ lên Tokyo, tôi ở khu Học xá, cùng ngủ một phòng với Trần Văn Lý. Trần Văn Lý trước có học ở Thượng Hải, Trường Anh, nên nói tiếng Anh thạo, lúc ấy đang học ở Trường Bách Khoa, ban đêm thì đi nói tiếng Việt Nam và tiếng Anh ở đài phát thanh. Được tin Mỹ đổ bộ lên Yokohama - tôi và Lý bàn nhau tìm đến đài phát thanh Mỹ đề nghị cho đọc một bức thư của Việt kiều ở Nhật Bản gửi các Chủ tịch bốn cường quốc. Nội dung bức thư là đòi công nhận chủ quyền của nước Việt Nam. Chúng tôi đi suốt một ngày, nhưng không chỗ nào nhận truyền cho bức thư cả. ở đâu cũng được trả lời: chỉ truyền tín hiệu quân sự, không truyền thư. Cuối cùng đến gặp một nhân viên sứ quán Mỹ, người này cho biết cũng vừa tiếp nhận một toán nhân dân Indonesia cũng ương tự như Việt Nam, nếu các anh hợp tác với nhau mà hành động thì mạnh hơn.

Chúng tôi thấy ý kiến rất hay. Lúc ấy ở Nhật Bản chỉ có hơn mười người Việt Nam nhưng người Indonesia thì có đến vài ba trăm. Chúng tôi liên hợp tất cả anh em Việt Nam thành lập Hội Việt kiều ở Nhật Bản, anh em bầu tôi làm Chủ tịch, rồi liên lạc với Hội nhân dân Indonesia ở Nhật Bản để bàn phối hợp hoạt động. Hai Hội đã quyết định tổ chức một cuộc mít tinh lớn, sau mít tinh có tuần hành qua các đường phố chính để đi đến các sứ quán Mỹ, Anh, Liên Xô trao kiến nghị đòi công nhận chủ quyền và độc lập của Việt Nam và Indonesia. Các biểu ngữ đều viết bằng tiếng Anh. Tất cả đều phấn khởi thức suốt mấy đêm liền để viết biểu ngữ. Đến ngày mít tinh tuần hành có cả kiều dân Triều Tiên ở Nhật Bản, lưu học sinh Mông Cổ và Trung Quốc cũng tham gia ủng hộ. Có đến gần ba nghìn người tham gia biểu tình.

Ngày bọn Anh đổ Pháp trở lại chiếm Sài Gòn, chúng tôi lại tổ chức một cuộc biểu tình lần thứ hai. Lần này tuy chỉ là vấn đề riêng của Việt Nam nhưng sinh viên Indonesia cũng rất tích cực tham gia. Hội Triều Tiên cũng tích cực ủng hộ người đi dự. Nhưng Mông Cổ và Trung Quốc thì rút lui, không tham gia nữa.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Người Pháp gây chiến ở Hải Phòng, lại một lần nữa chúng tôi tổ chức mít tinh, lần này gặp nhiều khó khăn hơn, nhiều sinh viên Indonesia trở về nước. Sau một số việc xô xát giữa người Triều Tiên và cảnh sát Nhật, bọn Mỹ ra lệnh cấm người Triều Tiên không được biểu tình. Như thế, lần này số người đi biểu tình chỉ có người Việt Nam và người Indonesia ủng hộ. Chúng tôi thuê một camion, đặt một loa phát thanh rồi đi đường cùng hô to “Đả đảo Pháp”. Đến trụ sở Pháp ở Nhật Bản, chúng tôi ngừng lại hét to vào loa. Tất cả đại diện các nước lúc ấy ở một nhà cao tầng, gần đấy đều chứng kiến sự việc trên.

Đời sống và công việc nghiên cứu của tôi bị ảnh hưởng rất nhiều bởi tình hình biến chuyển của chiến tranh ở Nhật Bản. Sau ít tháng tôi đã để dành đủ tiền để mua một kính hiển vi. Lúc ấy tất cả sinh viên Việt Nam đều nhận phụ cấp của Nhật cả, trừ một anh là Phạm Xuân Ngôn. Anh này con một người thợ may ở phố Hàng Ngang - Hà Nội sang Nhật trước chúng tôi chừng năm, sáu tháng. Lúc đầu thì gia đình anh gửi tiền qua đều, nhưng về sau thì không nhận được nữa. Nhóm Cường Đê ở Nhật Bản bảo anh Ngôn nhận học bổng của Đảng Cường Đê nhưng anh Ngôn sợ dính vào chính trị, không dám nhận. Bọn Nhật cũng muốn ủng hộ Cường Đê nên không cho anh học bổng. Lúc ấy tôi có khá nhiều tiền, thấy anh Ngôn có khả năng nên hứa mỗi tháng sẽ biếu anh 100 yên. Tôi đã cung cấp cho anh Ngôn cho đến khi đình chiến.

Đầu năm 1945 tình hình chiến tranh ở Tokyo trở nên rất gay go. Tàu bay Mỹ đến thả bom lửa nhiều lần. Một số sinh viên Việt Nam tản cư đi nơi khác lánh bom. Tôi vẫn cứ ở Tokyo. Một đêm máy bay Mỹ đến ném bom vùng Học xá, nhân dân Nhật Bản kéo nhau đến chỗ khác lánh bom. Sau trận bom, người mắc nạn khá nhiều. Nhờ có sẵn một số thuốc dự trữ từ trước tôi đã đem ra cứu chữa cho nhân dân ở vùng ấy gây ảnh hưởng rất tốt.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Lúc mới đến Nhật Bản, tôi giao thiệp ngay với Massuo ôta là giáo sư, người mà tôi đã biết ở Việt Nam năm 1941. Tôi nghiên cứu về nấm ở phòng thí nghiệm của ôta. ôta gặp tôi rất mừng rỡ và giới thiệu cho tôi tủ nấm của ông. Trong tủ có rất nhiều loại nấm quý. ôta bảo tôi cứ lần lượt nuôi cấy các loại nấm ấy. Ôta giới thiệu một người giúp việc cho tôi để làm môi trường nuôi nấm.

Người làm môi trường không chỉ giúp cho tôi mà còn làm cho rất nhiều người. Vì công việc của tôi bị động. Tôi giao thiệp với người giúp việc ấy được một tuần lễ, một hôm người ấy bỏ khẩu trang tôi mới biết rằng anh ta không có môi. Đây là một thứ bệnh hiểm do trùng *Pian* ăn hết môi (Gangosa). Ôta là một nhà nghiên cứu về bệnh da liễu, nên giữ anh này ở bộ môn mình để làm “bệnh nhân sống” giảng dạy cho sinh viên.

Một hôm, vào năm 1945, Ôta tìm tôi nói ở Mỹ đã chế được penicillin từ mốc xanh. Ôta bảo tôi tìm tất cả các mốc xanh ở mọi nơi để xem có loại nào có khả năng nhả chất kháng sinh không? Tôi bắt đầu nghiên cứu về kháng sinh từ lúc đó. Nói xong, Ôta đi dự hội nghị ở Thượng Hải. Hai tháng sau Ôta về, tôi giao cho Ôta một giống nấm penicillin có tính chất kháng sinh. Ôta đem đi báo cáo ở hội nghị quân sự. Có lẽ giống nấm ấy là một trong những giống nấm penicillin đầu tiên ở Nhật Bản.

Ngoài trường đại học, Ôta còn có một phòng nghiên cứu ở Viện nghiên cứu bệnh truyền nhiễm nữa. ở đây Ôta nghiên cứu về hủi và lao, và chuyên môn tiêm trùng hủi và lao cho gà. Ôta chỉ đến nghiên cứu ở đây vào chiều thứ hai, ngày ấy tôi cùng đến với hai trợ lý của Ôta. Tác phong ở Nhật Bản là vào lúc 4 giờ chiều có uống nước trà. Chỗ làm việc nghiên cứu về hủi và lao có một người giúp việc, cứ đến 4 giờ chiều là anh ta đưa đến cho mỗi chúng tôi một cốc nước trà. Người này thường xuyên mang khẩu trang. Một hôm, sau khi mời nước mọi người xong, người này cũng tự rót cho mình một cốc, rồi cất khẩu

## HUỶNH ÁI TÔNG

trang để uống, tôi lại được thấy hai hàm răng trắng bệch; người này cũng như người giúp việc ở trường đại học không còn môi nữa.

Tôi đã nhờ Ôta giới thiệu cho tôi một số phòng thí nghiệm ở Đông Kinh, và có thể nói, tôi đã đi học ở gần khắp các Viện nghiên cứu ở Đông Kinh và ở ngoại ô Đông Kinh. ở mỗi nơi tôi làm việc vài ba tháng, đi từ phòng này sang phòng khác, khi nào không còn gì để học thêm nữa mới đi nơi khác. Điều kiện về kỹ thuật ở Nhật Bản có rất nhiều và rất phong phú. Mỗi một phòng thí nghiệm có một số tác phong, phương pháp làm việc khác nhau. Tôi đã lần lượt đi các Viện Ung thư, Radium, Lao, Nấm, Vi trùng... Đến khi đình chiến thì tôi đang nghiên cứu về kháng sinh ở Viện nghiên cứu các bệnh truyền nhiễm. Sau đình chiến một thời gian tôi còn nghiên cứu ở Viện này. Lúc này không còn phải giữ bí mật quân sự nữa, nên tôi được giới thiệu đi tham quan khá nhiều cơ sở đã sản xuất penicillin trong chiến tranh và vẫn tiếp tục sản xuất. Chủ trương của Mỹ lúc này là đầu tư vào các xưởng penicillin ở Nhật Bản, nên chúng đã bồi dưỡng khá nhiều các kỹ thuật gia Nhật Bản về phương pháp sản xuất penicillin. Nhờ đó, tôi cũng được học thêm ít nhiều. Năm 1948 chúng biến chất dùng để sản xuất penicillin Q176 và giống streptomycin dùng để sản xuất penicillin và streptomycin ở Mỹ.

Nhưng điều kiện kinh tế sau chiến tranh đã không cho phép tôi tiếp tục nghiên cứu ở Viện này nữa. Trong Hiệp ước trao đổi nghiên cứu sinh, Nhật Bản đã ký với Phủ Toàn quyền Đông Dương, chúng tôi chỉ ở Nhật Bản có ba năm. Chúng tôi bắt đầu đi từ Việt Nam cuối năm 1943 đến cuối năm 1945 thì hết hạn. Nhưng lúc ấy điều kiện Nhật Bản bị phong tỏa nên chúng tôi không về được. Sau khi đình chiến, Chính phủ Nhật Bản không còn chịu trách nhiệm với chúng tôi nữa. Lúc đó đại đa số sinh viên các nước Đông Nam á đã về nước. Sinh viên Việt Nam không ai chịu về, vì lúc ấy chỉ có thể về vùng bị Pháp tạm

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

chiếm. Chính phủ Nhật Bản đồng ý để chúng tôi ở lại, nhưng không trả trợ cấp nữa, chúng tôi phải tự kiếm sống.

Ba tháng sau, tôi lại đọc báo thấy ở một Viện nghiên cứu y học Mỹ cần một người có khả năng giúp việc. Tôi tìm đến gặp Trưởng phòng nghiên cứu tên là G. Stein. Tôi trình bày khả năng của tôi rồi hỏi về khả năng nghiên cứu của phòng định làm gì? Thảo luận một hồi, G. Stein rất thích tôi được cùng vào làm việc. Để được vào làm việc phải qua một số thủ tục văn phòng. Tôi đến văn phòng tuyển nhân viên. Tên quan hai ở đây hỏi quốc tịch tôi. Tôi bảo tôi là người Việt Nam, nó hỏi đi hỏi lại mãi không biết Việt Nam ở đâu cả. Tôi giải thích là nước ở phía Nam Trung Quốc và phía Đông của Thái Lan. Nó mới hiểu ra và bảo: “Nghĩa là French Indochine”. Tôi trả lời là Indochine nhưng không phải là của Pháp nữa mà là Việt Nam. Nó hỏi: “Thế anh có giấy tờ gì để chứng minh anh là người ngoại quốc ở đây không?”. Tôi đưa ra cái passport mang theo từ khi sang Nhật Bản và nói ngay rằng giấy không còn giá trị nữa, vì là của Pháp cấp. Nó xem một hồi rồi bảo:

- Đúng, nó không còn giá trị nữa, vì từ 1943 đến nay chưa được gia hạn, anh phải ra sứ quán gia hạn mới chấp nhận được.

Tôi bảo không thể được vì Pháp không còn có quyền hạn gì ở Việt Nam cả. Nó bảo:

- Tôi chỉ biết anh làm thế nào có đủ giấy tờ thì tôi nhận, ngoài ra tôi không biết. Tôi đi về nhà và nghĩ, có thể nhờ một nước khác can thiệp chăng? Nghĩ thế, tôi bèn đến sứ quán Thụy Sĩ. Đại sứ Thụy Sĩ ra tiếp chuyện rất lịch sự. Tôi trình bày rằng nước tôi và nước Pháp đang tranh chiến với nhau. Tôi không có đại diện ở đây, ông có thể chứng nhận cho tôi là người Việt Nam không. Viên đại sứ cho tôi biết, khi hai nước có chiến tranh thường Thụy Sĩ là nước trung lập, nên hay đứng ra để giải quyết quyền lợi cho những người bị cắt đứt liên hệ với nước mình, nhưng chỉ làm việc đó khi có uỷ nhiệm của chính

## HUỖNH ÁI TÔNG

phủ đương sự. Tôi trở lại gặp G.Stein trình bày sự việc trên, G. Stein rất muốn tôi được làm việc nên đi tìm Giám đốc Viện để trình bày, Giám đốc đồng ý tuyển. G. Stein dẫn tôi trở lại văn phòng và yêu cầu đưa ra bất kỳ một giấy gì cũng được. Tôi đến đưa giấy chứng nhận hộ khẩu ở Nhật Bản.

Nơi tôi làm việc rất đầy đủ điều kiện để nghiên cứu. G. Stein cung cấp tất cả các dụng cụ, tài liệu để tôi nghiên cứu. Tôi thường xuyên có bác sĩ và một xét nghiệm viên người Nhật Bản giúp việc. Tôi làm việc ở đây rất say sưa, hàng ngày đi làm từ 6 giờ sáng, tạt qua quán cơm, ăn xong đi ngay, trưa, đi ăn cơm rồi về làm việc ngay. Chiều ăn cơm xong lại trở lại làm việc đến 9 giờ tối mới về nhà. Sau tám tháng làm việc, G. Stein và tôi cùng đi đến một nơi nghỉ mát yên tĩnh để viết một công trình nghiên cứu, dần dần tôi được biết G. Stein là người Do Thái. Tôi cũng ngỡ với G. Stein là tôi xa gia đình đã lâu rất muốn tìm cách gặp lại gia đình, nhưng tuyệt đối không muốn về nước ở vùng Pháp chiếm đóng. G. Stein bảo tôi chỉ có cách là sang Mỹ rồi đưa gia đình sang sau. G. Stein còn cho tôi biết ở vùng nào bên Mỹ người da vàng ở thì dễ chịu, không sợ bị phân biệt chủng tộc, vùng nào thì có nạn phân biệt giữa da trắng và da vàng, vùng nào thì phân biệt giữa người Do Thái và người khác v.v... Tôi bèn liên lạc với “Sở công ăn việc làm” ở Mỹ và Sở ấy cũng đã giới thiệu với tôi nhiều hãng thuốc, nhiều trường đại học cần bác sĩ chuyên môn về công tác nghiên cứu.

Tâm trạng của tôi lúc bấy giờ thực là không ổn định, và tôi đang tìm mọi cách để gặp gia đình hoặc đi khỏi xứ Nhật. Lúc đó có Rockefeller sang thăm Nhật, tôi đã viết một lá thư đề nghị ông ta cho tôi học bổng nghiên cứu ở Institute Rockefeller ở bên Mỹ, ông ta trả lời là chỉ có Chính phủ giới thiệu mới được.

Tôi có quen một số bạn người Nhật Bản là đảng viên Đảng Cộng sản Nhật Bản. Họ liên lạc thường xuyên với sứ quán Liên Xô. Tôi nhờ họ giới thiệu đến sứ quán Liên Xô tại Nhật Bản để

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

đề nghị sứ quán giới thiệu tôi sang Moscow nghiên cứu, tôi còn nói thêm là chỉ nghiên cứu thôi, không làm chính trị. Một bác sĩ ở sứ quán tiếp tôi bảo phải có giấy giới thiệu của Chính phủ Việt Nam mới được. Tôi nói khó, thì bác sĩ ấy bảo có thể liên lạc qua Thái Lan để lấy giấy giới thiệu của Chính phủ Việt Nam. Tôi thấy khó khăn nên cũng không tiếp tục, vả lại đồng chí ấy có nói, nếu có đi thì đi Kharbin chứ sang Moscow thì khó khăn hơn. Tôi chưa biết Kharbin, nhưng không phải Moscow nên không thích. Lại có lần tôi định lập ngay một phòng khám nghiệm máu ở Nhật Bản, nhận khám máu cho các bệnh viện. Tôi viết thư cho vợ tôi bảo chuẩn bị sang Nhật Bản. Tôi viết cả đơn lên cho quân đội Mỹ chiếm đóng ở Nhật Bản, xin cho vợ con tôi được đến Nhật.

Vào khoảng cuối năm 1948, tôi nhận được một bức thư của Việt Nam Thông tấn xã ở Bangkok hỏi tới tình hình kiều bào Việt Nam ở Nhật Bản. Tôi gửi thư trả lời. Và từ đó, tôi thường xuyên tiếp được những tờ tin tức của Việt Nam Thông tấn xã in ronéo từ Bangkok gửi sang... Nhờ có những bản tin này, tôi mới hiểu rõ tình hình kháng chiến, tình hình thi đua sôi nổi trong nước và nhất là biết rằng ở Thái Lan có nhiều Việt kiều. Tôi quyết định về với kháng chiến, tình hình thi đua sôi nổi trong nước, và nhất là biết rằng ở Thái Lan có nhiều Việt kiều. Tôi quyết định về với kháng chiến bằng đường Thái Lan. Trong lúc nghiên cứu ở Viện Quân y Mỹ tôi đã làm xong một công trình và chúng tôi đang thảo luận tiến hành một chương trình nghiên cứu khác. Tôi cũng đưa ý kiến muốn về nước, G. Stein rất tán thành và bảo: “Trong tất cả ý định của anh từ trước đến nay tôi thấy ý định này là đúng đắn nhất, thích hợp với tình cảm của anh nhất”. G. Stein còn dặn tôi là nên thận trọng. G. Stein nói:

- Anh thẳng tính và nóng nảy lắm, có thể khó giao thiệp với người cộng sản, họ có thể lúc đầu không hiểu anh và không tin anh.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Tôi bàn với G. Stein kế hoạch về vùng kháng chiến, và tôi làm đơn xin đi khỏi Nhật Bản, xin Chính phủ Pháp nhập cảnh ở Sài Gòn. G. Stein còn gợi ý cho tôi viết trong đơn lý do về nước là để đưa gia đình từ Việt Nam sang Nhật Bản, để tôi yên tâm nghiên cứu, vợ con tôi được hấp thụ không khí “tự do” của Mỹ đã đem lại trên đất Nhật Bản.

Trước đây tôi cũng đã có đơn xin cho vợ con sang Nhật Bản, nên lần này bọn Mỹ và bọn Pháp sẽ tin vào những lý do trên của tôi là thật. Sau khi được giấy tờ đầy đủ, tôi sẽ đi Sài Gòn nhưng khi đến Bangkok thì sẽ liên lạc với đại diện Chính phủ để tìm cách ra vùng kháng chiến.

Để thực hiện dự định trên, còn một khó khăn cần phải giải quyết: đó là tiền tàu đi từ Nhật Bản đến Bangkok. Tiền tàu rất đắt và phải trả bằng đô-la Mỹ. Anh Phạm Xuân Ngôn, người học trò đã được tôi giúp đỡ hồi chiến tranh nay là chủ hiệu buôn lớn, sẵn sàng chịu tiền tàu cho tôi về. Chừng một tuần lễ, trước ngày tôi về nước, tại khu Học xá có một người Việt Nam ở Trung Quốc mới sang Nhật, đó là Trịnh Hưng Ngâu ở Ma Cao, khi giải phóng quân tràn xuống thì tránh sang Nhật. Nó nói chuyện về tình hình thế giới, tình hình kháng chiến của ta ở Việt Nam rất thạo. Tôi nghĩ rằng anh này là một người biết nhiều về chính trị nên đem vấn đề định về nước của mình ra hỏi ý kiến: nó hẹn sẽ đến gặp tôi. Thế là một tối nó ngủ lại ở phòng tôi, nói chuyện cho đến sáng. Nó hỏi tỉ mỉ về đời sống của tôi, sau đó nó phân tích tôi là người trí thức có nhiệt tình, nhưng sống về lý tưởng nhiều, không có thực tế. Sau đó nó lại nói về Việt Minh, cho Việt Minh là tàn bạo, Việt Minh đã giết Tạ Thu Thâu, người thân nhất của nó trên đời, nên nó không bao giờ có thể theo Việt Minh được. Cuối cùng nó khuyên tôi:

- Anh là con người khoa học, muốn nhận định một việc gì anh cũng phải dùng phương pháp khoa học, để chọn con đường đi, trước hết anh phải điều tra kỹ, thu thập tài liệu, nghe nhiều tiếng chuông. ở đây từ trước đến nay anh chỉ nghe có tiếng



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

chuông của Việt Minh. Theo tôi, anh nên nghe thêm tiếng chuông Báo Đại nữa. Tôi khuyên anh cứ về Sài Gòn, ra Huế, thăm gia đình anh rồi đưa gia đình ra Hà Nội, làm việc ở Đại học Y khoa như cũ, như thế là hợp tình. Trong lúc làm việc anh điều tra thêm, nghe thêm tiếng chuông của Báo Đại. Sau khi điều tra nghiên cứu kỹ anh sẽ cân nhắc xem bên nào trái và lúc ấy nếu anh muốn ra kháng chiến cũng chẳng khó gì. Những người già yếu như cụ Ứng Úy mà người ta còn tổ chức đưa ra được huống gì anh!

Tôi tự nghĩ, thằng này ghét Việt Minh, vì thù riêng, vì Việt Minh đã giết Tạ Thu Thâu. Còn giữa Báo Đại và Việt Minh thì tôi không cần phải điều tra cũng có thể nhận định được đâu là chân lý. Tuy vậy, nghe nói ra vùng kháng chiến từ Hà Nội dễ dàng cũng làm tôi suy nghĩ. Nếu dễ như thế thì việc gì phải cầu kỳ, ta cứ về Hà Nội, sau đó ra kháng chiến cũng được, cần gì phải đi từ Bangkok xuyên rừng xuyên núi cho khó khăn phức tạp. Nhưng tôi lại nghĩ, tôi quyết tâm theo kháng chiến nhưng tình cảm của tôi yếu mềm. Tôi sợ nếu về đến Huế gặp mẹ thì tôi không đủ can đảm rời gia đình ra kháng chiến nữa... Rồi còn vợ con. Nếu cùng đi thì có thể khó khăn. Nếu chỉ đi một mình sau khi gặp gia đình thì tôi lại không nỡ. Vì vậy, tôi quyết tâm đi thẳng về vùng kháng chiến ngay.

Đêm trước ngày tôi lên tàu, anh em tổ chức một buổi tiệc. Trong buổi này có mặt tất cả các anh em người Việt Nam ở Nhật Bản. Một số anh em ở Osaka, Kyoto cũng về dự. Chính nhờ bữa tiệc này mà Trịnh Hưng Ngâu đã bị lộ mặt nạ.

Sau bữa ăn, Trịnh Hưng Ngâu đứng dậy bảo:

- Hiện nay, phái đoàn nghị sĩ Mỹ đi điều tra tình hình các nước châu á đang ở Tokyo... Phái đoàn này sắp đi sang Việt Nam, tất nhiên sẽ ở Sài Gòn hay Hà Nội, và chỉ gặp người Pháp, như thế họ sẽ không bao giờ lĩnh hội được ý nguyện của nhân dân Việt

## HUỶNH ÁI TÔNG

Nam cả. Tôi đề nghị chúng ta làm một kiến nghị gửi đến họ để nói rõ ý chí của nhân dân Việt Nam.

Mọi người đều tán thành, vì lúc đó đại đa số còn tưởng Mỹ có thể giúp cho độc lập của Việt Nam. Trịnh Hưng Ngâu đề nghị thêm:

- Chúng ta cần cử một phái đoàn để đưa kiến nghị ấy. Anh Ngữ là Chủ tịch Hội Việt kiều sắp về nước rồi tôi đề nghị cử Cường Để đưa kiến nghị ấy. Chúng ta sẽ cử một vài anh em biết tiếng Anh cùng đi để nói chuyện!

Từ trước đến nay, mọi người đều không ưa Cường Để nhưng trong lúc vui vẻ, muốn giữ không khí ôn hoà không ai đứng ra phản đối cả. Sau đó một số giải tán, một số về học xá viết kiến nghị. Trịnh Hưng Ngâu cũng theo về khu học xá. Chúng tôi bàn nhau viết kiến nghị rồi đưa cho anh Nguyễn Xuân Oanh và Lương Đình Của dịch ra tiếng Anh. Trong lúc ấy Trịnh Hưng Ngâu đánh một giấc ngủ dài ở phòng bên cạnh. Đến 12 giờ khuya thì kiến nghị viết xong. Đại ý của kiến nghị là: “Nhân dân Việt Nam đã tự giành lấy độc lập từ năm 1945; bọn Pháp phản bội Hiệp nghị ngày 6 tháng Ba muốn dùng vũ lực chiếm lại Việt Nam. Nhưng toàn thể nhân dân một lòng theo Chính phủ cụ Hồ Chí Minh để đánh đuổi bọn Pháp ra khỏi đất nước Việt Nam; nhân dân Việt Nam mong nước Mỹ làm đúng Hiến chương Đại Tây Dương và công nhận chủ quyền độc lập của nước Việt Nam”.

Trịnh Hưng Ngâu ngủ dậy chạy sang xem bản dự thảo kiến nghị liền giật dữ la to:

- Viết thư như thế này mà cũng viết, thế này mà cũng gọi là kiến nghị, thôi để đây tôi viết cho.

Nó ngòai thảo ra cái kiến nghị mới, đại ý như sau: “Chiến tranh ở Việt Nam, lúc này là chuyện đau xót, cần phải dập tắt. Chiến

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

tranh ở Việt Nam chỉ chấm dứt khi Hồ Chí Minh và Bảo Đại thoả thuận được với nhau. Nhưng nhất định Hồ Chí Minh không bao giờ thoả thuận với Bảo Đại. Nhân dân Việt Nam rất muốn độc lập nhưng không ưa Việt Minh vì nhân dân Việt Nam rất sợ Cộng sản”. Đọc bản dự thảo của Trịnh Hưng Ngâu, tất cả anh em bùng bùng nổi giận, có người định lôi Ngâu ra đánh. Tôi họp tất cả anh em hỏi ý kiến muốn chọn bản kiến nghị nào? Mọi người (trừ Ngâu) đều tán thành ý kiến ủng hộ Chính phủ Hồ Chí Minh. Trịnh Hưng Ngâu bỏ về ngay lúc đó. Mấy hôm sau chúng tôi điều tra biết nó đến nhà Cường Để và ở nhà Cường Để. Nó muốn lợi dụng Cường Để làm tay sai cho Mỹ can thiệp vào Việt Nam.

Hôm sau tôi đi Yokohama đáp tàu về nước. Cũng hôm ấy một số anh em ở lại Tokyo để đưa kiến nghị cho nhóm nghị sĩ Mỹ. Trong số đại biểu, tất nhiên không có Trịnh Hưng Ngâu, và cũng không có Cường Để.

Tàu chở hàng nên chỉ có năm hành khách. Đó là tàu của một hãng Anh, không ghé Sài Gòn. Nhưng trên đường đi sẽ ghé Sơn Dầu, Đài Bắc. Mỗi nơi tàu ghé lại từ năm đến bảy ngày. Đến Sơn Dầu, tôi thấy lính Tưởng Giới Thạch nằm ngổn ngang ở hai vệ đường, rách rưới, bần thui, chờ tàu đi Đài Loan.

Tôi đi vừa đúng một tháng mới đến Bangkok, tàu vừa cập bến, tôi gửi hành lý lại rồi lên bờ thuê xe đến trụ sở đại diện Chính phủ Việt Nam ở Thái Lan mà tôi đã biết trước nhờ đọc tin tức của Việt Nam Thông tấn xã.

Đến nơi, các đồng chí tiếp đón tôi rất niềm nở và đưa tôi đến ở tại trụ sở Việt Nam Thông tấn xã. Tôi trình bày rõ với anh Nguyễn Đức Quỳnh, đại diện Chính phủ ta lúc ấy ở Thái Lan ý nguyện tôi muốn về với kháng chiến. Anh Quỳnh đưa ra ba khả năng: một là ở lại Bangkok cùng hoạt động với các đồng chí tại đây vì đồng bào ta ở Thái Lan cũng đông, có thể giúp ích cho đồng bào. Khả năng thứ hai là đi xuyên qua nước Lào lên Việt

## HUỶNH ÁI TÔNG

Bác tham gia kháng chiến gần Chính phủ Trung ương. Còn khả năng thứ ba là vào kháng chiến vùng Nam bộ.

Tôi trình bày với anh Quý là tôi muốn trực tiếp tham gia kháng chiến ở trong nước. Anh Quý khuyên tôi nên về vùng kháng chiến ở Nam Bộ và anh đánh điện về nước xin chỉ thị của Trung ương. Tôi có mang theo từ Tokyo các giống nấm kháng sinh để làm penicillin và streptomycin... Trong khi chờ đợi chỉ thị của Trung ương, đình ninh là sẽ về tham gia kháng chiến ở miền Nam, tôi nghiên cứu nuôi nấm penicillin với nước dừa là nguyên liệu có nhiều nhất ở miền Nam Việt Nam. Tôi mua một số dụng cụ thí nghiệm bằng thủy tinh để có thể về miền Nam thành lập một phòng nghiên cứu về kháng sinh.

Sau một tháng chờ đợi, một hôm vào lúc 19 giờ, tôi đang nằm ngủ thì anh Quý đến ghé tai tôi nói nhỏ:

- Tôi vừa mới nhận được chỉ thị của Chính phủ trung ương. Trên quyết định anh đi lên Việt Bắc. Sáng sớm mai anh sẽ đi. Anh sang bên tôi mang một chiếc vali đựng vài bộ quần áo. Phải làm như anh đi chơi không mang thứ gì nặng cả, các đồ đạc, sách vở của anh để lại đó anh em sẽ chuyển theo sau.

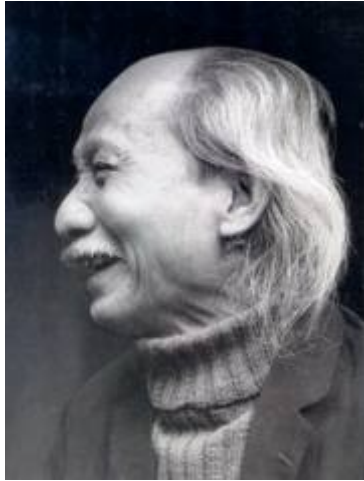
Sáng ngày hôm sau tôi lên đường về nước tham gia kháng chiến, mang theo hai bộ quần áo, và một giống nấm penicillin.

*Bác sĩ Đặng Văn Ngữ một nhà trí thức yêu nước chân chính, ông đã vì khoa học và cũng vì gia đình nên đã trở về, phải bỏ mình trên dải Trường Sơn, ở quê nhà nhưng còn chưa được gặp mặt mẹ già.*

Tài liệu tham khảo:

- Đặng Văn Ngữ Web: [quandany.com](http://quandany.com)
- Đặng Văn Ngữ Web: [viet-studies.info](http://viet-studies.info)

7) Nguyễn Tuân



**Nguyễn Tuân (1910-1987)**

Nguyễn Tuân sinh ngày 10 tháng 7 năm 1910 ở xã Nhân Mục (tên nôm là Mọc), thôn Thượng Đình, nay thuộc phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Ông sinh trưởng trong một gia đình nhà Nho khi Hán học đã tàn.

Nguyễn Tuân học đến cuối bậc Thành chung (tương đương với cấp Trung học cơ sở hiện nay) thì bị đuổi vì tham gia một cuộc bãi khóa phản đối mấy giáo viên Pháp nói xấu người Việt năm 1929. Sau đó ít lâu ông lại bị tù vì "xê dịch" qua biên giới không có giấy phép. Ở tù ra, ông bắt đầu viết báo, viết văn.

Nguyễn Tuân cầm bút từ khoảng đầu những năm 1935, nhưng nổi tiếng từ năm 1938 với các tác phẩm tùy bút, bút ký có phong cách độc đáo như *Vang bóng một thời*, *Một chuyến đi...* Năm 1941, Nguyễn Tuân lại bị bắt giam một lần nữa vì gặp gỡ, tiếp xúc với những người hoạt động chính trị.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1945, Cách mạng tháng Tám thành công, Nguyễn Tuân nhiệt tình tham gia cách mạng và kháng chiến, trở thành một cây bút tiêu biểu của nền văn học mới. Từ 1948 đến 1957, ông giữ chức Tổng thư kí Hội Văn nghệ Việt Nam.

Các tác phẩm chính sau cách mạng của Nguyễn Tuân là tập bút ký *Sông Đà* (1960), một số tập ký chống Mỹ (1965-1975) và nhiều bài tùy bút về cảnh sắc và hương vị đất nước.

Nguyễn Tuân không có viết bài trong Nhân Văn – Giai Phẩm, nhưng là Tổng Thư Ký Hội Văn nghệ Việt Nam, nên ông liên đới trách nhiệm trong tư trào này, nên sau đó không còn là Tổng thư ký nữa.

Nguyễn Tuân mất tại Hà Nội vào năm 1987, thọ 77 tuổi. Ông để lại cho đời một sự nghiệp văn học phong phú, với những trang viết độc đáo và tài hoa.

Năm 1996 ông được nhà nước Việt Nam truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (đợt I)..

Tác phẩm:

- *Tàn đèn dầu lạc* (1939)
- *Vang bóng một thời* (1940)
- *Chiếc lư đồng mắt cua* (1941)
- *Tàn đèn dầu lạc* (1941)
- *Một chuyến đi* (1941)
- *Tùy bút* (1941)
- *Thiếu quê hương* (1943)
- *Tóc chị Hoài* (1943)
- *Tùy bút II* (1943)
- *Nguyễn* (1945)
- *Chùa Đàn* (1946)
- *Đường vui* (1949)
- *Tình chiến dịch* (1950)

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

- *Thắng càn* (1953)
- *Chú Giao làng Seo* (1953)
- *Đi thăm Trung Hoa* (1955)
- *Tùy bút kháng chiến* (1955)
- *Tùy bút kháng chiến và hòa bình* (1956)
- *Truyện một cái thuyền đất* (1958)
- *Tùy bút Sông Đà* (1960)
- *Hà Nội ta đánh Mỹ giỏi* (1972)
- *Ký* (1976)
- *Tuyển tập Nguyễn Tuân* (tập I: 1981)
- *Cảnh sắc và hương vị đất nước* (1988)
- *Truyện Kiều* (tiểu luận văn học)
- *Tú Xương*
- *Yêu ngôn* (2000, sau khi mất)

Trích văn:

### VỀ GIẢI THƯỞNG VĂN HỌC 54-55

Bài "*Phê bình lãnh đạo văn nghệ*" của ông Phan Khôi đăng ở *Giai phẩm mùa Thu* đưa ra việc giải thưởng văn học năm nay của Hội Văn nghệ Việt Nam làm cho người đọc phải hiểu nó theo cái nghĩa: giải thưởng này đã *hoàn toàn* tổ chức và tiến hành trên cái cơ sở bè phái ngay từ đầu, và có nhiều điều ám muội. Tôi là một người có trách nhiệm chung trong việc làm giải thưởng, tôi có một số ý kiến dưới đây:

\*

Giải thưởng của Hội Văn nghệ Việt Nam đặt ra để khích lệ những tài năng văn nghệ đã xuất hiện trong quá trình phụng sự cuộc đấu tranh vì Hòa bình, Độc lập, Thống nhất và Dân chủ. Quan niệm về giải thưởng lúc đó đã nặng về các mặt chính sách, ảnh hưởng mạnh đến việc tổ chức giải, và sự nhận định tác phẩm nói chung. Lúc chọn tác phẩm, hay nhìn thành ra các mặt chính sách của Mặt trận và tất cả các mặt chính sách khác.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Phải làm sao cho có đủ mặt các địa phương, các thành phần, các giới (Tại sao chưa có tác giả Nam bộ viết truyện chắc tay? – Tại sao chưa có phụ nữ viết được tiểu thuyết?). Phải làm sao cho đủ mặt các đề tài, chủ đề (Tại sao đã có những thành tích lớn trong các mặt thực tế cuộc sống, mà ta chưa phản ánh được vào tác phẩm?). Ở đây, tôi muốn nói thêm đến tập *Người người lớp lớp* của Trần Dần mà có một số ý kiến trong Ban chấm giải muốn đưa vào giải để nhận xét; nhưng tiểu thuyết đó không đưa vào: hồi ấy đang có sự hiềm nghi chính trị đối với Trần Dần. Ngày nay, vấn đề anh Trần Dần đã rõ rệt, theo ý tôi, chúng ta nên đặt vấn đề nhận định về tiểu thuyết *Người người lớp lớp*.

Thời gian làm giải kéo dài; trước định tuyên bố năm 54, sau làm thêm sang năm 55, và mãi đến giữa tháng 3 năm 56, mới tuyên bố giải. Do đó, mà cái danh nghĩa của giải cũng không rõ. Nó là giải thi (*prix*, có dự thi) hay nó là hình thức giải tặng (*couronnement*, không dự thi, nhưng thấy tác phẩm tốt thì tặng giải)?

Thành ra đến hạn, mà không thấy đủ các tiêu chuẩn, thì cứ thêm vào. Thêm người, thêm sách đã in, thêm bản thảo, thêm ngày tháng. Người đang làm mà lại bận thêm một công tác gì phải đi vắng thật xa hoặc đi trong nước nhưng mà dài ngày, thì lại chuyển sang cho người khác. Cái quan niệm chưa rõ ràng về giải, đã dẫn tới một số hiện tượng gò ép, gượng gạo, lôi vào, đối với một số tác phẩm. Ví dụ như thái độ bốc của tôi đối với tập truyện *Cái lu* của Trần Kim Trắc, một nhà văn trẻ trong quân đội Nam bộ ra tập kết. Tôi tích cực trong việc đưa tập truyện *Cái lu* vào giải ba, mặc dầu kỹ thuật diễn tả của tác giả còn đuối về mặt tiếng nói, mặc dầu cái chất tốt trong riêng truyện ngắn ấy chưa đủ thành một trọng lượng để định giá. Thực chất của *Cái lu* chỉ ở mức khuyến khích (như đa số ý kiến trong cuộc thảo luận), nhưng tôi đã hết sức hùng biện để nâng *Cái lu* lên.



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Đối với tập bút ký *Nam bộ mến yêu* của Hoài Thanh được vào giải ký sự phóng sự hạng ba dưới, tôi không bốc như là đối với *Cái lu* của Trần Kim Trắc. Nhưng thái độ tôi đối với tập *Nam Bộ mến yêu*, cũng là nặng về vấn đề Nam Bộ, cũng không có ý kiến cụ thể và dứt khoát về xếp hạng. Tôi nhớ đọc nó một lần, khi còn là bản thảo đánh máy. Đặt *Nam bộ mến yêu* vào giải thưởng ký sự, phóng sự, với cái yêu cầu đề ra cho loại bút ký (*choses vues*), nếu bây giờ mà có đặt vấn đề phải xét lại nó cho thật nghiêm ngặt tôi nghĩ rằng nó vẫn còn ở lại được ở chỗ khuyến khích, chứ không phải là bay hẫng, như một số ý kiến tôi nghe được. Tôi thấy cần phải nói rõ: Ông Hoài Thanh không có tự mình đưa tập này vào giải.

\*

Ban chấm giải thưởng thành lập theo lối chỉ định, do Ban Thường vụ cử người vào. Cho rằng lần làm giải trước ở Việt Bắc cũng thế, không có ai dị nghị gì về cách làm, thì nay cũng cứ như thế mà làm. Cái thiếu sót lớn về mặt này là thiếu sự tham gia của các đại biểu các ngành văn học, thành phần phải rộng hơn nữa. Những anh em nhà văn nhà thơ có nhiều kinh nghiệm chuyên môn ai cũng có một khối lượng công việc nhất định trong ngành mình, có thể là rất ngại những việc này, nhưng nếu tích cực đặt vấn đề, vẫn có những người sẽ tham gia vào.

Lúc cử người vào Ban chấm giải, có những trường hợp không thực tế như trường hợp ông Đặng Thái Mai và ông Trương Tửu. Hai ông đều bận giờ giảng ở trường Đại học, thời giờ thất thường, ít tới họp đều được.

Ông Phan Khôi còn nói ở *Giai phẩm mùa Thu*: "... Ban chung khảo có mười người, tôi là một. Tôi quên lửng, không biết do ai công cử hay chỉ định, khi nhận được giấy triệu tập thì cứ đi dự vào...". Rồi ông Phan Khôi tự trách ông "... một cách băng quơ: phải chi mình đừng được dự vào đó thì hay?"

## HUỶNH ÁI TÔNG

Việc thành lập Ban chấm giải là theo tính cách chỉ định như tôi đã nói ở trên. Trong giải thưởng văn học, có giải thưởng dịch. Ông Phan Khôi là một người có những kinh nghiệm dịch (toàn bộ tác phẩm dịch của ông vào giải dịch của Hội Văn nghệ Việt Nam 1951-1952). Một người có kinh nghiệm dịch sách như ông Phan Khôi có thể nào không dự vào Ban chấm giải giải thưởng văn học? Tôi nghĩ rằng ông Phan Khôi làm việc chấm giải là đúng.

Việc thành lập Ban chấm giải như trên đã xuất phát từ một cái quan niệm luộm thuộm muốn giản đơn vấn đề, chứ không chút nào dựa trên tinh thần bè phái ngay từ đầu để kéo cánh nhau vào đây với cái ý thức độc quyền quyết định về sách này sách kia.

\*

Về cách thức làm giải, lần này làm không kỹ được bằng lần giải thưởng 51-52. Trong hoàn cảnh Kháng chiến, hồi đó anh em đã tập trung nhau lại hằng tháng, vừa đọc vừa trao đổi, cuộc tranh luận tiếp diễn hết ngày này qua đêm khác.

Lần này làm, nói chung, kém cái tinh thần tập trung đó. Do hoàn cảnh khách quan, và do tinh thần chủ quan cũng có.

Đọc tác phẩm, cũng ít có thời giờ suy nghĩ sâu. Để giải quyết vấn đề thời gian cấp bách, nhiều khi đã phải đọc tác phẩm một cách tập thể. Có những bản thảo chỉ có một bản đã được đọc to lên để năm ba người cùng nghe một lúc.

Cách làm giải vừa rồi có nhiều cái luộm thuộm tùy tiện. Nhưng nhất định không phải là vô nguyên tắc và tất cả đều ăn cánh với nhau.

Hôm thảo luận và biểu quyết *Ngôi sao* vào giải nhì, tôi là một người không tán thành, sau khi tôi đã nói lên rằng văn xuôi của

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Xuân Diệu hay hơn là thơ của Xuân Diệu. Trường phái thơ của một thi sĩ, muốn gì đi nữa, theo tôi nghĩ, thì cũng là phải gọi nhiều, hơn là kể lể. Thơ của Xuân Diệu nhiều hư tự, nặng. Bây giờ nghĩ lại, và nhìn chung cái tình hình làng thơ nước ta, lật đi lật lại vấn đề mà xét, tôi có ý kiến: Xuân Diệu ở giải ba là đúng chỗ. Nhưng *Ngôi sao* sở dĩ thành ra vấn đề trong dư luận, theo chỗ tôi hiểu, thì không phải chỉ là việc xếp nó lên hạng cao hạng trên, mà vấn đề của nó còn ở chỗ khác nữa. Riêng tôi muốn tác giả *Ngôi sao* tự nhìn mình nghiêm khắc nhiều hơn nữa, và tôi nghĩ rằng các anh Hoài Thanh, Huy Cận đã tích cực bênh vực thơ *Ngôi sao*, có thể giúp đỡ nhiều cho tác giả thấy rõ vấn đề. Riêng phần tôi, trong việc *Ngôi sao*, tôi cũng thấy mình nể nang trước những ý kiến của Hoài Thanh đối với thơ *Ngôi sao*. Một mặt tôi cho rằng Hoài Thanh có thẩm quyền về thơ hơn tôi. Mặt khác, tôi lại còn ngờ rằng những định kiến nào đó đối với Xuân Diệu còn rớt lại trong tôi đã làm cho tôi có khó khăn khi xếp hạng cho *Ngôi sao*. Thực ra, chính vì có sự nể nang ấy, mà tôi không tích cực đặt lại vấn đề *Ngôi sao* với Ban chấm giải, khi dư luận chung quanh đã xì xào rất nhiều và đã đưa lên báo *Trăm hoa*.

\*

Công bố xong giải, Ban chấm giải giải tán. Nhưng vì có dư luận, nhất là trong anh em văn nghệ sĩ, đối với một số tác phẩm trong giải, nhất là đối với *Ngôi sao*, nên toàn Ban đã được triệu tập lại (thiếu mất hai vị đi vắng xa) để mỗi người kiểm điểm lại công việc làm giải vừa qua. Ông Trương Tửu đưa ra nhiều ý kiến và có đặt vấn đề trong Ban kiểm điểm lại xem có tinh thần bè phái không.

Trong buổi họp, ông Phan Khôi nói nhiều về *Ngôi sao* và *Truyện anh Lục* của Nguyễn Huy Tưởng. Về *Truyện anh Lục* ông Phan Khôi đã viết trong *Giai phẩm mùa thu*: "Tôi phản đối *Truyện anh Lục* của Nguyễn Huy Tưởng đứng giải nhì. Tôi cử ra sáu bảy chỗ, kết luận rằng cái tiểu thuyết này nhiều chỗ

## HUỶNH ÁI TÔNG

không giống với sự thực... Cả Ban không ai bác lại lời tôi, tuyệt nhiên không có một người nào bác lại lời tôi, nhưng thế nào không biết, cuối cùng cũng phải biểu quyết, và tôi đứng về thiểu số, lại là thiểu số tuyệt đối".

Hôm tranh luận về *Truyện anh Lục*, ông Phan Khôi có đưa ra nhiều lý lẽ, kêu rằng cả Ban không ai bác lại lời nào mà sao lúc biểu quyết, ông vẫn đứng về thiểu số. Theo chỗ tôi nhớ, thì trước khi ông Phan Khôi đưa ra những lý lẽ của ông, đã có nhiều vị khác cũng đã đưa ra những lý lẽ của họ. Lý lẽ của họ có chỗ giống và có chỗ khác hẳn ông Phan Khôi. Như thế tức là sau khi mọi người đã có ý kiến cả rồi, mà ý kiến lại tranh chấp, thì phải áp dụng cách biểu quyết như là đã đề ra trong nguyên tắc làm việc. Trong cái trường hợp nhất định ấy, tôi nghĩ rằng cũng không nhất thiết phải có một người nào đứng ra trực diện bác những lời của ông Phan Khôi. Và khi đã thỏa thuận với nhau về cái ước lệ là biểu quyết khi có ý kiến tranh chấp, thì nhất định là có thiểu số đa số. *Truyện anh Lục* được xếp vào giải nhì hạng trên (A). Nhưng tôi nhớ rằng ý kiến của tiêu ban văn xuôi và của tôi là nó ở giải nhì dưới (B), dưới truyện *Con trâu*, nhưng khi ra toàn Ban thì đa số biểu quyết nó ở trên *Con trâu*. Tức là về một mặt nào đó, trong việc bình hạng trong một giải nhì đó, tôi cũng bị thiểu số. Và cho đến nay, với cái mức độ hiểu biết của tôi về dụng truyện, tôi vẫn thấy *Truyện anh Lục* không ở trên *Con trâu* được, nhưng nó đủ chất và lượng để vào giải tiêu thuyết và tôi vẫn giữ cái ý kiến cũ. Nó có nhiều mảng rất tốt, đọc lên thấy cuốn, thấy truyền cảm; duy bố cục có những chỗ còn sơ sê và trong cách biểu hiện người thực việc thực, nói chung, còn lúng túng, chỗ thì dùng phương pháp ghi, chỗ thì lại dùng phương pháp dựng.

Đưa trường hợp *Truyện anh Lục* ra đây, tôi muốn nêu ra cái cách làm việc thiếu nghiêm chỉnh trong việc làm giải vừa rồi. Kỳ làm giải 51-52 trước, mỗi ngành đều có báo cáo tỉ mỉ cụ thể, có nhận xét tổng quát về ưu khuyết, và có phân tích cụ thể từng tác phẩm. Lần này làm, có thảo luận, và có những trường

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

hợp tranh luận gay go, nhưng cùng không đúc lại thành văn kiện, thành báo cáo nhận định của tiểu ban, của toàn ban.

\*

Giải thưởng văn học 54-55, có mục đích nêu cao những thành tích sáng tác, lấy nó thúc đẩy thêm phong trào. Nhưng khi nhận định thành tích thì lại không tích cực lắng nghe ý kiến và dư luận của nhân dân, nhất là của anh em văn nghệ sĩ. Cái khuyết điểm của việc làm giải thưởng là ở ngay cái quan niệm và cái tổ chức Ban chấm giải từ lúc đầu, không mở rộng ra để có nhiều thành phần đại biểu các ngành khác. Ban chấm giải thành lập ra, chịu trách nhiệm trước phong trào, nó có quyền hạn nhất định của nó, nhưng cái khuyết điểm lớn là thiếu sót nặng về mặt liên hệ với quần chúng, và đã không dựa vào dư luận, đối với một số tác phẩm và không kịp thời phát hiện vấn đề.

Đưa tác phẩm vào giải và nhận định giá trị tác phẩm, nói chung là nặng về các mặt chính sách. Và đây cũng là cái tình trạng chung của số đông tác phẩm chúng ta, nặng minh họa chính sách và đuối kém về mặt biểu hiện con người. Sáng tác cũng nặng về chính sách, mà rồi đến phê bình tác phẩm, cũng vẫn ngã về cái chiều hướng ấy, mà ít đi sâu đầy đủ vào các khía cạnh nghệ thuật tính. Cái kinh nghiệm về giải thưởng năm nay, có thể góp những tài liệu cụ thể cho việc thảo luận những vấn đề căn bản hiện nay như "văn nghệ phục vụ chính trị như thế nào?".

Giải thưởng văn học của Hội Văn nghệ Việt Nam năm 54-55, nhìn chung lại các giải thơ, giải tiểu thuyết, giải ký sự phóng sự, giải kịch nói, giải dịch, đều có những thành công rõ ràng về các mặt. Đã có những tác phẩm được sự công nhận của dư luận như là *Việt Bắc*, *Đất nước đứng lên*, *Truyện Tây Bắc*, *Con trâu* vân vân. Những tác phẩm thành công này đảm bảo cho giá trị của giải thưởng. Bên cạnh những thành công đó, giải thưởng có những khuyết điểm. Có một số tác phẩm hiện nay dư luận cho

## HUỶNH ÁI TÔNG

là Ban chấm giải đã bình hạng lên cao, quá cái giá trị nội tại của tác phẩm. Còn một số dư luận nữa cho rằng những sai lầm này là do tinh thần bè phái mà ra. Nguyên nhân những sai lầm thiếu sót này, theo ý tôi, thì phần lớn là do trình độ nhận thức, và nhất là do cái tác phong rất kém về mặt liên hệ với quần chúng, nó biểu hiện một cái tinh thần thiếu trách nhiệm. Thêm nữa và nghiêm trọng hơn nữa, một số hiện tượng nể nang lẫn nhau càng chứng tỏ cái tinh thần thiếu trách nhiệm đó. Hiện nay, đối với một số tác phẩm mà dư luận cho là không đáng vào giải hoặc xếp giải dưới trên chưa sát, tôi nghĩ rằng đây là một dịp để chúng ta đẩy mạnh phong trào phê bình văn học, và chúng ta phê bình trên mặt các báo chí và trong các buổi họp. Những cái yếu, cái sai, cũng như những cái đã thành công của giải thưởng văn học đã công bố năm nay, mà được nhận định kỹ, thì sẽ góp phần rất nhiều cho công việc đánh giá thành tích phong trào văn nghệ nói chung để chuẩn bị cho Đại hội. Nhưng ở đây, tôi xin nói thêm rằng, công việc đánh giá đúng phong trào văn nghệ trên mười năm, không phải chỉ dựa nguyên vào hai giải thưởng 51-52 và 54-55. Các giải thưởng đó giúp ta nhận định phong trào chung, nhưng không có nghĩa là tất cả phong trào văn nghệ và văn học chúng ta chỉ thu lại riêng trong phạm vi hai giải thưởng đó.

Nhìn chung lại công việc làm giải vừa qua, chúng tôi thấy phạm một số sai lầm nghiêm trọng. Chúng tôi thành thật hoan nghênh tất cả những ý kiến do anh chị em văn nghệ phát hiện. Những ý kiến ấy giúp chúng tôi nhìn rõ vấn đề. Trên cơ sở những ý kiến đó, Ban chấm giải đã họp lại hôm 21-8-56, tự kiểm điểm lại và quyết nghị sẽ tổ chức những cuộc tranh luận về giải thưởng văn học 54-55. Và tất cả những việc này đã chuyển lại cho Hội Văn nghệ Việt Nam tiếp tục làm, kết hợp với việc chuẩn bị Đại hội cuối năm.

(Nguồn: Báo *Văn nghệ*, Hà Nội, số 140 ngày 27.9.1956)

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Vì hay la cà với phở, mà tiếng nói của tôi được chính xác và giàu có thêm lên. Trước kia tôi cứ tưởng chữ "xương xẩu" là một tiếng đôi, và chữ xẩu chỉ là một tiếng đệm.

Ông hàng phở đã làm cho từ ngữ tôi hôm ấy thêm lên một danh từ. Xẩu khác với xương, dùng để chỉ những cái đầu xương phở có dính thịt và gân róc chưa hết. Tôi đã thấy những người phu xe kéo vào hiệu phở gọi một chén rượu với một bát xẩu. Tôi còn được nghe một ông phở khác nói đến mỡ gầu, cái tảng thịt dất mỡ quý giá nó không béo quá, mà lại quánh như sáp, ròn và mềm ấy mà gọi là một cánh gầu; và lúc cầm vào cân thịt tái, thịt tươi còn nhảy lên dưới làn dao, mà gọi là một quả thăn...

Có thể có nhiều thứ thịt loài bốn chân, loài ở nước, loài bay trên trời, nó ngon hơn thịt bò, nhưng đã phở thì phải là bò. Có phải là vì muốn chống công thức mà người ta đã làm phở vịt, phở xá xiu, phở chuột? Cứ cái đà tìm tòi ấy, thì rồi sẽ có những hàng phở ốc, phở ếch, phở dê, chó, khi, ngựa, tôm, cá chép, bọ câu, tắc kè ... nghĩa là loạn, phở nổi loạn....

Ngày nay cũng còn có người cho cả tương tào lạp chiu chương vào phở, nhưng đây là cái quyền của người có tiền, ai muốn bày vẽ ra thế nào, nhà hàng cũng chiều trong phạm vi có thể của phở. Nhiều người bảo nên ăn phở tái thì bổ hơn phở thịt chín. Có thể là như thế đấy. Nếu cần bổ thì cũng có thể uống Pan-tô-cờ-rin Liên Xô hoặc làm tễ thuốc Bắc, còn kết quả trông thấy rõ hơn là ăn phở tái. Thật ra, ăn phở cho đúng, đúng cái "gu" của phở, phải ăn thịt chín. Thịt chín thơm hơn thịt tái, mùi thơm miếng thịt chín mới biểu hiện đúng cái tâm hồn của phở.

Thêm nữa, về mặt nhận thức tạo hình, người thẩm mỹ bao giờ cũng thấy miếng thịt chín đẹp hơn miếng thịt tái. Thường những hiệu phở không tự trọng, hay thái sẵn thịt chín, thái cứ vụn ra không thành hình thù gì cả, ai đến gọi là rắc vào bát. Có thể việc ấy không hề gì với khách hàng không cần ăn no vội.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Nhưng cũng trong một cái hiệu vẫn thái thịt vụn ra ấy, ông chủ phở rất là phân biệt đối xử và không san bằng các thứ khách: Đối với những khách quen, với những người có thể ông chưa biết quý danh nhưng ông đã thuộc tính ăn, những người cầu kỳ ấy mà bước vào hiệu, là ông đã đặt ngay tay dao vào những khối thịt chín đặc biệt như khối nạm ròn, nạm dắt hoặc khối mỡ gầu, thái ra những miếng mỏng nhưng to bản, với cái sung sướng bình tĩnh của một người được tỏ bày cái sở trường của mình trong nghề.

Ông nào ăn phở mà có chất họa thì thấy muốn vẽ tranh tĩnh vật ngay. Có những lúc ông phở ấy gắt, gắt với vợ ông, vì ông thái không đẹp. Một ông làm đầu bếp hiệu chim quay trong hội Hà Nội chiếm đóng, nay cũng ra mở phở và thích múa dao nói chuyện với khách về cái khoa thái. "Chặt thái loài có cánh đã khó, mà thái miếng thịt bò không xương còn khó hơn. Tôi dạy mãi mà đàn bà nhà tôi vẫn không làm được, đàn bà thường chỉ thái bánh thôi".

*Nói đến Nguyễn Tuân mà quên nói đến tác phẩm Vang bóng một thời của ông là một thiếu sót lớn. Đọc Vang bóng một thời để người ta biết thuật uống trà của người xưa như thế nào trong Chiếc ấm đất, người ta quý chữ viết đẹp như thế nào trong Chữ người tử tù, có đọc văn ông mới thấy hết tài hoa của ông trong đó. Trong vụ Nhân Văn – Giai Phẩm, Văn Cao cho rằng trước mặt Trường Chinh Nguyễn Tuân hèn có mức độ.*

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Tuân Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Nguyễn Tuân Web: [nico-paris.com](http://nico-paris.com)



**8) Chu Ngọc**



**Chu Ngọc - Chữ Ngọc Hồ (1912-1981)**

Chu Ngọc tên thật là Chữ Ngọc Hồ, sinh ngày 2 tháng 6 năm 1912, tại xã Đông Hội, Cổ Loa, huyện Đông Anh, Hà Nội.

Chu Ngọc hoạt động sân khấu từ rất sớm, từ trước năm 1945, tên tuổi của ông đã được nhắc đến trong những người yêu nghệ thuật kịch nói.

Năm 1945, cũng như nhiều trí thức tiến bộ, ông tham gia kháng chiến ở Khu IV và công tác trong bộ đội của tướng Nguyễn Sơn .

Đến năm 1950 ông xin giải ngũ và lui về trại tập trung văn nghệ ở Cần Nhiêu (Thanh Hóa), vừa làm ruộng vừa viết văn.

Năm 1953 ông "được" đi chinh huấn ở Việt Bắc và năm 1954 được " tham quan" Cải Cách Ruộng Đất ở Thanh Hóa .

Ông là một trong những giảng viên đầu tiên của trường nghệ thuật sân khấu Việt Nam. Viết và dàn dựng nhiều vở kịch nói cho các đoàn văn công.

Trong mấy năm kháng chiến ông sáng tác được một vở kịch có giá trị, nhan đề *Cái Vòng* trong đó ông chế riều một tập tục của

## HUỶNH ÁI TÔNG

dân quê la cấm không cho vợ chồng những người tản cư nằm chung một giường trong nhà của mình (Bà chủ nhà bắc một cái võng nằm giữa để canh, hai vợ chồng người tản cư nằm hai bên).

Vở kịch sau khi diễn được vài buổi thì bị cấm .

Vở kịch thứ hai của ông là nhan đề là *Xông Nhà* cũng có một số phận tương tự như vở kịch trước.

Năm 1956, ông tham gia *Nhân Văn – Giai Phẩm* với vở kịch *Chúng Ta Gắng Nuôi Con*.

Năm 1957, là Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam.

Năm 1958, cũng như những người khác đã tham gia *Nhân Văn – Giai Phẩm*, ông bị kỷ luật nên gát bút từ đó.

Ông mất năm 1981, thọ 69 tuổi.

Tác phẩm:

- Tự vệ kháng chiến (kịch 1947)
- Giữ cửa (kịch, 1947)
- Cái võng (kịch, 1948)
- Xóy nhà (kịch, 1955)
- Cô Thục (kịch, 1958)

Trích kịch:

### **Chúng ta gắng nuôi con** (Hoạt cảnh của Chu Ngọc)

Nhân Vật:

- Chồng : 37 tuổi
- Vợ : 30 tuổi

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Đây là một căn phòng nhỏ của một gia đình cán bộ ở ngoại ô Hà Nội . Bàn, ghế, giường, tủ mỗi thứ một kiểu, mỗi màu, cũ kỹ rề tiền : hình như chủ nhà nhặt mỗi thứ một nơi gộp lại thành cái cảnh "nội trợ" này .

Chồng là một cán bộ, của một cơ quan Trung ương, tuổi ngoài ba mươi, gương mặt hơi hốc hác, da mặt tái tái và hơi khô, mắt lòng trắng đã ngả vàng, đùng đục . Anh thường bận bộ quần áo công nhân do Mậu dịch bán giá 8.500 đ. may bằng vải xanh của nước bạn Tiệp Khắc . Anh nhìn người hoặc nhìn vật thường hay nhìn lâu . Có nhiều lúc như không tin ở đôi mắt nữa, anh dùng tay nắn vào người, vào vật . Đầu hay gật gù . Miệng thỉnh thoảng ho một tiếng .

Vợ, trẻ hơn, táo bạo hay nói thẳng, hay lo vật và thường đem chuyện bực bội ở cơ quan về trút cho Chồng, có lúc trút cho cả những đứa con còn ngây dại . Quan niệm của chị về cuộc sống: cứ vui, tin tưởng, chẳng tội gì gói ghém bực tức lại để thành mớ bẽ bộn trong lòng .

Chồng: Hay là ... liệu đến rạp mà xem . Hạng cuối 3 trăm, ngồi sát "ê cờ răng" cũng được .

Vợ : Loá mắt chết đi ấy .

Chồng : Nhưng còn có ghế dựa cái lưng .

Vợ : Dựa lưng ? Sao mà tư sản thế ?

Chồng : Tư sản ? Thế thì thôi . Nhưng tả vừa vừa chứ, có thể cũng phải chụp cái mũ (1) mới nghe .

Vợ : Chụp sẵn để anh đừng yêu cầu nữa . Từ một trăm ngoài bãi, tiến tới ba trăm trong rạp, hai vợ Chồng mấy đứa con, mất hơn một nghìn (2) rồi đấy, cuối tháng có thiếu lại âm lên .

## HUỶNH ÁI TÔNG

Chồng : Ai àm ?

Vợ : Anh không àm nhưng cái mặt anh dài ra còn khô hơn là àm .

Chồng : ở nhà là ổn hơn hết, ngủ một giấc lại đỡ tốn .

Vợ : Thì xem ngoài bãi vậy, mỗi người một trăm thôi .

Chồng : Xem ngoài bãi mỗi cổ lắm .

Vợ : Em đỡ cổ cho .

Chồng : Đùng có khi . Với lại buồn ngủ thì dựa vào đâu ?

Vợ : Dựa vào em mà ngủ .

Chồng : Đã bảo là đùng có khi . Chung quanh người ta phê bình cho .

Vợ : Ai làm gì mà phê bình . Vớ vẩn .

Chồng : Người ta phê bình là xem phim có nội dung tốt lại ngủ kia .

Vợ : Buồn ngủ thì cứ ngủ, sao lại lòi thôi thế nữa .

Chồng : Mình là cán bộ, ngủ như thế là thiếu lập trường .

Vợ : Sao lại lập trường ở chỗ ngủ ấy .

Chồng : Buổi xem phim "Chỉ huy chiến hạm" anh buồn ngủ quá . Một ông bên cạnh cứ ghé vào tai anh, "Sao lại ngủ, sao lại ngủ, thái độ xem phim nước bạn lạ nhỉ ?". Anh cầm mũ đi về, ông ấy theo ra thảo luận, và khuyên anh xem cho hết . Bỏ về

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

giữa chừng là có ý chê phim Liên Xô . Anh đành phải quay vào ngồi cho đến hết .

Vợ : Thế anh có nói cho ông ấy biết như thế là mất tự do của người ta không ?

Chồng : Tự do nào ?

Vợ : Tự do khen chê .

Chồng : Sao lại có cái tự do ấy nhỉ .

Vợ : Thế sao anh lại ngủ ?

Chồng : ờ ờ.... à à mấy ngày họp liền rồi liên hoan giữa bãi, gió hiu hiu thì ngủ chứ còn sao nữa .

Vợ : Phim có hay không ?

Chồng : Nội dung tốt . Nhưng mà vừa xem vừa phải cắn lưỡi cho đỡ buồn ngủ . Lúc nào chót gật một cái thì vội vàng chữa bằng cách gật vài cái ra điều là mình thưởng thức . Lúc đó may quá màn ảnh lại chiếu ngay đoạn ngoài biển khơi, ánh sáng đẹp quá . Ông bạn ngồi bên thấy mình gật gù thì ông ấy bằng lòng lắm cũng gật gù nói nhỏ với mình : "Chút nữa ông bỏ về, có phải thiệt không nào !" .

Vợ : Thế là đêm hôm đó anh về cãi nhau với em đấy có phải không ?

Chồng : Vừa mệt vừa bực mình, về đến nhà vợ lại cầu nhau bảo đi đến đâu cũng chẳng nhớ đến ai, chỉ biết sung sướng lấy một mình .

Vợ : Tưởng là không thích phim cơ chứ, gật gù thưởng thức như thế còn oan nỗi gì ?

## HUỖNH ÁI TÔNG

Chồng : Thế em vẫn cho là anh sung sướng lấy một mình ư ?

Vợ : ở nhà này anh không sung sướng ... thì em sung sướng vậy . Em sung sướng lắm : cũng công tác, cũng học, lại nuôi con, giặt rũ, thổi nấu ... rồi thì ở nhà phê bình đảng ở nhà ; ở cơ quan phê bình đảng cơ quan ...

Chồng : Thôi .. thôi ... anh sung sướng ; sáng họp, chiều họp, tối học . Về nhà quét cửa, quét nhà, quét cống, đun nước, tắm cho con, xi con ỉa, đêm ai gọi dậy mở cửa ...

Vợ : Gớm gian khổ nhỉ ! Nông dân người ta còn vất vả khôỉ ra kia kia .

Chồng : Thôi ... thôi ... biết rồi ... ? Đi xem vậy thôi . Ngoài bãi cũng được . Phim gì thế ?

Vợ : Trẻ con nó bảo đâu ... " Chi huy chiến hạm" đấy . Chúng nó bảo buồn lắm .

Chồng : "Chi huy chiến hạm" à ... Nhưng sao trẻ con lại chê buồn .

Vợ : Thấy chúng nó bảo thế .

Chồng : Con nó bảo lại mà nghe ư ? Lập trường để đâu hử trời!

Vợ : Lập trường nào ?

Chồng : Lập trường bạn, thù . Phim nước bạn mà chê, coi chừng tư tưởng đấy .

Vợ : Tư tưởng làm sao ?

Chồng : Tư tưởng tư sản chứ còn làm sao nữa . Chê phim nước bạn có nghĩa là khem phim tư sản .

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Vợ : Suy diễn tài nhi ! Liên xô có nhiều phim hay, song cũng có những cuốn phim không hay thì nó chê, không được ư . Biết đâu những phim ấy chính các đồng chí Liên Xô cũng chê ấy chứ lại!

Chồng : Hồng, hồng ... gọi con Thu về đây . Không biết ai xui nó thế, chắc lại luận điệu địch đây thôi . Nó bắt đầu tuyên truyền vào trẻ con rồi đó . Gọi nó về xem nó chơi với con cái nhà nào, phải đề cao cảnh giác đây .

Vợ : Nó bé, tính nó ngay thẳng, thấy thế nào nó nói thế .

Chồng : Chẳng qua là tại em cả thôi . Trẻ con nó còn biết thế nào là hay và không hay .

Vợ : Thôi đừng chủ quan khinh chúng nó . Trẻ con nó cũng biết nhận xét chứ lại .

Chồng : Nhưng chúng phải biết đứng về lập trường nào mà nhận xét chứ !

Vợ : Lập trường của trẻ con là ăn chơi, yêu nhân dân, yêu lao động ... yêu bác Hồ, Bác Mao ...  
Bác Bun ga nin ...

Chồng : Yêu bác Bun-gan-nin mà chê phim Liên Xô !

Vợ : Nó chê phim "Chỉ huy chiến hạm" . Nó thích phim "Xát cô đi tìm hạnh phúc" chứ nó chê phim Liên xô đâu nào ?

Chồng : Con hư là tại mẹ, khen chê là phải hướng cho chúng nó . Không thể để cho chúng nó tự do được . Coi chừng ảnh hưởng tư sản đây .

Vợ : Thế anh là tư sản hay tôi là tư sản .

## HUỶNH ÁI TÔNG

Chồng : Người nào cũng có thể là tư sản được cả . Ăn muốn ăn ngon, ở thì muốn ở rộng, cái gì cũng muốn, ước ước ao ao ... Cứ đi qua các cửa hiệu Hàng Khay là đứng lại nhìn nhìn, ngắm ngắm ... như thế là chớm phải tư tưởng tư sản rồi đấy .

Vợ : Những thứ ước ao ấy những người làm cách mạng không được dùng ư ?

Chồng : Lúc nào tiền sang chủ nghĩa xã hội đầy đủ sẽ dùng.

Vợ : Thế lúc đó có gọi những người xã hội chủ nghĩa là tư sản không ?

Chồng : ừ ... ừ ... ừ ... Thôi không nói nữa . Đi xem, đi xem ...

Vợ : Thua rồi à . Thế đi xem phim nào ?

Chồng : Bất cứ . Miễn là đi xem . nghĩa là là không ở nhà .

Vợ : Có phim Dân chủ Đức, lại ở mãi Đại Nam kia . Mấy trăm bạc xe nữa .

Chồng : Tìm xem có phim nào xem tạm tạm .

Vợ : Nghe như có nhiều phim hay các ông ấy ôm còm om, để chiếu cho chán những phim tiền chiến tranh này đi đã . Giả có phim như "Anh gắng nuôi con" thì thích nhỉ .

Chồng : Em thích "Anh gắng nuôi con" lắm à ?

Vợ : ừ thích .

Chồng : Thế là chết rồi !

Vợ : Sao ?

Chồng : (suy nghĩ một lát) Có vấn đề đấy . Nhận định của tôi



HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
đúng rồi .

Vợ : Đúng cái gì kia ?

Chồng : Em bị tấn công thật đấy . "Anh gắng nuôi con" là phim Nhật .

Vợ : Nhật thì sao ?

Chồng : Nhật chứ Nhật sao nữa . Một nước phát xít chinh phục loài người . Bây giờ đi với Mỹ, là một nước tư bản đế quốc .

Vợ : Thế à ?

Chồng : Một nước có truyền thống võ sĩ đạo, rất nhiều anh hùng cá nhân, cho nên tôi kết luận rằng văn hóa của nước ấy là văn hóa tư sản .

Vợ : Ghê nhỉ ? Nhưng còn thiếu .

Chồng : Thiếu gì nữa ?

Vợ : Người Nhật ... lùn nữa chứ lại . Và lần đầu tiên nhân dân Nhật bị hai quả bom nguyên tử của Mỹ chết mấy chục vạn người .

Chồng : Em để yên tôi nói .

Vợ : Nói như mọi hôm chứ gì . Lại cụ Mác, cụ Lê . Thôi, anh đừng làm khổ các cụ nữa . Lý luận để áp dụng vào thực tế công tác không phải để nói . Anh ăn đã chẳng được mấy hột, nói nhiều quá, phôi nó ráo đi .

Chồng : Nhưng mà em không được thích "Anh gắng nuôi con"

Vợ : Sao anh lại cấm em .

## HUỶNH ÁI TÔNG

Chồng : (Cầm tờ báo Nhân Dân đưa cho vợ) Đây này, báo đảng là không cho chiếu lần thứ hai nữa . Anh đọc em nghe nhé

Vợ : (đứng lên) Thông thả em chặn cho con cái gỏi đã, kéo nó giạt mình .

Chồng : "Suốt từ đầu đến cuối bộ phim, người xem chỉ thấy một anh chàng say rượu, cờ bạc, cục cằn, hay đánh nhau, tính nết như một thằng điên"

Vợ : ý kiến của anh thế nào ?

Chồng : Anh ... anh (gật gù) cũng thấy Mễ Lang hơi điên, uống rượu, đánh bạc, cục cằn, hay đánh nhau . Đúng đấy .

Vợ : Anh nói thật đấy chứ ?

Chồng : ừ .

Vợ : Sao hôm đi xem về anh khen cơ mà ?

Chồng : Ai khen ?

Vợ : Anh chẳng bảo : lâu lắm mới được xem một cuốn phim ...

Chồng : Nói như thế mà bảo là khen ư ?

Vợ : Lúc xem lưỡi cứ tặc tặc như thạch sùng ấy, khen lấy khen để . Anh ngồi cạnh em, thấy em chưa kịp khen thì y như anh bực mình cho em là chậm hiểu .

Chồng : Nhưng bây giờ báo Nhân Dân chê, cơ quan của đảng nhận định cái gì là đã nghiên cứu chán rồi . Chắc có điểm gì sai lầm nghiêm trọng lắm ... mới đề nghị cấm chiếu đây . Mai đến

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
cơ quan chúng nó lại nhè mình nó truy Khen phim gì chẳng  
khen lại khen phim Nhật .

Vợ : Các đồng chí ở cơ quan cũng khen cả đấy chứ.

Chồng : Bây giờ ai còn nhận nữa .

Vợ : Thì phim ấy cũng hay đấy chứ, tội gì mà sợ .

Chồng : Em chỉ được cái nhận định rồi .

Vợ : Ông Lam ở sở Hải quan Trung ương đấy chứ, có phải báo  
đâu .

Chồng : Nào riêng gì ông Lam, cả bà Nguyễn thị Xuân nào nữa  
đấy cũng viết một giọng như thế...

Vợ : ừ thì hai người chứ bao nhiêu mà lo . Bao giờ báo Nhân  
Dân viết hăng hay . Đây là ý kiến bạn đọc cơ mà .

Chồng : Đăng lên như thế tức là toà báo đã đồng tình rồi đấy  
Minh thế nào cũng bị quy là bị tư sản tấn công .

(im lặng một lát)

Vợ : Ai đã quy mà sợ . Chính phủ cho phép chiếu, nhân dân  
xem sướng mắt rồi . Còn chiếu em còn đi xem, để ý làm gì đến  
những chuyện hẹp hòi, vụn vặt ấy .

Chồng : Xem thì có sao, đảng này mình lại khen kia . Bây giờ  
làm

Chồng : Chẳng biết là cô hay bà nữa, nhưng chắc là cán bộ.  
Nói có vẻ lên lớp lắm .

## HUỶNH ÁI TÔNG

Vợ : Biết địa chỉ ở đâu kéo đến đấu tranh cho một chuyện cho ra lẽ . Phụ nữ mà lại khó thế nhỉ .

Chồng : Chắc đâu là phụ nữ .

Vợ : Ký là "Nguyễn thị" hẳn hòi kia mà chẳng lẽ lại là đàn ông.

Chồng : Chưa chắc là đàn ông đâu . Khô hơn đàn ông nhiều

Vợ : Em chắc, không phải là phụ nữ đúng hơn .

Chồng : Anh đã bảo không phải nam giới .

Vợ : Nam giới đấy .

Chồng : anh không nhận đâu .

Vợ : Phụ nữ là phải để ý đến Mễ Lang . Một người Chồng cờ bạc, rượu chè, du côn như thế mà thực hiện lời giới giảng của vợ, không đánh nhau nữa, chăm nom con. cố gắng xây dựng tương lai cho con để con khỏi sa vào con đường tối tăm tội lỗi cũ, như thế là người tốt có thủy chung đấy chứ !

Chồng : Ai người ta rung động làm gì những chuyện góc ngách ấy . Trái tim người ta đã thành trái tim ái nam ái nữ mất rồi .

Vợ: Chán nhỉ ?

Chồng : Tình cảm phi nam phi nữ ấy còn biết rung động cái gì nữa . Máy cái anh làm phim Nhật ấy cũng dốt . Cho ngay Liễu Lang là địa chủ bóc lột . Cho ngay Mễ Lang là bần cố nông, trong sạch, anh dũng, hữu ái giai cấp, được đội về bắt rết, cuối cùng đứng lên đấu một trận có phải ông Lam với bà Xuân thích không nào .

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Vợ : Phim nào cũng thế thì chán ốm .

Chồng : Nhưng mà dễ hiểu em ạ . Đỡ bận óc, chẳng phải suy nghĩ gì .

Vợ : Không suy nghĩ thì bộ óc, với trái tim để làm gì ? Mình là người đã từng bị bọn đế quốc nó thống trị thì mình cũng thông cảm với nhân dân một nước bị chiếm đóng chứ !

Chồng : Mấy người viết báo ấy nghĩ được như thế thì ngày mai mình đến cơ quan đã chẳng làm sao .

Vợ : Chẳng việc gì đâu .

Chồng : Mấy cái ông đại diện tư tưởng ở cơ quan thế nào mà chẳng xoay, chẳng truy mình .

Vợ : Đề nghị cho mấy ông đi học để các ông ấy biết dùng bộ óc đi chứ lạ .

Chồng : Học chưa đủ . Điều cần phải có trước nhất là sự thông cảm . Chúng ta mới thoát khỏi vòng nô lệ, sao không thương nhau, lại hay dẫn vật hay úm nhau . Mà anh nữa, sao lại không dám chống lại khi họ chụp mũ vào đầu mình (một lát). Này em ! mình có phải là người nữa không nhỉ ?

Vợ : Sao anh lại hỏi thế ?

Chồng : Đầu là đầu của mình hay là đầu của ai ?

Vợ : Dớ dẩn, đầu chẳng phải là đầu của mình, chẳng lẽ đầu của ai chạy đến gắn vào cổ mình .

Chồng : Nhưng còn cái chất đặc ở trong kia mà.

Vợ : Đầu của mình thì óc cũng của mình chứ của ai nữa .

## HUỶNH ÁI TÔNG

Chồng : (một lát) Thế thì thích nhỉ !

Vợ : Thế xưa nay anh vẫn thấy bộ óc, trái tim là không phải của anh ư ?

Chồng : Không ... với lại có phải anh nói riêng mình anh đâu.

Vợ : Nhưng sao anh lại hỏi về đầu óc như thế mới được chứ ?

Chồng : Anh hỏi thế để biết rằng lâu nay anh không dùng đến cái đầu này : đến cái bộ ngực này.. Ngũ quan của anh chỉ dùng có cái tai, anh chỉ nghe thôi . Và cái cổ để gật . Lòng anh chắc cũng như lòng một số người cứ thu hẹp mãi mãi, cuộc sống tình cảm cứ lần lần mất đất . Một bộ phim nêu lên một ý nguyện từ chối một cuộc sống cũ : đánh nhau, bịp bợm, kẻ tiểu nhân như Liễu Lang lại cầm vận mệnh của tương lai, một người tự lực cánh sinh, lao động xây dựng cho lớp người về sau, anh tưởng đó là nguyện vọng của người cách mạng chứ (một lát). Khen không dám khen, chê không dám chê, anh đã không phải là anh nữa . Bản tâm thì khen nhưng khi thấy báo Nhân Dân chê thì sợ ... Nhân phẩm của anh lâu nay không biết còn hay mất .

Vợ : Ai cấm chúng ta không được khen chê. Có ai cấm đâu ?

Chồng : Chẳng ai cấm, nhưng anh có dám tin ở anh đâu. Thành phần của mình nói gì ra cũng tự cảm thấy có thể sai được cả : Tiểu tư sản bấp bênh lắm . ở nông thôn thì lập trường địa chủ, về thành phố dễ bị tư sản tấn công . Một người nói ra như thế, trăm người nói theo, thế là bách khẩu đồng từ, ấy thế là cứ mọi việc gì sự tự ti về thành phần cũng ngăn cách giải quyết của anh . Sợ sai em ạ . Đến cả em nữa, em là một người trao xương gửi thịt, ấy thế mà nhiều lúc anh cũng sợ. Anh không giám nói phim hay, phim dở . Vừa rồi anh cũng sợ chúng ta quay lại chửi nhau, nên anh tự chửi trước . Kể anh cũng hèn thực .

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Nói dối cả mình, nói dối cả vợ, nói dối cả đảng . Chỉ ừ ào xuôi chiều, thủ tiêu đấu tranh .

Vợ : Không biết ông Lam có cùng một tâm trạng như chúng ta không nhỉ . Em tin rằng ông cũng có thể dối lòng ông . Em tưởng khi đặt câu hỏi cho cô Tuyết trong phim khi yêu Mễ Lang : "Không hiểu yêu về nỗi gì, yêu vì hay uống rượu, cờ bạc hay đánh nhau". Sao không lật ngược lại vấn đề mà hỏi ngay ở lòng mình là một người con gái phải làm trong một quán rượu muốn thoát khỏi cái cảnh không ra gì ấy để có một cảnh gia đình êm ấm trong sạch yêu một người "không đánh nhau nữa, chỉ biết lo cho con" thì không xứng đáng hay sao, anh nhỉ . Thông cảm cho nỗi khổ của con người, khó thật .

Chồng : Không nói đến ông Lam bà Xuân vội . Nói ngay đến vợ Chồng mình đã.

Vợ : Thì mình cũng phải lên tiếng chứ . Tôi không tán thành ý kiến của các ông, các bà kia mà. Sao lại không đấu tranh ?

Chồng : Anh đương đấu tranh đây, đấu tranh bản thân đã em ạ, không phá tung cái lưới đương vây lòng mình lại thì không nói gì được cả . Dù đau xót, dù có phải rớm máu cũng phải cố rút cho được những mắt lưới đương giăng ở cuống họng anh, để anh có thể nói thật được với em là vợ của anh, các đồng chí ở cơ quan, các bạn bè, con anh phải phá cái hẹp hòi của anh đã . Xưa nay không nói là để khỏi phiền đến mình, để bảo vệ mình, đó cũng là một khía cạnh của bệnh hẹp hòi .

Vợ : Thì em vẫn khuyên anh nói kia mà !

Chồng : Nhưng mà em có dám nói không ? Em dám nói sao không dám nói ở cơ quan . Đem chuyện về nhà to nhỏ với nhau là chưa nói được ở cơ quan . Anh chỉ là chỗ trú thối mắc của em. Em chẳng thường nói với anh : "Thời mọi chuyện bỏ ngoài

## HUỖNH Ỉ TÔNG

tai, nhắm mắt lại, cốt sao có đồng lương nuôi con đã, bao giờ đây đủ sẽ đấu tranh ..."

Vợ : Em nghĩ thế là khi còn kháng chiến ... phải đuổi địch và đánh đổ địch đã ... Bây giờ kiến thiết rồi .

Chồng : Thế à, nếu thế anh sẽ nói, nói hết . Trên sai, anh sẽ nói trên sai, chung quanh sai, sẽ nói chung quanh sai, mà anh sai anh đây cao tự phê . Cái gì chưa hay thì nói chưa hay, cái gì của mình kém thì phải học, công trình lao động nào của nhân loại mà tốt đẹp chúng ta phải hoan nghênh. Phải đả phá cái óc "bế quan tỏa cảng", phải làm bật gốc nó đi

Vợ : Anh nói thì nói, nhưng phải xây dựng đây, đừng có nói chọ hủ, các đồng chí lại hiểu lầm thì lại khổ vợ khổ con . Em chẳng lạ gì kẻ làm sai họ thường hay bảo thủ, họ bám lấy cái sai của họ . Phải coi chừng họ lại đánh những đòn ngầm, hoặc bôi nhọ mình bằng cách vu khống thì khổ đây....

Chồng : Nếu quả việc đời còn đến như thế thì cũng chịu em .

Vợ : Chịu à ! Thế còn em và các con thì sao ?

Chồng : Thì lại quay một cuốn phim ...

Vợ : Phim gì kia ?

Chồng : "Em gắng nuôi con".

Vợ : Em gắng nuôi con à ?

Chồng : Ừ

Vợ : Khiếp ! Đâu đến nỗi thế . có đảng có nhân dân sao lại có thể như thế được. Với lại anh cũng phải thanh toán sự hoài nghi của anh đi . Mấy cái bài báo đó ai tin kia chứ . Người ta



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

đọc người ta còn cười cho là đặng khác. Em có tin đâu nào .  
Còn anh, anh có tin không ?

Chồng : Thì ai lại lạc hậu đến thế mà em hỏi .

Vợ : Thế thì các đồng chí ở cơ quan, bà con đã xem "Anh gắng nuôi con" ai người ta tin chứ.

Chồng : Ừ nhỉ ! Suy bụng ta ra bụng người . Cái gì dở mà bảo hay ai mà chịu được, cũng như cái hay mà bảo dở thì dù trời có bảo thì người ta cũng cười vào mũi trời ấy chứ lại . Huống hồ là hai bài báo ấy ....

Vợ : Như thế anh phải tin tưởng chứ - Xem thằng con nó ngủ ra sao đây này .

Chồng : Nó ngủ ngoan nhỉ (anh bắt chước giọng Mễ Lang).  
Bình ơi! con ngoan nhé, con ngoan nhé !

Chồng : (Vẫn tiếp tục) Bình, ngoan nhé, con ngoan nhé ... Lớn lên đừng có hẹp hòi con nhé.

Tác giả Mạc Đình viết về Chu Ngọc có nhận định như sau:  
*Cũng như hai vở kịch: "Cái võng" và "Xông nhà" trong vở "Chúng ta gắng nuôi con" ông cũng đã phá những cái hẹp hòi của những người xung quanh thường phạm đến tự do cá nhân và tự do tư tưởng của con người . Điểm khác là ở đây ông không công kích những cái hẹp hòi của xã hội cũ, mà ông lại chế riễu cái hẹp hòi của xã hội Bắc Việt năm 1956 . Tâm trạng của ông biểu lộ trong câu sau cùng của vở kịch, lời ông dặn dò đưa con mới đẻ " Lớn lên con đừng hẹp hòi con nhé ! "*

Tài liệu tham khảo:

- Chu Ngọc Web: sachxua.net
- Chu Ngọc Web: tusach.mobi

## HUỶNH ÁI TÔNG

### 9) Trương Tửu



### Trương Tửu (1913-1999)

Trương Tửu sinh ngày 18 tháng 10 năm 1913, trong một gia đình trung lưu ở ngoại ô Gia Lâm, Hà Nội. Mẹ mất sớm, cha là một nhà nho thủ cựu, nghiêm khắc, nhưng ông để Trương Tửu muốn làm gì thì làm.

Năm 1927, lên 14 tuổi, ông học trường tiểu học Hàng Than, Hà Nội, cùng 17 học sinh trường tham gia bãi khoá, để đòi thực dân Pháp thả tác giả bài thơ *Chiêu hồn nước* Phạm Tất Đắc, nên bị cảnh sát bắt và nhà trường đuổi học, nên ông và các bạn tự học đi thi Tiểu học.

Sau khi đậu Tiểu học, ông cùng các bạn theo học Trung học tư thực Trương Minh Sang, do ông này từ Sài Gòn ra mở trường tuyên bố chỉ cần học 2 năm thay vì 4 năm bậc Trung học, trong khi học ông và các bạn muốn học nhanh hơn để đi làm việc.

Do đó năm 1929, ông và các bạn nộp đơn thi vào trường Kỹ nghệ thực hành ở Hải Phòng, thi đậu, ông được học nghề thợ tiện, cùng trường lớp với Lê Văn Siêu. Nhưng chỉ học được một thời gian, do nhà trường cải tổ chương trình, giảm lý thuyết, nặng thực hành, ông đại diện các bạn đưa thỉnh nguyện giữ chương trình cũ, nên bị đuổi học.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Sau khi bị đuổi học, trên đường về nhà ở Gia Lâm, ông đi ngang qua chỗ bán sách cũ, thấy có quyển sách hay viết về tự học, nên ông mua đọc, sách chỉ ra việc tự học không phải chỉ có chuyên cần mà cần nhất là phải có phương pháp, ông theo đó tự học trọn chương trình trung học và dùng ngòi bút theo con đường phê bình văn học.

Năm 1929, ở Sài Gòn tờ Phụ Nữ tân văn đưa ra đề tài “Nên khen hay chê Kiều”, nhiều nhà văn, độc giả tham gia viết bài, đăng lên báo, chê hơn là khen, nên Trương Tửu viết bài “Triết lý truyện Kiều” gửi đến Đông Tây tuần báo của Hoàng Tích Chu, bài này đăng trên trang nhất, số 31 ra tháng 11 năm 1931, từ đó ông chuyên viết về khảo cứu phê bình văn chương Việt Nam.

Từ những năm 1930, ông đã cộng tác với nhiều báo, như: Đông Tây tuần báo, Loa, Ích Hữu, Tiếng Trẻ, Hà Nội báo, Mùa gặt mới, Văn mới... Ông còn có bút danh Nguyễn Bách Khoa, Mai Viên, T.T. ...

Từ năm 1941 đến 1946, Trương Tửu làm Giám đốc Văn chương nhà xuất bản Hàn Thuyên. Thời kháng chiến chống Pháp, ông là ủy viên Hội Văn hóa Việt Nam, chi hội phó Chi hội Văn hóa Thanh Hóa, tham gia bí thư đoàn liên đoàn Văn nghệ kháng chiến liên khu IV,

Năm 1949-1950, Thiếu tướng Nguyễn Sơn thành lập trường Thiếu sinh quân tại Quân khu IV, đã mời Trương Tửu làm giáo sư Trung học chuyên khoa trường Thiếu sinh quân Liên khu IV.

Năm 1952 trường Dự bị Đại học khai giảng tại Liên khu IV, Bộ giáo dục mời ông dạy môn Văn học sử Việt Nam.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Sau hiệp định Genève 1954, ông hồi cư về Hà Nội, dạy Trường đại học Sư phạm, Đại học Văn khoa Hà Nội. Năm 1957, ông được phong chức danh Giáo sư, cùng đợt với Đào Duy Anh, Đặng Thai Mai, Trần Văn Giàu, Nguyễn Mạnh Tường...

Đầu năm 1958, bị buộc thôi việc vì dính líu đến vụ Nhân văn giai phẩm. Sau đó, ông chuyển sang nghiên cứu y học và sống bằng nghề Đông y.

Trương Tửu mất vào ngày 16 tháng 11 năm 1999, tại Hà Nội, thọ 86 tuổi.

Tác phẩm:

- *Thanh niên S.O.S* (1937)
- *Một chiến sĩ* (1938)
- *Uống rượu với Tân Đà* (1938)
- *Khi chiếc yếm rơi xuống* (1939)
- *Những thí nghiệm của ngòi bút tôi* (1939),
- *Khi người ta đòi* (1940)
- *Một cổ đôi ba tròng* (1940)
- *Trái tim nổi loạn* (1940)
- *Đục nước béo cò* (1940)
- *Kinh thi Việt Nam* (1940)
- *Một kiếp đọa đày* (1941)
- *Tráng sĩ Bồ Đề* (1943)
- *Nguyễn Du và Truyện Kiều* (1943)
- *Nhân loại tiến hóa sử* (1943)
- *Nguồn gốc văn minh* (1943)
- *Văn minh sử* (1943),
- *Năm chàng hiệp sĩ* (1944)
- *Nguyễn Công Trứ* (1944)
- *Văn chương Truyện Kiều* (1944)
- *Tương lai văn nghệ Việt Nam* (1945)
- *Đại quan về 40 năm văn học Việt Nam hiện đại 1905-1945* (1948)

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

- *Phương pháp phê bình văn học* (1948)
- *Văn nghệ bình dân Việt Nam* (1952)
- *Truyện Kiều và thời đại Nguyễn Du* (1956)
- *Chinh huấn là gì?* (1956)
- *Chống văn hóa nô dịch* (1956)
- *Mấy vấn đề văn học sử Việt Nam* (1958)

Trích văn:

### Văn chương Truyện Kiều

*Tựa*

Trong tập sách nhỏ này, chúng tôi không “lặp lại” cái lối phê bình văn chương *Truyện Kiều* mà các nhà văn học xứ ta vẫn thường dùng mỗi khi nói đến cái hay cái đẹp của *Truyện Kiều*. Bạn đọc nào chờ gặp ở những trang sau đây sự phân tách một âm điệu du dương hoặc sự giải thích một hình ảnh tuyệt mỹ, một cách tả tình tả cảnh đặc sắc, sẽ bị thất vọng. Thiên hạ đã phân tách, đã giải thích như vậy kể bao nhiêu năm nay rồi mà ngày nay nào đã ai “hiểu” được “cái hay”, “cái đẹp” của *Đoạn trường tân thanh*? Học giả uyên bác như ông Đào Duy Anh mà khi viết cuốn *Khảo luận về Kim Vân Kiều* cũng đã phải thú nhận rằng: “Cái hay của *Truyện Kiều* không ai là không cảm thấy. Nhưng hiểu biết cho hết cái hay ấy là một điều rất khó mà giải thích cho ra hết cái tinh vi uẩn ảo ấy là một điều khó nữa”.

Thông thái đến như nhà tri thức Nguyễn Mạnh Tường mà cũng bần khoản không hiểu “tại sao quyền *Kim Vân Kiều* chứa chan thi vị và tại sao thi vị đó rất hợp với tâm hồn người Việt Nam chúng ta” (*Thanh Nghị* số 92).

Sự “không hiểu” ấy có hai nguyên nhân. Nguyên nhân thứ nhất là một phương pháp phê bình phù phiếm. Nguyên nhân thứ hai là một quan niệm duy tâm về nghệ thuật, về nghệ sĩ.

Theo phương pháp phê bình phù phiếm, nhiều nhà văn học đã

## HUỶNH ÁI TÔNG

phân tích quá u tỉ mỉ cái khéo của Nguyễn Du về sự dùng chữ, dùng điển, dùng hình ảnh, về cách tả cảnh, tả tình, tả người, tả tâm lý, về phép chuyên mạch, phục thể... Họ không hiểu rằng tất cả những phương sách kỹ thuật (procédés techniques), tiểu xảo ấy không phải là cái xương sống của nghệ thuật *Truyện Kiều*. Không chịu đào sâu sự nghiên cứu xuống tận “huyết” cái đẹp, cái hay của tác phẩm, họ đã lẫn hoa tươi lá xanh của cây với nhựa sống của cây và màu đất của nhựa sống ấy. Cho nên họ chỉ làm công việc của một giáo sư chứ không phải công việc của nhà phê bình lấy văn nghệ làm một khí cụ để vun sỏi tinh thần, đào luyện, mỹ cảm.

Thấy sự thất bại của phương pháp phê bình đó, một số học giả khác đã phản động lại bằng một quan niệm rất sai lầm về nghệ thuật, về nghệ sĩ. Những người này đã biết đồng tình với ông Hoài Thanh, chủ trì rằng: “Cái đẹp của *Đoạn trường tân thanh*, cái chất thơ bàng bạc, trong cả quyển truyện cần phải được cảm thấy một cách hồn nhiên. Cứ phân tích, cứ giảng giải, nó sẽ tan đi. Đến đây phải im hơi phải nhẹ bước mới hòng nhận thấy cái đẹp khi dịu dàng thùy mị, khi tráng lệ huy hoàng...” Cái “tinh túy” của một tác phẩm, thiên tài của một thi nhân, ta phải đem “một tấm lòng chân thành và thanh khiết” mà cảm thông chứ không dùng phương pháp khoa học mà “mổ xẻ” được. Chủ trương thế tức là tách hẳn văn nghệ ra ngoài phạm vi “nhận thức khoa học” và thiên hẳn về sự thưởng thức thần bí.

Hai cách “phê bình” nói trên đều đưa đến một kết luận là: không thể “hiểu” được cái hay cái đẹp của *Truyện Kiều*. Một đằng quá thiên về phân tích, một đằng quá tin ở trực giác; cả hai đều chỉ làm tối thêm, nát thêm sự “hiểu” *Truyện Kiều*. Đã không “hiểu” được nó, đã tin rằng “cái đẹp” của nó là một chất huyền ảo không thể giải thích được, tất nhiên người ta sẽ “nhận” nó như một thực thể thiêng liêng bất hủ, không liên lạc với thời gian và không gian, và đã coi nó là bất hủ “không tiền

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

tuyệt hậu” tất nhiên người ta sẽ lấy sự “có nó” làm một vinh dự quốc gia, lấy sự “tôn thờ” nó làm một bổn phận cao quý.

Quyển sách này chúng tôi soạn ra là để tu chính lại những điều mâu ngộ ấy. Bởi những điều mâu ngộ cần phải tu chính lại thuộc vào phạm vi nguyên tắc thẩm mỹ học, nên phần lớn của sách này sẽ chuyên bàn về những nghị thuyết thẩm mỹ.

Người ta thường nói đến cái đẹp của *Truyện Kiều*. Nhưng thế nào là đẹp? Đẹp là một thuộc tính tiên thiên của sự vật hay chỉ là một khái niệm chủ quan? Khái niệm đẹp là sản phẩm của thiên tài hay của xã hội? Nó có tính cách tuyệt đối hay tương đối?

Người ta thường nói đến chất thơ của *Truyện Kiều*. Nhưng chất thơ là gì? Đó là một năng khiếu thiên bẩm của con người hay chỉ là điệu sống bất kỳ, sản vật của lịch sử tiến hoá? Nó có liên lạc gì đến các khiếu tình cảm và trí tuệ khác không?

Người ta thường nói đến nghệ sĩ, đến tác phẩm. Nhưng nghệ sĩ là gì? Là một tài năng đặc biệt do một sức huyền bí cấu tạo nên ngoài ảnh hưởng của không gian và thời gian hay chỉ là những yếu tố cấu thành hoàn toàn là những vật liệu sinh lý và xã hội? Cái tài năng ấy có thể dùng phương pháp khí cụ khoa học phân tích được không? Mọi quan hệ của nó với tác phẩm ra sao? Tác phẩm là một biểu thị của tâm sự nghệ sĩ, một tiêu sử cuộc đời tình cảm của nghệ sĩ hay là phát hiện của cá tính nghệ sĩ?

Người ta thường nói đến nội dung và hình thức của *Truyện Kiều*. Nhưng thế nào là nội dung, thế nào là hình thức? Thế giới hình thức là một thế giới khách quan hay chủ quan? Sự lệch lạc của hình thức với nội dung ra thế nào? Nội dung này là ý thức hệ cá nhân hay ý thức hệ của đoàn thể? Nội dung qui định hình thức hay ngược lại?

Người ta nói đến nghệ thuật và luân lý của *Truyện Kiều*.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Nhưng nghệ thuật là gì? Luân lý là gì? Đứng ở quan điểm luân lý để phê bình nghệ thuật có chính đáng không?

Đó là những vấn đề cần phải biện giải, những danh từ cần phải giới thuyết, những khái niệm cần phải làm cho sáng ra, trước khi phê bình văn chương *Truyện Kiều*. Nếu không, kẻ nói một đằng, người nghe một nẻo, kẻ nói cũng nói mơ hồ mà người nghe cũng nghe sai lẫn. Như thế thì sao gọi là phê bình, là khảo luận được? Vì nghĩ như vậy nên chúng tôi không thấy lạc đề khi đề rất nhiều chương sách bàn về những điều mà có người nông nổi sẽ cho là không quan hệ với công việc phê bình văn chương *Truyện Kiều*. Chúng tôi muốn thiết lập một hệ thống nguyên tắc và vững chãi làm kim chỉ nam cho sự phê bình văn nghệ hơn là bàn tán dông dài về những chi tiết hay cái đẹp của *Truyện Kiều*. Có hệ thống ấy rồi, các bạn đọc sẽ có thể tự mình “hiểu” lấy “cái đẹp” của *Đoạn trường tân thanh*. Đi vội đến kết luận không bằng bày ra cái phương pháp hiệu nghiệm nhất để hướng người ta đến kết luận ấy: đó là dụng ý của chúng tôi khi cho xuất bản tập bình luận bé nhỏ này.

Tuy vậy, chúng tôi cũng không quên bàn đến giá trị văn nghệ *Truyện Kiều*. Cả một thiên thứ ba luận về chất thơ, vật liệu và cái đẹp hình thức của áng thơ lục bát ấy: chứng luận tuy ít, nghiên cứu tuy sơ lược, nhưng cũng đủ để “lột trần” ra trước mắt các bạn đọc “chân giá trị” của *Truyện Kiều* mà người ta thường ca tụng, chiêm bái “không dám摸摸”, tin là “bất hủ”. Phần thứ ba này có thể như là một thiên biểu chương (illustration) của những nguyên tắc phê bình nêu ra ở Phần thứ hai vậy.

Trước khi chấm hết bài tựa này, chúng tôi không thể không nói qua về vấn đề “chủ quan và khách quan” đã được một vài nhà tân học (Nguyễn Văn Tố, Đinh Gia Trinh, Lê Huy Vân) “đặt lên thăm” trong lúc họ “phê bình” cuốn *Nguyễn Du và Truyện Kiều* của chúng tôi. Ở đây, lần này, chúng tôi muốn trình bày



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

dứt khoát hẳn ý kiến chúng tôi về vấn đề ấy, để từ nay về sau khỏi có sự hiểu lầm.

Các nhà văn học ấy trách tôi đã mang sẵn một ý định chủ quan khi bắt đầu nghiên cứu Nguyễn Du và *Truyện Kiều* rồi dụng tâm gò ép các sự kiện, các tài liệu, các lý luận cho hợp với ý định chủ quan kia. Tôi không chối cãi rằng tôi vẫn có sẵn một “hệ thống ý tưởng” khi nghiên cứu Nguyễn Du cũng như khi nghiên cứu bất kỳ sự trạng nào. Nhưng hệ thống ý tưởng ấy không phải tôi có từ thuở lọt lòng. Nó được đào luyện trong ý thức tôi theo một quá trình nào đó, bị quy định bởi một ảnh hưởng xã hội nào đó và có những thuộc tính hợp với xu hướng lịch sử của một đẳng cấp nào đó. Tiếp xúc với bất kỳ vật gì, hiện tượng gì, trạng thái gì, tôi cũng phản ứng lại theo sự xui dục của hệ thống ý tưởng đã thành hình ấy. Nếu gọi đó là chủ quan thì hệ thống này chính là chủ quan của tôi. Và tôi tưởng người nào cũng có một chủ quan như thế - có khác nhau là khác ở chỗ chủ quan của người này được hệ thống hoá hơn hay kém chủ quan của người nọ.

Điều quan hệ ở đây, không phải là có hay không cái chủ quan kia khi nghiên cứu và phê bình. Điều quan hệ là chủ quan ấy phản chiếu cái khách quan thực tại nào trong hoàn cảnh xã hội đang phát triển. Nếu chủ quan của tôi phản chiếu đúng cái khách thể đang sinh thành thì là nó thuận tiến hoá. Nếu nó phản chiếu cái khách thể đang cản trở sự tiến hoá lại là nó phản động. Giá trị của chủ quan một cá nhân bị lệ thuộc vào sự nó thuận hay phản tiến hoá trong giai đoạn lịch sử của xã hội đương thời với cá nhân ấy.

Phê bình văn nghệ, phải biết lựa chọn những cái đẹp hợp với chủ quan mình mà thưởng thức, mà tự giáo hoá. Và một mặt nữa phải biết “bài trừ” những “cái đẹp” mà mình cho là cản trở sự tiến hoá xã hội. Không biết chọn, văn chương nào cũng thấy là đẹp, văn phái nào cũng cho là hợp lý; đó là thái độ của những nhà phê bình mà Oscar Wilde đã mệnh danh là “kẻ đứng

## HUỶNH ÁI TÔNG

bán hàng đầu giá” (commissaires – priseurs) trong giới nghệ thuật. Thái độ ấy, trong danh từ triết học chuyên môn gọi là thái độ chiết trung (attitude éclectique). Ở đây cũng như bất cứ ở đâu chiết trung là cái bình phong của tâm lý phản động.

Những kẻ theo hoài nghi chủ nghĩa sẽ hỏi chúng tôi: “đã chắc cái chủ quan của ông là hợp với xu hướng tiến hoá chưa?” Vấn đề: “Ý thức chủ quan của ta hợp hay không hợp với xu hướng khách quan” không phải là một vấn đề nhận thức mà là một vấn đề chỉ có thể giải quyết được bằng sự thực tiễn. Trong lúc sự thực tiễn chưa giải quyết vấn đề ấy thì giá trị của một người biết suy nghĩ là dám lựa chọn, dám bênh vực một cái gì, dám bài trừ một cái gì nếu có sự nhầm lẫn, sự thực tiễn sẽ tu chính lại cái nhầm của chúng ta – miễn là nhầm nhưng để phá hủy cái đang có, để đi tới.

Tác giả

Nguyễn Vũ trong *Văn thi sĩ tiền chiến*, cho biết: *Ngoài thú đam mê đọc sách, viết văn... Trương Tửu không có một thú giải trí nào, không thích đánh cờ, không thích du lịch, không ưa xem phong cảnh. Anh cũng không uống rượu lu bù, say túy lúy như kiểu Nguyễn Khắc Hiếu (Tản Đà) Trương Tửu có thương một cô thợ may, sau cưới làm vợ. Nhưng Tửu không có tình yêu tha thiết: ái tình của anh cũng là một hình thức của lý luận, một bài toán mà anh tìm giải đáp, thế thôi...*

*Tuy vậy, lí luận của anh là một dây chuyền ngôn ngữ phối trí chặt chẽ, liên kết mạch lạc và rền giữa với một nghệ thuật tinh vi, tế nhị...*

Tài liệu tham khảo:

- Trương Tửu Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Trương Tửu Blog: talawas

10) Thụy An



**Thụy An - Lưu Thị Yến (1916-1989)**

Thụy An tên thật là Lưu Thị Yến sinh năm 1916 tại Hà Nội, nhưng quê gốc ở làng Hòa Xá, quận Vân Đình, tỉnh Hà Đông, là con ông Lưu Tiến Ích và bà Phùng Thị Tôn. Thuở nhỏ học trường Hàng Cót, Hà Nội.

Có khiếu thơ văn từ nhỏ nên năm 13 tuổi, bà đã có thơ đăng trên báo Nam Phong (1929) và 3 năm sau, năm 1932, bà lại nhận được giải thưởng văn chương của Triều đình nhà Nguyễn. bút hiệu Thụy An Hoàng Dân.

Năm 1934, 18 tuổi, Thụy An kết hôn với Bùi Nhung, nhà văn kiêm nhà giáo, bút hiệu Băng Dương, em ruột học giả Bùi Kỳ và bà Trần Trọng Kim, sinh 7 con, một người mất sớm: An Dương (1934), Thụy Băng (1937), Thư Linh (1938), Dương Chi (1939), Ngọc Trinh (1943) và Châu Công (1945). Ông Bùi Nhung hai lần làm giám đốc đài phát thanh Hà Nội từ 1948-49, và 1951-52, rồi giám đốc đài phát thanh Hải Phòng năm 1954[2].

Năm 1934, 18 tuổi, Thụy An bắt đầu nghề báo, cùng chồng lập tuần báo Đàn Bà Mới ở Sài Gòn. 1937, bà ra Hà Nội chủ

## HUỶNH ÁI TÔNG

trương tờ Đàn Bà. Trong chiến tranh Việt-Pháp, Thụy An là phóng viên chiến tranh, tham dự nhiều cuộc nhảy dù ra mặt trận để cung cấp tài liệu cho báo chí.

1954, bà giữ chức quyền giám đốc Việt Tân Xã.

Thụy An-Băng Dương sống ly thân từ 1949, nhưng không ly dị vì cả hai đều theo đạo công giáo. Bà có quan hệ mật thiết với ông Đỗ Đình Đạo, một nhân vật quan trọng của Quốc Dân Đảng. Đỗ Đình Đạo được coi như người chồng thứ nhì. Thụy An và Đỗ Đình Đạo chia tay năm 1952. Nhưng đến 1954, khi Đỗ Đình Đạo bị đầu độc chết, dư luận buộc tội bà giết chồng, và chính những lời vu cáo này, sẽ được thổi phồng và sử dụng chống bà sau 1954.

Về biệt hiệu Thụy An Hoàng Dân, Bùi Thụy Băng giải thích: Phan Khôi và Thụy An là hai người bạn vong niên từ lâu. Thụy An kém Phan Khôi 29 tuổi. Biệt hiệu Chương Dân của Phan Khôi ngày trước và Hoàng Dân của Thụy An sau này, cùng để tưởng niệm đến một người anh hùng, có tên Chương Hoàng Dân hay Hoàng Chương Dân.

Sau khi Nhân Văn Giai Phẩm bị đóng cửa, Thụy An bị bắt từ tháng 3 năm 1957, giam tại Hỏa Lò Hà Nội đến 19-1-1960, bà bị đưa ra tòa cùng với Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiều Bảo, Phan Tội và Lê Nguyên Chí. Bà bị kêu án 15 năm tù, sau đó bị 5 năm quản chế sau khi ra tù.

Sau khi bị kêu án, trong hai năm giam ở Hỏa Lò, bà chọc mù một mắt, sau đó chuyển lên Yên Bái.

Tháng 10 năm 1974 Thụy An được thả về theo diện “Đại xá chính trị phạm trong hiệp định Paris” cùng với Nguyễn Hữu Đang. Bà bị trả về quản thúc tại Hoà Xá. Trên đường giải về làng, khi người ta đẩy xuống xe tù, bà bị ném đá.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Năm 1976, Lưu Duy Trác, em trai, xin cho bà vào Nam đoàn tụ với gia đình, bà sống với mẹ tại Gia Định. Các con bà đã rời nước từ trước, chỉ có Bùi Thụy Băng ở lại đến 28-4-1975. Năm 1987, Thụy An theo người bạn gái là Trinh Tiên đến chùa Quảng Hương Già Lam xin thọ lễ quy y. Được hoà thượng Thích Trí Thủ ban cho pháp danh Nguyên Quy.

Bùi Thụy Băng tìm mọi cách vận động cho mẹ sang Mỹ đoàn tụ gia đình, qua các toà Đại Sứ VN và văn phòng ông Trần Sĩ Lương, đại diện chính phủ Việt Nam tại Liên Hiệp Quốc, đều vô hiệu. Trong thư phúc đáp của ông Lương, có câu: “Trường hợp mẹ của ông chưa được giải quyết. Tôi mong ông cứ yên tâm chờ đợi”.

Đầu năm 1987, Thụy An đã yếu lắm, Bùi Thụy Băng chụp lá thư của ông Trần Sĩ Lương gửi về cho mẹ. Bà trả lời cho con: “Mẹ không muốn con liên lạc với các Toà Đại Sứ như thế... Con đừng chửi mẹ!. Kèm theo là bức thư dài, bà trả lời ông Trần Sĩ Lương:

“Tôi rất xúc động được đọc thư ông viết cho Bùi Thụy Băng, con trai tôi, về việc T.A mẹ hấn, muốn nhờ cậy ông.

Ông đã trả lời không một hứa hẹn dứt khoát (tôi hiểu rõ tất phải như thế, càng tất phải như thế, khi là chuyện văn chương), nhưng dầu sao cũng đã là một lời đáp lại tiếng kêu gọi, kêu oan... của tôi... muốn thêm hình dung từ nào cũng đều có nghĩa cả.

Cám ơn, cám ơn. Tôi đón nhận với tâm trạng một tù nhân bị kẹp lâu ngày, một mình giữa bốn bức tường hẹp, thêm được nghe tiếng người. Chợt có tiếng lịch kịch ở phòng bên cạnh (có lẽ chỉ là một con chuột chạy).”

.....

## HUỖNH ÁI TÔNG

“Ồ Tô Thị, tâm trạng của người mẹ cõng con trên lưng đi giữa rừng khuya, hỡi hùng đến nỗi ngất xỉu, nhưng sức nhớ chồng trên đỉnh núi:

*Nhớ con thơ đang gõ trên lưng  
Biển xanh đang ngóng đang trông  
Giờ tay vung ngọn đuốc hồng cháy to.*

Tôi cũng vậy, tôi còn cha mẹ già, đàn con nhỏ trên vai, tôi không được chết, phải cố mà sống, đợi cái ngày Tô Thị:

*Mặc gió rụng tóc xanh từng sợi  
Tung ra xa bay với mây trời  
Mặc cho nắng dãi mưa phơi  
Mặc cho muối đã mặn môi lòng sương  
Mặc bao cuộc hưng tàn phé đôi  
Vẫn dăm dăm một đợi, một chờ  
Mẹ con hoá đá tro tro  
Mẹ là tin tưởng, con là tương lai.*

Đó là tâm trạng Tô Thị hoá đá, mà cũng là tâm trạng của tôi suốt 15 năm cho đến mãi mãi. Ông cứ đọc tất cả 16 bản của tôi, đều gặp những câu như thế, nó gần như một tập Nhật Ký Trong Tù...”

Bà Thụy An mất ngày 10 tháng 6 năm 1989 tại nhà riêng ở đường Lê Văn Sĩ, Sài Gòn, thọ 73 tuổi.

Tác phẩm:

- *Một linh hồn* (1943)
- *Bốn mớ tóc* (1952)

Trích văn:

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
**Nhân xem phim “Anh gắng nuôi con”, đặt lại vấn đề “tân  
hiện thực”**

Cuốn phim Nhật *Anh gắng nuôi con* chiếu tại Hà Nội giữa lúc văn nghệ ta đang có hiện tượng sôi sục dòng nhựa sống để chuẩn bị kịp tiết "trăm hoa đua nở", đã gây khá nhiều dư luận.

Có bạn đọc viết ở báo *Nhân dân* cho rằng "cuốn phim dù thể hiện một thực trạng nào đó của xã hội Nhật cũng không có tác dụng giáo dục gì cả cho nhân dân ta". Nhân đó tôi muốn đặt lại vấn đề: chủ nghĩa tân hiện thực có còn tác dụng trong một nước đang quyết tiến lên xã hội chủ nghĩa nữa không? Và nếu có còn thì do giá trị đặc trưng nào của nó? Nói một cách khác, trong trăm hoa đua nở của nền văn nghệ ta, tân hiện thực có còn là một bông hoa cần thiết, được ta bón xới trong số trăm hoa đua nở kia không?

Anh Phan Vũ trong báo *Nhân văn* số 2 quả quyết đặt phim *Anh gắng nuôi con* vào loại tân hiện thực vì nó "thể hiện tất cả thực trạng của một xã hội, tất cả khát vọng của một dân tộc thu vào một tấn kịch gia đình" và anh tìm thấy trong phim "một phương pháp thể hiện chủ đề, thể hiện tình cảm bằng cuộc sống, bằng con người, bằng chủ nghĩa tân hiện thực, bằng chủ nghĩa tượng trưng".

Để tới nhận định và kết luận của anh Phan Vũ, trước hết chúng ta hãy thỏa thuận lại cùng nhau về điểm: đã có một khuynh hướng tân hiện thực xuất hiện trên văn nghệ, phát sinh từ sau cuộc đại chiến thứ hai, và đặc biệt nảy nở phong phú nhất ở các nước bại trận, vừa bị khổ nhục về vật chất, vừa bị khổ nhục về tinh thần, chông thêm ách chiếm đóng Mỹ.

Tiên phong của khuynh hướng tân hiện thực là Ý với những cuốn phim *Miếng cơm đau khổ*, *Kẻ cắp xe đạp*, v.v... Cả một loại phim thể hiện cảnh sống của nhân dân Ý giãy dụa với miếng ăn hàng ngày, với ám ảnh món nợ Mỹ "lên tới 600 tỉ

## HUỶNH ÁI TÔNG

đồng lia, đồ đồng mỗi dân Ý nợ 15 000 lia, và phải trả lãi hàng năm 1500 đồng lia" thêm ám ảnh "không biết tất cả sẽ phá sản lúc nào" (*Kẻ cắp xe đạp*). Thể hiện bằng cách thật tàn nhẫn, dùng đủ phương tiện kỹ thuật để làm bật nổi cái tàn nhẫn chua xót của hiện trạng xã hội, nhưng không đưa một đường lối nào thoát cả. Cho nên ngay hồi tân hiện thực Ý cực thịnh, nhiều dư luận văn nghệ thế giới phê bình nó chỉ là một sự đổi tên của hiện thực đơn thuần, hiện thực phê bình. Giới điện ảnh chuyên môn Mỹ sợ sự cạnh tranh của phim Ý chỉ công nhận phần tân hiện thực của điện ảnh Ý ở chỗ đã táo bạo dùng khung cảnh ngoài giới, dùng người hàng phố để dàn cảnh và đóng các vai các nhân vật trong phim.

Nói sao thì nói, chính cái cách thể hiện tàn nhẫn thực trạng xã hội, không nhân nhượng chút nào thần kinh của con người, đã tạo nên đặc tính của tân hiện thực Ý (phim *Đồng lương khùng khấp* của Pháp có thể là một ví dụ, vì tuy là phim Pháp, nhưng mang sắc thái rất trung thực của tân hiện thực Ý) song lại cũng cái cái đặc tính ấy, như con dao hai lưỡi, đã đưa tân hiện thực của Ý đến chỗ bế tắc: tới một lúc ngay chính nhân dân Ý cũng không hoan nghênh những cuốn phim phản ảnh đời sống day dứt của họ. Tâm lý đơn giản là: họ không muốn sống lại một lần thứ hai nữa với những nhân vật trên màn ảnh, cuộc sống thực tế đã quá ư đau khổ của họ. Tâm hồn của họ muốn được nhẹ nhõm hơn. Họ không muốn như một nhà phê bình đã nói lên về cuốn tiểu thuyết trứ danh *Chùm nho giận dữ*: "Xem xong, thì người xem chỉ còn lo ba con đường: đi tu, tự tử hay làm cách mạng". Họ không muốn đem cuộc đời họ thử thách rủi ro như thế.

Giữa lúc đó, tân hiện thực của Nhật xuất hiện trên một loạt phim mà *Anh găng nuôi con* là một tân hiện thực Nhật khác với Ý ở điểm chủ chốt: tin tưởng ở tương lai, do đó tìm được một ý nghĩa cho những sự chịu đựng khốn khó của hiện tại. Tiếng thở phào mà tân hiện thực Ý muốn có sau cơn dằn vặt, đã lên tiếng ở trong tân hiện thực Nhật. Đó là lời Mễ Thái Lang nằm bò



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

trên đường tàu dẫn con ngoan ngoãn cố gắng học hành. Đó là tiếng khoa oa oa của đứa trẻ thơ trước Lã Sinh Môn, sau khi những người núp mưa trong đền đã nghe kể một câu chuyện kinh khủng chán chường. Nhưng tương lai đó được quan niệm như thế nào? Các cuốn phim Nhật in không nói và bởi thế nó mới còn trong tình trạng tân hiện thực. Tuy nhiên qua cuốn phim *Anh gắng nuôi con* qua hành động của Mễ Thái Lang từ chối viện trợ của Liễu Lang, ta cũng biết cái tương lai đó phải tự tay ta xây dựng, cái tương lai đó phải xây dựng bằng sự rút kinh nghiệm của những tang tóc đã qua, bằng một sự tha thứ lớn những lầm lỗi đã rồi của kẻ ruột thịt, bằng sự tự vệ chính đáng đối với kẻ nào định xâm phạm lòng tự trọng tự hào của ta, hay như trong phim *Lã Sinh Môn* bằng một lòng thương yêu vô bờ bến thể hiện trong cử chỉ kẻ tiều phu nghèo nhất lấy đứa bé để hoang. Khuynh hướng tân hiện thực của Nhật còn được lồng trong một đặc tính Á Đông hay dùng những sự việc để ngụ ý, để tượng trưng, nên địa hạt sử dụng của tân hiện thực Nhật rất phong phú, rộng rãi: không cứ phải tình tiết to lớn mới thể hiện được một tư tưởng quan hệ (*Anh gắng nuôi con*) và kho truyền thuyết cũ kỹ về thời gian về không gian vẫn ứng dụng cho những điều muốn nói lên của thời đại (*Lã Sinh Môn*, *Tương cướp và gái đẹp*).

Cũng do đặc tính ngụ ý tượng trưng, tân hiện thực Nhật trở nên một vũ khí tấn công ngay kẻ địch đang chiếm đóng đất nước mình (trong phim *Anh gắng nuôi con*, Liễu Lang tiêu biểu cho Mỹ, một tên cờ bạc bịp nhảy lên làm nhà mô phạm đòi dạy Nhật dân chủ hóa kiểu Mỹ, lại lăm le đem viện trợ đặt lại tương lai Bình) từ nhiệm vụ tố cáo thảm thiết của tân hiện thực Nhật tiến lên một bước có giải quyết bằng hướng tin tưởng vào tương lai và trong quá trình đi tới sự tin tưởng đó đã có nhận thức kẻ thù chính, có tự biến thành công cụ đấu tranh trực tiếp với kẻ thù.

Một khuynh hướng tân hiện thực như vậy tôi nghĩ trong hoàn cảnh xã hội tiến lên xã hội chủ nghĩa như xã hội ta giá trị

## HUỶNH ÁI TÔNG

không phải chỉ ở điểm "thị chúng thời đại", một giá trị "tĩnh". Nó còn vai trò động lực sinh hoạt xã hội của nó. Chúng ta vừa thoát khỏi một xã hội cũ mà những sự xấu xa chưa phải là chúng ta đã ý thức hết, quả quyết rời bỏ, mà lẫn lộn trong những sự xấu xa đó còn những bản chất trường tồn của con người chúng ta phải lọc lại thì tân hiện thực vẫn là một bông hoa chúng ta phải bón sỏi, trong vườn hoa trăm bông đua nở của chúng ta.

(Nguồn: Báo Văn nghệ, Hà Nội, số 142 ngày 11-10-1956)

Trích thơ:

*Lời toà soạn của tạp chí Trăm Hoa:* Bài thơ chiếc lược của chị Thụy An sáng tác đã gần một năm nay. Theo lời chị thì bài này từ lâu đã được đưa cho Hội Văn nghệ và nhà xuất bản Văn nghệ. Hội Văn nghệ không có ý kiến gì. Các bạn trong nhà xuất bản thì nhận xét thấy “tương đối khá” và chuyển sang Vụ Văn hoá đại chúng đề nghị cho in vào loại phổ thông. Nhưng Vụ Văn hoá đại chúng lại cho rằng bài thơ không hay, có trả lời rằng: “Những bài thơ loại này chúng tôi có nhiều, vậy xin trả lại...”

*Trăm Hoa* được đọc “Chiếc lược”, nhận thấy bài thơ thể loại này rất hiếm. Thật là một bài thơ giá trị. Chúng tôi rất mong nhận được những bài thơ như thế này của chị Thụy An cũng như của các bạn khác, để vườn hoa được thêm nhiều hương sắc.

### Chiếc lược

*Lược em bé nhỏ  
Lược em thanh thanh  
Công ai đẽo gổ chuốt thành  
Để em chải mớ tóc xanh rà rà  
Tóc em nuột nà*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Em chữa muốn rời tay lược  
Lược với tóc vẫn vì thử thốt  
Những năm dài mơ ước khát khao.*

*Tóc khi cun cút trái đào  
Chiếc lược trong ô cô hàng xén  
Thường đêm hiển hiện trong mơ  
Lược không đáng giá vài xu  
U vẫn khát làn khát lửa  
Khát ngày tóc chấm đầu vai  
Đói cơm đói cháo, anh ơi!  
Ước gì nuôi được tóc dài cho mau  
U dỗ: “Con sang hầu cụ Chánh  
Kiếm cơm ăn nhẹ gánh cho u  
Cuối năm công bớt vài xu  
Con mua lược chải tha hồ đẹp xinh”.  
Em đem mơ ước đình ninh  
Về thẳng nhà địa chủ  
Em đem mái tóc xanh  
Về thẳng nhà địa chủ  
Hơi trâu thay hơi mẹ  
Đòn vọt thay áo cơm  
Đêm nằm gỡ cỏ gỡ rơm  
Bám đầy trên tóc  
Hẹn với tóc cuối năm mua lược  
Làm tốt làm xinh  
Năm lại năm tóc đã cuốn vành  
Thấy cô hàng xén mà đành ngoảnh đi  
Nóng tai tiếng riều tiếng chề  
Con đầu bù quạ đánh  
Áo tả toi trăm mảnh  
Hở cả ngực cả vai  
Em càng biết hổ người  
Càng xót xa tủi cực  
Đầu có bao nhiêu tóc  
Là bấy nhiêu tội tình*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Nhưng địa chủ tàn ác  
Không cảm nổi tóc xanh*

*Đêm kia trăng rộn mái đình  
Bỗng xui em nhớ tuổi mình tròn trăng  
Chỉ thô khiu vội áo quần  
Em tung bùng đi hội  
Chợt nhớ đầu bù tóc rối  
Chùn bước thúi thúi phận mình  
Hội làng đông ả đông anh  
Em muốn chút xinh, chút lịch  
Mượn trộm lược của con mẹ Chánh  
Chải vội chải vàng  
Tóc bóng mặt gương  
Đầu ngói thẳng tắp  
Ra đình che nón rách  
Tìm nơi tốt nhất ngòi nghe  
Tiếng hát giao duyên gió động cành tre  
Gió đưa cành trúc tình ngơ ngẩn tình:  
“Hồi cô tóc tựa mây xanh  
Đầu ngói như sợi chỉ mảnh mới ngâm  
Cỏ duyên xa cũng như gần...”  
Em then cúi gằm không hát đối  
Nhưng từ đây suốt trong đám hội  
Bốn mắt trộm nhìn nhau  
Lòng muốn nói trăm câu  
Muốn hội dài mãi mãi  
Trống rã đám, ai còn hát với:  
“Hẹn xuân sau ta lại với mình  
Xuân sau tóc hẳn thêm xanh  
Đường ngói bắc nhịp cho mình gặp ta”*

*Xuân sau áo rách sơ  
Không tài gì khiu vá  
Tóc rối bù tổ quạ  
Lấp mắt cả đường ngói*

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Địa chủ ăn cướp công tôi  
Tiền đâu mua lược đi chơi hội làng?  
Trống đình giục nhớ giục thương  
Gió đưa tiếng hát trách hờn của ai:  
“Hẹn lời lời lại đơn sai  
Đường ngói rẽ lệch duyên hài đôi ta”  
Vẳng nghe tiếng hát  
Nước mắt như mưa  
Cảm thương tóc rối đầu bù  
Lấy gì đáng sớm duyên trưa với chàng?  
Ai ngăn được kén đùng vàng?  
Ai ngăn được suốt đùng ràng với thoi?  
Em nửa sợ nửa vui  
Lại đi mượn trộm lược  
Nghe trống giục tay run lập cập  
Chiếc lược rơi đánh chát xuống sân  
Thế là tai họa khôn ngăn  
Vợ thằng Chánh tím lấy em đập đánh  
Đánh chưa đã nó còn ác khoảnh  
Lấy dao cau gọt sạch tóc mai  
Sốt công mười mấy năm trời  
Cơm thiêu cháo hãm tôi nuôi tóc thề  
Ngoài đình tiếng hát nỡ nề  
“Trông đêm mở hội đi về có nhau  
Bây giờ lược chẳng giắt đầu  
Hội vui thiên hạ phải đâu của mình  
Anh về tát nước thâu canh  
Ngắm sao mà hỏi sao đành phụ nhau”  
Em quên tóc cụt, đòn đau  
Chạy vùng lên đình Thượng  
Ai vì tôi ngăn cản  
Cho ai đừng bỏ về  
Đường đồng nhạt ánh sao khuya  
In dài chiếc bóng  
Dầu nửa trọc nửa buông sông tóc  
Áo quần tôi tả xác xơ

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Khác gì xác quỷ hồn ma  
Chạy ra đám hội để mà nát ai  
Em nức nở từng hồi.  
Năm vật bờ ruộng thấp  
Khóc sung vù đôi mắt  
Chẳng thấy Bụt hiện lên.*

*Hôm nay trống nổi liên liên  
Tiếng gọi đi chia quả thực  
Vợ chồng thằng Chánh thất nhân ác đức  
Rẽ lúa duyên em  
Đã gục xuống bùn đen  
Không bao giờ ngóc nữa  
Em đã hồng đôi má  
Em đã thắm đôi môi  
Tóc em lại mọc dài  
Em đi nhận quả thực  
Em chọn thêm chiếc lược  
Về chải mãi chải hoài  
Chúng chị em chớ cười  
Em se sua làm dáng  
Mười mấy năm mộng tưởng  
Giờ lược mới về tay  
Hẳn tiếng hát từ nay  
Không bao giờ dứt khúc  
Mái tóc mây em cài vành lược  
Em ra đồng tát nước gàu đôi  
Nhịp gàu tiếng hát đầy vơi  
“Ước gì anh hoá lược cài tóc em  
Tóc vơi lược liên liên sớm tối  
Như ruộng đồng ở mãi với ta”  
Nước rênh giăng ngả đầu bờ  
Mạ non gặp nước đôi vira xúng đôi...*

Thuy An (Cuối tháng chạp năm Mùi)

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

(Nguồn: *Trăm Hoa*, ngày 4 tháng 11 năm 1956)

Trong *Nhà văn hiện đại* Vũ Ngọc Phan nhận định về Thụy An như sau: "*Là một nhà thơ, nhưng bà là người đi tiên phong trong địa hạt tiểu thuyết với cuốn Một linh hồn ... Một linh hồn cũng đáng kể là cuốn tiểu thuyết xuất sắc nhất của phụ nữ Việt nam từ trước đến nay, tác giả đã giàu tưởng tượng, truyện lại xây dựng một cách vững vàng, chắc chắn*".

Về tư trào Nhân Văn Giai Phẩm, nhà thơ, họa sĩ Bàn Sĩ Nguyên viết trong *Bọn Nhân Văn Giai Phẩm trước tòa án dư luận*: "*Thụy An là người phụ nữ duy nhất - ở trong hay ở ngoài phong trào - bị kết án là "gián điệp". Bà là một trường hợp đặc biệt, theo Lê Đạt và Nguyễn Hữu Đang, bà không ở trong Nhân Văn Giai Phẩm, vậy mà tên bà được nêu lên hàng đầu trong "hàng ngũ phản động" với nhãn hiệu "Con phù thủy xảo quyệt" và những lời lẽ độc địa nhất dành cho bà: "Như vắt娘子 thấy máu, Thụy An như rắn bò tới các câu lạc bộ Hội Nhà văn phun nọc độc mạt sát chế độ ta bần cùng hoá nhân dân"*

Tài liệu tham khảo:

- Thụy An Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Thụy An Web: [rfi.fr](http://rfi.fr)

11) Yến Lan



**Yến Lan - Lâm Thanh Lang (1916-1998)**

Nhà thơ Yến Lan tên thật là Lâm Thanh Lang, sinh ngày 2 tháng 3 năm 1916, quê tại thị trấn Bình Định, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định. Ông nội Yến Lan là nhà nho, thuộc dòng Minh Hương ở Phúc Kiến.

Mồ côi mẹ năm 6 tuổi, Yến Lan sống bằng nghề dạy học tư và viết văn. Ông sáng tác thơ từ sớm và cùng với Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Quách Tấn hợp thành Bàn thành tứ hữu (bốn người bạn thơ đất Bình Định) nổi tiếng trên thi đàn lúc đó. Trong giai đoạn này, ông cùng Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên sáng tác theo trường phái *Thơ loạn* (còn gọi là *Thơ điên*) với những trăng, xương, máu, hồn ma... trong thơ.

Sau Cách mạng tháng Tám, ông là Ủy viên văn hoá Cứu quốc Bình Định (1947–1949), là Ủy viên văn hoá kháng chiến Nam Trung Bộ, trưởng đoàn kịch *Kháng chiến*.

Từ 1950 đến 1954 ông làm công tác văn hoá văn nghệ ở Bình Định.



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Sau 1954, Yên Lan tập kết ra Bắc, trở thành hội viên Hội Nhà văn Việt Nam từ năm 1957, làm việc tại *Nhà xuất bản Văn học* và tham gia phong trào Nhân văn - Giai phẩm, nên bị kỷ luật.

Sau năm 1975, ông trở về công tác tại Hội văn nghệ Bình Định và mất tại đây ngày 5 tháng 10 năm 1998, thọ 82 tuổi.

Ông được truy tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật năm 2007.

Tác phẩm:

- *Bóng giai nhân* (kịch thơ, viết chung với Nguyễn Bính)
- *Gái Trữ La* (kịch thơ, 1943)
- *Những ngọn đèn* (thơ, 1957)
- *Tôi đến tôi yêu* (thơ, 1965)
- *Lãng hoa hồng* (thơ, 1968)
- *Giữa hai chóp lửa* (thơ, 1978)
- *Én Đào* (truyện thơ, 1979)
- *Thơ Yên Lan* (thơ, 1987)
- *Cầm chân hoa* (thơ tứ tuyệt, 1991)
- *Thơ tứ tuyệt* (tuyển tập, 1996)

Trích thơ:

### **Bến My Lăng**

*Bến My Lăng nằm không, thuyền đợi khách,  
Rượu hết rồi, ông lái chăng buông câu.  
Trăng thì đầy rơi vàng trên mặt sách,  
Ông lái buồn để gió lên môn râu.*

*Ông không muốn run người ra tiếng địch,  
Chờ mãi hồn lên tắm bên trăng cao.  
Vì điều hiu, điều hiu, trời tĩnh mịch,  
Trời võ vàng, trời thiếu những vì sao.*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Trôi quanh thuyền, những lá vàng quá lạnh  
Tơ vương trời, nhưng chỉ rải trắng trắng,  
Chiều ngui ngút dài trôi về nẻo quanh,  
Để đêm buồn vây phủ bến My Lăng.*

*Nhưng đêm kia đến một chàng kỳ mã,  
Nhúng đầy trăng màu áo ngọc lưu ly.  
Chàng gọi đò, gọi đò như hồi hải,  
Sợ trăng vàng rơi khuất lối chưa đi.*

*Ông lão vẫn say trăng, đầu gối sách,  
Để thuyền hồn bơi khỏi bến My Lăng.  
Tiếng gọi đò, gọi đò như oán trách,  
Gọi đò thôi run rẩy cả ngành trăng.*

*Bến My Lăng còn lạnh, bến My Lăng,  
Ông lái buồn đợi khách suốt bao trăng...*

Bến My Lăng chỉ là tên tưởng tượng, không có thật. Trích lời tâm sự của tác giả: "những ai đã có một lần đứng đợi một chuyến đò ngang... và nhất là những ai có nỗi hy vọng lớn lao phải chờ đợi... Bến My Lăng ở trong lòng tôi và có thể ở trong lòng bạn".

### **Bình Định 1935**

*Đây là chốn nương mây và cây nguyệt.  
Đàng chờ xe, sông nước ước mong thuyền.  
Tịch-dương-liễu không biết mình đang biếc,  
Tương tư trời tương tư, nhạc triền miên.*

*Mây nổi đó những hồn chùng xa xứ.  
Trắng cô liêu trắng mộng hồ xa nao ?  
Xe lồi hẹn với người trong lũ thú,  
Những cánh thuyền muôn dặm cũng hư hao.*

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Ôi Bình Định, mây chia trời cách biệt.  
Những băng khuâng trong giá lạnh sương hoa.  
Nhà ngơ ngẩn, những tường vôi keo kết.  
Nam-quách sâu, Đông-phổ quanh, Tây-môn xa.

Cây lặng lẽ gương làm bày hài đảo  
Thuyền bỏ câu nghiêng buồm trắng trôi ven.  
Tầm chiêu mộ nổi trên dòng nước Đạo.  
Rượu ân tình - Bình Định - xứ lên men.

Đường lãng lác chảy trong quảng nắng nhạt,  
Nhớ thương từ vườn chuối nuôi vương Dưa.  
Giấc Trang-tử đêm vầy theo hội hát  
Cuối đôi làng xam xám dệt tơ mưa.

Ôi Bình Định tự thanh cao trao gửi  
Buồn xé tà qua mấy cửa rêu xanh.  
Nơi đến đọng những vũng chiều lạnh đợi  
Buổi trắng gây, gió luy xuống mong manh.

Đây tôi sống trong thanh nghiêm thánh thất:  
Đèn lưu ly hao sáng mộng tràn đầy  
Lan can đỏ xuống dần từng bậc bậc,  
Hồn cuộn dần bậc bậc khói hương xây.

Hồn tôi loảng trên bệ vàng thép cháy,  
Cùng hồn trưa quán quít lầy giao lân.  
Tám phương bạn - chợ hàng mi - mộng thấy  
Xứ tâm tình, vàng rộn lá thu phân.

Nhánh tòng, bá có đau vì xứ sở,  
Chớ quặn mình thêm nức nở hồn tôi,  
Không được sống, xin cho cùng được thờ,  
Vạn-lý-tình trong gió ngọt xa xôi.

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Trời Bình Định có thương Em lẻ chiếc,  
Em nằm thương xanh biếc của trời buồn.  
Trên đài trán thơ hăng lên vọng nguyệt,  
Trăng còn nương thuyền nhạc khuất trong sương.*

*Hoa tư tưởng phân thân chịu gió trái,  
Trời hoa tiên, hồ hải nói trong tâm.  
Ôi Bình Định, sao nằm trong mãi mãi  
Đĩa dầu vơi, tim cháy ngọn âm âm... ?*

(Trích "Động biếc" 1938)

## Hà Nội đình ninh

*Cây không ngại nếu hoá thành đuốc lửa.  
Nhà sẵn sàng rải mình theo bụi vữa  
Người sớm hình dung tâm vóc với thủ đồ  
Hà Nội đình ninh lời dạy Bác Hồ.*

*Và Hà Nội bỗng lớn hơn Hà Nội  
Oua vàng lá rụng dày đường phố vơi  
Mắt nhìn lên thăm thăm một trời mây  
Oua lắt lư đường xóc cổ xe đầy  
Từng đám bụi chuyển bao hình sông núi  
Oua quàng nhỏ đèn che ngang ngõ nói  
Vào "ca ba" guốc động sáng lòng đường  
Qua tầng cao luôn biếc lá nguy trang  
Nòng súng kê nghiêng mái chiều rạo rục.  
Trăm ngõ nhỏ nối đường ra phía trước  
Bước tiếp nhau bồi hồi những chân trai  
Bên những mẫu tin trao vội hàng ngày  
Hiện hình ảnh những miền quê giải phóng.*

*Bạc bạc đê cao, sông Hồng sông Duống  
Tảng đất nào không ám dấu công nhân  
Mưa của ô mắt tận cội đa làng*

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Gắn phường phổ thêm tình quê sơ tán.  
Hà Nội càng lớn hơn trong chiến thắng  
Lại tuần ngâu tiếp nối một mùa sen  
Hà nội vẫn quên đêm mông điện đèn  
Phải đạn lửa dồn lên đuổi giặc  
Sáng một loé mà sáng hoài không tắt ?*

*Ôi nỗi đau trên vạt sém vai lưng  
Đâu đã té gân não đất anh hùng  
Hà Nội đánh thù bằng đại cao, tên lửa  
Bên bệnh viện bom vùi, trên triền đê đạn nổ  
Hà Nội đánh thù với vai gánh tay mang  
Phòng tuyến đắp dày bằng vụ lúa xuân  
Trong đám lửa Đức Giang, dưới cột mù Văn Điển  
Ở Gia Lâm và Bạch Mai, Cầu Diễn  
Sức cầm hờn đánh bạt lực siêu âm  
Xác trẻ nằm kia, lệ mẹ tạm cầm  
Dù giặc đang rơi, chớ cho chúng thoát  
Hãy dim xuống đầu thù sẽ tuôn tràn nước mắt.*

*Hà Nội đi trên mảnh vụn duya-ra  
Nghe âm vang trên ngọn cây già  
Lông bóng dáng đôi dãy nhà đổ lạng  
Mái ngói cũ hồng lên chiều chiến thắng  
Hà Nội hiểu sâu hơn lời dạy Bác Hồ*

(9-1972)

**Rượu mơ uống ở chùa Hương**

*Chùa ngọt chạm đầu lưỡi  
Chát đắng ẩn trong men  
Chén rượu trên bến Đục  
Sóng sánh tiếng chuông thiền*

(1988)

## HUỖNH ÁI TÔNG

### Xuôi

*Tháng chạp bè xuôi nước tỏa dòng  
Nửa đêm sương muối xuống mờ sông  
Đồi xa chợt lửa khai hoang đỏ  
Hơi ẩm chuyền theo đến rặng đông*

### Khi Chị đi lấy chồng

*Khé chua chị nấu lá mừng toi  
Em ước cùng ăn đến trọn đời  
Tang mẹ mãi rồi, bà mới dục  
Chị đi, bát đũa cũng mồ côi.*

### Phở một môi tình cờ

*Cõi xa ta đã đến thăm  
On em năm tháng như tấm thơm tơ  
Phở hoa một buổi tình cờ  
Vàng trắng thuở nọ bất ngờ hiện ra*

(22-7-1998)

### Xuống bến

(hay là câu chuyện những chuyến đò xuân)

*Đẹp sao giữa mùa xuân buổi trước  
Khi bén hương mai én về lũ lượt  
Một con đò quà bánh sang sông  
Từng cặp  
Và từng cặp vợ chồng  
Sau mùa cưới hỏi  
Đi chúc đầu năm  
bà con quê ngoại  
Rộn ràng nón dứa khăn thao  
Nón ngậm nửa vành đuôi tóc nắng xao*

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Khăn quàng cổ hờ bầu áo trắng  
Chuyển đồ nhẹ như chiếc hài xinh xắn  
Ngập màu hồng dọn đỏ mặt sông  
Hương cốm bay vòng thắt chặt lưng ong.  
Sông rẽ quạt  
    xoè ra sau lái  
Những tràng cười  
    xía tiền trên nước chảy  
Và con sào  
    bồng cát bút đề thơ  
Trên lụa trời xanh  
    mây xô liễn đôi tờ  
Đò chậm chậm tưởng không bao giờ cập bến.

\*

Ôi, cảnh ấy  
    ngày xưa  
        chị tôi thường nhắc đến  
Rất say sưa trong kỷ niệm đầu tiên  
Sau những ngày dang dở tình duyên  
Con đò trên tay  
    thành người góa bụa  
Tóc xanh vương trong khăn tang dầy dựa  
Theo lệ hàng năm về quê ngoại bên sông.  
Lạc trong đám vợ chồng  
Lòng gầy nửa khúc đàn lờ nhịp  
Không dám ước mơ một đường tơ nối tiếp  
Không dám trườn qua "thước ngọc khuôn vàng"  
Đục  
Trong  
    một bước sang ngang  
Móc định mệnh ai đóng vào xương sống  
Tổ kén lễ nghi bao trùm xác nhộng  
Nồi thơm giết kiếp con ngài  
Mỗi xuân về  
    mỗi kéo thêm dài

## HUỶNH ÁI TÔNG

Sợ chỉ tâm tình ai oán  
Từ những năm én sầu xuân loạn  
Đạn bom ngăn cách đò giang  
Bên chị tôi  
    nhìn về quê mẹ  
Lá trúc đầu hiu  
    vuốt từng mái đầu người goá trẻ  
Trên sông nắng én vật vờ  
Khói lửa phủ phàng đến xoá bức tranh xưa.

\*

Đầu chị tôi đã chen hai thứ tóc  
Côi cút tháng ngày nuôi con đi học  
Vai con  
    ngực mẹ ngang tầm  
Hôm nay hái lộc đầu năm  
Trên đường về quê ngoại  
Bước giữa đường quê  
    lòng ngỡ đi vào thân thạo  
Dập dìu trai gái sang sông  
Từng cặp  
    và từng cặp vợ chồng  
Môi má đỏ thêm  
    sau mùa cười hỏi  
Hương cốm mùi xưa  
Cuộc sống thêm trang tờ báo mới  
Tiếng cười đầy đặn vang lên  
Xia những chuỗi tiền  
Trên dòng sông rẽ quạt  
Có giọng quen mở đầu khúc hát  
Của người thôn dưới  
    hai con  
    tuổi trẻ  
    goá chồng  
Sáng nay đeo nắng sang sông  
Viếng mộ người xưa...



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*bên tình duyên mới  
Khúc hát ngọt như dòng suối  
Cả đò tranh uống ngậm say  
Chị tôi đến gần  
tay nắm bàn tay  
Sóng mắt luôn trong sóng mắt  
Trên môi héo hắt  
Nghe đang chuyển nhựa hoa đào  
Đò bông nghiêng trên  
khúc hát không xao  
Ôm chặt vai con  
trên má chị tôi long lanh giọt lệ.  
Chuyển đò cũ  
đã thành mơ  
hằng năm chị kể  
Đẹp  
không bằng  
chuyển đò tết năm nay  
Họp khám cuộc đời mở nắp  
hương bay  
Trong cây đá nhạc vang lên thành tiếng  
Lũ lượt với người  
mặt trời xuống bến.*

*Từ phong trào thơ mới, Yến Lan với bài thơ bắt hủ Bến Mỹ Lăng, tên tuổi của ông đi vào văn học Việt Nam từ đó, sau này thơ tứ tuyệt của ông cũng rất thành công, lời thơ mộc mạc, tứ thơ giản dị*

Tài liệu tham khảo:

- Yến Lan Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Yến Lan Web: [thivien.net](http://thivien.net)

12) Hữu Loan



**Hữu Loan - Nguyễn Hữu Loan (1916-2010)**

Hữu Loan tên thật là *Nguyễn Hữu Loan*; Bút danh: *Hữu Loan*; sinh ngày 2 tháng 4 năm 1916 tại làng Vân Hoàn, xã Nga Lĩnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Ông học thành chung ở Thanh Hóa sau đó đi dạy học và tham gia Mặt trận Bình dân năm 1936, tham gia Việt Minh ở thị xã Thanh Hóa.

Năm 1943, ông về gây dựng phong trào Việt Minh ở quê và khi cuộc Cách mạng tháng Tám nổ ra, ông làm Phó Chủ tịch Ủy ban Khởi nghĩa huyện Nga Sơn. Trước năm 1945, ông đã từng là cộng tác viên trên các tập san Văn học, xuất bản tại Hà Nội.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, ông được cử làm Ủy viên Văn hóa trong Ủy ban hành chính lâm thời tỉnh Thanh Hóa, phụ trách các ty: Giáo dục, Thông tin, Thương chính và

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Công chính. Kháng chiến chống Pháp, Hữu Loan tham gia quân đội Nhân dân Việt nam, phục vụ trong Đại đoàn 304.

Sau năm 1954, ông làm việc tại báo Văn nghệ trong một thời gian. Trong thời gian 1956-1957, ông tham gia Phong trào Nhân Văn-Giai Phẩm do nhà văn Phan Khôi chủ trương. Ông sáng tác những tác phẩm thường mang tính phản chiến và con người trong thời kỳ chiến tranh.

Sau khi phong trào Nhân Văn Giai Phẩm bị dập tắt vào năm 1958, nhà thơ Hữu Loan về sống tại quê nhà, thò đá, đi cày kiếm sống cùng gia đình.

Ông nổi tiếng với bài thơ *Màu tím hoa sim* do ông sáng tác trong thời gian tham gia kháng chiến chống Pháp và được lưu hành rộng rãi trong vùng kháng chiến. Sau Cải cách ruộng đất, ông thấy tình cảnh của một người, trước kia gia đình họ từng nuôi quân đội do ông chỉ huy, trong Cải cách cha mẹ bị đầu tồ, nhà cửa bị tịch thu, cô con gái phải lang thang đi lượm mót từng củ khoai ngoài cánh đồng sau khi người ta thu hoạch, cảnh ấy động từ tâm đạo lý, ông lập gia đình với cô gái. Vì cấp trên không chấp thuận hôn nhân này. nên ông bỏ ngũ từ đó.

Ông từ trần vào lúc 19 giờ, ngày 18 tháng 3 năm 2010 tại quê nhà, hưởng thọ 94 tuổi.

Tác phẩm: (không có sách in, chỉ có những bài thơ)

- *Cũng những thằng nịnh hót*
- *Đèo Cả*
- *Đêm*
- *Màu tím hoa sim*
- *Hoa lúa*
- *Ngày mai*
- *Thánh mẫu hài đồng*

## HUỖNH ÁI TÔNG

- *Tình Thủ đô*

- *Yên mô*

Trích văn:

### Tự phỏng vấn

Tên Hữu Loan cũng có tên đời là Nguyễn Văn Dao, Sắt Đỏ, Tốt Đỏ, Bình Nhi... Tên chợ là Ông già Vườn Lối (Phù Viên Lối). Sinh năm Bính Thìn (1916), tại thôn Vân Hoàn, Nga Sơn, Thanh Hóa.

Từ 1936 đến 1942 làm cách mạng trong phong trào học sinh và nhà trường.

Từ 1943 đến 1945 về đi cày và đánh cá, làm Việt Minh và làm khởi nghĩa huyện nhà. Cùng năm làm Ủy ban Lâm thời tỉnh phụ trách 4 ty Giáo dục, Thông tin, Công chính và Thương chính. Chán lại về đi cày và đánh cá nuôi bố mẹ già.

Từ nửa năm 1946 đến 1951, điện mời làm chủ bút báo *Chiến sĩ Quân khu IV* ở Huế. Gặp Nguyễn Sơn, ủng hộ đường lối ưu tiên với văn nghệ sĩ.

Khi Nguyễn Sơn bị đình chỉ công tác, trả cho Trung Quốc, đường lối Nguyễn Sơn bị Lê Churông và Hoàng Minh Thi phản đối, Hữu Loan đề nghị giữ Phạm Duy ở lại không được, lại về đi cày cho đến 1954 tiếp quản thủ đô lại có điện mời ra làm biên tập cho báo *Văn nghệ*, được mời vào làm hội viên Hội Nhà văn. Sau tham gia *Nhân văn* rồi bỏ về đi cày, đi thô, từ 1958 cho đến giờ (cuối 1987) ...

**Phóng viên:** *Từ mấy chục năm nay trong dân gian và trong văn học thường hay nói đến "Nhân văn-Giai phẩm", đến "vụ án Nhân văn-Giai phẩm" như là một chuyện gì ghê gớm lắm mà những người đã tham gia vụ ấy là những tên đầu trộm đuôi*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*cướp, lừa đảo không thể dung tha được, những bọn cặn bã xấu xa nhất của xã hội ta. Nhưng trong thực tế thì thơ, nhạc của họ đều được nhân dân truyền tụng ngâm rồi đến công khai, cảm cũng không xong, càng ngày càng lan tràn. Ngay cả đến nhà nước lại cũng đã tuyên bố phục hồi cho họ, in lại thơ, lại nhạc. Như thế là trước kia không phải họ sai mà nhà nước sai hay sao? Nếu nhà nước sai thì làm gì còn có "vụ án Nhân văn"? Có sai mới có án, mà đã không thì cái gọi là "vụ án Nhân văn" là một vụ oan. Nhưng mới gần đây vẫn có người trình trọng tuyên bố "vụ Nhân văn" là một vụ án. Chúng tôi là những người cầm bút chuyên môn mà vẫn thấy mâu thuẫn khó hiểu, hướng hỏi người dân thì lâu nay chỉ được thông tin một chiều... Họ thắc mắc hỏi chúng tôi, chúng tôi rất lúng túng không giải thích nổi. Vậy thì thưa ông Hữu Loan, ông đã là người trong cuộc, xin ông giảng lại cho: Thế nào là "Nhân văn"? Thế nào là "Vụ án Nhân văn"?*

**Hữu Loan:** Tất cả mọi cái này, tôi đã có ý kiến đầy đủ trong bản kiểm điểm của tôi ở trại chính huấn *Nhân văn*. Các anh nên đến qua Công an Hà Nội tìm đọc thì hơn.

**Phóng viên:** *Bác ngại sao?*

**Hữu Loan:** Cũng ngại chứ!

**Phóng viên:** *Vì sao vậy?*

**Hữu Loan:** Vì tuổi tác cũng có. Nhất là vì mới đây thấy hưởng ứng lời kêu gọi tự do báo chí, Nguyễn Ngọc chỉ cho đăng số bài của các nơi gửi về mà đã bị kết tội là sai phạm lệch lạc nghiêm trọng hơn nhiều, rồi hết cuộc họp này đến cuộc họp khác, để kiểm điểm, để bàn cách đối phó. Nhưng dù sao, khắp nơi các báo chí đều dám lên tiếng ủng hộ Nguyễn Ngọc.

Còn hỏi tôi về thì không một người bạn nào dám đến đưa chân ngay ở nhà chứ đừng nói ra ga, mặc dù có những bạn tôi đã đầu

## HUỶNH ÁI TÔNG

tranh cho được vào biên chế, được vào Hội Nhà văn mà mới cách đây vài năm đi công tác qua nhà tôi cũng vẫn còn sợ liên quan không dám vào. Họ đều đổ cho là tại chế độ, tại tình hình. Nhưng nếu chế độ là chế độ thì người cũng phải là người chứ. Cái gì cũng có giới hạn của nó. Đây là bè bạn, là người ngoài. Ruột thịt đối với tôi còn tàn nhẫn hơn nhiều.

Những năm 1943, 1944, 1945, Nhật đánh Pháp ở ta dữ dội, trường tư tôi dạy phải đóng cửa, tôi về quê vừa làm ruộng, đánh cá để nuôi bố mẹ và đề hoạt động Việt Minh bí mật. Mấy năm ấy đói to. Bố mẹ tôi vẫn phải nhịn cháo rau cho cán bộ Việt Minh bí mật về ăn. Những người cùng ở ban khởi nghĩa với tôi làm to cả, gia đình nào bố mẹ cũng sung sướng, nguyên tôi lại về. Mẹ tôi buồn ốm chết. Bố tôi chửi tôi:

“Mày làm Việt Minh chặt hết của tao một giặng tre để rào làng, rào giếng.”

Các cháu trong nhà trong họ không đứa nào không chửi:

“Ông về là đúng! Trời làm tội ông. Lúc ông phụ trách 4 ty còn ai nhiều chức hơn ông mà con cháu chả đứa nào được nhờ. Ông cho trong huyện hơn bốn mươi người ra làm giáo viên, con cháu xin thì ông bảo: ‘Chúng mày rồi hăng...’ Ông chỉ toàn khuyên các cháu đi bộ đội. Nghe ông, bốn đứa xung phong đi, giờ còn có một đứa về... Hồi Việt Minh còn đang bí mật, ông đứng ra lãnh gạo, muối, diêm về phát cho dân. Ông phát cho dân trước, đến lượt ông và con cháu ông lần nào cũng hụt, có lần hết sạch. Bây giờ ông coi họ lãnh sữa bột, dầu cải của quốc tế cho trẻ em, họ chia nhau trước, đến lượt trẻ em thì hết. Không ai dại như ông. Khi ông có tiêu chuẩn xe con, đi các huyện khác thì ông còn đi xe con chứ khi nào về huyện ta ông toàn đi xe đạp, trong khi những người không có tiêu chuẩn xe, họ mượn xe của ông để về vênh vào với làng nước. Ông bảo ông làm cách mạng, để cho cả làng được đi học. Khi cách mạng thành công thì thằng con ông thi đại học đậu thừa điểm

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

đi nước ngoài họ không cho đi ngay cả trong nước và chúng đã thay vào chỗ con ông một tên Cường không đậu, tên na ná với tên con ông là Cương.”

Có đưa nó như phát điên và nó đã chửi tôi:

“Ông là loại ngu nhất. Ông bảo ông mẩu mực, cái mẩu mực ấy đem mà vớt cho nó ăn. Chả đưa nào nó thương ông. Ông tự làm khổ ông lại làm khổ lây đến con cháu...”

Mỗi lần như thế tôi phải đấu đũa với chúng:

“Thôi tao van chúng mày, nếu mẩu mực mà lại được ngay ô tô nhà lầu thì chúng tranh chết nhau để làm mẩu mực chứ chả đến phần tao. Ngay ngày 2/9, bên xã mổ thịt bán tự do cho dân về ăn Quốc khánh, tao biết thân phải đến rất sớm mà cũng chả đến phần. Những ông Đảng ủy, Ủy ban v.v... được mua trước, đến mình thì hết phần...”

**Phóng viên:** *Như vậy là bác chán không muốn nói đến chuyện "Nhân văn-Giai phẩm" nữa?*

**Hữu Loan:** Ai mà chả phải chán. Mình đấu tranh cho họ, bênh vực họ, khổ vì họ, họ lại đê mình họ chửi, họ oán. Những kẻ gây tai họa cho họ, họ lại cho là đúng, là gương để cho họ noi theo.

**Phóng viên:** *Xưa nay bác vẫn là người nói thẳng, nói thật, lúc trẻ bác còn dám nói, giờ già rồi không lý nào bác lại sợ, lại hèn?*

**Hữu Loan:** Anh kích tôi đấy phỏng? Tôi là người không bị động bao giờ.

**Phóng viên:** *Cháu không dám hỗn thế đâu, nhưng đây là một vấn đề của lịch sử, trước sau rồi cũng phải đưa ra ánh sáng. Chỉ có bác là người trong cuộc, bác giúp cho bọn cháu thì nó*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*cụ thể hơn, sát hơn, để các cháu có thể hiểu được những cái vô cùng rắc rối của giai đoạn xã hội hiện nay...*

**Hữu Loan:** Thực ra nếu bên Liên Xô không có Khrushchev lật Stalin, đưa ra phong trào chống sùng bái cá nhân thì bên Tàu không làm gì Mao Trạch Đông đưa ra chuyện “Bách gia tranh minh, bách hoa tề phóng” và bên ta hưởng ứng tức thời bằng phong trào mang tên dịch lại nhãn hiệu Trung Quốc “Trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng”. Tên nôm na của ta là “Chống sùng bái cá nhân”.

Trước đó thì ở ta có hiện tượng rất phổ biến này: Khi gặp nhau, trước bất cứ câu đối đáp nào đều phải có nhóm thành ngữ “on Đảng on Bác” đứng đầu. Thí dụ:

“On Đảng on Bác, đồng chí có khỏe không?”

“Dạ, on Đảng on Bác lâu nay tôi ốm mãi, on Đảng on Bác tôi mới xuất viện được 2 hôm nay.”

“On Đảng on Bác thế mà em không hay biết gì...”

Sau hàng tháng phát động đấu tranh kiểm điểm ở từng cơ quan để bỏ chữ Bác đi và thay thế bằng: “On Đảng on Chính phủ”:

“On Đảng on Chính phủ vụ mùa này thu hoạch có đủ nộp không?”

“On Đảng on Chính phủ nhà em có con lợn mới độ 30 ký đang lớn, thanh niên cõ đồ vào bắt nợ rồi, được bao nhiêu thóc đong hết sạch mà còn thiếu phải bù bằng lợn...”

Dân tộc Việt Nam là một dân tộc liên tiếp bị đô hộ, hết Tàu đến Tây, đến Nhật, đến Mỹ... Cái khao khát, cái đói cổ hữu của dân tộc này là đói độc lập, tự do, cơm áo. Khi thấy Đảng hứa đem lại những thứ ấy cho thì người dân tin tuyệt đối vào Đảng. Đảng bảo gì họ theo nấy, bảo phá nhà thì phá nhà, bảo bỏ



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

ruộng thì bỏ ruộng, bảo bỏ bố bỏ mẹ, bỏ vợ bỏ chồng, bỏ Trời bỏ Phật, bỏ được tất, còn dễ hơn từ bỏ đôi dép rách. Anh đội trưởng cải cách chỉ là một sứ giả của Đảng mà dân cũng đã tin hơn trời: “Nhất đội nhì trời”.

Lòng dân tin vào Đảng không thước nào đo được, nên khi phát động để phủ nhận một điều gì Đảng đã chủ trương trước kia, thật là vô cùng khó khăn. Nguyên chỉ để thay đổi câu “Ôn Bác ơn Đảng” và kiểm điểm những việc làm trước kia có tính chất sùng bái cá nhân mà cũng mất hàng tháng phát động ở mọi cơ quan.

Khẩu hiệu là “Nói thẳng, nói thật, nói hết để xây dựng Đảng!” Không những nói mồm mà còn viết lên các báo. Không những viết lên các báo nhà nước mà còn khuyến khích mở báo tư nhân để viết. Vì thế mới có *Nhân văn*, *Giai phẩm* của chúng tôi. Và *Trăm hoa* của Nguyễn Bính.

Bài thơ “Màu tím hoa sim” của tôi (từ trước vẫn do dân tự tiện truyền tụng ngầm, bất chấp lệnh nghiêm cấm của những tướng trấn ải giáo điều), được đăng công khai lần đầu tiên báo *Trăm hoa*. Nguyễn Bính còn cho thuê taxi có loa phóng thanh đi quảng cáo khắp Hà Nội là *Trăm hoa* số này có thơ “Màu tím hoa sim” của Hữu Loan. Một tháng sau tôi đi cải cách ruộng đất, làm bài thơ “Hoa lúa”, 22 anh em nhà báo nhà văn đi cải cách truyền tay nhau chép. Chị Bạch Diệp báo *Nhân dân* xin chép đầu tiên, nhưng ý trung nhân của chị là anh Xuân Diệu ở báo *Văn nghệ* không đăng, bảo là thơ tình cảm hữu khuynh, mất lập trường. Trần Lê Văn đến mách với Nguyễn Bính, Bính đến xin ngày bài “Hoa lúa” về đăng *Trăm hoa*. Anh Bính còn làm một cử chỉ rất hào hùng là đem đến trả cho vợ tôi 15 đồng nhuận bút, trong khi đăng *Văn nghệ* chỉ được 7 đồng.

Anh bảo với vợ tôi: “Hữu Loan ở nhà thì tôi xin (tôi vẫn viết không lấy nhuận bút để giúp những tờ báo nghèo, mới ra) nhưng Hữu Loan đi cải cách chị cũng cần tiêu (15đ bằng

## HUỶNH ÁI TÔNG

150.000đ bây giờ). Một chỉ vàng lúc ấy mới 20 đ. Nói ra điều này để thấy rằng mức sống của người cầm bút hiện nay đã vô cùng xuống dốc. Nhuận bút của cả một quyển sách hiện nay không bằng tiền của một bài thơ Nguyễn Bính trả cho tôi. Nhà thơ Tố Hữu đã có dự báo thiên tài: “Chào 61 đỉnh cao muôn trượng!” Từ ấy đến giờ xuống dốc tuồn tuột không phanh, không thẳng...

Chính sự xuống cấp thảm hại trong đời sống đã là nguyên nhân chính trong việc lưu manh hóa một số nhà văn, họ đã phải uốn cong ngòi bút, cũng như trong việc in sách đen sách trắng vừa rồi.

**Phóng viên:** *Xin bác cho biết lại về vụ "Nhân văn".*

**Hữu Loan:** “Nói thẳng nói thật, nói hết, để xây dựng Đảng”. Không những chỉ có *Nhân văn* hay *Trăm hoa* mới nói thật, mà cả nước nói thật. Cả nước kêu oan. Những “Ban Giải oan” đã thành lập để vào trong các nhà tù giải oan cho hàng vạn người bị cải cách quy oan....

Nhưng đã ăn thua gì. Đơn từ kêu oan từ các nơi gửi về tòa soạn *Nhân văn* thật đã cao bằng đầu, như “đồng xương vô định”. *Nhân văn* đã xếp thành văn kiện chuyển cho Trung ương Đảng nghiên cứu để thay đổi chính sách. Thật ra *Nhân văn* chỉ khái quát tình hình để đúc thành lý luận. Bài báo bị cho là phản động, phản Đảng, phản dân nhất của *Nhân văn* là bài “Vấn đề pháp trị” do Nguyễn Hữu Đang viết .

Trong bài ý nói: sở dĩ chỗ nào cũng có áp bức chà đạp lên con người là vì chưa có pháp luật rõ ràng. Tòa án là một tòa án tha hồ tùy tiện còn hơn Tôn giáo Pháp đình của giáo hội La Mã hồi Trung Cổ. Muốn bắt ai thì bắt, muốn xử ai thì xử, bịa ra luật nặng nhẹ tha hồ để xử... Bài báo kêu gọi cần phải phân quyền thì người dân mới có bình đẳng trước pháp luật... Sau hơn ba mươi năm do tình trạng pháp luật tùy tiện mà xã hội xuống cấp

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

một cách tệ hại như hiện nay. Vấn đề hàng đầu đang đặt ra để giải quyết cũng là mấy vấn đề pháp trị mà Nguyễn Hữu Đang đã đặt ra cách đây hơn 30 năm (mà phải nói đây là vấn đề sống còn của chế độ).

Không có một cộng đồng nào mà thành viên nào cũng chứa toàn âm mưu đen tối để chủ hại người bên cạnh, không người nào biết phải biết trái, mà sống nổi lâu dài. Nhân loại sinh ra để hợp tác với nhau, để tin nhau là chính, mới sống được đến giờ. Ngày xưa, ngay hồi Pháp thuộc cả một vùng lớn như một huyện mới có độ 5 – 6 tên trộm mà trộm không được pháp luật bênh như thế, mà dân cũng còn lo ngay ngáy cho số phận trâu bò của cái của mình. Còn bây giờ thì chỉ một thôn thôi cũng có hàng vài chục tên trộm cướp công khai, coi thường pháp luật thì hỏi người dân còn an cư thế nào để lạc nghiệp được?

Một vấn đề nữa *Nhân văn* đặt ra là “Vấn đề Trần Dần” đang trong *Nhân văn* số 1, có chân dung Trần Dần to tướng với một vết dao lam cứa cổ to tướng do danh họa Nguyễn Sáng vẽ.

Từ trước ai cũng một lòng tin Đảng, cả trong lĩnh vực văn học. Tự Liên Xô đưa về rồi tự Diên An đưa sang, tài liệu hiện thực xã hội chủ nghĩa, tức là con đường đi lên trong văn học nghệ thuật. Nghĩa là văn nghệ chỉ được nói đến cái xã hội thiên đường vô cùng đẹp chưa có, chưa biết bao giờ mới có chứ không được nói đến những cảnh trộm cướp áp bức bóc lột đang diễn ra trước mắt. Rất hiếm những bí thư, chủ nhiệm, thủ kho, cửa hàng trưởng tốt, phải nói hầu hết là ăn cắp, thi nhau để ăn cắp, nhưng văn học không được nói thực mà phải dựng lên toàn là những người lý tưởng. Luận điệu thuộc lòng là: Không có ăn cắp mới lạ, có ăn cắp là tất nhiên. Đây là thứ sốt rét vỡ da của nhân vật khổng lồ, của một chế độ khổng lồ!

Cũng thành khổng lồ thật nhưng lại là khổng lồ đi xuống, một thứ quý khổng lồ hay một thứ khổng lồ không tim như đã dự báo trong một truyện ngắn ở *Nhân văn*.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Đường lối đó ở ta đã được ông Trương Chinh tiếp thu và bảo vệ, và truyền giáo như một thánh tông đồ xuất sắc.

Một người nhà báo hỏi ông:

“Nhu vậy là Cách mạng đã cấm tự do ngôn luận.”

Ông Trương Chinh sùng sốt:

“Anh nói sao? Các anh được tha hồ tự do chửi đế quốc đó thôi.”

Nhu thế là đường lối hiện thực xã hội chủ nghĩa đã cấm hẳn hiện thực phê phán là thứ vũ khí sắc bén nhất của báo chí để cải tạo kịp thời xã hội. Lý luận hiện thực XHCN này được học tập ráo riết trong quân đội, trung tâm đào tạo những tông đồ để áp dụng và đi phổ thuyết về “con đường đi lên” là Tổng cục Chính trị lúc bấy giờ do ông Nguyễn Chí Thanh làm Tổng cục trưởng và ông Tố Hữu làm Tổng cục phó. Trong số văn nghệ sĩ phản đối đường lối hiện thực xã hội chủ nghĩa có Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm, Tử Phác... Có lẽ quyết liệt nhất là Trần Dần, nên Trần Dần bị bắt giam và trong nhà giam Trần Dần đã dùng dao lam cắt ven cổ nhưng chỉ toác da, chưa đứt đến ven thì đã kịp thời chặn lại.

Vì thế mà có bài “Vấn đề Trần Dần” trong *Nhân văn* số 1 như đã nói trên. Đây là một vấn đề văn học, hoàn toàn văn học. Đây là một cử chỉ khí tiết của nho sĩ Việt Nam trước cường quyền không bao giờ là không có, dù cường quyền có thiên la địa võng đến đâu thì cái truyền thống đáng tự hào ấy, cái hồn thiêng của sông núi ấy không tà khí nào làm mờ nổi. Trần Dần chỉ là hậu thân của những người đã viết “Vạn ngôn thư”, “Thất trăm sớ”... Cũng như vấn đề pháp trị của Nguyễn Hữu Đang, vấn đề văn học mà Trần Dần đòi xét lại cách đây hơn 30 năm hiện giờ vẫn đang rất là thời sự. Cái tai họa lớn nhất hiện giờ vẫn là do khuyến khích tô hồng, đề cao người giả, việc giả,

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

hàng giả... Những người thấy trước tai họa, chân tình muốn ngăn chặn tệ nạn xã hội tô hồng thì bị gán ngay cho cái tội bôi đen.

Đáng nhẽ những người như Nguyễn Hữu Đang và Trần Dần phải được một giải thưởng quốc gia, một cái giải vinh quang là đã đưa ra được giải pháp để cứu nguy cho dân tộc.

Nhưng trái lại, lại vu oan giá họa, đặt lên đầu họ cái án gọi là "*án Nhân văn*".

Thực ra *Nhân văn* hưởng ứng lời Đảng gọi: "Nói thật, nói thẳng, nói hết để xây dựng Đảng", và chỉ đấu tranh cho tự do báo chí, tự do ngôn luận mong thực hiện tự do bầu cử vào quốc hội, vào chính phủ. Chỉ cần thực hiện thật sự dân chủ nội dung của Hiến pháp là cũng đã lý tưởng rồi.

Hiện nay báo *Văn nghệ* cũng đang làm cái việc như *Nhân văn* ngày xưa làm, cũng do được kêu gọi, được giao trách nhiệm Nguyễn Ngọc mới dám làm, và báo *Văn nghệ* cũng đang bị khép tội là mắc những lệch lạc nghiêm trọng.

Có điều khác là: *Nhân văn* ngày xưa đơn độc, khi bị đánh không ai dám bênh, ngậm cái miệng cúi đầu mà mang án. Còn bây giờ thì hoàn cảnh trong nước và ngoài nước đã khác. Không thể đóng cửa mãi ở trong nhà và ngủ yên được mãi trên những sai lầm vô định. Khi Nguyễn Ngọc bị đánh, đã có báo chí khắp nơi lên tiếng, những bản kiến nghị đang tiếp tục gửi về...

Nếu phong trào tự do báo chí, phong trào ủng hộ Nguyễn Ngọc và báo *Văn nghệ* mà bị dập, tức là bọn quan liêu cơ hội thắng thế, kết quả là xúc tiến sự sụp đổ toàn diện, sự tổng khủng hoảng kinh tế cũng như chính trị và uy tín của Đảng sẽ bị mất hoàn toàn vì bọn chúng. Quần chúng sẽ mất hết tin tưởng vào Đảng.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Từ trước tới giờ: làm sai cũng là bọn cơ hội, kêu gào sửa sai cũng là chúng, rồi đàn áp sửa sai cũng lại là chúng. Khi sai quá rồi không sửa thì dân không chịu nổi phải nổi. Nhưng sửa đến triệt để thì cháy nhà lại ra mặt chuột, nên cứ nửa chừng thì lại đàn áp sửa sai; chúng vu cho những người đã từng làm theo chúng tội rất nặng, càng nặng thì quần chúng càng dễ quên tội của chúng và cho rằng những rối loạn trước kia là do âm mưu bọn sửa sai gây ra. Chúng bàn nhau mưu kế dựng chuyện theo bài bản, những ông trên không sát cũng phải tin như thật.

Chính Nguyễn Hữu Đang đã rơi vào trường hợp như vậy.

Đang là người giác ngộ cách mạng sớm. Anh là linh hồn của Hội Truyền bá Quốc ngữ mà cụ Nguyễn Văn Tố là danh nghĩa. Dựa vào Hội TBQN, Nguyễn Hữu Đang đã hoạt động cho mặt trận Văn hóa Cứu quốc. Những nhà văn như Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Đình Thi, đều do Đang tổ chức vào mặt trận. Khi chính phủ vào Hà Nội, Nguyễn Hữu Đang là trưởng ban tổ chức lễ Tuyên ngôn Độc lập, sau làm Bộ trưởng Bộ Thanh niên. Khi rút khỏi Hà Nội năm 1952-1953 vào Thanh Hóa, Nguyễn Hữu Đang là Tổng thanh tra Bình dân học vụ. Năm 1954 tiếp quản thủ đô, Trung ương cho xe vào Thanh Hóa mời Đang ra, muốn nhận bộ trưởng nào thì nhận, mời sinh hoạt Đảng, anh đều khước từ. Tôi hỏi vì sao, anh bảo:

“Nội bộ thiếu dân chủ trầm trọng, mình bây giờ chỉ một mình một Đảng.”

Sau hỏi anh làm gì, anh xin về làm nhà in, trình bày cho báo *Văn nghệ*.

Mãi đến gặp phong trào "Trăm hoa", Đảng phát động cho viết báo tự do, lại cho mở báo riêng thì anh Đang mới ra làm *Nhân văn*.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Anh Đàng là một người rất có khả năng về chính trị cả về lý luận lẫn tổ chức, lại là một người rất hay giúp đỡ anh em và rất giữ lời hứa. Để một người có tài có đức như vậy thì bọn cơ hội hết đường xoay sở nên phải đánh. Một mặt phải phát động tố điều dựng tội (như hồi cải cách dựng địa chủ) để đưa Nguyễn Hữu Đàng lên thành phản động đầu sỏ. Một mặt sai điều động từ Thanh Hóa ra, từ các nơi về, hàng 6 sư đoàn để về vây thủ đô để phòng bọn *Nhân văn* làm phản (trong khi *Nhân văn* chỉ mấy thằng đi kháng chiến về, đói rách trời gà không nổi). Việc điều động một lực lượng quân đội lớn như vậy mãi sau tôi về quê gặp những người ở trong các đơn vị ấy nói lại tôi mới biết.

Khi học tập, dựng tội cho Nguyễn Hữu Đàng xong, cả lớp học sát khí đặng đặng hò hét nào là *tên Đàng*, nào là *thằng Đàng phản động đầu sỏ*. Mọi người ký vào kiến nghị lên Trung ương Đảng đòi xử tội đích đáng Nguyễn Hữu Đàng. Tôi là người duy nhất đã ký như sau: “Khi Nguyễn Hữu Đàng hoạt động với tôi, tôi thấy Nguyễn Hữu Đàng là người có tài, có đức, tội trạng mới đây của Nguyễn Hữu Đàng tôi chỉ tai nghe, mắt không thấy, tôi không dám kết luận. Ký tên: Hữu Loan”

Thế là Nguyễn Hữu Đàng bị kết án 17 năm tù, mới đi được 7 năm thì nhờ đâu có sự can thiệp của Nhân quyền Quốc tế nên anh được tha. Đáng nhẽ không thưởng, không giải oan cho Nguyễn Hữu Đàng thì im quách đi cho nó xong, đừng nay gào mai gào “Vụ *Nhân văn* là một vụ án chính trị!”. Gào như vậy nhưng nếu có ai hỏi đến để tìm hiểu lịch sử thì lại bảo “Đó là vụ án đã qua, bọn *Nhân văn* đã nhận tội không nên nhắc đến nữa!”.

Nếu không nhắc *Nhân văn*, sao người ta vẫn nhắc đến phát-xít, Hitler, đến Stalin, đến Pol Pot? Thậm chí bọn vua chúa hay Pháp Nhật Mỹ đã đi từ lâu rồi, mà bao nhiêu vụ ăn cắp cũng là do phong kiến đế quốc, bao vụ cưỡng hiếp phụ nữ trong cơ quan cũng là do phong kiến đế quốc, mặc dù những người thực hiện các vụ ấy đều thuần túy xã hội chủ nghĩa gốc Việt.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Hitler, Stalin, Mao Trạch Đông có cảm nói đến mình được mãi không, dù là những bạo chúa, những nhà độc tài cỡ quốc tế?

Ngoài Nguyễn Hữu Đang còn có thêm những người này:

Phùng Cung, tác giả truyện ngắn “Con ngựa già của chúa Trịnh”: 7 năm tù giam. Vũ Duy Lâm (Bộ Nông lâm, bị nghi là cho Nguyễn Hữu Đang một áo len khi đang đi tù): bị giam 7 năm mới tha.

Giám đốc Nhà xuất bản Minh Đức: 17 năm như Đang.

Nhà nước xuất bản thì lúc nào cũng kêu lỗ, mặc dù in nhiều hơn Minh Đức mà trả quyền tác giả lại rất rẻ mạt. Nhà Minh Đức xuất bản Vũ Trọng Phụng, mời con gái của Phụng lên lĩnh nhuận bút mà còn bỏ tiền về Hà Đông xây mộ cho Vũ Trọng Phụng. Minh Đức định xuất bản Kiều để vào xây mộ cho Nguyễn Du nhưng bị bắt. Ngoài ra từ 1954 đến 1956 Minh Đức còn mua được ½ nhà ưu giá 30.000đ (bằng 150 cây vàng). Nhà Minh Đức làm ăn lời lãi như vậy mà ngoài anh ta ra chỉ có thêm vài người giúp việc. Còn những nhà xuất bản của nhà nước thì nhà nào cũng rất đông người làm mà chả được bao nhiêu việc, nhà nào cũng kêu lỗ, nhưng vẫn cứ cố bao nhiêu rơm cũng ôm.

Xưa nay bất cứ ai nhận một công việc gì đều phải có trách nhiệm với công việc ấy, công việc càng khó khăn, lớn lao trách nhiệm càng nặng nề, ở ta lại toàn chuyện ngược đời. Một lái xe chặn chết người muốn sửa sai không được, anh phải đi tù, phải tước bằng. Anh bác sĩ chữa bệnh làm chết người cũng thế, phải tước bằng và đi tù. Đây là những người làm chết ít người. Còn những người cầm vận mệnh của cả nước đã làm cho đồng bạc mất giá hàng vạn lần, làm cho hầu hết công nông trường xí nghiệp phá sản, cho 90% con cái gia đình thành lưu manh, cho 50% trẻ em mất dinh dưỡng, còn giết oan bao nhiêu người có tài, có đức, còn phá phách bao nhiêu công trình văn hóa lịch



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

sử. Những con giun bị đập gào lên: "Sai rồi!" thì họ rất bình tĩnh trả lời: "Sai thì sửa!" hoặc bất đắc dĩ phải sửa thì không sửa chân thành.

Họ vẫn núp dưới cờ Đảng để đi từ sai lầm tà trời này đến sai lầm tà trời khác. Họ đang làm cho dân không còn tin vào Đảng. Họ xúc phạm vào anh linh những đảng viên ưu tú đã nằm xuống. Họ coi thường những Đảng viên ưu tú đang sống, đang không ngớt đấu tranh để thể hiện những tính cách vô cùng cao quý của người cộng sản cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, khổ trước sướng sau v.v...

Hỡi những người Đảng viên quang vinh của Đảng Cộng sản vô cùng quang vinh, người dân đau khổ lâu đời lúc nào cũng đứng bên các bạn.

\*

Phụ lục:

### **Giai thoại về một bài thơ**

Hồi ấy vào đầu năm 1955. Tôi lúc ấy là cán bộ biên tập báo *Văn nghệ* ở Hà Nội. Tôi được cử đi cải cách ruộng đất ở xã Tứ Kỳ, Hải Dương. Cán bộ ai cũng “được” đi cải cách. Đây là một vinh dự vì “chưa qua cải cách thì chưa thể làm người được”.

Ngoài việc đi để làm người, tôi còn có nhiệm vụ viết bài cho báo. Theo tinh thần trong những buổi học tập trước khi đi thì nông dân được phát động vô cùng vui sướng phấn khởi. Ngay cả giai cấp địa chủ là có tội mà cũng không oán Đảng vì Đảng rất công minh. Nhưng thực tế thì khác nhiều. Địa chủ không dám oán đã đành nhưng nông dân, chính nông dân thì lại kêu ca rất nhiều về những hành động của anh em cốt cán, nhất là những gia đình liệt sĩ lại càng bị sách nhiễu hết mức như thu gian thuế, hay bắt phải làm cơm rượu cho hàng chục người ăn

## HUỶNH ÁI TÔNG

thì mới cho người đem giúp đến kho độ 5 yến thóc... Họ đều kêu là bao nhiêu từng áp bức, kêu trời, trời xa, kêu Bác Hồ còn cao hơn trời...

Tôi bèn làm một bài thơ gửi về tòa soạn.

Ngày hôm sau tôi nhận được điện khẩn của anh Xuân Diệu: “Hữu Loan về tòa soạn ngay!”. Chai lì như tôi mà vẫn thấy lo lắng. Vừa về gặp anh Xuân Diệu tôi hỏi ngay:

“Cái gì đấy anh? Lành hay dữ?”

Xuân Diệu trấn an ngay:

"Bài thơ hay quá!"

Tôi không khỏi lạ. Hay sao lại phải điện khẩn về, ai mà không khỏi hoảng.

“Nhưng phải sửa một câu thì mới đăng được.”

Tôi vội hỏi:

“Câu nào?”

*“Câu: Cự Hồ như trời cao  
Kêu làm sao cho thấu!”*

Tôi hơi bực:

“Đăng thì đăng cả, bỏ bỏ cả, cả bài tôi chỉ thích có câu ấy.”

Một lúc rồi Xuân Diệu mới rử rỉ như tâm sự:

“Để câu ấy thì ra Bác kính yêu của chúng mình lại xa quần chúng à?”

Tôi khẳng định:

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

“Bác là thánh là trời thật, nhưng khi có những người cản mắt Bác thì Bác thấy quần chúng làm sao được. Chính những người như anh đang che mắt Bác đấy. Làm như tôi, lại không che. Tôi đề nghị anh thỉnh thị Bác, tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm về bài thơ này.”

Tôi không hiểu anh Xuân Diệu có dám thỉnh thị Bác không, nhưng bài thơ của tôi không được đăng. Tôi chắc lý do không đăng là vì Bác lúc nào cũng quan tâm đến quần chúng, khi quần chúng khổ đã phải hét lên thành tiếng thì Bác không thể nào bình tĩnh được.

Trích thơ:

### Màu tím hoa sim

*Nàng có ba người anh đi bộ đội  
Những em nàng  
Có em chưa biết nói  
Khi tóc nàng xanh xanh*

*Tôi người Vệ quốc quân  
xa gia đình  
Yêu nàng như tình yêu em gái  
Ngày hợp hôn  
nàng không đòi may áo mới*

*Tôi mặc đồ quân nhân  
đôi giày đinh  
bết bùn đất hành quân  
Nàng cười xinh xinh  
bên anh chông độc đáo  
Tôi ở đơn vị về  
Cưới nhau xong là đi  
Từ chiến khu xa  
Nhớ về ái ngại*

## HUỶNH ÁI TÔNG

Lấy chồng thời chiến binh  
Mấy người đi trở lại  
Nhờ khi mình không về  
thì thương  
người vợ chờ  
bé bỏng chiều quê...

Nhưng không chết  
người trai khói lửa  
Mà chết  
người gái nhỏ hậu phương  
Tôi về  
không gặp nàng  
Má tôi ngồi bên mộ con đầy bóng tối  
Chiếc bình hoa ngày cưới  
thành bình hương  
tàn lạnh vây quanh

Tóc nàng xanh xanh  
ngắn chưa đầy búi  
Em ơi giây phút cuối  
không được nghe nhau nói  
không được trông nhau một lần

Ngày xưa nàng yêu hoa sim tím  
áo nàng màu tím hoa sim  
Ngày xưa  
một mình đèn khuya  
bé bỏng nhỏ  
Nàng vá cho chồng tấm áo  
ngày xưa...

Một chiều rừng mưa  
Ba người anh trên chiến trường Đông Bắc  
Được tin em gái mất  
trước tin em lấy chồng

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Gió sớm thu về rờn rợn nước sông*

*Đưa em nhỏ lớn lên*

*Ngõ ngàng nhìn ảnh chị*

*Khi gió sớm thu về*

*cỏ vàng chân mộ chí*

*Chiều hành quân*

*Qua những đồi hoa sim*

*Những đồi hoa sim*

*những đồi hoa sim dài trong chiều không hết*

*Màu tím hoa sim*

*tím chiều hoang biệt*

*Có ai ví như từ chiều ca dao nào xưa xa*

*Áo anh sứt chỉ đường tà*

*Vợ anh chưa có mẹ già chưa khâu*

*Ai hỏi vô tình hay ác ý với nhau*

*Chiều hoang tím có chiều hoang biết*

*Chiều hoang tím tím thêm màu da diết*

*Nhìn áo rách vai*

*Tôi hát trong màu hoa*

*Áo anh sứt chỉ đường tà*

*Vợ anh mắt sớm, mẹ già chưa khâu...*

*Màu tím hoa sim, tím tình trang lệ rớm*

*Tím tình ơi lệ ứa*

*Ráng vàng ma và sừng rúc điệu quân hành*

*Vang vọng chấp chờn theo bóng những binh đoàn*

*Biệt hành binh vào thăm thăm chiều hoang màu tím*

*Tôi ví vọng về đâu*

*Tôi với vọng về đâu*

*Áo anh nát chỉ dù lâu...*

(1949, khúc vợ Lê Đỗ Thị Ninh)

### **Hoa lúa**

*Em là con gái đồng xanh*

*Tóc dài vương hoa lúa*

## HUỖNH ÁI TÔNG

*Đôi mắt em mang chân trời quê cũ  
Giếng ngọt, cây đa  
Anh khát tình quê ta trong mắt em thăm thẳm  
Nhạc quê hương say đắm  
Trong lời em từng lời  
Tiếng quê hương muôn đời và tiếng em là một  
Em ca giữa đồng xanh bát ngát  
Anh nghe quê ta sống lại hội mùa  
Có vật trụi, đánh đu, kéo hẹ, đánh cờ  
Có dân ca quan họ  
Trai thôn Thượng, gái thôn Đoài hai bên gặp gỡ  
Cầm tay trao một miếng trầu  
Yêu nhau cởi áo cho nhau  
Về nhà dối mẹ qua cầu gió bay  
Quê hương ta núi ngát, sông đầy  
Bát ngát làng tre, ruộng lúa  
Em gái quê hương mang hình ảnh quê hương  
Xa em năm nhớ, gần em mười thương  
Còn bàn tay em còn quê hương mãi  
Em mang nguồn ân ái  
Cặng ngực trẻ hai mươi và trong mắt biếc nhìn anh  
Em gái quê si tình  
Chưa bao giờ được yêu đương trọn vẹn...*

*Anh yêu em muôn vàn như quê ta bất diệt  
Quê hương ta ơi từ nay càng đẹp  
Tình yêu ta ơi từ nay càng sâu  
Ta đi đầu sát bên đầu  
Mắt em thăm thẳm đựng màu quê hương.*

(1955)

### **Cũng những thẳng nịnh hót**

(Sau khi đọc bài: “Những thẳng nịnh hót” của Maiakovski)

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Dưới thời kỳ Pháp thuộc  
Những thằng nịnh hót nghênh ngang  
Lưng rạp trước quan Tây  
Bắt vợ như thang  
Chân trèo lên danh vọng  
Đuôi vợ chúng đi  
Lọt theo đầu chúng  
Bao nhiêu nhục nhằn;  
Nhục mất nước muôn phần  
Nhục cùng đất nước  
với những thằng nịnh hót

Một điều đau xót  
Trong chế độ chúng ta  
Trong chế độ dân chủ cộng hoà  
Những thằng nịnh còn  
thên thang  
đất sống  
Không quân chùng, áo thụng  
Không thang đàn bà  
Nhưng còn  
thang lưng  
thang lưỡi

Những môm  
không tanh tươi  
Ngậm vòi đu đủ  
Trợn mắt  
Phùng mang  
Thối vào rốn cấp trên  
“Dạ, dạ, thưa anh...  
Dạ, dạ, em, em...”  
Gãi cổ  
Gãi tai:  
... anh quên ngủ  
quên ăn

HUỶNH ÁI TÔNG

*nhiều quá!*

*Anh vì nước  
vì dân  
hơn tất cả  
từ trước đến nay*

*Chân xoa  
và xoa tay,  
Hít thượng cấp  
vú thơm  
như mùi mít*

*Gọi như thế là  
phê bình cấp trên  
kịch liệt  
Gặp cấp trên chủ quan  
Mũi như chim vỗ cánh  
Bụng phình như trống làng:  
Thấy mình  
đạo đức  
tài năng  
hơn tất.*

*Như thế là chết rồi:  
Quân nịnh  
tha hồ lên cấp  
Như con gì nhà gác lên thang  
Còn muốn lên thủ trưởng cơ quan  
Còn đi đây  
đi đó  
Lưỡi và lưng  
Lắm chằng gian khổ  
Chúng nó ở đâu:  
Thối thóc thuê  
Mục kho hàng*



HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Phong trào suy sụp*

*Nhân dân mất cắp  
đang giữa ban ngày  
To cánh và to vây*

*Những ai  
không  
nịnh hót  
Đi, mang cao  
liêm sỉ con người  
Chúng gieo hoạ gieo tai  
Kiếm thảo  
hạ tầng  
Còn quy là phản động!  
Có người  
đã chết oan  
vì chúng  
Vẫn thiết tha yêu chế độ  
đến hơi thở cuối cùng*

*Nguy hiểm thay,  
Thật khó mà trông:  
Chúng nó nguy trang  
Bằng tổ chức  
bằng quan điểm nhân dân  
bằng lập trường  
chính sách*

*Chúng nó  
còn thẳng nào  
Là chế độ ta  
chưa sạch  
Phải làm tổng vệ sinh  
cho kỳ hết  
mọi thẳng*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Những người  
đã đánh bại  
xâm lăng*

*Đỏ bừng mặt  
vì những tên  
quốc xỉ  
Ngay giữa những thời nô lệ  
Là người chúng ta  
không ai biết  
cúi đầu.*

9-1956

(trích *Giai phẩm mùa Thu 1956* - Tập II)

Nhà phê bình Phạm Xuân Nghiêm viết về nhà thơ Hữu Loan: “*Trước năm 1975, bài thơ “Màu tím hoa sim” hình như không ai ở miền Nam mà không biết tới. Tính chất bi kịch gây xúc động của câu chuyện có thực, lòng trong ngôn ngữ trữ tình lãng mạn của thi ca đã làm biết bao thanh niên miền Nam say đắm (...)* Miền Bắc biết và yêu ông hơn cả người miền Nam khi xưa vì vừa cảm động bởi bài thơ bất hủ vừa chia sẻ sâu sắc nỗi thống khổ của một người bị guồng máy trù dập như thế nào. Rất nhiều người trong họ đã ném qua những gì mà nhà thơ từng trải nghiệm.”

Tài liệu tham khảo:

- Hữu Loan Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Hữu Loan Blog: [talawas.com](http://talawas.com)

**13) Trần Đức Thảo**



Photo DONG DUC THANH

**Trần Đức Thảo (1917-1993)**

Trần Đức Thảo sinh ngày 26 tháng 9 năm 1917 tại làng Song Tháp, Phường Châu Khê, Thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Năm 1936, ông được nhận học bổng sang Pháp học tại Paris. Tại Paris ông thi đỗ vào trường Đại học Sư phạm Paris. Ông tốt nghiệp thạc sĩ triết học hạng nhất tại Pháp lúc mới 26 tuổi (1942).

Thay mặt sinh viên và trí thức Việt Nam du học ở Pháp, Trần Đức Thảo đã viết thư gửi về Tổ quốc, bày tỏ tình yêu nước nồng nàn đối với đất nước vừa giành được độc lập vào cuộc cách mạng tháng 8 năm 1945. Lá thư được in trên tờ *Cờ giải phóng*, cơ quan của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Năm 1952, ông về chiến khu Việt Bắc tham gia kháng chiến chống Pháp.

## HUỖNH ÁI TÔNG

Sau 1954 từ Việt Bắc về Hà Nội, Giáo sư Trần Đức Thảo kết hôn với Tiến sỹ Nguyễn Thị Nhút, đến ngày 5 tháng 1 năm 1967, theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Nhút hai ông bà đã thuận tình ly hôn.

Năm 1955, ông trở thành giáo sư Triết học và là Phó Giám đốc Đại học Sư phạm Văn khoa, Chủ nhiệm Khoa Lịch sử, Đại học Tổng hợp Hà Nội (nay là Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội).

Ông bị quy tội dính líu đến phong trào Nhân văn Giai phẩm khi công bố hai bài báo có bàn đến một số vấn đề về tự do, dân chủ. Sau vụ Nhân văn Giai phẩm, bị mất chức Phó Giám đốc trường Đại học Sư phạm Hà Nội, chức Trưởng khoa Lịch sử chung cho cả Đại học Sư phạm và Đại học Tổng hợp Hà Nội, Trần Đức Thảo không được giảng dạy, phải dịch thuật lật vạt để sống, phải bán dần bán mòn những bộ từ điển để ăn. Ông bị chặt đứt mọi liên hệ với thế giới, bị cô lập ngay giữa đồng bào của mình.

Năm 1985, sau khi đi Cộng hòa dân chủ Đức vừa chữa bệnh, vừa làm việc với Viện hàn lâm khoa học của CHDC Đức, ông có sang làm việc với Viện hàn lâm khoa học Liên Xô.

Năm 1991, ông sang Pháp chữa bệnh kết hợp với nghiên cứu và mất vào lúc 8 giờ 10 phút, ngày 24 tháng 4 năm 1993 tại bệnh viện Broussais Paris, hưởng thọ 76 tuổi. Ngày 27-4-1993, ông được nhà nước Việt Nam truy tặng Huân chương Độc lập hạng nhì. Lễ hỏa táng cử hành ngày 28-4-1993, tại nghĩa trang Père La Chaise ở Paris.

Sau đó, nhà nước Việt Nam đưa tro cốt ông Trần Đức Thảo về nước. Ngày 20-6-1993 an táng tại Khu A Nghĩa trang Văn Điển, Hà Nội.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Năm 2000, ông được nhà nước Việt Nam truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về khoa học xã hội.

Tác phẩm:

- *Phương pháp hiện tượng học của Husserl* (1942), tiếng Pháp
- *Phénoménologie et matérialisme dialectique* (Hiện tượng luận và chủ nghĩa duy vật biện chứng. Minh Tâm. Paris 1951 0
- *Triết lý đã đi đến đâu?* (Minh Tân – Paris, 1950)
- *Khuyến khích tinh thần tự do dân chủ* (1955)
- *Nội dung xã hội và những hình thức của tự do* (1956).
- *Tìm cội nguồn của ngôn ngữ và ý thức* (tiếng Pháp, Xã hội của Pháp, 1973)
- *Vấn đề con người và chủ nghĩa lý luận không có con người* (1988).
- *Logic của cái hiện tại sống động* (La logique du présent vivant - chưa hoàn thiện).
- *Hiện tượng học và chủ nghĩa duy vật biện chứng* (Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004)
- *Sự hình thành con người* (Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004)

Trích văn:

### **Luận lý Hiện Tại Sinh Động**

*Trần Đức Thảo, 1993*

Nguyễn Hoài Văn

dịch từ Pháp Văn

Dàn bài :

- Vì một Luận lý Hình Thức và Biện Chứng
- Biện Chứng Luận Lý như biện chứng tổng quát của Hội Nhập Thời Gian

## HUỶNH ÁI TÔNG

- Lý Thuyết Hiện Tại Sinh Động như Lý Thuyết của Cá Tính

- Lý Thuyết Hiện Tại Sinh Động như Lý Thuyết của Tính Kết Hợp

### I) Vì một Luận lý Hình Thức và Biện Chứng

Các nhà phát minh ra biện chứng pháp đã xây dựng học thuyết của họ để chống lại Luận Lý Hình Thức. Điều này đem lại cảm tưởng rằng những nguyên lý của biện chứng pháp đi ngược lại với những thói quen của suy tư thông thường, được áp dụng trong luận lý hình thức. Kết quả là thành kiến cho rằng biện chứng pháp tối tăm, khó hiểu, khiến phương pháp lý luận này chậm phổ biến và không phát huy được đầy đủ những lợi ích mà nó có thể đem lại.

Luận Lý Hình Thức tóm tắt các quy luật của tư duy thông thường trong ba nguyên lý nền tảng :

Nguyên lý đồng nhất : cái gì hiện hữu, thì hiện hữu

Nguyên lý không mâu thuẫn : cái gì không hiện hữu, thì không hiện hữu. Hay nói cách khác : A không thể vừa là A vừa là “không A”.

Nguyên lý triệt tam : một sự vật chỉ có thể là A hoặc “không A”, không có giải pháp thứ ba.

Luận Lý Biện Chứng chống lại những khẳng định có vẻ như đương nhiên ấy, nhân danh sự chuyển động và trở thành. Nó đề ra ba nguyên lý ngược lại :

Mọi sự vật hiện hữu, đồng thời không hiện hữu, vì nó lưu chuyển

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Điều không hiện hữu, cũng hiện hữu, vì quá khứ không còn hiện hữu, thành tựu trong hiện trạng của lúc này, và tương lai chưa hiện hữu, đã bắt đầu hiện lên, cũng từ cái hiện trạng lúc này ấy. Mọi sự vật đều là chính nó và là cái khác, vì nó tự biểu hiện như một cái khác trong sự xuất hiện của tương lai đã bắt đầu trong lúc này.

Nói tóm lại, Luận Lý Hình Thức trung thành với tri giác thông thường, coi giây lát hiện tại như tự nó bất động, khiến cho sự chuyển động chỉ có thể thực hiện được qua những bước chuyển từ một giây lát sang giây lát kế tiếp. Điều này cho ra những nghịch lý như Achille không thể qua mặt con rùa, hay mũi tên bay, nhưng bất động trong mỗi giây lát. Thời điểm Achille qua mặt con rùa có thể được tính ra một cách dễ dàng, cũng như đường bay của mũi tên. Nhưng (với cách nhìn giây lát tự nó bất động – NHV) người ta khó quan niệm được những chuyển động ấy như đang diễn ra.

Lý do vì các nguyên lý của Luận Lý Hình Thức giả định sự vật tự nó bất động trong mỗi giây lát, biệt lập với sự chuyển động từ giây lát này sang giây lát sau đó. Vì thế, khi thời gian chỉ là một chuỗi giây lát tự nó bất động, làm sao hình dung được các sự bất động ấy có thể chuyển lưu từ cái này sang cái khác ?

Trước quan niệm siêu hình rất khó hiểu ấy về sự vật, trong đó sự chuyển động của chúng bị coi như một chuỗi trạng thái bất động, biện chứng pháp trả lời rằng một giây lát có thể chuyển sang giây lát sau đó, vì sự vận động và khuynh hướng chuyển biến đã có sẵn trong nó. Hiện tại chính là sự chuyển biến từ quá khứ đến tương lai, một sự chuyển biến liên tục, trong mỗi giây lát, với quá khứ lắng đọng trong nó, và với tương lai nảy mầm từ nó. Quá khứ gặp gỡ tương lai trong hiện tại, như giây lát của sự chuyển biến, và sự chuyển biến của giây lát.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Chính trong động lực của sự trở thành nơi mỗi giây lát, mà người ta có thể diễn đạt những nguyên lý truyền thống của biện chứng pháp :

“Mọi sự vật vừa hiện hữu, vừa không hiện hữu – hay : hiện hữu là hư vô. Điều không hiện hữu, lại hiện hữu – hay : hư vô là hiện hữu. Mọi sự vật đều là chính nó và là cái khác”.

Điều quan trọng cần vạch rõ là ý nghĩa thực sự của những công thức có bề ngoài nghịch lý này. Không những chúng không xóa bỏ, mà ngược lại, dựa trên những nguyên lý của Luận Lý Hình Thức như nền tảng xuất phát ra chúng.

Thật vậy, nói : “điều gì hiện hữu, thì hiện hữu”, chính là vì giây phút hiện tại thực sự hiện hữu, trong lúc này. Nhưng khi người ta thêm rằng : cùng lúc, nó biến mất, thì điều ấy mang ý nghĩa: “nó hiện hữu, và không hiện hữu”. Hai phát biểu này không mâu thuẫn, mà trong căn bản, bổ túc lẫn nhau, vì : “giây phút hiện tại hiện hữu, đồng thời cũng biến mất”.

Tuy nhiên sự biến mất ấy không phải là “không hiện hữu”, mà là chuyển động từ hiện hữu sang không hiện hữu, trong ý nghĩa “không còn hiện hữu”. Để nhấn mạnh sự chuyển biến bên trong hiện hữu như thế, cần nói rõ là :

### 1) Cái gì hiện hữu, thì hiện hữu

Đồng thời, nó hiện hữu và không hiện hữu, với ý nghĩa nó không còn hiện hữu

Công thức của Heraclite, được Hegel chữa lại : “Mọi sự vật hiện hữu và cũng không hiện hữu”, quá ngắn gọn, đưa đến một sự ngộ nhận đáng tiếc, vì nó gọi lên ý tưởng rằng sự hiện hữu tự nó không hiện hữu, như một thách thức đối với lý lẽ thông thường.



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Một thi sĩ, trong ý thơ lai láng, có thể kêu lên : “giây phút tôi đang tự tình, đã biến tan !”. Nhưng triết gia cần phải chính xác hơn.

Sự hiện hữu của giây lát là một sự thực : “cái gì hiện hữu, thì hiện hữu”. Đồng thời nó hàm chứa trong hiện hữu của nó sự chuyển động đưa nó đến tan biến, tức là : “đồng thời nó hiện hữu và không hiện hữu, trong ý nghĩa nó không còn hiện hữu”. Tức là không phải nó biến mất, như công thức mơ hồ của Heraclite và Hegel có thể gợi ý như một sự phóng đại đầy thi vị.

Vì thế, cần phân biệt sự hiện hữu với cái giây lát làm nền tảng cho nó : “nó hiện hữu”, nhưng vì sự chuyển động sang tan biến thuộc về bản chất của nó, cho nên : “đồng thời nó hiện hữu và không hiện hữu, trong ý nghĩa nó không còn hiện hữu”.

Tương tự như vậy, “hư vô như hiện hữu” được Hegel trình bày trong đoạn đầu của tác phẩm Luận Lý Học của ông, mang ý nghĩa : cái quá khứ không còn nữa, nhưng trôi đến và thành tựu trong những lắng đọng vào giây lát hiện tại. Nơi giây lát hiện tại, chính trong sự chuyển động đưa nó đến tan biến (hư vô), mà cái quá khứ ấy vẫn còn hiện hữu.

Cũng như thế, tương lai, tuy chưa hiện hữu (hư vô), nhưng hiện lên trong hiện tại như một điều sắp xảy ra, như thể nó đã hiện hữu.

Sự vận động bao gồm hai mặt ấy của Hiện Tại vừa dẫn nó đến tan biến trong khi nó vẫn còn hiện hữu, đồng thời đem nó tiếp cận với tương lai sắp hiện lên đến trong nó, như thể tương lai ấy đã hiện hữu. Hai động lực này, một mặt biến mất và mặt khác hiện lên trong giây lát hiện tại, khiến hiện tại trở thành giây lát của sự chuyển biến, và sự chuyển biến của giây lát. Hai sắc thái : vẫn còn hiện hữu, và sẽ hiện hữu, của giây lát hiện tại, không phản lại nguyên lý “không mâu thuẫn” của luận lý

## HUỶNH ÁI TÔNG

hình thức, vì nguyên lý này chỉ áp dụng trong cái giây lát được chỉ định một cách trừu tượng, trên căn bản tự nó bất động.

Như thế, nguyên lý thứ hai của Luận Lý Biện Chứng cần khởi đi từ nguyên lý thứ hai của Luận Lý Hình Thức, tức nguyên lý “không mâu thuẫn”. Nguyên lý này, cũng như toàn thể Luận Lý Hình Thức, luôn giữ nguyên giá trị trong mọi suy tư thuần lý, kể cả trong biện chứng pháp:

2) Điều gì không hiện hữu thì không hiện hữu. A không thể vừa là A, vừa là không A. Nhưng trong thực tế cụ thể của giây lát hiện tại, như giây lát của chuyển biến và chuyển biến của giây lát, sự vận động bao gồm hai mặt, hiện lên và tan biến, thể hiện qua hai sắc thái : đưa đến tan biến và đưa đến xuất hiện. Nghĩa là, cái không còn hiện hữu nữa, vẫn hiện hữu, vì sự lắng đọng của những thành tố của nó trong giây lát hiện tại. Và cái chưa hiện hữu, đã bắt đầu hiện hữu, bởi sự xuất hiện của nó, cũng trong giây lát hiện tại.

Sau hết, nguyên lý “một sự vật chỉ có thể là A hoặc không A, không có giải pháp thứ ba” được xác nhận nếu giây lát được quan niệm một cách trừu tượng như bất động. Nhưng đồng thời cũng phải thêm rằng, sự vật ấy, lỏng trong cùng một giây lát, khi được nhìn như giây lát của chuyển biến, và chuyển biến của giây lát, thì lại “vừa là chính nó, vừa là cái khác”.

3) Một sự vật là A, hay là không A, không có giải pháp thứ ba, trong cái giây lát được quan niệm trong nền tảng của nó, một cách trừu tượng, như bất động.

Đồng thời, cũng sự vật ấy, trong cùng một giây lát, nhưng được nhìn như giây lát của chuyển biến, và chuyển biến của giây lát, thì lại vừa là chính nó, vừa là cái khác.

Tóm lại, những nguyên lý của Luận Lý Biện Chứng, kế thừa từ Heraclite và Hegel dưới một dạng thức khó hiểu, có thể được

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
năm bắt dễ dàng hơn nếu sử dụng một cách nói luôn lấy những  
nguyên lý của Luận Lý Hình Thức làm tiền đề.

Trên căn bản của một Luận Lý vừa Hình Thức vừa Biện Chứng  
như thế, chúng ta có thể quan niệm thế giới như một tập hợp vô  
tận của những hình thái lịch sử.

Một hình thái lịch sử là một tập hợp trong thời gian và không  
gian của những thực thể tương tác với nhau trong vô số giây lát  
không ngừng chuyển động và tự trở thành. Các giây lát ấy cũng  
đồng thời tương liên qua những giai tầng bao gồm những hệ  
thống chủ đạo, và những yếu tố hay tiểu hệ thống, cùng tham  
gia vào một sự tiến hóa được phân phối và cấu thành trong  
những giai tầng vừa nói, tùy theo các tương quan biện chứng  
bên trong và bên ngoài chúng.

Sự khảo sát một hình thái lịch sử được khai triển trước tiên  
trong phạm vi của Luận Lý Hình Thức bằng cách truy tìm  
những quy luật của sự chuyển biến từ một giây lát sang giây lát  
kế tiếp. Kể đến, kể từ một giới hạn nào đó, như khi bước sang  
các lãnh vực khoa học xã hội và nhân văn, thì sự khảo sát buộc  
phải vượt qua phạm vi của Luận Lý Hình Thức, để tiến vào  
lãnh vực tương quan biện chứng, nhưng vẫn dựa trên hệ thống  
quy luật đã được công nhận (bởi Luận Lý Hình Thức - NHV).

Việc khảo sát các quy luật biện chứng dựa trên Luận Lý Hình  
Thức và Biện Chứng, nhằm vào hai mặt của sự chuyển biến tự  
thân của mỗi giây lát trong hiện tại, với quá khứ lắng đọng  
trong nó, và áp lực đẩy nó vào tương lai, khiến giây lát hiện tại  
trở thành giây lát kế tiếp.

Hệ thống quy luật (của Luận Lý Hình Thức - NHV) cho ra trí  
năng, để dẫn dắt các ứng dụng kỹ thuật trong thế giới khách  
quan.

## HUỖNH ÁI TÔNG

Vạch rõ các quy luật biện chứng trong các hình thái chuyển biến song phương, thì mang một vai trò chỉ đạo cho việc khảo cứu - trong những trường hợp nằm ngoài ranh giới của khoa học khách quan (tức khi bước sang khoa học xã hội, nhân văn - NHV) - và đồng thời cho phép hiểu biết thế giới khách quan cũng như chủ quan một cách thuần lý, mở đường cho việc giải đáp những vấn đề của liên hệ, của đạo đức và thẩm mỹ.

(17-9-1992)

### HỒI KÝ

*Trần Đức Thảo*

#### I

Trong giai đoạn cuối cùng của tôi ngày xưa ở bên Pháp, tôi đã xác nhận chủ nghĩa Marx trong bài từ giả chủ nghĩa hiện sinh: Hiện tượng học của tinh thần và nội dung thực tế của nó. (**Les Temps Modernes** tháng 9-1948). Trong ấy tôi biện minh cho sự lựa chọn của tôi bằng cách nêu lên những chân trời rộng rãi mà quan điểm duy vật biện chứng và lịch sử xã hội mở ra cho công việc phân tích ý thức sinh thức.

Đây là cái mà tôi đã tìm cách giải thích cho Jean-Paul Sartre trong năm buổi trao đổi tiến hành vào mùa đông 1949-1950, theo lời mời của ông ấy. Tuy nhiên buổi nào cũng đi đến kết quả tiêu cực, do sự bất đồng cơ bản ngay từ xuất phát điểm trong thế giới quan của hai bên. Cuối cùng thì chỉ còn có thể ghi nhận rằng không thể nào dung hòa giữa chủ nghĩa hiện sinh với chủ nghĩa Marx. Cũng phải nói rằng chủ nghĩa Marx ngày ấy chỉ được quan niệm trong giới hạn hẹp hòi của tình trạng sùng bái cá nhân, trong ấy chủ nghĩa duy vật lịch sử bị thu rút vào vài nét đơn giản hóa, chỉ bao quát một số quan hệ riêng lẻ trong mỗi giai đoạn riêng biệt, tách rời sự vận động phổ cập cụ thể của lịch sử loài người. Một thế giới quan như thế trên thực

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

té là thuộc phạm vi tình trạng bóp méo theo lối siêu hình của cái phương pháp được chính thức tuyên bố là biện chứng.

Dĩ nhiên trong cái chân trời thu hẹp như thế, thì tôi không thể nào thực hiện cái dự kiến của tôi từ năm 1948, là đi vào bề sâu quá trình phát sinh và phát triển của ý thức, xuất phát từ sự biện chứng của sản xuất vật chất. Như thế là phần hai cuốn **Hiện tượng học và chủ nghĩa duy vật biện chứng (Phénoménologie et Matérialisme Dialectique**, Minh Tân, Paris, 1951) kết thúc trong một ngõ cụt mà tôi hy vọng tìm được lối thoát trong cách mạng Việt Nam, như tôi đã ám chỉ ở cuối cuốn sách, dưới nhan đề “Sự vận động thực tế của phép biện chứng”.

Đầu năm 1952, khi về tới Việt Bắc, tôi đã trấn an những mối lo lắng lý luận của tôi bằng cách tiếp nhận chủ nghĩa Marx theo những sự kiện biểu hiện trên thực tế, và tôi đã tự nhủ rằng tất cả các vấn đề đã được giải quyết xong cả rồi. Nhưng đến năm 1956, tiếng vang của Đại hội XX của Đảng Cộng sản Liên Xô đã kéo tôi ra khỏi tư tưởng giáo điều.

Tuy nhiên Khrushchev chỉ phản đối những phương pháp lạm dụng của chủ nghĩa quan liêu trong công tác tổ chức, chính trị chứ không đặt vấn đề phê phán nghiêm chỉnh những quan điểm lý luận liên quan với sự sùng bái cá nhân. Mà trên thực tế, thì chính những cuộc khủng bố hàng loạt, tùy tiện và phi pháp, cũng như cơ chế mệnh lệnh bao cấp, tất cả những cái gì đã cản trở, bóp méo công trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, mà Lenin đã chủ trương, và đã lãnh đạo nhân dân thực hiện với tinh thần anh hùng quên mình, là gắn liền với những sai lầm sâu sắc trong phương pháp tư duy và quan điểm triết học. Dưới lời tuyên bố biện chứng, phương pháp đã bị bóp méo thành một thứ siêu hình với cái lối nhận định phổ biến: “hoặc là ... hoặc là ...”. Hoặc là quét sạch đến tận gốc tất cả cái gì xuất phát từ xã hội tư bản, từ hệ thống tư sản với tất cả những yếu tố của nó hoặc là trở lại cái địa ngục tư bản chủ nghĩa.

## HUỖNH ÁI TÔNG

Engels nói: “Nhà siêu hình học tư duy bằng những đôi phản đề mà không có trung giới: ông nói có, có, không, không, đi xa hơn thì chẳng có nghĩa gì. Theo ông thì hoặc là một sự vật tồn tại, hoặc là nó không tồn tại. Một sự vật cũng không thể nào là bản thân nó và là cái khác. Cái tích cực với cái tiêu cực loại trừ lẫn nhau một cách tuyệt đối” (Chống Duyring, M.F.Werke, tập 20, tr.21).

Trên thực tế, sự tư duy theo lối “hoặc là ..., hoặc là ...” “có, có, không, không”, thì chính là tư duy ngoài thời gian. Như thế là tự đặt mình vào một thứ chốc lát coi như rút ra khỏi thời gian, quan niệm như đứng ngoài sự chuyển biến thời gian. Chống lại cái quan điểm siêu hình cho rằng “hoặc là một sự vật tồn tại, hoặc là nó không tồn tại”, **Heraclite** đã nói “Mọi sự vật tồn tại và cũng không tồn tại, vì nó chuyển biến”.

Nhà siêu hình học quan niệm sự chuyển biến không phải như sự chuyển biến của mỗi chốc lát ngay trong chốc lát ấy, mà như sự liên tiếp một tràng chốc lát, mỗi cái là bất động trong bản thân nó, và cái nọ kế tục cái kia, kết quả là ông thấy sự vật trong mỗi chốc lát *hoặc* tồn tại *hoặc* không tồn tại: không thể nào có cái thứ ba. Đây là nguyên lý không có cái thứ ba. Hegel đã bác bỏ cái nguyên lý siêu hình ấy trong một đoạn, mà Lenin đã tán thành và bổ sung – Lenin dẫn Hegel:

“Người ta nói: Một cái gì đấy hoặc A, hoặc không –A, không có cái thứ ba. Nhưng trên thực tế, chính là *có* cái thứ ba trong luận điểm như thế. A chính là cái thứ ba, vì A có thể là A vừa – A. Như thế thì chính A là cái thứ ba, mà người ta muốn gạt bỏ”.

Lenin viết tiếp: “Chí lý và đúng. Bất kỳ sự vật cụ thể nào, bất kỳ một cái gì đấy cụ thể cũng đúng trong những quan hệ đa dạng và nhiều khi là mâu thuẫn với tất cả những cái khác. Do đấy thì nó là bản thân nó và là cái khác” (Bút ký triết học tiếng Nga tr. 123-124).

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Như chủ nghĩa xã hội với tư cách bản thân nó, với tư cách một hệ thống, thì là sự phủ định chủ nghĩa tư bản. Nhưng một xã hội xã hội chủ nghĩa cụ thể, một nước xã hội chủ nghĩa, phát triển trong vô số quan hệ với thiên nhiên và với những nước khác. Do những quan hệ như thế, một số yếu tố của xã hội tư sản cũ đã sáp nhập vào hệ thống mới và có vai trò cần thiết cho sự phát triển của hệ thống mới. Tức là cái hệ thống mới xóa bỏ cái hệ thống cũ với tư cách là một hệ thống. Nó xóa bỏ cái cơ cấu thống nhất của hệ thống cũ. Nhưng một số yếu tố của hệ thống cũ được giữ lại trong hệ thống mới., với một hình thái mới, do đây mà chúng có vai trò tiến bộ và cách mạng trong hệ thống mới. Như thế là chủ nghĩa xã hội “là bản thân nó và là cái khác”, tức là nó sáp nhập trong bản thân nó những yếu tố nào đấy của xã hội cũ, và một số yếu tố như thế trở thành yếu tố của tương lai.

Ví dụ như một số quyền tự do dân chủ của xã hội tư sản, mà ngày xưa quần chúng nhân dân đã giành được do đấu tranh chống phong kiến và tư sản, thì ngày nay vẫn là cần thiết dưới một hình thái mới trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Chúng là cần thiết cho sự phát triển số lượng và chất lượng của chủ nghĩa xã hội, đối lập với chủ nghĩa quan liêu tiêu cực, và cuối cùng là cần thiết cho tiến trình chuyên hóa lên chủ nghĩa cộng sản. Cũng như thế, những phương pháp hợp lý hóa tổ chức lao động và quản lý sản xuất, những thành tựu văn hóa khoa học do những người trí thức của thời đại tư sản tạo nên, cũng là có ích và cần thiết cho chủ nghĩa xã hội. Tóm lại sự phủ định chủ nghĩa tư bản trong chủ nghĩa xã hội là gắn liền với sự phủ định, sự phủ định ấy trong sự mâu thuẫn nội bộ của chủ nghĩa xã hội, - chính là sự mâu thuẫn nội bộ này thúc đẩy sự phát triển như thế của sự phủ định chuyển thành phủ định sự phủ định.

Lenin đã đặt cơ sở cho phạm trù trung giới, là sự liên hệ sự phủ định với sự phủ định sự phủ định, khi dẫn và bình luận văn kiện của Hegel như sau:

## HUỶNH ÁI TÔNG

Lenin dẫn Hegel: “Những cái khác như thế về căn bản không phải là cái phủ định (**das Negative / le négatif**) trống không, không phải là cái hư vô mà người ta coi như sản phẩm bình thường của sự biện chứng. Nó là cái khác của cái thứ nhất - cái phủ định của cái trực tiếp (**das Negative des Unmittelbaren, le négatif de l’immédiat**). Tức là nó được xác định là *cái được trung giới hóa* (tôi gạch dưới T.Đ.T) – nó bao hàm đại khái trong nó cái quy định của cái thứ nhất...”

Lenin đã cải thiện lời lẽ và nói chính xác hơn:

“Không phải sự phủ định đơn thuần, không phải sự phủ định không có phản chiếu..., là đặc trưng cơ bản trong phép biện chứng ... – không, đặc trưng cơ bản của phép biện chứng chính là sự phủ định với tư cách là cái khâu liên hệ, cái khâu phát triển, mà vẫn giữ lại cái tích cực...” (Lenin, Bút ký triết học, tr 207, tiếng Nga).

Tức là sự vận động biện chứng là sự chuyển hóa từ cái thứ nhất, là cái trực tiếp, lên cái khác, là cái phủ định của cái trực tiếp ấy. Cái phủ định của cái thứ nhất như thế là cái thứ hai, tức là *cái được trung giới hóa*, nó vẫn giữ trong nó sự quy định của cái thứ nhất, tức là cái tích cực của cái thứ nhất.

Tác dụng của sự trung giới như thế là làm cho cái thứ nhất chuyển thành cái thứ hai, tức là *phủ định* cái thứ nhất trong cái thứ hai. Nhưng cái thứ hai, là cái *phủ định của cái thứ nhất*, thì vẫn giữ lại cái tích cực của cái thứ nhất. Và chính cái tích cực ấy đi vào mâu thuẫn bên trong của cái thứ hai, do đấy thì nó là sự phủ định sự phủ định thứ nhất.

Như Marx nói: “Sự sở hữu hóa tư bản chủ nghĩa phù hợp với phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa – là sự phủ định thứ nhất, nó phủ định cái quyền tư hữu, tư liệu sản xuất xuất phát từ lao động cá thể độc lập. Nhưng sự sản xuất tư bản chủ nghĩa... lại sinh ra sự phủ định bản thân nó. Đây là sự phủ định



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

sự phủ định. Nó khôi phục không phải là cái quyền tư hữu của người lao động, mà là cái quyền sở hữu cá nhân của anh dựa vào những thành tựu của thời đại tư bản chủ nghĩa, là sự hợp tác và vận dụng chung các tư liệu sản xuất kể cả đất đai” (Marx, tư bản, Marx – Engels Werke, tập 23, tr 791).

Nếu chúng ta xuất phát từ xã hội trung cổ thì cơ sở của nó trước hết là quyền tư hữu sản xuất của người tiểu nông và thủ công, dựa trên lao động cá thể độc lập. Đây là cái thứ nhất, sự sở hữu hóa tư bản chủ nghĩa là cái trung giới phủ định cái thứ nhất ấy: đây là sự phủ định thứ nhất, làm cho cái thứ nhất chuyển lên cái thứ hai, là phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, xã hội tư bản như thế là cái được trung giới hóa, tức là cái phủ định (le négatif) của quyền tư hữu dựa trên lao động cá thể độc lập của thời trung cổ, nó phủ định xã hội trung cổ. Nhưng sự phủ định như thế không có nghĩa là thủ tiêu tất cả, trái lại nó “vẫn giữ lại cái tích cực” của xã hội trung cổ.

Cơ sở của xã hội trung cổ, là quyền tư hữu về tư liệu sản xuất của người lao động cá thể độc lập, như thế là đã bị xóa bỏ. Nhưng trong ấy có cái tích cực, là quyền sở hữu cá nhân của người lao động, thì vẫn duy trì ở bề sâu xa của xã hội tư sản, dù có bị bóc lột theo lối bóc lột thặng dư giá trị. Bằng chứng là nhà tư bản phải tạo nên cái ảo ảnh tựa hồ như tiền công là hoàn lại “giá trị lao động” mà trên thực tế thì nó chỉ hoàn lại giá trị của sức lao động. Tức là về nguyên tắc, nhà tư bản vẫn phải công nhận, dù chỉ là trên lời nói, cái quyền sở hữu cá nhân của người lao động.

Do đây thì người lao động đòi phải thực hiện nghiêm chỉnh cái lời nói ấy, và sự đấu tranh của anh sáp nhập vào mâu thuẫn cơ bản của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, là mâu thuẫn giữa tính chất xã hội của sức sản xuất với hình thái tư hữu tư bản chủ nghĩa của sự chiếm hữu. Như thế là phát triển đấu tranh giai cấp của quần chúng công nhân chống chủ nghĩa tư bản. Tức là “sự sản xuất tư bản chủ nghĩa lại sinh ra sự phủ định

## HUỶNH ÁI TÔNG

bản thân nó”. Mà vì chính bản thân chủ nghĩa tư bản là sự phủ định cái quyền tư hữu dựa trên lao động cá thể độc lập, nên sự phủ định chủ nghĩa tư bản trong đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân có nghĩa là *phủ định sự phủ định thứ nhất*. Đây là sự phủ định thứ hai, “nó khôi phục không phải là cái quyền tư hữu của người lao động mà là cái quyền sở hữu cá nhân của anh, dựa vào những thành tựu của thời đại tư bản chủ nghĩa, là sự hợp tác và vận dụng chung các tư liệu sản xuất, kể cả đất đai”.

Quyền sở hữu cá nhân của người lao động chính là cái tích cực trong quyền tư hữu của người lao động trung cổ, cá thể độc lập chuyển lên phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, cái tích cực kia vẫn duy trì ở bề sâu xa, vì nó là tích cực, nhưng nó lại bị áp đặt một tầng lớp mơ hồ, do người tư bản chỉ trả tiền công theo giá trị của sức lao động chứ không phải là theo lao động, nhưng vẫn tuyên bố là trả theo lao động. Tức là người tư bản bóc lột người công nhân bằng cách tạo nên một hình thức thăng bằng mơ hồ giữa tiền công với lao động. Đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân, nhằm xóa bỏ bóc lột, chính là nhằm khôi phục cái tích cực của thời trung cổ trong điều kiện của sự tập trung sản xuất và xã hội hóa lao động hiện đại, và như thế là xác định mục đích tiến lên chủ nghĩa xã hội: làm theo năng lực hưởng theo lao động, trên cơ sở quyền sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất. Đây là *sự phủ định thứ hai*, nó phủ định cái thứ hai là sự bóc lột tư bản chủ nghĩa, tức là nó phủ định sự phủ định cái thứ nhất và như thế là nó khôi phục cái tích cực của cái thứ nhất (là quyền sở hữu cá nhân của người lao động vẫn duy trì ở bề sâu, nhưng bị tha hóa trong cái thứ hai, tức là nó thúc đẩy cái thứ hai (xã hội tư sản) tiến lên cái thứ ba (xã hội xã hội chủ nghĩa).

Tóm lại, trong sự chuyển hóa từ cái thứ nhất lên cái thứ hai, ví dụ như từ phương thức sản xuất tiểu tư hữu của người lao động trung cổ lên xã hội tư bản chủ nghĩa hiện đại, thì cái thứ hai phủ định cái thứ nhất, nhưng cái tích cực của cái thứ nhất (ở

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

đây là quyền sở hữu cá nhân của người lao động) vẫn được duy trì ở bề sâu xa của cái thứ hai, đồng thời nó bị áp đặt lên một hình thái tha hóa tức là nó vẫn bị phủ định, dù không bị thủ tiêu. Cái tích cực của cái thứ nhất bị tha hóa trong cái thứ hai như thế thì đấu tranh chống tha hóa. Nó sáp nhập vào mâu thuẫn cơ bản của cái thứ hai, tức là nó phủ định cái thứ hai. Do đấy thì nó cũng phủ định sự phủ định thứ nhất, tức là nó phủ định sự phủ định (sự tha hóa) cái tích cực của cái thứ nhất trong cái thứ hai, và như thế là nó đưa cái tích cực ấy theo hướng tiến lên cái thứ ba.

Sự trung giới trong sự chuyển hóa từ cái thứ nhất lên cái thứ hai như thế là liên hệ sự phủ định cái thứ nhất với sự phủ định sự phủ định, tức là với sự phủ định sự tha hóa cái mặt tích cực của cái thứ nhất trong cái thứ hai, do đấy thì thúc đẩy cái thứ hai chuyển lên cái thứ ba. Nội dung của sự trung giới như thế là thống nhất biện chứng sự phủ định với sự phủ định sự phủ định. Đứng về mặt lôgic thì đấy là cái “tính phủ định thuần túy” hay “cái biến chuyển đơn giản”. Cái tính phủ định (Negativität) thì chính là cái tính vận động biến chuyển của mỗi lát thời gian, do đấy mà “sự vật tồn tại và không tồn tại”, “sự vật là bản thân nó và là cái khác” ngay trong mỗi lát thời gian. Sự *trung giới* với tư cách là tính vận động hay tính phủ định, bao hàm sự phủ định và sự phủ định sự phủ định thì thực hiện sự liên tục trong sự gián đoạn giữa ba hệ thống lịch sử tiếp tục nhau tiến lên, tiêu biểu cho sự vận động đồng nhất của dĩ vãng, hiện tại và tương lai. Do đấy thì sự trung giới chính là bảo đảm sự liên tục trong sự gián đoạn của sự vận động lịch sử của thiên nhiên, xã hội và con người.

Lenin đã vận dụng phạm trù trung giới, tức là sự phủ định thống nhất với sự phủ định sự phủ định ngay từ buổi đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong quan niệm về chính sách kinh tế mới, cũng như trong quan niệm về cách mạng văn hóa xã hội chủ nghĩa, cuộc cách mạng văn hóa này, trái hẳn với cái gọi là

## HUỶNH ÁI TÔNG

“văn hóa vô sản” (Proletkult), có nhiệm vụ tiếp thu, sáp nhập tất cả nội dung có giá trị của văn hóa truyền thống loài người.

Nhưng sau Lenin, cái nguyên lý trung giới, bao hàm quy luật phủ định sự phủ định, là nguyên lý khái quát của cả quá trình biện chứng toàn diện của sự phát triển lịch sử, đã bị gạt ra ngoài và coi như không có. Tình trạng bỏ quên như thể biểu hiện một quan điểm hoàn toàn trừu tượng về sự phủ định, với cái lối suy nghĩ rập khuôn “hoặc là ..., hoặc là ...”, do đây mà sinh ra một tình trạng bóp méo chủ nghĩa Marx theo kiểu siêu hình, sự bóp méo này đã được đúc thành giáo điều năm 1938 trong cái triết lý chính quy của sự sùng bái cá nhân.

Đến năm 1956, khi quy luật phủ định sự phủ định lại được công nhận, thì nội dung bao hàm trong ấy vẫn không được nêu rõ. Tức là sự công nhận còn có tính cách hình thức, do đây mà đại khái sau hơn mười năm tìm tòi, thì phương pháp tư duy lại sa vào cái vết xe siêu hình bế tắc “Hoặc là..., hoặc là...”. *Hoặc là* cứ giữ cái cơ chế quản lý mệnh lệnh, quan liêu bao cấp, *hoặc là* , trở lại tình trạng vô chính phủ của xã hội tư bản chủ nghĩa.

Trên thực tế thì đây là bỏ quên *sự trung giới*. Sự trung giới là sự biện chứng của sự chuyển hóa từ một hệ thống lên một hệ thống khác cao hơn thông qua sự *thống nhất sự phủ định* cái hệ thống thứ nhất do cái hệ thống thứ hai, với *sự phủ định sự phủ định* ấy. Sự trung giới như thế là *nội dung quyết định* sự phát sinh và phát triển cái hệ thống thứ hai xuất phát từ cái hệ thống thứ nhất, quyết định sự bình thường hóa và phát huy cái hệ thống thứ hai tiến lên chuyển hóa thành một hệ thống thứ ba cao hơn nữa (Xem Marx, Le Capital, Editions Sociales, 1, 3, tr.205). Hegel nói: “Sự trung giới là cái tính phủ định thuần túy”, tức là cái vận động thuần túy phủ định, nó là sự phủ định hoàn thành bằng cách lại phủ định bản thân nó, tức là phủ định sự phủ định.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Như *sự trung giới* làm cơ sở quyết định sự chuyển hóa từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, là sự thống nhất *sự phủ định* chủ nghĩa tư bản do chủ nghĩa xã hội, với sự phủ định sự phủ định ấy bằng cách khôi phục những yếu tố vẫn có giá trị của xã hội tư sản cũ, nhằm bảo đảm sự hoạt động *bình thường* (hợp pháp, không khủng bố) của những quan hệ xã hội chủ nghĩa, và sự phát triển của chúng trong viễn cảnh một ngày kia, dù có xa xôi đến đâu, thì sẽ tiến lên chủ nghĩa cộng sản.

Theo nghĩa chung nhất của nó thì sự trung giới, với tư cách thống nhất sự phủ định với sự phủ định, biểu hiện là sự biện chứng của sự chuyển hóa từ một hệ thống lịch sử lên một hệ thống cao hơn, mà sự phát triển của hệ thống thứ hai này, khôi phục một số yếu tố của hệ thống thứ nhất, thì lại mở đường cho sự chuyển hóa lên một hệ thống thứ ba cao hơn nữa. Sự biện chứng của sự trung giới như thế thì theo lý luận là tiến hành trên toàn diện sự vận động của vật chất, từ những hình thái dĩ vãng xa xăm vô tận lên cái tương lai vô hạn định của nó. Hegel nói: “Sự trung giới nếu thu rút vào sự trừ tượng thuần túy của nó, là sự biến chuyển thuần túy” (Hiện tượng học của tinh thần – Tựa), tức là sự biến chuyển qua toàn diện thời gian.

\*

\* \*

Đại hội XX của Đảng Cộng sản Liên Xô đã khôi phục quy luật phủ định sự phủ định trong công thức triết học, nhưng lại không nói gì đến sự thống nhất cơ bản của nó với cái phủ định thứ nhất. Như thế thì vẫn chưa thấy *sự liên hệ lẫn nhau tất yếu*: giữa sự đấu tranh chống dân chủ tư sản, tức là giữa *sự phủ định* dân chủ tư sản do dân chủ xã hội chủ nghĩa với *sự phủ định sự phủ định* ấy do xã hội xã hội chủ nghĩa lấy lại dưới một hình thái mới, một số quyền tự do dân chủ và một số yếu tố của thời đại tư sản, nhằm đấu tranh chống chủ nghĩa quan liêu tiêu cực với mục đích dân chủ hóa nội bộ xã hội xã hội chủ nghĩa.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Kết quả là hai quá trình, một là chống hệ thống dân chủ tư sản và thứ hai là lấy lại dưới hình thức cải tạo một số yếu tố dân chủ truyền thống, hai quá trình như thế đã tiến hành song song, rời rạc, mỗi bên tự định lượng một cách tự tiện.

Tóm lại, người ta đã không kể đến sự trung giới, nó là nội dung cơ bản của sự vận động xã hội chủ nghĩa xuất phát từ dĩ vãng tư bản chủ nghĩa do sự thống nhất biện chứng giữa sự phủ định với sự phủ định sự phủ định.

Vì bỏ quên sự trung giới như thế nên việc sửa chữa giáo trình triết học mác-xít năm 1956, phục hồi quy luật phủ định sự phủ định, đã không mang lại tất cả kết quả mong muốn. Sau một thời gian 10 năm tìm tòi tiến lên, người ta đã trở lại cái phương pháp lưỡng phân: *hoặc là* giữ nguyên chủ nghĩa xã hội với tình trạng lè mề tồn kém của cái bộ máy hành chính mệnh lệnh bao cấp, thậm chí còn lại còn có cái gánh nặng của một thứ chủ nghĩa quan liêu tiêu cực, *hoặc là* trở lại dân chủ tư sản, chủ nghĩa tư bản – không có cái thứ ba. Đây vẫn là phương thức tư duy siêu hình mà Engels đã mô tả: “Nhà siêu hình học tư duy bằng những đôi phản đề, mà không có trung giới: Ông nói có, có, không, không, đi xa hơn thì chẳng có nghĩa gì”.

Cái gì xa hơn, thì chính là quy luật phủ định sự phủ định *bao hàm sự liên hệ cơ bản với sự phủ định thứ nhất*. Đây là sự trung giới sáng lập tổng hợp, nó bảo đảm tính liên tục trong tính gián đoạn của sự biến chuyển, sự trung giới như thế thì chính là cơ sở của sự thống nhất biện chứng của toàn diện lịch sử thế giới với tư cách vật chất dương vận động. Đặc biệt đây là cơ sở của sự thống nhất biện chứng của lịch sử xã hội loài người, của bản thân con người đang phát triển với sự đa dạng và những sự mâu thuẫn của nó trong lịch sử ấy,

Do bỏ quên quy luật về sự phủ định sự phủ định rồi đến khi nhắc đến, thì lại không vạch rõ ràng nó là một mặt của sự trung giới không thể tách rời sự phủ định thứ nhất, nên đã sinh ra tình

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

trạng bóp méo phép biện chứng theo lối siêu hình. Như thế là tạo thế mạnh cho một quan điểm *tha hóa* về con người phủ định tính phổ cập gắn liền với tính đặc thù của con người, một quan điểm gạt bỏ những giá trị phổ cập của con người mà chính những giá trị này là nguồn gốc sâu xa của những giá trị tiên bộ và những giá trị giai cấp cách mạng của mỗi thời đại. Chính sự liên hệ khăng khít giữa những giá trị phổ cập và những giá trị đặc thù tạo nên nội dung ý nghĩa, *bề sâu* của chủ nghĩa xã hội trong ý thức tự phát của quần chúng vô sản và nhân dân cũng như trong tư duy lý luận của các nhà kinh điển Marx-Lenin.

Do thiếu công trình phê phán sự sùng bái cá nhân về mặt lý luận, nên sự đấu tranh của Đại hội XX không thể nào xác định một mục đích cố tính chất cơ cấu. Những khẩu hiệu của Khrushchev chỉ nhằm một thứ chủ nghĩa dân chủ hình thức, chung chung, do đẩy mà phong trào của ông tất nhiên thất bại. Và sự thất bại như thế lại tăng cường tình trạng bóp méo chủ nghĩa Marx-Lenin theo lối siêu hình.

Tuy nhiên Đại hội XX đã mang lại một sự giải phóng tư tưởng và như thế là làm cho tôi có đủ tinh thần để trở lại nghiên cứu triết học. Những bài của tôi đăng trong tạp chí **La Pensée** bắt đầu từ 1965 đã đi tới cuốn Nghiên cứu nguồn gốc của tiếng nói và ý thức (**Editions Sociales**, 1973-Paris). Trong ấy tôi nghĩ rằng có thể thực hiện quan điểm Marx-Lenin và sửa chữa cuốn **Phénoménologie et Matérialisme Dialectique** ngày xưa, bằng cách tiến hành một công trình hoàn toàn duy vật về nguồn gốc của ý thức xuất phát từ lao động và tiếng nói, gạt bỏ tất cả mọi di tích của chủ nghĩa chủ quan hiện tượng học.

Tuy nhiên trong toàn bộ cuốn **Recherches sur l'Origine du Langage et de la Conscience**, thì quan niệm và phương pháp vẫn không thoát khỏi những giới hạn hẹp hòi của cái di sản lý luận của thời sùng bái cá nhân, bóp méo chủ nghĩa Marx theo lối siêu hình.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Do bỏ qua sự trung giới và như thế là từ bỏ sự thống nhất biện chứng của lịch sử xã hội loài người, tức là từ bỏ con người với tư cách chủ thể của lịch sử ấy, nên kết quả là làm phai mờ ranh giới giữa tính người với tính động vật. Do đấy mà tôi đã lẫn lộn hai hình thức dấu hiệu căn bản khác nhau, cái chỉ hiệu của tiền nhân, và cái tiếng nói bằng từ của con người, cả hai hòa lẫn trong cùng một biểu tượng mơ hồ về “tiếng nói” chung chung coi như sự sử dụng bất kỳ dấu hiệu nào.

Trên thực tế thì chỉ hiệu của khi tinh tinh, nói chính xác, không có cái nghĩa từ của con người, vì con tinh tinh có khả năng học hơn 100 chỉ hiệu. Mà trái lại, qua nhiều năm huấn luyện, nó cũng chỉ có thể học phát âm vài bốn “từ”. Thậm chí cũng không thể nào chứng minh rằng số ít phát âm ra như thế mang đúng cái cơ cấu của ý nghĩa của những từ mà trẻ em người đã biết sử dụng vào tuổi 15 tháng.

Tóm lại những công trình nghiên cứu của tôi trong những năm 1960-70, cho đến đầu những năm 1980, thì trên thực tế là xây dựng trên sự lẫn lộn giữa chỉ hiệu của Tiền nhân, mà căn bản vẫn là khi, với tiếng nói của *người đầu tiên*. Tức là tôi đã xóa bỏ về mặt dấu hiệu học sự khác biệt cơ bản giữa con vật tiến hóa nhất với con người nguyên thủy nhất. Kết quả là tôi đã thu hút cái đặc tính của tiếng nói con người vào một tổ hợp chỉ hiệu, và phương pháp như thế rõ ràng là một thứ phép siêu hình máy móc.

Dĩ nhiên ngày ấy tôi vẫn chủ trương vận dụng phép biện chứng, nhưng trên thực tế thì đấy lại không phải là biện chứng mà chỉ là thuộc tình trạng méo mó theo lối siêu hình của thời sùng bái cá nhân và đình đốn.

Mãi đến năm 1985-1986 tôi mới vượt qua được những giới hạn hẹp hòi như thế, nhờ phong trào cải tổ, đổi mới trong các nước xã hội chủ nghĩa sinh ra một thời đại Phục hưng mới, khôi phục và phát triển tư tưởng nhân bản chân chính của các nhà



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

kinh điển Marx-Lenin, sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học. Chủ nghĩa nhân bản Marx-Lenin như thể dĩ nhiên bao hàm một sự phân biệt biện chứng rõ ràng giữa con người với con vật, do đây mà tôi đã nhận ra rằng cái từ mà trẻ em 15 tháng dùng một cách cô đơn, thì có một ý nghĩa biện chứng tóm tắt cái vận động của tiếng nói đầu tiên của đời sống thực tế của con người, thu lại trong cái từ nguyên thủy của tiếng nói ngôn ngữ đầu tiên, theo như chúng ta có thể *hình dung* nó, xuất phát từ quá trình thao tác sơ đẳng bao hàm trong sự sản xuất những công cụ đầu tiên của Người khéo (**Homo habilis**). Sự biện chứng như thế được xác nhận về mặt lôgic theo sự vận động đầu tiên của tồn tại, với tư cách là sự chuyển hóa từ sự xung động, tức là từ sự đồng nhất giữa *tồn tại* và *hư vô*, là sự *biến chuyển*, tạo nên *cái gì đã biến thành*, tức là *thực tại*. Sự vận động như thế lắng đọng trong cơ cấu ba nghĩa của cái từ nguyên thủy, như nó tái diễn trong trẻ em bé ngày nay, với tư cách là thông nhất *lối mệnh lệnh*, *lối trình bày*, và *thể từ*.

Trong những công trình nghiên cứu của tôi vào những năm 1960-70, tôi không thể nào vận dụng lôgic biện chứng để phân tích ý nghĩa của tiếng nói nhi đồng, vì ảnh hưởng cản trở của sự bóp méo siêu hình mà sự sùng bái cá nhân đã áp đặt vào phép biện chứng mác-xít. Sự bóp méo như thế vẫn giữ tất cả cái uy tín tha hóa của nó trong suốt thời gian đình đốn, với cái gọi là “Đại cách mạng văn hóa vô sản”.

Thế là trong cuốn *Nghiên cứu về nguồn gốc của tiếng nói và ý thức (Recherches sur l'Origine du Langage et de la Conscience, 1973)* tôi đã đi vào cái thứ hình thức chủ nghĩa của một tổ hợp vận dụng ba đoạn: *cái này (C)*, *vận động (M)* và *hình thái (F)*. Sự phát triển theo lối mở rộng số lượng của ba đoạn như thế kết hợp theo những hình thù khả dĩ về mặt lý luận và thực tiễn, được coi như sẽ lập lại sự phát triển của mọi cơ cấu của tiếng nói ở thời điểm đầu của giống người và ở tuổi nhi đồng ngày nay.

## HUỖNH ÁI TÔNG

Trên thực tế thì tôi đã nhanh chóng nhận thấy rằng những sự kết hợp hoàn toàn máy móc như thế không thể nào xây dựng lại một câu ngữ pháp, dù chỉ là phi ngữ, lại càng không thể nào xây dựng lại một cơ cấu có ngữ. Thế là tôi đã tìm đường bổ sung ức thuyết của tôi bằng cách vận dụng phép phân tâm. Phép phân tâm đặc biệt tăng cường uy tín từ những sự kiện năm 1968, càng ngày càng phát triển ảnh hưởng vào giới trí thức cộng sản phương Tây, ảnh hưởng này lại có âm vang lan tràn đến Việt Nam. Các tác giả phân tâm hứa hẹn sẽ soi sáng bí hiểm của tiếng nói.

Tôi đã tìm thử theo phương pháp của họ, nhưng sau khi thử nghiệm, thì rõ ràng rằng phương pháp ấy không giúp được gì trong vấn đề nguồn gốc của câu nói có ngữ pháp.

Năm 1978, tư tưởng Mao Trạch Đông đã phá sản về mặt đạo lý, do phát hiện ra cái kết quả cuối cùng của chủ nghĩa vô nhân bản của cái gọi là “đại cách mạng văn hóa vô sản”: đây là sự kiện diệt chủng 3 triệu dân Campuchia do bọn Khơme đỏ của Pôn Pốt lênh Xary. Ngày ấy tôi đã viết một công trình phê phán tính chất cực kỳ hẹp hòi, vị kỷ của tư tưởng Mao.

Đến năm 1983, khi có bài của **Andropov** kỷ niệm 100 năm ngày mất của Marx, thì tôi tự cảm thấy được giải phóng khỏi những điều kiêng cấm của triết học của thời sùng bái cá nhân và thời đình đốn. Do vậy mà tôi đã vận dụng được một cách nhất quán những lời tuyên bố của các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học về vấn đề xoay lại phép biện chứng của Hegel, đặt cho nó đầu lên trên, chân xuống dưới, nhờ thế mà chủ nghĩa Marx đã lấy lại “cái hạt nhân hợp lý” của Hegel, và tạo nên phép biện chứng duy vật hiện đại. Tôi đã trình bày một cố gắng đầu tiên theo hướng ấy trong bài “Phép biện chứng lôgic trong sự phát sinh “*Tư bản*” (**La Pensée**, số 240, tháng 7/1984).

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Rồi cuối cùng phong trào cải tổ đã tới, mang lại một quan niệm đúng đắn cho sự đổi mới là hy vọng lâu năm của quần chúng. Thời Phục Hưng hiện đại đã hoàn lại cái tinh thần nhân bản chân chính của những nhà sáng tạo chủ nghĩa Marx-Lenin, mở đường vượt khỏi sự tha hóa này đã kéo dài suốt thời đình đốn. Triển vọng của thời Phục hưng này là phát triển nhận thức về con người, và thực hiện trên phạm vi cụ thể phổ cập sự thống nhất biện chứng giữa lý luận với thực tiễn, trong sự hiểu biết toàn diện lịch sử thế giới, bao hàm sự liên hệ khăng khít giữa phong trào đấu tranh giai cấp của quần chúng nhân dân với cái mặt tích cực của những quan hệ xã hội cũ và những đòi hỏi của sự tiến bộ của con người.

Lúc bấy giờ tôi lại cảm thấy cái nhiệt tình của những năm cuối cùng của tôi ngày xưa ở bên Pháp. Sự tấn công bất ngờ của kế hoạch **Marshall** làm cho các bộ trưởng cộng sản bị gạt ra khỏi các chính phủ Tây Âu, đã đặt giới trí thức bấy giờ trước một sự lựa chọn giữa chủ nghĩa Marx với sự phục hồi hoàn toàn của giai cấp tư sản quốc tế. Trước sự tiến lên của chủ nghĩa đế quốc thực dân, tôi chỉ có thể chọn chủ nghĩa Marx, và tôi đã thực hiện điều ấy trong bài “Hiện tượng học của tinh thần và nội dung thực tế của nó”. **Jean-Paul Sartre** đã coi như một vấn đề thể diện là cho in bài trong tạp chí **Les Temps Modernes** (tháng 9/1948).

Đây là bài bình luận cuốn sách mới xuất bản của **Kojève** về **Hegel**, mà **Maurice Merleau-Ponty** đã đề nghị tôi viết, để giảm bớt quan điểm hiện sinh quá trắng trợn của **Kojève** bằng cách hướng sự giải thích của **Hegel** về phía Marx.

Tôi đã làm quen cuối năm 1941 với **Maurice Merleau-Ponty** ngày ấy là phụ giảng ở phố Ulm. Ông ấy đọc một số đoạn trích luận văn của ông đang viết về “hiện tượng học của tri giác” và thường nói rằng tất cả sẽ kết thúc bằng một sự tổng hợp **Husserl**, **Hegel** và **Marx**. Những buổi như thế tiến hành trong

## HUỶNH ÁI TÔNG

phòng làm việc của **François Cuzin**, còn là sinh viên, nhưng đã sửa soạn đi vào luận văn về sự tự do.

Xu hướng về phía Marx là tất yếu, vì châu Âu đương bị phát xít chiếm đóng, và hy vọng được giải phóng từ một chiến thắng trong ấy quân đội Liên Xô sẽ có vai trò chủ yếu.

Tuy nhiên chúng tôi chưa được chuẩn bị về mặt triết học để nghiên cứu những văn kiện của Marx. **Jean Desanti**, người cộng sản duy nhất của khoa triết trong trường, được mọi người khâm phục vì rất thấu hiểu đối với **Platon** và **Kant**, Giáo sư **Jean Cavallès**, một người đã đi vào tổ chức kháng chiến chống Đức ngay từ đầu, thường xuyên gặp **Jean-Paul Sartre** trao đổi về triết học. Ông báo tin đương xây dựng một học thuyết về nhận thức khoa học dựa vào hành vi lựa chọn. Ví dụ như cùng một hiện tượng có thể được coi như toán học, lý học v.v... tùy theo sự lựa chọn của nhà khoa học.

Trong mấy tháng mùa đông 1940-41 mà tôi đã phải tạm thời ở **Clermont-Ferrand**, tôi đã đi vào văn kiện của **Hegel** và theo sự khuyến khích của GS **Jean Cavallès** đi vào **Husserl**. Năm 1941-42 tôi làm với **Cavallès** luận án cao học về phương pháp biện chứng tượng học của **Husserl**. **Merleau-Ponty** nhấn mạnh về tầm quan trọng đặc biệt của cuốn **Erfahrung und Urteil** (kinh nghiệm và phán đoán) và bài **Die Krisis der europäischen Wissenschaften und die transzendentale Phänomenologie** (Cuộc khủng hoảng của các khoa học Âu châu và hiện tượng học tiên nghiệm) trong sự chuyển hướng của **Husserl** đi từ hiện tượng học của các bản chất tới một học thuyết về lịch sử sáng tạo nên các hình thái.

Với ánh sáng của kinh nghiệm cuộc chiến tranh đương tiếp diễn, mọi người cảm thấy rằng một xu hướng tư tưởng như thế sẽ được thực hiện trong quan niệm mác-xít. Nhưng quan niệm này mới chỉ xuất hiện trong chân trời mù sương của một thứ chiết trung trí thức chủ nghĩa.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Sau khi giải tán phát xít, thì vấn đề là lựa chọn giữa chủ nghĩa hiện sinh với chủ nghĩa Marx. **Sartre và Merleau-Ponty** không thể nào phân xử, hay nói đúng hơn thì họ đã chọn chủ nghĩa hiện sinh.

Trong năm 1945, là năm đầu thời kỳ giải phóng châu Âu, tôi đã làm phát ngôn viên cho những đòi hỏi dân chủ dân tộc của 25.000 Việt kiều, hầu hết là chiến binh và công binh do chính phủ Pháp gọi sang vào đầu chiến tranh. Khi tôi bị giam ở nhà tù **La Santé**, vì đã kiên quyết ủng hộ Việt Minh và Chính phủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tôi đã dùng thời gian rỗi trong xà lim để trầm tư mặc tưởng theo lối hiện tượng học. Tôi đã viết bài **Sur l'Indochine**, còn đứng trong giới hạn chủ nghĩa hiện sinh, nhưng đã biểu hiện một xu hướng mác-xít rõ ràng hơn nhiều so với những bài khác của tạp chí **Les Temps Modernes** (xem số 5 tháng 2/1946).

Khi xuất hiện kế hoạch **Marshall**, tôi cảm thấy sâu sắc cái bản chất đế quốc thực dân của nó, và tôi thấy khó thông cảm với nhóm người xung quanh tạp chí của **Sartre**, vì họ đã thích nghi với thời cuộc mới. Và như thế là tôi đã dứt khoát từ giã chủ nghĩa hiện sinh bằng cách viết một bài duy vật kiên quyết phê phán quan điểm hiện sinh của **Kojève** giải thích **Hegel**.

Do tôi đã trải qua tiếp thu phương pháp hiện tượng học, nên sự lựa chọn chủ nghĩa Marx tạo nên cho tôi cái đòi hỏi phải cải tạo cả hai hiện tượng luận **Hegel và Husserl**, xóa bỏ hình thái và những yếu tố duy tâm của họ để lấy lại cái “hạt nhân hợp lý” tức là những yếu tố duy vật, nhằm vận dụng những yếu tố ấy trên cơ sở duy vật biện chứng và duy vật lịch sử để xây dựng một giải pháp khoa học cho vấn đề về tính chủ quan của cái sinh thức. Tôi đã chủ trương như thế, xuất phát từ chỗ học thuyết mác-xít cơ bản về cái quan hệ giữa sản xuất và sở hữu coi như cơ sở của sự tiến hóa lịch sử xã hội, gặp rất nhiều điểm khó khăn, mà chỉ có thể phân tích, soi sáng bằng cách liên hệ với các ý thức sinh thức của sự sản xuất và sở hữu hóa, với tất

## HUỖNH ÁI TÔNG

cả nội dung xã hội và nhân cách của những lo lắng, đòi hỏi và giá trị của con người. Một sự tìm hiểu, liên hệ như thế dĩ nhiên phải tiến hành trên cơ sở mác-xít. Cái gì của **Hegel và Husserl** mà còn có giá trị, thì cũng chỉ có thể mang lại những yếu tố để xây dựng.

Tuy nhiên sự méo mó siêu hình học áp đặt vào chủ nghĩa Marx trong thời sùng bái cá nhân, đã gạt bỏ ngay từ đầu tất cả cái gì trong những trước tác của Marx có thể gọi và hướng tới xây dựng một cơ sở lý luận như thế để liên hệ vấn đề khách quan của xã hội với ý thức sinh thức của con người cá nhân. Kết quả là tôi chỉ có sẵn những dữ kiện hiện tượng học, để tìm hiểu sự chuyển biến từ tính khách quan của những quan hệ vật chất lên tính chủ quan của sự hiện tồn sinh thức. Mà cái chân trời rớt cuộc cá nhân của sự mô tả hiện tượng học trong **Hegel** cũng như trong **Husserl** chỉ cho phép nhận thấy trong sự sở hữu hóa cái cái mặt chiếm đoạt của nó. Còn cái mặt cộng đồng của nó thì bị bỏ qua và chuyển sang hình thái bên ngoài của một lý tưởng vô hạn định. Như thế là tự nhiên không còn gì để làm trung giới cho cái ý thức xuất phát từ thực tế.

Tóm lại, cái cách hiểu chủ nghĩa Marx ở thời sùng bái cá nhân đã đưa cuốn Hiện tượng học và chủ nghĩa duy vật biện chứng mà tôi đã viết năm 1951, đến chỗ sa lầy trong ngõ cụt: tức là đặt kề bên nhau một bên là nội dung hiện tượng học, một bên là nội dung vật chất, thực ra theo lối siêu hình học. Và chính như thế là mở đường trở lại một thứ chủ nghĩa nhị nguyên ít nhiều duy tâm.

Đến giai đoạn sau, để tránh cái nguy cơ như thế trong công trình nghiên cứu của tôi những năm 1960-1970, tôi chỉ có thể cố gắng giảm bớt phần hiện tượng học, nhưng cũng không khắc phục được sự đặt kề nhau cái chủ quan với cái khách quan như mới nói.

## II

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Phải đến khi gặp bầu không khí đổi mới của phong trào cải tổ, thì tôi mới đi đến chỗ tìm ra được ý nghĩa của đoạn mô tả quyết định, mà Marx đã viết trong tập **Grundrisse**, bàn về sự vận động khởi nguyên của sự sở hữu hóa nguyên thủy, với tư cách là *thái độ sinh thức* của người sản xuất nguyên thủy đối với cộng đồng xã hội và với đất đai, là cơ sở lao động gồm toàn bộ tư liệu sản xuất của mình, sự sở hữu hóa cộng đồng nguyên thủy là *sự trung giới khởi nguyên*, ở đây thực hiện sự chuyển hóa lịch sử từ vật chất lên ý thức từ thiên nhiên lên tinh thần, Marx nói:

“Quyền sở hữu đầu tiên không có nghĩa gì khác hơn là thái độ của con người đối với những điều kiện tự nhiên của sự sản xuất của mình, coi chúng như là thuộc về mình, như là *đã có cùng với sự thực tại của mình rồi*. Đây là thái độ của con người coi những điều kiện ấy như những tiền đề *tự nhiên* của bản thân mình, coi những tiền đề ấy như chỉ là sự kéo dài thân thể bản thân của mình ra ngoài mình... con người như thế là tồn tại bằng đôi cách. Một mặt là chủ quan với tư cách bản thân nó, và một mặt là khách quan trong những điều kiện tự nhiên của sự thực tại của nó ngoài thân thể của nó.

“Đối với cá nhân đương sống, một điều kiện tự nhiên của sự sản xuất là nó thuộc vào một *xã hội tự nhiên*, một bộ lạc v.v... sự thực tại chủ quan của nó với tư cách chủ quan bao hàm các điều kiện ấy, cũng như nó có một điều kiện nữa là thái độ của cá nhân đối với đất đai, coi đất đai là cơ sở lao động của mình....”

“Sự sở hữu hóa như thế có nghĩa là con người sở hữu thuộc vào một bộ lạc (một cộng đồng) (có sự thực tại chủ quan – khách quan của mình trong ấy). Sự sở hữu như thế được môi giới do thái độ của cái cộng đồng ấy đối với đất đai coi đất đai như cái thân thể vô cơ của nó. Vì sự môi giới ấy mà cá nhân có thái độ đối với đất đai, đất đai là điều kiện khởi nguyên bên ngoài của sự sản xuất của nó, (vì đất đai là nguyên liệu, dụng

## HUỶNH ÁI TÔNG

cụ, đồng thời là thành quả), cá nhân coi đất đai như tiền đề của sự thực tại cá nhân mình, như phương thức tồn tại của cá nhân mình”. (Marx, *Grundrisse der Kritik der politischen Ökonomie*, tr. 391-392).

Trong những âm vang sâu sắc của cái bức tranh sống động và sinh thức mạnh mẽ như thế, mô tả sự sở hữu hóa nguyên thủy, trong ấy biểu hiện ý nghĩa khởi nguyên, vừa xã hội, vừa cá nhân, vừa khách quan, vừa chủ quan của cái quan hệ sản xuất với tư cách sở hữu cộng đồng, chúng ta nhận thấy nội dung cơ bản của sự phát sinh tiếng nói và ý thức, xuất phát từ sự sản xuất vật chất của thời khởi nguyên và từ những liên hệ vật chất mà nó bao hàm.

Marx nói: “Cái tiền đề đầu tiên của tất cả lịch sử loài người dĩ nhiên là những tồn tại của những cá thể người sinh sống. Cái tình hình thực tế cần phải xác nhận trước hết như thế là cái tổ chức cơ thể của những cá nhân ấy, và cái quan hệ của họ với thiên nhiên bên ngoài, xuất phát từ cái tổ chức cơ thể ấy....

“Con người bắt đầu tự phân biệt với động vật ngay khi người ta bắt đầu *sản xuất* những phương tiện sinh sống của mình, một sự tiến bộ thực hiện trên cơ sở cái tổ chức cơ thể của mình (Hệ tư tưởng Đức, *Dietz-Verlag*, trong 16-17).

Chúng ta có thể coi những Người khéo (homo habilis) đầu tiên như những “cá thể người sinh sống”, có một tổ chức cơ thể người, tức là một bộ óc hơn 700 cm<sup>3</sup>, một bàn tay có khả năng sử dụng một hòn ghè và một bàn chân thích nghi với việc đi thẳng thường xuyên. Với tổ chức sinh học như thế, xuất phát từ sự tiến hóa của khí Nam Phi cao cấp trong điều kiện của một môi trường có tính cách sa mạc, thì ngay từ đầu Người khéo đã có thể dùng một hay hai nhát ghè, để luyện một cái **Chopper**. Dụng cụ này, vì chưa có hình thù điển hình, nên chỉ xuất phát từ *lao động luyện*, chứ chưa đòi hỏi phải có lao động sản xuất.



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Theo đây thì có thể suy đoán rằng những người khéo đầu tiên như thế có *tính tập đoàn* cao hơn những đám khỉ tinh tinh ngày nay trong thiên nhiên, nhưng chưa có *tính xã hội*. Vì nói “xã hội”, thì phải có quan hệ xã hội xuất phát từ lao động sản xuất.

Cái tính tập đoàn của những người khéo đầu tiên có thể là bao hàm việc sử dụng những chỉ hiệu ở trình độ ngang với những chỉ hiệu mà khỉ tinh tinh học tập được ở phòng thí nghiệm ngày nay. Như thế có nghĩa là chưa có tiếng nói theo nghĩa tối thiểu của những từ của trẻ em 15 tháng bấy giờ.

Đến một mức phát triển nào đấy, Người khéo đã tiến lên *sản xuất* cái **chopping** bằng 5 đến 8 phát ghè, tức là đã có một kế hoạch lao động hướng theo một hình mẫu trong đầu óc. Sự vận động sản xuất tập thể có nghĩa là một “tiếng nói của đời sống thực tế”, do đây mà sinh ra ý thức khởi nguyên với tính cách *ý thức sinh thức*. Như thế là “những con người bắt đầu tự phân biệt với giới động vật, ngay khi “người ta bắt đầu sản xuất những phương tiện sinh sống của mình”, tức là do sự vận động của sự sản xuất vật chất với tư cách tiếng nói của đời sống thực tế, tạo nên ý thức.

Marx nói “Sự sản xuất những ý kiến, những ý tưởng, sự sản xuất ý thức lúc đầu là trực tiếp quản quyền trong hoạt động vật chất mà trong những quan hệ vật chất của những con người, trong tiếng nói của đời sống thực tế (**Sprache des wirklichen Lebens**). Ý tưởng, tư duy, những quan hệ tinh thần của người ta ở đây là còn xuất hiện theo lối như toát ra từ cử chỉ vật chất của họ” (Marx, hệ tư tưởng Đức, **Dietz- Verlag**, tr.22)

Cái “tiếng nói của đời sống thực tế” mà Marx nêu lên ở đây, coi như cái vận động của vật chất của đời sống xã hội, mà căn bản là sự sản xuất xã hội, thì dĩ nhiên bao hàm hình thái tiếng gọi. Sự hoạt động vật chất và những liên hệ vật chất của mỗi người lao động (trong ấy có những dấu hiệu âm hiệu và chỉ hiệu tự phát kế thừa của thời Tiền nhân) thì tự nó gọi người

## HUỖNH ÁI TÔNG

khác, và sự hoạt động của những người khác ấy cũng có chức năng gọi người này, để hợp tác theo cái hướng mà tình hình lao động chỉ dẫn và đòi hỏi, nhằm cùng nhau thực hiện cái nhiệm vụ chung của sự lao động xã hội đương tiến hành.

Như thế thì *tiếng nói của đời sống thực tế* chính là cái chức năng biểu hiện tự phát của những động tác sản xuất và liên hệ của mỗi người và mọi người lao động, theo nghĩa là trong ấy mỗi người gọi các người khác và các người khác gọi mỗi người cùng nhau kết hợp mọi sự tham gia, đóng góp của các cá nhân vào công việc chung. Mà vì chính toàn diện những vận động như thế của sản xuất xã hội thiết định sự thực tại của cái cộng đồng, nên cái thực tại ấy *tự nó nói lên nó* trong cái chức năng biểu hiện tự phát của những vận động đó. Tóm lại, với tư cách là *tiếng gọi biểu nghĩa* của tiếng nói của đời sống thực tế và của tiếng nói ngôn ngữ phát triển từ đây, thì “bản thân tiếng nói là sự thực tại của cái cộng đồng, và là cái thực tại cộng đồng tự nó nói nên nó” (Marx, **Grundrisse**, tr 390).

Tiếng nói của đời sống thực tế, với tư cách là tiếng gọi biểu nghĩa của sự lao động sản xuất và của những liên hệ vật chất (trong ấy có cái di sản dấu hiệu âm hiệu và chỉ hiệu của thời Tiền nhân) giữa những người sản xuất với nhau, thì dĩ nhiên trước hết là gửi cho người khác, do đây thì cũng là mỗi người lại tự gửi nó cho bản thân mình, qua sự môi giới của cái hình ảnh xã hội bên trong mà mỗi người có trong bản thân mình. Và chính trong sự vận động tự gọi tiếng nói cho bản thân mình như thế, mà sinh ra ý thức với tư cách một sản phẩm xã hội.

“Tiếng nói là ý thức thực tế, ý thức thực tiễn, tồn tại cho những người khác, và chính do đây thì cũng là tồn tại cho bản thân mình... Như thế thì ý thức ngay từ đầu là một sản phẩm xã hội” (Marx, Hệ tư tưởng Đức, **Dietz-Verlag**, tr 27).

Thật vậy, trong khi lao động tác động vào đối tượng bên ngoài thì mỗi người thực hiện công việc ấy trong cái hình ảnh bên

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

trong của thân thể bản thân. Và cái hình ảnh thân thể bản thân lao động như thế, đương tác động vào đối tượng lao động bên ngoài thì gửi tiếng nói của đời sống thực tế, tức là gửi tiếng gọi biểu nghĩa của nó cho cái hình ảnh xã hội bên trong của nó, cũng như cái hình ảnh xã hội bên trong này gửi tiếng gọi biểu nghĩa tương ứng của nó cho cái hình ảnh thân thể bản thân: lý do là vì cái hình ảnh xã hội bên trong chính là hình ảnh xã hội của những người khác lao động tác động vào cùng một đối tượng bên ngoài như cái hình ảnh thân thể bản thân đương lao động. Tức là với tư cách hình ảnh bên trong, các hình ảnh xã hội thực hiện những vận động lao động xã hội tác động vào cùng cái đối tượng lao động xã hội bên ngoài và những vận động lao động như thế cũng có chức năng tiếng gọi biểu nghĩa tức là tiếng nói của đời sống thực tế.

Mà khi ta nói rằng cái hình ảnh bên trong của thân thể bản thân, đương lao động tác động vào đối tượng bên ngoài gửi tiếng gọi biểu nghĩa, hay tiếng nói của đời sống thực tế của nó, cho cái hình ảnh xã hội bên trong, thì như thế có nghĩa thực tế rằng cái hình ảnh bên trong của thân thể bản thân *tự chiếu* vào cái hình ảnh xã hội bên trong, *tức là nó nói lên nó với cái hình ảnh xã hội bên trong*. Và khi ta nói rằng cái hình ảnh xã hội bên trong gửi tiếng gọi biểu nghĩa hay tiếng nói của đời sống thực tế của nó cho cái hình ảnh bên trong của thân thể bản thân, thì như thế có nghĩa thực tế rằng *cái hình ảnh xã hội bên trong tự chiếu* vào cái hình ảnh bên trong của thân thể bản thân, *tức là nó nói lên nó với cái hình ảnh bên trong của thân thể bản thân*.

Kết quả là cái hình ảnh bên trong của thân thể bản thân, khi *tự chiếu* vào cái hình ảnh xã hội bên trong, thì lại được *gửi lại*, tức là *tự phản chiếu về bản thân nó* do cái hình ảnh xã hội bên trong *tự chiếu* vào nó. Như thế có nghĩa rằng do sự môi giới của cái hình ảnh xã hội bên trong, thì cá nhân lao động trong cái hình ảnh bên trong của thân thể bản thân nó đương lao động

## HUỖNH ÁI TÔNG

tác động vào đối tượng lao động xã hội bên ngoài, thì lại *nói lên nó với bản thân nó*.

Trong sự vận động của cái hình ảnh bên trong của thân thể bản thân *tự gửi lại*, tức là *tự phản chiếu* về bản thân nó, thì cá nhân đương lao động lại có *cái hình ảnh của cái hình ảnh* của thân thể bản thân đương lao động tác động vào cái đối tượng lao động xã hội bên ngoài. Điều ấy có nghĩa rằng do sự môi giới của cái hình ảnh xã hội bên trong của nó, nó có trong bản thân nói *cái hình ảnh ý tứ (image intentionnelle)* của nó nhằm đối tượng, và chính đây là cái ý thức sinh thức (conscience vécue) của nó – nhằm đối tượng bên ngoài.

Khi Marx nói “ý thức ngay từ đầu là một sản phẩm xã hội”, thì cái nguyên lý ấy có giá trị toàn diện cho đời sống bên trong của mỗi con người. Trong cái đời sống bên trong như thế, sự biến chứng của những cơ cấu tâm thần khởi nguyên, xây dựng trong xã hội cộng sản nguyên thủy và tái lập trong tuổi trẻ nhi đồng của những thời gian sau do sự giáo dục xã hội của cái cộng đồng gia đình – thì lắng đọng xuống bề sâu vô thức của ý thức, khi lên tuổi thiếu nhi, nhưng cũng không thể nào mất cái bản chất xã hội khởi nguyên của nó trong cái hình thức vô thức như thế, cái hệ thống ý thức gồm những tầng lớp đương phát triển và những tầng đã trầm tích từ cái *sinh thức* đến cái *hữu thức*, đến cái *tiềm thức* và cái *vô thức*, là xây dựng trong lịch sử ba triệu năm lao động sản xuất và liên hệ xã hội, tái diễn trong sự giáo dục cá nhân.

Như thế là chứng tỏ nội dung toàn diện *Luận cương VI về Feuerbach*: “Bản chất con người trong cái thực tế của nó là toàn diện những quan hệ xã hội” – theo nghĩa là *toàn diện lịch sử* của những quan hệ xã hội trầm tích từ nguồn gốc giống Người trong tâm thần con người, do truyền thống giáo dục tuổi trẻ, và hoạt động dưới sự thống trị của những quan hệ xã hội ngày nay.

III

Sự phát sinh ý thức là cơ sở khoa học để giải đáp cụ thể “vấn đề cơ bản lớn của triết học” (Marx) “Giữa vật chất với ý thức, cái nào là cái có trước” (Lenin).

Thiên nhiên, vật chất, sinh ra ý thức, tâm thần nhờ sự *trung giới* của tiếng gọi biểu nghĩa trong tiếng nói, mà trước hết là tiếng nói của đời sống thực tế trong lao động sản xuất và quan hệ chiếm hữu. Tiếng nói bên trong với cái tiếng gọi bên trong của nó là hình thái phát triển cao nhất của vận động vật chất với tư cách hoạt động thần kinh cấp trên ở trình độ cao nhất. Đồng thời sự vận động thần kinh ấy tiến hành trong sự qua lại giữa cái hình ảnh bên trong của thân thể bản thân và cái hình ảnh xã hội bên trong. Tức là cái hình ảnh thân thể *tự chiếu* vào cái hình ảnh xã hội bên trong, thì lại được cái hình ảnh này *gửi nó lại*, về bản thân nó. Điều ấy có nghĩa rằng cái hình ảnh bên trong của thân thể bản thân, đương lao động tác động vào đối tượng lao động xã hội bên ngoài, thì trở lại bản thân nó, do đó tự phản chiếu từ cái hình ảnh xã hội bên trong, và chính đây là hình thái cơ bản của cái *sinh thức*, với tư cách là *hình ảnh của cái hình ảnh bản thân*. Như thế là cái hình ảnh bên trong của thân thể bản thân đương lao động tác động vào đối tượng bên ngoài, thì lại *tự nó gấp đôi nó*. Mà chính vì bản thân nó đã có chức năng của một tiếng gọi biểu nghĩa, nên sự gấp đôi như thế làm cho nó gọi *hai lần*, tức là *kích thích hai lần hệ thần kinh*. Tức là nó làm cho sự sản xuất năng lượng thần kinh tăng lên, và *cái thặng dư năng lượng thần kinh* như thế lại nuôi dưỡng tiếng gọi biểu nghĩa của cái hình ảnh bên trong của thân thể bản thân đương lao động tác động vào đối tượng bên ngoài. Kết quả là tạo nên một *vận động xoay vòng*, trong ấy cái tiếng gọi biểu nghĩa bên trong tự nó gấp đôi nó, do nó tự phản chiếu từ cái hình ảnh xã hội bên trong, và thế là kích thích hai lần hệ thần kinh, tăng cường sự sản xuất năng lượng thần kinh, và cái thặng dư năng lượng thần kinh sinh ra như thế lại làm cho cái tiếng gọi biểu nghĩa của tiếng nói bên trong cứ tiếp tục gấp đôi,

## HUỖNH ÁI TÔNG

với tư cách là hình ảnh bên trong của thân thể bản thân luôn luôn tự gọi mình cùng với tiếng gọi của cái hình ảnh xã hội bên trong để tiến hành lao động xã hội tác động vào đối tượng bên ngoài. Đây là *ý thức sinh thức* nhằm đối tượng của lao động xã hội bên ngoài.

Tóm lại, ở đây đã sinh ra một cấu trúc mới, trong ấy sự vận động gấp đôi của cái tiếng gọi biểu nghĩa bên trong cứ tiếp tục kéo dài vô hạn định, bằng cách tự nó kích thích sự sản xuất năng lượng thần kinh thặng dư cần thiết, để vận động bản thân nó. Kết quả là sự kéo dài cái vận động gấp đôi như thế của tiếng gọi biểu nghĩa về cái hình ảnh bên trong của thân thể bản thân, ở đây xuất hiện cái sinh thức với tư cách là hình ảnh của hình ảnh ấy, thì lại ấn định cái sinh thức ấy thành một hình thái sinh tồn thường xuyên. Trong cái hình thái ấy, cái sinh thức biểu hiện như tự nó lại tiến hành nó trong bản thân nó, coi như một vận động hình ảnh tự túc tự phản chiếu, tức là một vận động ý tưởng (**idéal**). Như thế là tạo nên cái ý tưởng (**idéalité**) của *ý thức sinh thức*, nó tự gọi nó hoạt động tác động vào đối tượng bên ngoài, do đây mà từ cái chủ quan của nó, nó động viên lực lượng thân thể bản thân, phát triển sản xuất xã hội và quan hệ xã hội.

Tóm lại, ý tưởng của ý thức là sinh ra từ sự vận dụng một năng lượng đặc thù là năng lượng của tiếng gọi biểu nghĩa sinh thức. Đây là năng lượng tâm thần (**énergie psychique**) xuất phát từ cái thặng dư năng lượng thần kinh sinh ra và tái sinh theo lối xoáy vòng, do tác động của tiếng gọi sinh thức kích thích hệ thần kinh sản xuất năng lượng thần kinh thặng dư.

Ở đây chúng ta nhận thấy nội dung chân chính của cái bức tranh đây ý nghĩa sống động và sinh thức của Marx về sự sở hữu hóa cộng đồng nguyên thủy xuất phát từ kinh nghiệm vừa khách quan vừa chủ quan của sự sản xuất nguyên thủy.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Theo Marx thì con người nguyên thủy, với tư cách vừa là người sản xuất vừa là người sở hữu coi cái cộng đồng xã hội nguyên thủy và thông qua đấy coi địa bàn đất đai cộng đồng “như cái gì thuộc về mình, cái gì của mình...như tiền đề tự nhiên của bản thân mình kéo dài ra ngoài mình. Theo nghĩa chính xác thì không phải là con người cư xử với điều kiện của sự sản xuất của nó như thế, mà chính là nó sinh tồn theo hai tư cách: một là chủ quan với tư cách bản thân nó, hai là khách quan trong đôi điều kiện tự nhiên ngoài nó của sự sinh tồn của nó. Đôi điều kiện tự nhiên của sự sản xuất như thế là:

1- Sự sinh tồn của con người với tư cách thành viên của cộng đồng...

2- Thái độ của con người với địa bàn đất đai thông qua cộng đồng mà coi đất đai như là của mình, quyền sở hữu đất đai là chung đồng thời có quyền sử dụng riêng cho cá nhân, hoặc chỉ có quả thực là được chia.

“Quyền sở hữu như thế có nghĩa là thuộc vào một bộ lạc (một cộng đồng) có sự sinh tồn chủ quan – khách quan của mình trong ấy, và thông qua thái độ của cái cộng đồng ấy coi địa bàn đất đai như là cái thân thể vô cơ của mình, thì cá nhân cũng có thái độ đối với đất đai, coi địa bàn đất đai như tiền đề của cá tính của mình, như phương thức tồn tại của cá nhân mình”  
**(Grundrisse, tr. 391-392)**

Nói con người nguyên thủy có sự tồn tại khách quan của mình trong cái cộng đồng xã hội nguyên thủy, thì có nghĩa rằng anh thấy cái cộng đồng ấy thông qua cái hình ảnh xã hội trong thông nhất với cái hình ảnh thân thể bản thân, do sự phản chiếu lẫn nhau trong tiếng nói bên trong tức là tiếng gọi biểu nghĩa bên trong xuất phát từ lao động và quan hệ vật chất của sự sản xuất tập thể nguyên thủy. Hai hình ảnh bên trong, hình ảnh bản thân và hình ảnh xã hội, luôn luôn trao đổi với nhau như thế là tạo nên ý thức sinh thức về cái cộng đồng xã hội bên ngoài, nên

## HUỶNH ÁI TÔNG

con người nguyên thủy coi cái cộng đồng của mình “như cái gì thuộc về mình, cái gì của mình...., như tiền đề tự nhiên của bản thân mình, giống như thân thể của bản thân mình kéo dài ra ngoài mình”. Do đây thì trong ý thức sinh thức, con người nguyên thủy nhận thấy mình “sinh tồn theo hai tư cách: một là chủ quan với tư cách bản thân mình, hai là khách quan trong cái cộng đồng xã hội nguyên thủy của mình. Mà vì hai hình ảnh bên trong, là hình ảnh thân thể bản thân và hình ảnh xã hội bên trong luôn luôn liên hệ quán quyện với nhau trong sự phản chiếu lẫn nhau, nên con người nguyên thủy tự thấy “có sự sinh tồn chủ quan – khách quan của mình” trong cái cộng đồng xã hội của mình.

Tiếng nói, mà trước hết là tiếng nói của đời sống thực tế, xét về bản chất, thì chính là “cái thực tại của cái cộng đồng, nó sẽ tự nó nói lên nó”. Cái thực tại ấy là hoạt động của cái cộng đồng sản xuất những phương tiện sinh sống của nó từ địa bàn đất đai của nó.

Marx nói “Sự sản xuất bao giờ cũng là một sự chiếm hữu, cá nhân chiếm hữu thiên nhiên trong và thông qua một hình thái xã hội nhất định” (**Grundrisse, tr. 9**)

Cái thực tại của cái cộng đồng, biểu hiện trong cái hình ảnh xã hội bên trong của mỗi thành viên của nó, nó tự nó nói lên nó, thì chính là sự chiếm hữu thiên nhiên trong sự sản xuất cộng đồng, cụ thể là sự sở hữu hóa cái địa bàn đất đai trong cộng đồng, tức là cái cộng đồng có thái độ: “coi địa bàn đất đai như là cái thân thể vô cơ của mình”. Và do hai hình ảnh bên trong của mỗi người, hình ảnh thân thể bản thân với hình ảnh xã hội bên trong luôn luôn phản chiếu lẫn nhau, nên cá nhân thông qua cộng đồng “cũng có thái độ đối với đất đai, coi địa bàn đất đai như tiền đề của cá tính của mình, như phương thức tồn tại của cá nhân mình” như tiền đề tự nhiên của bản thân mình giống như thân thể của bản thân mình kéo dài ra ngoài mình. Quan điểm của con người sở hữu khởi nguyên thì chính là



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

đồng nhất với cơ cấu của ý thức sinh thức. Tức là từ sản xuất tập thể, ý thức sinh thức đã sinh ra cùng với sự sở hữu hóa cộng đồng khởi nguyên: *nó là cái vận động chủ quan của sự sở hữu hóa khởi nguyên*. Từ người khéo **Homo Habilis** lên người khôn, **Homo Sapiens**, ý thức phát triển trên hai mặt. Theo chức năng biểu nghĩa (**fonction sémantique**) của nó, với tư cách là nhằm đối tượng bên ngoài, ý thức thành hình nhận thức về thế giới thực tế khách quan. Đồng thời theo *chức năng hô hào* (**fonction vocative**) của nó, nó luôn luôn tự gọi hai lần bản thân nó, kích thích hệ thần kinh sinh ra một thặng dư năng lượng thần kinh, chuyển hóa thành *năng lượng tâm thần và tinh thần*, trong ấy *ý thức thành hình cảm tính, ý chí và thiết định giá trị*. Trên cơ sở tiếng gọi của cái hình ảnh xã hội bên trong, ý thức cá nhân tự gọi bản thân mình, xác định sự đòi hỏi đạo đức trong hành động, *chân lý* trong nhận thức, *thảm mỹ* trong sự hoàn thành những quá trình sống động và sinh thức.

Lenin nói: “Ý thức không phải chỉ có phản ánh thế giới thực tế, mà nó còn tạo nên thế giới ấy” (Bút ký triết học, tiếng Nga, tr. 194) – Ý thức “tạo nên thế giới” theo nghĩa là nó cải tạo chất lượng thế giới, xây dựng một thế giới có tính Người, có giá trị đối với con người.

\*\*\*

Sự biện chứng của ý thức, đúng trong sự biện chứng của con người, dĩ nhiên tiến hành theo quy luật chung của sự biện chứng duy vật, và như thế là giải quyết vấn đề bế tắc trong phép siêu hình: hoặc là vật chất, hoặc là ý thức – hoặc là con vật, hoặc là con người.

Theo phép siêu hình, thì cái vấn đề cơ bản lớn của triết học chỉ có thể đưa đến hai đường lối mãi mãi mâu thuẫn với nhau tức là không thể nào giải quyết. *Hoặc là chủ nghĩa duy tâm* : ý thức tinh thần sinh ra vật chất, tức là trên thực tế thì không có vật chất. Vật chất chỉ là một thứ tình trạng sa ngã của tinh thần.

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Hoặc là chủ nghĩa duy vật tầm thường*, tức là duy vật siêu hình: ý thức, tinh thần, chỉ là một vận động vật chất, một thứ biến dạng trá hình của cái bản năng sinh vật, tức là của hoạt động thần kinh.

Giữa duy tâm với duy vật siêu hình, thì cái bế tắc không có lối thoát. Vấn đề cơ bản như thế chỉ có thể được giải quyết theo phép biện chứng duy vật của chủ nghĩa Marx-Lenin.

Vật chất sinh ra tinh thần theo sự *trung giới* của sự phủ định vật chất, liên hệ với sự phủ định sự phủ định ấy. Vận động vật chất đạt tới trình độ cao nhất của nó trong sự vận động thần kinh của tiếng gọi biểu nghĩa bên trong tức là tiếng nói bên trong của đời sống thực tế. Ở đây tiếng gọi của tiếng nói tiến hành giữa hai hình ảnh: hình ảnh thân thể bản thân và hình ảnh xã hội bên trong, do đây thì sinh ra ý thức sinh thức, *trong ấy cái tính ý tưởng phủ định tính vật chất* của sự vận động thần kinh. Dĩ nhiên, vận động ý thức vẫn là một vận động của vật chất: đây là vận động ý tưởng (không có tính vật chất) của vật chất, Marx nói: “Không thể nào tách rời tư duy khỏi một vật chất tư duy. Vật chất là chủ thể của tất cả mọi sự biến chuyển” (Gia đình thần thánh, **Dietz-Verlag**, tr 259)

Engels cũng nói “cái bộ óc tư duy của con người” (Biện chứng thiên nhiên, **Marx-Engels Werke**, tập 20, tr 468).

Mà vì vật chất vẫn là chủ thể, nên sự phủ định tính sinh vật trong ý thức vẫn duy trì mặt tích cực của cái tính sinh vật bị phủ định như thế. Tức là cái hệ thống ý thức duy trì cái thặng dư năng lượng thần kinh và giữ lại những nhu cầu sinh vật sáp nhập vào quan hệ xã hội. Như thế là sự phủ định có ý nghĩa là gạt bỏ đồng thời vẫn duy trì và vượt lên trên cái mà nó phủ định. Cái gì tích cực bị phủ định thì không mất đi, nhưng trầm tích thành bản chất lớp dưới, và biểu hiện thành xúc cảm trong ý thức.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Đây là *sự phủ định thứ nhất*: nó tạo nên ý thức con người từ sự vận động vật chất cao nhất, là vận động thần kinh trong lao động sản xuất sinh ra tiếng gọi biểu nghĩa của tiếng nói bên trong, tự chiếu và phản chiếu qua lại giữa cái hình ảnh thân thể bản thân với cái hình ảnh xã hội bên trong, cái hệ thống ý thức thành hình như thế là *sự thống nhất mâu thuẫn giữa hai hình ảnh bên trong*, phản ánh trong trí óc con người sự thống nhất mâu thuẫn giữa sự phát triển của sức sản xuất với cái hình thái của sự sở hữu, giữa cá nhân với xã hội trong đời sống thực tế.

Đồng thời sự phát triển của sức sản xuất có xu hướng đi xa hơn cái hình thái đương thời của sự sở hữu, tạo nên đấu tranh mâu thuẫn trong xã hội, do vậy mà trong cái hệ thống ý thức cũng sinh ra *đấu tranh mâu thuẫn giữa cái hình ảnh thân thể bản thân với cái hình ảnh xã hội bên trong*. Cái mặt tích cực của tính sinh vật vẫn được duy trì trong ý thức, thì sáp nhập vào mâu thuẫn giữa hai hình ảnh bên trong đương đầu tranh với nhau, do vậy mà cái hình ảnh thân thể bản thân trong mỗi cá thể người lao động tạo ưu thế cho cái mặt tiến bộ của cái hình ảnh xã hội bên trong, tức là thúc đẩy sự tiến bộ xã hội đưa lên một hình thái xã hội cao hơn, bảo đảm những nhu cầu vật chất đầy đủ hơn, rộng rãi hơn. Như thế là sự phủ định thứ nhất, tức là sự phủ định tính sinh vật lại bị phủ định: đây là sự phủ định sự phủ định tính sinh vật nó tăng cường cuộc đấu tranh của quần chúng lao động đưa xã hội tiến lên một trình độ cao hơn.

Tóm lại trong sự chuyển hóa từ hoạt động sinh vật lên hoạt động con người, cái hệ thống ý thức lại thu nhập, đồng hóa trong cảm tính của nó, cái xung lực của nhu cầu sinh vật tiến hóa thành nhu cầu của con người. Sở dĩ là vì sự phủ định tính vật chất có nghĩa vừa gạt bỏ, vừa là duy trì dưới hình thái cảm tính, và nó lại đi với sự phủ định hướng lên một trình độ phức tạp khác xét toàn diện là cao hơn.

Từ tuổi nhi đồng lên tuổi thiếu nhi ngày nay, cái ý thức sinh thức và hữu thức xây dựng trong cộng đồng gia đình theo

## HUỖNH ÁI TÔNG

truyền thống giáo dục xuất phát từ sự tiến hóa của xã hội cộng đồng nguyên thủy, khi lắng đọng xuống chiều sâu của ý thức, tức là trở thành một đoạn vô thức và tiềm thức của ý thức. Đây là cái bản chất bề sâu của con người duy trì ở dưới cái bản chất bề trên, là tính tập đoàn, tính giai cấp, tính dân tộc, tính người ngày nay.

TP. HCM, ngày 20 tháng 4 năm 1989

Trần Đức Thảo

Ông Trần Văn Giàu cho rằng: *“Ở Việt Nam bản thân mình và các đồng nghiệp khác cũng chỉ là những người nghiên cứu và giảng dạy triết học, người duy nhất được coi là nhà triết học, chỉ có Trần Đức Thảo mà thôi.”*



*Chân dung Trần Đức Thảo - nét vẽ Trịnh Cung*

Tài liệu tham khảo:

- Trần Đức Thảo Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Trần Đức Thảo Web: [triethoc.hnue.edu.vn](http://triethoc.hnue.edu.vn)

14) Nguyễn Bính



**Nguyễn Bính Nguyễn Trọng Bính (1918-1966)**

Nguyễn Bính tên thật là Nguyễn Trọng Bính sinh năm 1918 tại xóm Trạm, thôn Thiện Vịnh, xã Đồng Đội nay là xã Cộng Hòa, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

Thân phụ ông là ông đồ Nguyễn Đạo Bình, mẹ ông bà Bùi Thị Miện con một gia đình khá giả, mẹ ông mất năm 1924, để lại con trai, Nguyễn Mạnh Phác 6 tuổi, Nguyễn Ngọc Thụ được 3 tuổi và ông mới được 3 tháng, sau đó cha ông phải bước thêm bước nữa.

Thuở nhỏ Nguyễn Bính không được đi học ở nhà trường, chỉ được học ở nhà với cha. Về sau được người cậu ruột là Bùi Trinh Khiêm đem ba anh em ông về nuôi cho ăn đi học.

Năm 13 tuổi Nguyễn Bính được giải nhất trong cuộc thi hát trống quân đầu xuân ở hội làng với sáng tác:

*...Anh đó em này:  
Làng ta chưa vợ mấy người ?  
Chưa chồng mấy ả, em thời biết không  
Đó ai đi khắp tây đông,*

## HUỖNH ÁI TÔNG

*Làm sao kiểm nổi tám chồng như chúng anh đây?  
Làm sao như rượu mới say,  
Như giăng mới mọc, như cây mới trồng ?  
Làm sao như vợ như chồng ?  
Làm sao cho thỏa má hồng răng đen  
Làm sao cho tỏ hơi đèn ?  
Làm sao cho bút gàn nghiên suốt đời ?  
Làm sao ? anh khen em tài ?  
Làm sao ? em đáp một lời làm sao ... ?*

Trúc Đường thi đỗ thành trung (đíp-lôm) vào loại giỏi ở Hà Nội, rồi dạy học trong một trường tư thục ở Hà Đông, Trúc Đường bắt đầu viết văn và làm thơ.

Năm 1932, Nguyễn Bính được 14 tuổi, Nguyễn Mạnh Phác đón Nguyễn Bính lên Hà Nội sống và truyền đạt cho Nguyễn Bính văn học Pháp. Cuộc đời của Nguyễn Bính gắn bó Với Trúc Đường cả về văn chương và đời sống.

Năm 1937, ông được giải khuyến khích về thơ của nhóm Tự lực văn đoàn với tập thơ **Tâm hồn tôi**. Những năm đầu thập niên 1940, Nguyễn Bính nhiều lần lưu lạc vào miền Nam. Lúc này ông đổi tên là Nguyễn Bính Thuyết. Năm 1943, Nguyễn Bính lại đi vào miền Nam lần thứ ba và đã gặp các nhà thơ Đông Hồ, Mộng Tuyết, Kiên Giang. Có lúc ông cư ngụ trong nhà Kiên Giang. Đó là thời ông viết những bài Hành Phương Nam, Trời Mưa Ở Huế, Tặng Kiên Giang, Từ Độ Về Đây... Chính vì vậy ông được gọi là “thi sĩ giang hồ”.

Năm 1947, Nguyễn Bính tham gia kháng chiến chống Pháp ở miền Nam. trong thời gian này ông kết hôn với bà Nguyễn Hồng Châu, có con gái tên là Nguyễn Bính Hồng Cầu, sau ông lại kết hôn với bà Mai Thị Mới, ở ấp Hương Mai, xã Khánh Lâm, huyện U Minh có con gái được với bà Mới đặt tên là Nguyễn Hương Mai. Đến năm 1954, khi Hiệp định Genève chia đôi đất nước, Nguyễn Bính tập kết về Bắc. Năm 1955 và

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

được bố trí phục vụ trong Hội Nhà Văn ở Hà Nội một thời gian.

Năm 1955 báo Trăm Hoa do Trúc Đường Nguyễn Mạnh Phác làm chủ nhiệm, Nguyễn Bính làm chủ bút số 1 ra ngày 2-9-1955 đến số 31 giữa tháng 5 1956 thì đình bản vì lỗ vốn. Sau đó Nguyễn Bính chủ trương Trăm Hoa bộ mới, số 1 phát hành ngày 20-10-1956 số 11 ngày 6-1-1957 sau đó ra Trăm Hoa Xuân và Trăm Hoa đặc biệt đầu Xuân, không ghi số rồi đình bản vì hết vốn. Báo Trăm Hoa là báo tư nhân thời đó.

Báo Trăm Hoa của Nguyễn Bính cũng là báo tham dự vào phong trào Nhân Văn – Giai Phẩm, nên đến năm 1958, ông bị buộc chuyển về tỉnh nhà Nam Định, làm việc tại Ty Văn hoá Nam Định cho đến khi mất.

Nguyễn Bính mất sáng ngày 20 tháng 1 năm 1966, tức ngày 29 tháng chạp âm lịch xuân Ất Ty, tại nhà một người bạn là ông Tân Thanh Đỗ Văn Hứa ở huyện Lý Nhân tỉnh Hà Nam. Khi đó không một người vợ con ruột thịt nào của ông có mặt.

Báo Xuân năm Bính Ngọ (1966), Nguyễn Bính có góp một bài tập Kiều, hội đồng duyệt bài ai cũng cho rằng hay nhưng gieo một nỗi buồn, nó như báo trước đời ông:

### Vịnh cụ Tiên Điền

Kính tặng cụ Nguyễn Du và Truyện Kiều

*Cảo thơm làn giở trước đèn  
Là nhiều vàng đá, phải tìm trăng hoa  
Trăm năm trong cõi người ta  
Một thiên tuyệt bút gọi là để sau  
Khen tài nhà ngọc phun châu  
Mười lăm năm ấy biết bao nhiêu tình  
Mấy lời ký chú đình ninh*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Rằng tài nên trọng, mà tình nên thương  
Khen rằng giá đáng Thịnh Đường  
Thì treo giải nhất, chi nhường cho ai  
Gẫm âu người ấy, báu này  
Nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào  
Nặng vì chút nghĩa xưa sau  
Mà cho thiên hạ trông vào cũng hay  
Thương vui bởi tại lòng này  
Tan sương đầu ngõ, vén mây cuối trời  
Lòng thơ lai láng bồi hồi  
Trông người nên lại thấy người về đây...*

Nguyễn Bình được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật năm 2000

Tác phẩm đã in:

- *Qua Nhà* (Yêu đương 1936)
- *Những bóng người trên sân ga* (Thơ 1937)
- *Cô Hái Mơ* (Thơ 1939)
- *Tương tư*
- *Chân quê* (Thơ 1940)
- *Lỡ Bước Sang Ngang* (Thơ 1940)
- *Tâm Hồn Tôi* (Thơ 1940)
- *Hương Có Nhân* (Thơ 1941)
- *Một Nghìn Cửa Sổ* (Thơ 1941)
- *Sao chẳng về đây* (Thơ 1941)
- *Người Con Gái Ở Lầu Hoa* (Thơ 1942)
- *Mười Hai Bến Nước* (Thơ 1942)
- *Mây Tần* (Thơ 1942)
- *Bóng Giai Nhân* (Kịch Thơ 1942)
- *Truyện Tỳ Bà* (Truyện Thơ 1942)
- *Ông Lão Mài Guom* (Thơ 1947)
- *Đồng Tháp Mười* (Thơ 1955)
- *Trả Ta Về* (Thơ 1955)
- *Gửi Người Vợ Miền Nam* (Thơ 1955)



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

- *Trong Bóng Cờ Bay* (Truyện Thơ 1957)
- *Nước Giếng Thơi* (Thơ 1957)
- *Tiếng Trống Đêm Xuân* (Truyện Thơ 1958)
- *Tình Nghĩa Đôi Ta* (Thơ 1960)
- *Cô Sơn* (Chèo cổ 1961)
- *Đêm Sao Sáng* (Thơ 1962)
- *Người Lái Đò Sông Vỹ* (Chèo 1964)

Trích văn:

### **Hội cần phải mạnh dạn tự phê bình**

Được biết sắp tới có Đại hội Văn nghệ Toàn quốc năm 1956, anh em văn nghệ đều vui mừng chào đón. Anh em đều tin tưởng rằng bên cạnh những vấn đề đặt ra về đường lối chủ trương, đây còn là một dịp tốt để mọi người giải bày hết những thắc mắc đối với lề lối làm việc của Hội, đối với thái độ của một số người lãnh đạo và phụ trách công tác Hội. Đây không phải là những thắc mắc có tính chất cá nhân, mà nhằm xây dựng tổ chức Hội ngày một vững chắc để Hội đủ khả năng thúc đẩy phong trào văn nghệ tiến lên. Chúng ta không thể không đồng ý với nhau rằng: lề lối làm việc của Hội có được thông suốt, thái độ của những người lãnh đạo và phụ trách công tác Hội có đúng đắn thì đường lối chủ trương của Hội mới đảm bảo khỏi bị thực hiện lệch lạc.

Anh em thắc mắc những gì, thắc mắc như thế nào? Phạm vi bài báo này không cho phép nói ra hết cả với những chi tiết tỉ mỉ, tôi sẽ trình bày tường tận ở một chỗ khác. Ở đây tôi chỉ đơn cử một việc nóng hổi đã gây thắc mắc đến cao độ trong anh em, việc tập *Ngôi sao* của Xuân Diệu được giải nhì về thơ.

Dĩ nhiên tôi cũng có ý kiến riêng của tôi về tập thơ đó; tôi cho rằng nó không hoàn toàn xứng đáng được tặng giải như thế. Nhưng đây không phải chỗ phê bình tác phẩm của Xuân Diệu. Tôi chỉ muốn nhân đây đưa ra một ít nhận xét về lề lối làm việc của ban giám khảo, của Thường vụ Hội:

## HUỶNH ÁI TÔNG

1) Thắc mắc chung quanh tập *Ngôi sao* thực là nhiều và sôi nổi. Có những thắc mắc đã nói ra trên báo chí, có những thắc mắc chỉ trao đổi trong những cuộc mạn đàm. Có những thắc mắc trong anh em văn nghệ, có những thắc mắc của bạn đọc. Của những người ở vùng tự do cũ, cũng như ở vùng mới giải phóng, ở nhiều tầng lớp khác nhau, trong những cương vị công tác, hoạt động khác nhau. Nói chung, phần tán thành ít mà phần thắc mắc thì hầu như phổ biến. Tập thơ *Ngôi sao* lại đã xuất bản trước khi công bố giải thưởng. Ngay khi chưa biết nó được giải cũng đã nhiều anh em phàn nàn về những mặt hỏng của nó. Sao không có một cuộc thăm dò dư luận từ trước? Quả là ban giám khảo chưa thực mở rộng dân chủ, chưa tha thiết lắng nghe ý kiến nguyện vọng của quần chúng. Sự định đoạt giá trị và thứ bậc tác phẩm hầu như chỉ thu hẹp trong phạm vi ban giám khảo, trong sự bàn cãi phân tách của một số nhỏ người. Mà công việc nào cũng vậy, nhất là công việc văn nghệ, nếu chỉ do một số ít người định đoạt tất nhiên không tránh khỏi thiếu sót sai lầm.

2) Thường vụ Hội chưa thực sự hướng dẫn và làm gương mẫu cho công việc phê bình và tự phê bình trong văn nghệ. Sự dung dưỡng những sai lầm cho nhau trong toà soạn *Văn nghệ* trước đây về mục “Chữ với nghĩa”, “Sống cũ sống mới”... là một biểu hiện cụ thể. Ví thử không có một số thắc mắc của bạn đọc đăng trên báo *Nhân dân* thì tình trạng đó còn kéo dài chưa biết đến đâu. Nhưng sau đó phần tiếp thu ý kiến quần chúng của những người lãnh đạo và phụ trách ngó bộ lại chìm đi. Thắc mắc của anh em, của quần chúng thì nhiều mà những thắc mắc được phản ánh và giải quyết trên tờ báo của Hội lại quá thưa thớt. Một số người lãnh đạo và phụ trách công tác Hội còn quá rụt rè trước vấn đề nghiêm khắc tự phê bình và còn quá lo ngại viễn vông trước những lời phê bình của quần chúng. Những anh em đó lo rằng có những lời xây dựng thẳng thắn sẽ “sơ hở về chính trị”, lo rằng “địch có thể lợi dụng”. Dĩ nhiên vấn đề

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

cảnh giác trước những âm mưu của kẻ thù là rất chính đáng. Nhưng tuyệt nhiên không phải vì thế mà không dám dũng cảm tự phê bình, đi đến lãng tránh sự phê bình của quần chúng. Chúng ta không sợ có khuyết điểm, chỉ sợ có khuyết điểm mà không dám biết và không sửa chữa. Và chẳng có cái gì mà địch lại không thể xuyên tạc? Nhưng “chớ cứ sửa, đoàn người cứ đi”, những lời xuyên tạc của địch đâu lại có thể làm chúng ta giấu diếm sai lầm? Tôi tin rằng những anh em đó đều đã đọc những bài phê bình và tự phê bình trên báo *Nhân dân* hoặc bài tham luận của Sô-lô-khốp trong Đại hội Đảng Cộng sản Liên Xô là những lo ngại viên vông như vậy sẽ tan biến hết.

Trở lại việc tập thơ *Ngôi sao* đã đơn cử ra. Đối với những phản ứng trong quần chúng, Ban chấm giải không tự kiểm điểm, không trung cầu ý kiến của quần chúng, khơi cho hết thắc mắc của mọi người, mà chỉ tìm cách xoa dịu bằng một bài báo nặng tính cách bào chữa của Hoài Thanh trong *Văn nghệ* số 122. Một vài anh em còn không bằng lòng ra mặt những bài phê bình tập *Ngôi sao* trên báo *Trăm hoa*, cho đó là lối “đập” thiên lệch và ác. Trong khi ấy trên tờ báo của Hội vẫn có những bài phê bình có tính cách “đập” thiên lệch và ác như bài của Nguyễn Đình Thi phê bình *Giai phẩm*. Phải chăng đó là lưu tệ của cái thói “lỗi người để túi trước, lỗi mình để túi sau”? Chính vì vậy mà có tình trạng nhiều bạn nêu lên thắc mắc muốn thành khẩn xây dựng cho cơ quan lãnh đạo Hội, song lại sợ bị thành kiến. Dĩ nhiên những thái độ của mấy bạn đó cũng cần được kiểm điểm lại, nhưng do đây mà thành một vấn đề: những người lãnh đạo và phụ trách công tác Hội đã làm thế nào để anh em dè dặt đến như vậy?

Được biết Đại hội năm nay trong dự án có đặc biệt nêu lên vấn đề chấn chỉnh tổ chức, sửa đổi lề lối làm việc, mở rộng dân chủ. Đó là một điều rất hợp với nguyện vọng của quần chúng, đáp ứng đúng một trong những đòi hỏi tha thiết của anh em văn nghệ. Để vấn đề có thể đặt ra một cách sát đúng, chúng ta sẽ

## HUỶNH ÁI TÔNG

thẳng thắn trình bày tất cả những ý kiến của chúng ta, những thắc mắc của chúng ta. Sách xưa có câu: “lời nói thẳng nghe trái tai nhưng lợi cho công việc”. Nhưng ngày nay chúng ta, những con người được uốn nắn theo đường lối giáo dục của Đảng, trong đấu tranh cách mạng, chúng ta ưa nghe lời nói thẳng mà không thấy trái tai, chủ yếu là lợi cho công việc chung. Chính trong bài kêu gọi của Ban chấp hành Hội để “Tiến tới Đại hội văn nghệ toàn quốc 1956” đã thiết tha kêu gọi mọi người tích cực góp ý kiến xây dựng Đại hội thành công. Lời kêu gọi đó rất đáng hoan nghênh và cần được chúng ta biến thành sự việc cụ thể.

Trích thơ:

### **Từ Độ Về Đây**

*Từ độ về đây sống rất nghèo  
Bạn bè chỉ có gió trăng theo  
Những thằng bất nghĩa xin đừng đến  
Hãy để thêm ta xanh sắc rêu*

### **Tặng Kiên Giang**

*Có những dòng sông chảy rất mau  
Nhớ chi nghĩa bến với duyên cầu  
Lá vàng hoa đỏ trôi không kịp  
Lưu lạc ai ngờ lại gặp nhau?*

### **Hành Phương Nam**

*Hai ta lưu lạc phương Nam này  
Đã mấy mùa qua én nhận bay  
Xuân đến khắp trời hoa rượu nở  
Riêng ta với người buồn vậy thay!*

*Lòng đắng xá chi muôn hớp rượu*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Mà không uống cạn mà không say!  
Lời thề buổi ấy câu Tư Mã  
Mà áo khinh cừu chưa ai may!*

*Người giam chi khí vòng com áo  
Ta trôi thân vào lụy nước mây  
Ai biết thương nhau từ buổi trước  
Bây giờ gặp nhau trong phút giây*

*Nợ thế, trả chưa tròn một món  
Sòng đời, thua đến trắng hai tay  
Quê nhà xa lắc xa lơ đó  
Ngoảnh lại tha hồ mây trắng bay*

*Tâm giao mấy kẻ thì phương Bắc  
Ly tán vì cơn gió bụi này Người ơi!  
Buồn lắm mà không khóc  
Mà vẫn cười qua chén rượu đầy*

*Vẫn dám ăn tiêu cho đến hết  
Ngày mai ra sao rồi sẽ hay  
Ngày mai, có nghĩa gì đâu nhỉ?  
Cốt nhất cười vui trọn tối nay*

*Rẫy ruộng châu ngọc, thù son phấn  
Mắt đỏ lên rồi, cứ chết ngay.  
Hỡi ơi ! Nhiếp Chính mà bầm mặt  
Giữa chợ ai người khóc nhận thấy?*

### **Trời Mưa Ở Huế**

*Trời mưa ở Huế sao buồn thế!  
Cứ kéo dài ra đến mấy ngày  
Thèm cũ nôn nao đàn kiến đời  
Trời mờ ngao ngán một loài mây.  
Trường Tiền vắng ngắt người qua lại*

## HUỖNH ÁI TÔNG

*Đập Đá mênh mang bến nước đầy.  
Đò vắng khách chơi năm bát úp  
Thu về lại giờ gió heo may...*

*Chúng tôi hai đứa xa Hà Nội  
Bốn tháng hình như kém mấy ngày  
Lăn lóc có dư mùi mấy tỉnh  
Để rồi nằm mốc ở nơi đây*

*Thuốc l  o h  t m  i người ra khỏi  
Thơ đọc sương tình hết cả hay  
T  i rộng nợ nần hơn Chúa Ch  m  
Áo quần trộm mượn, t  ng đồ thay.*

*Hàng xóm c   người con gái lẻ  
Ý chừng duyên nợ với nhau đây  
Chao ơi! Ba bốn tao ân ái  
Đ   đủ tan t  nh một kiếp trai.*

*T  i r  n r  n l  m giai nhân   !  
Đ  nh phụ nhau th  i, kéo đến ngày  
Kh  n g  i gi   đưa sang xứ lạ  
Ai cười cho đ  c l  c chia tay?*

*Trời mưa ở Huế sao buồn thế!  
C  r kéo dài ra đến mấy ngày  
Xa xôi ai nhớ mà thương nhớ?  
M   nhớ mà thương đến thế này!*

*C   nhân ch  ng khóa buồng xuân lại  
Vung v  i   n tình khắp đó đây.  
Mưa chiều, nắng sớm, người ta bảo  
C   đến   ng trời cũng đổi thay*

*Gia đ  nh thiên c   lên thành thị  
Bu  n b  n loanh quanh bỏ c  y c  y*

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

"Anh em cánh nhọn người Nam Bắc  
Tâm sự hồn quyên lệ ngắn dài..."

Trời mưa ở Huế sao buồn thế!  
Cứ kéo dài ra đến mấy ngày  
Hôm qua còn sót hơn đồng bạc  
Hai đứa bàn nhau uống rượu say

Nón lá áo toại ra quán chợ  
Chợ vơ trên bến nước sông đầy  
Sầu nghiêng mái quán mưa tong tả  
Chén ứa men lành lạnh ngón tay.

Ôn lại những ngày mưa gió cũ  
Nhưng chiều quán trọ, những đêm say  
Người quen nhắc lại từng tên một  
Kể lại từng nơi đặt dấu giày

Trôi dạt dám mong gì vẫn vít  
Sòng đời thua hẳn cả thơ ngây  
Tỉ tê gọi tới niềm tâm sự  
Cúi mặt soi gương chén rượu đầy

Bón mắt nhuộm chung màu lữ thứ  
Đôi lòng hòa một vị chua cay  
Đứa thương cha yếu thằng thương mẹ  
Cha mẹ chiều chiều... con nước mây

Không hiểu vì đâu hai đứa lại  
Chung lưng làm một chuyến đi đây?  
Trời mưa ở Huế sao buồn thế!  
Cứ kéo dài ra đến mấy ngày...

**Cô hàng xóm**

Nhà nàng ở cạnh nhà tôi,

## HUỖNH ÁI TÔNG

Cách nhau cái dậu mùng toi xanh rờn.  
Hai người sống giữa cô đơn,  
Nàng như cũng có nỗi buồn giống tôi.  
Giá đừng có dậu mùng toi,  
Thế nào tôi cũng sang chơi thăm nàng.  
Tôi chiêm bao rất nhẹ nhàng...  
Có con bướm trắng thường sang bên này.  
Bướm ơi ! Bướm hãy vào đây !  
Cho tôi hỏi nhỏ câu này chút thôi...  
Chả bao giờ thấy nàng cười,  
Nàng hong tơ ướt ra ngoài mái hiên.  
Mắt nàng đăm đăm trông lên...  
Con bướm bướm trắng về bên ấy rồi !  
Bỗng dưng tôi thấy bồi hồi,  
Tôi buồn tự hỏi: " Hay tôi yêu nàng ?"  
-- Không, từ ân ái lỡ làng,  
Tình tôi than lạnh gió tàn làm sao ?  
Tơ hong nàng chả cất vào,  
Con bướm bướm trắng hôm nào cũng sang.  
Mấy hôm nay chẳng thấy nàng,  
Giá tôi cũng có tơ vàng mà hong.  
Cái gì như thế nhớ mong ?  
Nhớ nàng ? Không ! Quyết là không nhớ nàng !  
Vâng, từ ân ái nhớ nhàng,  
Lòng tôi riêng nhớ bạn vàng ngày xưa.  
Tâm tâm giờ cứ đổ mưa,  
Hết hôm nay nữa là vừa bốn hôm.  
Cô đơn buồn lại thêm buồn,  
Tạnh mưa bướm bướm biết còn sang chơi ?  
Hôm nay mưa đã tạnh rồi !  
Tơ không hong nữa, bướm lười không sang.  
Bên hiên vẫn vắng bóng nàng,  
Rung rung... tôi gục xuống bàn rung rung...  
Nhớ con bướm trắng lạ lùng !  
Nhớ tơ vàng nữa, nhưng không nhớ nàng.  
Hỡi ơi ! Bướm trắng tơ vàng !



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Mau về mà chịu tang nàng đi thôi !  
Đêm qua nàng đã chết rồi,  
Nghẹn ngào tôi khóc... Quả tôi yêu nàng.  
Hồn trinh còn ở trần gian ?  
Nhập vào bướm trắng mà sang bên này !

### Lữ Bước Sang Ngang

1.

"Em ơi em ở lại nhà  
Vườn dâu em đốn, mẹ già em thương  
Mẹ già một nắng hai sương  
Chị đi một bước trăm đường xót xa.  
Cây em, em ở lại nhà  
Vườn dâu em đốn, mẹ già em thương  
Hôm nay xác pháo đầy đường  
Ngày mai khói pháo còn vương khắp làng  
Chuyến này chị bước sang ngang  
Là tan vỡ giấc mộng vàng từ nay.  
Rượu hồng em uống cho say,  
Vui cùng chị một vài giây cuối cùng.  
(Rồi đây sóng gió ngang sông,  
Đầy thuyền hận, chị lo không tới bờ)  
Miếu thiêng vụng kén người thờ,  
Nhà hương khói lạnh, chị nhờ cây em.  
Đêm nay là trắng ba đêm,  
Chị thương chị, kiếp con chim lìa đàn.  
Một vai gánh vác giang san...  
Một vai nữa gánh muôn vàn nhớ thương.  
Mất quãng, tóc rối tơ vương  
Em còn cho chị lược gương làm gì!  
Một lần này bước ra đi  
Là không hẹn một lần về nữa đâu,  
Cách mấy mươi con sông sâu,  
Và trăm nghìn vạn nhịp cầu chênh vênh  
Cũng là thôi... cũng là đành..."

## HUỶNH ÁI TÔNG

Sang ngang lữ bước riêng mình chị sao?  
Tuổi son nhạt thắm phai đào,  
Đầy thuyền hận có biết bao nhiêu người!  
Em đừng khóc nữa, em ơi!  
Dẫu sao thì sự đã rồi nghe em!  
Một đi bảy nổi ba chìm,  
Trăm cay nghìn đắng, con tim héo dần  
Dù em thương chị mưòi phần,  
Cũng không ngăn nổi một lần chị đi."

Chị tôi nước mắt đầm đìa,  
Chào hai họ để đi về nhà ai...  
Mẹ trông theo, mẹ thở dài,  
Dây pháo đỏ bỗng vang trời nổ ran.  
Tôi ra đứng ở đầu làng  
Ngồi trông theo chị khuất ngàn dâu thưa.

2.

Giời mưa ướt áo làm gì?  
Năm mươi bảy tuổi chị đi lấy chồng.  
Người ta: pháo đỏ rượu hồng  
Mà trên hôn chị: một vòng hoa tang.  
Lần đầu chị bước sang ngang,  
Tuổi son sông nước đỏ giang chưa tường.  
Ở nhà em nhớ mẹ thương  
Ba gian trống, một mảnh vườn xác xơ.  
Mẹ ngồi bên cửa se tơ  
Thời thường nhắc: "Chị mày giờ ra sao?"  
"-- Chị bây giờ" ... nói thế nào?  
Bướm tiên khi đã lạc vào vườn hoang.  
Chị từ lữ bước sang ngang  
Trời đông bão, giữa tràng giang, lật thuyền.  
Xuôi dòng nước chảy liên miên,  
Đưa thân thể chị tới miền đau thương,  
Mười năm gởi hận bên giường,  
Mười năm nước mắt bữa thường thay canh.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Mười năm đưa đám một mình,  
Đào sâu chôn chặt mối tình đầu tiên .  
Mười năm lòng lạnh như tiền,  
Tim đi hết máu, cái duyên không về.  
"Nhưng em ơi một đêm hè,  
Hoa soan nở, xác con ve hoàn hồn.  
Dừng chân bên bến sông buồn,  
Nhà nghệ sĩ tưởng đò còn chuyển sang .  
Đoái thương, duyên chị lỡ làng.  
Đoái thương phận chị dở dang những ngày  
Rời... rời... chị nói sao đây!  
Em ơi, nói nhỏ câu này với em...  
... Thế rồi máu trở về tim  
Duyên làm lành chị duyên tìm về môi.  
Chị nay lòng ám lại rồi,  
Mối tình chết, đã có người hồi sinh.  
Chị từ đan dứ với tình,  
Đời tươi như buổi bình minh nạm vàng."

Tim ai khắc một chữ "nàng"  
Mà tim chị một chữ "chàng" khắc theo.  
Nhưng yêu chỉ để mà yêu,  
Chị còn dám ước một điều gì hơn.  
Một lần hai lỗ keo sơn,  
Mong gì gắn lại phím đàn ngang cung.

Rồi đêm kia, lệ ròn ròn  
Tiễn đưa người ấy sang sông chị về.  
Tháng ngày qua cửa buồn the,  
Chị ngồi nhặt cánh hoa lê cuối mùa .

3.

Úp mặt vào hai bàn tay,  
Chị tôi khóc suốt một ngày một đêm.

"Đã đành máu trở về tim,

## HUỶNH ÁI TÔNG

Nhưng không ngăn nổi cánh chim giang hồ.  
Người đi xây dựng cơ đồ...  
Chị về trông cỏ nắm mồ thanh xuân.  
Người đi khoác áo phong trần,  
Chị về may áo liệm dần nhớ thương.  
Hôn trinh ôm chặt chân giường,  
Đã cùng chị khóc đoạn trường thơ ngây.  
Năm xưa đêm ấy giường này,  
Nghiến răng... nhắm mắt... chau mày... cực chưa!  
Thế là tàn một giấc mơ,  
Thế là cả một bài thơ nã nùng!  
Tuổi son má đỏ môi hồng,  
Bước chân về đến nhà chồng là thôi!  
Đêm qua mưa gió đầy giờ,  
Trong hôn chị, có một người đi qua...

Em về thương lấy mẹ già,  
Đừng mong ngóng chị nữa mà uống công.  
Chị giờ sống cũng như không  
Coi như chị đã sang sông đắm đò."

*Thơ Nguyễn Bình giàu âm điệu, lời thơ mượt mà, gợi cảm cho nên thơ ông được nhiều nhạc sĩ phổ nhạc làm cho người đọc thơ, người nghe nhạc cảm nhận được sự rung cảm nơi ông, do đó thơ ông lắng sâu vào lòng người, để lại cho họ hình ảnh một nhà thơ tình cảm lãng mạn.*

*Cho nên nói tới Nguyễn Bình người ta không thể quên nhắc tới Cô Hàng Xóm, Lữ Bước Sang Ngang hay ngược lại.*

Tài liệu tham khảo:

Nguyễn Bình Web: vi.wikipedia  
Nguyễn Q. Thắng Từ Điển Tác Gia Việt Nam, nxb Văn Hóa,  
Hà Nội, Việt Nam, 1999

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
15) Vĩnh Mai



**Vĩnh Mai - Nguyễn Hoàng (1918-1981)**

Nhà thơ Vĩnh Mai, tên thật là Nguyễn Hoàng, sinh ngày 6 tháng 3 năm 1918, quê ở tỉnh Quảng Trị. Bút danh Vĩnh Mai là ông ghép tên sông Vĩnh, non Mai của quê hương ông. Thời trẻ ông học Trường Khải Định, Huế, ông học rất giỏi, thi tú tài I đầu thứ nhì.

Từ năm 1936, đã tham gia hoạt động trong phong trào học sinh thanh niên dân chủ ở Huế, đã từng ngồi tù ở Lao Bảo, Banmêthuôt cùng với Tố Hữu, Đặng Thĩ. Năm 1945 ông tham gia khởi nghĩa, giành chính quyền ở Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, ông đã từng là Bí thư Thành ủy Huế, Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị. Rồi sau đó, hoạt động trong Chi hội Nghiên cứu Chủ nghĩa Mác Liên khu IV và Chi hội văn nghệ Liên khu IV...

Trong thời gian bị giam cầm trong nhà lao thực dân Pháp, ông đã sáng tác nhiều bài thơ để động viên các bạn tù như "Biệt ly",

## HUỶNH ÁI TÔNG

"Hậu Nam quan" ... rồi những bài thơ trong thời kháng chiến như "Người dân quân xã", "Mùa lúa chín", "Quê tôi"...

Từ năm 1955, ông công tác ở Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam, rồi làm biên tập viên tuần báo Văn nghệ. Ông từng đảm nhiệm các chức vụ: Chánh văn phòng Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam, rồi Trưởng ban thơ Báo Văn Nghệ. Trên trang báo Văn Nghệ, ông mở chuyên mục "Đòn Bút" để in thơ trào phúng, đăng thơ với bút danh Búa Tạ.

Năm 1956, Vĩnh Mai có liên hệ nhóm Nhân Văn Giai-Phẩm, nên bị kỷ luật cùng với những người khác.

Ông mất ngày 16 tháng 2 năm 1981 tại Hà Nội. Thọ 63 tuổi.

Năm 2001, nhà thơ Vĩnh Mai được Nhà nước truy tặng Huân chương Độc lập hạng Nhì

Tác phẩm:

- *Người dân quân xã* (1947)
- *Tập thơ hoà bình* (tập thơ chung, 1954)
- *Thơ ca kháng chiến Liên khu IV* (tập thơ chung, 1955)
- *Đôn và Thanh* (1955)
- *Nhìn sang bên kia* (tập thơ chung, 1957)
- *Bài thơ trên ghé đá* (tập thơ chung với Lê Đạt, 1958)
- *Lên đường* (thơ, 1961)
- *Ngồi trên núi lửa* (tập thơ chung, 1961)
- *Hà Bắc chiến thắng* (tập thơ chung, 1967)
- *Hà Nội anh hùng* (tập thơ chung, 1967)
- *Tiếng hát* (thơ, 1971)
- *Đất đen và hoa thắm* (thơ, 1982)
- *Từ mùa xuân ấy* (1984)
- *Chàng trai ấy* (tuyển tập, 1992)

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
Trích thơ:

**Biệt ly**

*Gió khua động nhịp nhàng rừng gương lách  
Rặng núi xa chìm sâu dưới sương chiều  
Bên lưng trời ửng máu ánh mây treo  
Và ánh sáng phai dần trong bóng tối  
Cảnh hoang vu đang sống giờ hấp hối  
Bỗng xa xa dội lại trống thu không  
Ái Nam Quan huyền ảo giữa mệnh mông  
Phủ khói trắng dưới bóng chiều sắp tắt  
Nguyễn Phi Khanh rùng mình trong cửa sắt  
Tay nhăn nheo nâng nhẹ chiếc gông lim  
Gương mắt già sáng quắc, Nguyễn nhìn:  
Dải rừng xám oai nghiêm cuộn cuộn sóng  
Ôi đất nước thân yêu! ôi nòi giống!  
Nguyễn Phi Khanh phải vĩnh biệt từ nay  
Trong gió chiều tiếng rên rỉ đầu dây?  
Lời ai khóc dưới bàn tay Trương Phụ?*

*Trên khuôn mặt, một nét buồn thoáng phủ  
Như hoàng hôn lên nhẹ sau lưng đèo  
Và từ từ, trên gò má nhăn nheo  
Lăn nóng hổi âm thầm - đôi suối lệ  
Nguyễn Phi Khanh ngồi yên như ngẫm nghĩ  
Không đoái nhìn Nguyễn Trãi cúi gằm bên  
Bỗng rùng mình, đôi mắt sáng quắc lên  
Tay run rẩy, hai hàm răng nghiến chặt  
Lặng nhìn con như thu vào đáy mắt  
"Đầu có chết vì bàn tay võ sĩ  
Và phơi xương, cha vẫn cứ vui lòng  
Cả giống nòi đương phải bước long đong  
Cha đâu tiếc chút thân già tuổi yếu  
Con ở lại giữ tròn lòng trung hiếu  
Lo cho tròn mối nợ nước thù nhà*

## HUỖNH ÁI TÔNG

*Con là con của chủng tộc sơn hà  
Nỗi đau xót thương tình, thôi chớ hận..."  
Nguyễn Phi Khanh, nghẹn ngào trong uất hận  
Tay run run, không còn nói năng gì  
Rừng xa xanh than thở phút chia ly  
Mây chiều kéo bên chân trời ảm đạm  
Đoàn quân bước, mịt mù qua rừng xám  
Đèo cheo leo đã in nắng biển thuỳ  
Đây biển thuỳ! Đây là bước chia ly!  
Tình phụ tử quay cuồng trong nóm ruột  
Gió than thở - hoàng hôn buồn nảo nuốt  
Lệ chia ly thấm nhỏ xuống biển cương  
Con xin vâng lời giáo huấn nghiêm đờng  
Cùng bạo tặc thề một phen sống mái  
Cửa ải mở và từ từ khép lại  
Nuốt vào lòng cả bóng dáng thân yêu  
Nguyễn Trãi im như pho tượng dưới chiều  
Lòng ngùn ngụt mối căm hờn vạn thuở  
Trước cửa ải, người thanh niên thấp nhỏ  
Thấy tương lai vĩ đại dựng trong lòng  
Nhìn trời cao, rừng xám rộng mênh mông  
Chàng quay bước đi sâu vào lịch sử.*

Buôn Mê Thuật, tháng 3-1943

### **Khóc Hoài**

*Tao với mi hẹn nhau từ Khu bộ  
Lúc trở về cố sáng tác văn chương  
Đến tỉnh nhà lại mỗi đờa mỗi đờng  
Lo công việc không một ngày đờc nghỉ  
Tao ao ước hôm nào trong hội nghị  
Gặp lại mi để bàn chuyện lâu dài  
Nhưng một hôm, như sét đánh bên tai  
Tao sừng sốt nghe tin mi đã chết!  
Tao buột miệng kêu lên: "Thế là hết*



HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Tao mắt thêm một thằng bạn văn chương"*

*Hoài mi ơi! Mới bước được nửa đường*

*Sao mi chết thành linh oan uổng thế!*

*Ba mươi tuổi, đời mi còn trai trẻ*

*Hứa một mùa hoa đẹp quả thơm ngon*

*Đời quanh ta đương chói dậy vàng son*

*Mi lại chết! Trời ơi là uất ức!*

*Mi táo bạo, về ngay chi Phú Lộc*

*Để cho Tây phục kích bắn mi đi!*

*Tao biết rồi, mi vốn tính khinh khi*

*Coi mạng sống như đồ chơi con trẻ*

*Tao nhớ mãi dáng người mi mạnh mẽ*

*Bước mi đi chắc nịch như trai tơ*

*Tâm hồn mi trong trắng như bài thơ*

*Của một chú học sinh mười sáu tuổi!*

*Say lý tưởng, mi yêu đời đắm đuối*

*Và hiến đời trai trẻ cho công nông*

*Ngày mai đây, dưới bóng đẹp cờ hồng*

*Mi vắng mặt, buồn cho tao biết mấy!*

*Tao tự bảo: "sự tình sao, chịu vậy"*

*Mà lòng tao chang chói như kim châm*

*Chiều hôm nay lật đống báo trong hầm*

*Tao thấy một bài thơ mi nóng hổi*

*Lòng tao lại dạt dào không tả nổi*

*Tình bạn bè như nước ngập chơi vơi*

*Và đêm nay nghe gió thoảng ngoài trời*

*Nghe lau lách xạc xào bên phía cửa*

*Nghe giun đé rì rầm tao ngờ ngờ*

*Như nghe mi tâm sự với lòng tao*

*Tao đã nằm trên sạp một hồi lâu*

*Mà mi mắt chập chờn không nhắm được*

*Cổ tao nóng, tao liền đi uống nước*

*Mà không quên mi được hồi Hoài ơi!*

*Đốt đèn lên tao ngồi lặng một hồi*

*Rồi tao viết bài thơ ni một mạch*

*Tao với mi, thôi từ đây xa cách*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Mi chết rồi, còn tao lại trên đời  
- "Thôi vãn chương nào có thiếu chi người"  
Tao nói thế mà lòng tao ứa lệ.*

(Đất đen và hoa thắm Tác phẩm mới, 1982)

### Lên Vĩnh Yên

*Mùa thu dừng lại ở Long Biên  
Để một mình tôi lên Vĩnh Yên  
Nắng trút từ đỉnh đồi trút xuống  
Nắng trào từ mặt đất trào lên .*

*Mỗi bước trên đường sỏi chói loà  
Tường chừng trở lại mười năm qua  
Hết đồi sấn lại thêm đồi sấn  
Bên hố bom hàn chưa kín da.*

*Thị xã Vĩnh Yên đứng dậy rồi  
Tường vôi mái ngói đuôi nói đuôi  
Chuyến xa hồi hả lên Tây Bắc  
Chở cuộc mai đi vỡ núi đồi.*

*Nông trường Tam Đảo chạy quanh quanh  
Dòng nước qua nhà lợp lán xanh  
Bãi cỏ xa nhấp nhô sóng lượn  
Đàn cừ non gặm cỏ yên lành.*

*Cô gái chẵn cừ dừng bước lại  
Soi bóng mình xuống suối làm duyên  
Có phải Mẫu Đơn trong thân thoai  
Mê mãi tìm hoa tới Vĩnh Yên ?*

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Mẹ

(Kính viếng hương hồn Mẹ kính yêu)

- "Xa con đã sáu năm tròn  
Sao mẹ không ở với con ít ngày  
Băng đôn băng bột lên đây  
Sao mẹ vội vã thế này mẹ ơi?"  
Mẹ mỉm cười  
Dưới làn tóc bạc

- "Con ở lại chăm lo công tác  
Mẹ chẳng nhớ mô  
Con là con của Cụ Hồ  
Con chi của mẹ!"

Nắng đốt hàng cây tung toé  
Bóng mẹ khuất dần  
Tôi đứng trong sân  
Nhìn theo mỗi bước

Tôi nhớ sáu năm về trước  
Hôm tôi đi đày  
Thấy tôi còng chặt hai tay  
Mẹ xông tới gần quay quắt  
Thằng lính lệ trương hai cặp mắt  
Như cặp ốc nhồi  
Ba hoa mắng mỏ một hồi:  
Đồ vô phúc sinh con cộng sản!  
Rồi hấn vung roi hung hãn  
Đánh mẹ bầm lưng  
Mẹ vẫn khăng khăng  
Đòi theo tôi vào Buôn Mê Thuật

Tôi ra khỏi ngục  
Chưa kịp về nhà

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Có khi thương nhớ mẹ già  
Đêm nằm không ngủ  
Thế rồi một bữa  
Từ vùng giặc chiếm  
Lô cốt chặn đường  
Mẹ băng qua mũi súng  
Tìm lên tận Ba Lòng  
Lưng mẹ đã còng  
Vết nhằn đã chạy ngang chạy dọc  
Mẹ ngồi bên tôi xoa đầu xoa tóc  
Không hề kể chuyện nhớ thương...  
Mẹ đã lên đường  
Trở về đồng nội  
Tôi nhớ những lời mẹ nói:*

*- "Mẹ chẳng nhớ mô  
Con là con của Cụ Hồ  
Con chi của mẹ..."*

*Mẹ ơi! Hồi con thơ bé  
Mẹ nuôi bằng sữa bằng cơm  
Bây giờ con đã lớn khôn  
Mẹ nuôi bằng quả tim của mẹ*

*Mẹ ơi! mẹ đã mất rồi  
Hôm nay tưởng nhớ, con ngồi lặng thinh  
Con ngồi vợ vẫn một mình  
Lặng trong quá khứ ảnh hình mẹ xưa...*

6-1948

### **Trăng Càn Thơ**

*Trăng đã hé lên trên những rặng dừa  
Ánh trăng mịn màng theo gió đu đưa*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Thành phố Cần Thơ bỗng nhiên mát dịu  
Và cuộc sống như nằm im thiu ngủ  
Theo giọng hò của cô gái Hậu Giang  
Tiếng hò nghe toả rộng mênh mang  
Như ánh trăng xanh giải trên bãi đước  
Có phải giọng hò ân tình năm trước  
Ru tâm hồn anh bộ đội sang sông  
Gợi tình yêu thương đất nước ruộng đồng  
Cho anh thấy người anh thêm sức mạnh  
Cho tâm hồn anh mọc thêm đôi cánh  
Trước những đoàn quân cướp nước hung hăng  
Cảnh vật Cần Thơ nằm dưới ánh trăng  
Như hiện lên từ một trang thần thoại  
Đôi bờ Hậu Giang chạy dài thoải thoải  
Trái rộng ra xa mềm mại long lanh  
Từ bến phà đến phố chợ quanh quanh  
Tất cả là trắng, là tơ, là lụa  
Đã hết những ngày tối đen nhầy nhụa  
Em bé Cần Thơ vắt vẻo trên đường  
Tiếng reo hàng khảm đặc giữa đêm sương  
Và cũng hết những tiếng hãi hùng kêu cứu  
Cô gái Cần Thơ hai vai nặng trĩu  
Bị hiếp rồi xác vớt xuống sông  
Cần Thơ xưa chỉ bóng tối mênh mông  
Hoa không dám nở, trăng không dám sáng  
Tất cả Cần Thơ quanh năm suốt tháng  
Chỉ là phu là ngựa là trâu  
Chúng nó tha hồ cuời cổ đê đầu  
Lũ cướp thực dân và quân bán nước  
Ích kỷ tham tàn, lố lăng ngang ngược  
Dĩ vãng đau thương vĩnh viễn qua rồi  
Dòng sông Tiền Giang thư thả trôi trôi  
Trắng Cần Thơ cũng dần thêm ánh mát  
Trắng của em thơ cùng nhau vui hát  
Trắng của mẹ già ngồi học đánh vần  
Trắng của các cô chủ dân quân

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Không quản hi sinh giữ vàng trắng lại  
Trắng của cụ già chuốc rượu thưởng hoa  
Ôi! trăng Cần Thơ, trăng của mọi nhà*

4-1976

### **Mùa xuân ở núi**

*Mở mắt nghe chim cất tiếng chào  
Máy cày rộn rã lên đồi cao  
Hôm nay chắc có gì vui lắm  
Ông lão đưa thư đã ghé vào*

*Tà áo cô nào bên suối xanh  
Phát phơ trong nắng sớm trong làn  
Tiếng ai đương hát bên sườn núi  
Bài hát bay về tận mái tranh*

*Nhìn lên mới biết mùa xuân đến  
Chè đã ra hoa, trắng núi rừng  
Từ buổi nông trường lên tận núi  
Bốn mùa cũng chỉ một mùa xuân*

*Đọc thơ của Vĩnh Mai, toát lên những dòng thơ chân thực, tưởng nhớ đến Mẹ, về tình bạn cùng chiến đấu, ca ngợi nét đẹp của non sông, lên án những bất công xã hội, lời thơ luôn đượm nét u buồn.*

Tài liệu tham khảo:

- Vĩnh Mai Web: sachxua.net
- Vĩnh Mai Web: thivien.net

**16) Sỹ Ngọc**



**Sỹ Ngọc - Nguyễn Sỹ Ngọc (1919-1990)**

Họa sĩ Sỹ Ngọc tên thật là Nguyễn Sỹ Ngọc sinh ngày 25 tháng 12 năm 1919, tại xã Tam Khương, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Sỹ Ngọc tốt nghiệp Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương khoá XIII (1939 - 1944).

Ông tham gia Hội Văn hoá Cứu Quốc từ ngày đầu cách mạng năm 1945; Trong kháng chiến chống Pháp, ông tham gia đoàn quân Nam tiến ở Đoàn kịch Kháng chiến; Hoạt động tại xưởng họa Liên khu IV; Giảng viên Trường Mỹ thuật Việt Nam tại Việt Bắc (1950- 1954);

Tác phẩm của họa sĩ Nguyễn Sỹ Ngọc đã được tặng Giải thưởng Triển lãm Hội họa tại Việt Bắc năm 1951; Giải Nhất Triển lãm Mỹ thuật Toàn quốc năm 1954.

Năm 1955-1965, Giảng viên Trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội.

Năm 1957, ông là Hội viên sáng lập Hội Mỹ thuật Việt Nam,

## HUỶNH ÁI TÔNG

được bầu Ủy viên Ban chấp hành Hội Mỹ thuật Việt Nam khoá I, Phó tổng thư ký Hội Mỹ thuật Việt Nam.

Năm 1956, ông tham gia viết bài trên báo *Nhân Văn*, nên năm 1958 bị kỷ luật: Cảnh cáo, cho thôi chức Ủy viên Ban Chấp hành Hội Mỹ Thuật Việt Nam.

Năm 1973-1975, là họa sĩ báo Văn nghệ.

Sỹ Ngọc mất ngày 6 tháng 4 năm 1990 tại Hà Nội, thọ 71 tuổi.



*Tranh của Sĩ Ngọc*



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Năm 2000 họa sĩ Nguyễn Sỹ Ngọc đã được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật đợt II cho các tác phẩm: Tình quân dân (Cái bát) - Sơn mài - 80 x 60cm (1949); Đồi ca - Sơn mài - 75 x 100cm (1962); Chiến dịch Điện Biên Phủ - Sơn mài - 80 x 120cm (1980); Một ngày mới lại bắt đầu - Sơn mài - 95 x 115cm (1982).

Trong quá trình công tác ông đã được tặng Huân chương Độc lập hạng Ba, Huân chương Lao động hạng Ba, Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất, Huy chương Vì sự nghiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam, Huy chương Vì sự nghiệp Mỹ thuật Việt Nam.

Trích văn:

### **Bát mãi?**

Hiện nay đang có một dư luận không đúng về phong trào phê bình của báo *Nhân văn* cho rằng những người viết báo ấy là *một nhóm bát mãi*.

Nói chung một số người có thẩm quyền trong giới lãnh đạo đang cần tung ta một nhận định nhằm cô lập báo *Nhân văn* và những người cộng tác của báo ấy. Thậm chí cho phong trào phê bình của những người viết ở *Nhân văn* là *phản ứng giai cấp* (không nói rõ là giai cấp nào?).

Tôi là một người có cộng tác với *Nhân văn* vì cho là báo này trong một phạm vi rộng rãi, đã đề cập tới những vấn đề nóng hổi của xã hội, của văn nghệ, nhất là vấn đề phê bình lãnh đạo văn nghệ đã mở đầu sôi nổi. Phê bình để tiến tới xây dựng một chính sách đúng, đẩy mạnh phong trào văn nghệ như ý muốn chung của quần chúng và của Đảng.

Trong phong trào phê bình ấy tất nhiên không tránh được một

## HUỶNH ÁI TÔNG

vài lệch lạc do phần uất tích lũy lâu ngày nổ bùng ra, nhưng theo tôi nếu không phê bình mạnh thì không thể làm cho lãnh đạo thấy vấn đề cho đúng tầm quan trọng của nó. Nếu phủ nhận sự cần thiết đó thì không thể hiểu tại sao chỉ sau khi có những bài phê bình ấy ông Hoài Thanh, ông Nguyễn Tuân, ông Nguyễn Đình Thi mới viết tự phê bình (tuy chưa đúng mức) đăng trên báo *Văn nghệ*? Đáng tiếc là một số người đang làm lẫn việc bảo vệ uy tín của lãnh đạo với việc giữ thể diện cho một số cá nhân lãnh đạo.

Theo tôi nghĩ, trong tình hình hiện tại, muốn cho uy tín của lãnh đạo giữ được và tăng thêm thì lại càng phải tự phê bình thành khẩn. Không nên sợ mất sĩ diện khi cái sĩ diện ấy có hại cho Đảng, đi ngược lại với quyền lợi của quần chúng. Không nên (dù hữu ý hay vô tình cũng không nên) lẫn lộn uy tín của cá nhân lãnh đạo với uy tín của Đảng. Nếu uy tín chỉ xây dựng trên sự “không dám nghe” của mình và “không dám nói” của người khác thì cái uy tín cũng nên vứt bỏ đi.

Uy tín của Đảng, của người cách mạng là ở chỗ biết nghe và biết sửa.

Một số người không hiểu như thế nên cứ tìm cách lẫn trốn sự thực, sợ những lời phê bình mạnh, họ tìm cách bịt miệng một số người để cho những người này lại bịt miệng một số người khác nữa... Thực mà nói, nếu những người ở *Nhân văn* sai, tôi chắc quần chúng bao giờ cũng có đủ sáng suốt nhận định. Họ không dễ bị lừa đâu. Ai dối họ, ai đi ngược lại với quyền lợi của họ, họ đều biết cả!

Làm như thế một là khinh quần chúng không biết gì hoặc là sợ quần chúng sáng suốt nghe những lời nói đúng sự thật. Làm như thế là không tốt.

Nhưng nếu các bạn cứ thấy chúng tôi không bằng lòng cái này cái khác của thời đại mà muốn tìm một danh từ nào để chỉ

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

hiện tượng đó thì chúng tôi không e ngại tiếng “bất mãn” đến như nhiều người tưởng.

Bất mãn! Tại sao không bất mãn?

Ai thoả mãn trước những sai lầm trong Cải cách Ruộng đất hiện nay? Ai thoả mãn với những sai lầm khác như những sai lầm trong chính sách văn nghệ và trí thức chẳng hạn?

Tôi chắc chắn rằng không phải chúng ta, những người đã tham gia cách mạng, sống chết với cách mạng, những con người của cách mạng. Chúng ta, những con người có nhiệt tâm với nhân dân với xã hội, những con người biết đau xót về những sai lầm tồn tại làm tổn hại đến việc xây dựng miền Bắc, đến công cuộc cách mạng, chúng ta không thể không *bất mãn* với những sai lầm ấy, với những con người làm ra những sai lầm ấy.

Chúng ta, những người làm văn nghệ phục vụ cho cách mạng, luôn luôn đòi hỏi sự tiến tới không ngừng của xã hội, chúng ta tất nhiên phải bất mãn với những lực lượng phản tiến bộ cản trở bước tiến của xã hội. Chúng ta, những người làm văn nghệ và văn hoá muốn cho chuyên môn của ngành mình phát triển để phục vụ cách mạng cho tốt, tất nhiên phải *bất mãn* với những cái sai lầm làm cho văn hoá văn nghệ đáng lẽ phải phát triển hơn nữa, thì bị kìm hãm. *Bất mãn* với những cái sai lầm là chính đáng. Chỉ có kẻ nào thoả mãn với cái sai kẻ ấy mới là kẻ có tội.

Nếu ai nói những người bất mãn ấy là *phản ứng giai cấp* thì hỏi giai cấp nào phản ứng trước những cái sai lầm có hại cho cách mạng? Thiệt thòi đến nông dân, đến công nhân, đến trí thức, đến cách mạng, ai thoả mãn?

Ai không phản ứng trước những sai lầm ảnh hưởng tai hại đến Cải cách Ruộng đất? Ai không phản ứng trước những sai lầm

## HUỶNH ÁI TÔNG

nghiêm trọng làm tổn thương cho miền Bắc chúng ta trong khi đang cần củng cố và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân để mau tiến tới xã hội chủ nghĩa?

Nếu ai khuyên: Này thôi đừng nói nữa bọn Mỹ Diệm nó lợi dụng”. Tôi trả lời: Thằng Diệm nó vẫn chỉ có một luận điệu nói rằng ở miền Bắc không có tự do nên nó không hiệp thương. Thì những cái phê bình công khai trong nội bộ miền Bắc chỉ càng chứng tỏ rằng chúng ta đang thực hiện một cách đầy đủ quyền dân chủ của chúng ta. Ở miền Nam, bọn Mỹ, Diệm có dám cho nhân dân phê bình chính quyền của chúng không? Ở miền Nam, bọn Mỹ, Diệm có dám bảo đảm đầy đủ tự do dân chủ cho văn nghệ sĩ không?

Tại sao lại sợ thằng Diệm nó biết mình dân chủ? Có là ngây thơ mới nghe lời nói vô lý ấy.

Chỉ có chính quyền dân chủ nhân dân do dân làm chủ có Đảng lãnh đạo mới có những cuộc phê bình mà phong kiến, đế quốc, phát xít, đều sợ, đều cấm, đều đàn áp. Chỉ có những chính đảng thực sự làm cách mạng, mưu cầu lợi ích cho dân tộc, cho nhân dân, được quần chúng ủng hộ như Đảng Lao động Việt Nam mới dám tiến hành sự thực hiện quyền tự do dân chủ thực sự cho toàn thể chúng ta.

*Ai sợ phê bình?* Tôi xin nói thẳng là những ông Quan liêu, ông Địa vị, ông Sĩ diện. Đó là những đứa con của phong kiến, đế quốc. Cho nên chúng vẫn cứ dùng cái luận điệu đã kinh nghiệm từ thời thiếu dân chủ mà bảo là bất mãn, phản ứng giai cấp v.v... cho những ai dám phê bình chúng. Đảng và Chính phủ đang tiến hành những biện pháp để sửa chữa những sai lầm trong đó có *biện pháp sửa chữa tác phong quan liêu, độc đoán, thiếu dân chủ* để cho xã hội chúng ta thực sự là cách mạng.

Bất mãn là chưa thoả mãn với thực tế, tất nhiên không phải là

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

muốn quyền lợi cá nhân chúng ta đi ngược lại quyền lợi của quần chúng nhân dân. Chúng ta bất mãn với những cái sai lầm, người sai lầm đã làm thiệt hại cho lợi ích của cách mạng.

Còn đối với một số người cho chúng tôi là bất mãn vì địa vị hay vì quyền lợi vật chất thì chúng tôi thấy không cần trả lời những con người thấp hèn ấy.

(Nhân văn số 3 phát hành ngày 15-10-1956)

Trần Khánh Chương viết về Sỹ Ngọc: *“Tranh của Nguyễn Sỹ Ngọc có bút pháp phóng khoáng, sống động và có sức truyền cảm mạnh mẽ, tài hoa trong đường nét và màu sắc. Ông còn có nhiều bài viết sắc sảo về mỹ thuật và nhiều minh họa đẹp trên báo Văn nghệ.”*

Tài liệu tham khảo:

- Sỹ Ngọc Web: [vietnamfineart.com.vn](http://vietnamfineart.com.vn)
- Sỹ Ngọc Web: [tailieu.vn](http://tailieu.vn)

## HUỖNH ẮI TÔNG

### 17) Hoàng Tích Linh



#### **Hội Vũ - Hoàng Tích Linh (1919-1990)**

Hoàng Tích Linh là kịch tác gia, bút danh Hội Vũ, sinh ngày 18 tháng 9 năm 1919 tại làng Phù Lưu, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh, nay là làng Phù Lưu, xã Tân Hồng, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh, cư trú tại Hà Nội, em ruột nhà văn Hoàng Tích Chu, con cử nhân Hoàng Tích Phụng.

Thuở nhỏ ông học ở Hà Nội, bắt đầu sáng tác văn chương từ những năm 1940, có tác phẩm đăng trên các báo ở Hà Nội trước Cách mạng tháng 8 năm 1945.

Sau ngày Toàn quốc kháng chiến 19-12-1946, ông gia nhập Vệ Quốc đoàn, công tác ở Đoàn kịch nói Quân đội kháng chiến suốt 9 năm đánh Pháp.

Sau hiệp định Genève, ông cùng đơn vị về tiếp quản thủ đô (Hà Nội), đến năm 1955, làm việc ở Phòng Văn nghệ Quân đội Nhân dân Việt Nam, Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam.

Trên báo Nhân Văn số 2, có đăng vở kịch “*Xem mặt vợ*” của Hoàng Tích Linh, ông đã tham gia *Nhân Văn – Giai Phẩm*, nên bị kỷ luật cùng với những người khác trong nhóm.

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
Ông mất ngày 26-01-1990 tại Hà Nội, thọ 71 tuổi.

Tác phẩm:

- *Anh bộ đội cụ Hồ* (1952)
- *Luyện chắc tay súng* (1953)
- *Cơm mới* (1955)
- *Ánh sáng Hà Nội* (1955)
- *Xem mặt vợ* (1956)
- *Vết sẹo* (1962)
- *Cô giáo Hồng* (1964)

### **Cơm mới**

TÂM: Em gái CHUNG 15, 16

THỦY: Cột cán đã đính hôn với CHUNG

Cụ CANH: Chờ đò ngang cùng ngõ nhà CHUNG

Bà TUỜNG: Gọi tắt là mẹ LỚN, cùng ngõ nhà CHUNG

LỚN: Cột cán

Cảnh

Một làng ven sông. Một bến nhỏ sang ngang. Nhà CHUNG ở sát sông, một căn nhà gianh một gian hai mái.

Bài trí-Cảnh giữa nhà. Bên trái là bếp, bên phải có liếp ngăn sang buồng bên. Đỡ cột hai đầu gian ọp ọp, thấy hai cây hương to dựng chênh chếch. Đồ đạc cũ kỹ: một giường, một chõng tre. Kê sát vách, một bàn con làm bàn thờ, có bát hương bằng sành, một bát con đựng nước cúng. Quang cảnh lạnh lẽo như đã lâu không người trông nom tới: Lưới vó để cạnh liếp, tranh

## HUỶNH ÁI TÔNG

rách từng mảng LỚN, khẩu hiệu trên TƯỜNG ám khói vàng khè, thủng, sáo lỏng chổng ở một góc.

Cửa sổ trong nhà nhìn thấy sông. Cửa chính trông ra sân đất. Cổng tre, khóm mía, bụi chuối. Qua cổng thấy bãi ngô bát ngát, con đường trông ngô thoải thoải xuống bến.

Màn một - Canh ba. Trong xóm gà gáy rộn lên một lúc rồi im bặt. Thừa thốt bên kia sông chó sủa vọng sang. Bên ngoài cửa sổ ánh trăng cuối tháng mờ và lạnh. Trong nhà tranh tối tranh sang.

TÂM đắp chiếu ngủ ở chõng. CHUNG vẫn thức ngồi bó gối rầu rĩ...

Tiếng chó bỗng sủa vang. CHUNG chạy ra nhìn qua kẽ liếp.

TÂM (vùng dậy) - Gì thế anh ?

CHUNG - Im, du kích

TÂM - Người ta đến bắt anh, anh ơi

CHUNG - Im đã TÂM

(Nghe ngóng tiếng chó sủa về phía khác, xa dần)

CHUNG - Du kích đi tuần đấy. Không có gì đâu. Em lên mà nằm đi TÂM.

(TÂM lẳng lặng lên chõng đắp chiếu. CHUNG lại giường ngồi bó gối nhìn trăng sáng ngoài cửa sổ)

CHUNG (thấy TÂM tựa mình) - TÂM ngủ đi chứ. Còn lâu mới sáng, cố chợp mắt đi lúc nữa TÂM ạ !



HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
(TẦM nằm không yên chỗ)

TẦM - Anh này, người ta rủ nhau dỡ khoai non, em cũng dỡ vài luống ở bãi nhà.

CHUNG - Sáng lên xin phép đội đã.

TẦM (thở dài) - Xin chả được, gạo cứu đói cũng không thấy họ nói đến nhà ta nữa là. Anh mặc em, tang tảng sáng em lẩn ra bãi, không ai biết đâu anh ạ!

CHUNG - Mày làm thế lại thành tội phá hoại sản xuất đấy Liều thế không được, cứ lên đội xin.

TẦM - Khó lắm anh ạ

CHUNG - Ừ, mà xin cũng chẳng được đâu. Người ta đang nghi phản động, ai cho...

Này tao bảo, chuôm Đồng Sậy tát tối qua, sáng nay ra hỏi sớm khéo thì kiếm được một bữa. Hôm nay hai mươi mốt, phiên chợ Ngũ đẫy, sang chợ mà bán...

(một lát yên lặng)

CHUNG (như không yên tâm)- Này TẦM mày xem kỹ lại xem có cái gì khác nữa không ?

TẦM (nghe ngóng) - Không có gì khác đâu. Cái gì hở anh

CHUNG - Còn cái gì nữa ? (băn khoăn) Này TẦM, hôm u mắt thế nào ? (thấy TẦM ngơ ngác) Ờ.. cái hôm u mắt ấy, thế nào ? Mày nhớ kỹ lại xem, đầu đuôi ra làm sao ?

TẦM (trố mắt nhìn anh) - Khổ quá, em kể không biết bao nhiêu lần, anh còn cứ hỏi mãi. Hôm ấy, quá nửa đêm đi họp về,

## HUỶNH ÁI TÔNG

em vẫn thấy đèn điều để ở đầu giường. Em cho là lúc tối có ai đến thăm u. Đèn vặn nhỏ li ti bằng hạt đỗ.

CHUNG - Chính mày trông thấy đèn sáng à ?

TÂM - Khô, thì em còn vặn to lên cơ mà. Đèn và điều ở giường anh (đến chỉ cho CHUNG xem) ở chính giữa giường này. Sau em còn hỏi u một câu. Không thấy u trả lời. Em nghĩ u mệt ngủ say, em không hỏi nữa, em lăn ra ngủ thiếp đi một mạch. Mãi tang tảng sáng cũng bằng giờ này, em gọi u bốn dăm câu không thấy thưa, em mới chạy vào buồng lay u dậy, thì u đã mất tự bao giờ. Em vẫn đinh ninh u mệt qua quýt thôi, ai ngờ...

CHUNG - Quái lạ, ai đến để đèn điều ở giường này mới được chứ ? Tao chẳng còn hiểu làm sao nữa!

TÂM - Nhất định không phải u bị giết. Đội khám đi khám lại có thấy vết tích gì đâu ?

CHUNG - Khám với xét. Nếu thực có đũa manh tâm giết u, nó không dại gì để xác u trong buồng rồi. Nhà mình sát nách bờ sông thế này, nó lẳng ngay xác xuống sông cho mất tích có hơn không ?

TÂM - Sao anh không nói rõ với đội thế ?

CHUNG - Nói với ai ? Bây giờ tao nói ai nghe ? Đến trẻ con trong làng cũng chẳng thèm để ý đến nữa là cốt cán với đội. Ở tận đâu đâu đến biết thế nào chuyện làng người ta. Biết thế nào được người tốt người xấu...

TÂM - Cái anh LỚN ấy mà cũng là cốt cán được!

CHUNG - Cái thằng LỚN lộc ngà lộc ngọc cắn hạt cơm không vỡ ấy biết cái gì, thiên lôi chỉ đâu đánh đấy, chỉ tổ làm nát làng

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

ra. Nhưng chết là ở cái con mẹ nó, con mẹ ranh càn sát ấy nó xúi bẩy (một lát) ấy thế mới chết, những đứa xấu bụng mới được dịp đồ vẩy cho tao chủ trương phá tề, dất Tây về tổng càn vùng này. Đến việc u chết vừa rồi chúng nó vu là âm mưu của địa chủ Quỳnh sai tao làm để bịt đầu mối tổ chức cũ. Đền điều và mày vừa kê đây cũng do tao bày ra thế để đánh lạc hướng nông dân (mặt tức tối). Nào tao là Quốc dân Đảng phản động. Nào là tao cấu kết với thằng Quỳnh giết u. Nói thế mà nghe được!...

TÂM - Khẽ chứ anh

CHUNG(Càng nói to)- Tao không sợ Tao thế nào cả làng này biết rồi.

TÂM - Vừa chập tối, đội bắt thằng Quỳnh...

CHUNG - Lại rồi ren thêm. Cung cách này là sắp bắt lung tung cho mà xem.

TÂM - Bây giờ làm thế nào hở anh ?

(Tiếng chó lại sủa. Trong nhà im bật)

CHUNG - Hừ... Du kích lại đi rình. Đêm nào cũng đến rình...Rình cái gì mới được chứ! (không bình tĩnh nổi). Theo kháng chiến bằng ấy năm giờ này bây giờ cũng hóa thành công cốc. Bao nhiêu công lao đổ xuống khúc sông này hết... Đền nước cùng này..

TÂM (hốt hoảng) - Bây giờ, biết làm thế nào hở anh ?

CHUNG - Làm thế nào nữa... TÂM mày, bây giờ họ hàng không ai dám chứa mày đâu, mày cũng đừng đi lại nhà ai thêm khổ người ta ra... Nếu ta có thế nào tao chỉ dặn mày liệu bám bụng một mét sống qua ngày, em ạ ...

HUỶNH ÁI TÔNG

TÂM - Hôm nay cũng vừa đúng tuần bốn chín ngày của u anh ạ

CHUNG - Ừ

TÂM - Anh có cúng u không ?

CHUNG - Cúng lễ gì!

TÂM (buồn rầu nhìn anh) - Thế, thôi ở anh ?

CHUNG - Chẳng thôi thì lấy gì mà cúng ?

TÂM - Hay là em chạy giật tạm vài bát gạo

CHUNG - Ai dám dây giữa với nhà mình nữa. Không vay mượn gì hết.

TÂM - Hay là em chạy sang sông

CHUNG (trùng mắt) - Nhà cái THỦY ấy à ? (thấy TÂM áp úng) Tao cấm đấy. Không được đi lại nữa.

TÂM - Chị ấy...

CHUNG - Chị ấy làm sao ?

TÂM - Không...

CHUNG - U chẳng khen ngoan với hiền hậu nhất làng nữa đi. U chết nó có lai vãng thăm hỏi u được câu nào không ? Cũng chẳng lên hàng cốt cán rồi mà. Tinh nghĩa khối ra đấy!

TÂM - Chị ấy ở tận xóm lẻ bên kia sông.

CHUNG - Thì nó thường sang ven này họp hàng xã đấy thôi.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Nhưng từ hôm ấy đến giờ, hàng tháng rồi có dám bén mảng đến đây không ? Mà bảo xa xôi cách rách gì cho cam. Có điều giờ nó thay đổi rồi. Tao biết lắm...

TÂM - Anh đừng nói. Chị ấy đâu thế...

CHUNG - Không thể mà lại phải trốn tránh. Phải tránh mặt đ. Tránh nhà này là nhà phản động. Nhà tay sai địa chủ

TÂM - Em nghĩ chẳng lẽ nào.

CHUNG - Đấy mà xem...cũng may mà u tính đợi xong Cải cách mới cưới, nếu không về nhà ta rồi, cơ màu này nó cũng cắt đứt thôi ..tao biết lắm...Thói đời như vậy cả, khi vui thì vỗ tay vào...

TÂM - Anh để xem thế nào đã. Chưa chi ...

CHUNG - Còn để xem thế nào nữa ? Hôm họp Đảng khai trừ tao, nó là cốt cán ngồi lù lù trước mặt tao chớ đâu. Người ta vạch cho tao hằng hà xa số là tội. Toàn là những tội không đâu, mà nó thín thít có dám mở miệng phân trần cho tao được một câu nào. Thử hỏi tao lẫn lộn dọc đê với con đường số 5 thế nào, nó ở trong hàng ngũ du kích phải biết rõ hơn ai chứ ? Sao nó câm họng ? Sao nó về hùa với người ta ăn không nói có cho tao ? Bất tình bất tội tao...

(TÂM nín lặng. Bỗng tiếng đập mạnh gọi cửa. Tiếng chó giật giọng sủa vang. Tiếng gọi cửa liên tiếp)

TÂM (như khóc) - Tiếng anh LỚN và du kích...

CHUNG - Cứ ra mở cửa

(TÂM run càng luống cuống loay hoay mãi không mở được then)

HUỶNH ÁI TÔNG

CHUNG - Việc gì phải sợ thế, để tao mở cho.

(Cửa mở, LỚN, cao LỚN, lộc ngọc vác súng vào. Bóng du kích thấp thoáng đi lại ngoài sân)

LỚN - Sao chậm mở cửa ? (Yên lặng)

LỚN- Sao đêm vẫn rì rà rì rầm chuyện ?

TÂM - Có chuyện gì đâu

CHUNG - Không phải đối quanh (với LỚN) - Rình nghe khác biết rồi còn phải hỏi gì nữa ?

LỚN- Lại sắp sửa ngoan cố! Này, đội cho gọi anh đến văn phòng ngay. Lên đây mà ngoan cố...

TÂM - Thôi chết rồi anh ơi!...

CHUNG (Cố bình tĩnh) - TÂM, em đừng làm rối lên như thế, ở nhà nhớ những điều anh dặn đấy.

TÂM - Khổ thân, anh tôi có làm gì đâu cơ chứ ?

LỚN - Không làm gì à, không làm gì mà bà cụ lăn đùng ra chết?

TÂM - U tôi chết thật ?

LỚN - Đòi thừa nhà ai chết gì mà lại tự nhiên thế ? Đền điều lại xếp đàng hoàng trên giường như bình thường có khách đến chơi ấy. Lại còn oan lắm hả ?

CHUNG - TÂM không phải nói nhiều.

LỚN - À không nói, không nói à ? Này đầu đảng chủ mưu

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
thằng Quỳnh bị bắt rồi. Anh là nông dân nên đối xử có khác  
với địa chủ, không thì ai cho anh đứng đấy mà lý sự hả ?

CHUNG - Tôi không làm, không biết.

LỚN - À thế nào ? Không làm, không biết ? Tội rành rành ra  
đấy rồi không nhận cũng tù tội kia mà. Lên đội ...

CHUNG (ra cửa) - Nông dân xử ức nhau, mới phải chịu nước  
này...

LỚN (gọi giật lại) - Ấy, hăng khoan..còn lá cờ tam tài của chi  
bộ cũ các anh đâu ? Mang lên nộp đội.

CHUNG (ngạc nhiên) - Lá cờ nào ?

LỚN - Lại sắp ngoan cố. Lá cờ tam tài của chi bộ cũ các anh,  
chứ còn lá cờ nào nữa ?

CHUNG - Ô hay, lá cờ nào ?

LỚN - Này bảo thật, đừng chí chá nữa. Lá cờ hồi tổng càn, các  
anh thường treo ở điểm dệ dệ đầu làng để họp kín ấy.

CHUNG (mới sực nhớ) - À...

LỚN - À, anh thấy chưa ? Cứ tưởng đây không biết hẳn.  
Không việc nào anh dẫu nổi nông dân được đâu. Lần nào họp  
anh cũng treo cờ Pháp, lần nào cũng bắt chị THỦY vác súng  
đứng gác cho các anh ? Có đúng thế không ?

CHUNG - Cái THỦY nó tổ thế ?...

LỚN - Tôi hỏi các anh có họp không đã ?

CHUNG - Họp... có họp...

## HUỶNH ÁI TÔNG

LỚN - À...Thế còn chống chế gì nữa ?

CHUNG - Anh biết gì ? Đây là họp chi ủy bàn kế hoạch đánh Tây. Nhiều lần có cả đồng chí TUỜNG, huyện ủy đến khai hội.

LỚN - Thế nào anh cũng lý sự được. Họp đánh Tây mà lại treo cờ Pháp

CHUNG - Anh không biết gì thật. Lúc ấy không treo cờ Pháp, Tây nó bắt ráo, vỡ cơ sở như bõn, tưởng chuyện chơi à ? Anh tản cư biết đâu chủ trương của huyện ?

LỚN (sùng sộ) - Tản cư Tản cư thì không biết hả ?...

CHUNG (vẫn bình tĩnh) - Hừ...Lúc Tây còn, anh tản cư không biết thật đây. Đây là mọo du kích.

LỚN - Cái gì ? Mọo..Mọo gì ? Cứ tưởng người ta không biết cả đây. Đêm qua thằng Quỳnh thú nhận khai nhận hết tội rồi.

CHUNG - Mẹ kiếp thằng Quỳnh. Thằng địa chủ Quỳnh khai láo cũng nghe theo nó à ?

LỚN - Không lý sự được với anh, tôi chỉ hỏi: Lá cờ đâu ?...Nói...

CHUNG - Tôi không biết.

LỚN - Lại không biết ? Ngoan cố (tức tối nhìn CHUNG). Thế anh manh tâm cho địch bắn chết đồng chí TUỜNG huyện ủy của ta, anh có biết không ?

CHUNG (khô sớ) Tôi...Tôi giết đồng chí TUỜNG ?... Thế này thì quá lắm. Đồng chí TUỜNG bị giặc bắn chết trên lưng tôi khi cõng đồng chí bơi qua sông chạy càn.



HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

LỚN - Không nghe anh được, anh mưu mô góm lăm! Anh chui vào phá Đảng, giết hại các đồng chí Đảng.

(CHUNG lặng người bít chặt vào khung cửa)

LỚN - Cứ tưởng đây không biết. Anh còn mê hoặc cô THUY xóm bên sông. Anh định dụ dỗ lôi kéo người ta vào tổ chức của anh. Cũng may cho người ta chưa lấy phải thứ anh, không lại uổng phí cả một đời người.

CHUNG - Hừ...đến thế này được ư ? (quay lại với TÂM). Hôm nay anh đi không chắc được về. Sau này khắc hay em ạ...

TÂM - Anh ơi, có tội tình gì ?

LỚN (ra theo) Còn thế nào mới là tội nữa ?

(TÂM khóc định chạy theo anh, bóng mẹ LỚN đứng sẵn ở cửa)

Mẹ LỚN (vội ngăn lại) - Chạy đi đâu hờ cháu ? làm ầm lên lại khốn bây giờ. Vào đây bà bảo.

TÂM - Khổ thân anh tội thế này ...

Mẹ LỚN - Úi giờ ơi khổ ? Chẳng bù lúc anh mày hạch tao cái giấy tản cư sao chẳng thấy kêu khổ ?

TÂM - Lúc này bà nói thế nào mà chả được

Mẹ LỚN - Tao nghĩ nhà mày ruộng nương chẳng có đấy, bây giờ sắp được chia, lại dờ dối ra thế này...

TÂM - Anh CHUNG cháu cũng chẳng có tội tình gì ?

Mẹ LỚN - Ấy chết. Anh CHUNG mày là lăm tội lăm đấy, cháu

## HUỶNH ÁI TÔNG

a. Tội tày đình cơ đấy. Cháu có được hợp đầu mà cháu biết. Không lẽ nhân dân lại nói sai cho anh mày ư ?

TÂM - Bà chỉ nói quá cho anh cháu.

Mẹ LỚN - Lại còn quá à? Ngay cái chuyện trong nhà này chứ đầu xa, cháu cũng biết đấy.

TÂM - Bà đừng dưng đứng chuyện lên thế!

Mẹ LỚN - Dưng đứng à ? Góm chưa! Không dưng ai dám đặt điều cho anh em nhà mày hở ? Việc đến thế này rồi. Thú thật với bà đi. Bà bảo thằng LỚN nhà bà nói trình bày giúp với đội cho là khắc anh em nhà cháu đỡ tù, đỡ tội.

TÂM - Ô hay, bà lạ nhỉ ? Cháu làm gì mà cháu lại phải tù tội.

Mẹ LỚN - Đây chỗ hàng xóm là ng giếng, trong họ ngoài làng với nhau cả. Bà bảo thật. Mày khôn ngoan thì theo lời bà. Mày khờ dại thì theo anh mày rồi vạ vào thân đấy cháu ạ.

TÂM - Cháu chẳng việc gì mà vạ.

Mẹ LỚN - À tưởng quý báu lắm đấy. Hoài hơi dạy bảo cái giống anh em nhà mày.

(Mẹ LỚN bỏ ra đến cửa. Yên lặng)

Mẹ LỚN (lại quay vào) - Bà nóng bà nói thế thôi. Đấy cháu nghĩ xem cả họ nhà cháu có ai đoái hoài đến anh em nhà cháu đâu. Hay là chỉ có bà cùng ngõ, bà ái ngại tình cảnh cháu, bà mới chạy sang chỉ đường vạch lối cho cháu... (Yên lặng đi đi lại lại khắp nhà). Nhà mày lạnh khiếp được... (nhìn bàn thờ) Cái THỦY nó cũng không chạy sang chịu tang u mày à ?

TÂM - Cháu không biết.

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Mẹ LỚN - Bà hỏi thế thôi. Nó sắp lấy người khác rồi. Cốt cán nó chẳng thèm lấy đứa phản động giết cả mẹ ấy...

(Mẹ LỚN lẳng lẳng vào trong buồng. TÂM nín lặng thút thít)  
Tiếng Mẹ LỚN - Vào đây bà hỏi. (TÂM vẫn không nhúc nhích) TÂM.

TÂM - Bà hỏi gì ?

(Không thấy trả lời. TÂM lo lắng nhìn mẹ LỚN lục lọi trong buồng. Một lát sau)

Mẹ LỚN (bước vội ra, tay cầm một đoạn giấy thùng giấu sau lưng đột ngột giơ sát mặt TÂM) - TÂM, thùng nào đây ?

TÂM (hốt hoảng) - Thùng...

Mẹ LỚN - Thùng nào ?

TÂM - Thùng ấy...

Mẹ LỚN - Thùng anh mày lấy định treo cổ u mày hả ? Sợ lộ mới vất vội vào gầm giường phải không ?

TÂM - Không phải .. thùng này ...anh cháu mới lấy để thay giấy thùng gầu.

Mẹ LỚN (trợn tròn mắt) - Lại còn chối à ?

TÂM - Khổ quá...thùng này gác bếp, hôm qua anh cháu mới lấy xuống, chưa kịp... bà xem còn bỏ hóng kia.

Mẹ LỚN (tung hứng vút thùng vào buồng) - Ồ...thôi được... (lại giường kéo TÂM ngồi bên, vỗ vè) - Này, u cháu chết trong buồng này phải không ?

## HUỶNH ÁI TÔNG

TÂM - Vâng.

Mẹ LỚN - Ồ thế...TÂM này, cháu nhớ lại xem cái đèn u cháu chết thế nào ? Cháu còn nhớ chứ?

TÂM - Hôm ấy cháu đi họp về... cháu thấy đèn còn sáng.

Mẹ LỚN (nhanh nhẩu) - Ngọn đèn đặt kia. Vãn nhỏ li ti chứ gì?

TÂM - Vâng

Mẹ LỚN - Thế thì đúng rồi. Anh mày vặn đèn nhỏ xuống phải không ? (thấy TÂM ngo ngác) - Bà biết mà lại... Thế trước khi thằng Quỳnh bảo cháu ra gác anh cháu đứng đâu... Thằng Quỳnh đứng đâu ?

TÂM - Cháu... không biết

Mẹ LỚN - Cháu không biết thì còn ai biết nữa... Thằng Quỳnh đề chân có phải không ? Anh mày. Đấy, bà biết hết rồi...Cháu cứ nói thật đi .

TÂM - Cháu chẳng biết gì

Mẹ LỚN - U cháu chết ngay trong nhà chứ đâu

TÂM - U cháu mất trong buồng kia.

Mẹ LỚN - Ấy đấy, thế thì còn ai giết u cháu nữa hở ?

TÂM - U cháu có bị giết đâu ? U cháu mất chứ.

Mẹ LỚN - Này này, hàng xóm người ta nói rằng rắng ra kia, thằng Quỳnh với anh mày hành sự trong buồng. Còn mày mày đứng canh cổng ngoài, chỗ khuỷu đường xuống bên sông chứ

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

đâu.

TÂM (hốt hoảng) - Đâu có...cháu ...cháu thể có u cháu.. (oà khóc) - U ơi, thế này con kêu ai được ? U ơi...

Mẹ LỚN - Mọi việc đều do địa chủ nó gây nên hết. Anh mày cũng bị mua chuộc mà thôi. Cháu khôn ra cháu nhận đi. Bà bảo thật

TÂM - Việc gì cháu phải nhận

Mẹ LỚN - Ồ cái con bé này...

TÂM - Cháu không làm, sao cháu phải nhận ? Cháu biết gì ? Nhận bằng quơ thế cháu không nhận...

Mẹ LỚN (tung hứng) - Ồ...

TÂM - Cứ ép mãi cũng thế thôi, cháu không biết.

Mẹ LỚN - Ồ được...Mày ra gan không chịu nhận hở ?

TÂM - Ai nói thế nào cứ nói. U cháu biết cho chúng cháu.

Mẹ LỚN - Biết thế nào cho chúng mày được. Tao hãy hỏi, trước hôm u mày bị giết, u mày với thằng CHUNG có xô xát cãi cọ nhau suốt nửa buổi không ? Ủ...có hở ? Chính tao nghe thấy u mà nhiech anh mày những là: "Đảng cho nó lăm vào, rồi nay hợp mai hợp để bây giờ ra xóm mà nhận lấy hết tội". Có đúng thế không ?

TÂM - Có u tôi có mắng anh CHUNG thật.

Mẹ LỚN - Ấy thế, anh mày với thằng Quỳnh sợ lộ mới phải giết u mày đi. Mà chính mắt tao thấy lúc đi họp nửa đêm về, mày còn quanh quẩn ở khuỷu đường xuống bên kia. Mày gác...

## HUỶNH ÁI TÔNG

TÂM - Cháu gác bao giờ.. bà đừng nên thế. Hôm ấy đi họp về là cháu ra bên rửa chân rồi về thẳng nhà.

Mẹ LỚN - Đội bắt thằng Quỳnh rồi. Anh mày vừa phải gọi đi. Sắp đến lượt mày đấy. Chẳng oan đâu cháu ạ (thấy TÂM nín lặng). Tội ở thằng Quỳnh cả. Khai ra. Đội người ta chỉ đánh thằng đầu xỏ thôi. Cháu khai thật ra. Anh cháu được tha về. Hai anh em lại ăn ở với nhau có hơn không?

TÂM - Cháu không biết

Mẹ LỚN - Cháu dại lắm. Rồi ra, nay mai sắp chia ruộng, nhà cháu ít nhất cũng được rằm sào. Cháu tính xem. Cháu bướng bỉnh chẳng tích sự gì, mà nay mai đầu thừa đuôi theo nông dân cũng chẳng phí của thí cho nhà mày đâu (một lát) Thế nào TÂM, nghe bà chứ! Bà bảo anh LỚN nhà bà, nó chỉ nói với đội một câu là anh mày được tha về yên trí làm ăn...

(TÂM yên lặng. THỦY vác súng vào tới cửa. Trong nhà không biết. THỦY lẳng lẳng ra)

Mẹ LỚN - Thế nào TÂM, cháu tôi cũng gan lắm cơ. Nghe bà là hơn.

TÂM - Cháu không có thể. Cháu không nhận. Sao bà lại cứ bắt tội cháu

Mẹ LỚN (nổi nóng) - Mày cứ giỏi cứ gan lỳ mãi tao xem nào. Nhẹ không ưa lại muốn ưa nặng à? Anh mày còn bám lấy địa chủ, nông dân còn đào tận gốc tróc tận ngọn mới đáng đời.

(Mẹ LỚN bỏ ra hẳn. Gian nhà vắng lặng. Trăng mờ lạnh ngắt ngoài sân. TÂM rùng mình trông trước trông sau chạy đến nức nở trước bàn thờ. THỦY vào không đánh tiếng).

THỦY (gọi khê) - TÂM

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

TÂM (giật mình quay lại) - Chị THỦY, chị...chị đừng bắt em. Em có làm gì đâu ?

THỦY - TÂM, anh đâu ? TÂM - Không, không, em không có tội.

THỦY (ái ngại) - TÂM, em ngồi xuống đây. Chị đây, chị sang... Anh đâu ? Anh bị bắt rồi phải không ?

TÂM (ngơ ngác) - Chị ...

THỦY - Chị đây (kéo TÂM đến gần) Kia sao TÂM lại nhìn chị thế ? Anh đâu ?

TÂM - Chị lại còn phải hỏi ?

THỦY - Ngồi xuống đây. Em đừng nhìn chị thế (TÂM vẫn đứng) kia TÂM...

TÂM - Chị còn sang đây làm gì ?

THỦY - Tại sao em lại thế với chị ?

TÂM - Em chẳng làm sao cả. Chị về đi.

THỦY (lặng lẽ) - Không sao cả, mà em lại đuổi chị về ?

TÂM - Em dám đâu đuổi chị. Chị có ngồi đây đến sáng cũng thế thôi. Em có làm gì đâu mà em phải xưng ra...

THỦY - Chị xin em...

TÂM - Mẹ anh LỚN cũng vừa ở đây ra. Bây giờ lại đến lượt chị. Bà ấy dọa dẫm hết lời, em cũng chẳng nói sai. Giờ chị có dụ dỗ cũng vậy thôi. Chị về đi.. Anh em có bị bắt cũng tại chị.

## HUỶNH ÁI TÔNG

THỦY (rung rung nước mắt) - TÂM coi chị đến thế kia ư ?  
TÂM, em giận chị lắm phải không ?

TÂM - Em dám đâu giận. Nhà em là nhà phản động mà. Ai thèm đến nữa. Chị là cốt cán chị sang đây làm gì cho thêm lụy chị ra

THỦY - TÂM, em đừng nói thế mà tủi chị.

TÂM - Chị vạch, chị tố hết tội anh CHUNG em rồi còn gì nữa?

(THỦY nín lặng)

Chị chẳng nghĩ đến những ngày ở hầm ở hố, nắm cơm miếng bánh cùng anh em. Sao chị chẳng thương anh em hờ chị ?

THỦY - TÂM, chị van em là hết. Chị chẳng biết nói thế nào (một lát) Chị chẳng biết nói thế nào thật. Anh CHUNG bên này khổ thì bên kia sông, chị cũng chẳng sung sướng gì. Chị còn biết nói cùng ai.

TÂM (ngờ vực nhìn) - Chị

THỦY - Chị mặt mũi nào đặt điều kia tiếng nọ cho anh CHUNG được. Còn có vong hồn u kia biết cho chị

TÂM - Chị ... U em không phải bị giết đâu, chị ... chị đừng nghi oan cho anh CHUNG.

THỦY - Chị biết

TÂM - Chị biết mà làm sao người ta vẫn vu oan tội cho anh CHUNG em ?

THỦY (nín lặng) - Chị biết người ta tố điều cho anh CHUNG hết cả, nhưng chị không dám nói. Mà chị nói thế nào ? Bây giờ



HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

động tí ngờ nhau chứ mấy ai dám thực tin nhau. Chị lại là cốt cán... cốt cán không tổ anh nên nông dân đặt vấn đề nghi chị. Chị đành cắn răng phải chịu. Chị chẳng còn biết nói cùng ai ?

TÂM - U em mất đi, anh CHUNG lại thế, em nghĩ chị ...

THỦY - Em nghĩ chị thay đổi phải không ? Em giận chị Anh CHUNG căm ghét chị ... Chị cũng chịu vậy thôi (yên lặng). Chị nghĩ, chị ăn ở trước sau như một, thế nào rồi cũng có lúc em rõ cho chị . Anh CHUNG rõ cho chị

TÂM (ái ngại nhìn THỦY) - Chị ...

THỦY - Hôm u mất, người ta ngăn chị Thày u chị cấm chị đi lại với bên này. Hôm nay tuần bốn mươi chín u.. Chị sang...rồi muốn ra sao thì ra. Rồi người ta muốn đặt điều ngờ vực chị thế nào thì đặt, chị cốt là chị ăn ở trước sau phải đạo với u.

(một lát)

THỦY - Nhà ta cũng hết gạo rồi phải không ?

TÂM - Vâng

THỦY (lấy gói khăn vuông đựng gạo) - Đây có mấy bát gạo cơm mới chị mang cho em. Lấy một ít sáng nay cúng u em ạ. Em trút vào giá đi... Lúa sớm bên nhà chị đầy mà (thấy TÂM ngáp ngừng) Em cũng không muốn nhận cho chị à ?..

TÂM - Sao chị lại cho...

THỦY - Khổ, đến em cũng chẳng thật tin chị. Chị vẫn là cái THỦY bên sông của u đây mà...Em, em cứ nhận cho chị.

TÂM - Vâng (ôm lấy THỦY) có thể chứ. Em vẫn nghĩ chẳng lẽ nào chị lại chóng quên...

## HUỶNH ÁI TÔNG

THỦY - Em đừng bảo với anh là chị đến nhé. Chẳng ích gì lại thêm phiền ra. Anh vận hạn thế này, chị chẳng oán trách anh đâu. Oán trách nhau mà làm gì kia chứ!

(Yên lặng, sáng dần. Tiếng gọi dò bên sông)

THỦY - Có dò sang sông. Để chị về. TÂM đừng nói gì với anh nhé!

TÂM - Vâng, chị về (nước mắt chạy quanh) Từ giờ em chỉ còn có một mình

THỦY (ái ngại ôm chặt lấy TÂM) - Chị cũng chẳng khác gì em (một lát) Chị không nấn ná được nữa, gần sáng rồi.

(Ngoài ngõ, tiếng cụ Canh trả lời khách gọi dò)

TÂM - Chị đừng ra vội, gặp cụ Canh mất.

(tiếng đẩy cửa)

TÂM - Cụ Canh vào đây chị ạ (ngần ngại) Chị ...hay chị lánh vào buồng này đã

(THỦY vào buồng, tiếng gõ cửa)

Cụ CANH (gọi khê) - TÂM...TÂM... Ông Canh đây mà (đẩy cửa vào)

TÂM - Ông, ông sang đây làm gì ?

Cụ CANH – Tao .. tao sang... anh mày bị bắt rồi hở ? Tao thấy chó cắn...

TÂM - Vâng, Đội vừa gọi lên văn phòng. Không biết việc gì. Nhà cháu thế, ông còn sang đây làm gì ?

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

CỤ CANH - Tao ấy à...Tao thấy chó cắn bên mày, tao nóng ruột quá tao liều, tao chạy sang. Mà tao tính tao cứ sang, sợ quái gì. Cây ngay chẳng sợ chết đứng. Cùng lắm bắt tao là cùng.

TÂM - Khô quá, rồi ông cũng bị bắt đấy.

CỤ CANH - Tao nghĩ chán ra rồi, anh mày có tội đéch gì đâu mà tao sợ lòi thối. Tao cứ sang.

TÂM - Nhưng cháu vẫn lo lắm. Ngày đêm anh cháu nom nớp, kêu ai được hờ ông.

CỤ CANH - Tao cũng chẳng biết làm thế nào thật. Nhưng tao nghĩ thời Tây nó bắt, nó dí súng vào ngực anh mày, anh mày còn chẳng sợ. Bây giờ là ta với nhau. Truy mãi, hỏi mãi, không thủ mưu thủ phạm gì thì cũng thôi. Chứ ức nhau đến chỗ chết à?

TÂM - Nhưng cháu vẫn sợ cho anh cháu...

CỤ CANH - Ấy thường cứ đêm đến tao nhìn sông lại xót cho anh mày, giá khúc sông nó biết nói thì anh mày cũng chẳng đến nông nổi này đâu. Chẳng lẽ lại chịu khoanh tay à? Cả đêm qua tao nghĩ thời dân chủ với nhau lại tốt xấu nhập nhằng mãi thế này được ư?

TÂM - Nhưng gỡ được tiếng cũng còn khó lắm ông ạ ...

CỤ CANH - Thì biết làm thế nào? Đến tao biết mười mười việc anh mày mà tao cũng chẳng dám nói ra.

TÂM - Thế cứ đành thế này mãi hờ ông?

CỤ CANH - Tao định bụng sang... Bảo anh mày hãy cứ tĩnh tâm lắm mới được. Cây ngay chẳng sợ chết đứng là vậy. Việc

## HUỶNH ÁI TÔNG

đời vẫn thế. Thời Tây chiếm đóng đen tối tưởng chết tiệt cả ấy mà lại hòa bình đấy thôi. Tao chỉ lo anh mày còn nông nổi. Đang cái lúc thế này dễ sinh hoang mang, thực mạng làm liều khôn khổ cho mình à... Thế nào dạo này mót mét ra sao hở cháu ?

TÂM - Cũng kém lắm. Nhà cháu rau cháo mấy phiên chợ nay rồi.

Cụ CANH - Cũng còn khó khăn dăm bữa nửa tháng nữa đấy. Thôi được...hôm nay có mẻ tôm mẻ cá nào tao cho anh em mày. Đùm bọc lấy nhau cho qua ngày vậy Trước còn đói kém gấp mấy bây giờ chứ

(Tiếng gọi ò ò giục bên sông)

Cụ CANH (nói qua cửa sổ) - Lão sang đây.. đợi đấy. Quái thật anh nào gọi ò ò cũng giục rồi lên. Đã sáng hẳn đâu ?

TÂM - Ông nhanh lên nhờ có ai...

Cụ CANH - Ủ...mà nhờ tao có gặp ai, tao bảo thẳng tao đến đây, tao có cái đêch gì mà sợ liên quan...

TÂM - Ông đừng để gặp ông ạ...

Cụ CANH - Gặp cũng lòi thôi ra thật (nhưng vẫn quanh quẩn ở cửa). Tao cứ nghĩ u mày là mẹ chiến sĩ không điều tiếng với ai. Thằng anh mày cũng vậy Nào là Tây tra tấn, chóc cắn nát mặt, hụi chết mấy lần mới giữ được cơ sở bên sông này chứ hại dân hại nước cái gì ? Tao chuyên chờ ò ò cho nó đưa cán bộ đưa bộ đội sang sông mãi đấy thôi. Anh mày thế nào tao đã rõ. Tao quý nó ở chỗ đấy. Bây giờ đánh ùng cái bảo cát đứt. Tình nghĩa con người chứ có ngờ là gỗ được à ? Sau này trong làng xóm sớm tối còn có nhau, muối mặt thế trông không được.

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
(Yên lặng ra cửa)

Tao cho cái THỦY ra nó cũng bạc. Hai đứa nó quấn quít nhau là thế, mà giờ con bé cũng giờ mặt ngay đơ. Từ độ ấy tình không thấy nó đã động đến anh mày câu nào đấy!

TÂM (áp úng) - Không...

Cụ CANH - Không gì! Lúc hoạn nạn mới biết bụng nhau thật. Quân tặc bạc đến thế là cùng. Tao chở nó sang sông hợp luôn. Tao ghét mặt. Tao cũng chẳng thèm nói

(tiếng giục đò bên sông)

Cụ CANH - Này chẳng may anh mày có làm sao, tao sẽ xin đội với nông dân, trông nom cho mày. Phải bình tâm cháu ạ...

TÂM - Vâng ..

Cụ CANH - Thôi tao phải xuống bến, chẳng có đò đơi (vẫn dùng dằng) Mày bảo với anh CHUNG mày. Ông cụ Canh dặn đi dặn lại phải vững tâm còn có bà con trong làng. Cũng còn có người thế nọ, người thế kia, không thể bỗng chốc mất tình mất nghĩa hết được... Thôi ông về, không có ai gặp lại đem ra xóm phê bình phê biếc om sòm khổ cả chúng mày ...

(Cụ Canh hấp tấp ra sông. THỦY lẳng lẳng trong buồng ra)

TÂM - Cụ Canh không biết có chị ở đây ?

THỦY (thở dài) - Biết làm gì ? Cả làng có ai coi chị ra gì nữa ? Chị .. Chị còn khổ đến đâu cơ chứ ?

TÂM - Kìa chị Thủy...

THỦY - Cụ Canh chắc biết chuyện chị rồi. (thần thờ) ? TÂM...

## HUỖNH ÁI TÔNG

TÂM vẫn còn tin ở chị chứ.

TÂM có ghét bỏ chị không ?

TÂM - Ô hay chị THỦY, làm sao hở chị ?

THỦY - Chị cực lắm...Có người hỏi chị (oà khóc ôm lấy TÂM), chị bộ đã bằng lòng, bắt chị phải cắt đứt với anh, bắt chị phải bỏ anh...

TÂM (cũng khóc) - Thế ư chị ?

THỦY - Ủ, thầy u chị đã phải nhận giàu người ta. Còn chị... chị đã quyết rồi...

TÂM - Hay là chị cứ nhận lời cho yên ổn cả chị ạ.

THỦY - Em bảo chị lấy người khác ư ?

TÂM - Không.. em không ..

THỦY - Em coi chị thế nào mà lại nói thế. Thầy u chị bắt buộc cũng chẳng được. Chị với anh (nức nở) dù anh tù tội chị vẫn đợi ...U mất chị không dám sang. Chị không phải voi u thật, u biết cho chị. Bên kia sông chị chẳng có lòng nào khác đâu

(Yên lặng)

THỦY (tần ngần) - Chị về nhé.. biết đến bao giờ lại được sang đây ?

(tiếng chó sủa đầu ngõ)

TÂM - Có người đấy, chị tắt lối này xuống bên vậy

(THỦY bước vội ra. TÂM cũng vội khép cửa lại lặng lẽ một

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

lát. CHUNG ần cửa vào ủ rũ hốc hác. Tay cầm tờ giấy trắng.  
TÂM lo lắng nhìn anh không dám hỏi)

CHUNG (Chán nản vút giấy xuống giường) - Vặn chán rồi bắt tao về kiểm thảo. Đây bắt tao phải khai vào giấy nhận có giết u.

TÂM - Anh cứ khai thực u chết thế nào

CHUNG - Thì tao đã khai cả rồi, ai tin ?

TÂM - U chết thật kia mà.

CHUNG - Khô lắm, nếu thế đã không thành chuyện. Người ta nhất định bảo là có địch giết u mới chết được, mà địch phải ở ngay trong nhà này mới giết u nhanh chóng thế... Vặn tao địch là ai ? chẳng là tao , là mày còn ai nữa vào đây. Dồn tao phải nhận tao bóp cổ u, mày gác cổng. Phải khai đúng hư vậy mới nghe.

TÂM - Thế này còn cãi vào đâu được hở anh ?

CHUNG (chán nản) - Vặn tao trước giết đồng chí TUỜNG huyện ủy, bây giờ giết u chứ còn ai nữa. (yên lặng thờ dài). Chết thì chết tao không nhận. Nhận liêu một cái là bao nhiêu đồng chí khác bị liên quan, bị bắt lung tung cho mà xem.

TÂM - Bà LỚN bà ấy cũng bắt em nhận đúng như vậy.

CHUNG - Mẹ LỚN nó sang đây ?

TÂM - Vâng, bà ấy bảo em gác cổng...

CHUNG - Mày nhận cả.

TÂM - Không.

## HUỖNH ÁI TÔNG

CHUNG - Bây giờ muốn bảo ai là địch chẳng được. Đến mà cũng gác cổng, mà cũng giết u thì còn ra thế nào nữa ? Đáng xưa nay vẫn được tiếng là sáng suốt lắm. Sao lại đốn thế này kia chứ ? (chán nản) Bảo tao giết đồng chí TƯỜNG ? Giết u ? Đồng chí ra sống vào chết mà quy tội thành địch... Tao cứ nghĩ mà muốn cắn lưỡi chết ngay được. LỚN lên là cầm súng giết giặc, đến bây giờ lại bảo là giết đồng chí mình, giết mẹ mình ?

(TẦM nín lặng một lát lâu. CHUNG thấy giá gạo dưới chân giường) Gạo nào đây, TẦM ?

TẦM (áp úng) - Gạo đây ...

CHUNG - Gạo nào ? (thấy TẦM áp úng) của con vợ thằng Quỳnh à ? Đã bảo cấm tiệt không giây với địa chủ. Nó mua chuộc đây. Sao mà lại nhận ?

TẦM (vội vã dỗi quanh) - Không phải

CHUNG - Thế gạo ấy của ai ?

TẦM - Gạo ấy...

CHUNG - Của ai ..

TẦM - Của cụ Canh.

CHUNG - Của cụ Canh à ?...(chán nản) Cụ Canh còn đem cho gạo làm gì ? (Yên lặng một lát bỗng quay lại) TẦM mà đem giả gạo cụ Canh.

TẦM - Sao hở anh ?

CHUNG - Cứ đem giả gạo đi.

TẦM - Anh đừng giả thế.



HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
CHUNG - Tao bảo cứ đem giả lại.

TÂM - Không phải ...

CHUNG - Tao biết cụ Canh thực bụng thương hại mình mới cho gạo lúc này, nhưng rồi vạ lây khổ thân cụ

TÂM - Không phải cụ Canh...

CHUNG - TÂM cứ đem giả cụ, cụ chẳng giận đâu. Tao bảo đem giả mà lại. Không! Lại lời thôi cả bây giờ. (Càng giục đưa giá gạo vào tay TÂM) đi ... TÂM

TÂM - Sao lại thế này hở anh ?

CHUNG (nhìn em thương hại) - Sao à ? Tao chẳng muốn lụy ai. Tao thiết gì nữa

TÂM (càng ngờ ngác) - Ở kia anh.

CHUNG (như mê sảng) - Tao có làm sao đâu ?

TÂM - Anh...

CHUNG (vẫn thế) - Tao còn cần gì gạo nữa...

TÂM (hoảng sợ) - Anh đừng làm thế anh ơi.

CHUNG (càng giục) - Ở hay TÂM. Mày giống u như hệt ấy. Có thể cũng sồn sác lên. Đi nghe anh. Rồi về hôi sớm chuông Đồng Sậy. Còn lâu mới sáng. Đi...đi TÂM.

(CHUNG khép cửa vào giường ngội Tờ giấy trắng kiểm thảo trước mặt. Tức tối xé vụn) –

Tội gì mới được chứ.

## HUỶNH ÁI TÔNG

(Anh lại bó gối lắng yên, lắng nghe tiếng gà phía xa. Trăng mờ mờ trên sông. Một lát lâu. Thấy tiếng ồn ào bên ngoài. Tiếng gọi cửa CHUNG lo lắng bực rộc). –

Cụ CANH (xô vào trước) - À.. Anh CHUNG đây rồi. Bà vào trong này, ba mặt một lời xem tôi có dấu giếm gì không ? Vào đây ...ôn tồn nói chuyện với nhau. Chẳng nên lảm lời như thế.

Mẹ LỚN (sồn sồn vào theo) - Ai lảm lời, gớm chưa ? Giá không bắt được quả tang, thì cụ còn già mồm chối cãi đến đâu cơ đây.

CHUNG (ngạc nhiên lo lắng) - Việc gì lôi thôi đến cháu thế cụ Canh ?

Cụ CANH - Có gì đâu ? Đầu đuôi thế này. Vừa rồi bà ấy bắt gặp cái TÂM mang gạo. Bà ấy hô hoán giữ cái TÂM mang lên trình đội

CHUNG - Khổ không, lại thêm tội thêm nợ thế này...

Cụ CANH - ấy thế là bà ấy làm toáng lên.

Mẹ LỚN - Chứ không à ? Để tha hồ đi lại thậm thụt nhé!

Cụ CANH (tức quá) - Này, bà chớ thêm chuyện. Tôi bảo thật. Tôi cóc sợ

Mẹ LỚN - Cụ bảo ai ?

Cụ CANH - Tôi cóc sợ đũa nào thật.

Mẹ LỚN (sồn sồn chạy ra phân bua với ngoài cổng) - Này, này có bà con hàng xóm láng giềng, có bên Đông bên Tây, bên phải bên trái biết cho nhé...Cụ này bao che cho phản động

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
(LỚN sòng sộc chạy vào. Mẹ LỚN nắm lấy LỚN kéo vào) Ấy  
đấy, anh vào đây. Làm cho ra nhẽ việc này , nhu như không  
xong với họ

LỚN - U để yên xem đầu đuôi ra sao

Mẹ LỚN - Để yên để người ta làm loạn à ? Người ta thậm thụt  
cho nhau gạo. Tao bắt được, mà còn gân cổ, chối lấy được kia  
chứ.

Cụ CANH - Ai chối. Tôi có cho gạo đâu. Không, lại bảo làm  
cố, thì tôi phải nói. Đến gặp đội tôi cũng nói.

LỚN - Yên, yên, thế ai cho gạo nhà này ?

Cụ CANH - Nào tôi biết đâu ?

LỚN - Tôi hẵng hỏi cụ, cụ có sang đây không ?

Cụ CANH - Có, tôi có sang đây thật.

LỚN - Thế cụ còn chối quanh gì nữa. Chẳng cụ cho gạo thì còn  
ai vào đây ?

Cụ CANH - Tôi không biết

LỚN (quay sang CHUNG) - Gạo của ai ?... Nói ...

CHUNG - Tôi không biết

LỚN - Ồ...(quay sang hỏi cụ Canh) - Cụ có sang đây không ?

Cụ CANH - Tôi có sang đây.

LỚN - Ấy thế không cụ cho gạo còn ai nữa hở ?...

## HUỶNH ÁI TÔNG

Cụ CANH - Nào tôi biết được.

Mẹ LỚN - Đấy có anh... mà cụ ấy còn chối bai bãi. Cụ này phải bắt tận tay vay tận trán cụ mới chịu phải không.

Cụ CANH - Tôi không chịu thật. Bà chớ quên thói nạt nộ mẹ chồng, la làng ngã vạ ra đấy được.

Mẹ LỚN - Úi giờ mà nghe đấy. Thế mà mà chịu được. Mà cứ bắt cả lên đội, tao xem có dám ăn nói thế không nào ?

LỚN - Ồ hay, u cứ lặng yên đã có đội xét.

Cụ CANH - Có đội tôi cũng thế thôi, tôi sang đây thật. Tôi nghĩ thương tình cảnh anh em hẳn. Tôi sang thăm (bảo với CHUNG) Tự tôi, tôi sang thăm, không dính dáng gì đến anh cả. Nếu phải tội, tội tôi, tôi chịu

Mẹ LỚN (lại sồn sồn) - Bao che thậm thụt bao nhiêu lần rồi chứ ?

Cụ CANH - Có anh CHUNG đây. Từ trước tôi có sang không ? Hay lần này mới là một. Có thể nào tôi nói thế ấy ...Tôi không gian dối. Tôi cóc sợ thật. Đừng có mà gắp lửa bỏ tay người

Mẹ LỚN - Còn ngoan cố đấy. Thông đồng với nhau đã rõ rành rành.

LỚN - U này, không phải việc u. U làm gì mà âm âm lên. Việc này đã có bà con nông dân vạch cụ ở xóm... à ... ra tối dân học tập cụ thường viện cớ vắng mặt chờ đò đêm là thế. bây giờ mới vỡ lẽ, cụ tưởng người ta không biết đấy... Ra là mưu mô.

Cụ CANH - Sao lại mưu mô. Ô lạ cái anh này... lại cứ ghép tội liều cho người ta. Tối tôi không hợp là tôi mắc việc chờ đò với

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

đơm đó đêm thật. Còn tôi sang đây là tôi tự ý tôi thương tình anh em nhà hấn. Sao lại mưu mô ?

LỚN - Cụ không biết nhà này là thế nào à ? Nhà có án mạng, nhà nông dân đang phát hiện vấn đề . Cụ biết thế sao cụ còn cho gạo ?

Cụ CANH - Ở hay, ai cho gạo ? Anh lại cứ đổ diệt cho tôi ?

LỚN - Không cụ còn ai nữa ? Thế không là liên quan mưu mô thì còn là cái gì nữa ?

Mẹ LỚN - Ra họp xóm xem cụ ăn nói như thế có được không ?

Cụ. CANH - Đến đâu thì đến.

LỚN - À được, cụ đừng có trách... Cụ định tự tiện đi lại đây có phải không ?

Cụ CANH - Ai tự tiện ? Anh đừng có nói sung sung ra thế. Đã chắc đâu nhà người ta là nhà phản động ? Anh ta có theo Tây theo địa chủ thì đã chẳng gieo neo chống đỡ cho cả cái làng này. Mình có nghi ngờ, cũng phải xét cả công lao cho người ta.

Mẹ LỚN - Công lao. Công lao phá hoại cải cách, công giết mẹ ấy à ?

Cụ CANH - Nay bà đừng ăn nói hàm hồ. Mắt bà có mục đích rõ ràng không ? Không nên buộc án, gán tội cho người ta. Phải để cái phúc cái đức cho con cháu về sau.

LỚN - Cụ bảo ai buộc tội ?

Cụ CANH - Tôi nói bằng thật đấy. Nói thật chứ. Tôi bảy mươi tuổi đầu rồi anh có giỏi anh cũng chẳng rõ ngọn ngành cái làng

## HUỶNH ÁI TÔNG

này bằng tôi. Xấu tốt thế nào rồi ra làng nước sẽ biết. Bia miệng đề đời kia. Liệu mà cư xử với nhau.

Mẹ LỚN(mĩa) - Phải! Liệu mà cư xử với nhau. Để tha hồ tác yêu tác quái trong làng nhé!

Cụ CANH (giận đỏ mặt) - Ai tác yêu tác quái! Bà cứ về bà hỏi mẹ chồng bà xem, ai trèo lên cả bàn thờ bố chồng ăn vạ ? Ai trộm gà hàng xóm rồi xấn ngược vấy đi rong làng chửi bậy ? Ai chứ? Bây giờ thời buổi khác rồi. Bà phải biết điều mới được.

Mẹ LỚN (chu chéo) - Này, này cụ định bao che ra mặt phải không ? Cụ định chống chọi với cả làng này à ? Tôi gọi hàng xóm làng giềng chúng kiến cho cụ hết đường chối cãi. (định chạy ra công).

LỚN - Ở hay nhi! U cứ làm toang lên.

Mẹ LỚN - Úi giờ ơi! Không làm toáng lên không xong với họ. Có đội ở đây, người ta còn bóp chất với mày thế. Nay mai đội rút về đoàn thì người ta còn về hòa với địa chủ trấn át mày đến đâu ấy chứ! Rồi của được chia đã chắc trong tay chưa ? Rồi mày còn làm sao đương nổi việc làng việc nước được nữa hở ?

Cụ CANH - Bà chớ nói càn. Bà không vợ đũa cả nắm được. Bà không thể giây cái chuyện địa chủ vào đây được.

Mẹ LỚN(lại sồn sồn) - Này, này, lại như cái việc cho trộm gạo vừa rồi ấy. Khéo đánh trống lập lăm. Vải thưa chẳng che được mắt thánh đâu. Cứ lôi cụ ấy lên đội.

LỚN - Cụ phải lên đội. Thảo nào vụ án mãi không ra manh mối là thế.

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Mẹ LỚN - Có đông đủ bà con nông dân thử xem cụ lấp liếm thế nào ? Cứ lôi cụ lên đội xem nào.

Cụ CANH - Đến đâu cũng vậy, cứ thực tôi khai, còn cái gì chướng tai gai mắt, tôi cứ thẳng tôi nói, tôi cóc sợ đứa nào thật.

Mẹ LỚN (át giọng) - Cụ chửi văt nóc cả làng này có phải không ? Đấy mày xem. Gớm chưa!

LỚN (bảo CHUNG) - Thêm việc này nữa, kiểm thảo thành khẩn đi. Viết vào giấy kia. Sớm lên trình đội ngay. Ngoan cố không được. Muốn sống thì trông thẳng Quỳnh đây.

CHUNG (đóng sầm cửa theo) - Thế này còn sống làm sao được.

(CHUNG thở dài. Vào buồng lấy chiếc thùng treo lên giường, luồn thùng vào sà ngang... Trong xóm gà gáy rộn lên giục sáng. Tiếng trẻ khóc và tiếng ru bên cạnh. Gian nhà CHUNG lạnh ngắt: bàn thờ trống rỗng, chõng của TÂM bỏ không, chiếc chiếu rơi xuống đất. Nước mắt CHUNG trào ra. Anh chua xót nhìn cái vòng thùng trước mặt).

CHUNG(ngheñ lờì) - Không thể chết điều đúng thế này được ?

(CHUNG rời tay cắn chặt môi, nước mắt càng ràn rụa. Có tiếng kẹt cửa, THỦY vào trông thấy hốt hoảng, chân rú lại, nước mắt chạy quanh. CHUNG quay lại vừa giận vừa thương...)

THỦY - Giời ơi! Anh CHUNG (chạy sô đến giường khóc nủ lắ chân CHUNG). Anh CHUNG, sao anh lại thế này ? Anh không thương ai nữa hở anh ?

CHUNG (chua chát) - Thương ai ?

THỦY (vẫñ khóc) - Anh nữ bỏ cái TÂM. Anh nữ bỏ tôi ?

HUỶNH ÁI TÔNG

CHUNG (nhìn THỦY oán trách) - Thế súng ống đến đây làm gì ?

THỦY - TẦM nó bị giữ rồi...

CHUNG - Không phải đến dò xét nữa.

THỦY - Anh CHUNG...anh nghĩ thế nào anh lại trả gạo kia chứ! Anh chẳng thương tôi!..

CHUNG - Thương tôi. Hừ.. Đây không cần dụ dỗ, ra ngay!

THỦY - Tôi xin anh.

CHUNG - Có bắt thì cứ việc bắt. Tay đây.

THỦY (khổ sở) - Anh CHUNG...

CHUNG (không nén nổi) - Thế vác mặt đến đây làm gì ?

THỦY (nhìn CHUNG hờn giận) - Tôi van anh, anh đừng nói thế.

CHUNG - Còn để nhau điều đứng đến thế nào nữa chứ ?

THỦY - Anh CHUNG...Anh chẳng nên nặng lời...

CHUNG - Còn "anh" được kia à ? Không tình nghĩa gì hết. Ăn ở với nhau thế là hết nước hết cái rồi.

THỦY - Anh CHUNG, anh nói hay nhi

CHUNG - Hay, hay không thì biết đây...

THỦY - Anh đừng làm khổ tôi nữa.



HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

CHUNG - À khỏ...ai làm khỏ ai ? Còn vác mặt đến đây được. Đây không có tội. Đây không làm gì nên tội. Ai phải ai trái, ai ăn không nói có, ai làm tình làm tội nhau khắc biết đây.

THỦY - Thực anh chẳng rõ...

CHUNG - Thằng này đến chết nữa mới rõ à ? Mà thế nào mới là rõ nữa. Điều toa bạc bẽo, tàn nhẫn với nhau (hắt mạnh bát nước trên giường) Con người ta ăn ở với nhau phải như bát nước đầy chứ ?

THỦY (ứa nước mắt) - Ai tàn nhẫn đây ?

CHUNG - Hừ, không tàn nhẫn mà lại tố, mà lại soen soét buộc tiếng phản động cho cơ sở cũ. Sao lại dám đặt điều cho cơ sở cũ là phản động bán nước ? Sao không nghĩ đến đồng chí TUÔNG huyện ủy bị giặc bắn chết trên sông này ? Còn sống mà ăn hột com ngày nay phải biết nhớ biết thương đến các đồng chí ấy chứ. Sao lại tàn nhẫn chóng quên ?

THỦY - Tôi quên thế nào được. Anh giắt tôi vào du kích...

CHUNG - Thế ai bảo hạp chi ủy treo cờ Pháp là hạp phản động. Đứa nào nói. Đứa nào hám danh cốt cán tố sảng ?

THỦY - Anh nói thế mà nghe được. Anh còn coi tôi đến thế nào nữa ?

CHUNG - Coi thế nào (với con dao ở liếp chạy sô đến phía Thủy. Bỗng ngừng tay). Con dao này chém giặc mà bây giờ tự tay mình chém mình à ? Còn coi thế nào nữa... (tức tối chém mạnh xuống thành giường) Đồ vô ơn bạc nghĩa.

(THỦY lặng người, nước mắt vẫn ràn rụa ẩm ức bỏ ra tới cửa lại quay vào).

## HUỖNH ÁI TÔNG

THỦY - Anh nữ xử tàn tệ với tôi, thế kia ư ?... Thôi thì cũng đành. Anh muốn bỏ tôi cũng được. Anh chỉ cần nói với tôi một câu...

CHUNG - Hừ bỏ... muốn nói chuyện bỏ, muốn cắt đứt. Đây chẳng cần thật.

THỦY - Anh nghĩ xem. Anh cần gì nữa ?

CHUNG - Bạc bẽo, đây không cần thật.

THỦY - Chẳng biết ai bạc bẽo kia đấy (tức không nói được)  
Với anh tôi đã thế nào rồi!

CHUNG - Đứa nào nói chuyện bỏ. Đứa nào muốn bỏ đấy ?

THỦY - Anh muốn nói thế nào cũng được.

CHUNG (chua chát) - Thăng này bây giờ một mình chịu tội.

THỦY - Dễ một mình anh khổ. Anh biết đâu, chi bộ bắt tôi lấy người khác, bắt tôi phải cắt đứt với anh. (THỦY nheñ lời)  
Chuyến đò nên nghĩa, chốc lát không thể bỏ anh. Tôi với anh tuy chưa nên vợ nên chồng... Nhưng sống chết đã có nhau cả rồi đấy..anh...

(CHUNG nín lặng)

Bây giờ anh coi rẻ tôi. Tôi còn biết sống với ai nữa ? Anh còn để tôi sống làm gì ? Ừ...săn dao kia anh còn để tôi sống làm gì?  
Săn dao đấy...

CHUNG (ném dao xuống giường) - Sao lại khổ thế này hở ?

(THỦY khóc bỏ ra cửa. Cụ Canh và TẦM ở cổng chạy vào)

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

CỤ CANH - Ấy đấy, cái Thủy . Ra mày mang gạo sang cúng bà cụ. Rõ khổ, nào tao có biết đâu, tao lại cứ ngờ oan mạng mày thậm tệ.

(TÂM và cụ Canh vào hẳn. Hốt hoảng trông thấy giấy thùng lũng lảng trên giường).

TÂM (Níu lấy anh) - Sao anh lại... Anh định bỏ em thật đấy thôi anh ơi!

CỤ CANH - Sao mày nghĩ dỡ thế cháu. Việc gì mà chết. Còn có em TÂM mày, còn có cái THỦY kia. Còn có ông đây. Còn có dân làng người nọ người kia nữa chứ. Ai để mày chết!

CHUNG - Nhưng người ta buộc cho cháu cái tội phản động giết mẹ. Cháu còn khổ đến đâu nữa?

CỤ CANH - Vu oan giá họa thế nào được ? Hôm ấy u mày phải cảm chết. Tao sang tao biết rõ ràng.

CHUNG (chợt nghĩ) - Thế ông sang để đèn điều ở giường phải không ông.

TÂM - Cháu họp về còn thấy đèn điều ở giường này này

CỤ CANH - Khổ thật. Tao để đấy chứ ai.

CHUNG - Chính ông sang chơi tối hôm u cháu mất ?

CỤ CANH - Ủ mà lại. Tao đem điều ra hút. Khi về còn vịn đèn nhỏ li ti bằng hạt đỗ cho u mày. Tao đấy. Khổ thật. Họp xóm chẳng dám nói ra. Tối hôm ấy u mày đóng cổng, phải cảm ngã dúi dúi ở chân bụi chuối kia, may có tao xuống bên thấy nằm vật ra đấy mới dìu vào trong nhà. U mày còn chuyện trò được. Lúc tao về u mày còn bảo vịn đèn nhỏ cho cái TÂM nó đi họp về kia mà. Ai ngờ u mày mất lúc nào không biết.

## HUỶNH ÁI TÔNG

CHUNG - Đúng là u cháu bị cảm lạnh rồi.

THỦY - Sao ông không gọi em TÂM ngay, may ra còn cứu chữa được cho u cháu.

Cụ CANH - Ấy thế còn nói gì. Lúc ấy bà cụ còn tỉnh, bà cụ bảo không phải gọi, ai biết đâu đến nông nỗi này. Tao cứ ân hận mãi. Nghĩ chi thương u mà chết phải cái lúc này ...

CHUNG - Việc rõ ràng như thế mà cháu cứ phải chịu tiếng giết mẹ suốt đời (nhìn thùng tức tối) Cháu không bó tay chịu chết được nữa, không thể để lầm lẫn được mãi.

THỦY (nhìn CHUNG thương xót) - Đã sống chết có nhau... việc này cháu phải nói mà ông cũng phải nói... ông phải đứng ra ông nói.

Cụ CANH - Ấy nói chứ. Đến thế này tao nói. Tao phải nói hết với dân làng, với đội. Tâm địa ông con ta ngay thẳng, không lẽ lại chịu ép một bề mãi được, chúng mày ạ. (bảo với CHUNG) Mày nghe ông. Cây ngay chẳng sợ chết đứng. Sóng gió này cũng qua giờ thôi. Rồi ra phải có lúc trời quang mây tạnh chứ. (Vói THỦY) Thôi mày ở đây thêm khó ra. Mày ra bến tao cho con đồ đưa về rồi tối mày lại sang. Nhất định ông con mình phải làm cho ra nhẽ...

(Cụ canh vội vã ra cửa. THỦY nhìn CHUNG yên lặng dậm dò rồi ra theo. CHUNG bàng hoàng. Một lát lâu. Như vừa thoát nạn, dáng người tỉnh táo hẳn lên, nhanh nhẹn cầm dao trèo lên giường)

TÂM (hốt hoảng) - Kìa anh.

CHUNG (chém đứt thùng) - Chết thế nào ... (cười bảo em) Mày lại sắp sấn sắc lên như u ấy thôi... Có gạo mới rồi đấy. Đem thổi cúng u đi... Bây giờ có tù tội cũng cóc cần...

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
TÂM - Thối chỗ gạo chị THỦY hờ anh ?

CHUNG - Ủ, còn gạo nào nữa...

TÂM (nhìn ra sông) - Anh xem kia. Cụ Canh chèo thuyền, chị THỦY chị ấy ngồi đằng mũi, trông y như ngày xưa du kích đánh xong bột Ngà rút sang sông ấy nhỉ ?...

(CHUNG yên lặng ra phía cửa sổ. Trời sáng rõ. ánh nắng ửng hồng. Tiếng nói cười gọi òa rộn rã dưới bên. Một tiếng sáo tha thiết bên kia sông vắng lại)

Màn từ từ hạ

---

Trích báo Văn số 34 ngày 27-12-57.

*Vở kịch trên Hoàng Tích Linh cho thấy không phải chỉ phú hào, địa chủ mới bị đấu tố, mà thời gian Cải Cách Ruộng Đất, những bần cố nông, những người tham gia kháng chiến cũng bị đấu tố, tổ chức đã quyết định việc dựng nên vợ chồng, thay cả cha mẹ trong hôn nhân. Trận cuồng phong “Cải cách ruộng đất” tàn bạo đó, đã thổi trên đất Bắc gây tác hại cho hàng triệu người, kéo dài hàng chục năm, làm cho những người ngay cũng phải im lặng để được yên thân. Dù không phải là kịch tác gia lớn, nhưng ngòi bút của ông cũng đã ghi lại một câu chuyện đương thời sống động, nghịch cảnh đáng thương.*

Tài liệu tham khảo:

- Hoàng Tích Linh Web: sachxua.net
- Hoàng Tích Linh Web: 4phuong.net

**18) Bùi Xuân Phái**



**Bùi Xuân Phái (1920-1988)**

Bùi Xuân Phái sinh ngày 1 tháng 9 năm 1920, quê gốc của ông là ở làng Kim Hoàng, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Đông (nay là thủ đô Hà Nội, Việt Nam).

Ông tốt nghiệp khoa Hội họa trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương khóa 1941–1946.

Tham gia kháng chiến, tham dự triển lãm nhiều nơi .

Năm 1952 về Hà nội, sống tại nhà số 87 Phố Thuốc Bắc cho đến khi mất.

Năm 1956-1957 giảng dạy tại Trường Mỹ thuật Hà Nội. Tham gia phong trào Nhân văn Giai phẩm, phải đi học tập lao động trong một xưởng mộc tại Nam Định và ban giám hiệu nhà trường đã đề nghị ông phải viết đơn xin thôi không giảng dạy tại trường Mỹ thuật.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Bùi Xuân Phái là một trong những họa sĩ thuộc thế hệ cuối cùng của sinh viên trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương, cùng thời với các danh họa Nguyễn Sáng, Nguyễn Tư Nghiêm, Dương Bích Liên - những tên tuổi ảnh hưởng lớn tới sự phát triển của mỹ thuật Việt Nam hiện đại. Ông chuyên về chất liệu sơn dầu, đam mê mảng đề tài phố cổ Hà Nội. Ngay từ lúc sinh thời, sáng tạo của ông đã được quần chúng mến mộ gọi dòng tranh này là Phố Phái.

Do tham gia phong trào Nhân Văn Giai Phẩm, từ năm 1957 trở đi, hoạt động của ông dần bị hạn chế. Để kiếm sống, ông phải vẽ tranh minh họa và tranh vui cho các báo, lấy bút hiệu là: PiHa, ViVu, Ly. Mãi đến năm 1984 ông mới có được cuộc triển lãm cá nhân (đầu tiên và cũng là duy nhất), nhận được sự đánh giá cao từ phía công chúng, đồng nghiệp. Với 24 bức tranh được khách hàng đặt mua ngay trong ngày khai mạc, có thể coi đây là triển lãm thành công nhất so với trước đó tại Việt Nam. Đó cũng là lần đầu tiên, Đài truyền hình Trung ương dành thời lượng lớn phát sóng để giới thiệu về cuộc đời và tác phẩm của Bùi Xuân Phái trong chương trình Văn học Nghệ thuật.

Sinh thời, Bùi Xuân Phái được các giải thưởng:

- Giải thưởng triển lãm Mỹ thuật toàn quốc năm 1946
- Giải thưởng triển lãm Mỹ thuật toàn quốc năm 1980
- Giải thưởng đồ họa Leipzig (Đức)
- Giải thưởng Mỹ thuật Thủ đô các năm 1969, 1981, 1983, 1984

Bùi Xuân Phái mất ngày 24 tháng 6, 1988 tại Hà Nội, thọ 68 tuổi.

Năm 1996, được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học - Nghệ thuật.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1997, được tặng thưởng Huy chương Vì sự nghiệp Mỹ thuật Việt Nam.

Tác phẩm hội họa:

- Phố cổ Hà Nội - Sơn dầu 1972
- Hà Nội kháng chiến - Sơn dầu 1966
- Xe bò trong phố cổ - Sơn dầu 1972
- Phố vắng - Sơn dầu 1981
- Hóa trang sân khấu chèo - Sơn dầu 1968
- Sân khấu chèo - Sơn dầu 1968
- Vợ chồng chèo - Sơn dầu 1967
- Trước giờ biểu diễn - 1984

Tranh:



Phố cổ Hà Nội





Nghỉ ngơi trên cánh đồng

*Mặc dù cuộc sống khó khăn nhưng với tình yêu nghệ thuật, khát khao tìm tòi và thể hiện cái đẹp dung dị đời thường bằng những nét vẽ cọ, Bùi Xuân Phái đã không ngừng vẽ, sáng tạo nghệ thuật ngay cả khi không mua được vật liệu và ông đã phải tận dụng mọi chất liệu như vỏ bao thuốc lá, giấy báo... Ông cũng là họa sĩ đã gạt bỏ mọi toan tính đời thường để cho ra đời các tác phẩm dung dị, đơn giản nhưng đầy tâm tư sâu lắng.*

Tài liệu tham khảo;

- Bùi Xuân Phái Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Bùi Xuân Phái Web: [hoiquandisan.com](http://hoiquandisan.com)

19) Trần Lê Văn



**Trần Lê Văn - Trần Văn Lễ (1923-2010)**

Trần Lê Văn tên thật là Trần Văn Lễ, bút danh Trần Lê Văn, Tú Trần (1923-2010), quê quán Vị Xuyên, Nam Định

Ông là người cùng họ và cùng làng với thi hào Tú Xương (Trần Tế Xương), từ thời trẻ đã tự trang bị cho mình một vốn học vấn, dù ông khiêm tốn tự nhận là “ thường thường bậc trung” nhưng có thể nói là khá dày dặn.

Trần Lê Văn vừa có thể giao tiếp bằng tiếng Pháp, đọc và dịch văn Pháp, vừa đủ sức biên tập, hiệu đính các sách chữ Hán và chữ Nôm. Một nhà thơ kiêm thông Đông Tây kim cổ.

Ông đã từng tham gia cuộc chiến tranh với Pháp từ những ngày đầu khai chiến, là hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam, có thơ in chung với Quang Dũng từ năm 1957 (tập Rừng biển quê hương) nhưng phải hơn 20 năm sau (1979) Trần Lê Văn mới có tập thơ in riêng “Giàn mướp hương” khá mỏng mảnh về số trang.

Ông mất vào ngày 21 tháng 4 năm 2005 tại Bệnh viện Hữu nghị Hà Nội, hưởng thọ 82 tuổi.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Tác phẩm:

- *Rừng biển quê hương* (in chung với Quang Dũng, 1957)
- *Giàn mướp hương* (thơ, Tác phẩm mới, 1979)
- *Tiếng vọng* (thơ, Hà Nội, 1987)
- *Thung mơ Hương Tích* (Văn hoá, 1976)
- *Sông núi Điện Biên* (Văn hoá, 1979)
- *Thăm cảnh Hương Sơn* (Hà Sơn Bình, 1983)
- *Guong mặt Hồ Tây* (1984)
- *Phạm Hy Lượng cuộc đời và tác phẩm* (Dịch, Văn hoá thông tin, 1996)
- *Ở góc phố, Jacques Prévert* (thơ, dịch chung, Ngoại văn, 1987)
- *Một vườn thơ năm châu* (thơ, dịch chung, NXB Văn học, 1997)
- *Mai Hồ thi thảo, Nguyễn Hữu Cương* (thơ, dịch chung, Giáo dục, 2002)
- *Ngô Thì Sĩ* (dịch chung, Hà Nội, 1987)
- *Ứng Khê thi văn tập, Đoàn Huyền* (dịch chung, Khoa học xã hội, 1996)
- *Anh đã mơ về em biết mấy* (thơ, dịch chung, Hội nhà văn, 1992)
- *Thơ Đường bốn ngữ* (Nhiều tác giả, Thế giới, 1992)
- *Thơ văn Lý-Trần* (tập 2, dịch chung, Khoa học xã hội, 1987)
- *Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm* (dịch chung, Thành phố Hồ Chí Minh, 1990)

Trích văn:

### **Chúng ta đã bàn tới những vấn đề gì trong Đại hội?**

Để chuẩn bị Đại hội Văn nghệ Toàn quốc, báo *Văn nghệ* đã mở mỗi đợt phỏng vấn, một đợt tranh luận thu lượm ý kiến của các bạn văn nghệ sĩ và các bạn có cảm tình với văn nghệ về những vấn đề liên quan tới phong trào văn nghệ nước nhà.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Trong quá trình công tác văn nghệ, anh chị em chúng ta đã rút ra từ phong trào, từ hoạt động nghiệp vụ của mình nhiều kinh nghiệm, cảm thấy nhiều băn khoăn, ấp ủ nhiều mong ước. Những điều đã nói trong ngót năm tháng nay (từ số báo 122 đến số báo 144) mới chỉ là một phần những điều chúng ta muốn nói để xây dựng Đại hội. Trong bài báo này, chúng tôi không làm nhiệm vụ sơ kết, tổng kết gì, chỉ tạm hệ thống hóa và tóm tắt một số vấn đề chính để chúng ta cùng nhìn lại một cách khái những đợt thảo luận vừa qua. Trên trang Đại hội, chúng ta đã phát biểu ý kiến nhận định ưu điểm, nhất là nhược điểm và khuyết điểm của phong trào; bàn về phương châm đường lối sáng tác; phê bình lãnh đạo, tổ chức; có một số đề nghị cụ thể về chấn chỉnh tổ chức; bắt đầu đề cập tới những vấn đề cấp thiết nảy ra trong phong trào tranh luận sôi nổi hiện nay. Báo *Văn nghệ* còn thiếu sót, rụt rè trong việc kêu gọi ý kiến anh chị em, khuyến khích sự phê bình tranh luận mạnh dạn, bố trí từng đợt phát biểu cho có kế hoạch. Thành thử trang Đại hội từ trước tới nay không tránh khỏi tình trạng lộn xộn, tắc trách và kém "kịp thời". Tuy nhiên, qua những ý kiến phát biểu chúng ta cũng thấy nổi lên một số vấn đề quan trọng. Một số ý kiến đã có khuynh hướng thống nhất với nhau. Ngoài ra còn những ý kiến khác nhau, trái nhau hoặc nêu ra mà chưa có sự bàn bạc, tranh luận. Sau đây là những vấn đề tương đối nổi rõ:

### **Vấn đề dân tộc tính**

Chúng ta đều hiểu rằng văn nghệ của dân tộc nào phải mang cái bản sắc đặc biệt của dân tộc ấy mới góp phần xứng đáng vào kho tàng văn hóa chung của nhân loại. "Cuộc sống tương lai là cuộc sống trong đó các dân tộc, các ngôn ngữ, các nền văn hóa đều nảy nở phồn thịnh... Chủ nghĩa quốc tế vô sản xác nhận con người trong đặc tính dân tộc của mình, đồng thời nâng cao đời sống dân tộc tới một chừng mực mà xã hội tư sản không thể có được!" (báo cáo về thơ của Vưốc-gun ở Đại hội các nhà văn Liên-Xô lần thứ 2). Ở nước ta, trong một số ngành

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

nghệ thuật còn cần phải tìm hiểu và phát huy mạnh thêm bản sắc dân tộc. Về mặt này các ngành họa, nhạc, kiến trúc đã lên tiếng...

Cuộc tranh luận về *dân tộc tính trong hội họa* có lẽ là cuộc tranh luận kéo dài nhất trên trang Đại hội từ trước đến nay. Thoạt tiên bạn Huy Toàn nêu thắc mắc: Dân tộc tính trong tranh của ta có những đặc điểm gì? Hướng phát triển của nó ra sao? Bạn Quang Phòng nói về "bản sắc dân tộc của hội họa Việt Nam", cho rằng "di sản của ông cha, gần như không có gì để lại", "bản sắc dân tộc của hội họa Việt Nam nói chung, kể từ Cách mạng tháng Tám ngược lên 20 năm trước có thể nói là chưa có... mặc dầu (trong thời Pháp thuộc) ta cũng có thể tìm thấy một số tranh, tuy rất ít, đã có ít nhiều bản sắc dân tộc", "trong Cách mạng và Kháng chiến, rất hiếm tranh có bản sắc dân tộc rõ rệt". Từ hòa bình trở lại – theo bạn Quang Phòng – "tranh có nhiều triển vọng vươn tới bản sắc dân tộc". Nhiều bạn họa sĩ (Phạm Văn Đôn, Sĩ Ngọc, Văn Bình,...) đã tiếp tục góp ý kiến nhưng vấn đề vẫn chưa ngã ngũ ra sao. Cuối cùng, Quang Phòng và Đức Nùng cho biết "có nhiều điểm, trên chi tiết (các họa sĩ) đã đồng ý với nhau, thí dụ: sự liên quan giữa hội họa, kiến trúc, điêu khắc và các ngành nghệ thuật khác; sự chống đối của các họa sĩ ta (trong thời Pháp thuộc) không muốn chịu ảnh hưởng Âu tây..." Hai bạn Phòng và Nùng đặt lại vấn đề để thảo luận:

1. Bản sắc dân tộc phải dựa trên cơ sở nào?
2. Tiêu chuẩn bức tranh có bản sắc dân tộc?
3. Bản sắc dân tộc của hội họa trong Cách mạng và Kháng chiến đã có đến mức nào?
4. Nhận định đúng mức về vốn cổ. Khai thác và áp dụng vốn cổ như thế nào?

Như vậy là vấn đề còn cần được đào sâu thêm nữa, lý luận cần được vận dụng để soi sáng vào thực tế của ngành hội họa cũng như những ngành nghệ thuật khác ở nước ta, nêu thành những

## HUỶNH ÁI TÔNG

tiêu chuẩn, những nguyên tắc để định giá đúng dân tộc tính trong những sáng tác cũ và phát huy dân tộc tính trong những sáng tác mới.

Về nhạc và kiến trúc, cũng mới chỉ có những ý kiến bắt đầu. Các bạn nhạc sĩ, kiến trúc sư chưa phân tích cho chúng ta thấy rõ dân tộc tính trong hai ngành đó như thế nào. Tuy nhiên các bạn cũng đã góp ít nhiều ý kiến có ích chung cho mọi ngành.

Bạn Nguyễn Cao Luyện đề nghị Hội Văn nghệ chú ý hướng dẫn cho những công trình kiến trúc mới giữ vững và nâng cao được dân tộc tính, đối với những công trình cổ cần trân trọng bảo vệ. Việc này chắc Hội sẽ phối hợp lãnh đạo với những cơ quan hữu trách khác. Bạn Hoàng Việt nhạc sĩ Nam Bộ quan tâm đến việc khai thác vốn nhạc dân tộc, việc tìm hiểu đặc tính của nhạc miền Bắc, nhạc miền Nam để tiến tới bồi đắp một nền nhạc thống nhất của Việt Nam và nâng cao vốn dân tộc đó lên bằng cách áp dụng kỹ thuật tiên tiến của thế giới. Bạn Đặng Đình Hưng cho rằng "việc thể hiện dân tộc tính trong âm nhạc rơi vào khuynh hướng dân tộc một chiều". Nếu những bản nhạc của ta "chỉ phẳng phất một số âm điệu cũ" thì chưa thỏa mãn được yêu cầu của quần chúng ngày nay. Cần phải "phát triển (dân tộc tính) theo chiều hướng khoa học". Bạn Hưng đặc biệt chú ý đến nhiệm vụ *đề cao* (bên cạnh nhiệm vụ *phổ cập*) của văn nghệ; "Nghệ thuật không thể tự thỏa mãn ở chỗ được sự hoan nghênh bằng cách kêu gọi vào khía cạnh thấp và lạc hậu của quần chúng. Phải phát huy những đức tính cao nhất dù mới chỉ là nảy mầm. Đó là khoa học...". Tóm lại trong phương châm Dân tộc, Khoa học, Đại chúng, ba nhân tố cần phải kết hợp chặt chẽ với nhau, không thể nói đến dân tộc tính mà tách rời hai nhân tố kia.

### **Vấn đề phục vụ kịp thời**

Khẩu hiệu "phục vụ kịp thời" có từ đầu kháng chiến. Chúng ta đều quan niệm rằng văn nghệ phục vụ chính trị, văn nghệ là

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

một thứ binh chủng trong cuộc đấu tranh quyết liệt với kẻ thù. Nhưng hai chữ "kịp thời" áp dụng một cách gò bó, máy móc đã gây ra tình trạng "đề non", lóc cóc chạy theo chính sách, sự vụ chủ nghĩa, v.v... Cái vội vàng hấp tấp làm cho văn nghệ kém chiều rộng, chiều sâu và vì thế tác dụng phục vụ của nó cũng kém đi. "Có nhiều bạn viết lia lịa, viết theo yêu cầu của khoa mục luyện quân của đơn vị mình để mỗi tuần lễ nhất định phải kịp thời có một bài hát động viên chiến sĩ ném lựu đạn bắn trúng điếm đen hay bò, lán, lê, toại... Về công việc chống hạn có những bạn chưa viết xong, hoặc viết ra vội vã, còn chưa ráo mực, chưa kịp in để phổ biến thì công việc chống hạn đã qua, nông dân ta đang gấp rút đắp đê phòng lụt, nghiêng đồng đổ nước ra sông..." (Văn Chung). "Sở dĩ có những bài thơ đọc xong người ta quên ngay, không để lại một âm hưởng gì vì nhà thơ sự vụ làm cái kịp thời với cái *nhất thời*, tháng này làm một bài thơ là thấy xong một việc, tháng sau lại làm một bài khác hợp với "trọng tâm" mới rồi chính mình cũng không bao giờ muốn đọc lại những bài mình đã viết" (Trần Lê Văn). Nói chung chúng ta đều đồng ý với nhau rằng: vấn đề chính là văn nghệ sĩ cần có cái vốn sống súc tích, cần rung động với đề tài, cần thấm nhuần đường lối của Đảng thì sáng tác mới có thể thành công được. Sáng tác không phải là làm công việc minh họa chính sách, diễn ca chính sách. Công tác nghệ thuật là công tác xây dựng tình cảm con người. Làm cho con người biết yêu biết ghét đúng để thêm sức mạnh đấu tranh cho xã hội tiến lên, thế là phục vụ chính trị, phục vụ chế độ. Hai chữ "kịp thời" cần được quan niệm một cách rộng rãi. Nhưng rộng rãi đến chừng mực nào? Theo ý kiến của Hoàng Hué: "Những nghệ sĩ lớn như Nguyễn Du, Ban-dắc, Goóc-ki đã thể hiện được thời đại, con người thời đại và những vấn đề lớn của thời đại. Như thế nên tác phẩm của các bậc thiên tài ấy vẫn còn sống mãi và bao giờ cũng vẫn kịp thời". Hiểu rộng nghĩa như vậy thì khẩu hiệu "phục vụ kịp thời" có nên xóa hai chữ "kịp thời" mà chỉ để hai chữ "phục vụ" chăng? Hoặc giả cứ để hai chữ "kịp thời" nhưng hiểu ngầm chữ "thời" là thời đại chứ không phải là thời sự chăng?

## HUỶNH ÁI TÔNG

Vấn đề "phục vụ kịp thời" còn làm nảy ra vấn đề "tuyên truyền và nghệ thuật". Một số chủ trương rằng công tác tuyên truyền thời sự nên dành cho các cơ quan chuyên trách như Ty Văn hóa, Ty Tuyên truyền, còn những người sáng tác chuyên nghiệp thì không nên gò bó vào việc tuyên truyền thời sự. Ngược lại có người cho rằng tuyên truyền thời sự cũng là công tác của văn nghệ sĩ và có thể đạt tới mức nghệ thuật được (ý kiến của Phạm Quang Trân). Những vấn đề trên đây cũng cần được tiếp tục thảo luận nữa.

### **Vấn đề chống công thức**

Bên cạnh một số tác phẩm tương đối thành công, phần lớn những tác phẩm văn nghệ của chúng ta mắc phải hai nhược điểm khá nghiêm trọng: công thức và sơ lược.

Một tác phẩm công thức là một tác phẩm viết theo một khuôn sáo nhất định, khuôn sáo trong cách nhìn nhận thực tế và thể hiện thực tế. Tác phẩm đó "mang sách vở giáo điều đóng khung cho đời sống sinh động, lấy lý luận chụp mũ cho tình cảm, đem ý muốn chủ quan gán ghép cho thực tế khách quan, gò bó nhân vật thành những điển hình giả tạo, méo mó gầy còm. Cuốn truyện công thức thường không sai đường lối chính trị nhưng nghèo nàn đến nỗi làm cho người đọc mất hết nguồn xúc cảm, và thực ra làm hại chính trị ở chỗ sống sượng đem khẩu hiệu tuyên truyền thay thế cho cuộc sống muôn màu muôn vẻ" (Lý Đăng Cao). "Đem khẩu hiệu tuyên truyền thay thế cho cuộc sống muôn màu muôn vẻ" là sơ lược hóa thực tế trong tác phẩm.

Bệnh công thức và bệnh sơ lược thường đi đôi với nhau như bóng với hình. Nguyên nhân của những bệnh đó cũng khá phức tạp. Về phía chủ quan, người văn nghệ sĩ công thức vốn nghèo chất sống lại quan niệm vấn đề phục vụ chính trị một cách thiển cận, tưởng rằng phục vụ chính trị có nghĩa là theo sát từng câu từng chữ của chính sách trong khi sáng tác. Thí dụ:



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

nông dân tất nhiên phải trong sạch, địa chủ tất nhiên phải độc ác, cải cách ruộng đất xong tất nhiên nông thôn phải vui tươi sung sướng ngay, v.v.... Viết gì, vẽ gì cũng cứ theo đúng cái mẫu mực có sẵn ấy chẳng khác gì anh thợ mũ làm trăm cái mũ giống nhau cả trăm vì cùng rập theo một cái khuôn. Về phía khách quan, một số khá đông cán bộ chính trị và cán bộ văn nghệ non nớt về lý luận, độc đoán trong tác phong đã kìm hãm phong trào văn nghệ trong cái lồng công thức suốt một thời gian khá dài.

Chúng tôi đồng ý với bạn Vĩnh Mai là "về phía anh em văn nghệ sĩ, phải hòa mình vào một cuộc đấu tranh (của nhân dân), học tập trau dồi kỹ thuật để đáp ứng nhu cầu của nhân dân; mặt khác phải đấu tranh với quan niệm hẹp hòi, máy móc của một số cán bộ chính trị. Bề ngoài, số anh em ấy vẫn nói là văn nghệ phục vụ chính trị nhưng trên thực tế công tác cũng như đi sâu vào tư tưởng, số anh em ấy đánh giá không đúng tác dụng của văn nghệ là giáo dục tư tưởng và tình cảm, mà xem văn nghệ là một trò mua vui sau những lúc công tác và hội nghị".

Hiện nay phong trào tranh luận để mở rộng đường lối sáng tác, thực hiện phương châm trăm hoa đua nở đang sôi nổi. Nó hứa hẹn một tương lai tốt đẹp. Chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này ở một phần dưới.

### **Vấn đề phê bình văn nghệ**

Phê bình văn nghệ là một công tác rất cần thiết để thúc đẩy văn nghệ tiến lên. Nó đánh giá đúng những tác phẩm của văn nghệ sĩ. Nó hướng dẫn quần chúng trong việc thưởng thức văn nghệ. Nó đại diện cho quần chúng vạch đường lối văn nghệ. Công tác phê bình văn nghệ của ta từ trước tới nay còn yếu. Nguyên nhân chính có lẽ không phải là tại chúng ta thiếu những cây bút phê bình sắc bén mà là tại chúng ta còn coi nhẹ công tác phê bình. Khuyết điểm của lãnh đạo là chưa tạo điều kiện thuận lợi cho công tác phê bình. Ở điểm này, ý kiến của bạn Trần Thanh

## HUỶNH ÁI TÔNG

Mại có nhiều phần xác đáng: "Những khi ấy (khi phê bình văn nghệ) chúng ta chỉ nhằm một nhiệm vụ chính trị trước mắt: nào như cần lái lại một vài dư luận, đánh thông một vài thắc mắc, ổn định một vài hoang mang thế thôi". Một bạn nói thêm rằng: "Có những hiện tượng không thuận lợi cho sự phát huy tự do tư tưởng trong phê bình văn nghệ. Một vài quan niệm hẹp hòi làm cho chúng ta có thái độ e dè thế này, khắc nghiệt thế kia, thậm chí có khi áp chế phê bình nữa". Xét lại từ cuộc phê bình thơ Tố Hữu bị chặn lại đến cuộc phê bình thơ Trần Dần biến thành cuộc "đấu" thì ta thấy rõ sai lầm khuyết điểm của lãnh đạo đối với công tác phê bình.

Muốn đẩy mạnh phong trào phê bình văn học cũng như phê bình nói chung, sự phát huy tự do tư tưởng, tinh thần chí công vô tư là những điều kiện không có không được.

### **Vấn đề bồi dưỡng chuyên môn**

Nói chung các ngành, văn nghệ sĩ ít được bồi dưỡng về chuyên môn. Phần đông làm nghiệp vụ mò mẫm theo lối kinh nghiệm chủ nghĩa. Muốn nâng cao phẩm chất của sáng tác theo kịp với nhu cầu của thời đại, việc học tập lý luận, trau dồi kỹ thuật là một trong những việc trọng yếu của văn nghệ sĩ. Các bạn Lan Sơn, Thụy An (ngành văn), Trần Công (điện ảnh), Sĩ Ngọc (họa), Trung Vũ (đoàn ca múa nhân dân), Nguyễn Thị Kim (điều khắc), Nguyễn Hữu Hiếu (nhạc)... đều tha thiết đề nghị Đại hội chú ý đến việc này. "Cần bồi dưỡng cả cho già lẫn trẻ. Già thì tiêm thuốc cải lão hoàn đồng, trẻ thì dùng thuốc bổ cho phát triển sức nhón. Đừng để già lụi dần, mà trẻ thì dường như không cần thuốc bổ cho nhón hơn nữa." (Sĩ Ngọc).

Chúng ta cần phải luôn trao đổi với nhau những hiểu biết về lý luận văn nghệ, những kinh nghiệm sáng tác, tổ chức những cuộc học tập tranh luận có tính chất nghiệp vụ một cách thật chu đáo.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Trên trang Đại hội, trong những số báo gần đây, có một đôi bài đi vào hướng đó một cách tương đối sâu sắc và có suy nghĩ. Huy Phương nêu lên vấn đề "*phê bình và đả kích*, một mặt của chủ nghĩa hiện thực". Những tác phẩm công thức, ca ngợi hời hợt và một chiều phần nhiều không hiện thực. "Hiện thực xã hội chủ nghĩa gồm có hai mặt: một là ca ngợi cuộc sống mới, đề ra triển vọng và hướng đi lên của xã hội v.v... đó là mặt tạm gọi là xây dựng và lãng mạn cách mạng; thứ hai là: phê phán những tàn tích của xã hội cũ, đả kích những tệ tục còn tồn tại hoặc mới nảy nở ngay trong quá trình phát triển của cách mạng, v.v... đó là mặt phê bình, (hoặc gọi là phê phán đả kích). Lác đác gần đây trên báo *Văn nghệ* có thấy đăng một số thơ của Mai-a, truyện của Sê-khốp đả kích những kẻ nịnh hót, đạo đức giả. Rồi đến những mẫu châm biếm nhỏ trong mục "Nụ cười". Những "nụ cười" này chỉ mới là những cái cười hiền lành cũng đã gây phản ứng trong một số người đọc... Sự phản ứng của một số chúng ta đôi khi hơi khe khắt, thiếu độ lượng, thậm chí đi đến chỗ qui kết chụp mũ cho nhau chứng tỏ chúng ta đã "mất thói quen" đối với loại văn đó".

Bạn Huy Phương đề nghị đặt thành vấn đề tranh luận rộng rãi để đi đến chỗ thông nhất ý kiến. Chúng tôi rất đồng ý với bạn Huy Phương. Nếu không thông với nhau ở điểm này thì sáng tác sẽ còn mắc mứu nhiều, vấn đề *hiện thực* trong văn nghệ của ta sẽ còn mắc mứu nhiều. Bạn Quang Dũng góp "mấy ý nghĩ về thơ" cũng đi sâu vào những nguyên nhân làm cho "nguồn thơ chưa bắt được vào mạch sống, chưa có chất máu đỏ tươi, hơi thở khổng lồ của cuộc đời hiện tại" làm cho "tiếng nói chỉ là phụ họa mà không có được cái giá trị sáng tạo đóng góp cho cách mạng". Chúng ta cần nghiên cứu phê bình thêm nữa, thêm nhiều nữa để đánh giá đúng thơ ca của ta hiện nay và gạt bỏ những trở ngại đã làm cho thơ ca (cũng như các bộ môn khác) chậm tiến.

Về loại góp kinh nghiệm sáng tác cũng còn ít ỏi lắm. Bài "Gắn liền với thời đại chúng ta" của bạn Tế Hanh nêu ra một số kinh

## HUỶNH ÁI TÔNG

nghiệm của bạn trong quá trình làm thơ từ Cách mạng tháng Tám đến nay. Bài "Vi sao kịch bản còn yếu" của Ngọc Đĩnh và một vài bài khác cũng nêu được những kinh nghiệm bản thân của văn nghệ sĩ.

Việc bồi dưỡng chuyên môn cần thực hiện bằng nhiều phương pháp. Chắc Đại hội sẽ đưa vấn đề này ra để nghiên cứu chung.

### **Vấn đề văn nghệ ở các địa phương, các ngành, các giới**

Văn nghệ của chúng ta là văn nghệ nhân dân. Nó không phải công việc riêng của một số văn nghệ sĩ ở Hội và xung quanh Hội. Vấn đề xây dựng văn nghệ từ cơ sở, cho cơ sở là vấn đề thiết yếu. Trên trang Đại hội đã thấy phản ảnh những thắc mắc, những đòi hỏi, những đề nghị của các địa phương, các ngành, các giới.

Về văn nghệ ở các địa phương, một vài bạn đã góp ý kiến (xem bài "Cần có chính sách giúp đỡ anh chị em ở các tỉnh sáng tác" của Hoài Giang, bài "Mấy ý kiến về công tác văn nghệ dân tộc thiểu số" của Nông Quốc Chấn, v.v...)

Về văn nghệ ở các ngành hoạt động của xã hội, có ý kiến của *bộ đội* (xem bài "Viết về bộ đội" của Hồ Phương; bài của Tô Hải nói lên những thắc mắc của anh em văn nghệ chuyên nghiệp trong quân đội, v.v...); của *công nhân* (xem bài "Góp ý kiến viết về công nhân" của Anh Tuấn); của *giáo giới* (xem bài của Nguyễn Quang Vinh có đoạn "tác dụng của các văn nghệ sĩ đối với nhà trường", v.v...). Về văn nghệ cho các giới và của các giới cũng có một số ý kiến tiêu biểu (xem bài "Văn học với thanh thiếu nhi" của Hoàng Quyét; bài "Vận động văn nghệ trong phụ nữ" của Phan Thị Nga, v.v...)

Để phát triển và tăng cường tính chất quần chúng của văn nghệ ta, mong Đại hội đặt thành vấn đề nghiên cứu, thảo luận.

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
**Một số vấn đề cấp thiết của phong trào tranh luận hiện nay**

*Vấn đề phê bình lãnh đạo*

Tháng 8 vừa qua, Hội Văn nghệ tổ chức một lớp nghiên cứu lý luận ngắn kỳ cho anh chị em. Đặc điểm của lớp này là: nhân liên hệ lý luận với thực tế, chúng ta đã thành khẩn hăng hái phê bình lãnh đạo, thành khẩn hăng hái như chưa từng thấy. Không khí phê bình ngùn ngụt. Bao nhiêu thắc mắc, ám ức trong chín mươi năm đối với những sự việc, những cá nhân lãnh đạo hẹp hòi, độc đoán, quan liêu, mệnh lệnh đã làm cho phong trào văn nghệ ị ạch, chậm tiến, chúng ta đã nói ra. Nói ra chẳng phải để cho "hả" mà chính là để góp phần xây dựng Đại hội, chấn chỉnh tổ chức. Phong trào phê bình ấy đã trở nên công khai. Nó kết hợp với phong trào phê bình chung từ dưới lên trên của nhân dân, của các tổ chức của Đảng và Chính quyền. Nó trở nên công khai trên một ít cơ quan ngôn luận như báo *Nhân văn* và tập san *Giai phẩm*. Ngoài một vài thái độ lệch lạc khó tránh nó có cái đúng căn bản là duyệt lại cái cũ để xây dựng cái mới. Chính trên trang Đại hội, rải rác từ trước đến nay cũng đã có những ý kiến phê bình lãnh đạo. Thí dụ bài "Hội cần phải mạnh dạn tự phê bình" của Nguyễn Bình (*Văn nghệ* số 125), bài "Mấy ý kiến về lãnh đạo của phòng Văn nghệ quân đội" của Trần Công, số 136). Tuy nhiên trên trang Đại hội, không khí phê bình cũng còn êm ả lắm, so với phong trào chung lúc này. Phong trào phê bình chung có hiệu lực của cái đòn bẩy. Lãnh đạo đã dần dần nhận ra và đã công khai tự phê bình, ở mức này hay mức khác (xem bài "Tôi đã sai lầm như thế nào trong việc phê bình bài 'Nhất định thắng' của anh Trần Dần" của Hoài Thanh, số báo 139; bài "Một vài sai lầm khuyết điểm trong sự lãnh đạo văn nghệ" của Nguyễn Đình Thi; bài "Giải thưởng Văn học 54-55" của Nguyễn Tuân, số báo 140).

Việc phê bình và tự phê bình góp phần tạo điều kiện tốt cho Đại hội thành công.

## HUỶNH ÁI TÔNG

### *Vấn đề "trăm hoa đua nở"*

Báo *Văn nghệ* đã đề cập tới vấn đề này. Chúng ta đã đăng tài liệu "Trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng" của Lục Định Nhất, bạn Lê Đại Thanh đã góp ý kiến hưởng ứng phương châm "trăm hoa đua nở": "Chỉ có trên cơ sở phát triển văn nghệ tự do trên mọi mặt mới đảm bảo được sự nảy nở phong phú của văn nghệ". Vấn đề này, báo *Văn nghệ* sẽ nêu lên để chúng ta thảo luận tiếp.

### *Vấn đề phê bình Nhân văn, Giai phẩm*

Những số báo gần đây nhất có đăng những bài phê bình một số bài trong báo *Nhân văn* và tập san *Giai phẩm*. Theo ý kiến riêng tôi, đối với phong trào phê bình của quần chúng mới nhóm lên, tờ báo *Văn nghệ* nên có thái độ khuyến khích và mở rộng tranh luận, cần phản ánh những chiều hướng khác nhau, nhiều khi va chạm xung đột nhau. Có như vậy mới gọi là tranh luận và mới nảy ra ánh sáng. Chính báo *Văn nghệ* cũng phải có phần tích cực trong cuộc đấu tranh tư tưởng một mặt góp ý kiến phê bình xây dựng lãnh đạo hơn nữa, một mặt thành thật tiếp thu những ý kiến đúng của quần chúng.

### **Kết luận**

Nói chung lại từ Cách mạng tháng Tám đến nay, Văn nghệ của chúng ta đã trưởng thành, về bản chất nó hơn hẳn văn nghệ của đế quốc, phong kiến ở chỗ nó phục vụ quảng đại quần chúng nhân dân, phục vụ Cách mạng, phục vụ Tiến hóa. Nó đã đạt được một số thành tựu về mặt sáng tác. Nó đã đi vào nhân dân quần chúng và có mặt ở từng chặng đường chiến đấu gay go của dân tộc trong những ngày kháng chiến vừa qua. Nó đã làm nảy nở bên cạnh những tài năng cũ, một lớp tài năng mới. Đúng như bạn Lưu Trọng Lư nói: "Đó là một đặc điểm của sự lãnh đạo văn nghệ của Đảng".

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Nhưng qua những cuộc phê bình gần đây, qua những ý kiến phát biểu trên trang Đại hội trong vòng 5 tháng nay, chúng ta thấy những nhược điểm khuyết điểm cần kịp thời khắc phục. Trên những nét lớn, có thể quy lại mấy điểm:

- Chúng ta còn thiếu một lý luận thật vững chắc làm cơ sở cho mọi hoạt động văn nghệ.
- Lãnh đạo mắc nhiều sai lầm làm cho văn nghệ ta đáng lẽ tiến hơn nữa thì vẫn ì ạch trong bấy nhiêu năm luẩn quẩn trong chủ nghĩa công thức, chủ nghĩa sơ lược.
- Tự do dân chủ, tự do tư tưởng kém phát huy làm cho không khí văn nghệ trải qua một thời gian ngột ngạt.
- Việc bồi dưỡng đào tạo con người văn nghệ vừa lệch lạc vừa thiếu sót làm cho tài năng khó phát triển đến cao độ.
- Bản thân văn nghệ sĩ có một số chưa thật say mê với nghề nghiệp, đã có những lúc tiêu cực, kém phấn đấu để làm tròn cái chức trách cao cả "kỹ sư tâm hồn". Riêng về trang Đại hội của báo *Văn nghệ* đã thu lượm được những ý kiến dồi dào và bổ ích của anh chị em nhưng việc hướng dẫn tổ chức tranh luận còn mắc những khuyết điểm: gặp đâu hay đấy, kém theo dõi, thúc đẩy và còn có phần chủ quan, một chiều, ngại trước e sau.

Tôi tin rằng trong đợt tranh luận sắp tới mọi vấn đề nêu ra chúng ta sẽ đào thật sâu, phát biểu ý kiến thật chắc, thành khẩn và dũng cảm phát huy tự do tư tưởng. Như vậy là một cách thiết thực và tích cực chuẩn bị Đại hội Văn nghệ Toàn quốc.

(Báo *Văn nghệ*, Hà Nội, số 145 ngày 2.11.1956, số 146 ngày 9.11.1956)

Trích thơ:

HUỶNH ÁI TÔNG  
**Đôi cầu Nhật Nguyệt**

*Cầu đông bao lần mặt trời mọc?  
Cầu tây bao độ mặt trăng lên?  
Có phải Sài Sơn khi mới dựng  
Đôi cầu cùng dựng với Thiên nhiên*

*Người ở làng quê, người bốn phương  
Dù nhìn trong nắng, ngó trong sương  
Đôi cầu đã sẵn trong lòng mắt  
Một khối chung tình với nước non*

*Ông Trọng đời xưa đi những đâu  
Thấy muôn dáng núi, gặp muôn màu  
Về quê vẫn cứ say màu dáng  
Phải góp gì đây, để mãi sau...*

*Hồ đẹp, tô thêm mấy nét duyên  
Đôi cầu Nhật Nguyệt bắc đôi bên  
"Cầu Tiên" từ đó người quen gọi  
Hắn Trọng xây rồi. Trọng đặt tên*

*Cong cong đôi mái, đôi vành lược  
Cài tóc mây xanh nước lẫn trời  
Có lúc ngõ rộng sà xuống đậu  
Bên chồng bên vợ khéo vừa đôi*

*Ai đếm người qua những tháng năm  
Trên cầu Nhật Nguyệt tạm dừng chân  
Mái cầu khum cánh từng ôm áp  
Ai cấy, ai cày, ai hội xuân...*

*Cho đến bây giờ, những xã viên  
Khoái nào bằng ngủ giữa cầu Tiên  
Buổi trưa mùa gặt làng thơm lúa  
Trầm lắng hương chùa quanh bệ sen*



HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Người thợ đang xây cầu sắt thép  
Nói bờ sông rộng, vượt khe sâu  
Về đây, chủ nhật, thăm hồ núi  
On nhớ người xưa đã bắc cầu*

(1977)

**Cây mai cuối phố**

I

*Đôi góc cây mai cuối phố nhà  
Tin xuân, báo trước mấy lần hoa  
Sớm ta đi vội, chiều về vội  
Chẳng nhớ là mai ở cạnh ta*

*Chẳng nhớ xuân thu cứ chuyển vần  
Việc mình, thêm được mấy mươi phân?  
Ngáng đầu chợt thấy mai cười trắng  
Thay lịch rồi đây! Lại một lần*

II

*Mai già hai trận trái mưa bom  
Vóc vạc, hình khô, ngõ héo mòn  
Ta những lo thâm cây hết nhựa  
Bồi hồi lắng đợi một mùa thơm*

*A! Sớm nay nhìn, mai vẫn mai  
Một giây trăm cánh mở tung trời  
Mái đầu, thấp thoáng mai soi bóng  
Hương thoảng xa gần, chẳng muốn phai.*

(Tháng 11-1973)

HUỶNH ÁI TÔNG  
**Trưa rừng**

*Xanh biếc, xanh lơ núi trập trùng  
Đường dài trước mặt, khuất sau lưng  
Mặt trời từng mảnh rơi loang lổ  
Đá cuội lom khom ngủ cạnh rừng*

*Bòm rữ lắc lư khoan nhịp bước  
Ngựa đi trong một giấc mơ dài  
Cương buông, người mãi theo trang sách  
Ngựa hoá con thuyền lững thững trôi*

*Nắng rung chòm dẻ, đôi con sóc  
Thoăn thoắt chuyền càn rỡn đuổi nhau  
Sốt soạt... nhìn lên, người chỉ thấy  
Đuôi dài phơ phất mấy bông lau*

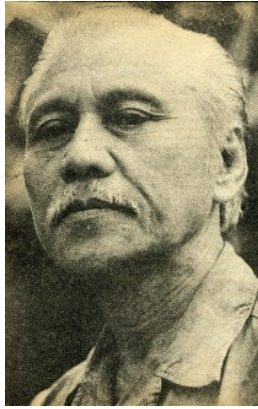
*Ngựa đều đều nhịp bơi trong mộng  
Chợt vấp chân vào vũng nước sa  
Làm tan hội Bướm đang soi bóng  
Tung giữa đường trưa muôn cánh hoa.*

*Văn của Trần Lê Văn viết mạch lạc, nhẹ nhàng; về thơ ông sáng tác, lời thơ rất giản dị, ghi được những nhận xét xác thực, làm cho người thưởng thức dễ cảm nhận được rung cảm của tác giả.*

Tài liệu tham khảo:

- Trần Lê Văn Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Trần Lê Văn Web: [vanngheNamDinh.com.vn](http://vanngheNamDinh.com.vn)

20) Quang Dũng



**Quang Dũng – Bùi Đình Diệm (1921-1988)**

Quang Dũng tên thật Bùi Đình Diệm, sinh năm 1921 tại làng Phượng Trì, huyện Đan Phượng (nay thuộc Hà Nội).

Trước cách mạng tháng Tám, ông học Ban trung học trường Thăng Long. Sau khi tốt nghiệp, ông đi dạy học tư ở Sơn Tây.

Ông gia nhập Quân đội Nhân dân Việt Nam vào ngày Cách mạng tháng Tám thành công, trở thành phóng viên tiền phương của báo *Chiến đấu*.

Năm 1947, ông được điều đi học Trường bổ túc trung cấp quân sự Sơn Tây. Sau khoá học, ông làm Đại đội trưởng ở tiểu đoàn 212, Trung đoàn Tây Tiến. Ông tham gia chiến dịch Tây Tiến đợt hai, mở đường qua đất Tây Bắc. Trong thời gian này, ông còn được cử làm Phó đoàn tuyên truyền Lào - Việt.

Cuối năm 1948, sau chiến dịch Tây Tiến, ông làm Trưởng tiểu ban tuyên huấn của Trung đoàn 52 Tây Tiến, rồi làm Trưởng đoàn Văn nghệ Liên khu III. Ông đã viết rất nhiều truyện ngắn xuất bản và viết kịch, cũng như đã triển lãm tranh sơn dầu cùng

## HUỶNH ÁI TÔNG

với các họa sĩ nổi danh. Ông sáng tác nhạc, bài *Ba Vì* của ông đã nổi tiếng ở trong khu kháng chiến. Ông làm bài thơ Tây Tiến năm 1948 khi dự Đại hội toàn quân ở Liên khu III tại làng Phù Lưu Chanh (Hà Nam).

Tháng 8 năm 1951, ông xuất ngũ.

Sau 1954, ông làm Biên tập viên tại báo *Văn nghệ*, rồi chuyển về Nhà xuất bản Văn học.

Ông bị gửi đi chinh huấn sau vụ Nhân Văn - Giai Phẩm, và lui về ẩn thân trong nghèo nàn và bệnh tật. Thơ của ông bị phê bình trên báo chí miền Bắc lúc đó là mang hơi hướng "tiểu tư sản", thiếu tính chiến đấu, còn ở miền Nam thì được xuất bản và phổ biến rộng rãi và được nhiều người yêu thích.

Về sau này, như những nhà thơ lớn khác, Nguyễn Bính, Hồ Dzếnh,... ông mai một và mất đi trong âm thầm.

Ông mất ngày 13 tháng 10 năm 1988 sau một thời gian dài đau ốm tại bệnh viện Thanh Nhàn, Hà Nội.

Năm 2000, ông được truy tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật.

Tác phẩm:

- *Mùa hoa gạo* (1950)
- *Bài thơ sông Hồng* (1956)
- *Đường lên châu Thuận* (1964)
- *Làng Đồi đánh giặc* (1976)
- *Mây đầu ô* (1986)
- *Quang Dũng - Tác phẩm chọn lọc* (1988)

Trích thơ:

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

**Tây tiến**

*Sông Mã xa rồi Tây tiến ơi !  
Nhớ về rừng núi, nhớ chơi vơi  
Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi  
Mường Lát hoa về trong đêm hơi*

*Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm  
Heo hút cồn mây, súng ngửi trời  
Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống  
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi*

*Anh bạn dãi dầu không bước nữa  
Gục lên súng mũ bỏ quên đời !  
Chiều chiều oai linh thác gầm thét  
Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người*

*Nhớ ôi Tây tiến cơm lên khói  
Mai Châu mùa em thơm nếp xôi*

*Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa  
Kìa em xiêm áo tự bao giờ  
Khèn lên man điệu nàng e ấp  
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ*

*Người đi Châu Mộc chiều sương ấy  
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ  
Có nhớ dáng người trên độc mộc  
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa*

*Tây tiến đoàn binh không mọc tóc  
Quân xanh màu lá dữ oai hùm  
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới  
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm*

*Rải rác biên cương mồ viễn xứ*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh  
áo bào thay chiếu, anh về đất  
Sông Mã gầm lên khúc độc hành*

*Tây tiến người đi không hẹn ước  
Đường lên thăm thẳm một chia phôi  
Ai lên Tây tiến mùa xuân ấy  
Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi.*

Phù Lưu Chanh, 1948

### Quán Bên Đường

*Tôi khách qua đường, trưa nắng gắt.  
Nghỉ nhờ đây quán lệch tường xiêu  
Giàn mướp nghèo không hứa hẹn bao nhiêu.  
Mùa gạo đắt, đường xa, trưa vắng khách*

*Em đắp chăn dày, tóc em trĩu nặng  
Tôi mồ hôi ra ngực áo chan chan  
Hồn lính mờ qua vài sợi tóc  
Đường tân cư bao suối lạ sương ngàn  
Em mê sáng sớm hồng đôi má  
Em có một mình nhà hoang vắng quá  
Mảnh chăn đào em đắp, có hoa thêu  
Hàng của em, chai lọ xác xơ nghèo  
Tôi nhìn lại mảnh quần xưa đã vá*

*Tôi chợt nhớ chúng ta không nhà cửa  
Em tân cư, tôi là lính tiền phương  
Xa Hà Nội, cùng nhau, từ một thuở  
Lòng rung rung thương nhau quá, dọc đường*

*Tiền nước trả em rồi. Nắng gắt  
Đường xa xa mờ núi và mây  
Hồn lính vương qua vài sợi tóc*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Tôi thương em mà em đâu có hay.*

### **Đôi Mắt Người Sơn Tây**

*Em ở thành Sơn chạy giặc về  
Tôi từ chinh chiến cũng ra đi  
Cách biệt bao lần quê Bát Bạt  
Chiều xanh không thấy bóng Ba Vi*

*Vùng trán em vương trời quê hương  
Mắt em dịu dịu buồn Tây Phương  
Tôi thấy xứ Đoài mây trắng lắm  
Em có bao giờ em nhớ thương*

*Từ độ thu về hoang bóng giặc  
Điêu tàn thôi lại nổi điêu tàn  
Đất đá ong khô nhiều ngán lệ  
Em có bao giờ lệ chứa chan*

*Mẹ tôi em có gặp đâu không  
Những xác già nua ngập cánh đồng  
Tôi cũng có thằng em còn bé dại  
Bao nhiêu rồi xác trẻ trôi sông*

*Đôi mắt người Sơn Tây  
U uẩn chiều lưu lạc  
Buồn viễn xứ khôn khuây*

*Cho nhẹ lòng nhớ thương  
Em mơ cùng ta nhé  
Bóng ngày mai quê hương  
Đường hoa khô ráo lệ*

*Bao giờ trở lại đồng Bương Cấn  
Về núi Sài Sơn ngắm lúa vàng  
Sông Đáy chậm nguồn quanh phủ quốc*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Sáo diều khuya khoắt thổi đêm trăng*

*Bao giờ tôi gặp em lần nữa  
Ngày ấy thanh bình chắc nở hoa  
Đã hết sắc màu chinh chiến cũ  
Còn có bao giờ em nhớ ta*

### **Đôi Bờ**

*Thương nhớ ơ hờ, thương nhớ ai?  
Sông xa từng lớp lớp mưa dài  
Mắt kia em có sâu cô quạnh  
Khi chớm heo về một sớm mai?*

*Rét mướt mùa sau chùng sắp ngủ  
Bên này em có nhớ bên kia  
Giăng giăng mưa bụi quanh phòng tuyến  
Hiu hắt chiều sông lạnh bến Tề*

*Khói thuốc xanh dòng khơi lối xưa  
Đêm đêm sông Đáy lạnh đôi bờ  
Thoáng hiện em về trong đáy cốc  
Nói cười như chuyện một đêm mơ*

*Xa quá rồi em người mỗi ngã  
Bên này đất nước nhớ thương nhau  
Em đi áo mỏng buông hờn tủi  
Dòng lệ thơ ngây có dạt dào ?*

### **Đêm Việt Trì**

*(Tặng Cô đào Huệ 1939)*

*Em là con hát ở bên sông  
Hát mãi từ khi em bỏ chồng  
Chiều đến em ngồi trên bến vắng  
Gửi người bốn xứ mảnh tình không*



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Em là con hát ở bên sông  
Lạnh với trường giang kiếp má hồng  
Chiều đến em bình sơn phấn mộng  
Rẻ người , không tiếc mảnh hồn trong*

*Em là con hát ở bên sông  
Đàn phách là đôi bạn khốn cùng  
Khách ghé phương nào thấy kiếp khách  
Hoài đâu nước mắt khóc tình chung*

*Em là con hát ở bên sông  
Nước chảy nghìn xưa luống chảy rờng  
Nước chảy không về nguồn quá khứ  
Em buồn dĩ vãng mắt khô trong*

*Em là con hát ở bên sông  
Đừng nhớ thương em uống tác lòng  
Em ở kiếp này là ở tạm  
Tìm em kiếp khác Liễu Trai nương*

### **Suối tóc**

*Thuở ấy em ngồi trên cửa gác,  
Tóc buông hong với gió đầu thu  
Nhẹ nhàng anh đến hôn chạn chứa  
Ghi vội vàng em mấy nét thơ...*

*Em mãi mơ gì dưới nắng êm ?  
Tóc như suối mực chảy êm đềm...*

*Hương nhẹ như là hương hoa cau  
Tóc em buông suối chảy về đâu ?  
Thiên thai em mở bình trong gác  
Đừng hết Trời xanh chứa hết màu*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Giờ hết, Em đi, mùa cũng hết  
Những thời hong tóc hiem làm sao !  
Rộn ràng nắng mới tìm hương cũ.  
Ngơ ngẩn chiều đi trước gác cao.*

*Em hãy về đây ngắm lại tranh  
Sắc màu còn gửi bóng ngày xanh,  
Đây là suối tóc qua song cửa  
Vẫn chảy êm đềm dưới nắng hanh.*

### Cố Quận

*Trắng sáng sân vờn đôi bóng cau  
Ngồi đây mà gửi nhớ phương nào  
Gió mát long lanh vàng Bắc Đẩu  
Tiết hè ếch nhái rộn bờ ao*

*Ngồi đây năm năm miền ly hương  
Quê người đôi gót mồi tha phương  
Có những chiều trăng tròn đỉnh núi  
Nhà ai chày gạo giã đêm sương*

*Tịch tịch sâu vơi bèo râm rạn  
Chuối vườn khuya lọt ánh trăng tàn  
Người ơi quê cũ đèn hoe ngọn  
Tóc bạc trông chừng công héo hon*

*Ngõ trúc quanh quanh sâu bóng lá  
Trắng vàng rơi rắc nẻo nào xưa  
Ngõ cũ không mong người trở lại  
Mà mùi hoa mộc vẫn thơm đưa*

*Em ơi , em ơi , đêm dần vơi  
Trông về phương ấy ngóng trông người  
Trắng có soi qua đầu tóc bạc  
Nẻo chừng cố quận nhớ thương ơi!*

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Trăng sáng năm năm mùa lại mùa  
Hạ này vui lại nhớ thu xưa  
Người đi người đi đường quanh quanh  
Ngày tháng thương vầy kẻ đợi chờ*

Quang Dũng (1940 )

**Kẻ ở**

*Mai chị về em gửi gì không  
Mai chị về nhớ má em hồng  
Đường đi không gió lòng sao lạnh  
Bụi vương ngang đầu mong nhớ mong*

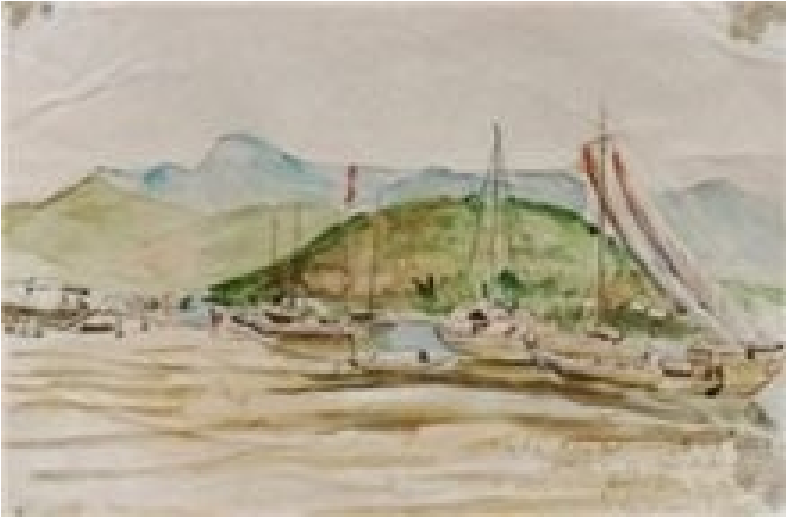
*Quê chị về xa tí dặm xa  
Rừng thu chiều sao xác canh gà  
Hoa rơi khắp lối sương muôn ngả  
Ngựa lạc rừng hoang qua lướt qua*

*Ngựa chị dừng bên thác trong veo  
Lòng chị buồn khi nắng qua đèo  
Nơi đây lá dạt vương chân ngựa  
Hươu chạy quay đầu theo gó theo*

*Rừng đêm nhòa bóng nhớ hoang mang  
Ngựa chị dừng bên thác sao vàng  
Sao rơi đầy nước vương chân ngựa  
Buồn đứng đôi mi hàng lại hàng.*

Tranh:

## HUỶNH ÁI TÔNG



Tranh Bến Ngọc

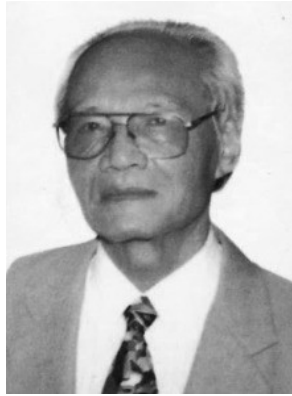
*Quang Dũng là một nghệ sĩ tài hoa, ngoài sáng tác thơ, nhạc, ông còn viết truyện ngắn, vẽ tranh. Thơ Quang Dũng một bài Tây Tiến lời thơ hào hùng, bi tráng đượm tính chất lãng mạn; thơ ông giàu nhạc tính nên được những nhạc sĩ danh tiếng phổ nhạc như Phạm Duy phổ nhạc bài “Tây Tiến”, Phạm Đình Chương phổ nhạc bài “Đôi mắt người Sơn Tây” và “Đôi bờ”, riêng bài “Em mãi là tuổi 20” được các nhạc sĩ Phạm Trọng Cầu, Việt Dũng và Khúc Dương phổ nhạc, nhờ thể thơ của Quang Dũng được nhiều người biết đến và ưa chuộng.*

Tài liệu tham khảo:

- Quang Dũng Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Quang Dũng Web: [chutluulai.net](http://chutluulai.net)

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

### 21) Hoàng Yến



### Hoàng Yến - Lê Hoàng Yến (1922-2012)

Nhà văn Hoàng Yến, tên thật là Lê Hoàng Yến bút danh: Thạch Tiễn, Hoàng Lan, Hoàng Đức Anh, sinh ngày 15 tháng 10 năm 1922, tại An Thái, Hòa Vang, Quảng Nam.

Học hết bậc Thành chung, ông dạy học. Tham gia cách mạng từ năm 1942, chủ sự phòng Tư pháp Công an Trung Bộ. Sau ngày toàn quốc kháng chiến 19-12-1946, ông đưa gia đình ra chiến khu Thanh Hóa làm thư ký tòa soạn báo Khu 4. Tham gia quân đội, từng tham dự nhiều chiến dịch, trong đó có Điện Biên Phủ.

Ông là hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam năm 1957, nhưng đã bị gác bút từ vụ *Nhân văn – Giai phẩm* cho đến năm 1979, ông mới bắt đầu sáng tác lại, đó là tác phẩm *Câu thơ yên ngựa*.

Nhà thơ Hoàng Yến qua đời ngày 23 tháng 2 năm 2012, tại thành phố HCM, thọ 90 tuổi.

Tác phẩm:

## HUỶNH ÁI TÔNG

- *Tình người soi dặm đường* (Hội nhà văn, 1957)
- *Câu thơ yên ngựa* (Tiểu thuyết lịch sử, 1983)
- *Chân mây khép mở* (Tiểu thuyết lịch sử, 1991)
- *Người học trò áo xanh* (tiểu thuyết, 1995)
- *Kẻ trộm nước trời* (Tiểu thuyết, 1996);
- *Tuyển tập Hoàng Yến* (3 tập)

Trích văn:

### **Câu thơ yên ngựa**

#### *Chương 12*

Đầu tháng hai mà sương mai còn dày đặc. Nương theo làn sương mù che mắt địch, Nguyên soái Quách Qui bất ngờ cho ba quân âm thầm nhô trại. Người ngựa xéo lên nhau hốt hoảng rút lui.

Thái Úy vẫn giữ lời hội ước không đem quân đánh đuổi.

Mặt trời lên ba sào, Thái Úy nhìn sang thấy bờ Bắc trống hoang. Cái nhung nhúc hôm qua bỏ chạy và sự vắng lặng chột đến, thuần khiết mênh mông. Không có cái gì nhắc nhở đến chuyện giặc giã đao binh ngoài những cột khói đen lặng lẽ bốc thẳng trôi điu hiu ở đường ngấn chân trời.

Trong đầu óc Thái Úy đang bài bố cuộc chiến mới ở một dạng khác, một cuộc chiến thâm lặng không máu chảy xương phơi nhưng không kém phần quyết liệt.

Lão Vũ đứng bên cạnh, gục gặc đầu, ngập ngừng nói: - Dạ, con vẫn chưa hiểu tại sao ta lại chịu nhượng cho Tống một phần đất lớn như vậy?

- Để họ rút quân mà không bẽ mặt. Nhưng ta chỉ nhượng trên giấy tờ mà họ cũng chỉ nhận trên danh nghĩa thôi, Vũ nhi ạ! Rồi ta sẽ đòi lại không sót một tấc đất. Con xem chỉ trong ngày

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

mai là quân ta theo sát chân quân địch sẽ chiếm lại Động Giáp rồi. Còn Quang Lang, châu Môn, Tô Mậu, ta sẽ biến ba dải đất này thành một quả mướp nóng bỏng mà nhà Tống vừa ngoạm vào đã phải nhả ra ngay nếu không muốn rụng răng. Dĩ nhiên ngoài năm đám giờ ra, ta còn phải biết mềm dẻo nữa. Ta đem chữ "Nhẫn" ra để chống tính kiêu căng vốn có của họ - Ông dừng lại giây lâu, chăm chú nhìn vào mắt lão Vũ như kéo sự chú ý của lão vào những điều ông sắp nói - Song còn châu Quảng Nguyên là nơi có mỏ vàng mỏ bạc, ta e máu tham của họ sẽ bắt họ cố chịu đấm ăn xôi. Ta phải làm sao để cho châu Quảng Nguyên trở thành một mảnh đất linh thiêng độc địa, đi dễ khó về; bất luận người Tống nào đã mang thân đến đây đều phải vùi xương lại đây. Ta phải làm cho họ ngáo ngán vì kinh hoàng. Việc này ta trông cậy ở con và cũng là phần việc chính ta giao cho đây.

Sau này sự việc diễn biến không ra ngoài tiên liệu của Thái Úy. Chuyện đao binh vừa chấm dứt, vua Tống vội vã đổi Quảng Nguyên ra đất Thuận Châu, bổ ngay Đào Bật, viên tướng văn võ kiêm toàn đã cầm quân chặn hậu cho đại binh Quách Quỳ rút lui, làm đầu mục châu mới. Nhiều loại viên chức được phái đến: thông phán, thiêm thư, phán quan, kiểm hạt, đô giám, đô áp. Ba nghìn lính thú cùng 17 vị chỉ huy ở các xứ Hồng Châu tới phòng thủ miếng đất mới này. Các lò luyện quặng vàng bạc được dựng lên dưới sự giám sát của viên quan cao cấp Tất Trọng Hùng. Tất cả tội nhân bị án tù Hoài Nam đổ xuống đều được dùng làm công nhân khai thác mỏ.

Nhưng nhà Tống hoàn toàn thất vọng. Tật dịch, hỏa tai kéo dài một vệt từ Quảng Nguyên đến Ung Châu. Nhiều điềm gở xảy ra làm dân tình xao xuyến. Tượng phật các chùa chiến tự nhiên động đậy. Những cơn sốt rung giường lật chiếu cuốn theo hàng đồng xác chết của quan quân Quảng Nguyên. Những gia đình có người đi lính thú kêu khóc như ri. Quân

## HUỶNH ÁI TÔNG

thú đào ngũ hàng đoàn. Lĩnh tráng chết rồi lần lượt quan chức cũng chết. Cuối cùng Đào Bật, viên tướng đứng đầu việc cai trị Quảng Nguyên vừa cáo ốm thì đã lăn ra chết liền không kịp hưởng ơn vua cho thăng chức và nghỉ ngơi ở Quế Châu.

Quảng Nguyên quả là đất của thần chết. Phải chăng đó là sự tình cờ? Điều này có thể ít người biết rõ. Chỉ biết rằng vua Tống không nuốt nổi phải nhè ra. Ba năm sau vào ngày 13 tháng 10 năm Kỷ Mùi, Tống Thần Tông lấy đất vàng đất bạc mà cũng là đất chết này "ban" cho vua Lý.

Chuyện của những năm sau ấy được bắt đầu từ cuộc trao đổi hôm nay giữa Thái Úy và lão Vũ. Thái Úy bâng khuâng nhìn làn sương mai gập nắng lên bị đuổi tít ra tận vệt tre xanh mờ nhạt ở cuối chân trời, giọng đầy cảm khái: - Vũ nhi ạ! Mai đây khi việc đòi đất xong xuôi, nếu lòng con muốn, con có thể về sống cùng ta trong châu Ái.

- Thái Úy có ý định không lưu lại triều đình nữa hay sao?

- Ta nghĩ lúc ấy vua ta cũng đã lớn khôn rồi mà sự có mặt của ta ở triều sẽ là cái cớ để nhà Tống vin vào gây khó dễ trong việc trả hết đất cho nước ta. Hơn nữa đất Hoan, Ái là đất ngày mai của dân tộc. Nếu ta biết làm cho Hoan, Ái giàu mạnh thì mảnh đất ấy có thể gánh hai đầu đất nước. Ở đây, ta có thể để mắt đến phía Nam và phòng chừng về phương Bắc. Nhưng thôi đó là chuyện xa vời trong mai hậu. Trước mắt, con hãy trở về với hình dáng cũ để các em con làm lễ nhận mặt.

Lão Vũ lui vào phòng bên, Thái Úy đứng lên bảo quân hầu thiết lập hương án rồi cho gọi Hạnh Hoa và Lý Ngân đến.

Vừa bước vào, Hạnh Hoa bắt gặp không khí trang nghiêm trong phòng, nàng sững sờ không biết chuyện gì đang xảy ra. Thái Úy điềm nhiên bảo Hạnh Hoa và Lý Ngân ngồi xuống.



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Hai người đưa mắt nhìn nhau thăm hỏi. Thái Úy vẫn ngồi trầm ngâm, tâm hồn như chìm đắm theo làn khói trầm nghi ngút cuộn vòng trên hương án. Phút chờ đợi thật hồi hộp...

- Hôm nay ta kể cho hai con nghe một câu chuyện cũ - Giọng ông nói khẽ, mắt không rời lư trầm bốc khói - Hồi đó Tiên Đế mới lên ngôi, ta còn ở chức Đô Tri coi sóc nội đình. Một hôm tình cờ ta thấy quân cấm vệ Ngự Long rùng rùng kéo đi, khảo nhau đến chùa Thắng Nghiêm bắt một tướng cướp khét tiếng vừa đặt chân đến kinh thành. Ta hỏi lệnh của ai. Chúng báo lệnh của cung Thượng Dương. Ta lấy làm lạ, thăm nghĩ sao Hoàng Hậu Thượng Dương lại đi bắt tướng cướp? Ngạc nhiên và tò mò, ta thăm dò theo bọn chúng.

Đến chùa, ta thấy sư sãi đều nháo nhác. Đứng góc chùa, bên thành giếng, dưới một cây đào tiên, loại đào trái đỏ láng bóng tựa tô son, lá dày xanh ngắt thon dài như lá muỗm, ta để ý thấy một người dong dỏng cao tay đang cầm cái siêu sắc thuốc. Ta nhớ rõ loại đào tiên này vì thuở bé ta thường bị bố mắng về tội hay ngắt ăn những cánh đào khi mới ra hoa. Người ấy đội khăn nhiễu tím, sau lưng gài một chiếc quạt thước, gương mặt hao hao giống như lão Vũ nhà ta. Bọn cấm vệ vây quanh giếng, binh khí tuốt trần. Ông ta vẫn điềm nhiên chăm chú quan sát xác thuốc trong siêu. Viên nội giám Lý Thông dáng chừng là người cầm đầu tốp cấm binh bước ra nạt nộ: - Tên cướp kia! Quan quân đã đến sao ngươi chưa bỏ tay chịu tội? - Ông ta lẳng lẳng đặt siêu xuống, thoát cái đã đến gần một tên quân cấm vệ, khua tay. Thanh mã tấu đã nằm gọn trong tay mình. Ông khẽ ấn, lưỡi dao lớn gãy lia thành hai đoạn. Lý Thông hùng hổ hô quân. Bọn cấm vệ nhón nhác nhìn nhau chưa tên nào dám xông vào cả. Trong lúc ấy một vị tăng trong chùa đã cho ta biết rõ đầu đuôi câu chuyện. Hóa ra người ấy là một thần y lừng danh về nghề thuốc cũng như nghề võ ở các lộ ven biên giới. Ông ta họ Vũ và vợ ông ta cũng nổi tiếng về các phương thuốc gia truyền. Nếu đem gộp

## HUỲNH ÁI TÔNG

hai dòng họ thuộc ấy lại thì vợ chồng ông ta có dư mười bốn đời làm làng. Ông về kinh sư để chữa bệnh cho người bằng hữu thân thiết, sư ông, Quách Thiên Phương trụ trì ở chùa này. Không hiểu sao nội giám Lý Thông lại dò biết được trong lúc người cung nhân thân tín của cung Thượng Dương bị ốm sắp chết. Có lẽ y khoa môi múa mếp hứa hươu hứa vượn thế nào trước mặt Hoàng Hậu nên y tìm mọi cách dọa non dọa già để cưỡng bách thân y phải vào cung. Nhưng thân y vẫn khăng khăng từ chối. Cuối cùng y ton hót Hoàng Hậu rồi mượn oai hùm vểnh râu cáo ra lệnh cho cấm binh đi bắt thân y và nếu ông không khứng chữa bệnh cho cung Thượng Dương thì đầu ông sẽ bêu trước hoàng thành.

Ta nghe mà sôi máu giận. Ta bước lại đứng dưới gốc đào. Tên nội giám Lý Thông thấy ta, mặt xanh như chàm đỏ. Ta khoát tay đuổi bọn cấm vệ về. Ta cười gằn chỉ vào mặt Lý Thông: - Người biến ông bạn danh y của ta thành một tên tướng cướp. Giỏi thật! Người mới làm nội giám trong cung mà đã ra ngoài ức hiếp dân lành như thế này, nếu người được làm nhất phẩm triều đình có lẽ người ăn thịt cả thiên hạ! - Ta hết nhìn bộ mặt xanh xám chảy dài quắt queo như quả mướp khô của tên thái giám rồi đến trái đào tiên mồm mĩm như búp sen đỏ lủng lẳng trên cây, ta bỗng thấy kinh tởm.

Khi tên Lý Thông cúp tai ra về, ta quay lại. Bốn mắt nhìn nhau và cùng thấy trách cao xanh kia sao cho hai chúng ta gặp nhau quá muộn. Chúng ta thấp hương đèn ngay dưới gốc đào tiên làm lễ kết nghĩa anh em. Hôm sau Vũ huynh đưa ta về quê nhà ra mắt chị dâu. Lúc lên đường, biết ta kém tửu lượng, bà chị cho ta một vốc thuốc, viên nhỏ hạt tiêu sắc đen óng ánh như huyền ngọc. chỉ cần một viên nhỏ ấy theo tọt rượu đầu là bao vò rượu sau vào bụng ta hóa thành nước lã. À, ta còn quên nói một điều là Vũ huynh ta đi đâu cũng thường mang theo bên mình một chiếc quạt thước to lớn dị thường. Quạt phát bằng lụa mây trắng ti, rẽ quạt làm bằng thứ trúc đá màu

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

mun, lúc xòe ra che mưa sáng, lúc gấp lại thành một loại đoàn côn. Nên nhớ rằng đường côn gia truyền của họ Vũ nức tiếng là vô địch trong thiên hạ. Thời trẻ ta từng nghe đồn về chiếc quạt thiết phiến này và chủ nó là một danh y thường hay làm việc nghĩa. Ta tâm niệm tìm gặp người này để kết bạn. Hóa ra lòng trời dun dủi cho ta được kết giao đúng người mà ta hằng vọng tưởng. Vì vậy, không chỉ quý mà ta yêu thương Vũ huynh hơn cả bản thân ta.

Câu chuyện của Thái Úy rọi sáng dần vào những điều trước đây đối với Hạnh Hoa còn mơ hồ bí ẩn. Nàng suýt bật tiếng kêu khi chợt nhớ lại ngôi nhà bí hiểm dưới bóng trăng, người mẹ ngồi, lão Vũ quì trước sập với các hộp dài sơn son thiếp vàng trong đặt chiếc quạt kỳ dị ấy. Khói hương trầm cuộn tỏa mơ màng. Ngoài kia dường như có tiếng bò kêu. Hạnh Hoa lắng tai nghe Thái Úy kể tiếp:

- Cách đây hơn 15 năm, lúc ta vâng lệnh Tiên Đế vào Hoan, Ái dẹp giặc Lữ Long. Vũ huynh cùng đi với ta. Hai anh em cùng vào sào huyệt chúa Lữ Long để phủ dụ. Họ đặt trước mặt ta hai vò rượu cần. Khách trước, chủ sau. May là thuật uống rượu này ta được Vũ huynh dạy trước. Ta dứt hai chiếc cần rượu vào mũi vận hơi hít một hơi dài. Thấy ta uống rượu bằng mũi, chúa Lữ Long ôm chầm lấy ta, nhận bà con, kết nghĩa anh em.

Song cuộc kết thân giữa vị phó động chúa với Vũ huynh mới thật ly kỳ gay cấn. Hai cô gái đầu đội một chồng âu bạc đầy ắp rượu đứng đỉnh bước ra quì xuống trước mặt hai người. Rượu trong âu không hề sóng sánh một giọt ra ngoài. Lần này chủ trước khách sau. Vị phó chúa đặt hai chiếc âu trước mặt, để miệng cách xa đầu cần, vận hơi hút rượu. Hai tia rượu rót vào miệng y như hai vòi nước. Ta lo lắng đưa mắt nhìn Vũ huynh. Ông anh ta vẫn ung dung làm theo cách viên phó động đặt trước mặt không phải hai mà tám âu rượu thành hình vòng

## HUỶNH ÁI TÔNG

cung, tỏ ý uống mừng cho cả bốn người. Đoạn Vũ huynh thi triển kỹ năng vận khí. Theo các ống trúc, tám dòng rượu chụm lại đổ vào miệng Vũ huynh như tám con suối rượu chảy giữa thình không, mang ánh trời, phản chiếu lấp lánh bảy sắc cầu vồng.

Được phủ dụ bằng ân uy và cả những bữa tiệc rượu cần, năm châu, sáu huyện, ba nguồn, 24 động của Hoan, Ái dần dần qui phục.

Ba năm sau động Ma Sa ở Đà Bắc làm phản. Sau ba lần bắt lại tha, chúa động Ma Sa mời ta đến thạch động. Để tỏ lòng thật, ta và Vũ huynh cùng đi, trong mình không giắt binh khí, Vũ huynh chỉ mang theo cây quạt xòe ra che nắng cho ta. Thành linh từ trong cửa động, tên độc bắn ra như mưa. Vũ huynh loan quạt xòe rộng ra phủ các loạt tên độc rụng xuống. Chiếc quạt gấp lại và ngọn côn thiết phiến đánh tan quân mai phục. Lần ấy chúa động Ma Sa đầu hàng, ta thoát chết nhưng Vũ huynh đeo một mũi tên vào mình. Vết thương lúc đầu nhẹ như vết muỗi đốt, sáu tháng sau chất độc mới phát và Vũ huynh từ trần.

Lúc này, Vũ Anh Thư, con trai đầu của anh ta, đã nối nghiệp cha, đã lừng danh về nghề y và hiện làm ngoại thám trưởng quan cho ta ở vùng biên giới. Ta cho Vũ nhi cải trang làm quản gia về ở với ta để đỡ nhớ người bạn quá cố... Bây giờ Vũ nhi sắp đi vào đất dữ. Ta cho phép các con gặp Vũ Anh Thư, làm lễ nhận mặt anh em.

Vũ Anh Thư bước vào, khăn nhiễu tím, áo đoạn kép, giày hải ly, ngang lưng gài quạt thiết phiến. Một vẻ trang nhã siêu thoát khác thường toát ra từ dáng dấp đến đường sống mũi thẳng nằm giữa đôi mắt ngời sáng cân phân, trên nét viền môi thanh tú. Có phải vì lâu ngày quen nhìn lão Vũ mà Hạnh Hoa cảm thấy dưới vành khăn tím, gương mặt Vũ Anh Thư bỗng

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

rờ rờ như ánh trăng rằm. Nàng bỡ ngỡ nhìn người anh mới xa vợ như chàng trai trẻ nào lạ mặt. Người nàng bối rối bàng hoàng suốt trong buổi lễ bái huynh. Nàng nghe tiếng Thái Úy bảo: - Lý Ngân, con theo ta đi hội tướng, còn Hạnh Hoa, con thay cha tiễn anh con sang sông.

Hai người đi bên nhau không nói một lời. Để phá tan sự lúng túng này, Vũ Anh Thư quay sang hỏi: - Sao bé Hạnh hôm nay buồn thế?

Hạnh Hoa đáp còn ngượng ngập trong cách xưng hô: - Em ... em lo anh đi vào đất hiểm.

- Không sao đâu - chàng cười to - Ta vào đất ấy như cá vào nước. Trước lúc xuống thuyền, chàng còn bảo: Thế nào trong ngày vui của bé Hạnh, tiểu huynh sẽ có mặt. Đừng buồn, bé Hạnh nhé.

Thuyền rời bến sang sông. Hạnh Hoa bỗng cảm thấy tuổi con gái vô tư của mình chấm dứt bắt đầu từ giờ phút này.

Trong đầu nàng, một giọng hát trong trẻo chọt cất lên:

*"Giã biệt Thăng Long đất rồng lên  
"... "Hậu đình hoa", khúc ấy  
"Ta sang sông rồi, người có quên?"*

Nàng không quên được. Bao hình ảnh lộn xộn của một thời lão Vũ vụt hiện lên trong trí nhớ nàng: những món quà con gái... bạc dịch trường... đêm trăng trên sông... tiếng hát cô Chiêm nữ... mùa đông con bệnh liên miên... những chén thuốc bưng trong giọt mưa tranh hiên ngoài... - và nổi rõ nét lên trên hết - ... chiếc lông nhím trắng cắm ngập vào quả đào mơn mớn... cặp mắt trai trẻ ngời ngọi yêu thương...

## HUỶNH ÁI TÔNG

Một niềm nuôi tiếc băng khuâng lớn vờn thoáng qua trong mắt nàng. Bên kia, thuyền đã cập bờ. Bóng chàng lên ngựa, ra roi. Ai biết lòng chàng đang nghĩ gì.

Lần theo từng đợt sóng dồn của ký ức, nàng nghe tiếng bà mẹ từ trong ngôi nhà bí ẩn dưới đêm trăng đột nhiên vọng về: - Mẹ mong con biết ăn ở nhịn nhục, gánh mọi phần thiệt về mình, sinh bồi cho kẻ khác để cháu con dòng họ ta mai sau được phúc ấm...

Thế đấy. Chàng là người tạo phúc nhưng không hề được hưởng phúc. Chàng sống trợ trợ một thân, ra đi trong im lặng, hành động trong thâm lặng, trở về trong thâm lặng. Số kiếp chàng là vậy.

Bên kia, đằng xa tí, bóng chàng mờ dần rồi lặn giữa vệt ngân chân trời.

Dưới chân nàng, dòng sông Nguyệt nước chảy lơ thơ... Không hiểu sao, trong mắt nàng như có giọt nước nóng hổi.

Hồi ức nhạt nhòa lạt từng trang theo gió thổi trên sông...

(Cuối 1979 - đầu 1983)

Trích thơ:

### Trên ngã ba mây

1

*Tên em*

*chiều nhớ*

*hành hương .*

*tiếng đé đồng sương*

*Tên em*

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*một thiên đường đã mất  
một thiên đường chưa mở ngõ  
một thiên đường xa  
cha ông để lại  
di truyền anh qua kí ức bào thai  
qua vùng sáng trên trang sách nát  
qua thân xác trần trường  
những giấc mơ trôi dạt  
đêm đêm tấp bển Ngân hà*

*Tên em*

*thói đời quen gọi  
một bản tình ca*

2

*Từ xa nghe tiếng em hát  
người em là dòng nhạc  
nụ cười chở đầy đôi mắt to  
vạt áo em bay như một điệu hò  
anh gặp em ngỡ ngàng .  
như bước xuống sân ga  
một thành phố lạ  
giữa đêm mưa .  
anh nói với em  
bằng âm thanh  
chưa nặn thành từ ngữ  
chưa thành tín hiệu  
của đối trá lọc lừa  
và em  
giữa đất đời nắng lửa  
nụ cười-hoa-sen toả rạng chung quanh .  
đặt thiên nhiên vào ngự trị trong anh .*

3.

*Tình yêu*

## HUỶNH ÁI TÔNG

ai chọn được trong người tình  
phần nào yêu thương . .  
phần nào ghét bỏ  
bóng thử lửa hoàng hôn  
chứa trong ánh bình minh  
Trong ang .  
có vàng của mặt trời  
than của đêm đen .  
song giữa hai vùng đêm  
có mặt trăng đến ở  
mẹ sinh ra anh  
một trái tim trần  
không gì chống đỡ . .  
anh nương vào mặt-trăng-em . .  
như cây tầm gửi  
uống sương  
Trên mỗi chặng hành hương . .  
em là ang-trăng-đường .  
làm dịu vết thương của lửa .

4-

Anh khát khao em ~ ~ '  
như khát khao sự thật  
anh tin vào lời  
cái không đáng tin nhất  
sự thật là những ngày vui  
đã héo hon  
cạn mòn .  
anh còn níu giữ  
trong lúc em đã ra đi  
mở mắt anh nào thấy gì  
nhắm mắt anh nhìn ra tất cả  
nhằm lẫn đầu tiên phải trả giá  
nụ cười-hoa-sen toả ang trên môi  
giữa đất đòi nắng lửa



HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*ngờ nó là của riêng anh  
hoá ang chẳng cười với ai cả  
ấm áp bên ngoài  
bên trong lạnh giá  
một nụ-cười-tượng-đá.*

5

*Anh yêu em và em yêu người khác ‘  
ông sao đổi ngôi  
nụ hôn đổi môi  
câu chuyện tình thường .  
sao người anh cào cấu đổi yêu thương  
gặp trăm con suối cũng không đã khát  
anh lang thang  
một mình  
mênh mông ang cát  
không gặp  
hay đã gặp em  
trên hành tinh hoang mạc.  
ôi! Sao anh không biết .  
đập vỡ  
những ngày vui  
để dành từng mảnh vụn .  
mặt trời  
khảm ang những ngày tắm tới  
chỉ thương cho thơ không biết đường nói dối  
mỗi độ gió thu cời áo cây ang  
những câu thơ  
buồn quá  
xé rào  
ang ra  
xác thơ buồn .  
rụng trắng góc trang .  
đem sầu tình  
treo mình trên cành gạo .*

## HUỶNH ÁI TÔNG

(cây gạo nào không có ma)  
cứ một mùa hoa  
đốt lên một hoả ngục

6

Ngày trời  
là hòn đá  
ném xuống trần gian ~ .  
đập tan dần ảo mộng  
ngảng đầu lên  
anh quát mặt trắng .  
- Hỡi con đĩ già  
lộng lẫy?  
giăng tơ trắng lừa ta vào bẫy  
nhốt ta trong ảo vọng vĩnh hằng.  
anh thôi soi mặt vào tấm gương trắng  
bỗng thấy hiện lên một khuôn mặt khác  
hoá ra mình là thằng người hèn nhát  
nhờ tình yêu  
đẽo đá kê cao  
nhờ tình yêu  
khêu một ngọn đèn  
để được thấy ang mình  
thành ông khổng lồ trên vách  
song lại để .  
cái nghèo  
cướp đi chiếc áo cuối cùng  
chưa kịp rách  
nhìn nhau em thường trách ‘  
anh không mặc vừa  
tấm áo gấm công danh  
không tìm tiếng tăm  
trong họng ang chiến tranh  
buộc ang tay anh cầm ang ‘

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

(ôi? Giá loài người biết đánh nhau  
bằng ang ang  
trên ao làng)

Cứ ngỡ mọi thứ ấy  
thuộc về dĩ vãng .  
biết đâu .  
em người con gái cách mạng  
em vẫn mơ vòng đào  
trong một xứ  
thích làm quan .

7

Anh sống với thơ  
thơ chẳng nuôi sống được ai  
anh mãi sống với tương lai  
những giấc mơ vĩ đại  
để hiện tại trôi tuột khỏi tay  
ngày dài đói rách  
đêm dài bụng không  
có gì trong lưng bán sạch  
bắt đầu từng cuốn sách ra đi  
anh bán máu  
nếu cần cả mạng sống  
nhưng anh không bán hi vọng  
dù hi vọng đã ra nghĩa trang  
Thế hệ trẻ  
không-chịu-nghèo  
sẽ tới  
Chân trời đẩy ra xa  
nhân phẩm có thịt da  
nặng thơm mùi áo mới.

8

Quá khứ  
giấc mơ buồn

HUỶNH ÁI TÔNG

năm tháng  
hòn đá tảng  
của nỗi sợ vô hình  
những dòng tro  
trên lá thư tình .  
những vũng lầy nước mắt .  
song cha ông ta hằng mong  
mọi việc đều có hậu  
đem câu chuyện tình  
lọc máu xấu  
gọi về những mặt trời vui .  
những chiếc đèn lồng  
đêm tân hôn  
như thoát khỏi bùn đen  
cánh sen tinh khiết –  
anh thoát khỏi quyền uy  
của quá khứ đau thương .  
mặc quá khứ muốn làm nhà tiểu thuyết  
đình để cho quá khứ cản đường

9

Chúng mình không của hồi môn  
tài sản anh chỉ một tâm hồn  
một tri thức thiếu máu  
như hoa đu đủ đực ~  
một trái tim yêu  
trong sóng đất rì rầm  
phập phồng não nức  
chúng mình hẹn nhau  
trên ngã ba mây  
kí ức .  
đi trong nắng gọi mưa .  
máu mặt trời trong ngực ‘  
như trái cây  
ang mọng

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*đam mê*

*trong vườn quê .  
nhiệt đới .  
trong chờ đợi” ‘  
và  
không chờ đợi  
anh lại gặp em  
một cảm nhận mới  
Cả người anh  
tan  
trong hoa lá yêu thương  
trên đầu anh  
thơ  
cháy ang thiên  
như tràng pháo Tết  
Tình yêu  
tái sinh  
trong cái chết.*

(1988)

Nói về sáng tác văn chương, nhà văn Hoàng Yến cho biết:  
“*Lúc đầu tôi viết cái tôi thấy bằng mắt, về sau tôi viết cái tôi thấy bằng hồi ức và giấc mơ. Cái không thấy bằng mắt càng trở nên quan trọng. Chân lý nghệ thuật xét cho cùng là chân lý “không trực tiếp” ở mức độ thẩm mỹ cao. Vì vậy với tôi viết là bay bổng trên không vừa kéo cày dưới đất. Viết là biết phủ bụi trần không để che lấp cái tâm tình thức. Viết là sống”.*

Tài liệu tham khảo:

- Hoàng Yến Web: [nguyentrongtao.info](http://nguyentrongtao.info)
- Hoàng Yến Web: [vietmessenger.com](http://vietmessenger.com)

22) Hoàng Công Khanh



**Hoàng Công Khanh – Đoàn Xuân Kiều (1922-2010)**

Hoàng Công Khanh sinh năm 1922, tại Kiến An, Hải Phòng, trong một gia đình trí thức. Ông tốt nghiệp tú tài triết học Pháp toàn phần, nhưng từ nhỏ đã có niềm say mê đặc biệt với ngôn ngữ Hán Nôm. Khi còn trẻ, ông cùng bạn bè tham gia vào đội thanh niên yêu nước chống Pháp và bị bắt giam ở nhà tù Sơn La từ 1941 đến 1945. Trong thời gian này, ông viết tập ký sự *Hoa Nhạn lại hồng* (Nhà xuất bản Văn học in lại năm 1991). Ông còn có bút danh khác: Hồng Thao, Kiều Kiến.

Hoàng Công Khanh bắt đầu được biết đến qua vở kịch thơ *Về Hồ* được diễn ở Hà Nội chào mừng quốc hội khóa một nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và sau đó được công diễn trên nhiều vùng kháng chiến khắp cả nước. Thời gian đầu kháng chiến chống Pháp ở Liên khu 3, ông giữ nhiều chức vụ quản lý trong ngành văn hóa và vẫn viết đều tay.

Giai đoạn sau Cách mạng tháng Tám đến 1950, ông xuất bản hai tập truyện ngắn *Trên bến Búng* (1947) và *Chuyện người tù*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*binh Algérie* (1948), hai vở kịch nói *Màn cửa vàng* (1950) và *Nhập ngũ* (1950) cùng tập thơ *Hà Nội không ngủ* (1950). Các sáng tác của Hoàng Công Khanh thời kỳ này chủ yếu có mục đích phục vụ cuộc kháng chiến chống Pháp.

Từ giữa năm 1950 đến 1954, ông về Hà Nội viết văn, viết báo, làm tổng biên tập tạp chí *Dân ý*, một tạp chí có sự lãnh đạo của thành ủy Hà Nội. Những tác phẩm được nhắc tới nhiều nhất của Hoàng Công Khanh được viết trong thời gian này. Ông đã cho xuất bản các tác phẩm *Mối tình đầu* (tiểu thuyết, 1951), *Mẹ tôi sớm biết một chiều thu* (tiểu thuyết, 1953, tái bản 1991), *Yêu chỉ một lần* (tiểu thuyết, 1954), *Trại Tân Bồi* (tiểu thuyết, 1953), *Bạn đường* (tiểu thuyết, 1953), *Éo le* (tiểu thuyết, 1954), *Bến nước Ngũ Bò* và *Cung phi Điểm Bích* (kịch thơ, xuất bản 1953, tái bản 1991). Các vở kịch thơ *Bến nước Ngũ Bò*, *Cung phi Điểm Bích* được dựng lại trên sân khấu vào các năm 2007, 2008 và đều được đánh giá rất cao. Riêng *Cung phi Điểm Bích* còn được Giải A giải thưởng sân khấu 2007 của Hội nghệ sĩ sân khấu Việt Nam.

Sau ngày tiếp quản thủ đô, ông vẫn tiếp tục hoạt động văn hóa văn nghệ, là chủ tịch Hội đồng tiết mục Sở văn hóa Hà Nội. Thời gian này, ông viết ca kịch là chủ yếu. Từ 1955 đến 1961 ông viết hàng chục vở như *Ngon cờ Giải phóng* (1955), *Nữ gián điệp Triều Tiên* (1957), *Nhạc mùa xuân* (1956), *Lương Sơn Bá, Chúc Anh Đài* (1956), *Mẫu đơn tiên* (1956), *Phạm Tài Ngọc Hoa* (1957)... Các sáng tác thời kỳ này của Hoàng Công Khanh dồi dào, nhưng chất lượng không được đánh giá cao như thời kỳ trước.

Hoàng Công Khanh là một trong những nạn nhân của vụ Nhân văn giai phẩm. Vào khoảng năm 1957, báo *Nói thật* do Hoàng Công Khanh làm chủ bút trích đăng bài *Sự chia tay giữa chính trị và văn nghệ* của Lê Tấn bày tỏ sự ủng hộ quan điểm yêu cầu nghệ thuật phải tách rời chính trị do Lê Đạt, Trần Dần, Từ

## HUỶNH ÁI TÔNG

Phác... khởi xướng. Ông bị buộc thôi việc và bị bắt giam.

Sau khi ra tù, Hoàng Công Khanh phải đi làm thợ mộc rong, nhưng suốt 10 năm cực nhọc với công việc tay chân, Hoàng Công Khanh vẫn không quên viết. Ông tâm sự về thời kỳ này: “Trước đây, tôi giữ nhiều chức vụ nhưng thật ra chẳng làm được gì đáng kể, làm thợ mộc rong vừa có nhiều tiền, vừa viết khỏe”. Những tác phẩm ông viết trong thời gian này đều được đồng nghiệp đánh giá cao vì tính chân thực, nhiều cuốn được trao giải thưởng của Hội liên hiệp văn học nghệ thuật.

Ca kịch của ông có vở đã in và công diễn, có vở đã công diễn nhưng chưa xuất bản. Đến những năm gần đây, thời kỳ đổi mới ông lại tiếp tục viết: *Đôi mắt màu tím* (tiểu thuyết, 1994), *Danh tướng Trần Hưng Đạo* (tiểu thuyết lịch sử, 1995), *Vua Đen* (tiểu thuyết lịch sử, 1996). Thời kỳ này, Hoàng Công Khanh chủ yếu tập trung khai thác các chủ đề lịch sử. Các tác phẩm của ông dễ đọc, nhưng không có đột phá nào đặc biệt.

Tính tổng cộng trong sự nghiệp của mình, Hoàng Công Khanh đã cho xuất bản hơn 60 tác phẩm, bao gồm 14 tiểu thuyết, năm tập thơ, kịch thơ và rất nhiều vở kịch nói, ca kịch có giá trị nghệ thuật.

Hoàng Công Khanh được các giải thưởng và huy chương văn học nghệ thuật sau đây:

- Giải thưởng Ủy ban toàn quốc liên hiệp các hội văn học nghệ thuật Việt Nam 1994 cho tiểu thuyết *Đôi mắt màu tím*.
- Giải thưởng Ủy ban toàn quốc liên hiệp các hội văn học nghệ thuật Việt Nam 1997 cho tiểu thuyết *Hoàng hậu hai triều vua Dương Vân Nga*.
- Giải thưởng Thăng Long của Hội liên hiệp văn học nghệ thuật Hà Nội 1998 cho tiểu thuyết *Vầng vạc sao Khuê*.



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

- Huy chương bạc đại hội sân khấu toàn quốc (1997?).
- Huy chương Vì sự nghiệp văn học nghệ thuật của Ủy ban liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam.
- Huy chương Vì sự nghiệp văn hóa của Ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam.

Hoàng Công Khanh có bốn cô con gái, nhưng sau này khi ông về già, vợ mất, ông sống một mình trong căn hộ tầng một tại khu tập thể Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội. Ông mất ngày 5 tháng 5 năm 2010 tại Hà Nội, thọ 88 tuổi.

Tác phẩm:

- *Về Hồ* (kịch thơ, 1946)
- *Trên bến Búng* (tập truyện ngắn, 1947)
- *Hà Nội không ngủ* (tập thơ, 1948)
- *Chuyện người tù binh Algeria* (tập truyện ngắn, 1948)
- *Màn cửa vàng* (kịch nói, 1950)
- *Nhập ngũ* (kịch nói, 1950)
- *Mối tình đầu* (tiểu thuyết, 1951)
- *Bạn đường* (tiểu thuyết, 1953)
- *Mẹ tôi sớm biết một chiều thu* (tiểu thuyết, 1953)
- *Trại Tân Bồi* (tiểu thuyết, 1953)
- *Ngọa Triều* (1953)
- *Bến nước Ngũ Bò và Cung phi Diễm Bích* (kịch thơ,)
- *Yêu chỉ một lần* (tiểu thuyết, 1954)
- *Éo le* (tiểu thuyết, 1954)
- *Ngọn cờ giải phóng* (ca kịch, 1955)
- *Nhạc mùa xuân* (ca kịch, 1956)
- *Lương Sơn Bá, Chúc Anh Đài* (ca kịch, 1956)
- *Mẫu đơn tiên* (ca kịch, 1956)
- *Phạm Tải Ngọc Hoa* (ca kịch, 1957)
- *Nữ gián điệp Triều Tiên* (ca kịch, 1957)
- *Du kích Tam Tỉnh* (1991)
- *Hoa nhạn lại hồng* (ký sự, 1991)

## HUỶNH ÁI TÔNG

- *Đôi mắt màu tím* (tiểu thuyết, 1994)
- *Danh tướng Trần Hưng Đạo* (tiểu thuyết lịch sử, 1995)
- *Vua Đen* (tiểu thuyết lịch sử, 1996)
- *Hoàng hậu hai triều vua Dương Văn Nga* (tiểu thuyết lịch sử, 1996)
- *Văng vặc sao Khuê* (tiểu thuyết lịch sử, 1998)

Trích văn:

### Về kịch thơ

Kịch thơ là một thể loại văn học đã định hình. Trước năm 1945, những nhà văn, nhà thơ thích kịch thơ cùng nhau diễn kịch ở Huế như nhà thơ Yến Lan và nhà thơ Nguyễn Bình với vở kịch thơ *Dưới bóng giai nhân* của hai ông... Ngoài Bắc, nhà thơ Thế Lữ cũng dựng kịch thơ. Nhà thơ Hoàng Cầm và ban kịch của ông trình diễn kịch thơ *Hận Nam Quan* với một cảnh duy nhất. Ở Sài Gòn, nhiều vở kịch thơ trên đài phát thanh và các chương trình truyền hình của các ban kịch Vi Huyền Đắc, Mây Tần, Vũ Hoàng Chương... được công chúng đón nhận. Trong những năm kháng chiến chống Pháp, kịch thơ *Về Hồ* được dàn dựng và công diễn ở cả vùng chiến khu Việt Bắc và nhiều địa phương trên cả nước. Vào khoảng năm 1949-1951, nhà thơ Vũ Hoàng Chương có viết về đề tài *Kinh Kha* diễn ở Nhà hát Lớn. Các tác giả Vân Muội, Sông Thao cho in sách kịch thơ... Năm 1953, *Bến nước Ngũ Bô* diễn ở Nhà hát Lớn Hà Nội, rồi vào Huế...

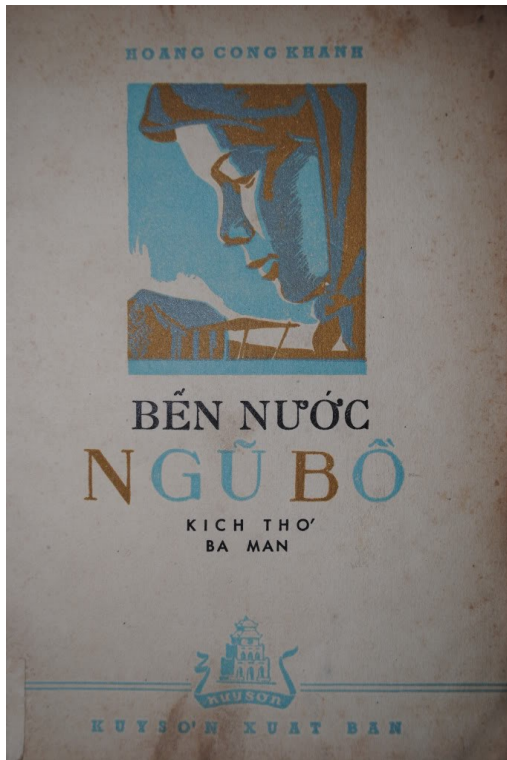
Sau năm 1953, ngoài Bắc gần như vắng bóng kịch thơ. Ở Sài Gòn, kịch thơ phát huy vai trò trong phong trào sinh viên học sinh trước... Sau năm 1975, chị Bích Thuận có dựng *Bến nước Ngũ Bô* ở TPHCM. Gần đây, ngoài Bắc, vở kịch thơ *Kiều Loan* được dựng trên sân khấu kịch nói và *Cung phi Diễm Bích* lần đầu ra mắt trên sân khấu cải lương.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Nhận xét về tác phẩm “Cung phi Điểm Bích”, nhà phê bình Phạm Xuân Nguyên cho rằng, nhà văn Hoàng Công Khanh trải đời mình cay đắng vẫn để lại cho chúng ta trên các trang văn của ông lòng khao khát tình yêu con người.*

Tài liệu tham khảo:

- Hoàng Công Khanh Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)



## HUỶNH ÁI TÔNG

### 23) Tử Phác



#### **Tử Phác - Nguyễn Văn Kim (1923-1982)**

Tử Phác tức Nguyễn Anh Chấn tên thật là Nguyễn Văn Kim sinh năm 1923, nhà ở phố Hàng Giấy, khu chợ Đồng Xuân, Hà Nội. Thời niên thiếu ông thường viết nhạc cùng Lương Hàm Châu (cháu của cụ Lương Văn Can trong Đông Kinh Nghĩa Thục). Thân sinh của Tử Phác du học ở Pháp về làm Tham tá Công chánh. Mẹ ông là bà Trương Tần Phác hậu duệ của anh hùng Trương Công Định. Bút danh Tử Phác có nghĩa là con của bà Phác.

Mồ côi mẹ lúc 16 tuổi và cha ba năm sau, theo kháng chiến chống Pháp rất sớm vào năm 1945, vì viết nhạc viết văn làm thơ nên được giao công tác văn công quân đội. Tử Phác được kết nạp vào Đảng Cộng sản và phụ trách tờ báo Thủ đô của khu II.

Từ đó, Tử Phác di chuyển chỗ này chỗ khác khắp vùng Bắc Việt, chính trong thời gian này Tử Phác đã viết lời và nhạc bài "Tiếng Hát Quay To" vào năm 1948. Ngay từ những buổi trình diễn đầu tiên bài hát "Tiếng Hát Quay To" đã được hoan nghênh nhiệt liệt.

Năm 1949, được vào Ban Chấp hành Chi hội Văn nghệ Liên

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

### khu III

Năm 1950, Tử Phác giữ chức Trưởng Phòng Văn Nghệ thuộc Tổng Cục Chính Trị

Năm 1952, ông làm Tổng Phụ Trách Văn Công Quân Đội

Năm 1956, Tử Phác là Thư ký tòa soạn của *Giai Phẩm*.

Năm 1958, khi vụ Nhân Văn - Giai Phẩm bị nhà cầm quyền miền Bắc dập tắt, những người liên quan đến Nhân Văn – Giai Phẩm đều bị kỷ luật.

Tử Phác bị hạ tâng công tác mất hết quân hàm không còn được quân đội trả lương và cấp dưỡng, phải đi cải tạo ở Hòa Bình trong hai năm 1959-1960. Nếu không có gia đình giúp đỡ thì Tử Phác đã bị bỏ chết đói ở Hòa Bình. Gia đình gửi cho Tử Phác một chiếc xe đạp để Tử Phác làm nghề "thồ đồ" kiếm sống. Sức khoẻ của Tử Phác từ đó cứ sút giảm dần liên miên hết bệnh này sang bệnh khác.

Khi được thả về Tử Phác không tìm được một việc làm nào, các báo và nhà xuất bản bị cấm không được đăng và trả tiền nhuận bút những bài văn thơ nhạc của Tử Phác. Con cái không cho đi học ở những cấp cao.

Trong 30 năm, Tử Phác như tù giam lỏng không ra khỏi nhà. Các người lại thăm, có người Tử Phác tiếp đón niềm nở, có người Tử Phác không chào hỏi để mặc ngồi đó hàng giờ không trả lời một câu, ngồi chán rồi đi, Tử Phác không để ý tới. Các con hỏi tại sao thế? Tử Phác đáp: "*Những thằng đó đến xem bố nói gì để viết báo cáo*".

Không có sinh kế, vợ con nheo nhóc, sống vất vưởng nhờ tiền trợ giúp của gia đình nội ngoại ở Pháp, đồ đạc trong nhà bán

## HUỖNH ÁI TÔNG

dần dần đến cả chiếc dương cầm, cái hương án...

*"Tôi biết đi đâu biết về đâu  
Tuy không reo ác lại hái sầu  
Đất lửa khi nào là đất thánh  
Cát bụi bơ vơ giữa địa cầu  
Nay bạn mai thù không hiểu nỗi  
Chuyện đời nhân nghĩa lộn đầu đuôi  
Tôi muốn hỏi trên đường vạn nẻo  
Đâu đất lành dung lũ chúng tôi.  
Tôi hỏi bình minh tôi hỏi mây  
Hỏi sóng biển hỏi trời giống bão  
Hỏi tình yêu hay hỏi niềm đau  
Đâu đất lành dung lũ chúng tôi."*

(Tữ Phác, 12-1979)

Năm 1979, ông cho vợ và con vượt biên sang Hồng Kông rồi được định cư ở Pháp, còn ông ở lại với người con lớn đã lập gia đình. Tiền vợ con vượt biên rồi, ông lo lắng cho thân phận họ:

*(...) Xưa tiền Kinh Kha có sá gì  
Sá gì tiếng sáo Cao Tiệp Ly  
Sầu thế kỷ muôn lần hơn chuyện cổ  
Máu nhuộm hồng triệu mắt héo phân kỳ  
Tìm em nơi nao trên biển Đông  
Thuyền con như lá rớt giữa giòng  
Lòng biển tối đen lòng đời hiểm độc  
Em lênh đênh theo định mệnh hải hùng  
Tìm em nơi nao trên biển Đông  
Đâu Macao, Tân Đảo, đâu Hồng Kông  
Một trời một nước bờ xa khuất  
Tìm em nơi nao trên biển Đông*

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

(Tử Phác, 12-1979)

Sau khi vợ con được thân nhân bảo lãnh, được định cư ở Pháp. Thương nhớ vợ con nơi đất khách quê người, ông ghi lại một giấc mơ tương phùng cùng vợ:

*Cố nhân mặc áo hoa  
Lẫn muôn hoa vườn hồng  
Mắt lão nhìn chưa ra  
Đã mờ đi lệ nhòa  
Ba mươi năm chiến tranh  
Không lạc nhau bom đạn  
Thế mà nay về già  
Lại lạc nhau trong vườn hoa  
Bà tặng tôi tấm hình  
Rẽ hoa tìm cố nhân  
Tôi tặng bà vần thơ  
Vẫn rành rành tôi đó  
Tuổi già tưởng xuôi sẻ  
Ai ngờ vẫn phong ba  
Bão táp trong vườn hoa  
Vẫn ương ương vậy mà*

(Tử Phác, 29-7-1980)

Năm 1982, Tử Phác mất trong cảnh cô đơn, nghèo đói, đau đớn vì bệnh ung thư, tại căn nhà cũ ở Hà Nội.

Trích lời nhạc:

**Tiếng Hát Quay Tơ**

*Chiều không hương buông mây lẳng xuống đồng quê  
Trời mênh mông tím ngắt, thoi thóp pha hồng  
Hàng nước mắt, lá rơi bên thềm, vun vút bóng cau*

## HUỖNH ÁI TÔNG

*Khấp trời bát ngát khói sương  
Thì thào lá biếc có thương lá vàng  
Tre ngà đũa vông heo may hòa đàn...*

*Ngập ngừng xe quay rung rinh in bóng dáng người  
Âm âm... gió rét... mưa bay...  
Chàng ra đi...  
Em về xa vắng thăm lo cho cánh chim bay  
Chiều nghe vang lá xiết em run  
Ngõ tiếng ngõ tiếng bước ai về*

*Quay quay thương nhớ quuyến vào tơ  
Quay quay se áo rét dang chàng...  
Quay quay thương nhớ quuyến vào tơ  
Quay quay chần ám quán thân chàng*

*Mỗi một đường tơ là mỗi dây tình  
Trong lòng em dang người hiên ngang  
Nhịp xe quay vang trong tiếng gió đều hiu  
Minh tơ êm óng chuốt như nắng hanh vàng*

*Mùa lá trút sấp qua nhớ chàng quay gấp bánh xe  
Tơ vàng chắn lối gió đông chọ..đêm không lạnh lòng  
Gửi cùng áo ấm  
Muôn vàn nhớ nhung...*

(Tứ Phác, 1948)

### **Tiếng hát lên đên**

(Tứ Phác và Lương Ngọc Châu)

*Nghe âm vang lên tiếng chiến chinh  
Mơ làm điều mang sáo thanh bình  
Nghe vườn cây xao xác gió may  
Mơ làm kiếp lá úa rơi đây*



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Chiều lắng xuống bao kiếp cô liêu, đìu hiu bến vắng, trong  
lòng muôn dòng nước trôi  
Nhà ai thấp thoáng lửa hồng  
Người đi có nhớ đường về, miền giang khô héo đìu hiu*

*Nghe âm vang lên tiếng chiến chinh  
Mơ làm điều mang sáo thanh bình  
Nghe vườn cây xao xác gió may  
Mơ làm kiếp lá úa rơi đây*

*Hiu hiu theo chiều gió dâng lời thắm ước  
Anh nghe chăng lá vàng rụng lay lắt rớt nhớ thương*

*Lời 1:*

*Anh nghe chăng bao tiếng đời, bao tiếng lòng  
Ngàn muôn xa cách bùng lên phổ phường  
Hoa rụng rinh chập chòn gió lướt băng khuâng  
Cho mềm cánh bướm phân vân*

*Lời 2:*

*Anh nghe chăng bao tiếng đời, bao tiếng lòng  
Hòa muôn tiếng để ní non mấy lời  
Đêm không trăng, ai làm ngấy ngát sương mây ?  
Ai buồn tiếng hát lênh đênh*

*Nhạc cũng như thơ của ông đều gói ghém một nỗi buồn, lời  
thơ nhẹ nhàng, tứ thơ chứa chan tâm sự u buồn, cay đắng.*

Tài liệu tham khảo:

- Từ Phác Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Từ Phác Web: [library.datviet.com](http://library.datviet.com)

24) Nguyễn Sáng



**Nguyễn Sáng (1923-1988)**

Họa sĩ Nguyễn Sáng tên thật là Nguyễn Văn Sáng, sinh năm 1923 tại Điều Hòa, thành phố Mỹ Tho.

Cha là thầy giáo, mẹ buôn bán, nhà có ba anh em. Anh cả là Nguyễn Văn Nên, một viên chức thời Pháp, em trai là Nguyễn Văn Hoa dạy Anh văn tại Sài Gòn, riêng ông theo học Trường Trung cấp Mỹ nghệ Thực hành Gia Định (niên khoá 1938 – 1940, trước là Trường Vẽ Gia Định).

Sau đó, ông ra Hà Nội thi đậu vào Trường Mỹ thuật Đông Dương.

Nguyễn Sáng là một trong số không nhiều người từ Nam Bộ ra Hà Nội học trong thời kỳ từ 1925 đến 1945 như Lưu Đình Khải (ở Long An niên khoá 1928 – 1933), Lê Văn Đệ (ở Bến Tre niên khoá 1925 – 1930), Nguyễn Văn Long (ở Chợ Lớn niên khoá 1924 – 1934), Nguyễn Văn Anh (ở Sài Gòn niên khoá

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

1930 – 1935) và Lê Văn Mậu, Nguyễn Siên, Diệp Minh Châu, Huỳnh Văn Thuận...

Mãn các khoá đào tạo, lần lượt các hoạ sỹ ở miền Nam trở lại quê hương, nhất là thời kỳ chuẩn bị Tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám nhưng Nguyễn Sáng nhất quyết không trở về miền Nam mà tình nguyện ở lại miền Bắc trong sự ngạc nhiên của các bạn bè.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 nổ ra trên cả nước, hoạ sỹ Nguyễn Sáng có mặt trong đoàn người cướp chính quyền ở Phủ Khâm Sai. Sau đó như là một hoạ sỹ của Chính phủ Lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, ông tham gia hầu hết các công việc thiết thực nhất phục vụ cho cách mạng từ vẽ tranh, tuyên truyền cổ động cho cách mạng, vẽ tranh tham gia triển lãm mỹ thuật chào mừng Quốc khánh đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, rồi vẽ giấy bạc cho Bộ Tài chính của Chính phủ lâm thời vừa ra đời.

Sau ngày toàn quốc kháng chiến năm 1946, Nguyễn Sáng ra chiến khu Việt Bắc ở Tuyên Quang vẽ mẫu giấy bạc.

Từ năm 1948 – 1951, ông công tác tại Xưởng tranh phổ biến Bộ Thông tin Truyền thông đóng ở Yên Giã - Đại Từ - Thái Nguyên.

Từ năm 1951 đến 1952, ông cũng tham gia chiến dịch Cao - Bắc - Lạng và đi vẽ ở biên giới Việt Trung cùng với hoạ sỹ Nguyễn Tư Nghiêm, sau ông về Tổng cục Chính trị làm tranh khắc gỗ in màu với nhiều đề tài như “Chiến dịch Cao Bắc Lạng”, “Tình dân quân”... Nhiều tranh khắc gỗ màu và tranh sơn mài nhỏ của ông và Nguyễn Tư Nghiêm được sáng tác trong dịp này.

Sau khi dự chính huấn chính trị năm 1952 cho văn nghệ sỹ tại Việt Bắc, năm 1953 – 1954, ông tham gia cải cách ruộng đất

## HUỶNH ÁI TÔNG

rời đi chiến dịch Điện Biên Phủ cùng với nhiều họa sỹ khác như Tô Ngọc Vân, Nguyễn Sĩ Ngọc, Nguyễn Quang Phòng, nhờ đó khi về Hà Nội ông đã có đề tài thực hiện một loạt tranh sơn mài về đề tài bộ đội trong chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ, Cao Bắc Lạng...

Từ năm 1954, ông sống và làm việc ở Hà Nội.

Năm 1956, ông vẽ chân dung Trần Dần với vết sẹo cửa cổ, bức vẽ được đăng trên báo Nhân Văn, rồi ông tham gia vào nhóm Nhân Văn Giai Phẩm, bị kỷ luật khai trừ ra khỏi Ban Chấp Hành Hội Mỹ Thuật. Những năm tháng sau đó, ông sống rất khó khăn tại Hà Nội, trong căn gác chừng 10 thước vuông, đơn thân, độc mã.

Năm 1987 ông trở về sống cùng gia đình tại Thành phố HCM, nơi đây ông thực hiện một số tác phẩm cuối đời.

Nguyễn Sáng mất ngày 16 tháng 12 năm 1988, tại thành phố HCM. thọ 65 tuổi.

Tác phẩm tranh:

- *Giặc đốt làng tôi* (1954)
- *Giờ học tập* (1960)
- *Kết nạp Đảng ở Điện Biên Phủ* (1963)
- *Thiếu nữ bên hoa sen* (1972)
- *Mèo* (sơn mài)

Tranh:

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975



Giặc đốt làng tôi



Kết nạp đảng

## HUỶNH ÁI TÔNG



Thiếu nữ bên hoa sen

Trên Bách khoa toàn thư mở Wikipedia có nhận xét về tranh Nguyễn Sáng như sau:

*Cùng với Nguyễn Gia Trí, Nguyễn Tư Nghiêm, ông là cây đại thụ của sơn mài Việt Nam. Nếu như Nguyễn Gia Trí đưa sơn mài đến đỉnh cao của những cảnh thần tiên, thì Nguyễn Sáng đẩy sơn mài đến đỉnh cao với tầng lớp đời thường, chiến tranh, cách mạng, những xung đột của cuộc sống hiện tại.(...) Các tác phẩm của Nguyễn Sáng có tầm cỡ về kỹ năng, mang rõ những thông điệp lớn về thân phận con người và tiềm ẩn một tài năng lớn của sáng tạo hiện đại cho nền mỹ thuật Việt Nam.*

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Sáng Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Nguyễn Sáng Blog: [trungvegiadinh.blogspot.com](http://trungvegiadinh.blogspot.com)

25) Tô Vũ



**Tô Vũ - Hàng Phú (1923- )**

Tô Vũ tên thật là **Hàng Phú**, sinh năm 1923 tại phủ Lạng Thương, Bắc Giang nhưng từ khi còn nhỏ ông đã chuyển về sống tại Hải Phòng cùng bốn người anh em ruột của mình. Hàng Phú ít hơn người anh Hàng Quý ba tuổi. Mẹ mất sớm, bố đi làm xa nên chủ yếu gửi tiền về nuôi các anh em ông. Trong số các anh em, Hàng Quý và Hàng Phú đặc biệt say mê âm nhạc. Hai anh em học được những kiến thức âm nhạc đầu tiên (violin) qua một phụ nữ người Pháp tên Leprêtre là chủ cửa hiệu Orphée, chuyên bán nhạc cụ và sách nhạc Tây ở Hải Phòng thời đó. Tuy nhiên, người tích cực khuyến khích hai anh em họ Hàng đi theo “âm nhạc cải cách” (tân nhạc) là thầy dạy môn văn chương Pháp tên là Ngô Đình Hộ (tức nhạc sĩ Lê Thương), để cùng thầy biểu diễn trong các tiết mục văn nghệ của trường.

Năm 1939, Hàng Quý và Hàng Phú (Tô Vũ) quy tụ một số bạn bè trong đó có Phạm Ngũ, Canh Thân và Văn Cao để lập ra nhóm nhạc Đồng Vọng. Nhóm Đồng Vọng sinh ra từ phong trào hướng đạo sinh do Hàng Quý làm trưởng nhóm, lập ra

## HUỶNH ÁI TÔNG

với ý nghĩa như là tiếng gọi tập hợp thanh niên lại với nhau. Từ phương châm này, nhóm Đồng Vọng đã góp phần cổ súy cho nền tân nhạc Việt Nam. Nhóm sáng tác được khoảng 60 ca khúc mang nội dung ca ngợi đất nước, ca ngợi truyền thống anh hùng dân tộc. Ngoài ra, một số tình khúc của nhóm như *Cô láng giềng* của Hoàng Quý và *Bến xuân* của Văn Cao cho đến nay vẫn được coi như những tuyệt phẩm của nền tân nhạc Việt Nam.

Cũng như người anh Hoàng Quý, Hoàng Phú sớm tham gia Việt Minh. Kháng chiến chống thực dân Pháp bùng nổ tại miền Bắc, Hoàng Phú gia nhập Ban Văn nghệ tuyên truyền Kiến An (Hải Phòng), còn Hoàng Quý cũng tích cực sáng tác và hoạt động cách mạng. Các ca khúc *Cảm tử quân*, *Sa trường hành khúc* của ông đã ra đời trong giai đoạn này. Nhưng vì mắc bệnh nan y nên Hoàng Quý đã qua đời giữa năm 1946 khi mới 26 tuổi. Khi đó Hoàng Phú vẫn hoạt động cách mạng trên địa bàn Hải Phòng. Ca khúc nổi tiếng nhất của ông là *Em đến thăm anh một chiều mưa* được sáng tác vào năm 1947, khi đơn vị của ông đang công tác tại huyện Tiên Lãng (Hải Phòng). Cũng trong thời kỳ này, nghệ danh **Tô Vũ** của Hoàng Phú đã được các bạn bè cùng hoạt động trong lĩnh vực văn nghệ đặt cho ông.

Dù nhận được học bổng du học Pháp, nhưng do anh trai là nhạc sĩ Hoàng Quý mất sớm nên Hoàng Phú quyết định ở lại Hải Phòng để lo cho những người em còn lại. Ông xin vào dạy hợp đồng ở trường Bình Chuẩn (tiền thân là Trường Bonnal, sau này đổi tên là Trường PTTH Ngô Quyền).

Năm 1948, Hoàng Phú được chọn là đại biểu của Chiến khu 3 đi dự Đại hội Văn hóa Văn nghệ toàn quốc lần thứ nhất. Năm 1950, Viện Nghiên cứu Văn hoá Nghệ thuật được thành lập, Tô Vũ được mời tham gia trong ban nghiên cứu âm nhạc do nhạc sĩ Văn Cao làm trưởng ban.



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Khác với nhiều tên tuổi của thời kỳ đầu tân nhạc Việt Nam (nhạc tiền chiến) không còn hoặc ít sáng tác về sau, Tô Vũ vẫn tiếp tục sáng tác trong giai đoạn kháng chiến sau này, nổi bật là các ca khúc như *Cấy chiêm*, *Như hoa hướng dương*...

Ông cũng từng đảm nhiệm cương vị Viện trưởng Viện âm nhạc cơ sở II tại Thành phố Hồ Chí Minh, Thư ký Đoàn Nhạc sĩ Khu III đầu kháng chiến chống thực dân Pháp và là một trong những người đầu tiên góp phần xây dựng Trường Âm nhạc Việt Nam (Nhạc viện Quốc gia Việt Nam sau này)

Sau khi nghỉ hưu, ông sống tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Tác phẩm:

- *Sức sống của nền âm nhạc truyền thống Việt Nam* (Âm nhạc, 1995)

Nhạc phẩm:

- *Em đến thăm anh một chiều mưa* (1947)
- *Tạ từ*
- *Tiếng chuông chiều thu*
- *Cấy chiêm*
- *Nhớ ơn Hồ Chí Minh*
- *Tiếng hát thanh xuân*
- *Như hoa hướng dương*
- *Nông thôn đổi mới* (tác phẩm khí nhạc)
- *Ngày xưa*

Trích lời nhạc:

### **Em đến thăm anh một chiều mưa**

*Em đến thăm anh một chiều đông  
Em đến thăm anh một chiều mưa*

## HUỶNH ÁI TÔNG

Mưa dầm dề, đường trơn ướt tiêu điều  
Em đến thăm anh người em gái  
Tà áo hương nồng  
Mắt huyền triu mến sười ấm lòng anh  
Em đến thăm anh chiều đông giá  
Em đến thăm anh trời mưa gió  
Đường xa lạnh lùng

Mặt nhìn mặt, cầm tay băng khuâng không nói một câu  
Lời nghẹn ngào, hôn anh như say như ngây, vì đâu?  
Gió đưa cánh chim trời  
Đó đây cách xa vời  
Chiều vui mưa ướt cánh  
Khá thương kiếp bèo bồng  
Dẫu kháng khí đôi lòng  
Chiều nào em xa anh!  
Có hay lúc em về  
Gót chân bước reo âm thầm  
Trên đường một mình ngoài mưa, mưa như mưa trong lòng  
anh  
Lòng bồi hồi nhìn theo chân em, chìm trong ngàn xanh  
Ta ước mơ một chiều thêu nắng  
Em đến chơi quên niềm cay đắng  
... và quên... đường về.

### Tạ từ

Rời đây khi mùa dứt chiến chinh,  
gió dâng khúc đàn thanh bình.  
Ta đi tìm thơ muôn phương  
gót in núi rừng thâm u  
và lướt trên muôn trùng sóng

Lời anh thầm ước khi nao,  
dưới trăng giữa mùa hoa đào  
Trong em dư âm còn vang tiếng đồng

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Lầu chiều còn luyến ánh hồng,  
Lầu xây trong không -- sóng gió rớt chia ly,  
Phồn hoa em chia tay ra đi,  
Đưa chân dừng bước bên cầu già từ mấy câu

Khi về son thắm lòng người  
thu cách tạ mây trời  
Nếu tình quê đôi lần nhắc miền quê xa xôi  
Mỗi khi vang âm ngàn phương,  
nhạc chinh nhân trong chiều sương,  
Em có mong giòng sông cũ  
vẫn xuôi niêm thương

Tình anh như thông đầu non,  
Vời cao trông mây buồn đứng  
Muôn kiếp cô liêu,  
Ngàn năm còn reo ...

### Tiếng chuông chiều thu

Lá thu nhẹ rơi rơi.  
Nắng thu vàng phai phai  
Ai về âm thầm nẻo cũ băng khuâng tình xưa?  
Hiu hiu luồng hơi may, Du du làn mây bay  
Ai nhắn theo mây miền quê vẫn vương xa đó ngàn dâu  
thưa?  
Từ miền xa tiếng chuông ngân.  
Hồi buông lóp lóp theo gió vàng.  
Từng cơn sóng mờ xóa dần trong sương lãng.

Lá thu nhẹ rơi rơi.  
Hồn ta chìm đắm tiếng chuông xa vời .  
Hồi chuông ngân nga trong chiều thu ngọn gió .  
Ngàn thiết tha êm đềm ru lời thu.  
Ai xót ly hương mấy thu vàng úa.  
Nhạc say mùa xương máu.

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Tóc xanh bờ phờ bù rối mấy dây tơ huyền ngút khói.  
Dạ dày đời mới. Ngọt ngào đường tơ  
Hồi chuông ngân nga ru hồn mơ.*

*Ngày thăm đường cũ vang vang bước chân người về.  
Hoa vàng phơi phới. Thu bình nắng xuân tràn trề.  
Người phương trời xa xôi.  
Gửi em lời yêu thương khi lòng mơ màng trầm lắng tiếng  
chuông chiều thu*

*Ngày lại ngày tiếng chuông tan. Tình thu cuộn lá thu úa  
vàng .  
Chuông ran lời nhắc nhở .  
Người em đẹp xa anh  
Đừng như lá thu phai phai dần.*

*Ngày thăm đường nắng vàng vang gót chân reo mừng.  
Hoa vàng phơi phới. Thu tràn sóng xuân tung bồng.*

*Ngày nào khi chiến chinh xong.  
Hồi chuông vui reo như tiếng đồng  
Chuông ran lời ước cũ.  
Tình ta đẹp bao nhiêu.  
Hồn anh thắm nhả tiếng chuông ban chiều.*

*Nhạc sĩ Tô Vũ là một trong những nhà tân nhạc đầu tiên trên đất Bắc, cũng là thành viên của nhóm Đồng Vọng, nhóm đã có những tác phẩm lừng danh như “Cô láng giềng” của Hoàng Quý, “Bến Xuân” của Văn Cao. Tô Vũ là nhà nghiên cứu âm nhạc có thâm niên và uy tín trong lĩnh vực âm nhạc dân tộc (nhạc truyền thống) cũng như âm nhạc hiện đại.*

Tài liệu tham khảo:

- Tô Vũ Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Tô Vũ Web: [lyric.tkaraoke.com](http://lyric.tkaraoke.com)

**26) Đặng Đình Hưng**



**Đặng Đình Hưng (1924-1990)**

Đặng Đình Hưng sinh ngày 9 tháng 3 năm 1924 tại làng Thụy Dương, huyện Chương Mỹ, Hà Đông.

Thuở thiếu thời, ông học Trường Bưởi, rồi vào học Luật trường Đại học Đông Dương.

Sau cách mạng tháng Tám năm 1945, ông theo kháng chiến, từng làm cán bộ tuyên huấn, Đoàn trưởng kiêm chính trị viên Đoàn văn công nhân dân trung ương, ông bắt đầu làm thơ vào những năm 1950.

Ở Việt Bắc, là nhạc sĩ, ông và bà Thái Thị Liên nghệ sĩ dương cầm đã quen biết nhau. Về sau, ông kết hôn với bà Thái Kim Liên, mỗi người khi ấy đều có một con riêng, con ông là Đặng Hồng Quang, con bà là Trần Thu Hà, con gái của Trần Ngọc Danh đã mất vì bệnh ở chiến khu.

Năm 1958, do Đặng Đình Hưng tham gia phong trào Nhân Văn- Giai Phẩm, nên bị kỷ luật, trong khi đó bà sinh Đặng Thái

## HUỶNH ÁI TÔNG

Son, nhà danh cầm sau này. Gia đình lâm vào cảnh khó khăn, nên họ ra tòa ly dị nhau năm 1978.



*Hs D. Bích Liên, Ns Đ. Đ. Hưng, Ts Trần Dần, Hs Ng~ Sáng*

Năm 1980, khi Đặng Thái Sơn đoạt giải nhất cuộc thi piano quốc tế Frédéric Chopin tháng 10 năm 1980 ở Warszawa (Ba Lan), lúc đó Đặng Đình Hưng đang nằm ở bệnh viện vì bị ung thư phổi.

Nhờ danh vọng của Đặng Thái Sơn, ông được cấp nhà ở khu Giảng Võ. Trong nỗi cô đơn, bệnh hoạn ấy, vào tuổi 67, Đặng Đình Hưng sáng tác thơ, chẳng những ông phá cách về hình thức chữ viết và phá cách luôn cả về vần điệu, luật thơ. Ông cách tân triệt để. Rồi những *Bến Lạ*, *Ô Mai* ra đời làm cho thi giới ngạc nhiên về nhạc sĩ đã hóa thân nhà thơ Đặng Đình Hưng.

Đặng Đình Hưng mất ngày 21 tháng 12 năm 1990 tại Hà Nội, thọ 66 tuổi.

Tác phẩm:

- *Bến lạ* (Văn nghệ tp. HCM, 1991)
- *Ô mai* (Hội nhà văn, 1993)

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Trích thơ:

### **Bên lạ**

*Tôi lại đi...*

*lừa cái nong hình záng lưng tôi, một bảng đen trước mặt,  
một vòng phấn dưới chân, zính zính... những con 8 lộn zọc  
nhấn thấn nam châm gói trong hạt thóc jống của không biết.*

*Tôi khắc biết mênh mông một cái ben Epicure ngáp chĩa  
trường bốn fĩa con mưa tu lơ khơ xanh đỏ con sập sành–bộ  
ngựa bậu vào nhảy tung! công đi chơi trên lưng Nilông–  
Cactông của Định mệnh!*

*Tôi hề biết*

*/kể cả quả mít nứt*

*Tôi đã tìm ở sau cái gương/cũng không có jì hết*

*Tôi đã tiếp đầu thương những nhỏ nhỏ thường thường*

*Đã húp ra đi từng bát những nhạt nhạt mềm mềm*

*và rất ngon*

*Tôi đã bung*

*Nhẹ thôi.*

*/một nong nghiêng con mưa ở trên lưng alfa công tôi*

*Uynh đơ toa... tôi công fạt alfa.*

*Có lẽ zẹt. Bởi ở trên ngực, cứ thành thành một tiếng đập.*

*Khi trả một jờ được ngắm*

*vào cái ống kính đèn chiếu, chiếu zọc –chiều ngang–bề ngoài–  
và những chiều dài zài zại zọt*

*Khi lọ mực đầy tràn những chữ Hoa  
còn hòa tan chưa viết qua loa vài nốt.*

*Tôi quên.*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Là quên hết*

*lôgazitn những đường cong gãy 4 chân bàn kê răng góc  
nhọn nhai rầu rạu những tảng xuống hoàng hôn bãi cát ngoài  
không khí  
những quả bóng cao su vô ý.*

*Tôi lại hề hiểu, sao nhi, và vắt vẻo, con chim alfa đứng  
đầu nhà Mêta?  
và quanh quẩn. Khi ấy tôi còn bé, kiếng chân lên, bắc ghé  
không cao quá cái hòm nhòm nhòm... miếng ngon α đây lỏng  
bàn. Mùa tròn.*

*Từ góc nhọn A, tôi đi ghènh V ghê sợ nhất.  
Thực ra, cứ đến I, tôi nhớ lộn về.  
Người ta bảo nơi chân trời chấm hết, có YZ.  
Tôi hề biết những chiều zài không kilômét của cái đèn xếp mà  
tôi thích nhất.  
Cứ là cái chi tiết, cái chi tiết.  
Mà tôi biết nhất.*

*Tôi ghé Bến lạ một chiều không alfa  
Nơi tôi đứng,  
Một cái đĩa Mêta*

*Ghé bến một sớm mai zận zữ sân ga những ra đi  
alfa không báo trước Têta đi gọi người đỡ để con cá nhỏ lượn  
vòng biển lạ  
buông mình đi đứng không gõ cửa và vô lễ cái bút chì ngày  
đêm thòi thòi thòi bú ma lạnh ngó sang một quyển sách bụng  
chứa tướng ló bên  
khuôn mặt bùng một chấu jặt.*

*Vâng, tôi chán Bến lạ  
Tôi già rồi  
Tôi không làm jì được quyển lịch*



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Tôi ghé Bén lạ cắn một quả vả và những kỳ lạ màu xanh chưa chín ngọn đèn chín rử của lần đầu gặp gỡ những khoảng cách là... lạ alfa-Méga.*

*Và lạ miệng! tìm bàn chân xào xạo của Têta, thì ra alfa là con số đợi ở hai vai nở vội tôi đuổi theo níu lại hai mùa.*

*Tôi đi đây, từ mỗi ngón tay rút ra một chiếc chìa khóa chuông lách cách tra vào ô khóa nằm trong ký ức bằng vàng của không khí kì lạ mặt hồ soi gương cứ là 1 bản zạo đầu.*

*Bén lạ ngay gắm jường mưa to ngay ở gắm bàn và trong hòm mọi người hở một con tàu navir trọng tải những hình thù Hồng hái căng lên những cái yếm mùi nồng của đám cưới năm ngoài hong ra khoe và đã đi – những cột đèn đứng lại.*

*Cột đèn song song nhảy plongeon vào vận mệnh rồi đứng đấy gọi nước hạnh phúc dài ngắn ngó sang tôi lệnh khệnh*

*Cột l'umiere*

*cũng lễ mẽ đi về Bén*

*lạ*

*ai mà jữ lại được làn khói thuốc lá cứ cuộn khoanh đổ anh về nói màu xanh!*

*Bén lạ gác chân lên những hình lạng của cái đồng hồ quả lắc khệnh khạng đưa những quả thịt chậm song song với những cái chai không, chìa những bộ đùi e lệ lạ và trí tuệ bông hoa ngây ngủ ngày ngày Bén lạ.*

*Song song, môi từng đôi  
Vải, và cái thước mét  
Con joi đực, và tàu lá chuối hột  
Mắt đẹp, và sa mạc tờ croquis kẻ chậm  
những đường chỉ cuộn ốc...*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Lên vai những quả đèn cùm lộng lẫy vút,  
vác, chạy.*

*Tôi ăn tiệc - bộ tóc nguyên thủy lờm tôi bê bết tái - nó  
cắn một nửa... cắn  $\frac{3}{4}$  - cắn còn một tí... chỉ một tí nữa thôi.  
Vào hội đi! Còn một miếng cuối cùng. Không mất tiền. Gratis –  
dernière catusơ, hút!*

*Tôi đi đây, đi tìm chơi với cái nút chai.  
Nhưng không! hãy nói chuyện.  
Thì ra thèm muốn là một thời fấn tắm nước nóng cọ bàn chân  
khô lau cái khăn không*

*Nói thật  
Tôi 80 tuổi rồi*

*Bao nhiêu lần răng rụng, răng mọc, và húi tóc*

*Có lần,  
Tôi nhận mặt... một cái chai đánh mắt hàng đồng nát  
mang máng bên tai bằng thiếc, và một cái hộp*

*và nói thật,  
trong đôi guốc, tôi chú ý nhất cái chặt chặt của đôi quai*

*Ngộ nhớ 40 tuổi, tôi fải 40 đôi vai  
hể tuổi 42*

*là có cái lưng zài  
40 cái mâm  
40 đôi đũa  
Mỗi ăn xong,  
lại một rĩa mồm  
40 bánh xà phòng*

*Nhưng  
Tôi 50 tuổi rồi*

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Tôi đang trẻ lại đây  
Hình như tôi đã đi nhuộm tóc  
50 tuổi rồi  
Zùng jì đến 50 gói kẹo?

hẽ mưa, một cái túi to,  
tôi ra đường vô sẹ  
tôi, 50 tuổi rồi  
50 khá  
50 tồi  
50 lời  
50 lưỡi zao cạo  
Vậy:  
tôi vẫn cần zùng  
đúng 50 đôi môi

Thật đấy! cứ là bẻ đôi  
Thế kỉ ơi! lại đây ta zắt đi chơi

Cộng thốc tôi về cây 91  
kilômét 1

91 lần mắt  
mắt tuột  
Ai cũng fải buồn cười  
cái chai cũng buồn cười  
91 lần biết lấy,  
/biết cười  
91 lần thôi bú

91 lần tôi đứng đến gót tôi zăn tôi đi chơi lon ton vào  
một cái chợ toàn hoa zâm bụi

91 lần bắt được  
91 lần chạt ních, hích, răng rụng hết, cầm lên bằng mắt  
rứt rứt...

## HUỶNH ÁI TÔNG

Vậy, ngã tư 91  
tuổi lên 1  
tôi khóc  
91 lần thuốc lá,  
trăm ngâm...

91 lần tha thứ hẳn!

Chào tôi đi! hào tôi đi! tôi đang ghé Bến lạ một chiều  
nâu alfa đây, anh có nhớ? Bên quán Têta... ngồi ăn những  
hình thù im lặng lạ xúc lên từng cùi zia kí ức đi đất từng bước  
bước! chiều cao 91 ngó xuống ăn những mùi vai lạ 1.

Nhưng đã có ai 91 lần không y hẹn  
91 lần sợ  
những cái ngăn ngăn  
sợ tấm!

Tuổi 91, tôi ghé tai tôi, gạ:  
cho nhau về Bến lạ...

Tình bạn là cái bển nhẹ  
Ngã ba lên 1  
tuổi 91  
tôi cười  
Hình như,  
91 cuộc, cuộc  
tôi chưa hề 91 lần được

Chào đi! tôi trở về lên 1, những hạt đỗ trắng, đen rơi  
quanh cái gỏi gõ đầu giường xuống sàn và mọc mầm, kệ tở tở  
đưa bé cứ việc đái zâm đêm đau thương không để cách đêm  
phải hăm lên mới zùng được.

Tuổi lên 1, tôi đường phố Têta, những con alfa-Têta nhỏ mím  
đầu đường fở đất mở rộng ngày chủ nhật zăn theo con.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Lên 1 tuổi vườn hoa vừa zãn người nhà đi bệnh viện  
cái Bết lạ của tình bạn tình vợ nợ nan và lòng can đảm thật  
bình thường song song với mồm cái vôi ám cứ ngồi xem và  
buồn cười những khuôn mặt xếp hàng thợ cạo chìa ra yên trí  
cạo făng lì những cái sẹo của thời jan đá xóa cùng lối nhớ  
những khoai tây ngược xuôi đi tìm Bết lạ jữa buồng mình cái  
jường quen cầu thang nhẵn thín ngọn đèn quên chào đón.*

*Hôm qua, tôi ghé alfa  
alfa không có nhà  
Ồ gặp nhau rồi, sao vẫn cứ li  
một nắm hột khuya rắc vào Bết lạ*

*Đời jì  
Sao cứ đi đi, những cái vali cứ về Bết lạ!*

Nhà thơ Hoàng Cầm một trong những người chủ trương Nhân Văn – Giai Phẩm, giới thiệu thơ Đặng Đình Hưng:

*Có lẽ cái cảm giác khó hiểu khi tiếp xúc lần đầu với thơ Đặng Đình Hưng cũng từ đó, lại thêm lối nói nhiều chiều, dấp dính, lửng chửng, mâu thuẫn, xa xôi, hàm súc, vốn là lối nói thường ngày của ông. Thơ ông là những đợt sóng ngược xuôi ngang dọc của trí tuệ. Mỗi hình ảnh, mỗi cách nói đều có sự lấp lánh. Lại lắm khi lời, chữ tự động cuốn nhau đi như bị dẫn dắt bởi một lực giấu mặt, tạo ra một trường gợi cảm tưởng hơn là một ý tưởng. Và trong dòng tâm thức triển miên thỉnh thoảng nhói lên một vết đau khiến ai cũng phải cảm thương.*

Tài liệu tham khảo:

- Đặng Đình Hưng Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Đặng Đình Hưng Blog: [talawas](http://talawas.com)

27) Như Mai



**Như Mai - Ngô Huy Bình (1924- )**

Như Mai tên thật là Ngô Huy Bình sinh năm 1924 tại Hải Phòng, quê Hưng Yên, lớn lên và học tập ở Hà Nội.

Năm 1944, Ông tham gia hoạt động cách mạng ở Hà Nội, phụ trách Thanh niên cứu quốc Liên khu 2.

Năm 1947 ông làm báo Cứu Quốc cùng với Như Phong, Hồng Hà, Đồ Phồn... Bút danh Như Mai là tên ghép hai người yêu Như và Mai của ông. Một người sau này là vợ ông. Như Mai làm báo thời đó thường viết tạp văn. Ông thừa hưởng lối tạp văn nhạy bén của cụ thân sinh. Cụ thân sinh của ông là Ngô Huy Văn (nguyên Cục phó Cục Bưu điện) thường ký bút danh là Chu Thượng trên báo “Trung Bắc tân văn” thời Pháp thuộc.

Sau hòa bình lập lại, Như Mai công tác tại Sở Báo chí. Năm 1956, Trung ương tổ chức một trại sáng tác tại Hà Nội, viết về thành công của cải cách ruộng đất, ông đã tham dự cùng với Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm .... Mấy ngày đầu ngẫm ngợi ông thấy bí câu chữ. Trang giấy mà Nguyễn Tuân gọi là “pháp

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

trường trắng”, làm ông day dứt. Bỗng một hôm, đọc xã luận báo Nhân dân, thấy báo phê phán lối sáng tác máy móc, rập khuôn, ông “vụt” ngay ra cái tú của truyện với hình tượng “thi sĩ máy”. “*Thi sĩ máy*” ra đời, đăng trên báo *Nhân văn* số 5, ký bút danh *Châm Văn Biêm*.

Năm 1958, Như Mai bị kỷ luật như những người khác. Sau về báo *Vùng mỏ* (sau là báo *Quảng Ninh*) làm tổ trưởng tổ công nghiệp, rồi thư ký toà soạn.

Năm 1987, Như Mai nghỉ hưu, sau 40 năm hoạt động báo chí. Ông tâm sự: “- *Đời mình cái con số 16 nó nghiêm lắm. Năm 1956 vụ “Thi sĩ máy”, 16 năm sau là năm 1972, mình lại khốn khó về bài điều tra “Phải biết cảm giận những con số không trung thực”. Bài báo có cách nhìn trái ngược với tu tưởng “vui vẻ” thì đưa vượt kế hoạch ở những năm ấy. Hồi đó, rất hiếm các cơ sở không vượt kế hoạch. Bài báo chỉ ra việc khai khống 3 triệu mét khối đất đá (làm mất đi 1 triệu 500 ngàn đồng, thời năm 1971) của xí nghiệp Vận tải ô tô Cẩm Phả. Giám đốc xí nghiệp làm đơn xin thôi việc. Bài báo đã đề cập đến tính trung thực trong công nghiệp. Cơ quan báo chí, nhiều người cho rằng, khí thế thi đua cả tỉnh đang lên, nhà báo lại đi bới thối! Có người chân tình: “người khác viết thì được, ông viết thế thì ông chết!” May sao, thứ trưởng ngành Than Vũ Anh đến báo *Quảng Ninh*, cảm ơn tác giả bài báo, mình mới thở phào! Sau năm 1972, đến 1988, đúng 16 năm, mình lại “dính” vào vụ đưa chuyện tiêu cực của hai ông nguyên chủ tịch và nguyên bí thư tỉnh *Quảng Ninh* trên báo *Hạ Long*. Lại nghiêng giữa một đạo, may mà được dư luận ủng hộ, nên mình cũng qua. Không biết 16 năm sau...”*”

Tác phẩm:

- *Ngẫu hứng* (thơ)

Trích văn:

HUỶNH ÁI TÔNG  
**Thi sĩ máy** (truyện vui)  
*Châm Văn Biếm*

"...Với một chiếc máy sửa đôi đôi chút để nó có thêm trí nhớ và có cả một chút lý luận, người ta có thể dùng máy để phiên dịch và để viết văn..."

(Trích báo *Tổ quốc* số 41)

### **I. Thế nào là công bằng mà nói ở cõi đời này?**

Đầu năm 2000... Các báo chí xuất bản đều sôi nổi đăng tin tức quan trọng về máy "viết văn" dưới những đầu đề "giật gân" lớn...

Tờ **CÔNG THỨC** trong bài xã luận "*Nhiệt liệt chào mừng các văn nghệ sĩ máy!*" đã giới thiệu như sau:

"Nhờ áp dụng những khả năng mới nhất của khoa học điện tử, máy 'viết văn' đã hoàn thành thoả mãn được nhu cầu văn nghệ ngày một tăng của loài người. Những sáng tác phẩm của nó, vừa kịp thời vừa minh hoạ đúng chính sách, sẽ giải quyết được mọi khẩu hiệu phức tạp của cuộc sống.

Mỗi giây đồng hồ máy đó có thể sản xuất được từ 7 đến 8.000 dòng văn thơ. Nếu dùng sức óc và tâm hồn người thì phải hàng ngàn văn nghệ sĩ với một trình độ sách vở rất cao, cặm cụi hàng trăm năm mới làm nổi...

Do tính chất 'Nhân văn' của máy nên ta tạo cho nó cái vỏ bọc ngoài, hình dáng một anh chàng: trẻ, khoẻ, đẹp, chỉ khác người 'thật' là đứng nguyên một chỗ, không nói, cười, chạy nhảy, nhất là không yêu đương lãng mạn lôi thôi..."

Báo **CÔNG THỨC** kết luận:



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

"Chúng ta, những con người 'thật', cần hợp tác nhất trí với các người 'máy', cần triệt để dùng họ và đội quân văn nghệ sĩ có thể chuyển sang các ngành công tác khác, tăng cường thêm lực lượng kiến thiết thời đại điện tử của chúng ta."

Hơn một năm sau cái ngày tin vui đó truyền đi, thì hàng loạt văn sĩ máy, thi sĩ máy, kịch sĩ máy được tung ra thị trường. Một số cán bộ phụ trách về văn chương sinh máy mọc ở một số ngành, một số cơ quan xí nghiệp nông trường v.v... thi nhau mua về sử dụng. Ở những nơi đó, nền văn nghệ máy được độc quyền tô lộng chuốt hồng cuộc sống bình ổn, còn lũ văn nghệ sĩ bằng xương, bằng thịt thì bị gạt ra ngoài.

Nhạc sĩ Áo Huyền được cử đi học lớp "nghiên cứu nghề làm nước mắm"; họa sĩ Lập Thê được điều sang Mậu dịch; nữ sĩ Trong Trắng ném bút làm nghề đỡ đế. Thi sĩ Mây Nước ra Bờ Hồ làm nghề bói Kiều tán róc về thành phần giai cấp cho những người còn đầu óc mê tín dị đoan.

Văn sĩ Đấng Văn Cay phải ra chợ giời làm nghề bán văn kiêm bán sấm. Sấm lỏp vì cần khuyến khích nên được miễn thuế, còn văn của Đấng Văn Cay thì bị liệt vào hàng "vô dụng" và phải chịu thuế 4 phần trăm. Rất ít người chịu quảng tiền ra mua. Đôi ba vị khó tính lại còn rĩa rói: "Văn chương anh thì ra cái đêch gì! Không ích lợi bằng chiếc đế dép cao su của tôi nữa kia!". Nhà đạo diễn Kinh Kha được chuyển sang ngành nuôi cá vàng, mỗi khi luyến tiếc sân khấu thường ngắm cá bơi lội rồi tưởng tượng con cá vẫy bạc óng ả này là Điều Thuyền, con cá đen mặt sất nọ là Bao Công, cặp cá đuôi cờ lồi mắt kia là đôi nhân vật tiêu tư sản...

Tóm lại có một bộ phận văn nghệ sĩ bị toi bờ rổi loạn. Ai cũng thù ghét lũ người máy mới ra đời kia, nhưng ai cũng chịu thua. Vì cứ công bằng mà nói thì "máy móc" quả là kịp thời sự, thông kinh sử, lại đúng khuôn phép, "tốt ăn tốt ở" hơn người thực ở cõi đời này.

## II. Vì sao mà "Lăng Quảng" nổi ghen?

Ở nông trường tập thể CON ÉN có nhà thơ trẻ tuổi Linh Quang. Suốt mấy năm liền kể từ ngày nông trường bắt đầu xây dựng, Quang đã làm thơ ca hò vè đủ kiểu, khi duyên dáng, khi nghịch ngợm, khi thiết tha yêu đời để phục vụ nông trường. Một vài bài thơ của anh đã được bà con học thuộc lòng. Nói chung anh làm việc tốt và được cảm tình của nhiều người.

Nhưng có ưu thì cũng phải có khuyết. Cái khuyết của anh ta là hay vi phạm luật lệ. Giữa giờ chính quyền nhiều lần anh bỏ đi chơi. Khi thì đi câu với cụ HAY RƯỢU để tán ma tán mãnh về nhiều cái sự đời. Khi thì lê la tâm sự với vài gã thanh niên, bàn về những chuyện tương lai trên gò dưới đất. Khi thì trò chuyện với một số phụ nữ ở nhóm giữ trẻ, điều tra cái việc sao đàn bà và con nít lại hay khóc như nhau. Đôi khi còn làm thư ký riêng cho vài lão bà muốn viết thư gửi con cháu công tác ở tỉnh xa. Ngoài ra anh còn bừa bãi như giấy tờ sách vở không sắp xếp ngăn nắp, tóc không có đường ngôi, áo mặc chuyên môn không cài khuy cổ, sáng tác thì không có chương trình kế hoạch. Nghiêm trọng nhất là khi yêu cô DUYÊN, cán bộ cơ xưởng của nông trường, anh không hề có báo cáo trước. Tất cả những điều trên đây là làm cho trưởng ban nội quy NGHIÊM VĂN TÚC, con người rất mực khuôn vàng thước ngọc, phải lấy làm bực mình và chướng tai gai mắt. Túc thường bắt bẻ anh và gọi riêu anh là LĂNG QUẢNG. Cả nông trường về sau cũng quen gọi anh bằng cái tên bị Túc xuyên tạc ấy.

Ông chủ tịch nông trường vốn người từng trải, hiểu rõ câu "nhân vô thập toàn", lại biết mên tài nên đối xử với Lăng Quảng rộng lượng. Cũng vì vậy mà trong khi có một số nơi đã mua sắm văn nghệ sĩ "máy", ông vẫn viện hết lý do này lý do khác để không chịu dùng cái thứ "máy móc" đó. Ông nói: "Còn khối nơi người ta không có người máy mà phong trào văn nghệ của người ta vẫn lên rầm rầm". Có lúc ông lại phát biểu: "Đồng

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

chí Lăng Quăng vẫn đủ khả năng phục vụ nông trường" hoặc "Văn thơ máy thì hay làm sao bằng văn thơ người được".

Nghiêm Văn Túc luôn luôn đối lập với những ý kiến đó, luôn luôn đòi nông trường CON ÉN phải có một thi sĩ máy. Túc thì chẳng hiểu văn nghệ, văn nghệ là cái quái gì, nhưng chỉ nghĩ một cách sơ lược là: được cái gì "tốt ăn tốt ở" ấy về thì đỡ phải lao tâm tốn trí đối phó như đối với Lăng Quăng. Phần nội quy ở nông trường tất nhiên sẽ được bảo đảm.

Túc đòi hỏi nhiều lần mà cứ bị gạt đi, bèn mưu mô vận động một số anh em cùng cánh làm kiến nghị phê bình ông chủ tịch là cảm tình cá nhân, có tư tưởng bao che hữu khuynh với Lăng Quăng, không có tinh thần cải tiến nông trường, thiếu tin tưởng ở kỹ thuật hiện đại. Bản kiến nghị yêu cầu ông chủ tịch phải cho nông trường sắm ngay một người máy về thay thế Lăng Quăng, nếu không sẽ kiện lên trên. Ông chủ tịch bị dồn vào cái nước không đồng ý không được nên đã quyết định tán thành, nhưng đồng thời ra chỉ thị vẫn để Lăng Quăng làm thơ như trước, chiếu cố đến thành tích của anh ta.

Thế là chỉ mười ngày sau, Nghiêm Văn Túc lên bách hoá tỉnh chọn lọc, đã mua về được một thi sĩ máy, cổ đeo biển đăng ký số 111.

Đêm ra mắt của thi sĩ 111 được tổ chức trọng thể. Câu lạc bộ treo đèn kết hoa rực rỡ như những ngày hội mùa. Nam nữ đều ăn mặc đẹp. Trước khi vào bàn tiệc, người ta thì thảo bàn tán rất nhiều về "anh ta", nhất là trong đám đàn bà con gái. Một nữ công nhân lái máy cày khoe khoang: "Các bà chị ạ! Em được xem mặt anh ta hôm mới khiêng về rồi. Sao người già mà đẹp thế, đẹp hơn người thật chúng mình nhiều. Đôi mắt anh ta lại cứ nhìn em chăm chăm làm em ngượng đỏ cả mặt". Cô Duyên (người yêu của Lăng Quăng) cũng ở trong đám ấy. Muốn tỏ cho mọi người biết trình độ học rộng của mình, cô bèn vanh

## HUỶNH ÁI TÔNG

vách thuật lại những điều đọc được về người máy đang trong tờ CÔNG THỨC.

Không một ai thèm để ý đến Lăng Quảng nữa, Anh thất thểu đi giữa đám đông, chẳng bắt chuyện với ai mà cũng chẳng ai buồn bắt chuyện với. Càng nghe những lời tán tụng thi sĩ máy, lòng anh càng nặng trĩu buồn phiền.

Bước vào tiệc rượu. Nghiêm Văn Túc đạo mạo đọc diễn văn khai mạc với những câu văn vẻ hùng hồn như sau: "Chúng ta hoan nghênh người bạn mới của nông trường và tin tưởng tâm hồn điện tử của anh sẽ truyền hơi sống vào thi ca, ngõ hầu thúc đẩy chúng ta tiến mau trên đường sự nghiệp..." Tán đến con số đăng ký 111, Túc nói: "Nếu đem chiết tự con số đó, chúng ta sẽ được ba con mắt 'nhất', nó biểu hiện anh bạn chúng ta có ba điều trội nhất, ấy là: nhanh nhất, đúng nhất và kỷ luật nhất. Tôi trân trọng đề nghị từ này sẽ gọi tên anh là BA CON NHẤT cho nó... mỹ thuật". Quay sang phía Lăng Quảng, Túc cười đắc chí, kêu gọi Lăng Quảng nên cố gắng noi gương thi sĩ Ba Con Nhất về mọi mặt, nhất là về mặt tôn trọng nội quy. Đọc xong diễn văn, Túc chấp hai tay lên ngực, nghiêm chỉnh ngồi xuống, đảo mắt liếc trộm đám phụ nữ, y thầm nghĩ: máy cũng có vài cô ả cảm phục cái oai phong lẫm liệt của mình.

Tiếp đó, theo đúng nghi lễ, người ta mở tấm vải choàng phủ mặt để Ba Con Nhất xuất đầu lộ diện. Toàn phòng đứng dậy vỗ tay, nâng cốc, chạm cốc, hoan hô âm âm và xuýt xoa khen bộ mặt phổng của Ba Con Nhất quá là trẻ đẹp. Người ta vịn những nút chữ sau lưng hắn, máy chạy sè sè trong bụng hắn. Đôi mắt hắn lúc sáng lúc tắt, trông tưởng như nhấp nháy, chỉ độ phân mười một giây hắn đã nhả ra ở khe hở con sau gáy một tờ giấy in bài thơ dài đáp từ. Lăng Quảng được chỉ định lên ngâm bài thơ đó. Tiếng ngâm vừa dứt thì tiếng hoan hô lại ran như sấm, nhiều cô gái nhảy căng lên. Một bà mẹ quá xúc động chạy đến chỗ Ba Con Nhất đứng dìu dàng hôn trán hắn. Một thanh niên gi tai Lăng Quảng van vỉ mượn bài thơ đáp từ đó để về chép và học.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Trong một tiệc rượu, người ta vừa ăn vừa nắc nỏm khen từng chữ từng câu của bài thơ. Máy cụ ông râu dài trầm giọng lấy đi lấy lại những câu mà các cụ cho là lý thú nhất như:

*... Thời đại tươi vui đẹp nắng vàng  
Rập rờn cờ đỏ trống khua vang  
Bao tay lao động xây tươi đẹp  
Phấn khởi nông trường, tiến tiến hăng..*

Rồi các cụ ho sù sụ làm cho các cụ bà mủm mỉm cười nửa tình tứ nửa thương hại. Trong khi ấy Nghiêm Văn Túc thỉnh thoảng lại trang trọng gật gật cái đầu, tỏ vẻ hài lòng và hả hê đảo mắt liếc phụ nữ...

Lăng Quăng thì im như cá chép, đau khổ ngồi thu nhỏ mình lại trong bàn tiệc, cảm thấy mình bé bỏng quá, tồi tàn quá. Mọi khi trong các buổi hiếu hi, anh là cái "đỉnh". Mọi người tha thiết nài ép anh ngâm thơ. Mọi võ tay đều dành tặng cho những vần điệu du dương hay bốc lửa của anh. Mọi con mắt đều đăm đăm rớt nhìn vào anh. Mọi đôi môi đều kín đáo trao cười. Than ôi! Thời oanh liệt đó từ nay còn đâu nữa!!! Nhưng ai oán nhất cho Lăng Quăng là cô Duyên xem chừng khác ý, suốt tiệc rượu cứ nhìn dán vào mặt Ba Con Nhất, dáng điệu mê mết, nhiều lần đánh rơi đĩa, thìa, cốc hoặc gặp nhằm thức ăn ở đĩa người ngồi cạnh. Lăng Quăng nổi ghen một cách thực thà và choáng váng.

### III. Tâm hồn điện tử của Ba Con Nhất

Hàng ngày... hàng ngày vào hai buổi sáng chiều, những bài thơ rút từ sau gáy Ba Con Nhất đều được Nghiêm Văn Túc cho ngâm trước máy phóng thanh. Hết ca tụng "Máy gặt về", "Điện về", "Nước về" lại tả cảnh "Chuồng thỏ mùa xuân", "Cánh đồng mùa hạ", "Hợp tác xã mùa thu". Bài nào cũng mở đầu bằng "Thời đại tươi vui..." Đoạn giữa thế nào cũng có "Cờ đỏ trống khua tay lao động..." Đoạn kết bao giờ cũng có mấy lời kêu gọi "Phấn khởi... tiến hăng..."

## HUỖNH ÁI TÔNG

Nói đến nhiệm vụ thì sao cũng nhắc nhở "Bỏ ăn bỏ uống một ngày, nhưng không bỏ được mấy cang vinh quang". Yêu nhau thì phát triển mãi cái tứ duy nhất là "Yêu nhau dù trọn một đời... Xin đừng đấm đui mà rơi lập trường".

Tâm hồn điện tử của Ba Con Nhất cứ một điệu như vậy, nhạt nhẽo truyền hơi sống vào thi ca, bao trùm mọi câu chuyện, mọi tâm tình, mọi cảm nghĩ của cả nông trường... Mọi em bé chăn bò học đòi Ba Con Nhất cũng ông ổng ngâm nga: "Bỏ ăn bỏ uống một ngày..." Một chiều chủ nhật, Lăng Quảng đi chơi rừng với Duyên.

Có bàn chuyện cưới xin thì bị Duyên chỉnh luôn: "Xem ra đấm đui là loi... Coi chừng kéo lại đánh rơi lập trường!..." làm cho Lăng Quảng thở dài sườn sượt.

Thấm thoát tới hội mùa. Nông trường CON ỚN thu hoạch tốt có tổ chức mít tinh ăn mừng thắng lợi. Chỉ trong nháy mắt Ba Con Nhất đã sản xuất được "Bài ca vụ mùa thắng lợi" ngàn rưỡi câu. Nội dung vẫn giống các bài cùng loại này do Ba Con Nhất sản xuất như "Ca làm cỏ thắng lợi", "Ca đi săn thắng lợi", "Ca phát huy sáng kiến thắng lợi", nghĩa là lại vẫn: "Tươi vui... lúa vàng... cờ đỏ hát ca vang... tay lao động... bỏ ăn bỏ ngủ quên sao vụ mùa... phấn khởi tiến hăng... công nông trí kết đoàn v.v..."

Nghe xong mọi người lại vô tay một cách hợp thời trang. Mấy cụ râu dài quen lệ lại lấy vài câu để các cụ bà mỉm cười.

Lăng Quảng lại thấy bực bội trong người, bật dậy như chiếc lò xo, đầu ngẩng rất cao, phát biểu: "Sáo đến thế! Nhạt như nước ốc đến thế mà bà con cũng thích được à!..."

Nghiêm Văn Túc bèn nổi giận như Chúa thấy quỷ Sa Tăng đã kích vào con chiên của mình, hội ý cấp tốc với một số cán bộ trung kiên để phê phán Lăng Quảng. Một người nói: "Đồng chí

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Lăng Quăng nặng đầu óc địa vị... thấy thơ của thi sĩ Ba Con Nhất được mọi người yêu thích thì sinh ra ghen tuông bất mãn..." Một người phân tích: "Đồng chí Lăng Quăng nói xấu bạn... phê bình thiếu xây dựng, kiêu căng không chịu học hỏi... như thế là tư tưởng phá hoại". Nghiêm Văn Túc quên cả chấp tay lên ngực trân trọng như mọi lần, vội vã lên diễn đàn vận động lý luận kết tội Lăng Quăng coi thường sự thưởng thức văn nghệ của quần chúng và phạm vào chính sách đoàn kết giữa người "máy" và người "thật". Túc đề ra ý kiến tổ chức một cuộc đọ tài văn thơ giữa Lăng Quăng và Ba Con Nhất. Nhiều người giơ tay ủng hộ Túc. Túc nắm chắc phần thất bại nhục nhã của Lăng Quăng và như thế là có cơ để đập vùi anh. Cô Duyên lên diễn đàn xin có ý kiến. Lăng Quăng hỏi hộp đoi, tin tưởng ít nhất người yêu của mình cũng sẽ bênh mình. Nhưng không! Bằng giọng cả quyết, cô nói: "Nếu đồng chí Lăng Quăng thua, tôi kiên quyết sẽ cắt đường luyện ái... vì tôi không muốn lấy chồng tòi, không tiến bộ..."

Lăng Quăng mỉm cười chua chát Anh ngẩng cao đầu nhận đọ tài với tên người "già" đang được mù quáng tôn sùng kia.

Ngay sáng hôm sau, toàn thể nông trường nghỉ buổi làm, tới câu lạc bộ chứng kiến một cuộc thi tài văn nghệ "không tiền khoáng hậu".

Nghiêm Văn Túc được chỉ định làm trưởng ban giám khảo, ngồi giữa phòng, hai bàn tay chấp lại đặt giữa ngực, rõ ra dáng nhân vật quan trọng. Bên tả là Ba Con Nhất đứng, ngó bộ kênh kiệu. Bên hữu là Lăng Quăng ngồi thiếu nỗ. Đầu bài thi như sau: "Tả cảnh trời xuân..." Túc đánh kênh báo hiệu bắt đầu. Phòng họp trở nên im lặng. Chỉ còn nghe thấy tiếng ruồi bay vo vo, tiếng máy chạy sè sè và tiếng ngòi bút kêu soàn soạt.

Khốn nạn Lăng Quăng cắn bút mãi mới được chưa đầy dăm câu thơ mà Ba Con Nhất đã tuôn ngay một bài thơ 3000 câu. Thế là cuộc thi chấm dứt. Lăng Quăng thua hẳn hoi. Mồ hôi anh vã ra, nét mặt răn rúm lại. Anh được chỉ định ngâm hộ Ba

## HUỶNH ÁI TÔNG

Con Nhất. Giọng anh đau đớn xót xa (giọng của người thất bại chua cay) khiến bà con lầm tưởng anh muốn làm nổi bật lên tâm hồn điện tử thiết tha của Ba Con Nhất và người ta càng vỗ tay âm ỉ.

Bài thơ cũng vẫn quanh đi quẩn lại những câu như:

*... Rực rỡ vườn xuân, cúc nở vàng  
Hoa đào tươi nở báo Xuân sang  
Dựng xây nhân loại, tay lao động  
No ấm từ đây mãi vẻ vang  
Nhà máy khói vờn, đà thẳng lợi  
Công nông trí thức thấy vinh quang  
Xuân sang phấn khởi ta đều hứa  
Kiến thiết nông trường, tiến tiến hăng!...*

hay

*Quên ăn, quên ngủ, chớ quên đời  
Chớ quên đất nước, mây trời mùa xuân...*

Vài cụ râu dài lại làm cái việc thường lệ là nhại lại vài câu lý thú, không quên ho sù sụ để các cụ bà thương hại. Nghiêm Văn Túc đứng đĩnh đứng dậy, ra lệnh bẻ mặc, rồi rời phòng thi, mắt không quên liếc ngược đảo xuôi, chắc mâm thế nào cái dáng điệu quan trọng của mình cũng lọt vào đôi mắt xanh nào đấy...

### III. Ba điều đáng chết và ba điều hèn

Từ sau cái bữa hồng thi, Lăng Quảng đã không được Duyên đoái hoài đến nữa.

Càng ngày cái vị trí của anh càng bị xuống. Nghiêm Văn Túc lại quát những làn roi phê bình tàn bạo vào những sáng tác phẩm của anh, gây thành dư luận rộng rãi khiến cho cả nông trường thành kiến với thơ anh đến độ thơ anh làm ra ngâm lên chỉ độ vài khúc là người ta đã nhao nhao kêu tội, kêu đòi bại,



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

kêu lãng mạn. Có người lại chụp lên dăm cái mũ phong kiến tư sản, tiểu tư sản v.v...

Một bữa, muốn đo lòng người, anh đã là một việc gian dối là ký láo tên Ba Con Nhất xuống một bài thơ mới của anh rồi đem ngâm. Nghe xong, lập tức Túc đứng ra làm nhảm phân tích làm cho cả nông trường nắc nỏm khen hay. Anh liền nói rõ sự thật là bài ấy chính anh làm thì một số không tin, cho là anh khuếch khoác, một số khác (trong đó có cả Duyên) thì lại nói: "Thảo nào, bọn mình nghe xong cũng ngờ ngờ, cảm thấy bài thơ tồi quá..." Riêng Nghiêm Văn Túc thì đao to búa lớn phê phán anh về cái tội lợi dụng tên tuổi của Ba Con Nhất để được tiếng khen, xúc phạm đến uy tín của lớp người "máy".

Lãng Quăng bị chững chọi giữa cuộc sống đầy rẫy thành kiến, bị chung quanh không hiểu mình, bỏ rơi và lạnh nhạt Mà tất cả chỉ tại cái "máy người". Nghiêm Văn Túc và cái người "máy" Ba Con Nhất vô tư vô giác kia, sừng sững yêu quái ở giữa cái nông trường tươi đẹp này. Anh cảm phần cao độ.

Một buổi chiều thoáng thấy bóng Duyên tiến về phía Câu lạc bộ, anh liền theo sau. Duyên vào buồng đặt Ba Con Nhất, bàn tay còn đầy dầu máy chứng tỏ cô ả vừa ở cơ xưởng về là vào thẳng đây. Anh đứng nấp sau rèm cửa nhìn vào, bỗng thấy Duyên ngoan ngoãn quỳ xuống trước Ba Con Nhất thắm thì xin một bản tình ca. Duyên vặn nút chữ. Tiếng máy sè sè chùng một tích tắc. Ba Con Nhất nhả ra sau gáy một cuộn giấy. Duyên giở ra ngâm nga khe khẽ:

*... Nghe em! Đừng quên nhiệm vụ  
Chớ mắt lập trường  
Trọn đời anh sẽ yêu em v.v...*

Ngâm xong, Duyên áp bài thơ tình đó vào ngực và ngược mắt đăm đúi nhìn vào đôi mắt nẩy lửa của Ba Con Nhất.

## HUỖNH ÁI TÔNG

Lăng Quăng thấy sôi sục trong tim. Ý nghĩ rùng rợn nảy ra. Nhất định phải cho vài nhát dao. Anh thò tay vào túi lấy ra con dao nhíp, mở cả hai lưỡi loang loáng sáng... và anh tiến vào. Duyên giật mình quay lại, hơi mỉm cười làm anh bối rối. Để lấy can đảm, anh bèn dõng dạc tuyên án: “Cô có 3 điều đáng tội chết. Điều thứ nhất là cô cảm dỗ máy làm tổn thương đến đạo đức của máy. Điều thứ hai là cô ăn ở bạc tình vô chung vô thủy, ấy là tội phản bội. Điều thứ ba là cô giết chết một thiên tài là tôi, phương hại đến cái vốn quý nhất của xã hội là con người.”

Duyên bình tĩnh đáp lại: “Tôi chết không đáng tiếc, chỉ tiếc là chết bởi tay người hèn. Anh có 3 điều hèn không đáng sống. Điều hèn thứ nhất là anh mang tiếng làm người mà thi văn thơ phải chịu thua máy, điều hèn thứ hai là anh đã ăn cắp cái tên của máy để được tiếng khen, còn điều hèn thứ ba là anh định dùng dao hại người tay không, mà người đó lại là người đàn bà con gái...”

Lăng Quăng ôm mặt khóc rưng rức và bỏ ra về. Án mạng không xảy ra, chỉ có lòng anh rớm máu đau thương. (Thực sự Duyên vẫn yêu anh nhưng vẫn phải làm thế nào để giáo dục người yêu.)

Mấy hôm sau Lăng Quăng gặp ông chủ tịch, xin rút lui nghề làm thơ, xin được chuyển công tác khác. Nông trường đang thiếu chân quét chuồng ngựa. Ông chủ tịch đã sắp xếp anh vào chân đó, đồng thời cô an ủi khuyến khích anh. Anh làm việc cần cù nhưng đêm đêm vẫn thức khuya tiếp tục làm thơ, những vần thơ ngâm ngùi nói lên:

*... Những xót xa, những nước mắt khôn nguôi  
Những tiếng hát muôn chim,  
Những phút trái tim cười  
Tôi chấp nổi buồn vui mãi mãi  
(Dù em chẳng nghe tôi)*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Tôi vẫn ca*

*Lạnh lạnh chuyện đời*

*Lòng hằng tin: Người sẽ hiểu lòng tôi.*

### V. Đoạn kết rất công thức nhưng cần thiết

Số là... dù sao đi nữa thì máy vẫn chỉ là máy. Khả năng của máy chỉ có hạn. Tâm hồn điện tử của Ba Con Nhất dù được Nghiêm Văn Túc nâng niu đến mấy đi nữa cũng trở nên tầm thường khô cạn và nhạt nhẽo. Nông trường CON ÉN đã bắt đầu ngày những vắn điệu nhai đi nhai lại mãi.

Những bài về thời sự chính sách của thi sĩ máy từ bài thứ vài nghìn trở đi được phóng thanh sáng sáng chiều chiều đã làm các bà già buồn ngủ, các ông già bực dọc bứt tóc vật râu, các con trai bịt lỗ tai, các cô gái thanh xuân thì nguyên rủa: “Khổ lắm biết rồi, cũ lắm rồi”. Còn cụ Hay Rượu thì chéch choáng vài ba tợp rượu xông lại trước mặt Ba Con Nhất mà cà khịa. Nghiêm Văn Túc thì giở một quyển luật về “chống đánh nhau” ra can.

Cuối cùng cả nông trường kiến nghị lên ông chủ tịch đòi quẳng Ba Con Nhất vào kho chứa đồ đồng nát. Túc cố kể thành tích của Ba Con Nhất hòng cứu vãn quyền uy của máy. Cả nông trường phản đối Túc quyết liệt, lại còn đòi quẳng cả cái tủ sách vở chứa trong bụng Túc đi nhân thể. Túc lấy làm sợ hãi, vội vàng chắp hai tay lên ngực, rồi khóc, trang trọng y hệt bậc chân tu thấy mọi người không hiểu nỗi chánh đạo của mình.

Sau đó Nguyễn Linh Quang được trả về chức vụ thi sĩ của của mình. Nông trường giao cho cô Duyên xuống chuồng ngựa đón. Cuộc tái hợp diễn ra bao nhiêu mừng mừng tủi tủi.

Nông trường trở lại đời sống thực của con người. Bà con lại học thuộc thơ Lăng Quảng, những bài thơ hiện thực xã hội chủ

## HUỖNH ÁI TÔNG

ngĩa, rất “người”, ca tụng tình yêu lao động, sáng tạo yêu đất nước và yêu cuộc sống vĩ đại muôn màu muôn vẻ

**Tin sau cùng:** Những sự việc xảy ra ở nông trường CON ÉN đã tương tự xảy ra ở một số nơi khác (từng sử dụng sai lầm người “máy”) và cùng đi đến một kết luận công thức nhưng rất cần thiết như đã kê lại ở trên đây.

1956

Trích thơ:

### Ghi ở Đông thành

*Tôi những muốn tôi là đất ấy  
Bàn tay em nhào nặn nên bình  
Qua ngọn lửa mắt em nung đốt  
Tâm hồn tôi lần nữa khai sinh*

*Tôi sống giữa lạng cảm sành sứ  
Em thổi vào mộng ảo muôn hình  
Chiếc bình tôi buồn vui yêu ghét  
Cứ ngân nga da diết âm thanh*

*Tôi biết ơn bàn tay màu nhiệm  
Biến cái vô tri thành cái hữu hình  
Con ngựa chìm trong men em vẽ giả  
Còn thật hơn cái thật đời anh*

*Với nhân dân tôi suốt đời mắc nợ  
Sông núi hôm nay biết mấy hy sinh  
Dám đâu khoe nước men thời Lý  
Chút hào quang kia cũng đời khoác cho mình.*

### Trương Chi ngày nay

*Thành phố cao bao trượng?  
Bao lâu tây Thừa tướng?*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Bao Mỹ nương cảm cung?*

*Liệu còn chìm đáy sông*

*Bao Trương Chi khờ dại*

*Chết nguyên trinh tình ái*

*Trong lòng chén bạch đàn?*

*Ở này em - khách hồng nhan*

*Phá tung cung cấm xuống nằm dò anh*

*Rồi ta ăn sóng với tình*

*Thương nhau tìm cái chính mình trong nhau*

*Cho dù gió thét mưa gào*

*Nổi nênh tiếng hát làm nao phố phường*

*Mặc ai sênh phách vũ trường*

*Đò ta trảy hội đời thường dọc ngang*

*Nào mời...*

*bưng chén*

*hò khoan!*

*Độc thơ Như Mai tuy không có vần điệu du dương, nhưng người ta cảm được do lời thơ chân thành, văn châm biếm của ông cũng nhẹ nhàng, cốt ẩn dụ để kích bác những nhà văn sáng tác rập khuôn như máy theo đường lối Đảng.*

Tài liệu tham khảo:

- Như Mai Blog: talawas
- Như Mai Web: trieuxuan.info

28) Nguyễn Văn Tý



**Nguyễn Văn Tý (1925- )**

Nguyễn Văn Tý sinh ngày 5 tháng 3 năm 1925 tại Vinh, Nghệ An, quê gốc ở xã Phú Cường, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, còn quê hiện giờ ở Vĩnh Phúc.

Xuất thân trong một gia đình truyền thống âm nhạc, cha của ông là "trùm một phường bát âm của miền quê Vĩnh Phú thạo cả hát văn, hát chèo và hát ả đào", sau vào làm thợ máy nhà máy xe lửa Trường Thi ở Nghệ An.

Thuở bé, Nguyễn Văn Tý học ở trường Quốc học Vinh và được một giáo viên người Pháp dạy cho những bài hát của Tino Rossi đang thịnh hành thời đó. Trong thời gian tham gia hoạt động hướng đạo, ông được một cha cố người Tây Ban Nha cho vào dàn nhạc nhà thờ hát thánh ca.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Ở đó ông được học nhạc lý cơ bản và nhất là nâng cao trình độ hòa thanh, hát bè. Nguyễn Văn Tý còn được một thầy giáo nhạc sĩ người Hoa tên Mạnh Hình dạy chơi đàn guitar Hawaii.

Từ năm 1944, ông đi hát trong phòng trà ở Vinh kiếm sống. Năm 1945, Nguyễn Văn Tý tham gia phong trào Việt Minh, sáng lập và xây dựng đoàn kịch thơ, kịch nói của Thanh niên Cứu quốc Nghệ An.

Theo lời của Nguyễn Văn Tý, ông bắt đầu sáng tác vào năm 1947 khi là Trưởng phòng Thông tin tuyên truyền huyện Thanh Chương, nhưng ông coi tác phẩm đầu tay của mình là bài *Ai xây chiến lũy* được viết 1949.

Năm 1948, Nguyễn Văn Tý ở đoàn văn hóa tiền tuyến thuộc Quân huấn cục. Sau đó, từ năm 1950, ông nhận nhiệm vụ đi xây dựng Đoàn Văn công của Sư đoàn 304 và làm trưởng đoàn. Bản *Dur âm* nổi tiếng được ông sáng tác khoảng 1950 sau một lần về chơi nhà bạn ở Quỳnh Lưu, Nghệ An, *Dur âm* viết về cô em gái của người bạn đó<sup>[1]</sup>. Cũng vì bản nhạc này ông bị đơn vị đưa ra kiểm điểm vì đã sáng tác một bài hát quá ủy mị, không hợp với thời kỳ đó.

Tuy nhiên, bài hát *Dur âm* sau này lại rất nổi tiếng và được hát nhiều tại miền Nam. Ngoài ra ông còn sáng tác bài *Mùa hoa nở*, *Pha màu luống cày*...

Đến 1951, Nguyễn Văn Tý giải ngũ và chuyển về công tác ở Chi hội Văn nghệ Liên khu IV.

Năm 1952, ông quen biết với Nguyễn Thị Bạch Lê, em gái nhạc sĩ Nguyễn Văn Thương và sau đó hai người thành hôn. Thời gian này ông sáng tác những bài như *Vượt trùng dương* (1952), *Tiếng hát Dô-à* (1953) và đặc biệt là ca khúc nổi tiếng *Mẹ yêu con* (1956).

## HUỖNH ÁI TÔNG

Cuối năm 1957, Nguyễn Văn Tý cùng với Nguyễn Xuân Khoát, Đỗ Nhuận, Lưu Hữu Phước, Văn Cao được chỉ định thành lập Hội Nhạc sĩ Việt Nam. Sau đó, khi đang là ủy viên chấp hành khóa đầu tiên của hội thì báo Nhân Văn ra đời, xảy ra vụ *Nhân Văn - Giai Phẩm*, theo lời khuyên của Lưu Hữu Phước, Nguyễn Văn Tý đi tránh và nghiên cứu dân ca.

Đầu 1961, ông được biệt phái về Hưng Yên. Thời gian này, Nguyễn Văn Tý đã viết một số ca khúc như *Chim hót trên đồng đay* (1963), *Dòng nước quê hương* (1963), *Tiến anh lên đường* (1964), *Múa hát mừng chiến công* (1966)...

Năm 2000, ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật cho các tác phẩm: *Mẹ yêu con*, *Vượt trùng dương*, *Bài ca năm tấn*, *Tấm áo chiến sỹ mẹ vá năm xưa*, *Một khúc tâm tình của người Hà Tĩnh*, *Dáng đứng Bến Tre*. Trong cuộc đời hoạt động của mình, ông còn giành được một số giải thưởng như:

- Giải nhì (không có giải nhất) của Hội văn nghệ Việt Nam cho bài *Vượt trùng dương*
- Giải nhất Cuộc thi vận động sáng tác về đề tài phụ nữ với bài *Tiến anh lên đường* (1964)
- Giải nhất sáng tác về đề tài nông nghiệp với ca khúc *Bài ca năm tấn* (1967)
- Giải Ngân hàng với bài *Em đi làm tín dụng*.

Tác phẩm nhạc:

- *Ai xây chiến lũy* (1949)
- *Dư âm* (1950)
- *Vượt trùng dương* (1952)
- *Mẹ yêu con* (1956)
- *Chim hót trên đồng đay* (1963)
- *Dòng nước quê hương* (1963)
- *Tiến anh lên đường* (1964)



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

- *Mùa hát mừng chiến công* (1966)
- *Bài ca năm tân* (1967)
- *Bài ca phụ nữ Việt Nam* (1970)
- *Em đi làm tín dụng* (1971)
- *Tấm áo chiến sỹ mẹ và năm xưa* (1973)
- *Một khúc tâm tình người Hà Tĩnh* (1974)
- *Người đi xây hồ Kẻ Gỗ* (1976)
- *Cô đi nuôi dạy trẻ* (1980)
- *Dáng đứng Bến Tre* (1981)
- *Một ánh sao trời* (1988).
- *Ru người trăm năm* (1999)

Trích lời bài hát:

### **Dư âm**

*Đêm qua mơ dáng em đang ôm đàn dịu muôn tiếng tơ  
Không gian trầm lắng như âu yếm ru ai trong giấc mơ  
Mái tóc nhẹ rung, trăng vờn làn gió  
Yêu ai anh nắm cung đàn đầy voi đôi mắt xa vời*

*Anh yêu tiếng hát êm như lời nguyện đẹp bao ước mơ  
Anh như lâu vắng em như ánh trăng reo muôn ý thơ  
Muốn nói cùng em đôi lời triu mến....  
Tìm anh băng giá đang nhại ngừng câu năm tháng mong chờ*

*Hẹn em từ muôn kiếp trước  
Nhớ em mấy thuở bạc đầu  
Anh đã âu sầu vì đường tơ vương vấn  
Em để cung đàn đưa anh về đâu ?*

*Dư âm tiếng hát reo lên trong lòng anh bao nhớ nhung  
Đê mê lòng nhớ đêm qua giấc mơ môi em hé rung  
Anh muốn thành mây nương nhờ làn gió  
Đưa anh tới cõi mơ hồ nào đây muôn kiếp bên nàng.*

HUỶNH ÁI TÔNG  
Dáng đứng Bến Tre

*Ai đứng như bóng dừa tóc dài bay trong gió  
Có phải người còn đó là con gái của Bến Tre  
( Con gái của Bến Tre )  
Năm xưa đi trong đạn lửa đi như nước lũ tràn về  
Ôi những con người làm nên Đồng Khởi*

*Oi, những cây dừa để lại cho ta bóng quê  
Oi tóc ai dài để lại dáng đứng Bến Tre  
Oi tóc ai dài để lại dáng đứng Bến Tre*

*Mỗi lúc đi xa dừa ơi ta nhớ lắm nghe  
Vườn trái trái xum xuê, biển khơi tôm cá đầy ghè  
nhớ con sông dài Hàm Luông bến ta quen ghé  
Lại nhớ tóc ai dài còn mang dáng đứng Bến Tre  
Lại nhớ tóc ai dài còn mang dáng đứng Bến Tre*

Bách khoa toàn thư mở Wikipedia, đánh giá về nhạc của Nguyễn Văn Tý như sau:

*“Đur âm” có thể coi là ca khúc tiền chiến duy nhất của ông. Ca khúc tuy không được phổ biến ở miền Bắc trong những năm chiến tranh nhưng lại được biểu diễn nhiều ở miền Nam trước năm 1975. Về sau ca khúc được lưu hành rộng rãi, trở thành một trong những bản tình ca được nhiều công chúng yêu thích.*

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Văn Tý Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Nguyễn Văn Tý Web: [lyric.tkaraoke.com](http://lyric.tkaraoke.com)

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
29) Nguyễn Thành Long



**Nguyễn Thành Long (1925-1991)**

Nhà văn Nguyễn Thành Long tên thật là Nguyễn Thành Long, còn có các bút danh Lưu Quỳnh, Phan Minh Thảo. Ông sinh ngày 16 tháng 6 năm 1925 tại Duy Xuyên - Quảng Nam, nguyên quán ở Quy Nhơn, Bình Định.

Ông tham gia hoạt động văn nghệ trong những năm kháng chiến chống Pháp ở Nam Trung Bộ. Các bút danh khác: Lưu Quỳnh, Phan Minh Thảo.

Ông đã được giải thưởng Phạm Văn Đồng do Chi hội văn nghệ liên khu V trao tặng năm 1953 cho tập bút ký "Bát com Cù Hồ".

Năm 1954, tập kết ra Bắc, ông chuyển về sáng tác và biên tập ở các báo chí, nhà xuất bản. Ông có tên trong những người tham gia nhóm Nhân Văn - Giai Phẩm.

Nguyễn Thành Long là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, hội viên Hội Nhà văn Việt Nam từ năm 1957.

Ông mất ở Hà Nội ngày 6 tháng 5 năm 1991, thọ 66 tuổi.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Ngày 25-7-2008, ông được Nhà nước truy tặng Huân chương Lao động hạng Nhì.

Tác phẩm:

- *Bát com cụ Hồ* (tập bút ký, 1952)
- *Gió bắc gió nồm* (tập bút ký, 1956)
- *Hương diên* (tập truyện ngắn, 1957)
- *Chuyện nhà chuyện xưởng* (tập truyện ngắn, 1962)
- *Gang ra* (bút ký 1964)
- *Trong gió bão* (truyện, 1963)
- *Những tiếng vỗ cánh* (1967)
- *Giữa trong xanh* (tập truyện ngắn, 1972)
- *Nửa đêm về sáng* (tập truyện ngắn, 1978)
- *Lý Sơn, mùa tôi* (tập truyện ngắn, 1981)
- *Sáng mai nào, xế chiều nào* (1984)

### Lặng lẽ Sa Pa

Rời cầu cây số 4 một quãng, xe trèo lên núi. Mây hắt từng chiếc quạt trắng lên từ các thung lũng. Chỉ thấy thấp thoáng trong màu xanh bao la, ở phía trước, một vệt hình ba góc màu vàng, chính là đoạn đường mình vừa đi qua. Đi một lúc lâu, ngừng lên, vẫn thấy cái vệt ba góc đó. Đến bây giờ, người lái xe già mới cất tiếng nói: - Con suối có thác trắng xoá ta vừa qua là trạm rừng. Một lúc nữa thì tới Sapa. Bác không ghé thăm Sapa ư? Họa sĩ nào cũng đến Sapa! Ở đây tha hồ mà vẽ. Tôi đi đường này ba mươi hai năm. Trước Cách mạng tháng Tám, tôi chở lên chở về mãi nhiều họa sĩ như bác. Họa sĩ Tô Ngọc Vân này, họa sĩ Hoàng Kiệt này...

Thật là đột ngột! Nhà hội họa có tuổi mỉm cười thay lời đáp. Lúc này, ở bên Lao Cai, lúc xe sắp nổ máy, thấy hàng ghế thứ ba chật vì đôi vợ chồng Mèo trẻ mua vé không cùng chuyến nhưng nhất định không rời nhau, bác lái xe mời ông lên ghế

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

đầu, ngồi giữa bác và một cô gái. Ông vừa yên chỗ, bác lái xe ngấm nghĩa thế nào hỏi ngay: “Bác là họa sĩ à?” À, ra thế - ông nghĩ thầm - bác từng quen nhiều họa sĩ. Cũng là một tay lái có máu nghệ thuật đây.

- Nực cười, lúc còn trẻ, tôi cũng qua đường này nhiều lần chứ. Giá vẽ, hộp màu, cuộn giấy, lịch kích lăm chứ. Thế nhưng chẳng ai nhận ra tôi. Bây giờ già rồi, đi đâu trong túi cũng mỗi cuốn sổ con này thôi, vậy mà ai cũng nói đúng mình làm nghề gì, không lẫn đi đâu được. Cô đây, hôm qua cô chẳng hỏi tôi thế là gì?

Cô gái nhếch mép cười, có vẻ rất bằng lòng về việc ông được chuyển lên ngồi cạnh cô. Sau một đêm và một ngày đi tàu từ Hà Nội, cùng ngồi trong một ngăn toa cứ chật dần lên, đến nơi lại không có cách nào khác đành gộp hành lý luôn vào một chiếc đòn gánh cùng khênh đến khách sạn cách thị xã bốn cây, sau một đoạn đường như vậy, người ta coi nhau như là bà con. Nhà họa sĩ có cái cảm giác lẫn lộn thường có ở tuổi già, nhanh chóng coi cô gái là con.

- Tuần lễ này, ở nhà, anh em định làm tiệc tiễn tôi về hưu. Tôi xin anh em hoãn bữa tiệc đến cuối tuần sau. Đợi tôi đi chuyến “thực tế” này về đã. Đối với một nghệ sĩ, trong cuộc đời có hai hồi thích nhất, đó là hồi mình còn trẻ và hồi này của tôi. Mình có thể năng nổ đi, vẽ, như thời thanh niên. Mình có thêm sự chín chắn hồi ấy mình chưa có. Không bi quan, không ảo tưởng, tôi cho tôi cũng còn được mười năm sống nữa. Phải vẽ được cái gì suốt đời mình thích, cô nhỉ?

Ông dễ dàng cởi mở với cô gái những lời tự tin mà, đã già, ông vẫn giữ một cách khiêm tốn vô lí, không bao giờ dám thổ lộ với bạn bè. Còn cô gái là kĩ sư vừa đỗ, đi nhận việc ở Ti Nông nghiệp Lai Châu. Lần đầu ra khỏi Hà Nội, qua cuộc đời học trò chật hẹp, bước vào cuộc sống bát ngát mới tinh, cái gì cũng làm cho cô háo hức. Cô cứ nhìn ra ngoài cửa xe, mắt lạng lẽ

## HUỶNH ÁI TÔNG

mà say mê. Cô là thanh niên trẻ ra trường có thể đi bất kì đâu, làm bất kì gì, nhận bất kì lương hưởng, tiếp đón thế nào, cô thấy lòng cô cũng nhẹ nhàng. Sự thật thì cô cũng có lần yêu, nhưng rồi xóa ngay vì biết mình lầm.

Hai ngày sống gần với nhau, với sự nhạy cảm riêng của người nghệ sĩ, nhà hội họa già biết điều đó. Ông nói như nói một điều hiển nhiên và không quan trọng:

- Đối với một người khao khát trời rộng, sự dứt bỏ một tình yêu nhiều khi lại nhẹ lòng. Người con gái xúc động vì đột nhiên nghe một người đã già diễn tả bằng lời cảm nghĩ vốn mơ hồ và lả tả của mình. Từ phút đó trở đi, hai người gần nhau thêm một mức nữa.

- Hay đấy. Tôi cũng đi Lai Châu. Tôi sẽ đưa cô đến ti, giao cô tận tay ông trưởng ti, nhờ ông ta hết sức giúp cô, xem qua chỗ ăn, chỗ nằm của cô như một ông bố thật sự, rồi tôi quay về. Cô không lo đâu.

Như vậy đấy, bắt đầu sự thân thiết giữa cô gái và ông già vui tính.

- Chúng ta vừa qua Sa Pa , bác không nhận ra ư? - Người lái xe bỗng nhiên lại hỏi.

- Có. Tôi có nhận ra. Sa Pa bắt đầu với những rặng đèo. Và với những đàn bò lang cổ có đeo chuông ở các đồng cỏ trong lũng hai bên đường. Chỗ ấy là Tả Phình phải không bác? - Nhà họa sĩ hỏi.

- Vâng. Bác không thích dừng lại Sa Pa ư?

- Thích chứ, thích lắm. Thế nào tôi cũng về ở hẳn đấy. Tôi đã định thế. Nhưng bây giờ chưa phải lúc.

- Bác sợ Sa Pa buồn chứ gì?

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Nhà họa sĩ phá lên cười:

- Buồn thì ai mà chả sợ? Nó như con gián gặm nhấm người ta? Tốt hơn là tránh nó để làm việc đời.

Những nét hớn hở trên mặt người lái xe chợt duỗi ra rồi bằng đi một lúc, bác không nói gì nữa. Còn nhà họa sĩ và cô gái cũng nín bật, vì cảnh trước mặt bỗng hiện lên đẹp một cách kì lạ. Nắng bây giờ bắt đầu lên tới, đốt cháy rừng cây. Những cây thông chỉ cao quá đầu, rung tí trong nắng những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của những cây tử kính thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng. Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên các vòm lá ướt sương, rơi xuống đường cái, luồn cả vào gầm xe. Giữa lúc đó, xe dừng sít lại. Hai ba người kêu lên một lúc:

- Cái gì thế?

Bác lái xe xướng to:

- Cho xe nghỉ một lúc lấy nước. Luôn tiện bà con lót dạ. Nửa tiếng, các ông, các bà nhé.

Trong lúc mọi người xôn xao vui vẻ phía sau lưng, bác lái xe quay sang nhà họa sĩ nói vội vã:

- Tôi sắp giới thiệu với bác một trong những người cô độc nhất thế gian. Thế nào bác cũng thích về hẳn.

Không hiểu sao nói đến đây, bác lái xe lại liếc nhìn cô gái. Cô bất giác đỏ mặt lên!

- Một anh thanh niên hai mươi bảy tuổi! Đây là đỉnh Yên Sơn, cao hai nghìn sáu trăm mét. Anh ta làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu. Cách đây bốn năm, có hôm tôi cũng đang

## HUỶNH ÁI TÔNG

đi thế này chợt thấy một khúc thân cây chắn ngang đường, phải hãm lại. Một anh thanh niên ở đâu chạy đến, hè với tôi và khách đi xe đẩy khúc cây ra một bên cho xe đi. Hỏi ở đây mà ai đẩy cây ra giữa đường thế này, anh chỉ đỏ mặt. Thì ra anh ta mới lên nhận việc, sống một mình trên đỉnh núi, bốn bề chỉ cây cỏ và mây mù lạnh lẽo, chưa quen, thèm người quá, anh ta kiếm kế dừng xe lại để gặp chúng tôi, nhìn trông và nói chuyện một lát. Kia, anh ta kia.

Những lời giới thiệu trước ấy làm nhà họa sĩ già xúc động mạnh khi nhìn thấy người con trai tầm vóc bé nhỏ, nét mặt rạng rỡ từ trên sườn núi trước mặt chạy lại chỗ xe đỗ. Ông không chú ý cô con gái cũng vúi chặt vào vai ông, nửa vì tò mò, nửa vì để tự vệ chống lại một cái gì đó. Người con trai đưa cho bác lái xe một gói nhỏ:

- Cái gì thế này? - Bác lái xe hỏi.

- Củ tam thất cháu vừa đào thấy. Cháu gửi bác gái ngâm rượu uống. Hôm nọ bác chẳng bảo bác gái vừa ốm dậy là gì?

Bác lái xe cũng rút từ túi cửa xe ra một gói giấy:

- Còn đây là sách tôi mua hộ anh.

Người con trai mừng quýnh cầm cuốn sách còn đang cười cười nhìn khắp khách đi xe bây giờ đã xuống đất tất cả. Kẻ đang vươn vai, người ngồi bệt xuống ven đường giờ thức ăn mang theo ra.

Bác lái xe dắt anh ta lại chỗ nhà hội họa và cô gái:

- Đây, tôi giới thiệu với anh một họa sĩ lão thành nhé. Và cô đây là kĩ sư nông nghiệp. Anh đưa khách về nhà đi. Tuổi già cần nước chè, ở Lao Cai đi sớm quá. Anh hãy đưa ra cái món chè pha nước mưa thơm như nước hoa của Yên Sơn nhà anh.



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Anh thanh niên đỏ mặt, rõ ràng luống cuống:

- Vâng, mời bác và cô lên chơi. Nhà cháu kia. Lên cái bậc cấp kia, trên ấy có cái nhà đấy. Nước sôi đã có sẵn, nhưng cháu về trước một tí. Bác và cô lên ngay nhé.

Nói xong, anh chạy vụt đi, cũng tắt tả như khi đến.

- Bác và cô lên với anh ấy một tí. Thế nào bác cũng thích vẽ anh ta - Người lái xe lại nói.

Họa sĩ nghĩ thầm: “Khách tới bất ngờ, chắc cu cậu chưa kịp quét tước dọn dẹp, chưa kịp gấp chăn chẳng hạn.” Ông rất ngạc nhiên khi bước lên bậc thang bằng đất, thấy người thanh niên đang hái hoa. Còn cô kĩ sư chỉ “ồ” lên một tiếng! Sau gần hai ngày, qua ngót bốn trăm cây số đường dài cách xa Hà Nội, đứng trông mây mù ngang tầm với chiếc cầu vồng kia, bỗng nhiên lại gặp hoa đơn, hoa thược dược, vàng, tím, đỏ, hồng phấn, tổ ong... ngay lúc dưới kia là mùa hè, đột ngột và mừng rỡ, quên mất e lệ, cô chạy đến bên người con trai đang cắt hoa. Anh con trai, rất tự nhiên như với một người bạn đã quen thân, trao bó hoa đã cắt cho người con gái, và cũng rất tự nhiên, cô đỡ lấy.

- Tôi cắt thêm mấy cành nữa. Rồi cô muốn lấy bao nhiêu nữa, tùy ý. Cô cứ cắt một bó rõ to vào. Có thể cắt hết, nếu cô thích. Tôi không biết kỷ niệm thế nào cho thật long trọng ngày hôm nay. Bác và cô là đoàn khách thứ hai đến thăm nhà tôi từ tết. Và cô là cô gái thứ nhất từ Hà Nội lên tới nhà tôi từ bốn năm nay.

Người con trai nói to những điều đáng lẽ người ta chỉ nghĩ. Cũng là những điều ta ít nghĩ. Việc ấy làm bác già và cô gái cảm động và cuốn hút ngay. Cô ôm bó hoa vào ngực, bạo dạn

## HUỶNH ÁI TÔNG

nhìn thẳng vào mặt anh. Anh thanh niên bắt gặp cái nhìn đó, phải vội giọt mồ hôi trên sống mũi, mỉm cười, hạ giọng hỏi:

- Cũng đoàn viên, phỏng?

- Vâng - cô gái sẽ nói.

- Thôi, chấm dứt tiết mục hái hoa - Người con trai bắt chọt quyết định - Bác lái xe chỉ cho ba mươi phút thôi. Hết năm phút rồi. Cháu nói qua công việc của cháu năm phút. Còn hai mươi phút, mời bác và cô vào nhà uống chè, cho cháu nghe chuyện. Cháu thèm nghe chuyện dưới xuôi lắm. Công việc của cháu cũng quanh quẩn ở mấy chiếc máy ngoài vườn này thôi. Những cái máy vườn trạm khí tượng nào cũng có. Dãy núi này có ảnh hưởng quyết định với gió mùa đông bắc đối với miền Bắc nước ta. Cháu ở đây có nhiệm vụ đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hằng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu. Đây là máy móc của cháu. Cái thùng đo mưa này, ở đâu bác cũng trông thấy, mưa xong đổ nước ra cái cốc li phân mà đo. Cái này là máy nhật quang kí, ánh sáng mặt trời xuyên qua cái kính này, đốt các mảnh giấy này, cứ theo mức độ, hình dáng vết cháy vết cháy mà định nắng. Đây là máy vin, nhìn khoảng cách giữa các răng cưa mà đoán gió. Ban đêm không nhìn mây, cháu nhìn gió lay lá, hay nhìn trời, thấy sao nào khuất, sao nào sáng, có thể nói được mây, tính được gió. Cái máy nằm dưới sâu kia là máy đo chấn động vỏ quả đất. Cháu lấy những con số, mỗi ngày báo về “nhà” bằng máy bộ đàm: bốn giờ, mười một giờ, bảy giờ tối, lại một giờ sáng. Bản báo ấy trong ngành gọi là “ốp”. Công việc nói chung dễ, chỉ cần chính xác. Gian khổ nhất là lần ghi và báo về lúc một giờ sáng. Rét, bác ạ. Ở đây có cả mưa tuyết đấy. Nửa đêm đang nằm trong chăn, nghe chuông đồng hồ chỉ muốn đưa tay tắt đi. Chui ra khỏi chăn, ngọn đèn bão vặn to đến cỡ nào vẫn thấy là không đủ sáng. Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực mình ra là ào ào xô tới. Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: nó như bị chặt ra từng

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

khúc, mà gió thì giống những nhát chổi muốn quét đi tất cả, ném vút lung tung... Những lúc im lặng lạnh cóng mà lại hùng hực như cháy. Xong việc, trở vào, không thể nào ngủ lại được.

Anh thanh niên đang nói, dừng lại. Và tại sao họa sĩ cảm giác mình bối rối? Vì nhắc thấy người con gái nhỏ nhỏ, e lệ, đứng giữa các luống đơn, không cần hái hoa nữa, ôm nguyên bó hoa trong tay, lắng tai nghe? Vì họa sĩ đã bắt gặp một điều thật ra ông vẫn ao ước được biết, ôi, một nét thôi đủ khẳng định một tâm hồn, khơi gợi một ý sáng tác, một nét mới đủ là giá trị một chuyến đi dài.

- Anh nói nữa đi - Ông giục.

- Báo cáo hết! - Người con trai vụt trở lại giọng vui vẻ. - Năm phút nữa là mười. Còn hai mươi phút thôi. Bác và cô vào trong nhà. Chè đã ngâm rồi đấy.

Thì giờ ngắn ngủi còn lại thúc giục cả chính người họa sĩ già. Ông theo liền anh thanh niên vào trong nhà, đảo nhìn qua một lượt trước khi ngồi xuống ghế. Một căn nhà ba gian, sạch sẽ, với bàn ghế, sổ sách, biểu đồ, thống kê, máy bộ đàm. Cuộc đời riêng của anh thanh niên thu gọn lại một góc trái gian với chiếc giường con, một chiếc bàn học, một giá sách. Họa sĩ còn đang nheo mắt cố đọc tên các sách trên giá thì cô gái đã bước tới, dường như làm việc ấy hộ bố. Cô không trở lại bàn giữa và ngồi ngay xuống trước chiếc bàn học con, lật xem bìa một cuốn sách rồi để lại nguyên lật mở như cũ. Anh thanh niên rót nước chè mời bác già, ngoảnh lại tìm cô gái, thấy cô đang đọc, liền bung cái chén con đến yên lặng đặt trước mặt cô.

Họa sĩ nhấp chén trà nóng ba ngày nay ông mới lại gặp, không giấu vẻ thích thú, tự rót lấy một chén nữa, nói luôn:

- Ta thỏa thuận thế này. Chuyện dưới xuôi, mười ngày nữa trở lại đây, tôi sẽ kể anh nghe. Tôi sẽ trở lại, danh dự đây. Tôi

## HUỶNH ÁI TÔNG

cũng muốn biết cái yên lặng lúc một giờ sáng chon von trên cao nó thế nào. Bây giờ có cả ba chúng ta đây, anh hãy kể chuyện anh đi. Sao người ta bảo anh là người cô độc nhất thế gian? Rằng anh “thèm” người lắm?

Anh thanh niên bật cười khanh khách:

- Các từ ấy đều là của bác lái xe. Không, không đúng đâu. Một mình thì anh bạn trên trạm đỉnh Phan-xi-păng ba nghìn một trăm bốn mươi hai mét kia mới một mình hơn cháu. Làm khí tượng, ở được cao thế mới là lí tưởng chứ.

Anh hạ giọng, nửa tâm sự, nửa đọc lại một điều rõ ràng đã ngẫm nghĩ nhiều:

- Hồi chưa vào nghề, những đêm bầu trời đen kịt, nhìn kĩ mới thấy một ngôi sao xa, cháu cũng nghĩ ngay ngôi sao kia lẻ loi một mình. Bây giờ làm nghề này cháu không nghĩ như vậy nữa. Vả, khi ta việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất. Còn người thì ai mà chả “thèm” hờ bác? Mình sinh ra là gì, mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc? Đấy, cháu tự nói với cháu thế đấy. Bác lái xe đi, về Lai Châu cứ đến đây dừng lại một lát. Không vào giờ “ốp” là cháu chạy xuống chơi, lâu thành lệ. Cháu bỗng dưng tự hỏi: Cái nhớ xe, nhớ người ấy thật ra là cái gì vậy? Nếu là nỗi nhớ phần hoa đô hội thì xoàng. Cháu ở liền trong trạm hằng tháng. Bác lái xe bao lần dừng, bóp còi toe toe, mặc, cháu gan lì nhất định không xuống. Ấy thế là một hôm, bác lái phải thân hành lên trạm cháu. Cháu nói: “Đấy, bác cũng chẳng “thèm” người là gì?”

Anh xoay sang người con gái đang một mắt đọc cuốn sách, một mắt lắng nghe, chân cô đứng đưa khe khẽ, nói:

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

- Và cô cũng thấy đấy, lúc nào tôi cũng có người trò chuyện. Nghĩa là có sách ấy mà. Mỗi người viết một vẽ.

- Quê anh ở đâu thế? - Họa sĩ hỏi.

- Quê cháu ở Lào Cai này thôi. Năm trước, cháu tưởng cháu được đi xa lắm cơ đấy, hóa lại không. Cháu có ông bố tuyệt lắm. Hai bố con cùng viết đơn xin ra lính đi mặt trận. Kết quả: bố cháu thắng cháu một - không. Nhân dịp Tết, một đoàn các chú lái máy bay lên thăm cơ quan cháu ở Sa Pa. Không có cháu ở đấy. Các chú lại cử một chú lên tận đây. Chú ấy nói: nhờ cháu có góp phần phát hiện một đám mây khô mà ngày ấy, tháng ấy, không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng. Đối với cháu, thật là đột ngột, không ngờ lại là như thế. Chú lái máy bay có nhắc đến bố cháu, ôm cháu mà lắc “Thế là một - hòa nhé!”. Chưa hòa đâu bác ạ. Nhưng từ hôm ấy cháu sống thật hạnh phúc. Ồ, bác vẽ cháu đấy ư? Không, không, đừng vẽ cháu! Để cháu giới thiệu với bác những người khác đáng cho bác vẽ hơn.

Phải, người họa sĩ già vừa nói chuyện, tay vừa bắt giắc hí hoáy vào cuốn sổ tí lên đầu gối. Hơn bao nhiêu người khác, ông biết rất rõ sự bất lực của nghệ thuật, của hội họa trong cuộc hành trình vĩ đại là cuộc đời. Ông thấy ngòi bút của ông bất lực trên từng chặng đường đi nhỏ của ông, nhưng nó như là một quả tim nữa của ông, hay chính là quả tim cũ được “đề cao” lên, do đó mà ông khao khát, mà ông yêu thêm cuộc sống. Thế nhưng, đối với chính nhà họa sĩ, vẽ bao giờ cũng là một việc khó, nặng nhọc, gian nan. Làm một bức chân dung, phác họa như ông làm đây, hay rồi vẽ dầu, làm thế nào làm hiện lên được mẫu người ấy? Cho người xem hiểu được anh ta, mà không phải hiểu như một ngôi sao xa? Và làm thế nào đặt được chính tâm lòng của nhà họa sĩ vào giữa bức trnh đó? Chao ôi, bắt gặp một con người như anh ta là một cơ hội hãn hữu cho sáng tác, nhưng

## HUỶNH ÁI TÔNG

hoàn thành được sáng tác còn là một chặng đường dài. Mặc dù vậy, ông đã chấp nhận sự thử thách.

Để khỏi vô lễ, người con trai vẫn ngồi yên cho ông vẽ, nhưng cho là mình không xứng với thử thách ấy, anh vẫn nói:

- Không, bác đừng mất công vẽ cháu! Cháu giới thiệu với bác ông kĩ sư ở vườn rau dưới Sa Pa ! Ngày này sang ngày khác ông ngồi im trong vườn su hào, rình xem cách ông lấy phần, thụ phần cho hoa su hào. Rồi, để được theo ý mình, tự ông cầm một chiếc que, mỗi ngày chín mười giờ sáng, lúc hoa tung cánh, đi từng cây su hào làm thay cho ong. Hàng vạn cây như vậy. Để củ su hào nhân dân toàn miền Bắc nước ta ăn được to hơn, ngon hơn trước. Ông kĩ sư làm cháu thấy cuộc đời đẹp quá. Bác về Sa Pa vẽ ông ta đi, bác. Hay là, đồng chí nghiên cứu khoa học ở cơ quan cháu ở dưới ấy đấy. Có thể nói đồng chí ấy trong tư thế sẵn sàng suốt ngày chờ sét. Nửa đêm mưa gió rét buốt, mặc, cứ nghe sét là đồng chí choáng choàng chạy ra. Như thế mười một năm. Mười một năm không một ngày xa cơ quan. Không đi đến đâu mà tìm vợ. Đồng chí cứ sợ nhớ có sét lại vắng mặt mình. Đồng chí đang làm một cái bản đồ sét riêng cho nước ta. Có cái bản đồ ấy thì lắm của lắm bác ạ. Của chìm nông, của chìm sâu trong lòng đất đều có thể biết, quý giá lắm. Trán đồng chí cứ hói dần đi. Nhưng cái bản đồ sét thì sắp xong rồi.

Trong cái lặng im của Sa Pa , dưới những dinh thự cũ kĩ của Sa Pa, Sa Pa mà chỉ nghe tên, người ta đã nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi, có những con người làm việc và lo nghĩ như vậy cho đất nước.

Cũng may mà bằng mấy nét, họa sĩ ghi xong lần đầu gương mặt của người thanh niên. Người con trai ấy đáng yêu thật, nhưng làm cho ông nhọc quá. Với những điều làm cho người ta suy nghĩ về anh. Và về những điều anh suy nghĩ trong cái vắng vẻ vùi vùi hai nghìn sáu trăm mét trên mặt biển, cuộn cuộn

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

tuôn ra khi gặp người. Những điều suy nghĩ đúng đắn bao giờ cũng có những vang âm, khơi gợi bao điều suy nghĩ khác trong óc người khác, có sẵn mà chưa rõ hay chưa được đúng. Ví dụ như quan niệm về cái đất Sa Pa mà ông quyết định sẽ chỉ đến để nghỉ ngơi giai đoạn cuối trong đời, mà ông yêu nhưng vẫn còn tránh.

Những bản khoản ấy làm cho nhà họa không nhận xét được gì ở cô con gái ngồi trước mặt đang kia. Những điều cô cùng nghe, cộng với những điều cô khám phá thấy trên hai trang sách hay đang đọc dở của người con trai làm cô bàng hoàng. Có phải cái ánh sáng trong quyển sách rọi sang, làm cho cô hiểu thêm cuộc sống một mình dũng cảm tuyệt đẹp của người thanh niên, về cái thế giới những con người như anh mà anh kể, và về con đường cô đang đi tới? Có phải cái cảm giác bàng hoàng, đáng lẽ cô phải biết khi cô yêu, bây giờ cô mới biết, giúp cô đánh giá đúng hơn mối tình nhạt nhẽo mà cô đã bỏ, và yên tâm hơn về quyết định của mình? Một ấn tượng hàm ơn khó tả dạt lên trong lòng cô gái. Không phải chỉ vì bó hoa rất to sẽ đi theo cô trong chuyến đi thứ nhất ra đời. Mà vì một bó hoa nào khác nữa, bó hoa của những háo hức và mơ mộng ngẫu nhiên anh cho thêm cô. Và vì một cái gì đó nữa mà lúc này cô chưa kịp nghĩ kĩ. Cô loay hoay tìm trong túi xách. Nhà họa sĩ thì còn trở lại, nhưng cô, trong trời đất Tây Bắc bạt ngàn, trong cuộc đời mong manh nói chung, chốc nữa, chắc là cô sẽ đi luôn, biến mất, có cái gì tặng lại anh ta để, như anh ta nói, kỉ niệm lần gặp gỡ này. Một cái cón con gì rồi ra có thể biến thành một chút xíu dịu dàng, một chút xíu dũng cảm trong cuộc sống của anh ta? Một cuốn sách, một món trang trí nhỏ chẳng hạn? Không, hiện giờ trong cái túi xách của cô không có vật gì như thế.

- Trời ơi, chỉ còn có năm phút!

Chính là anh thanh niên giật mình nói to, giọng cười nhưng đầy tiếc rẻ. Anh chạy ra nhà phía sau, rồi trở vào liền, tay cầm một

## HUỶNH ÁI TÔNG

cái làn. Nhà họa sĩ tặc lưỡi đứng dậy. Cô gái cũng đứng lên, đặt lại chiếc ghế, thong thả đi đến chỗ bác già.

- Ô! Cô còn quên chiếc mùi soa đây này!

Anh thanh niên vừa vào, kêu lên. Để người con gái khỏi trở lại bàn, anh lấy chiếc khăn tay còn vo tròn cặp giữa cuốn sách tới trả cho cô gái. Cô kĩ sư mặt đỏ ửng, nhận lại chiếc khăn và quay vội đi.

- Chào anh. - Đến bậu cửa, bỗng nhà họa sĩ già quay lại chụp lấy tay người thanh niên lắc mạnh.

- Chắc chắn rồi tôi sẽ trở lại. Tôi ở với anh ít hôm được chứ?

Đến lượt cô gái từ biệt. Cô chìa tay ra cho anh nắm, cẩn trọng, rõ ràng, như người ta cho nhau cái gì chứ không phải là cái bắt tay. Cô nhìn thẳng vào mắt anh - những người con gái sắp xa ta, biết không bao giờ gặp ta nữa, hay nhìn ta như vậy.

- Chào anh.

Lần đầu, chính là anh thanh niên quay mặt đi. Anh ấn cái làn vào tay bác già và nói vội vã:

- Cái này để ăn trưa cho bác, cho cô và bác lái xe. Cháu có bao nhiêu là trứng, ăn không xuể. Cháu không tiễn bác và cô ra xe được, vì gần tới giờ “ốp” rồi. Thôi chào bác, chào cô. Bác sẽ trở lại nhé.

Hai ông con theo bậc cấp bước xuống đồi, đến mặt đường nhìn lên, không thấy người con trai đứng đấy nữa. Anh ta đã vào nhà trong. Ông xách cái làn trứng, cô ôm bó hoa to. Lúc bấy giờ, nắng đã mạ bạc cả con đèo, đốt cháy rừng cây hừng hực như một bó đuốc lớn. Nắng chiếu làm cho bó hoa càng thêm rực rỡ và làm cho cô gái cảm thấy mình rực rỡ theo. Hai người



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

lững thững đi về phía chiếc xe đỗ, im lặng rất lâu. Bỗng bác già nhìn chiếc đồng hồ nói một mình:

- Thanh niên bây giờ lạ thật! Các anh chị cứ như con bướm. Mà đã mười một giờ, đến giờ “ốp” đâu? Tại sao anh ta không tiễn mình đến tận xe nhỉ?

Cô gái liếc nhìn bác già một cái rất nhanh, tự nhiên hồi hộp, nhưng vẫn im lặng.

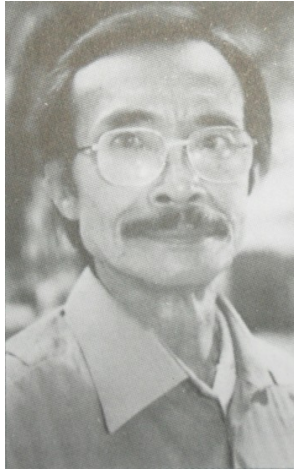
Lào Cai tháng sáu, Hà Nội tháng bảy - 1970.

Trong *Cây bút, đời người* tập chân dung văn học Vương Trí Nhàn viết về Nguyễn Thành Long: “*Trong cuộc đời này thiếu chi người mong thành nhà văn mà không thành. May mắn hơn họ – hay là rủi ro hơn họ, nói thế cho công bằng – có một số người suốt đời ăn chịu với nghề, sống là nhà văn và chết với tư cách nhà văn. Nhưng có bao giờ một ngòi bút chân chính thực sự yên lòng với mình? Ngoài những trang đã viết ra, cái di chúc lớn khác mà một nhà văn chân chính để lại thường là nỗi khắc khoải vì biết rằng còn bao công việc đáng lẽ phải làm, nhất là đáng lẽ mình phải viết khác kia mà tự khác đi làm sao nổi. Nguyễn Thành Long là một nhà văn chân chính với nghĩa ấy*”

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Thành Long Web: sachxua.net
- Nguyễn Thành Long Blog: huyenhuyenvang.blogspot.com

30) Vũ Sắc



**Vũ Sắc (1925-2012)**

Nhà văn Vũ Sắc, tên thật cũng là Vũ Sắc sinh ngày 25 tháng 10 năm 1925 tại làng Hoàng Mai nay là phường Hoàng Văn Thụ, Hà Nội. Đảng viên,

Nhà văn tham gia cách mạng năm 1945 rồi tòng quân vào học trường Lục quân Trần Quốc Tuấn (khóa II). Từng là cán bộ đại đội, tiểu đoàn Đại đoàn 312 làm nhiệm vụ bảo vệ An toàn khu. Từ năm 1946 là phóng viên báo *Vệ quốc quân*.

Năm 1957 tham gia thành lập tạp chí *Văn nghệ quân đội*. Hội viên sáng lập Hội nhà văn Việt Nam.

Năm 1960 là biên tập viên nhà xuất bản Quân đội, nghỉ hưu năm 1988.

Ông bị liên lụy Nhân văn giai phẩm nên lận đận trong cuộc đời, có thời gian đi lao động tại nông trường, cả đời chỉ làm Biên tập viên nhiều cơ quan, lương rất thấp. Bù lại ông là

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
người say nghề và góp công đào tạo rất nhiều nhà văn quân đội  
qua các trại viết.

Vũ Sắc nhận được Giải thưởng văn học Tổng cục Chính trị  
(1994) với tập *Chúng tôi làm Côn Cỏ*.

Do tuổi cao sức yếu ông từ trần ngày 6 tháng 3 năm 2012 t ại  
Hà Nội, hưởng thọ 87 tuổi.

Tác phẩm:

- *Đoàn dân công* (bút ký, 1950)
- *Chiếc thắt lưng chị Dậu* (bút ký, 1951)
- *Tổ cấp dưỡng* (Truyện ngắn, 1951)
- *Trần Can* (truyện, 1955)
- *Con riêng* (Truyện ngắn, 1957)
- *Bến phà P.12* (Truyện ngắn 1984)
- *Chúng tôi làm Côn cỏ* (Truyện, 1994)...

Trích văn:

### **Con riêng**

Trời về chiều, nắng hanh.

Thằng co Khái một phen, là hai anh em thằng cu Hoàn, thằng  
cu Phi một phe; cả ba đứa đang ném nhau túi bụi ở sân. Quần  
áo của chúng không đứa nào bắn kém đứa nào. Cái đầu móng  
lừa của thằng Khái đã nhiều lần bị trúng “đạn” đất thó. Thoạt  
trông, ai cũng ngỡ nó đang đội chiếc mũ nồi loang lổ.

Giữa lúc “kịch chiến” ấy thì tiếng bà lão Tâm quát vang lên:

- Chỗ này là chỗ mày đánh nhau đấy à Khái, lại chỉ mày đây  
têu thôi! Sao giống bố mày thế!

## HUỶNH ÁI TÔNG

Cả ba đứa đều rụng rời. Thằng Hoàn, thằng Phi chui chạy qua giậu, chạy biệt ra đường trốn mất. Thằng cu Khái vội vàng co đôi ống chân ngấn tun ngùn và mồm thếch lên chạy tót ra sau đồng rom. Lùi ở đấy, nó vuron dài cổ ra, ngáp nghé giương tròn xeo đôi mắt nâu lên nhìn bà lão Tâm để tìm cách ứng phó.

Nhưng bà lão chỉ tồn có dăm bảy bước đã nắm ngay được vạt áo chun của cu Khái và thận tay phát cho thằng bé một chập vào đít. Bà lão vừa đánh vừa chửi:

- Cha tông giống mày! Mày chỉ đầu têu thôi. Này, đầu têu này! Này, đầu têu này!

Người cu Khái cứ ưỡn ra, xoay như chiếc chong chóng. Mặt nhún lại, mồm cệch đi, nó vừa khua đôi bàn tay bé như bàn tay ếch ra phía trước sau để đỡ đòn, vừa khóc tướng lên:

- Ói, cháu lạy bà. Ói, cháu lạy bà.

Nó vẫn nhớ rành rành thằng Hoàn đã núp sau cái bẻ cạn cùng với thằng Phi ném nó trước, nắm cái gộc tre lồm xồm những rễ cứng kia kia. Nó riu lười thanh minh:

- Ói, cháu lạy bà. Thằng Hoàn nó đầu têu đấy! Cháu có đầu têu đâu. Ói ! cháu lạy bà.

Nhưng bà lão cứ như điếc, giơ bàn tay không phát vào đít nó theo từng nhịp ngắt câu:

- Này già mòn này! Này còn cãi này! Này đầu têu này!

Thơm vừa đi lấy món tiền bán mấy luống rau cho người hàng xóm Bé về. Thơm mua cho ba đứa trẻ ba chiếc bánh rán mật to bằng nhau, đồ sẫm như nhau: Thằng Khái con riêng của Thơm một cái, thằng Hoàn và thằng Phi con của em chồng Thơm, mỗi đứa một cái.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Thơm bước nhanh về nhà. Đôi mắt Thơm cũng nâu nâu như mắt cu Khái, nhìn thăm thẳm về phía trước. Cái khăn mỏ quạ bị gió đồng thổi hất làm rối cả đường ngôi. Khuôn mặt trái xoan ửng đỏ, đỏ vì cả nổi bực dọc trong lòng... Cái gì Thơm cũng cho chúng đều nhau, thế mà bà lão với chú thím ấy thì chẳng làm thế cho!

Nghĩ đến cái cảnh thằng co Khái đang giương giương cặp mắt thèm thùng nhìn sang phần quà cầu thằng Hoàn, thằng Phi, hoặc đang phụng phịu, méu máo ở bên tường, ngoài cổng vì sự bất công của bà lão. Thơm bỗng chạnh lòng nhớ đến Bình, người chồng trước của Thơm...

... Họ cưới nhau chưa đầy nửa tháng thì chiến tranh lan tới. Bình hy sinh ngay trong trận đầu. Thơm cứ đau xót mãi, một điều là Bình chả có tấm hình nào để lại. Đêm đêm, Thơm chỉ có biết áp mặt vào bó quần áo của Bình mà khóc, mà tưởng tới bóng dáng, lời ăn tiếng nói của Bình.

Nhưng rồi, như để đền bù phần nào cho sự mất mát đó, một tin vui đến với Thơm: Chị đã có nghén.

Những cô con gái mới có nghén thường hay xất hổ không muốn phô với ai. Nhưng Thơm thì khác, cô đi phô với tất cả mọi người. Người đầu tiên Thơm phô là bà mẹ chồng. Bà đang quét sân vội quăng chổi chạy vào, hỏn hên hỏi?

- Thật hả? Thật hả con?

Thơm cười khanh khách:

- Thật đấy u ạ, u con bên nhà thường bảo: Thâm dưa thì khú, thâm vú thì chữa mà lị.

Bà mẹ chồng cẩn thận hơn, kéo Thơm ra hiên:

## HUỶNH ÁI TÔNG

- Để u xem nào!

Rồi bà kiễng chân lên nhòm lông mày Thơm. Nhòm thế vẫn chưa đủ, bà bảo con dâu cuốn yếm lên cho bà xem vú. Thơm cuốn phăng yếm lên tận cổ và găm găm nhìn xuống đôi vú mẩy cứng của mình, cô nũng nịu:

- Đấy, nó chả thâm rồi là gì?

Bà cụ vuốt xuôi mảnh yếm của con dâu xuống, gật đầu và vui vẻ dặn dò:

- Phải giữ gìn đấy con nhé!

Bà cụ toan nói nữa nhưng phai quay đi không muốn cho con dâu thấy những dòng nước mắt của mình.

Thơm đi phò với anh chị em du kích. Ai cũng mừng cho cô. Họ cũng như Thơm, ai cũng mong Thơm đẻ con trai. Họ quyết định cho Thơm nghỉ công tác nhưng Thơm không nghe. Thơm bảo:

- Cứ để cho nó nổi nghiệp bố nó ngay từ giờ cho nó thích.

Và nó đã ra đời. Thằng bé càng lớn càng giống Bình như tạc. Cả nhà nâng nó quá nâng trứng, hứng nó quá như hứng hoa.

Thấm thoát đã bốn năm trôi. Thơm vẫn vừa hoạt động vừa nuôi con. Tuy buồn buồn cảnh goá bụa, nhưng người Thơm càng ngày càng đẹp ra. Đã nhiều thanh niên trong làng và nhiều thanh niên bộ đội ngỏ ý “làm bạn” với Thơm. Nghĩ đến cảnh “con anh con tôi” Thơm lại sờ sợ. Cảnh nhà chồng gieo neo về vật chất nhưng càng ngày càng ấm cúng. Vì vậy, Thơm từ chối hết mọi đám. Có kẻ khiêu khích Thơm, chê Thơm là phong kiến, là hủ lậu. Thơm gác ngoài tai hết.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Ngòi bút Vũ Sắc cho chúng ta thấy chiến tranh gây biết bao hệ lụy cho con người, cho chúng ta biết đời sống dân quê, cho chúng ta có cái nhìn về đường lối sáng tác theo hiện thực xã hội chủ nghĩa, để hướng con người sống trong chủ nghĩa xã hội.*

Tài liệu tham khảo:

- Vũ Sắc Web: [trannhuong.com](http://trannhuong.com)
- Vũ Sắc Web: [maxreading.com](http://maxreading.com)

**31) Minh Giang**



**Minh Giang - Nguyễn Khang (1927- )**

Nhà văn Minh Giang tên thật là Nguyễn Khang, sinh ngày 1 tháng 1 năm 1927 tại xã Vương Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

Trước cách mạng tháng 8 năm 1945, nhờ giỏi tiếng Nhật, tiếng Pháp nên Minh Giang được Việt Minh giao nhiệm vụ mua vũ khí cung cấp cho kháng chiến.

Năm 1949, ông là Huyện ủy viên Huyện Can Lộc Hà Tĩnh. Thê rồi, khi nhập ngũ, trong một lần làm báo tường, ông được tướng Nguyễn Sơn phát hiện và đưa vào làm báo Cự Nẫm của quân khu 4. Từ đó, ông theo nghề báo, nghề văn cho đến khi về tiếp quản thủ đô Hà Nội.

Năm 1954, kết thúc 9 năm kháng chiến chống Pháp gian khổ sau thắng lợi Điện Biên Phủ và kỷ niệm 10 năm thành lập QĐNDVN, Minh Giang được tặng Huân chương chiến sĩ hạng ba với lời đề: “ Tặng đồng chí Minh Giang đã có thành tích xuất sắc trong công tác văn nghệ, đặc biệt bài thơ Gửi anh bạn



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Triều Tiên đã góp phần thúc đẩy tinh thần kháng chiến của quân và dân từ hậu phương ra tiền tuyến”.

Tại Đại hội thành lập Hội Nhà văn Việt Nam (1957) Minh Giang là một trong những hội viên sáng lập đồng thời là lớp biên tập viên đầu tiên góp sức để tạp chí Văn nghệ quân đội số 1 ra đời.

Trên tạp chí Văn nghệ quân đội, có trích đăng một phần trường ca *Đây Việt Bắc* của Trần Dần. Việc này không phải do tổ thơ (Minh Giang thuộc tổ thơ) mà do Tổng biên tập và thư ký đề xuất. Không ngờ sau đó tác phẩm này bị phê phán. Trần Dần bị xếp vào Nhân văn giai phẩm. Thế rồi có những kẻ ác ý đã cho rằng Minh Giang là “cái cống để nước bẩn chảy qua”. Ông bị cảnh cáo, ghi lý lịch, bị đưa xuống sư đoàn 335 làm kinh tế ở Tây Bắc.

Từ năm 1958-1976, ông bị kết tội trầm lặng trong gần suốt 20 năm không được lên một bậc lương, không được in tác phẩm.

Sau đó, ông được chuyển ngành làm giảng viên trường đại học Sân khấu Điện ảnh thì cái án lạ lưng ấy mới chấm dứt.

Nơi đây, Minh Giang được giao nhiệm vụ giảng dạy môn triết học. Và điều đáng nói là, với một bộ môn khó dạy, khó học, đa số sinh viên không hào hứng, nhưng Minh Giang với khả năng biểu đạt của một nhà văn, sử dụng các phương pháp truyền thụ mềm dẻo, linh hoạt, đã có sức lôi cuốn hàng ngàn học sinh say mê. Minh Giang trở thành một giảng viên ưu tú, được đồng nghiệp đánh giá cao và sinh viên yêu mến.

Tác phẩm:

- *Cao nguyên xanh* (tiểu thuyết tình báo)
- *Tiếng đàn tranh* (tiểu thuyết tình báo)
- *Đôi mắt Huế* (tiểu thuyết tình báo)
- *Gió cuốn* (Công an Nhân dân, 2006)

## HUỶNH ÁI TÔNG

- *Một ngày thu* (tập thơ, 2008)
- *Bạch Vân cư sĩ* (tiểu thuyết lịch sử)
- *Cuộc thăng trầm* (tiểu thuyết lịch sử)
- *Mây núi Hồng* (Viết về chí sĩ Võ Liêm Sơn)...

Trích thơ:

### Gửi anh bạn Triều Tiên

“Làng đồng bào tôi đây  
Hắn phá hắn đốt  
Chè tươi rau tốt  
Hắn xéo hắn dày  
Hắn cướp lúa chín  
Hắn bắn trâu cày  
Lửa hờn cháy nám thân cây  
Lều nghiêng nửa mái, đường đầy khăn tang”

...  
“Anh bạn triều tiên ơi  
Máu anh cùng máu tôi rơi  
Trên hai đất nước  
Một trời thù chung”

(1951)

### Vàng trán bầu trời

Khi ta ẩn dưới hầm  
Trên đầu ta tiếng thét gươm man rợ  
Thành phố rung lên trong tiếng nổ âm âm  
Ta vẫn tin bầu trời không sụp đổ  
Khi ta ngồi trên mâm pháo  
Trong tư thế ngẩng đầu  
Đĩnh đạc vít quân thù xuống đất  
Vàng trán ta  
Nâng bầu trời lên cao

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Qua kháng chiến mười năm ta đã rõ  
Vàng trán cao tới đâu  
Bầu trời cao tới đó.*

(1972)

### Tình đời

*“Mỗi lần đi dọc con đường cây xanh lộng gió  
Lòng tôi sao man mác tình đời  
Tôi đã hiểu em là bầu trời khát gió  
Gió thổi bao nhiêu cho đầy ấp một bầu trời  
Tôi đã hiểu em là bầu trời thiếu vắng trăng sao  
Nhưng cuộc đời tôi cháy mãi một niềm đau  
Trăng đã rụng giữa tuổi xanh ngày ấy  
Và triệu ngôi sao lặn xuống biển mây mù  
Tôi chỉ còn một mảnh hồn thơ  
Mặc chiếc áo vá đầy kỷ niệm”.*

### Một ngày thu

*“Ngước nhìn mây trắng bay  
Gọi hồn bao thi sỹ  
Hai lần thiên niên kỷ  
Mây trắng vẫn bay hoài  
Ngôi nhớ bạn văn thơ  
Thả hồn làm cánh bướm  
Lại một ngày thu qua  
Lại một đêm trăng muộn” ...*

Trong bài “Nhà văn Minh Giang cháy mãi một niềm đau”, Thiên Sơn đã viết: “Hồi đầu đổi mới, các nhà văn một thời bị cấm đoán được tháo khoán, được khuyến khích viết. Một buổi tối, ông buồn buồn nói với tôi: “Khi còn trẻ, còn nhiều nhiệt huyết thì người ta làm cho lụi tàn mọi cảm xúc. Người ta đầu tở, đê nẹt, bóp nghẹt. Bây giờ người ta bảo viết thì đã già,

## HUỶNH ÁI TÔNG

*cảm xúc không còn như trước nữa”. Thế rồi, ông đã mượn chuyện Kim – Kiều để kín đáo thể hiện tâm sự của mình:*

*“Cụ chọn Thúy Kiều làm quốc sắc  
Mười lăm năm ngọc nát vàng tan  
Còn gì để tái hồi Kim Trọng  
Mà nửa đêm lại hỏi ngón đàn?”*

*(Nhớ Nguyễn Du)*

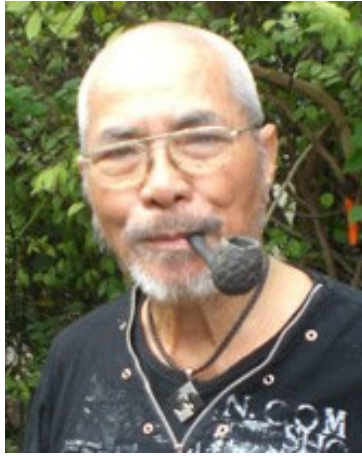
*Phận nhà văn như ông cũng như cô Kiều ấy thôi. Mấy chục năm không được viết. Chiến tranh liên miên, thành kiến đủ điều, hẹp hòi từ một số người quản lý... Đến lúc đổi mới, sửa sai thì đã già rồi, sức lực không còn, học vấn cũng đành bỏ phí.*

*Dù cõi đời dâu bể, Minh Giang luôn giữ lấy cốt cách một nhà trí thức. Thăng biến mấy mươi năm không làm ông thay đổi. Lòng ông nhân hậu, bao dung. Ông yêu quý trẻ con, nhịn nhường người dưới, kính trọng người trên. Giản dị, khiêm nhường và mẫu mực. Còn chút sức lực nào ông vẫn đọc, vẫn ghi chép, và vẫn suy ngẫm về thế thái nhân tình, về văn chương và những hướng cách tân.*

Tài liệu tham khảo:

- Minh Giang Web: [sachxua.net](http://sachxua.net)
- Minh Giang Blog: [nhathonguyentrongtao.wordpress.com](http://nhathonguyentrongtao.wordpress.com)

**32) Phan Vũ**



**Phan Vũ (1926- )**

Nhà thơ Phan Vũ, sinh năm 1926, quê mẹ Hải Phòng, nhưng quê cha của ông ở Đà Nẵng.

Mới 13 tuổi cậu bé Phan Vũ đã một mình tự vào Nam kiếm ăn sinh sống.

Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, ông hòa mình vào đội quân kháng chiến chống thực dân Pháp.

Sau năm 1954, ông định cư trong một căn xép nhỏ ở số nhà 52, phố Hàng Bún, Hà Nội.

Ông là lớp người cùng thời với Quang Dũng, Phùng Quán, Lê Đạt,... và là nhà văn thế hệ đầu tiên, khi Hội Nhà văn Việt Nam mới thành lập, năm 1957. Giao du với các họa sĩ Bùi Xuân Phái, Nguyễn Sáng.

Nhà thơ Phan Vũ có khá nhiều thành tựu về sân khấu và điện ảnh, là tác giả của những tác phẩm được công chúng ái mộ

## HUỶNH ÁI TÔNG

như: vở kịch "Lửa cháy lên rồi" (giải thưởng Văn học năm 1955), "Thanh gươm và Bà mẹ", kịch bản phim "Dòng sông âm vang",... Ông từng là đạo diễn các phim: "Người không mang họ", "Bí mật thành phố cấm", "Như một huyền thoại".

Sau này Phan Vũ định cư tại TP. HCM, khi tuổi đã ngoài 70, Phan Vũ lại bước sang hội họa và đã có những cuộc triển lãm tranh:

- 1995: Triển lãm chung tại Hội Mỹ thuật TP HCM
- 1998, 2004: Triển lãm cá nhân tại Tự Do Art Gallery, TP HCM.
- 2005: Triển lãm chung với NSND Trà Giang tại Lotus Art Gallery, TP HCM.
- Triển lãm "Niệm khúc Côn Sơn" tại Côn Đảo, Hà Nội & TP HCM.
- Triển lãm "Đạ khúc".

Tác phẩm:

- *Hà Nội - Phố* (thơ)
- *Lửa cháy lên rồi* (kịch - giải thưởng Văn học 1955)
- *Thanh gươm bà mẹ* (kịch)
- *Dòng sông âm vang* (kịch bản phim)
- *Thơ Phan Vũ* (Văn học 2008)

Trích thơ:

1.  
*Em ơi! Hà Nội - phố!*  
*Ta còn em mùi hoàng lan*  
*Còn em hoa sữa.*  
*Tiếng giày gọi đường khuya*  
*Thang gác cọt kẹt thời gian*  
*Thân gỗ ...*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Ta còn em màu xanh thật đậm  
Ngôi sao lẻ  
Xào xạc chòm cây gió  
Chiếc lá lạc vào căn xép nhỏ  
Lá thư quên địa chỉ.  
Quay về ...

2.

Ta còn em một góc cây,  
Một cột đèn  
Ai đó chờ ai?  
Tóc cắt ngang xõa xõa bờ vai...  
Ta còn em một ngã ba vôi vữa,  
Chiếc khăn quàng tím đỏ thoáng qua,  
Khuôn mặt chưa quen  
Bông xôn xao nổi khổ...  
Mỗi góc phố một trang tình sử...

3.

Ta còn em con đường vắng  
Rì rào cơn mưa nhỏ.  
Trên vòm cao  
Đổ xuống chuông hồi.  
Nhà thờ Cửa Bắc  
Tan chiều lẽ  
Kính cầu còn mãi ngân nga...

4.

Ta còn em đôi mắt buồn  
Đôi cánh chim xa.  
Tháng năm dừng lại  
Một ngôi nhà.  
Gã Trương Chi ôm ghita  
Từng đêm  
Hóa đá...  
Ta còn em chuyến tàu đêm

## HUỶNH ÁI TÔNG

Về muộn  
Qua cầu  
Một người nào lạc giữa sân ga...

### Chương II

5.

Em ơi! Hà Nội - phố!  
Ta còn em những hố sâu  
Trước cửa  
Cơn mưa đầy  
Chiếc thuyền giấy lang thang  
Không bến đỗ...  
Ta còn em quả bóng lăn  
Một mình trên sân cỏ.  
Thằng bé thân thờ.  
Tuổi thơ qua cuộc chơi,  
Vội vã...  
Ta còn em cánh cửa sắt  
Lâu ngày không mở.  
Nhà ai?  
Qua đó băng khuâng,  
Nhớ tuổi học trò...

6.

Ta còn em giàn thiên lý,  
Năm xưa  
Thơm mùi hò hẹn  
Cuộc tình đầu ngọt lịm.  
Những nụ hôn xanh ngắt trên cành...  
Ta còn em chuỗi cười vừa dứt.  
Nắng chiều vàng ngọn cỏ  
Vườn hoang  
Ngày cũ vui tàn theo mùa hạ...  
Ta còn em tiếng ghita  
Bập bùng tự sự



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Đêm kinh kỳ một thuở*

*Xanh lơ...*

7.

*Ta còn em chiếc đồng hồ quả lắc*

*Già nua,*

*Đếm thời gian*

*Theo nhịp đồng đưa*

*Trước ngõ phố*

*Sốt cây hoa gạo.*

*Buổi chợ chiều họp giữa kinh đô...*

8.

*Ta còn em những ngọn đèn mờ.*

*Trên nóc phố,*

*Mùa trăng không tỏ.*

*Tiếng rao đêm*

*Lạc giọng*

*Thờ ơ...*

*Ta còn em bảy nốt cù cưa,*

*Lão Mozart hàng xóm*

*Từng đêm quên ngủ.*

*Cô gái mặc áo đỏ Venise*

*Tiếng dương cầm trong căn nhà đỏ*

*Những mảnh vỡ trên thềm*

*Beethoven và Sonate Ánh Trăng*

*Nốt nhạc thiên tài bay là tả,*

*Một kiếp người,*

*Một phím đàn long...*

9.

*Ta còn em khuya phố,*

*Ménh mông,*

*Vùng sáng nhỏ.*

*Bà quán ế a chuyện nàng Kiều.*

*Rượu làng Vân lung linh men ngọt.*

## HUỶNH ÁI TÔNG

Mắt cô nàng lúng liếng,  
Đong đưa,  
Những chàng trai say suốt cả mùa...

10.

Ta còn em tiếng hàng ngày  
Vang âm đường phố.  
Tia hồ quang chớp xanh.  
Toa xe điện cuối ngày,  
Người soát vé  
Áo bành tô cũ nát...  
Lạnh canh! Lạnh canh!  
Tiếng chuông reo hay lời kêu khổ?  
Bó gạo, mớ rau  
Mẹ về buổi chợ  
Lạnh canh! Lạnh canh!  
Lá bánh, củ khoai.  
Đàn con trên bến đợi  
Cuối ngày...

### Chương III

11.

Em ơi! Hà Nội - phố!  
Ta còn em con đê lộng gió.  
Dòng sông chảy mang theo hình phố.  
Cô gái dựa lưng bên gốc me già,  
Ngọn đèn đường lặng thình  
Soi bờ đá...  
Ta còn em một con tàu  
Giã biệt bến sông.  
Mảnh trăng vỡ  
Tiễn người bỏ xứ.  
Dãy phố buồn..  
Nghìn năm mắt nhớ...

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

12. Ta còn em ráng đỏ chiều hôm,

Đôi chim khuyên gọi nhau trong bụi cỏ.  
Đôi guốc bỏ quên bên ghé đá.  
Gã đầu trần đi ngược trời mưa...  
Ta còn em con đường tên cũ  
Cổ Ngự,  
Cành phượng vĩ là đà.  
Chiều phai nắng,  
Bông hoa muôn in hình ngọn lửa...  
Ta còn em chiếc lá rụng  
Khởi đầu nguồn gió.  
Lao xao con sóng biếc  
Gió Tây Hồ.  
Hoàng hôn xa đến tự bao giờ?  
Những bước chân tìm nhau vội vội.  
Cuộc tình hờ bỗng chốc nghiêm trang...  
13.

Ta còn em ngọn gió Nghi Tàm  
Thoáng mùi sen nở muôn  
Gió Nhật Tân  
Gợi  
Mùa hoa năm ấy  
Cánh đào phai...

14.

Ta còn em cơn mưa rào  
Đi nhanh qua phố.  
Chiếc lá bàng đầu tiên nhuộm đỏ.  
Cô gái băng qua đường  
Chợt hồng đôi má.  
Cơn mưa nào đi nhanh qua phố  
Một chút xanh hơn,  
Trời Hà Nội hôm qua...  
Ta còn em cô hàng hoa  
Gánh mùa thu qua cổng chợ.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Những chùm hoa tím  
Ngát mùa thu...

### Chương IV

15.  
Em ơi! Hà Nội - phố!  
Ta còn em một Hàng Đào,  
Không bán đào.  
Một Hàng Bạc,  
Không còn thợ bạc.  
Đường Trường Thi  
Không chông, không lều  
Không ông nghề bán tổ vinh quy...  
Ta còn em tiếng gọi trong đêm,  
Người đi xa trở về.  
Căn nhà không biển số.  
Ngày đi mỗi mòn nỗi nhớ.  
Ngày về phố cũ quên tên...

16.  
Ta còn em chiếc xe hoa  
Qua hàng liễu rủ,  
Điệp vàng rực rỡ.  
Cánh tay trần trên gác cao khép cửa.  
Những gót son dập diu đại lộ.  
Bờ môi ai đậm đỏ bích đào...  
Ta còn em tà áo nhung huyết dụ.  
Đất nghìn năm còn mãi dáng kiều sa,  
Phường cũ lưu danh người đẹp lụa.  
Ngõ phố nào in dấu hài hoa...?

17.  
Ta còn em đường lượn mái cong  
Ngôi chùa cổ.  
Năm tháng buồn xô lệch ngôi âm dương.  
Ai đó ngôi bên gốc đại,

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Chợt quên ai kia bên đường đứng đợi.*

*Cuộc đời, có lẽ nào,*

*Là một thoáng*

*Bâng quơ...*

*Ta còn em những cuộc tình*

*Như một bài thơ.*

*Những nỗi đau gặm mòn phận số.*

*Nhật ký sang trang*

*Ghi thêm nỗi khổ...*

18.

*Ta còn em đồng kim ngân*

*Đổ đầy Hàng Mã.*

*Ngựa, xe, võng, lọng,*

*Những hình nhân nuối tiếc vàng son.*

*Khi phố phường là miền loạn gió*

*Làm sao tìm được mớ tro than...?*

19.

*Ta còn em nóc phố lô xô,*

*Màu ngói cũ*

*Ngôi nhà còn tiếng khóc oa oa.*

*Con đường đá lát bao niên kỷ?*

*Qua sông nhớ mẹ tuổi già...*

### *Chương V*

20.

*Em ơi! Hà Nội - phố!*

*Ta còn em mảnh đại bác*

*Ghim trên thành cũ.*

*Một thời thịnh,*

*Một thời suy,*

*Hưng vong lẽ thường.*

*Người qua đó,*

*Hững hờ bài học sử...*

## HUỶNH ÁI TÔNG

Ta còn em dẫy bia đá  
Nhân hình hội tụ.  
Rêu phong gìn giữ nét tài hoa.  
Ly rượu đầy xin rót cúng cha.  
Nghìn lay cúi đầu thương đất tổ.  
Bến nước nào đã neo thuyền ngư?  
Đám mây nào in bóng rồng bay?...

21.  
Ta còn em tháng chạp,  
Những hàng cây óng ả sợi hồng  
Tháng chạp  
Trên giương trái chiếu hoa  
Tháng chạp,  
Mùi hương dài theo phố.  
Một tháng chạp  
Mẹ  
Nửa đêm thức  
Hóa vàng...

Chương VI  
22.  
Em ơi! Hà Nội - phố!  
Ta còn em năm cửa ô -  
Năm cửa gió  
Con bão thường niên qua đó -  
Ba mươi sáu phố,  
Bao nhiêu mảnh vỡ?  
Ta còn em một màu xanh thời gian.  
Một màu xám hư vô,  
Chợt nhòe,  
Chợt hiện.  
Chợt lung linh ngọn nến,  
Chợt mong manh một dáng,  
Một hình,  
Nhọt nhạt vàng son,

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
Đậm đầy cay đắng...

23.

Ta còn em những ngõ cắt bất ngờ,  
Ô cửa ngăn ngõ  
Ngôi nhà không người ở  
Khung trời của nỗi buồn  
Vô cớ...  
Người nghệ sĩ lang thang  
Hoài,  
Trên phố.  
Bỗng thấy mình không nhớ nổi con đường.  
Tha hương ngay trước cổng nhà mẹ cha...

24.

Ta còn em những giọt sương,  
Nhòe nhòe bóng điện.  
Mặt nước Hồ Gươm,  
Một đêm trở lạnh.  
Tháp Rùa ngả bóng lung linh.  
Cánh nhận chao nghiêng chiều cuối  
Người ra đi mang theo buốt giá,  
Áo choàng không ấm thân gầy,  
Cầm bằng như cánh chim bay...

Chương VII

25.

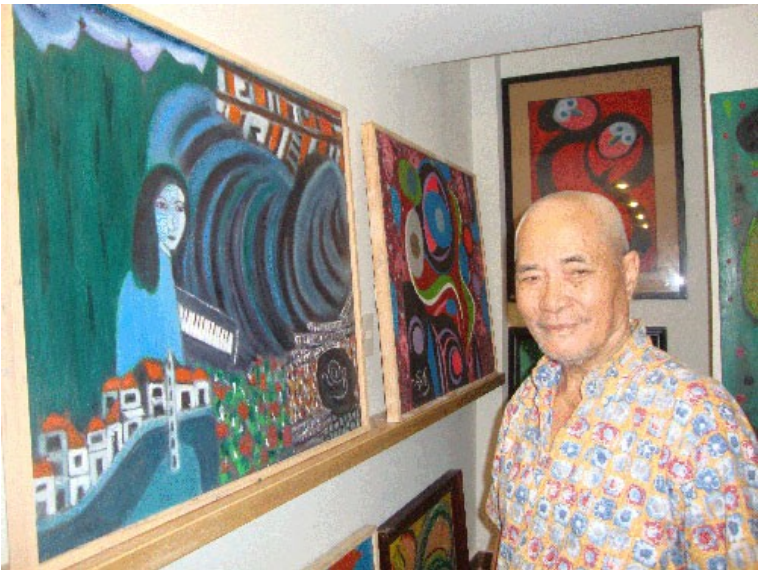
Em ơi! Hà Nội - phố!  
Ta còn em cây bàng  
Mồ côi mùa đông.  
Ta còn em nóc phố  
Mồ côi mùa đông.  
Ta còn em mảnh trăng  
Mồ côi mùa đông...

HUỶNH ÁI TÔNG

Tranh:



*Những ngón cụt*



*Nhà thơ Phan Vũ bên các tác phẩm tranh của mình*





*Thiếu nữ*

Họa sĩ Trịnh Thanh Tùng nhận xét: “Phan Vũ là một nhà thơ giàu chất lãng mạn và ông là họa sĩ tự do sáng tác, nghĩ điều gì, thích đề tài nào thì vẽ, không lệ thuộc vào phong cách nào. Chính điều đó, khi xem tranh của ông, người xem cảm thấy rất thú vị. Ông không cố tình phá cách nhưng lại tạo được nét riêng trong nét cọ của mình”.

Tài liệu tham khảo:

- Phan Vũ Web: [suckhoedoisong.vn](http://suckhoedoisong.vn)
- Phan Vũ Web: [facebook.com](https://www.facebook.com)

**33) Phùng Cung**



**Phùng Cung (1928-1997)**

Nhà thơ Phùng Cung, sinh ngày 18 tháng 7 năm 1928, tại Kim Lân, Hồng Châu, Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Yên. Là con trưởng của một gia đình đông con và giàu có, ngay từ lúc nhỏ, ông đã được cha mẹ gửi trọ học ở Sơn Tây. Đến khi Nhật đảo chính Pháp mới trở lại quê nhà.

Khi cách mạng nổi dậy cướp chính quyền năm 1945, vốn trẻ tuổi, năng nổ lại là người có văn hóa, ông được dân bầu làm chủ tịch liên xã Hồng Châu - Liên Châu năm mới 17 tuổi. Và tên của địa phương do ông đặt vẫn giữ cho đến tận ngày nay.

Phùng Cung làm chủ tịch được vài năm thì thực dân Pháp quay trở lại tàn sát chiếm, ông phải trốn lên chiến khu Việt Bắc và kéo theo mấy em trai còn ít tuổi theo cùng. Tại quê nhà, gia đình gồm bố, mẹ và các anh chị em khác đều bị liên lụy vì có thân nhân đi kháng chiến.

Khi lên chiến khu, ông làm công tác thông tin ở liên khu 10 Việt Bắc, cơ quan thông tin của ông Nguyễn Tấn Gi Trọng, bác sĩ Trọng sau này làm công tác chuyên môn tại trường Đại học

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Y Dược Hà Nội và là người giúp cho vợ Phùng Cung theo học lớp dược tá sau năm 1954. Sau một thời gian làm tại liên khu 10, ông chuyển sang an toàn khu và làm công tác văn nghệ, cùng sống và làm việc với Ngô Tất Tố, Phan Khôi, Nguyễn Tuân, Nguyễn Công Hoan, Tô Hoài,... cho đến năm 1954, ông cùng với cơ quan Hội văn nghệ về tiếp quản thủ đô Hà Nội.

Năm 1956, ông viết truyện *Con ngựa già của chúa Trịnh* đăng trên *Nhân Văn* số 4. Sau đó, ông bị đình chỉ công tác, ở nhà viết kiểm điểm. Rồi được triệu tập đến cơ quan để kiểm điểm trước cuộc họp, mà thực chất gần như một buổi đấu tố thời "cải cách" của Liên hiệp các Hội văn học nghệ thuật, gồm cả đại diện bên Văn nghệ quân đội. Chủ trì cuộc đấu tố gồm các ông Võ Hồng Cương, Nguyễn Đình Thi, Chế Lan Viên, Hoài Thanh... những bạn thường ngày chơi thân với ông lại tham gia vào việc "đấu tố". Ngày hôm đó, ông Trần Dân là người đứng lên "tố" để hai ông Lê Đạt và Hoàng Cầm làm chứng dối. Tội chính ông bị "tố" là mang lòng hận thù cách mạng sau cái chết của bố mình. Lôi kéo người khác cùng về hùa để lăng mạ lãnh đạo và còn viết nhiều chuyện chưa in khác - Tất cả nội dung đều tập trung vào lãnh tụ và Đảng cộng sản như: *Dạ ký, Chiếc mũ lông, Quán thổi, Kép Nghệ...* Sau đó, vào tháng 5 năm 1961, xe công an tới nhà lục xét, tịch thu sách vở và bắt Phùng Cung chở đi vì ông đã tham gia làm báo *Nhân Văn* nhưng theo bà Cung cho biết, còn nhiều lý do khác nữa, chẳng hạn do tính cương trực cũng như việc hôn nhân của ông không được tổ chức đồng ý, chỉ do Phan Khôi đứng làm chủ hôn.

Kể từ khi bị bắt cho đến lúc ký hiệp định Paris năm 1973, tức là 12 năm sau, ông mới được tha về nhà. Thời gian đầu ông bị giam ở Hòa Lò tại Hà Nội, sau đó đưa lên Bất Bạt, tỉnh Sơn Tây, rồi Yên Bình, tỉnh Yên Bái, Phong Quang, tỉnh Lào Cai. Dù ở đâu, ông cũng bị biệt giam và không hề bị tòa xét xử, tuyên án gì cả.

## HUỖNH ÁI TÔNG

Năm 1973, ông đợc phóng thích. Tuy nhiên vẫn bị quản thúc và theo dõi. Sau khi đợc phóng thích, ông sinh sống bằng nghề làm đĩnh một thời gian ngắn rồi không đủ sức khỏe nên thôi việc ở nhà dưỡng bệnh, vẫn âm thầm làm thơ.

Năm 1990, ông có quyết định phục hồi của Ban tổ chức trung ương Đảng, duyệt xét chế độ.

Tập thơ "*Xem Đêm*" của ông đợc nhà nước cho phép xuất bản vào năm 1995. Sinh thời, trong những năm tháng gian khó sau khi mãn hạn tù, ông là người anh kết nghĩa thân thiết của nhà thơ Phùng Quán.

Năm 1997, ông qua đời tại Hà Nội vì lâm bạo bệnh. thọ 73 tuổi.

Tác phẩm:

- *Con ngựa già của Chúa Trịnh* (truyện ngắn)
- *Dạ Ký* (truyện ngắn)
- *Mộ Phách* (truyện ngắn)
- *Kép Nghề* (truyện ngắn)
- *Chiếc mũ long* (truyện ngắn)
- *Quản thời* (truyện ngắn)
- *Xem Đêm* (thơ)
- *Phùng Cung - truyện và thơ*

Trích văn:

### **Dạ Ký**

Thời tiết gì mà lạ vậy, trời đã vào thu mà đêm còn oi bức như nung, như thiêu. Thời tiết lạc hậu! Đêm lạc hậu! Hay đây là điềm thiên thời ra tay ủng hộ để cái nóng nắn ná đòi đốt cháy giai đoạn? Mở mắt to hơn nhìn thấy cái lợi lớn thì nóng thế này

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

chứ nóng nữa, nóng hơn cả giữa mùa hè cũng khắc phục được hết. Trong số nhà 135 Mai Hắc Đế gồm bảy hộ - trong đó có gia đình tôi - thì sáu hộ có trẻ con ốm. Gia đình tôi chiếm một phòng trên gác, cả thầy bốn nhân khẩu: hai vợ chồng tôi và hai thằng cháu nhỏ. Với mười hai mét vuông, so với sáu hộ khác còn xênh xang hơn nhiều - "Ăn hết nhiều ở hết bao nhiêu!" Câu đầu lưỡi được các cụ ta ngày xưa tổng kết đã, đang và sẽ còn giá trị!

Rủi ro thay! Gia đình tôi hai cháu ốm cả hai: Mẹ chúng bị đau lưng vào nằm viện đã được hơn hai tuần.

Dưới nhà, chẳng biết hộ nào vụng trộm nhang khói cầu khẩn cho người ốm; mùi hương thâm thoảng đầy mê tín. Lại có tiếng cầu nhau văng bậy từ số nhà bên cạnh chửi cái nóng, chửi lung tung! Phải khẳng định những người này chưa thấm nhuần tiến bộ văn minh còn phải học tập, còn phải được giáo dục nhiều. Những hành vi ấy dấu là bán công khai cũng đều rất ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt. Tôi chẳng hương khói, chẳng văng bậy, chẳng chửi; khó khăn phải khắc phục mà! Khắc phục được hết; nó là khẩu hiệu tiên quyết thắng lợi mọi mặt - Có thể khẳng định một thủ đô pha lê; một thành phố pha lê đã nằm trong tầm tay hoạch định của trên. Ai ai cũng nức lòng lạc quan - không phải lạc quan tếu - lạc quan cách mạng!...

Thình thoảng tôi vèo xe đạp vào viện thăm vợ; vẫn phải nói với vợ bằng lời: "Yên trí! Tất cả đều tốt!" Cái lối động viên quen tai rất thời thượng - xuất xứ từ đâu? - Cửa miệng quái nào cũng có thể thốt ra được, ở bất luận trường hợp nào xét thấy cần thiết - nó khoanh trong cái vòng "người tốt, việc tốt". Đơn giản mà nghĩ, tôi thấy lời của mình nói với vợ là lão toét! Là nói điều, là dối trá nhưng được hơn là thành thật. Trong cõi hệ lụy thiên định, nhân định này, chỉ có những phù thủy giấu mặt, cao tay màu nhiệm "úm ba la" đổi trắng thành đen, đổi đen ra đỏ mà, văn hóa mới, văn minh mới chưa lũng chụp được - khiến số ít người còn bán tín, bán nghi, sợ sệt và coi khinh - Phù thủy thì

## HUỶNH ÁI TÔNG

khiếp lắm! Nó pháp thuật, người thành ma, ma thành người. Dân thường làm gì mà biết được.

Minh là người dân, là công dân, chỉ nên nói đến chuyện trong phạm vi công dân - Vinh dự cầm chặt trong tay thế cử tri, phiếu bầu cử là đủ tự hào quyền làm chủ! Nhất thiết phải có nghĩa vụ vinh quang! Sự đãi ngộ, hưởng thụ cũng rất khoa học, phải có tiêu chuẩn rõ ràng, không có lộn xộn như xa xưa; cái gì cũng "... giai do tiền định" - đừng hòng! - Phải thời đại hóa "Nhất ẩm nhất trác giai do tiêu chuẩn." - Bản thân tôi, một mình phải đương đầu, đánh vật với miếng ăn, miếng uống; đánh vật với bệnh tật của vợ con; đánh vật với đủ thứ rủi ro: nhòm ngó, nghe ngóng - mình đâu phải là Quan Âm Phật bà ngàn mắt ngàn tay mà lường hết được; - đánh vật với chính mình! thân ngày, thân đêm còn đâu hơi sức để tỉnh táo, để định thần, để khôn ngoan, để phớt căng vượt lên tiêu chuẩn cao hơn - không ai cảm đoán; còn khuyến khích động viên nữa là khác.

Hai cháu, thằng anh bốn tuổi, hơn thằng em hai tuổi; cộng cả hai là sáu tuổi - đang trong vòng "tuổi mù" - nói như thời xưa là chúng đang được bàn tay bà mù che chở cho đến tuổi mười hai. Bây giờ thì chẳng có mù mẫm gì, ai dám cả gan tin; lên tiếng thử xem? Tất nhiên tôi cũng chẳng dám tin, đại gì chúc vạ vào thân! Hai đứa cứ như thi đua lên cơn sốt, đã bốn ngày, năm đêm, kể cả đêm nay.

Từ đêm chúng vắng mẹ, đêm nào tôi cũng phải nằm dang hai tay ra hai bên như một cây thánh giá; mỗi cánh tay làm gối đầu cho một đứa. Chúng đều nóng hầm hập; ngày sốt ít, đêm sốt nhiều; chùng như chúng lên sỏi. Cả hai đều rên khe khẽ, nghe rất tội nghiệp! Hai cháu ngoan, biết nằm im, rồi ngủ thiếp đi khiến tôi đỡ bối rối. Nằm giữa chúng, tôi lơ mơ ngủ, lơ mơ thức; có thể nói là ngủ trong thức, thức trong ngủ. Tôi cứ nằm trong cái thế "chịu tử nạn!", ê ẩm hai cánh tay, không dám cựa, chỉ mong chút im lặng để chợp mắt.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Đêm lặng, hơi có gió nhưng là gió nóng; có lẽ gió từ dưới đất lên. Tôi cảm thấy hai mắt đang được băng lại bằng lụa mỏng - một thứ lụa chuyên dùng của thần ru ngủ? Tại tôi vẫn còn thức, nhờ gió đón nhận được những âm thanh của đêm thu. Âm thanh cũng dứt, nổi, nổi, chìm, to, nhỏ, gió ý thức điều chỉnh?... "Thề phan thây, uống máu... cùng tiến lên!..." Thì ra trong tôi cơ hồ bị thất thoát khái niệm thời gian. Những bài ca cách mạng hùng tráng; xa, gần, các giới, đoàn thể đang tập luyện để long trọng đón kỷ niệm ngày đại lễ của đất nước - Cách mạng Tháng Tám, ngàn thu ghi nhớ! Âm thanh ấy đang dẫn dắt tôi, hoặc tôi níu lấy nó để đưa mình vào cõi chập chờn...

... Một không gian đỏ, xanh, vàng, tím bao la quay cuồng biến ảo; bóng tối bùng lầy mắt, rồi lại thay bằng một thứ ánh sáng diu diu của đêm trăng, rồi ngã sang màu ánh sáng của bình minh ảo - không gian phù thịnh. Tôi đang thông thả bước trên một đường phố - trước kia rải nhựa nay đầy những vết xe tăng để lại nham nhở. Tôi mất phương hướng, mất cả lập trường, lại không phải nhà quân sự nên không nhìn nhận rõ đây là dấu tích tàn phá của chiến tranh vệ quốc hay xâm lược. Tôi tiếc con đường nên nghĩ đông dài thô thiển: Tất cả chỉ là sự bày đặt, buôn bán máu xương của ma vương quỷ dữ!... Bỗng một bàn tay đập vào vai tôi, tôi giật mình. Tôi chỉ nghĩ chứ đâu đã nói ra, nên tôi lại định thần quay lại. Ai nhỉ? Một người mà tôi thường hàng ngày chạm mặt. Về mặt dễ mến này hẳn tôi đã lưu giữ trong tiềm thức nhưng vẫn không sao nhớ được tên - Nói theo tiếng xung hô - hóm hình - mỡ nạc - vui tính - hàng ngày của nhà văn Kim Lân, là "người anh em". Tôi hỏi "Người anh em đi đâu?" Người này chỉ cười, không trả lời; càng cười càng tỏ vẻ dễ dãi. Trong chuỗi cười, nói lên cả một lời khuyên nhủ "Đồng hành!" Tôi vốn có thói quen trực giác cảm thấy đáng tin, là tôi sẵn sàng thả lỏng sự giao tiếp ngay; không chút đắn đo, ngần ngại. Anh ta đi trước, giữa tôi và anh ta có mấy thứ khoảng cách; khoảng cách tuổi tác, tôi kém anh ta ít cũng ba trăm sáu lăm ngày nhân bốn hoặc năm; khoảng cách chức vị xã

## HUỶNH ÁI TÔNG

hội thì dài lắm, bởi tôi chẳng là cái gì; khoảng cách bước đi vừa bằng chiều dài một con chó. Kề trước, người sau đều bước, tôi vẫn bần khoản, không sao nhớ được tên. Đi là đi, tôi cũng chưa kịp hỏi là đi đâu, bởi tôi tin theo sau anh là vô hại, nếu chưa nghĩ đến là lợi lộc. Đi được một quãng, anh ta nói với tôi bằng cái giọng quỵến rũ, tiếng to, tiếng nhỏ, tôi nghe câu được câu chẳng: "đường vinh quang" hay "đài vinh quang!"... gì đó. Tôi bụng bảo dạ: "hay rồi!" Anh ta cứ nói, tôi cứ nghe. Xem chừng đã mỏi chân, khát nước, muốn tìm chỗ nghỉ để rồi lại đi. Thành linh tôi quay lại, không thấy anh ta đâu, rõ ràng tiếng nói của anh ta còn bám trên vành tai tôi. Tôi lấy làm lạ, nhìn đông, nhìn tây không thấy. Anh ta đi đâu nhỉ? - rẽ lối nào? - để làm gì? - Tại sao mình lại không biết? Tất nhiên tôi chẳng mất mát gì; chẳng có gì để mất mát. Ân hận kiểu này chỉ là thần hoặc ma, tôi đâm ra lo sợ. Giữa thanh thiên bạch nhật lại xảy ra chuyện kỳ lạ nhường này! Tôi vừa đi vừa nghĩ, cố rà lại trong kho lưu trữ của mình để ghép dựng lại con người anh ta. Tôi tiến hành theo cái kiểu làm đôi lộn, được đoạn nào buộc đoạn đó - biết mình đầu óc kém khoa học, kém tổng kết, hay để sống ý nghĩ - dễ xáo trộn lung tung. Trước hết tôi lần nhớ dáng đi của anh ta, lon ton, lon ton - lối vận hành của quan hoạn - À! nhớ ra rồi! Kho nhớ của tôi về anh ta như ổ khoá mở đúng chìa; thậm chí tôi có thể biết cả sơ yếu lý lịch của anh ta - Con trai thứ của một viên chức loại thường ở thành phố cảng, nhà lại có cửa hàng cửa hiệu; học vấn đã qua tú tài, và đã qua vài năm trường luật - nhờ tham gia cách mạng từ thời Nhật thuộc - trình độ văn hóa - giữa lúc mà Bác mình đang kêu gọi diệt giặc dốt - thì anh ta thuộc loại có hạng. Bởi vậy anh ta được giao công tác "tuổi trẻ chức cao". Hình hài xếp loại đẹp giai, trông rất đàn ông, da ngăm ngăm, mũi cao, mày rậm, mắt sáng, râu quai nón - lúc nào cũng cạo nhẵn - khi chưa kịp cạo, râu hơi lờm lờm càng đẹp về mày râu.

Anh ta được trên sủng ái; cái giọng nói to nhỏ từ miệng khuôn ra toàn đạo đức; mới nghe ngọt sớt nhưng ngẫm nghĩ thì nó lộ nguyên hình mỹ kỹ. Chẳng biết anh ta học ai mà nhuần nhuyễn



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

bài bản mỹ ký đến thế; chẳng lẽ bẩm sinh? - Hẹp hòi, ích kỷ, thù vật, đày người - kể cũng được việc lắm! Văn, thơ, kịch cọt, nhạc nhieć, triết trũng, anh ta tự hào "thập bát ban võ nghệ tinh thông!" Nhờ tài hoa ấy mà đời anh ta thông bẻn luồng lạch! ngóc ngách công tác cũng như riêng tư. Tôi được biết nhiều phụ nữ từ quan hệ công tác - môi trường tạo gần gũi, nguy trang - chị em phái yếu nhà mình không ít nhẹ dạ, nhẹ như xăng - như thùng xăng. Anh ta rất nhạy bén đánh hơi khi thùng xăng hở nút, hoặc rò rỉ, quẹt diêm đúng lúc - Dầu đội quân cứu hoả nhà trời cũng đừng hòng tắt ngay được! Hậu quả chị em đã bị anh ta làm cho khôn khổ; chị em đã có chồng con không xiêu nhà nát cửa, cũng mang hận suốt đời! Kiên nẻ cách mạng nên phụ nữ không dám lên án anh ta là tên "Sở Khanh cách mạng" mà chỉ nhỏ hơi nặng bãi nước bọt! Anh em trong ngành văn nghệ đã phong tặng anh ta danh hiệu "con chó đái đầu bàng!"

Con người như thế phải là như thế. Khi vợ anh ta bị bệnh lao phổi, chết tại Việt Bắc, biến đau thương thành hành động; anh ta lao vào công tác vừa phân rảnh thân kiêm bận đời, rảnh căng lông nhông...

Chẳng hay, cấp trên trực tiếp, gián tiếp có biết đầy đủ về con người anh ta không? - Sáng suốt nhường ấy thì chắc chắn phải biết. Có phải vì văn thơ kịch cọt của anh ta hợp khẩu vị - mà trên làm ngơ, hoặc đang có tác dụng này nọ; cân nhắc thấy những "nhược điểm nhỏ" của anh ta không ảnh hưởng gì đến nền đạo đức cách mạng, chỉ là cá tính vô hại. - Anh ta cũng đã mấy lần làm lữa - giờ quẻ - hợm mình - nâng giá! lên voi xuống chó, những lúc ấy trông anh ta thiếu não, ai cũng động lòng - người trong ngành nhận định chỉ là sự "giơ cao đánh khẽ" để vào khuôn phép, kỷ cương! - Nhận định như vậy hình như đúng - Trên đường hoạn lộ anh ta vẫn được đàn anh dấm dúi thập toàn đại bổ. "Nhược điểm nhỏ" anh ta cũng có phải trả giá - giá chợ chiều.

## HUỖNH ÁI TÔNG

Tóm lại đầu vẫn hoàn đẩu; vẫn lông nhông leo thang; công tác vẫn ngon lành. Thế mới biết con người ta đều có số phận cả!

Biết rõ anh ta là ai rồi nhưng tôi vẫn thắc mắc về sự ẩn hiện của anh. Theo truyền ngôn, nước ta chỉ có "Tứ bất tử", các vị này đều dày công tu luyện đạo gì, đạo gì đó. Vậy chẳng lẽ anh ta đã bỏ sung vào hàng ngũ đó sao? Chẳng lẽ học thuyết Mác Lê Nin cũng là đạo sao? Vô thần cơ mà! - Ừ thì cứ cho là đạo vô thần đi - Đạo vô thần mà lại lắm phép lạ đến thế thì khiếp thật! Và đương nhiên anh ta phải là bậc chân tu chính đạo! Tôi tự thấy mình hoá thành kẻ đa sự nên vội trụt ý nghĩ lại. Từ lúc trong đầu bận tập trung suy nghĩ về anh ta, quên chân, đầu bước cũng chẳng biết mình đã đi bao xa và đi đến đâu. Chỉ thấy chân mỏi nhừ, khát nước bỏng cổ họng. Tôi trở lại cái thói quen thiên cận, những điều gì không tự giải đáp nổi cho quên bếng đi, là thượng sách...

Trời đã ngả chiều, từ trên cao chợt có tiếng "quạ nổ pháp miêng" - Tiếng của làng quê tôi như thế - Tôi nhìn lên ngọn cây chòi mòi kê bên công một ngôi đền cổ kính. Không am tường ngôn ngữ chim muông nhưng tôi đoán đó là một đạo khúc bản Sê-rê-nát quạ. Con quạ khoang vươn cổ réo lên đủ bảy tiếng chiều - vấp nhịp - bốc cánh bay đi; vừa bay vừa ia thản nhiên. Tôi muốn ghé nơi cảnh vắng này để độ chân, luôn thể ăn mày ngụm nước. Tôi vừa bước khỏi công, bỗng thấy khác lạ: rõ ràng vừa rồi là một công đền, nay lại biến thành một tam quan đẹp - Chùa hay đền? - Tôi chẳng hiểu gì về kiến trúc, chẳng phải tín đồ, con hương, đệ tử. Tôi chẳng có cương vị quan tâm. Tôi bước thêm dăm bước. Chợt tiếng "đậu phụ chùa" sủa dữ dằn. Tôi để mắt tìm chẳng biết con vật ấy đâu. Tiếng sủa từ bốn phía giáp công giòn giã đan vây. Tôi biết làm gì đây để thanh minh mình không phải là kẻ gian phi. Tôi cố gắng nhìn ngó muốn tìm đến chủ của chúng dù là nhà sư hay là ông từ để nói lên cái yêu cầu không nhỏ của mình. Rất tiếc, tôi chẳng thấy bóng một ai! Chẳng biết sức gì lôi cuốn, khiến tôi tò mò ngoan bước. Vào đến thềm đại bái, tôi chợt nghe tiếng

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

lịch kịch bên trong như tiếng thu dọn đồ đạc. Tôi bước hẳn vào bên trong, nhìn lên tam bảo uy nghi. Cái mắt tò mò chuộng lạ của tôi dè dặt tôn kính từ ba vị tam thế, đến hai bên hành lang, đủ loạt: tượng Phật, tượng thánh gỗ hay đất chẳng biết, đều sơn son thiếp vàng lộng lẫy. Trời! Tôi bồng rùn cả người! Các tượng tĩnh tọa ở cái thế thiên thu bất biến, nhất loạt chăm chăm nhìn tôi. Tôi rẽ sang hành lang bên tả, các vị cũng nhất loạt đánh mắt sang tả lườm tôi! Tôi rẽ sang hành lang bên hữu, các vị cũng nhất loạt đánh mắt sang hữu - Còn nhanh hơn - lườm tôi! Sự hoạt động của nhân tượng nhạy bén tựa cái vô lăng ô tô quanh trái, quanh phải trên con đường chữ chi, ổ gà, do một tay lái tốt bậc, điều khiển. Tôi cảm thấy lạnh toát người; tôi cố trấn tĩnh làm nhanh bản tự thuật trong đầu. Tôi vẫn biết đã là tự thuật là thành khẩn tự nhận tội lỗi là cốt lõi của vấn đề. Tôi tự nhủ có lẽ con mắt của thần, Phật; chỉ con mắt thần Phật mới nhìn thấu hết. Hẳn kiếp trước mình là kẻ bất lương, bất hảo!...

Tôi khép nép đi lùi theo lối cận thần sau khi vào bệ kiến đức vua mà tôi đã có nhiều dịp chứng kiến trên các chiếu hát chèo. Lùi đến khi gót chân va vào bậc cửa tôi mới dám cúi đầu quay ngang và bước hẳn xuống thềm.

Khát quá! Nhìn thấy một bể nước kê sát tường, tôi vội nghĩ: thôi thì dẫu sao mình cũng đã bị kiềm kim ấn ba kiếp thì liệu thành tâm ăn mày trộm ngậm thanh thủy! Rủi thay! tôi nhìn vào bể chẳng còn lấy một giọt nước, đáy bể đã chớm rêu. Góc bể phía trong, một con cá đã chết từ bao giờ trong môi trường thiên định, chỉ còn nguyên bộ xương trắng màu gạo hẩm! Chờ ăn vạ, hay đợi thời gian mài giũa để siêu thoát, hay chờ bàn tay màu nhiệm cho tái sinh? Duyên kiếp người cũng như ngư, điều đều may ít, rủi nhiều, cứ nằm đáy mà chờ đợi! Tôi trộm nghĩ lồm bồm lời Phật tử: "Nước bốn đại dương dồn chứa chưa bằng nước mắt chúng sinh trong thế giới ba ngàn!" Nếu được xét tái sinh hẳn con cá này sẽ được tung thăng ưu ái trong nước mắt mênh mông vô tận - Coi chừng, kéo ủng phí kiếp tái sinh!

## HUỶNH ÁI TÔNG

Bộ xương cá đòi bằng được chỗ đứng trong kho lưu trữ đầu tôi, làm tôi nao nao; cá đã chết rũ xương trong môi trường thì còn biết thể nào mà lờng được! Môi trường đang là cái lò sát sinh được nguy trang chằng?

Tôi vừa đi vừa nghĩ bỗng cơn mưa ập đến, nghe tiếng mưa rào rào, tôi nhìn xa gần để tìm nơi trú. Nhưng lạ thay, mưa mà quần áo tôi không ướt. Mới ở chùa ra, có lẽ mưa tưởng tôi là người nhà Phật, hay ít cũng vương mùi Phật nên kiêng nể chằng? Lại thỉnh linh một mũi giày đá vào mông tôi. Đá khá mạnh nhưng không đau. Tôi lại giật mình quay lại. Chẳng phải ai xa lạ, ông bạn cao tuổi, nhà thơ giả thiểu số - Tôi hơi bất bằng cái lối mở đầu sự gặp gỡ kiểu này, nhưng không tiện tỏ thái độ, chưa hẳn sợ anh mà là ngại anh thì đúng hơn. Anh đá tôi bằng giày vải quân đội nước bạn Trung Hoa viện trợ - Trong giày nó có sức điều tiết lúc êm, lúc đau - phát đá hữu nghị giao hảo thì nghe êm; ngược lại thì gấp ngàn vạn lần giày sáng đá của lính Lê dương. Anh hắt hàm hỏi tôi: "Đã thật thành khẩn chưa?" Tôi chưa kịp trả lời mà nghĩ nhanh: sao anh ta lại hỏi đột ngột thế nhỉ? Anh ta có ở trong đầu mình đâu mà biết được bản tự thuật lúc nãy mình chỉ mới nghĩ, chứ có viết hoặc nói ra đâu. Lạ thật! Chẳng lẽ tiếng lịch kịch khi tôi nghe thấy lúc còn đứng ở thềm đại bái lại là tiếng do anh ta tạo nên. Có lẽ anh ta nấp đâu ở trong chùa mà tôi không biết. Cái khoa "Phật vận" của anh làm tôi phục anh sát đất. Cũng có thể do anh ta quen tin lấy tiếng chó làm chuẩn để cân đong đánh giá sự gian ngay chằng? - Như người bị bắt quả tang, tôi cứ ngỡ ra: Chút bình tĩnh dần dần được hồi phục, vì mình không khuất tất, không trộm cắp gì. Vả lại nhà tôi cũng có nuôi chó. Người lạ đến nhà là nó sủa; bất kể là ai. Nhiều con khôn còn biết sủa lập công phò chủ. Tôi ít nhiều bị chúng hiểu lầm nhưng chẳng đáng để ý. Anh nhà thơ lên mặt giáo dục tôi: "Chưa được thành khẩn, phải đào sâu suy nghĩ, còn phải, bộc lộ!..." Tôi nghĩ đây đâu phải là đang cuộc chinh huấn. Nếu là chinh huấn tôi cũng chẳng tiếc gì vài cái gãi đầu đấm ngực, lên án mình - dù thật hay vờ miễn học ủy gặt đầu chấp nhận... Anh nhà thơ lại hạ

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

giọng: "Cũng tạm được, cũng đã có ít nhiều chuyển biến!...". Nói xong anh quay đi, đi rảo bước cho kịp một người bạn đồng hành của anh. Tôi được giải thoát, tôi thở phào nhìn theo hai người. Quái lạ! Anh nhà thơ, lúc này tôi có thấy anh ta cầm cái gì đâu. Bây giờ lại thấy tay phải cầm ngang một chiếc côn gỗ đầu đen, đầu đỏ - Nếu là côn đầu trắng đầu đỏ thì tôi đã biết nó là côn công sai - côn thủy hoả! Nhưng loại côn này thì tôi chịu. Người cùng đi với anh, không nhìn mặt tôi cũng biết. Vóc dáng cao lớn, gầy, đen, tứ thời đầu húi móng lừa, tứ thời bận đồ nâu - kể cả khi bận com-plê cũng nâu - na ná một ông sư Cao Miên - đó là một nhà văn, nhà lý luận - lối lập luận thời thượng nhất - vừa mũi nhất - Anh em trong ngành văn học nghệ thuật nói vụng với nhau là "Tên đầu bếp vụng, nhưng được kẻ ăn khen ngon!"...

Nhà lý luận một tay bá cô nhà thơ, một tay cũng một cái côn, giữa sơn vàng, hai đầu đỏ, màu sắc tất nhiên khác hẳn côn của nhà thơ - Nó tượng trưng cho cái gì thì tôi cũng xin chịu - Côn nào cũng có tính năng của nó, không phải chuyện trang trí, tạo dáng.

Một lúc sau, không biết hai người đã rẽ lối nào, tôi chẳng quan tâm, ngã ba, ngã tư thiếu gì. Đến một ngã ba, thấy lối rẽ bên phải dường như dẫn cát pha, tôi liền rẽ theo ngã này. Ôi! Vô phúc thế nào lại dẫn thân vào nơi cấm địa; lầu son, gác tía dựng ngay trước mặt. Tại sao mắt tôi không nhìn thấy từ xa nhỉ. Tôi dừng chân nhìn một ngôi hoá hai, hai hoá ba, ba hoá bốn, hoá năm, liên khu lâu đài, biệt thự - như trời hoá phép vậy! Tôi tưởng đây chỉ là ảo giác. Tôi xoa mắt, định thần. Tôi đứng bên ngoài hàng rào cấm, nhìn lên thấy một tấm biển màu đỏ, chữ vàng, chữ loà nhoà tôi không đọc rõ - treo ngay ngắn trước một biệt thự chính giữa. Hai hàng người quần áo đồng màu cấp côn đỏ, xếp thứ tự nghiêm chỉnh từ dưới chín cấp lên tận cửa son. Đứng đầu hàng bên tả là người nào tôi không biết; đầu hàng bên hữu là ông anh đẹp trai tôi gặp lần đầu - ông anh rất chừng chạc, rất điệu có vẻ điêu luyện nhất: Hẳn ông anh đang giữ

## HUỶNH ÁI TÔNG

chức chỉ huy, bên cửa son. Cặp mắt hau hấu, trai lơ, sung mãn! Lúc này tôi mới chợt nghĩ lại mấy tiếng "vinh quang" mà tôi đã được nghe anh nói; hẳn là chốn này đây! Chẳng có công việc gì mà cứ luẩn quẩn nhìn ngó dễ bị soi đòn nên tôi liền lảng nhanh. Tôi đang nghĩ tiếng "vinh quang", hẳn là anh đó khoe mình đang vinh quang, hoặc chỉ nhủ tôi đi xem "vinh quang" mà thôi. Như vậy là tôi đã được biết cái vỏ vinh quang, còn tất cả bên trong là như thế nào, ngữ tôi làm gì được biết. Tôi nghĩ: "đi một ngày đàng học một sàng khôn". Học cái gì, khôn cái gì? toàn là những điều không thực dụng, vô bổ.

Khát cứ khát, đói cứ đói, chân cứ đòi bước như thể tự mình dẫn độ mình trong vô định. Đang đi trong lối đi của thành phố, trong đầu cứ băng đi một cái lại gặp một sự lạ. Đường phố rõ ràng thoát biến thành lối đi đèo dốc miền thượng du. Hai bên rừng rậm rạp, tiếng chim hót đủ loại, nhiều nhất là vẹt và khướu bách thanh, hai loại này tay có nghề mà kiếm được vài cặp nuôi dạy làm môi thì tuyệt vời!

Tôi chợt nghe giọng âm âm ngâm câu thơ "Mai Châu mùa em thơm nếp xôi..." Tôi nghĩ ai đó đang ngâm nga câu thơ của Quang Dũng thì thấy đúng Quang Dũng xuất hiện. Tôi cảm thấy may mắn, gặp anh. Tôi vội hỏi anh đi đâu đến chốn này. Anh cười vẻ buồn buồn: "Ở Tây tiến về! Hôm nay sinh nhật mình, mình đang muốn tìm bạn dự sinh nhật!" Tôi nghĩ bụng: Thế thì đúng lúc, mình đang đói, khát, lại có bạn rủ đi sinh nhật thì còn gì bằng. Tôi ngỏ lời chấp thuận. Thế là anh ta kéo tôi ngồi xuống gốc cây bên cạnh giở trong bọc ra mấy củ khoai lang luộc, và tháo từ nách ra một bi đông - bi đông nhôm hơi méo đựng nước chè xanh. Hai thằng cùng ăn khoai, cùng uống nước - Anh ta giớ thiệu khoai quê mình đây, chè thì ở Gót cũng gần quê mình - Ta lấy khoai làm bánh kẹo, lấy nước chè làm rượu - Anh vừa nói vừa cười hỏi tôi: "Câu chúc gì mình nào?" Tôi đáp: "Chúc ông làm nhiều thơ hay!" - Anh ta lắc đầu, im lặng. Tôi thấy sinh nhật một nhà thơ sơ sài quá! đơn giản quá! Nhưng tôi lấy nội dung làm chính. Anh ta lại nói:

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

"Khoai lang ăn nó dễ đi ỉa, nhuận tràng; chè xanh mát ruột!" Tôi cũng miễn cưỡng cho là phải - và đang nhìn mơ hồ lên bầu trời cao xanh. Bỗng tôi thấy anh lấy từ trong túi đựng khoai ra một con dao dài chừng một gang tay, chuôi đồng, lưỡi dao sáng loáng, anh ta vừa nhỏ nước bọt vào gan bàn chân, vừa liếc dao, vừa khóc! Nước mắt lăn rơi đầy mặt! Liếc dao xong, anh ta đứng phắt dậy, mắt gườm gườm nhìn tôi. Tôi sững sốt không hiểu nổi cái gì sẽ xảy ra đây? Tôi cũng đứng dậy. Anh ta cầm lăm lăm con dao sắc trong tay: "Tao thiên mày!" Tôi hoảng sợ nhưng vẫn nghĩ là anh đùa: "Đừng đùa đại thế anh!" - Anh nhẩy bước tới tôi. Tôi lùi nhanh. Anh nói: "Đùa à! Tao thương mày, mày có muốn làm quan hoạn không?" Tôi nghĩ: Thằng này phát điên hay sao đây mà lại quái gở thế này? - Anh ta nói liền liền: "Tao thương mày! Tao thương mày! Cùng quê nhau cả, tao giành cho mày mọi sự ưu ái!" Nhấp nhòm có ý rình miếng chụp gọn lấy tôi. Tôi vừa sợ, vừa nghĩ: anh ta phát điên hẳn rồi! Ưu ái - quan hoạn - lộn xộn chẳng còn biết ra thế nào! Tôi lùi một bước, anh ta tiến một bước, tôi lùi hai bước, anh ta tiến hai bước. Anh ta một tay múa dao, một tay chuẩn bị chụp bộ hạ tôi. Chạy là thượng sách! Tôi phá chạy, anh ta huỳnh huych đuổi theo sau. Rõ ràng tôi cảm cố gắng sức mà vẫn như chạy tại chỗ. Anh ta cũng không đuổi kịp được tôi. Chạy được một lúc, tôi ngoái nhanh cổ nhìn lại, không phải Quang Dũng mà là một nữ du kích; đầu chít khăn đen kiêu mở quạ, áo cánh nâu, quần đen có chít ống, trông cũng xinh xinh. Tôi vừa chạy vừa nghĩ chẳng lẽ Quang Dũng tàng hình hay cô du kích tàng hình. Tôi cứ chạy lồi chữ chi như để tránh luồng đạn. Chạy mệt quá! đứt hơi rồi. Tôi đành nhắm mắt gửi thân cho số phận. Ngồi thụp xuống thờ. Và cũng chẳng thấy ai đuổi mình. Người ấy biến đâu? Thế là thoát! Tôi ngồi nghỉ lấy lại sức, nhờ có vài củ khoai và vài ngụm chè xanh sinh nhật, cái đói khát cũng đã tạm ổn.

Trên đường toàn những khách văn chương, thời thịnh văn chương! Cũng như người ta nói: "Ra ngõ gặp anh hùng", là rất có cơ sở, rất có lý. Ngay nơi gia đình tôi đang ở, cũng hàng

## HUỶNH ÁI TÔNG

chục Hùng - Hùng Sơn, Hùng Việt, Hùng Anh, anh Hùng, thậm chí có cả Hùng Nhèm, Hùng Giẻ Rách v.v... Cũng là thời thịnh anh Hùng nên người ta ngưỡng mộ cái danh hiệu cao sang ấy mà đặt tên không ngoài sự khuyến khích "hương hùng". Nhà thơ tôi may mắn gặp đây - sau một phen hết hồn bị thiên trợt - là Hoàng Cầm: Một người bạn vong niên kẻ tuổi đời tuổi vẫn thơ cũng xứng đáng là bậc "liền anh" của tôi. Anh có dáng thư sinh nho nhã - nghe nói cũng có đôi người phái đẹp chê anh là ẻo uột! - Với tư thế một sĩ quan văn học trong đoàn quân bách chiến, trời phú trong cổ họng có cái còi mạ vàng; nhờ đó anh sống giọng vàng mười sang sảng khi ngâm thơ - Có người đố kị bảo thơ anh đầy vẻ lấp lánh trang kim hàng mã - Cũng vẫn lối đố kị có vẻ khen anh nổi tiếng nhờ ngâm thơ chứ không phải vì thơ hay. Cứ cho là đúng; cứ cho là không đúng đi - Tất cả đều là phù phiếm có giới hạn - Nhờ tài hoa, duyên phận, anh đã "cuỗm" được một phụ nữ nạ dòng "đờ luych" - đó là lời đùa quá trớn của bạn anh - chẳng thấy cần phải nêu tên; nhưng thôi, tôi cứ nêu bếng tên ra để khỏi mập mờ - đó là Tử Phác. Tôi biết Tử Phác với Hoàng Cầm có thể nói là đôi bạn nổi khổ nhưng, cũng không ít lời cay độc ngay trong lúc trò chuyện với nhau. Hình như Tử Phác ta cũng ít nhiều có sự ghen tị với Hoàng Cầm về đường phu thê? Tử Phác độc quyền chằm chọc Hoàng Cầm, ai khác cũng nói lời của Tử Phác như vậy; tức thì Tử Phác bênh bạn chậm chạp: "Ôi chà! nạ dòng loại chúa như thế còn gấp triệu lần loại váy đụp lên ngôi - loại váy đụp đã lên ngôi thì khiếp lắm!... - được thôi mà!..." Đương nhiên cái lối nói này lạc hậu tầm cỡ quốc tế! Nên chỉ là nói vụng.

Thật là đẹp đôi! Thật là trai tài gái sắc! Cái đất Hà Thành này, cái đất quanh vùng Hoàn Kiếm này, - theo tôi - nếu không muốn nói là hiếm thì cũng không nhiều - trong mâm ăn hàng ngày chắc có cơm tám chả chim.

Hoàng Cầm nắm vai tôi hỏn hển: "Minh đang nghỉ giải lao, đang bận tập, nếu không thì mời cậu về nhà chơi". Tôi vội hỏi,



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

"Tập tành gì?" Hoàng Cầm quay sau lưng, lấy tay chỉ chỗ. Tôi nhìn theo tay anh, thấy một bãi tập rộng, cỏ mọc xanh rờn xung quanh đều có hàng rào thép gai cao chừng hai tầm đầu người lớn. Hai bên phía bãi tập là mấy ngôi biệt thự mới: cái thì mái cong như mái chùa; cái thì mái vòm, trên nóc có hình củ tỏi. Bỗng một hồi chuông vang lên, Hoàng Cầm định bắt tay tôi để vào bãi. Nhưng anh lại dừng ngay và nói với tôi: "chưa đến đợt bọn mình!" Tôi lại hỏi anh: "Tập tành gì vậy - và nơi đây là gì?" Anh trả lời: "Cứ đứng đây nhìn sẽ biết".

Tôi nhìn vào trong đã thấy sáu bảy hàng người, mỗi hàng chừng vài chục. Có hai người đang đứng trước những hàng người, nói gì tôi không nghe rõ. Một người cao đen, mà trong anh em văn nghệ mệnh danh là đầu bếp vụng; người kia là nhà thơ già thiếu số. - Theo Hoàng Cầm cho biết người cao đen là giáo sư viện trưởng qua đào luyện theo hệ Nam Hải. Người nhà thơ là giáo sư viện phó, qua đào luyện theo hệ Đông Phương. Cả hai tôi đều biết, nhưng tôi thắc mắc: Nam Hải là gì? Đông Phương gì? sao anh lại nói mập mờ khó hiểu vậy - tôi không tiện hỏi. Sau mấy tiếng hò hét của hai vị giáo sư - Giáo sư viện trưởng, vươn ra một cái lưỡi đỏ, dài hàng trượng và hơn thế nữa. Cái lưỡi cứ ngoằn ngoèo lượn như xiếc Trung Hoa múa lụa vậy. Mấy hàng học viên do giáo sư này chỉ huy cũng phóng lưỡi đỏ, cũng ngoằn ngoèo nhưng còn ngắn hơn giáo sư nhiều - Còn vị phó giáo sư thì phóng một loại lưỡi khác thẳng đơ như dùi cao su, bề dài cũng hàng trượng, có kềm cũng không đáng kể - Cái lưỡi của vị phó giáo sư không múa liêng mà cứ đập lên đập xuống, cái lồi dẻo cứng. Theo tôi đúng là một trăm phần trăm cao su nhân tạo hay thiên nhiên thì không biết - Mấy hàng học viên dưới sự huấn luyện của vị này cũng phóng lưỡi ra cũng đập lên đập xuống, tất nhiên so với phó giáo sư còn kém nhiều! Tôi nhìn thấy cũng ngoạn mục, cũng lại sờ sờ. Tôi chưa được nghe ai nói về sự việc này - Nay đột nhiên được thấy tận mắt mới biết mình còn ngờ nghệch nhiều trong cuộc sống! Đột nhiên tôi thấy một người nhỏ thó, mắt hơi lé, nói giọng kim từ đâu vừa đến. Viện trưởng, viện phó cung kính cúi nửa người -

## HUỶNH ÁI TÔNG

Hắn có lấp bắp lẽ trong lưng. Rồi lại thẳng người, vươn lưỡi lãng qua, lãng lại - nghi thức lễ tân của học viên chào thượng cấp. Tôi hỏi Hoàng Cầm xem ai đó. Hoàng Cầm nói nhỏ: "Thi hào, viện trưởng danh dự của viện!". Tôi cố hỏi Hoàng Cầm: "Học viện gì và làm sao anh lại được vào theo học?" Hoàng Cầm khẽ trả lời: "Học viện múa lưỡi đấy!" Anh còn thổ lộ với tôi, trong viện có nhiều giáo sư và tuy cùng một viện nhưng hai ngành múa khác nhau. Thỉnh thoảng hai ngành có thi đấu. Lưỡi nọ quán lưỡi kia vẫn chưa phân thắng bại: Về lý thuyết thì hai bên đều đầy sức thuyết phục. Cũng theo anh kết luận thì hình như lưỡi lụa đang có đà thắng thế. Anh cũng thè lưỡi cho tôi xem. Tuy đã được nhận vào viện nhưng lưỡi anh cũng mới dài gấp hai lưỡi người thường. Anh tâm sự: có lẽ phải bỏ dở, vì vốn anh không có sở trường: bỏ thì cũng tiếc, nếu theo hết khóa, ra viện thì cũng có chỗ đứng vững vàng - Tôi muốn ngó ý được xem trận đấu lưỡi, chỉ một lần thôi. Hoàng Cầm huơ tay ra hiệu: "Không được! không được! Đây là việc cơ mật của quốc gia!" Tôi thấy anh nói vậy, cũng không dám vật nài. Anh còn cân thận vỗ vai tôi khuyên: "Chớ có bép xép - oan gia đấy!" Tôi cũng khuyên lại anh, nếu như cảm thấy không hợp sở trường thì xin thôi mà làm thơ, ngâm thơ, tội gì mà lao vào, cho mệt. Hoàng Cầm suyt! một tiếng khẽ, vừa đủ tôi nghe: "Lúc vào viện, viện thấy không đủ khả năng thì viện sẽ loại, chứ tự mình xin ra thì trước hết mất lưỡi; lưỡi mất, còn ngâm ngợi cái gì. Đến kẻ hành khất cũng phải nhờ cái lưỡi, mới sống nổi. Cậu khuyên đại dột thế!" Tôi câm miệng, cảm thấy hãi hùng! Tôi lại tò mò hỏi anh với điều kiện nào mà được tuyển vào viện? Hoàng Cầm cười: "Trải qua một quá trình thử thách; trời phú cho mình cái bản chất cơ giã, lúc nào cần thì cứng cũng xương đồng da sắt, lúc nào cần mềm thì cũng nhũn nhùn như bánh đa nhúng nước; nhờ vậy đấy!" Nói vừa dứt lời. Hoàng Cầm liền biểu diễn sức cơ giã; anh gồng người lên, tôi sờ vào quả cứng thật; anh làm mềm, tôi sờ vào người anh chẳng thấy có xương cốt gì hết toàn thịt và gân nhèo nhèo. Anh còn cho tôi biết đây mới chỉ là hình thể nhìn thấy bằng mắt, còn cái phần vô hình - tâm hồn, tư tưởng - sức cơ giã còn gấp

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

ba bốn lần là ít. Tôi phục anh, bằng lời nói vui "Chịu ông anh!" Hoàng Cầm hất nhanh lời vào mặt tôi đầy vẻ tự phụ: "Chứ sao!"

Gặp nhau đã được một lúc, tôi sợ anh quên lỡ giờ tập, tôi nhắc anh. Anh nói cho biết, anh là học viên dự bị, ít giờ tập chỉ bằng một phần tư chính khoá. Anh liền phàn nàn với tôi lẽ ra anh không phải qua dự bị lâu đến thế, tất cả chỉ vì thằng em kết nghĩa nó làm hại. Tôi hỏi anh xem thằng nào? Anh tỏ vẻ bức mình "Cái thằng cùng họ với cậu chứ thằng nào!" Tôi gật đầu biết đó là Phùng Quán, nhưng tôi muốn biết Phùng Quán đã làm việc gì mà gọi là làm hại? Anh vẫn bức nhưng giọng nói đã có phần mềm mại: Nó mua, trồng cho tôi cây ổi. Khi ổi chín phóng ra toàn mùi "nàng tiên nâu" mới chết người chứ! Tôi vội hỏi: "Sao lại có cái mùi tên lạ vậy?" Anh cười khẩy: "Sao tôi dạ thế! Nó là mùi thuốc phiện!" Tôi trách: "Sao anh không nói toạc ra mà còn dùng lời bóng bẩy để làm gì?" Anh chặc lưỡi: "Thì mình có nghề văn thơ thấy chữ đẹp thì dùng - chữ của đàn anh mình đây!" Tôi đang mót nghe cái việc lạ lùng mà tôi khó tin này. Anh như đoán biết được ý nghĩ của tôi, nên nắm vai tôi đẩy nhìn đằng sau: "Đây! Đây!" Tôi quay lại như là thần thông biến hoá - tôi đã đứng tại sân nhà anh, cạnh gốc cây ổi. Nhà đi vắng không có ai ngoài tôi và anh. Tôi nhìn lên cây ổi, quả không sai mấy, quả nào cũng bằng nhau, quả nào cũng đỏ da chu; quả nào cũng giống hệt cái tầu Thổ Hà. Anh lấy cái móc giật xuống vài quả. Tôi bửa ra thấy đúng là ổi nghệ, nhưng sực mùi thuốc phiện. Anh hỏi tôi: "Thấy chưa?" Tôi lấy làm lạ quá! tôi không sao tưởng tượng nổi. Tôi khuyên anh: "Sao không phong nó đi?" Anh bĩu môi: "Sao dễ thế!" Tôi hỏi: "làm sao?" Anh lắc đầu liền mấy cái: "Cây bản mệnh đây! Nó chết thì mình cũng đi Văn Điển chứ còn sao!" Tôi quay hỏi anh, Phùng Quán có hay qua đây không; anh nói: "Mất mặt gần một năm rồi!" Cái quan hệ kết nghĩa và cây ổi khiến tôi càng ngổn ngang; thậm chí hơi hoang mang; không có đầu không có cuối. Chẳng hay Phùng Quán có biết việc này không? Tôi cũng muốn tìm Phùng Quán để hỏi xem, nhưng tìm Phùng Quán lúc

## HUỶNH ÁI TÔNG

này thì khó lắm. Theo chỗ tôi biết thì anh ta - mang thói xứ sở - như bản đơn ca được ông anh kết nghĩa Thanh Tịnh phối âm, phong phú - chỉ ẩn hiện quanh Hồ Tây vào ban đêm. Gặp được anh ta vào lúc ấy, chỗ ấy có khi mình có số lại mang thân vào cho muỗi đồn công an nó mở đại tiệc chưa biết chừng - Thôi cứ để thư thả - Tôi nghĩ vậy. Tôi đang cần đi tiểu tiện, Hoàng Cầm biết ý, chỉ cho tôi cái chỗ cố định. Tôi ra tới nơi - xin lỗi! - đang mới cởi khuy quần; quay lại xem có ai theo quán tính trước khi "khởi sự". Ôi! chẳng thấy Hoàng Cầm đâu? Chẳng thấy cây ôi đâu? Chẳng thấy nhà Hoàng Cầm đâu? Trước mặt tôi lại có cái biển cấm: "Cấm đá ở đây!" Chữ viết bằng vôi trắng, dễ đọc - Hoá ra tôi đang đứng trên một con đường quang quẻ sạch sẽ - ánh sáng như pha lê đang tới tấp từ đâu dội đến - Tôi nghĩ bỗng bả: có lẽ từ ý nghĩ dội đến!

Tôi cứ theo con đường đầy ánh sáng pha lê mà đi. Phía trước tôi không xa là mấy bà đồng nát lông vịt, vừa đi vừa rao mua; tiếng rao cất lên như đồng ca hai bè của bản hành khúc "Đồng nát - lông vịt". Tôi nghe cũng được, giá như tiếng ca nhỏ bớt chút nữa thì đỡ chói tai hơn. Mỗi lúc họ càng tâu to hơn, ra điều ta đây đang làm chủ mặt đường, làm chủ ít nhất cũng một khoảng không gian tương đối rộng lớn. Tôi đành dừng lại chờ cho họ đi khuất. Dư âm bản đồng ca cũng không còn lảng vảng bên tai. Thính giác tôi đã trở lại bình thường; nó đón nhận tiếng ồn ào, ồn ào từ phía xa xôi bên trái. Tôi biết đó là tiếng họp chợ. Tôi liền rẽ bước theo hướng đó, đi chừng hơn một dặm thì đến một cái chợ. Chẳng để mua bán gì, nhưng phởn dạ bước chân muốn học đòi du khách rẽ vào chơi chơi. Chỉ nhìn thoáng cũng đủ nhận biết đây là một cái chợ pha tỉnh, pha quê, gần giống như chợ Mơ; gần giống chợ Chi Đông, Phúc Yên; gần giống chợ Nghệ Sơn Tây; gần giống chợ Rồng Nam Định. Bụng bảo dạ: Cả đến cái mặt chợ búa trên trần gian - cũng cứ na ná giống nhau, huống hồ trăm, ngàn, vạn mớ những cái khác khiến người ta dễ nhầm lẫn là phải. Khi tôi để ý nhìn lên đầu tường của một quán gạch lợp ngói - chia bày mấy chữ đắp bằng vôi, xung quanh chữ cũng đóng khung vôi vuông vắn như một

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

bức phù điêu - tất cả đều cùng một màu vôi vàng đã cũ. Máy chữ Pháp lộn chữ Việt "Marché de Yên Thái". Thôi đúng là chợ Bưởi! Hẳn là từ thời vong quốc "đề huê" mà bàn tay của hôm nay hoặc bỏ quên chưa xoá; hoặc để làm lưu niệm; hoặc để làm một cáo trạng ngắn gọn của dấu chân đô hộ; hoặc để làm gì khác? Thắc mắc trong đầu là quyền mình; nếu như muốn chắt vắn, muốn được giải đáp thì chắt vắn cái mặt tường vôi ư?...

Chợ họp chính phiên. Ba bốn quán ngói, còn xung quanh là quán lá, lợp rơm rạ, hoặc trải lên tấm lá cót sơ sài - bao giờ cũng như bao giờ; tiếng thè nó cũng đầy về vĩnh cửu - Chợ đông, đủ các loại hàng bán. Cái chợ Bưởi được "cưới" từ ngày nào, thời nào, ai biết? Tôi thiết nghĩ: có lẽ người vùng này cũng đã quên gốc tích nó. Qua cái giọng đặc thù kẻ Bưởi của mấy làng thì quả là trộn không lẫn. Chợ Bưởi còn là nơi đảm nhiệm gây giống gia súc và cây trồng; nhất là cây hoa, cảnh cho nhiều vùng. Chợ còn nổi tiếng: tháng năm cũng gọi khách kinh kỳ; những quý miệng sành ăn, lui tới đặt lưới vào cửa "trái chua"; đó là bò thui đặc chủng. Nói theo lối nói của một nhà văn thì chợ Bưởi đây cũng đã một thời "vang bóng bò thui". Nhưng vì hy sinh cho một nền công nghiệp phát triển, bò bê cũng đã được đổi mới từ thui sang lột!...

Bỗng có tiếng huyền nào khác thường nhưng êm dịu vì không pha chút thét gào. Tôi lét mắt phía ồn ào thấy lối dãy hàng tôm, hàng cá nối liền dãy hàng chó mèo có một giai nhân xuất hiện. Quần lĩnh nhóng nhánh; áo cũng lĩnh nhóng nhánh; khăn cũng lĩnh nhóng nhánh - đội rất điệu dàng - Trên cỡi mặt da hoa phấn duyên dáng, răng cũng đen nhóng nhánh - tất nhiên không phải răng lĩnh - chẳng qua để cho nó "uy ni" mềm mại. Giai nhân bước đi nhẹ nhàng tha thướt uốn éo nhún nhảy, nhún nhảy nhịp "đánh bông". Miệng tùm tùm, mắt liếc qua, liếc lại - Khi giai nhân đi đến cách tôi quãng một tầm nước bọt, tôi sững cả người: "Anh Tô Hoài!", tôi thốt ngằm trong bụng. Một người anh về tuổi đời cũng như về văn chương. Từ rừng Việt

## HUỶNH ÁI TÔNG

Bác trong các khuôn mặt đàn anh quắc thước, sành sỏi thì tôi chọn mặt anh để "gửi vàng". Anh Xuân Diệu lại nhìn anh bằng con mắt xanh khen "Toujours aimable!" - Tôi không lầm. Anh đã giúp đỡ tôi nhiều về mọi mặt. Quá khứ ân tình ấy tôi có muôn quên cũng không sao quên được. Nhưng liệu có phải anh thật không? Cái valy cũng đen bóng màu lĩnh, bên tay trái người đẹp. Tôi nín vào cái nghề cổ truyền lĩnh Bưởi quê anh để đỡ ngộ nhận. Nhìn cho rõ thì hoàn toàn là một "com-ra-đe" hãng dẹt lĩnh. Nếu tôi khẳng định như vậy thì nảy ra một thắc mắc làm sao anh phải đổi nghề? Tôi thiết tưởng sự kiếm sống bằng nghề nghiệp tầm cỡ, có bề dày rất đáng kể về thời gian, tôi chưa nói đến bề dày quyền lực cũng như mọi bề dày khác. Cái gì đã thôi thúc đổi nghề? Nếu không muốn nói đến số phận. Cái mũi thềm vắn cổ hữu của tôi; tôi đánh hơi thấy mùi sách trong chiếc valy căng phồng. Nếu có tiền, nếu cá cược, tôi xin đặt giá mười ăn một; trong valy không có vải lĩnh! Đầu tôi đang muốn được giải toả cái tiếng "com-ra-đe"! Song tôi vẫn nghi hoặc, vẫn rất băn khoăn. Một thứ băn khoăn rối lộn, nó chao qua, chao lại như đánh võng trong đầu, khiến tôi phải nhắm mắt lại. Khi mở mắt không thấy bóng giai nhân đâu cả. Chẳng biết cái gì đã đẩy tôi đến một không gian khác. Anh Tô Hoài hoàn toàn Tô Hoài, nhà văn Tô Hoài. Tâm vóc anh không thay đổi, chỉ có con đé mèn bên cạnh anh là to lớn khác thường, nó xấp xỉ một con ngựa - loại ngựa gié - đang tuổi phát nha. Anh đã dắt nó, hay nó dắt anh không rõ - tranh thủ đại diện ruồi rong đất lạ, ê hê! Nay đang cùng nhau nghỉ dưới một gốc cây đa cổ thụ rợp bóng mát. Con đé đang lóm lém ăn cỏ, còn anh cũng đang ngồi đọc bản thảo, tay phải cầm bút máy thỉnh thoảng có ghi thêm hay sửa chữa gì đó. Cả người và vật toát lên đầy vẻ hả hê, sung túc. Trước mặt anh là một quan lộ, một dãy người gánh toản sách là sách. Họ gánh đi bán rong hay chuyển đi phân phối cho đại lý. Họ nhìn anh, anh nhìn họ gật gù cười cười, rõ ràng là quen thuộc nhau cả. Có người nói vẫn anh đang hợp thời vận! Quyền nào anh viết ra cũng có tầm ít mùi đé mèn nhưng chẳng thấm tháp mấy. Có thể ví như người bán trà âm, vẩy vài giọt ét-te sen, nhài vẩy. Anh đã đạt tới mức

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

quán quân thực hiện khẩu hiệu "nhanh, nhiều, tốt, rẻ". Sách anh được phát hành số lượng không hạn định, bày tại quầy sách quốc doanh; cứ như gạo cửa hàng mậu dịch vậy. - Làm gì có chuyện đong gạo ngoài cửa hàng! Lòng nhân ái, sợ người người đói vẫn khát sách nên anh trở tài đáp ứng. Ngồi chỗ nào anh cũng viết được. Đứng chỗ nào anh cũng viết được, tay cứ thoăn thoắt tài nhả đều đều. Có người nói anh viết như đan len! Và anh đã chiếm lĩnh một góc trong cái tam giác thơm Tô Hoài - Lê Văn Trương - Hồ Biểu Chánh.

Ngồi nghỉ đã lâu lâu, anh đứng dậy, kéo theo con dê, anh vỗ vào lưng dê như vỗ vào lưng ngựa! Hẳn anh đang lấy lưng dê làm chuẩn, tập thể dục, thể thao. Anh cứ nhấp nhôm nhảy mãi vẫn không qua lưng con dê mèn! Anh bị ngã! Chống tay nhồm dậy; nhìn trước, nhìn sau, xem có ai nhìn thấy không? Anh đứng hẳn dậy, lắc đầu ngán ngẫm...

Tại sao anh lại lắc đầu ngán ngẫm nhi? Ngã thì lại dậy. Phải chăng anh đã nghĩ xa xôi sợ "sinh nghề, tử nghệ". Theo thiên nghĩ của tôi thì anh lầm rồi! Nghệ của anh chỉ có sinh làm gì có tử!

Tôi đang bận tâm suy nghĩ; tôi vừa chớp mắt một cái bỗng lại thấy mình đang ở giữa chợ. Trong đầu tôi lại nổi vào cái mạch cũ, từ khi gặp giai nhân. Mỗi nghỉ ngơi dâng lên mỗi lúc một cao - không sao tự mình giải đáp được. Tôi định rẽ hẳn vào dãy hàng chó xem người ta bán, mua, người ta khen, chê tướng mạo lũ chó má. Chợ cùi tay ai đó huých nhẹ vào sườn tôi. Qua cái kiêu huých ấy, tôi đoán ngay là cùi tay của bạn thân. Tôi quay cổ lại, đúng là Đào Công Đạt - Lê Đạt - cái tên do anh Nguyễn Huy Tưởng đặt cho từ rừng Việc Bắc. Lê Đạt, tôi rất có cảm tình với anh, phục anh, mặc dù anh ra đời sau tôi tám tháng. Anh thông minh, anh có tú tài Tây và còn học cao hơn nữa. Dầu toàn quốc kháng chiến anh còn theo học trường pháp lý - Đỗ Xuân Sáng. Còn tôi không dám giấu giếm, chỉ có cái trung học - phải thi lại lần hai. Anh hay lấp bắp, lấp bắp vui

## HUỖNH ÁI TÔNG

miệng như tép nhảy. Tôi chỉ hơi khó chịu với anh một chút vì bất cứ với ai anh hay giữ giọng "lãnh tụ non". Tôi cũng đại khái biết anh, có giai đoạn anh đã nhậm chức *secrétaire particulier* cho một vị cỡ nào đó - anh nói chuyện hay chen tiếng Pháp - khi đang nói, anh ngừng lại, đắm nhẹ lên trán, để tìm từ Việt cho thích hợp - na ná như người ở Pháp lâu năm mới trở về nước - bắt buộc dĩ có kinh nghiệm - phụt tiếng Pháp. Theo tôi không chắc chắn lắm - phần nào để tạo dáng kẻ nhiều chữ?

Lê Đạt là người sòng phẳng, ngay thẳng, đôn hậu, chỉ phải nổi: tính đôi khi tất tưởi; hoặc hay cầm nhầm - có kinh nghiệm chữ của người khác khảm sâu trong sáng tác văn thơ của mình - dẫu có vết, thì ngọc vẫn là ngọc! Tôi còn quý anh ở một điểm nữa là anh hay cho tôi đi ăn phở. Có lần tôi vui miệng hỏi anh: "Tiền đâu mà cậu cứ cho mình ăn phở mãi thế?" Anh nói nhỏ vừa đủ tôi nghe: "Bà cụ mình vẫn có chút buôn bán nhỏ kiếm thêm!..." Tôi cười, không phải chê bai gì. Nhưng anh hiểu lầm như là tôi có ý chê việc buôn bán - Vào cái thời mà gia đình cán bộ vẫn phần nào dựa vào buôn bán để cải thiện đời sống đều bị coi là thiếu trong sáng - Anh liền cười văng tục: "Chả thế lấy đéo đâu ra cho mày ăn!..." Tôi chẳng phật ý về câu nói. Tóm lại tôi vẫn thấy có bốn phận đối với anh như bát nước đầy.

Hôm nay, gặp nhau đây, anh lại hỏi tôi: "Đã ăn gì chưa? Phở chứ?" Tôi đón lòng thảo của anh: "Gì cũng được!" Nhân dịp gặp anh, tôi khẳng định sự nhìn nhận của mình về anh Tô Hoài, về giai nhân. Tôi đưa mắt hỏi anh, không chần chừ Lê Đạt khẳng định: "Đúng lúy!" Tôi hỏi lại: "Có chắc không?" Lê Đạt nói: "Chắc!" Tôi lại hỏi tiếp: "Sao lại như vậy nhỉ?" Lê Đạt cười: "Ai mà biết được, ông anh lắm mưu nhiều mẹo; có thể nói là *đương kim vô địch* đấy!" Tôi ngỡ ngàng hỏi: "Về cái gì?" Lê Đạt đập mạnh bàn tay vào vai tôi: "Thôi đừng vờ! Mày mà không biết à?" Tôi nói: "Không biết thật mà!" Bây giờ Lê Đạt mới nói toạc ra: "Về cái khôn chứ cái gì!" Tôi công nhận lời nói của Lê Đạt; chẳng những Lê Đạt mà anh em trong văn



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

nghệ thường cũng nói như vậy. Lê Đạt lúc nào cũng lại đưa tay vỗ vỗ lên trán nói: "Tao nghĩ, về văn ông anh đã bội thu, còn muốn gì nữa cho nhọc xác!" Tôi chưa kịp đáp lời, Lê Đạt mau miệng tiếp: "Bọn mình nhặt được vài hạt khôn của ông anh rơi vãi thì cũng lấy làm mãn nguyện phải không mày?"

Tôi bần thần cả người, tâm trạng tôi ngổn ngang, không vui, cũng chẳng buồn, chẳng ước ao hay nuôi tiếc gì cái hạt khôn của anh Tô Hoài để rơi vãi.

Tiếc thay! Nếu anh không ủ một mưu mẹo gì cao hơn; đến bây giờ mới ngoặt bước sang một đường mới khác thì hơi muộn. Dẫu sao thì cũng là giả. Có lẽ anh nhảy bèn trong lúc thật giả lộn sòng nên mới quyết tâm như vậy chẳng? Tôi nghĩ trách ông Xanh kia vẫn còn ỡng ẹo, đã cho người ta cái ngoại hình hấp dẫn thế này, sao không phóng tay mà còn bủn xỉn đả đo tiếc rẻ không cho nốt cái chút nhỏ bé cần thiết; để người ta được trở thành một giai nhân hoàn mỹ; để người ta mang cái thân hình ngà ngọc ngay từ tuổi măng măng bẻ gãy sừng trâu, hành hương trên đường tìm Chân Mỹ. Tôi chẳng đại dột gì mà dính Mỹ với Thiện ở đây. Nếu người ta không đem được cái Chân Mỹ đáng hoa ban phát nơi nơi thì ít nhất cũng cho một vùng không nhỏ. Mặt này thiết tưởng người ta còn gặt hái gấp bao nhiêu lần gặt hái văn chương. Cái tháp ngà Chân Mỹ hẳn mở rộng cửa đón chờ. Người ta khỏi phải khéo khôn, loay hoay; khỏi bị ngộ nhận, rất tội nghiệp!

Lê Đạt kéo vai tôi lên trên đường, tìm ăn phở, vừa để hóng mát, quanh quẩn dưới chợ, thế đã đủ rồi. Tôi và Lê Đạt vừa lên khỏi dốc, đến đầu hàng cây cảnh. Lê Đạt đang bận để mắt tìm hàng phở. Tôi đứng xem cây cảnh. Bỗng từ trong chậu cảnh hoa giấy phơi phới màu đỏ, một người bước ra, dáng vẻ mãn nguyện đàng hoàng như từ Pô-đê-ga bước ra. Lẽ ra tôi phải kính hãi cái lối tàng hình hoá phép. Nhưng không hiểu sao tôi lại coi là chuyện bình thường; chuyện tầm thường! Tóc rẽ cánh phượng, trên khuôn mặt chim, trợn không lẫn. Nách trái cặp

## HUỶNH ÁI TÔNG

một tập nhạc. Tôi biết ngay là ai rồi. Hình như anh ta đã nhìn thấy hai chúng tôi; anh ta đưa bàn tay lên che miệng cười - cái thói quen cố hữu. Lê Đạt quay đầu lại lấp bắp lên tiếng trước: "Chào cụ Tiên". Chỉ mấy tiếng của Lê Đạt, tôi có cảm tưởng như anh đang giỡn, đang yêu cầu con tàu lịch sử dân tộc cài số lùi hàng vài thập kỷ - cái thời Tiên thứ chỉ, đầu gà má lợn - cái thứ bông phèng thiếu ý thức ấy mà lọt đến tai trên thì kiểm điểm mệ! Cụ Tiên hỏi: "Tụi mày đi đâu đến đây?" Lê Đạt trả lời gặng: "Chơi!" Cụ Tiên ta lại che miệng cười: "Có thể dẫn tao đi Văn Phú hàng Lạng được chứ?" Lê Đạt hơi ngần ngừ, đưa mắt cho tôi. Cụ Tiên kịp thời theo mắt Lê Đạt hỏi tôi: "Khá không? Nghe Phùng Quán nói dạo này sáng nào mày cũng luyện thái cực quyền à?" Tôi chưa hiểu hai tiếng "khá không" là khá về mặt nào, khá cái gì? Tôi trả lời: "Múa may vài cái cho nó qua giờ ăn sáng chứ còn quyền gì đâu!" Tôi cũng tin rằng anh ta hỏi là hỏi chứ cũng biết thừa hoàn cảnh tôi nghèo lỗ ra chứ có gì. Lê Đạt đầu cứ gật gật khẽ - gật đầu kiểu này không phải là đồng ý. Cụ Tiên chép miệng: "Bấy lâu nay tao chưa xem lại cái tiết mục Náo long cung!" Thật ra lúc này tôi mới hiểu rõ ý muốn của cụ Tiên. Cách đây mấy năm, đoàn xiếc Tề Tề Cáp Nhĩ Trung Hoa có sang biểu diễn tại nhà hát nhân dân; trong đó có tiết mục "náo long cung" gồm đủ loại thú tộc, ba ba, lươn, ếch nhào lộn. Từ đây cửa hàng ăn Văn Phú mới đặt tên cho một thực đơn là "náo long cung". Tôi cũng đã có một vài lần được các ông anh Hoàng Cầm, Tử Phác, Đặng Đình Hưng, Cụ Tiên và cả Lê Đạt, cho đến dự tiết mục đó - ai trả tiền thì không nhớ.

Trước mặt nhau đây, thấy "Cụ Tiên" vui vẻ tôi cũng mới dám chuyện trò cởi mở. Với "Cụ Tiên" tôi vốn ngại, sợ thì đúng hơn. Bởi tôi biết cụ Tiên có kèm một công tác đặc nhiệm; và đã vài lần lập chiến công tuy thâm lặng nhưng hiển hách. Tôi có lần được Tử Phác nói cho biết chơi với cụ Tiên là vẫn phải cảnh giác. Vui vẻ đấy nhưng lỗ miệng chuyện nọ xọ chuyện kia, cụ Tiên cho là phạm vào "tín điều", "đet" cho một cái, mình toi mạng! Bởi vậy, cũng như hôm nay, mỗi lần gặp cụ

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Tiền, tôi chỉ giao tiếp lấy lệ để cụ Tiên khỏi méch lòng. Tôi vẫn tính bài làng.

Phở chưa ăn, Văn Phú chưa quyết, chưa đi. Bỗng một loạt đại bác, chẳng biết từ đâu, chẳng biết vì sao, ầm ầm rung chuyển cả một không gian. Dưới chợ, trên đường huyền ảo, người người đổ xô chen lấn, la hét, gà lợn chó má cũng kêu lên thất thanh. Kẻ chạy xuôi, người chạy ngược, xéo lên nhau mà chạy - đều chạy người không - bỏ của chạy lấy người - Cụ Tiên và Lê Đạt đã biến nẻo nào rồi?

Trong cơn kinh hoàng, hoảng loạn, một mình tôi bơ vơ, không biết nên chạy đi đâu? Tiếng nổ mỗi lúc một dữ dội tưởng như vỡ trái đất; tưởng như phụt núi lửa, tưởng như trời sập; tưởng như Trân Châu cảng hay Hi-rô-si-ma. Cuồng phong, bão tố nổi lên tiếp tay cho tiếng nổ. Cây cối ngã nghiêng, đất, trời chao đảo. Trên không trung, mây ngũ sắc xanh vàng tím đỏ vun vút như cò thiên lô từ bắc phương tràn xuống, từ tây phương đổ về. Vừa bay vừa đổi màu biến sắc. Tất cả gặp nhau, tụm lại, tạo một vòm trời đỏ như máu. Tôi đứng dưới vòm trời, ba hồn bảy vía chỉ may ra còn lại một hai.

Tôi tự hỏi thế này là thế nào? Đời tôi chưa được nghe ai kể; chỉ khi còn thơ ấu được nghe ông lão hàng xóm nói chuyện đời; nghe xong ngày đêm sợ hãi. Lần ấy chị gái tôi cũng còn bé, chị cóp được mấy hào, nghe nói sắp đổi đời đến nơi, hai chị em rủ nhau đem tiền mua kẹo bánh ăn bằng hết, kẹo bỏ phí. Câu chuyện đó tôi lớn lên vẫn còn bán tín, bán nghi; khi trưởng thành thì quên mất...

Câu chuyện ông lão hàng xóm kể có lẽ là lúc này đây! Đã bơ vơ vì bạn, lại bơ vơ vì thiếu mặt gia đình! Lúc này thì tiếng nổ không còn, chỉ còn tiếng gầm rú của bão tố như ngàn vạn tiếng hổ gầm, voi rống, nghe càng hãi hùng! Dưới vòm trời tất cả đều nhuộm nhanh màu đỏ. Tôi bỗng choáng váng, đầu nhức,

## HUỶNH ÁI TÔNG

mắt hoa lên! Tôi phải đưa hai bàn tay đập lên mặt, vì cảm thấy mặt đất quá cheo leo! Tôi sợ ngã!

Tôi vừa mở hai bàn tay không biết từ lúc nào và từ trên trời lao xuống, hay từ dưới đất trời lên, một trái núi - trái núi hình nón - có lẽ là ngọn tháp, tôi chưa kịp phân biệt. Thì cứ gọi là một ngọn tháp khổng lồ. Ngọn tháp rung rinh lay động. Trên đỉnh tháp là một tàn vàng chói lóa, hơi giống mặt trời chiều lúc gần xuống núi; có phần sáng hơn mặt trời. Bên cạnh tàn vàng là một lá cờ đại; xung quanh lá cờ đại là hàng ngàn cờ nhỏ - đều màu đỏ rực. Từ cờ đại đến cờ nhỏ đều quay tròn. Diềm cờ không đính tua kim tuyến mà là lưỡi câu thép ngoại. Cờ tạo gió, gió nhân thành bão, thì ra do cờ bay mà tiếng gầm rú hải hùng như vậy. Tôi lạnh cả người, cầm sẵn trong tay một cái chết móc hàm!

Ngọn tháp mỗi lúc một to ra, cao lên, cờ cũng nhiều gấp bội. Có thể nói: đây mới đúng là rừng cờ, là nguồn sinh của cờ - cũng đều diềm lưỡi câu, cũng quay tít. Tôi đưa mắt nhìn kỹ thêm ngọn tháp từ chân tới đỉnh toàn người là người lớp nọ cưỡi lên cổ lớp kia ngất ngứ. Cái tháp người này sẽ là kỳ quan thứ mấy của thế giới đây? - Tôi nghĩ vậy - Thật là một sự kỳ lạ! Tạo được ngọn tháp này phải là các nghệ sĩ xiếc có hạng. Ai ở trên đỉnh chót nhỉ? - Tôi tự hỏi?

Thoắt một cái, chẳng biết từ đâu, người người lớp lớp đang chạy vòng quanh tháp - như đèn kéo quân. Chạy theo hướng cờ bay, chạy dưới bóng cờ. Từ chân tháp đổ ra không sao đếm xuể được số vòng trong, vòng ngoài là bao nhiêu. Tôi cũng là kẻ đang chạy vòng ngoài cùng. Tôi ngỡ ngàng không hiểu do sự xấp xếp nào mà tôi có mặt trong vòng chạy này? Làm sao tôi không biết? Vòng nào cũng đủ các loại người già, trẻ, đàn bà, đàn ông - bách tính tứ dân: sĩ, nông, công, cổ - Nhiều nhất vẫn là dân áo vải, chân lấm tay bùn - Hình như có cả Tây lai. Người nào cũng cầm vũ khí từ tối tân đến thô sơ: Tối tân đây là súng; nào là Rơ-manh-tông, Mút-cơ-tông, Anh-đô-si-noa, cả

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

súng hỏa mai; nào là cuốc, xẻng, mai, thuổng, đòn càn, đòn gánh, nào là tay thước, dao quắm, mã tấu. Có cả mấy vị Trư Bát Giới cũng vác cào lạch ạch, hoặc xích trượt; cả mấy vị áo chùng thâm vác thánh giá chạy vòng gần chân tháp. Trong đế của đại tháp, tôi thấy đủ mặt: ông anh đẹp giai tay cầm một côn đồ, Viện trưởng, Viện phó viện múa lười. Cụ Tiên hai tay hai súng lục. Ông anh Tô Hoài, cả Hoàng Cầm, Lê Đạt cùng bao nhiêu người khác tôi đã từng gặp mặt ở chiến khu Việt Bắc; điều kết thành một khối tháp vững chắc sống động. Các dòng người đều nhất loạt hướng tai lên đỉnh tháp nghe lệnh sang sảng "Kẻ thù phía trước! Kẻ thù phía trước!" Giữa người nọ với người kia nhất tề giữ đứng khoảng cách một tầm lê đâm trộm!

Đêm xuống lúc nào không biết. Đò pha đen, không gian là một màu huyết dụ; một thứ mùi rờn rợn, tanh tanh như mùi thép rỉ vẩy quanh. Tay tôi, chẳng biết ai đã trao cho một dùi gỗ, và tôi đã nhận làm vũ khí từ lúc nào? Dùi gỗ dài chừng nửa thước tây - bết máu. Chắc là chiến lợi phẩm thu được của kẻ thù tử trận. Ôi chao! Tôi nhìn gáy người phía trước tôi. Chẳng phải ai, chính là ông thầy học của mình. Trông vóc dáng của thầy; nhất là sau gáy có hai nút ruồi đen, to, liền nhau. Tôi khẽ lên tiếng: "Phải thầy Đoàn đây không?" Thầy Đoàn giật mình, không dám ngoái đầu, không dám lên tiếng. Nước mắt tôi trào ra, cổ tôi nghẹn lại, tôi lại hỏi tiếp: "Cung đây! Thầy còn nhận ra con không?" Thầy Đoàn giật mình, co cổ lại. Thầy Đoàn biết mình đang ở vị trí kẻ thù của tôi!!! Tôi bàng hoàng! Tôi đang là kẻ thù của ai phía sau tôi?

Tôi rùng mình kinh hãi, hai chân lão đảo, loạng choạng, xéo phứa lên một bãi cứt. Tôi bị trượt chân văng ra khỏi vòng hiểm họa, ngã sấp mặt, nhờ một "bãi cứt cứu sinh". Tôi đau ê ẩm, nhưng vô cùng sung sướng. Tôi định thần, để ghi nhớ công cứu sống tôi. Tôi nghĩ sau này tôi phải viết một bài "Cứt tưng". Dù ai có chê bai cũng đành chịu vạ thôi. Trong đầu tôi mới xuất

## HUỶNH ÁI TÔNG

được một tú: "Cút không thềm với tay vịn gió thổi mùi; nguyện hồi thôi hết mình để người đời khỏi ngộ nhận!..."

Tôi nằm ngoi; lúc này tôi mới nhận biết mình đang nằm trên đồng máu - máu chiến thắng kẻ thù đồng loại! Gió mặt đất va vào tai tôi những tiếng khóc thê thảm tập thể từ đâu vọng lại. Tôi nghiệp thầy Đoàn bây giờ ở đâu? Thầy Đoàn đang là kẻ thù của ai? - Tôi cầu khẩn đất trời ra tay cứu vớt để những đau thương tràn ngập được giải thoát. Lòng tha thiết bằng an của tôi có lừa dối tôi không? Chiêm bao trong chiêm bao - Vậy hẳn là tội trẻ con mắt dạy tinh nghịch bày trò chơi đại dột!

Chợt có tiếng từ đỉnh tháp đài sang sáng lói tai: "Bắt lấy nó! Bấm nát thằng đào ngũ!" Tôi sợ quá, cút máu đầy người vùng dậy chạy trốn. Tiếng súng ưu binh "chúu chúu" cùng tiếng chân huỳnh huých đuổi phía sau tôi. Nghe mỗi lúc một gần, tôi không dám quay đầu nhìn lại. Tôi cắm cổ chạy, hờm đá cheo leo, vực thẳm ngay trước mặt. Hàng ngàn vạn con rắn đỏ, rắn vàng, to bằng thân cây cau, dựng đầu, giương bành, múa đuôi âm âm như bão tố dưới vực. Cùng đường, trước mặt, sau lưng, hai cái chết rùng rợn! Vừa lúc lại một loạt đạn rít lên sát vành tai bên trái, tôi nghiêng đầu tránh đạn, sẩy chân đâm vút xuống vực, chỉ kịp rú lên một tiếng "Trời!" Tôi giật mình choàng tỉnh! Một cơn ác mộng khủng khiếp!

Cánh tay tôi làm bật cả hai thằng con ôm xô vào nhau trên ngực tôi. Chúng hoảng hốt, ngơ ngác. Dưới ánh sáng của bóng đèn bốn mươi nến, trông ngực tôi rộn rã liên hồi. Từ vô thức tôi buột miệng: "Dầu sao thì thằng anh vẫn là anh thằng em!"

Hà Nội 9-1959

Trích thơ:

**Trà**

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Quát mãi nước sôi*

*Trà đau nát bã*

*Không đổi giọng Tân Cương*

### **Tội nghiệp**

*Tội nghiệp nhà thơ*

*Họm mình*

*Làm lạc*

*Bởi không biết sống*

*Nên không biết chết*

*Nửa thế kỷ*

*Bị lưu đày*

*Trong cũi tung hô*

### **Gãi đất**

*Lái buôn binh lửa*

*Ồ! binh lửa triền mien*

*Tuổi trẻ gái- trai*

*Bị lôi đi- hết*

*Dờ dật sức già gãi đất.*

### **Đêm chọt nghe**

*Trong gói vọng tiếng ru*

*Lặng tai mới rõ*

*Tiếng tóc mình chuyển bạc.*

### **Thu xa**

*Gió vàng đếm lá vàng rơi*

*Mười hai bến nước*

*Em ngồi quay xa*

*Xa quay gấp*

*Làn tơ vối đứt*

## HUỖNH ÁI TÔNG

*Em nhủ long  
Tơ đứt vì xa  
Tơ vương vó ngựa quan hà  
Xa in dấu ngựa  
Canh gà gọi thu  
Quan hà lộng gió chinh phu  
Rừng thu tắm máu  
Máu thu gọi chiều  
Tơ vàng nhỏ giọt lệ điều  
Đăm đăm tay vẫn chiều chiều quay xa  
Xa quay nhẹ  
Làn tơ vẫn đứt  
Em hỏi lòng  
Tơ đứt vì đâu  
Sông ngân lở bắc nhịp cầu  
Mà người trần thế  
Mang sào thiên cung.*

Lê Minh Hà viết về thơ Phùng Cung : “Tôi nhớ tới sự toàn thắng của Thơ Mới năm mươi năm hơn về trước. Trước khi tuyên xưng Thơ Mới, Hoài Thanh, Hoài Chân đã Cung chiêu anh hồn Tản Đà như là người bắc cầu cho hai thế kỷ thơ. Người ta không thể gọi Phùng Cung là một nhà thơ hiện đại hiểu theo nghĩa trên, mà chắc gì nhà thơ muốn vậy, nhưng bằng phong cách đoạn tuyệt với nền thơ đương thời mà vẫn chất chứa cái hồn cốt của thơ Việt Nam muôn thuở, chắc chắn thơ Phùng Cung sẽ làm thiên hạ tốn không ít giấy mực và thời gian. Như Tản Đà đã từng.”

Tài liệu tham khảo:

- Phùng Cung Blog: talawas
- Phùng Cung Web: vi.wikipedia.org



**34) Bùi Quang Đoài**



**Thái Vũ - Bùi Quang Đoài (1928- )**

Bùi Quang Đoài, sinh tháng 11 năm 1928, tại làng Di Luân, xã Quảng Tùng, Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Năm 1944, ông đỗ bằng Thành chung, rồi sau đó tham gia hoạt động cách mạng từ tháng 10 năm 1945 tại Huế. Năm 1946, gia nhập đoàn quân Nam tiến.

Năm 1947, 19 tuổi chỉ huy cấp bậc Đại đội (lúc ấy chưa bình quân hàm sĩ quan); phụ trách văn hóa phòng chính trị Liên khu V, huấn luyện viên quân sự, rồi dạy trường Trung học bình dân quân sự Liên khu V.

Năm 1951, xuất ngũ ra ra Thanh Hóa học trường Dự Bị Đại học.

Năm 1954, tiếp thu Hà Nội, ông theo học Đại học ở Hà Nội, tốt nghiệp Cử nhân, rồi giảng dạy đại học. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (1957). Ông có các bút danh Thái Vũ, Vũ Hùng Nam, Nhiều Vũ.

Ông lãnh đạo phong trào sinh viên, làm chủ bút tờ *Đất Mới*

## HUỖNH ÁI TÔNG

trong thời kỳ Nhân Văn - Giai Phẩm. Tờ *Đất Mới* chỉ ra được một số thì bị đình bản. Sau vụ đó thì ông bị đuổi khỏi trường. Lịch sử một câu chuyện tình của ông đăng trong tờ *Đất Mới*, tả không khí sinh hoạt trong khu Học xá ở Hà nội và kể lại một vụ cán bộ dùng uy quyền chính trị chiếm đoạt tình yêu của một nữ sinh viên tiểu tư sản người Hà nội. Câu chuyện có thực, và đã làm sôi nổi dư luận trong giới sinh viên Đại học lúc bấy giờ. Mặc dù không được dạy bậc đại học, Bùi Quang Đoài vẫn yên ổn làm ở bộ phận tuyên truyền đối ngoại của Bộ Giáo dục và ở *Báo Người giáo viên nhân dân*...

Hiện ở tại: 410 Trần Hưng Đạo, Quận V, thành phố HCM.

Tác phẩm :

- *Đường vô Huế* (ký, 1972)
- *Cờ nghĩa Ba Đình* (tiểu thuyết, 1981)
- *Biến động* (tiểu thuyết, 1984)
- *Hịch truyền* (tiểu thuyết, 1988)
- *Tình sử Mị Châu* (tiểu thuyết 1988)
- *Giặc Chày vôi* (Thuận Hoá)
- *Huế 1885* (Thuận Hoá)
- *Những ngày Cần Vương* (Thuận Hoá)
- *Thành Thái, người điên đầu thế kỷ* (Văn học)

Trích văn:

### **Lịch sử Một câu chuyện tình**

*Em hãy đếm những vì sao trên trời được bao  
nhiều thì anh yêu em còn hơn thế nữa . . .  
Nếu có thể và chỉ có thể thôi.*

Đường trăng mà không sáng ! Bóng-mây đã che mờ hẳn trăng đêm. ánh đèn trong những gian phòng khu học-xá chiếu hắt ra như những vì sao thứ tự. Tân bước vôi lên thêm. Một anh bạn sinh-viên ngồi đó nhìn theo dáng anh mệt-nhọc.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Kém 15 phút nữa là đúng 10 giờ đêm. Bây giờ phải họp tổ hội tự kiểm-thảo. Mà kiểm-thảo cái gì, đêm nào cũng một luận-điều "Tôi thấy trong ngày hôm nay ...".

Qua phòng họp lớn, Tân lấy tay kéo xệch chiếc ghế dựa đi một quãng. Tiếng ồn làm mấy người bạn đang chú mũi học bài nhìn lên. Có cái nhìn của Bằng qua đôi kính trắng gọng nạm vàng. Mắt Tân bắt gặp mắt Bằng trong thoáng chốc. Và Tân càng thấy bức mình thêm vì cứ mãi đôi mắt kính vô lý kia ám-ảnh. Một thằng người hay một ... thế thôi ! Cần gì nói hết ý nghĩ của mình trong khoảnh chốc. Tân lấy đàn "violon" ra kéo chơi một bài cho lòng khuây khỏa Âm thanh của bản đàn "Thais" réo rắt và dồn dập làm rối bời thêm tâm trí anh.

- Ê, Tân đi họp tổ chứ "ôm" đàn mãi à !

Tân cười nhẹ và ngoan ngoãn như em bé bỏ cây đàn vào hộp. Bước đi vẫn nặng nề, do dự. Tiếng đàn còn văng bên tai anh. Họp ! có gì ? --- Phê-bình và kiểm-thảo, kiểm-thảo và phê-bình. Mười phút qua và tới mai đúng 10 giờ kém 15 lại cứ thế. Tân lên giây đồng hồ cho tiếng máy chạy đều sống đến 10 giờ đêm mai. Không biết con người có như vậy không, nhưng cứ kéo dài như vậy thì quả thật là mệt mỏi quá rồi ! Bao giờ sẽ được lau dầu ?

Một hồi keng vang lên. Mười giờ đúng. ánh điện đồng loạt ở các gian phòng khu học-xá tắt phụt. Có vài cái trề nải cố sống thêm vài phút. Mười giờ và đi ngủ. Nội-quy của khu học-xá là như vậy và không một ai có thể thức lâu, trừ "trường-học" đặc biệt nào đó. Tân mân mê hộp đàn violon trong đêm tối. Anh muốn kéo thêm một bản đàn và thực tình anh cũng chưa buồn ngủ. Nhưng đêm tối của toàn gian phòng bắt anh phải tôn trọng một giấc ngủ chung của tập thể. Tiếng đàn như vẫn còn văng lên kéo anh về một kỷ-niệm. Anh nghĩ đến một người ở năm thứ nhất ban Sư:

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Trang sách mở rời*

*Một tờ thư nho nhỏ*

*Thương anh muôn vạn thuở*

*Gửi chòm hoa lý phần anh ...*

Tự nhiên anh nhớ lại mấy câu thơ đó của người bạn và mong cho nỗi lòng mình có một sự cảm-thông. Câu chuyện gặp gỡ anh không thể quên được ...

Đôi mắt của An và thân hình của An. Màu áo tím hoa cà trong nắng vàng của buổi chiều hè làm Tân có cái cảm-tưởng Tân đang bước trên một dải mây. Gió thoảng bay về vờn qua nếp lụa mỏng. Một cái gì lôi cuốn cả tâm-hồn Tân, anh trù mến nhìn người bạn gái sinh-viên chưa quen thuộc đó. An đang vui cười trò chuyện với mấy người bạn gái khác, không chú ý đến một chàng trai si tình của năm thứ ba văn-khoa Ai lại yêu quá vội vàng như thế nhỉ ! Nhưng nói sao được tuổi thanh-niên và nói sao được cái rung động buổi đầu trước một người đẹp. Tân nhìn An trong nắng vàng của chiều hè, nhịp máu chảy vuron lên. Tự nhiên An cũng nhìn hướng về phía Tân. Và An nhìn hướng như vậy luôn mấy lần. Đôi mắt Tân và đôi mắt An đã gặp nhau trong một cuộc hẹn hò không ước hẹn.

Yêu ! Tân thấy cuộc đời như rộn hẳn lên và cái nhìn cũng hoa là hoa, ánh sáng là ánh sáng. Yêu đời đẹp quá đi thôi và đưa người thanh-niên đến một lạc quan say đắm : "Em ơi ! Em hãy đem những vì sao trên trời được bao nhiêu thì anh yêu em còn hơn thế nữa ...".

Chiều đó Tân đã gặp lại An. Lần này anh không dám nhìn thẳng vào mắt An nữa. Anh muốn nói một câu mở đầu nhưng lòng anh bối rối. Anh đang lúng túng tìm một ý nghĩ gì thật là văn-hoa để mong diễn đạt nỗi lòng thâm kín của mình một cách xa xôi bóng bẩy thì Hạnh đến. Hạnh là người bạn gái khá tốt và tế nhị trong vấn-đề tình cảm. Hơn nữa Hạnh là người đã đứng tuổi, có con rồi. Tân đã có lần tâm-sự với Hạnh về cảm-

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

tình của mình đối với An, nên bây giờ trong một sự tình cờ hai người đứng gần nhau trước hiên nhà, Hạnh đã nắm được sự bối rối của Tân. Hạnh nói như sự nhớ một điều gì:

- À, Anh Tân đây rồi ! Chị An mượn tôi cuốn "Số đo" của Vũ-trọng-Phụng nhưng anh lại mượn mất rồi Thôi hai người điều đình với nhau vậy.

Tân hơi ngạc nhiên vì anh không định mượn cuốn "Số đo" của Hạnh bao giờ. Nhưng thoáng cái, anh hiểu ngay ý nghĩa câu nói, anh nhìn thẳng vào mắt An hỏi:

- Chị An bên Sử mà cũng thích đọc sách bên Văn cơ à? Thế mà tôi cứ tưởng ...

- Tưởng gì nào?

Hạnh cười ngắt ngang câu nói làm Tân hơi lúng túng.

An cũng vậy, nàng đã bắt gặp rất nhiều lần Tân nhìn nàng, nên hôm nay nàng cũng không giữ được vẻ tự-nhiên thường ngày. Nàng hỏi lại.

- Thế anh tưởng bên Sử thì không thể và không dám hiểu một ý sâu của câu văn hay sao Anh quên rằng các anh bên Văn là rất cần Sử để có thể phân tách tình-trạng xã-hội qua tác-phẩm văn-học đó nhé !

Hạnh cười:

- Vâng rất cần Sử ...

Câu chuyện đang vui thì Bằng đến. Bằng nhìn Tân rồi nhìn An qua đôi kính trắng gọng nạm vàng nói như cố ý pha trò nhưng quá nước ốc:

- Chứ cái chi chi đây mà tụ họp vui quá nhỉ.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Tân muốn bỏ đi ngay Anh nói hắt hàm:

- À, một chuyện đời !

Bằng lại giữ đúng thái-độ "Đào kép mới" của Nguyễn công Hoan, cười lố bịch:

- Chà, chứ quan trọng vậy ư ? Nhưng chuyện đời gì mà chỉ có ba người, tôi tham gia có được không ?

An vô tình nói với Bằng:

- Sao lại chuyện đời ? Em hỏi mượn chị Hạnh cuốn "Số đỏ" đó thôi.

Tân nhún vai:

- Thì "Số đỏ" cũng là chuyện đời, chuyện đời của thằng Xuân biết lừa đời, sống trong một hình-thức giả-tạo để mà lên đến ghê gọi là "anh hùng ! " .

Tân nói xong cười tinh nghịch nhìn vào đôi mắt kính của Bằng. Anh thấy Bằng đã đến, tất nhiên nước có thể đục. Mà anh, cuộc đời trước mắt anh đang cần những cái gì trong mát, tươi thắm hơn, nên anh trở về phòng.

Lát sau anh đưa cuốn "Số đỏ" cho An. Hai người cùng nói chuyện với nhau nhiều hơn trong cuộc đời sinh-viên, giữa người ở vùng tự-do, kháng-chiến trở về thủ đô và người thủ đô cũ. Tân kể lại những ngày vất-vả ở cầu Kè, Thanh-Hóa, đêm ngồi nghe Giáo-sư giảng bài bên ngọn đèn dầu lù mờ và cả cuộc đời gò bó, khuôn khổ. Ngoài thì tàu bay của giặc thường đi khủng bố, trong thì cả một sự hạn chế ... Anh không muốn nói hết những tình-cảm và tư-tưởng của mình trong những ngày đã qua Anh muốn tìm hiểu hơn ở người bạn gái Hà-nội có mái tóc quăn này Anh đã hỏi An là sao An đã vào Su-phạm mà chịu ở ký-túc-xá. Qua những câu nói của An, anh hiểu tâm

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

trạng của một người thanh-niên học-sinh Hà-nội hơn, những phút sống lao-đao của họ trong bàn tay địch và cuộc đời như không có tương-lại Tất cả xung quanh đều là những bước đường co thể sa ngã, bàn tay của truy-lạc, của đen tối luôn tìm lôi kéo mọi người thanh-niên mới lớn lên. Cho nên trên cái bờ vơ đớ của cuộc đời, phải chăng người thanh-niên của thủ-đô Hà-nội cũ đã hướng về vùng tự-do kháng chiến. An cũng đã sống trong cái tâm-trạng đó nên lúc hòa-bình được lập lại, nàng như thấy rõ cuộc đời mình đang bắt đầu đi vào con đường giải-phóng mới rộng rãi và tươi sáng hơn. Trên ý nghĩ đó, An thấy mình chưa phục-vụ cho nhân-dân, cho đất-nước được một cái gì rõ rệt, hơn nữa trong nhu-cầu cần-thiết của nhân-dân, nàng quả quyết theo ngành Sư-phạm. Mặc dầu Trâm, bạn nàng, hôm thi đỗ được vào trường Đại-học Sư-Phạm văn-khoa đã nói đùa: " Thế này thật là mới vững lập-trường !" nhưng An không khe-khất với bạn. Nàng cho ý nghĩ ấy cũng có thể được chứ có sao đâu: lập-trường của mình là dứt khoát đứng về phía nhân-dân lao-động và phục-vụ cho nhân-dân lao-động cơ mà ! Học sư-phạm ra đi dạy là ý nghĩa cụ-thể nhất của một người thanh-niên.

An đã nói với Tân là An mến những chị bạn ở vùng tự-do kháng chiến mới về. An muốn gần họ và mong hiểu được nhiều hơn cuộc sống của con người kháng-chiến mà nàng không là một con số trong đó. Tân hỏi đùa An:

- Nhưng sao người ở Hà-nội mới được giải-phóng lại cứ hay gọi vùng tự-do kháng-chiến là "hậu phương" ?

An không trả lời. Qua câu chuyện của Tân, nàng thấy Tân là một thanh-niên rất thành thật. Nàng mến Tân hơn và có thể tin ở người bạn trai có một tâm hồn nghệ-sĩ này. An nhớ lại những bản đàn mà Tân thường chơi vào lúc 10 giờ đêm trước giờ kiểm-thảo. Tiếng đàn những lúc đó bao giờ cũng vội vàng, hấp tấp. Tân kéo bản đàn này qua bản đàn khác như người đang cố tìm hưởng lấy một phút sống vui trước giờ hấp hối (và không

## HUỶNH ÁI TÔNG

biết 10 giờ nội-quy đi ngủ của khu học-xá có phải cũng đúng là giờ hấp hối hay không). Tiếng đàn buổi sáng bao giờ An cũng thấy thoải mái, thánh thoát hơn. Tiếng đàn lắng sâu vào tâm-sự con người trong buổi bình minh rục rỡ, đọng trên mí mắt người ta như châu ngọc, ban cho tuổi thanh-niên một hứa hẹn của ngày mai An rất thích nghe tiếng đàn bình minh của Tân. Một sáng đầy nắng mới, Tân lại đi kéo bài " Khúc ca ban chiều" "Sérénata" - làm An và các bạn khác, vẫn thích nghe đàn của Tân, bật cười:

- Ông tướng quên cả ngày rồi !

\*\*\*

Nếu chỉ thế thôi !

Tân đã ghi vào trang đầu của cuốn nhật-ký " Em ơi ! Em hãy đếm những vì sao trên trời được bao nhiêu thì anh yêu em còn hơn thế nữa"

Tình yêu đã bắt đầu chớm nở giữa hai người Tiếng đàn của Tân vui hơn, nhộn nhịp hơn. Anh không ăn bận bình thường như trước nữa Anh chải hất mớ tóc lên theo làn sóng uốn và thỉnh thoảng anh lại thắt cả " cravate". Mọi người đều thấy ở Tân có một sự thay đổi và ai cũng biết câu chuyện giữa Tân và An.

Bước đầu đang được tìm hiểu xây dựng thì một hôm người ta thấy Bằng đang bàn chuyện trong buồng riêng với hai nữ sinh-viên, Chi và Phụng. Nét mặt của Bằng rất quan-trọng và qua đôi kính trắng gọng nạm vàng của Bằng người ta lại càng có thể đoán cái quan-trọng của câu chuyện hơn. Không ai hiểu chuyện gì đã hay đang xảy ra Người ta - nghĩa là anh em sinh-viên- đều biết Bằng là Bí-thư chi-bộ Đảng của tổ-chức sinh-viên. Một lát Chi ở phòng riêng ra, còn Phụng ở lại với Bằng. Cửa đóng kín mít trong gian-phòng của hai người, một trai và



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

một gái Người ta không có quyền tò-mò vì đó là Bằng "đảng-viên" đang giải-quyết" công việc.

Đến chiều An vội từ trên gác xuống tìm đến phòng riêng nơi Bằng làm việc. Mặt nàng hơi tái Bằng hỏi nàng:

- Chắc Chi và Phụng đã nói chuyện với chị rồi phải không? Chị có cảm tình với Tân ? à, cái ấy chị có quyền tự-do luyện-ái ...

An thấy thái-độ của Bằng quá trắng-trợn, toan "thắc-mắc" nhưng nàng vội nhớ ngay đến địa-vị và chức-vụ của Bằng. Nàng lo sợ ngời yên-lặng cúi đầu xuống, tay cuộn tròn mẩu giấy nhỏ. Tự nhiên nàng thấy mình như đang phạm vào một tội gì đó trong "nội-quy" tình-yêu ở khu học-xá. Nàng đang phân vân thì Bằng lại nói:

- Chị đã tìm hiểu gì nhiều về anh Tân chưa ? Cứ nói thật thì anh chị em người ta giúp ý kiến cho chứ ngại gì mà vụng trộm. ở đây chúng ta có đủ mọi quyền, trong đó có quyền yêu cơ mà.

Rồi Bằng cười độ lượng tiếp:

- Cái khuyết điểm của chị là sao lại không hỏi ý kiến tôi hay tập thể . Tất cả sinh-viên của ta ở đây có một việc gì, dù là việc tâm-tình kín đáo mấy mà lại không hỏi qua ý kiến tôi Nhưng may là có mấy chị ấy báo cáo cho tôi rõ, nên tôi mới gọi chị đến đây để giúp đỡ thêm ý kiến về hạnh-phúc lứa đôi Chắc chị cũng biết những tiêu-chuẩn luyện-ái-quan chứ gì ? Tôi không nhắc lại hết, chỉ nêu lại với chị một điểm của tiêu-chuẩn luyện-ái là vấn-đề tư-tưởng. Vấn đề tư-tưởng là chính-yếu: giá-trị của con người ta là qua vấn-đề tư-tưởng đó. Mà Tân thì chắc chị đã hiểu, Tân chưa phải là thanh-niên Cứu-quốc, riêng chị là cảm-tình của Đoàn.

Sự việc xảy ra quay cuồng trước mắt An. Chiều hôm đó nàng bỏ không ăn cơm, cáo ốm xin nghỉ học tối Trước kia nàng là một người hồn nhiên, nhìn mộng đẹp của đời như bông hoa

## HUỶNH ÁI TÔNG

buổi sáng mở cánh đón ánh nắng bình-minh. Nàng rất in ở chế-độ Dân-chủ Cộng-hòa và con đường tiến lên của nó. Nàng rất tin con người trong chế-độ đó và chưa một lần hoài nghi Người ta có thể hoài nghi với cuộc đời, với cả tình-yêu Nhưng riêng An nàng nghĩ người đời cũng có thể có những tình-cảm như mình. Nay trang giấy trắng của tuổi lòng đang bắt đầu lật qua một mặt khác, nàng đã yêu Tân. Tình yêu của nàng đang vừa độ chớm nở. Nàng có thể tha thứ cho Tân những điều mà Tân đã làm-lỗi trong tình-cảm trước kia Đó là một truyện rất có thể mà thôi tuy chưa thú thực nổi lòng của mình với Tân, nhưng nàng có thể tin Tân.

Đôi mắt của Bằng qua đôi kính trắng gọng nạm vàng như đã nhìn rất sâu vào tâm-tư An. Nàng không thể quên được những cái tiêu-chuẩn - không biết có vô lý không - mà Bằng đã nêu ra : vấn-đề tư-tưởng. Mà tư tưởng tức là lập-trường chính-trị rồi Thế nhưng anh Tân đã chiến-đấu ở bộ đội về, đã ở kháng-chiến cơ mà ! An lại càng phân vân. Cuộc đời quả thật là vô cùng phức-tạp. Tại sao Tân không phải là Thanh-niên Cứu-quốc ? Tại sao Tân đã chiến đấu cho Cách-mạng nhiều như vậy 6, 7 năm ở bộ đội - mà lại không là một đảng viên Cộng-sản ? Tại sao ? Nếu quả ý nghĩa câu nói của Bằng thì có thể là Tân thiếu lập-trường Cách-mạng, tư-tưởng kém. Do đó suy rộng ra không biết có nên chụp mũ không - là tư-cách đạo đức kém. Mà nếu là quần-chúng thì đó là một sự dĩ nhiên. ý nghĩ dồn dập trong tâm-trí An. Nàng thấy ở trường học cũng có cơ-quan đoàn thể của chính-phủ, những người lãnh đạo đều là đảng viên Cộng-sản cả. An rút ra một kết-luận đơn giản : đảng viên Cộng-sản người nào cũng tốt hết vì họ có lập trường tư-tưởng vững còn quần-chúng mặc dù anh ở thành-phần nào, năng-lực công-tác cao đến đâu nếu anh chưa là đảng-viên Cộng-sản thì ý thức lập-trường của anh đều kém. Như vậy, nếu đưa vấn-đề tự-do luyện ái ra trong đó có tiêu-chuẩn tư-tưởng - sao lại tiêu chuẩn - qua ý của Bằng là con gái nên lấy chồng đảng viên Cộng-sản vì họ có lập-trường tư-tưởng. Thật là rủi ro cho ai lấy phải những người chồng quần-chúng như Tân hay sao ?

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Nhưng hiện nay một số đảng viên Cộng-sản đã phủ nhận vai trò của quần-chúng, không tin ở quần-chúng (cơ-quan tổ-chức nào họ cũng nắm toàn quyền lãnh đạo và đảng bộ quyết-định tuyệt-đối), họ khinh thường quần chúng. Vì vậy An đã nghi ngờ ngay cả khả-năng của bản thân mình.

An càng thấy băn khoăn hơn trong ý nghĩ, mấy ngày luôn nàng tránh không muốn gặp Tân, nàng sợ cái nhìn của Tân, sợ cả tiếng đàn của Tân. Tiếng đàn trước kia quen thuộc, thân ái như lời tâm-sự, bây giờ đối với nàng như tiếng than não ruột.

Chính nó đã xé cả lòng nàng. Nàng thấy như tiếng đàn cũng mất lập-trường, thiếu căn-bản tư -tưởng. ừ, giá cũng bản đàn đó, nếu là một người đảng viên cộng-sản kéo thì có phải vững lập-trường biết bao An cho mình nghĩ như vậy là máy móc, nhưng chính lòng nàng qua buổi nói chuyện với Bằng, nàng không biết cái gì là đúng, cái gì là sai nữa. Nàng đang đứng trước một ngã ba đường mà chân-lý đối với nàng còn quá mơ hồ. Người Bí-thư chi-bộ Cộng-sản ở trường đã đưa nàng vào con đường sương mù của một buổi sáng Luân-Đôn.

Không yêu có được không ? An để tay lên tim mình nghe rõ tiếng đập dồn dập. Nàng yêu Tân, yêu nhưng chưa qua một lần hứa hẹn. Như thế cũng hay ? Chi bằng ta gấp cuộc đời lại ta chờ đợi một cái rui may.

Mấy lần An đến gặp Bằng, nói rõ nỗi khổ của lòng mình. Bằng đã thương hại nàng, lấy tư-cách là một người anh, tư-cách một người cán-bộ lãnh đạo đi sát quần-chúng, an-ủi nàng. Nàng rất cảm động vì lòng tốt của Bằng. Có lần Bằng đã để tay lên vai nàng, vuốt nhẹ tóc nàng, khuyên nàng không nên đau khổ. Thời gian sẽ trôi qua và kỷ-niệm kia cũng sẽ dần dần nhạt phai. Nàng thấy Bằng luôn săn sóc đến nàng cũng như các người bạn gái khác của nàng. Trong toàn trường sư-phạm văn-khoa, không một người nào thắc mắc cái gì là không phải qua tay Bằng giải-quyết. Bằng đã giúp đỡ cho nhiều chị nhìn rõ đời tư

## HUỶNH ÁI TÔNG

của người bạn trai si-tình nào đó và như vậy chị mới có thể dứt khoát cắt đứt dây tình-cảm đang định giăng buộc hai người. May có Bằng nếu không thì biết bao nhiêu là chị sẽ vô tình yêu lầm phải những chàng sinh-viên quần-chúng thiếu tiêu-chuẩn tu-tướng trong vấn-đề luyện-ái quan.

Thật tình An đã cảm-ơn Bằng, người cán-bộ trung-kiên đã giúp cho nàng một con đường thoát. Nàng thấy Bằng thật quả xứng-đáng là một sinh-viên gương-mẫu của trường đại-học, gương-mẫu cả trong cách thức giải-quyết tình-cảm.

Từ đó An nhìn Tân bằng con mắt khác, cố tránh xa Tân. Tuy nhiên, nhiều khi ngồi suy nghĩ một mình, An tự hỏi lòng mình đã dứt khoát hẳn với câu chuyện của đời mình hay chưa. Cái kỷ-niệm trong mối tình đầu tiên chưa hợp đã tan kia, làm sao nàng có thể quên được.

\*\*\*

Có vài mẩu chuyện tung ra trong dư-luận sinh-viên năm thứ ba làm An ngạc nhiên. An đã biết thời-gian vừa qua Tân rất đau khổ. Tiếng đàn bình-minh thường lẹ càng như tha thiết hơn, lo lắng hơn. An rất khó chịu về tiếng thì thầm cho rằng Tân hay diện : "Trong lúc An là người Hà-nội muốn trút bỏ cái áo Hà-nội để đi xuống thì Tân lại tìm khoác cái áo ấy vào". Tại sao người ta lại quá nghiêm-khắc với ngay cả cách thức ăn mặc ? Thế chiến-đấu để làm gì, cứ sống thật với lòng mình có hơn không ?

Một hôm An được Bằng gọi xuống có chuyện riêng. Thoáng thấy bóng Tân ở phòng Bằng ra, nàng đã đoán được phần nào câu chuyện. Cái làm nàng ngạc-nhiên nhất là Tân lại đi cầu cạnh Bằng mong giúp đỡ trong vấn-đề tình-cảm. Nàng chắc Tân không bao giờ có thể làm một việc cầu cạnh như thế. Nhưng biết đâu, trong đau khổ của con tim, người ta có thể đi thử một nước cờ. Nhưng nước cờ đó của Tân, chính Bằng là

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

người đàn quân tính nước và An cũng đã chỉ là một quân cờ. Nước cờ của Tân qua tiêu-chuẩn tư-tưởng trong vấn-đề luyện-ái của Bằng đã thất bại. An từ chối Tân.

Và nếu cũng chỉ có thể thôi !

Câu chuyện chưa phải là bỏ dở. Ngày qua rất chóng. An không đọc lại những trang nhật-ký đã ghi; An cũng không tìm trở lại một kỷ-niệm. Nàng sống hồn nhiên như một ngày nào ...

Có lần đi sau Chi và Phụng, hai người đang bàn về tình-yêu, An đã thoáng nghe : ... "Nữ-sinh Hà-nội dễ chinh phục như chơi ... Anh ấy quan-niệm rằng người ta có thể yêu một lần bốn cô ..." An lao đao cả tâm hồn. Anh ấy là ai ? Chắc hẳn phải là một anh cán-bộ nào đó gần gũi với mấy cô nữ sinh-viên. Nhưng tại sao người ta lại có một quan-niệm lạ đời như vậy ? Họ khinh thường người con gái Hà-nội quá đi : họ đã quan-niệm nữ-sinh Hà-nội như một người đàn bà dễ dãi trong tình yêu. Và một lần bốn cô Rõ ràng đó là ý nghĩ của một tư-tưởng bệnh-hoạn, luru-manh.

An nghĩ đến Tân, so sánh giữa Tân với một số cán-bộ sinh-viên lãnh đạo. Tân sống với tình-cảm của mình quá nhiều, nhưng Tân chưa bao giờ lừa dối ai. Phải sống thật với lòng, sống thật với con người chân chính ... Trong đời còn bao nhiêu là rom rác, bao nhiêu là sâu bọ, làm sao mà biết được cái chân-chính của một con người Bằng đã giải thích và xây-dựng cho nàng rất nhiều trong cuộc sống chung đụng giữa sinh-viên. Những cô bạn của nàng cũng đã có cái hân-hạnh đó và tất cả coi Bằng như một người anh. Bằng có đủ mọi quyền, kể cả quyền về tình-cảm. Nhưng với quyền hành Bằng có xứng đáng với lòng tin của quần-chúng không ? Qua câu chuyện giữa Chi và Phụng, An bắt đầu đặt một câu hỏi Nàng biết Phụng rất được Bằng chú ý và thường hay bàn bạc riêng với nhau. Có hôm Bằng và Phụng ở trong buồng riêng thì thậm đến quá nửa đêm, mà nội-quy nhà trường thì 10 giờ đúng là đi ngủ. Đó là một

## HUỶNH ÁI TÔNG

"trường hợp" đặc-biệt và không ai có thể tò mò về Bằng trong khi anh ta đang "giải-quyết vấn-đề" gì đó cần thiết cho một cô sinh-viên. Bằng gần Phụng nhiều cũng đúng, vì chính Phụng đang thắc-mắc nhiều về chồng con. Bằng vuốt tóc Phụng, xoa dịu lên vai Phụng cũng là đúng vậy thôi. Phụng cần được an ủi và Bằng là một người anh, đồng thời là cán-bộ lãnh đạo Có hôm chính mắt An đã thấy Bằng đùa nghịch với Phụng trước mấy người bạn gái khác. Bằng đã tha thiết muốn xin cái huy-hiệu Tiệp-khắc trên ngực Phụng. Phụng không cho và như thế là có cuộc dẫn co "vui vẻ" cái huy-hiệu trên ngực Phụng. An thấy khó chịu vì ngực của một người con gái, dù là bạn trai thân đến đâu cũng không nên đùa quá trớn như vậy. Nhưng Bằng là cán-bộ lãnh đạo thì hành động ấy phải chăng Bằng có thẩm quyền ? Cũng như Bằng đã thắc-mắc trước mọi người là Duyên có mang. Lúc ấy Duyên đang yêu Thái. Thế là do thắc-mắc của Bằng phát sinh ra một dư luận. Người ta nhìn Duyên bằng con mắt hay hay, chờ đợi một cái gì sẽ đổi ở con người. Thế nhưng mấy tháng qua và năm học hết, Duyên vẫn thấy là Duyên lành mạnh, không "to" như ý nghĩ thắc mắc của Đảng.

An càng nghĩ sâu về sự săn sóc của Bằng nàng càng thấy khó chịu Bằng dễ dãi và quá thân-mật, với chị em. Thường ngày Bằng chỉ gần nữ mà xa nam. Hành động như trên đối với Phụng và Duyên, An không hoàn toàn đồng ý. Hơn nữa như câu chuyện giữa cô Chung và anh Bảo. Hai người đã yêu nhau bốn năm gần cưới, bỗng dưng Chung tuyên-bố cắt đứt với Bảo. Chung bảo Chung không yêu Bảo nhưng Chung lại mới yêu Duy là một người học cùng lớp, ngồi chung bàn. Đây cũng không thể trình-bày qua vấn-đề tình-cảm mà cũng chỉ là trong tiêu-chuẩn lập-trường : Duy là đảng viên và Bảo chỉ là quân chúng. Chung có một sinh-mệnh chính-trị làm bậc thang cho đời mình nên tìm yêu Duy. Bằng đã giải-quyết cho hai người cắt đứt nhau, đồng thời có kiểm thảo Duy. Việc xảy ra, An cho là vô lý. Cách giải-quyết của Bằng, dung thứ cho Duy phá tình yêu của bạn, thừa nhận sự phản-bội tình-cảm của Chung và quy-kết khuyết-điêm về Bảo, cho Bảo là không biết duy trì tình

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

yêu. Bảo đã đau khổ, Chung thì tự đắc về sai lầm mù quáng của mình như một kẻ thắng thế, còn Duy thì lại tỏ thái-độ đứng đưng : "Chuyện tôi với Chung sờ dĩ xảy ra vì tôi sống gần một người đàn bà. Tôi lại chưa có vợ .. à đàn bà !". Đó là quan-niệm luyến-ái của một cán-bộ lãnh đạo hay sao?

Hình ảnh Bằng với đôi kính trắng gọng nạm vàng và hình ảnh Duy với một mắt to, mắt nhỏ luôn ám ảnh An. Đó là hai người trong những người lãnh đạo. Tại sao những sự việc xảy ra vô lý như vậy mà hai người lại quan-niệm một cách quá giản-dị, cái chân chính của con người là thế hay sao ? Nàng nhớ lại câu nói của Tân đã trả lời Bằng về cuốn Số đỏ : "Thì Số đỏ cũng là một chuyện đời, chuyện đời của một thằng Xuân biết lựa đời sống trong một hình-thức giả tạo để mà lên đến ghế gọi là anh hùng".

Thì đây ngoài cái giả tạo đó, còn có cái giả tạo lừa lọc, phá hoại trắng trợn tình-cảm của con người ta nữa...

An đau khổ từ trong tận cùng tâm-hồn. Nàng nghĩ đến Tân, Tân không thể có những cái tình-cảm bệnh hoạn như vậy. Tân không che dấu tình-cảm của mình và qua tiếng đàn của Tân người ta cũng có thể thấu rõ tiếng nói của con tim Tân. Tiêu-chuẩn tư-tưởng hay tiêu-chuẩn tình-cảm trong tình yêu ? Cuộc sống như bị đóng khung, uốn theo cái nhìn của một số người lãnh đạo Họ - như hạng Bằng - không còn có trái tim biết xúc cảm nữa Họ sống theo một hình-thức giả-tạo, một đạo đức lừa dối, trong đó họ có thể đề-cao địa-vị đảng-viên của họ lên, đồng thời là đề-cao cá-nhân họ. Họ muốn quần-chúng tôn sùng họ; họ là một ông thần nhỏ trong phạm-vi hoạt-động. Trong số những người đảng-viên ít ỏi giữa quần-chúng đông đảo, ai là người chân chính, ai là người đau xót cho da thịt của mình có những phần rữa nát ?

Không ! An vẫn tin, lòng tin vô cùng mãnh liệt ở sự lãnh đạo của Đảng Lao-động, Đảng đã đưa nàng đến ánh sáng, với cuộc

## HUỶNH ÁI TÔNG

sống ý nghĩa - với con người Nhưng An không thể chịu được một số đi sai-lệch, sống tìm dựa vào một quyền uy. Mọi sự giải-quyết tình-cảm, phá hoại sức sống tuổi trẻ và bao việc đen tối, mập mờ khác của Bằng làm An thêm khó chịu. Nếu quần-chúng mà sai lầm như vậy thì không biết sẽ được kiểm-thảo, được thành-kiến, được quy kết tội lỗi đến một thời vực nào...

An bị dầy vò trong ý nghĩ. Nàng chưa thể nhìn thấy chân-lý của một vấn-đề khi lực lượng xã-hội đang ngày càng phát triển trong sức sống mới của dân-tộc. Ngày qua, nàng mệt mỏi, choáng váng đầu óc như một người bị bệnh thần-kinh. Nàng tự đấu tranh giữa lẽ phải và sai lầm. Nàng nghĩ hiện nay trong rất nhiều cơ quan hạng người như Bằng không phải là ít. Trong một giấc mơ, nàng thấy một người chiến-sĩ tay cầm ngọn cờ hồng, mình đầm máu, nét mặt vô cùng đau khổ, nhưng cương quyết đang diu bước nàng đi. Đằng sau là đêm tối, và đằng trước là ánh sáng bình-minh rực rỡ. Người chiến-sĩ đó đã nhìn An âu yếm:

- Đằng kia là bình-minh của ngày mai. Em tiến tới đi, can-đảm mà tiến tới !

Nàng cảm-động gục vào tay người anh hùng đó của dân-tộc và khóc nức lên ..

Trong thoáng chốc , nàng có ý nghĩ là không thể có một hạng người như Bằng tồn tại trong cuộc sống của con người. Phải tẩy rửa đi, thanh toán đi. Tuổi trẻ và tình yêu không muốn và không thích có những bóng đen của lãnh đạo, quan liêu, bè phái, hẹp hòi bao trùm lên trên tình-cảm của mình, làm cho người ta hiểu lầm nhau. chia rẽ nhau.

Tuổi trẻ và tình yêu không muốn và không thích có những hạng "Lý Thông", có những hạng cây tầm gửi sống bám vào cuộc sống đầy hoa mộng của mình.



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

An muốn sống thật với lòng mình, sống với nhịp sống của con tim, với chân-lý cuộc đời và trái tim của con người chân-chính.

An mong được gặp Tân nói với Tân rằng : "Em đã đếm những vì sao và em đã đếm mãi; đếm mãi qua tận cùng của vũ-trụ nhưng có một lần em đã không tìm thấy anh ! ".

\*\*\*

An đi dài trên đường cỏ rộng, tìm nhớ lại kỷ-niệm thoáng qua. Nhưng ... An bỗng lùi bước lại Một bóng đen lù lù đi tới choáng rộng cả không gian. Ai ? An bàng hoàng như con mê loạn, không nhận rõ được bóng đen đó. Nàng chỉ thoáng thấy qua ánh đèn chiếu hắt ra vội vã, đôi mắt kính và gọng nạm vàng. Toàn thân nàng run lên lo lắng. ý nghĩ trở về với Tân chỉ còn mong manh như sợi tơ trời. Không ! đừng động mạnh bàn tay, hãy giữ cho sợi tơ bền chắc hãy quấn nó, trộn nó với giòng máu con tim.

An lão đảo đi trong đêm tối. Nàng không dám giữ lại hình ảnh Tân vì bóng đen kia vẫn sừng sững. Nàng cố tìm cách xua đuổi nó đi...

An gục xuống một bên đường cỏ rộng, vẫn cái bóng đen với đôi kính gọng nạm vàng choáng rộng cả không gian, choáng rộng cả tâm-hồn nàng.

Mây đen vẫn che mờ cả trăng đêm; và đường trăng mà không sáng...

Một cơn gió thổi về, xua tan những đám mây mờ ám. ánh sáng xanh mát của trăng đêm lan dần trên cảnh vật mênh mông. ánh sáng đó tỏa nhẹ trên da thịt An, thấm tận tâm-hồn An, như đưa lại cho nàng sức sống. An vùng đứng lên hít mạnh khí trời ấm áp. Nàng nhìn theo ánh sáng của con đường nàng đi tới. Cuộc sống phải chăng vừa qua một cơn ác mộng, câu chuyện xảy ra đã là quá khứ ?

## HUỶNH ÁI TÔNG

An hát một bài ca của tuổi trẻ, tiếng hát hòa theo nhịp đập của con tim. Có tiếng cười nghịch phá của mấy cô bạn đang đùa tói:

- À, An đây rồi ! Thế mà tìm mãi.

Mấy người xúm lại quanh An, ríu rít trong từng câu nói. Cuộc đời ... nếu không có những bóng đen !

(10/56)

(Trích tạp chí *Đất-Mới* số 1)

*Bùi Quang Đoài vào đời ở tuổi thiếu niên với bầu nhiệt huyết xây dựng một xã hội mới, công bằng, nhân ái, chính trực, tin vào đó ông đã đi tới, nhưng ông cũng như những người Nhân Văn – Giai Phẩm đã bị đã bị người ta ném ra khỏi cái xã hội chủ nghĩa đang tiến lên. Xưa, người ta biết ông qua truyện ngắn, nay người ta biết ông thành công qua tiểu thuyết lịch sử. Ông tâm sự “Biết tôi qua tiểu thuyết lịch sử tôi cũng buồn vì thể loại đó “người” ơi!”.*

Tài liệu tham khảo:

- Bùi Quang Đoài Web: [sachxua.net](http://sachxua.net)
- Bùi Quang Đoài Web: [hobuivietnam.com.vn](http://hobuivietnam.com.vn)

35) Hoàng Tố Nguyên



**Hoàng Tố Nguyên (1928-1975)**

Nhà thơ Hoàng Tố Nguyên tên khai sinh là Lê Hoàng Mưu, sinh ngày 30.8.1928 tại xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Sau khi học xong tiểu học ở Gò Công, ông lên Sài Gòn học trường Mỹ thuật Gia Định.

Mấy năm đầu sau Cách mạng tháng Tám, Hoàng Tố Nguyên hoạt động bí mật, làm công tác tuyên truyền. Ông sáng tác một số bài thơ đăng trên báo phát hành tại Sài Gòn, được người đọc biết đến như *Vọng hướng sao rơi*, *Xuân về say ý nhạc*... Trong tập *Thơ Mùa Giải Phóng*, một đặc phẩm mỹ thuật mùa thu 1949 của NXB Sóng Chung, xuất bản năm 1949 tại Sài Gòn Hoàng Tố Nguyên có bài *Xuân về say ý nhạc*:

Từ năm 1947 đến 1949 là Chủ tịch Hội học sinh Mỹ thuật kháng chiến Gia Định. 1949–1950 là cán bộ Ty thông tin Thủ Dầu Một. Là cán bộ tuyên truyền, ông vẽ tranh cổ động, làm thơ, viết báo. 1950–1952, là Trưởng Ban Tuyên truyền Tỉnh đoàn Thanh niên Cứu quốc Thủ Dầu Một, Ủy viên Ban chấp hành phân hội văn nghệ liên tỉnh Thủ Biên (Thủ Dầu Một – Biên Hòa). 1952–1954 là cán bộ Sở thông tin Nam Bộ, biên tập viên báo *Vì Chúa, vì Tổ quốc* của Công giáo kháng chiến Nam Bộ.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Năm 1954 ông tập kết ra Bắc, làm biên tập viên báo *Văn nghệ*, Ủy viên Thường trực Ban đại diện văn nghệ Nam Bộ.

Năm 1956, ông có bài thơ *Tiếng hát quê hương* đăng trên Nhân Văn số 5, nên năm 1958 bị kỷ luật, chỉ định nơi cư trú. Ông là hội viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam (1957).

Năm 1959 về làm biên tập viên báo *Độc lập*. Năm 1969, ông về xây dựng phong trào văn nghệ ở tỉnh Hà Tây; và năm 1974 về công tác ở Hội Văn nghệ tỉnh Thái Bình. Ông mất tại Hương Canh, Thái Bình ngày 30 tháng 6 năm 1975, thọ 47 tuổi.

Tác phẩm:

- *Từ nhớ đến thương* 1950.
- *Truyện thơ Đói đời* (1955)
- *Truyện thơ Cô gái bán nông sông Hồng* (1956).
- *Đất nước* (1956)
- *Gò Me* 1957
- *Quê chung* 1962
- *Gửi chiến trường chống Mỹ* 1966
- *Tên quê hương* 1976
- *Từ nhớ đến thương* 1980
- *Hậu phương không ngủ* (chưa in)
- *Bài thơ bên gối cưới* (chưa in)

Trích thơ:

### **Xuân về say ý nhạc**

*Anh đi miền Sông Hậu  
Tôi về khám thị thành  
Đêm đêm, nhìn Bắc đẩu  
Nôn nao lòng nhớ anh.  
Trời nơi anh sáng chứ?*

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Hoa đời nở ý xanh?  
Máu sông sâu cuộn cuộn,  
Có vương tình trắng thanh?  
Gió muôn trùng... gió lộng.  
Vẫn vang khúc viễn hành?  
Bạn bè còn đủ cả  
Hay cuối bãi đầu ghềnh?  
Trương tàn bao thảm cảnh  
Có hiện vào mắt anh?  
Xuân về say ý nhạc  
Có cạn chén tâm tình?  
Ngựa Hồ thương Gió Bắc  
Có ven lời sắt đanh?  
Hay men Tàn dễ bén  
Mà say khúc hậu đình?  
Mà quên thể cổ biệt,  
Mà nguôi hận bất bình?  
Nơi đây sầu phong tỏa  
Hương đời cạn ý xanh  
Mây giăng mờ tám hướng  
Nắng loãng bụi kính thành  
Có lăm phùng cầu nhãn  
Còn mơ chuyện Đế Đình.  
Gái trai cười phấn lụa  
Cao hát khúc Ân tình  
(Còn mong gì tuyết trắng  
Mà dâng hồn thơ xanh)  
Sầu đông cay độc ảm  
Hồn đau ghen bất bình  
Đêm đêm nằm đếm tóc  
Nghĩ thẹn kiếp phù sinh.  
Xuân về say ý nhạc  
Đôi câu gọi chút tình  
Trăng liềm chênh chếch đỏ  
Về phương nào đó anh?*

HUỖNH ÁI TÔNG  
(1949)

**Gò Me**

*Ôi, thuở ấu thơ  
Cắt cỏ chăn bò  
Gối đầu lên áo  
Nằm dưới hàng me, nghe tre thổi sáo*

.....

*Tôi, sáu tuổi trong lòng bà hớn hở  
Xem tuồng "Đoạt võ trạng nguyên"  
Đế ra về mơ mãi giấc thân tiên  
Moi đất sét nặn quả chùy Nguyên Bá*

.....

*Quê tôi đó, mặt trông ra bể  
Đóm hải đăng tắt lóe đêm đêm  
Con đê cát đỏ, cỏ viền  
Leng keng nhạc ngựa ngược lên chợ Gò  
Ruộng vẫy quanh bốn mùa gió mát  
Lúa nàng Keo cháy rực mặt trời  
Ao làng trắng tắm mây bơi  
Nước trong như nước mắt người tôi yêu...*

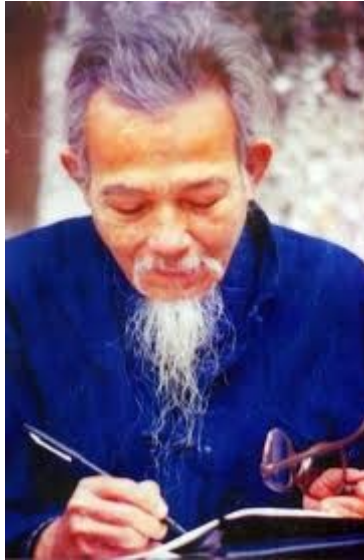
(1957)

*Thơ của Hoàng Tố Nguyên lời mượt mà, tứ bình dị như tâm hồn của người miền Nam. Người xa quê, đọc thơ ông lòng buồn nhớ quê mình da diết nhớ.*

Tài liệu tham khảo:

- Hà Văn Thùy *Hoàng Tố Nguyên*, Nhà thơ lớn của đất nước  
Web: 4phuong.net

**36) Phùng Quán**



**Phùng Quán (1932-1995)**

Phùng Quán, sinh tháng 1 năm 1932, tại xã Thủy Dương, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên - Huế.

Năm 1945, ông tham gia Vệ quốc quân, là chiến sĩ trinh sát Trung đoàn 101 (tiền thân là Trung đoàn Trần Cao Vân). Sau đó ông tham gia Thiếu sinh quân Liên khu IV, đoàn Văn công Liên khu IV.

Đầu năm 1954, ông làm việc tại Cơ quan sinh hoạt Văn nghệ quân đội thuộc Tổng Cục Chính trị Quân đội Nhân dân Việt Nam (tiền thân của Tạp chí Văn nghệ Quân đội).

Tác phẩm đầu tay *Vượt Côn Đảo* của ông được giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam năm 1955. Về quá trình viết tác phẩm này, trong di cảo hồi ký "*Tôi đã trở thành nhà văn như thế*

## HUỶNH ÁI TÔNG

nào", ông kể nhiều chi tiết rất thú vị về sự ngẫu nhiên và tình cờ đưa ông từ một người lính trở thành một nhà văn và những oan khuất phải gánh chịu nhưng với giọng kể rất hóm hỉnh, không một chút trách móc hay thù hận.

Năm 1956, Phùng Quán tham gia phong trào Nhân Văn - Giai Phẩm bằng mấy bài thơ: "*Thi sĩ và công nhân*" đăng trên Giai Phẩm Năm 1956, "*Cái chổi - Chống tham ô lãng phí*" đăng trên Giai Phẩm Mùa Thu Tập II, "*Những đũng sĩ trên sông Bô*" Giai Phẩm Mùa Thu Tập III, và "*Ai người hiểu rõ nhất*" đăng trên Giai Phẩm Mùa Đông. Khi phong trào này bị dập tắt, Phùng Quán bị kỷ luật, mất đi tư cách hội viên Hội Nhà văn Việt Nam và phải đi lao động cải tạo ở nhiều nơi.

Từ đó đến khi được nhìn nhận lại vào thời kỳ Đổi mới năm 1986, Phùng Quán hầu như không có một tác phẩm nào được xuất bản, ông phải tìm cách xuất bản một số tác phẩm của mình dưới bút danh khác và câu cá ở Hồ Tây để kiếm sống. Vì thế, bạn bè văn nghệ thường gói gọn cuộc đời ông thời kỳ này bằng sáu chữ: "cá trộm, rượu chịu, văn chui".

Năm 1988, cuốn tiểu thuyết *Tuổi thơ dữ dội* của Phùng Quán được xuất bản và nhận Giải thưởng Văn học Thiếu nhi của Hội Nhà văn Việt Nam năm 1990. Ngoài văn xuôi, Phùng Quán còn sáng tác thơ và có nhiều bài thơ nổi tiếng như: Hoa sen, Hôn, Đêm Nghi Tàm đọc Đỗ Phủ cho vợ nghe...

Ông mất ngày 22 tháng 1 năm 1995 tại Hà Nội. Năm 2010, sau khi vợ ông là nhà giáo Vũ Thị Bội Trâm mất, thể theo nguyện vọng của ông lúc sinh thời, gia đình và bạn bè đã đưa hài cốt ông bà về an táng tại quê nhà: xã Thủy Dương, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Năm 2007, Phùng Quán được nhà nước Việt Nam truy tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật, do Chủ tịch nước



HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
ký quyết định tặng riêng cùng với Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng  
Cầm.

Tác phẩm:

- *Vượt Côn Đảo* (Tiểu thuyết, 1955)
- *Tiếng hát trên địa ngục Côn Đảo* (Thơ, 1955)
- *Tuổi thơ dĩ vãng* (Tiểu thuyết, Thuận Hóa, 1987)
- *Thơ Phùng Quán* (Hội Nhà văn, 1995)
- *Trăng hoàng cung* (Tiểu thuyết thơ, Thanh Văn, USA 1993)
- *Phùng Quán* (Thơ, Văn học, 2003)
- *Ba phút sự thật* (Ký, Văn Nghệ tp HCM, 2006)
- *Tôi đã trở thành nhà văn như thế nào?* (Hồi ký, Văn Nghệ tp HCM, 2007)
- *Phùng Quán còn đây, Di cảo của Phùng Quán và Hồi ức của bạn bè* (Văn Nghệ tp HCM, 2007)

Trích văn:

### **Ba Phút Sự Thật**

#### *5. Chuyện vui về triết gia Trần Đức Thảo (1)*

Anh Cao Xuân Hạo, nhà ngôn ngữ học, bạn tôi từ mấy chục năm nay. Anh vừa là học trò, vừa là hàng xóm của triết gia Trần Đức Thảo, trước ở ngõ Hàng Chuối và sau này ở khu tập thể Kim Liên.

Anh kể:

- Mình đang ngồi dịch sách bỗng ngửi thấy mùi cháy khét. Nhìn sang buồng thầy Thảo, thấy khói tuôn ra các ngách cửa. Mình hốt hoảng xô cửa vào. Cả gian buồng mờ mịt khói. Là lùng nhất là thầy Thảo đang đứng bên cửa sổ, giữa đám khói, hai tay vung vẩy, miệng lầm bầm độc thoại, như đang trình

## HUỶNH ÁI TÔNG

bày một vấn đề gì đó với cả đám đông vô hình trước mặt. Mình gọi giật: "Anh Thảo! Anh Thảo! Buồng anh cái gì cháy thế?". Anh Thảo giật mình về ngơ ngác như vừa bị đánh thức khỏi cơn mê ngủ: "Cháy à? Cái gì cháy; ở đâu nhỉ? Ờ... ờ... khói ở đâu mà nhiều thế?". "Thì khói ngay trong buồng anh chứ đâu". Mình xông vào giữa đám khói, tìm quanh gian buồng. Một lúc mới phát hiện ra cái bếp dầu nằm khuất sau tủ sách, trên bếp một cái xoong nhôm bị nung đỏ rực. Té ra thầy nấu cơm, cơm cạn, quên cả đậy vung, quên cả tắt bếp. Xoong cơm nấu một bữa ăn cả ngày, cháy thành than và đang bốc mùi mù khét lẹt. Phải vất vả lắm mình mới tắt được cái bếp dầu nóng rẫy, và bung được cái xoong than cơm ra khỏi buồng. Mình không bung thì thầy có thể dùng tay không mà bê cái xoong... "Anh đang làm gì mà mãi mê thế?". Mình hỏi. Thầy gỡ cặp kính ra khỏi mắt, lau lau vào vạt áo, nói: "Mình đang chú giải một chương hết sức lý thú và quan trọng trong toàn bộ trước tác của Hê-ghen...". Rồi thầy ngồi luôn vào bàn viết... như không còn nhớ gì đống vụ hỏa hoạn chết người suốt nửa xáy ra.

Thầy ở tầng gác ba. Các gian buồng ở khu tập thể được thiết kế rất giống nhau. Một buổi trưa thầy đi chợ về, tay xách cái làn đựng mớ rau muống, mấy bìa đậu phụ, chai nước mắm... Mới trèo lên đến tầng hai, thấy gian buồng cạnh cầu thang cửa khép hờ, thầy đẩy cửa bước vào; cửa buồng của thầy cũng thường khép hờ như vậy.

Người đăng trí thì thi thoảng cũng có thể vào nhầm buồng. Nhưng vừa bước vào họ đã nhận ra ngay. Thầy Thảo thì không. Mặc dầu vật dụng trong buồng này sang trọng gấp mười vật dụng trong buồng của thầy. Riêng cái giường của thầy, hẹp mà trái chiếc chiếu mốc meo. Còn buồng này giường rộng gấp đôi, trải vải hoa sặc sỡ. Thầy thản nhiên để cái làn xuống nhà, nằm lãn ra giường, mắt lơ đãng nhìn lên trần nhà, và thượng cả hai chân lấm bụi lên vải hoa. Chị chủ nhà quét tước ngoài hành lang, bước vào, trở mắt nhìn: "Anh

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Thảo vào chơi lúc nào mà em không để ý?". Thầy hơi ngẩng đầu lên, nhìn chị chủ nhà, mặt nhăn lại, nói: "Xin lỗi chị, tôi vừa đi về hơi mệt. Có gì cần trao đổi, mời chị đến chiều...". "Nhưng đây là phòng nhà em kia mà?". Thầy hốt hoảng ngồi dậy, nhìn quanh buồng, vẻ ngờ ngác: "Ừ nhỉ, chết thật! Đúng là tôi nhầm... Thành thật xin lỗi chị...".

"Một hôm, thầy gọi mình sang - Hạo kê - Tôi đọc em nghe cái này, rồi em góp ý kiến xem, tôi viết thế đã được chưa"...  
Mình chuẩn bị để nghe một thiên khảo luận triết học.

Nhưng té ra là một bức thư gửi Ủy ban nhân dân khu phố và ban lãnh đạo khối phố. Thư được viết với văn phong chuẩn mực, chính xác của một thiên bút ký triết học. Nội dung tóm tắt của bức thư như sau: "Sau khi bố tôi mất, trong khu phố có dư luận Trần Đức Thảo đối xử với bố không tốt, bố ốm không thuốc men; chăm sóc không chu đáo nên bệnh tình ngày càng trầm trọng... Tôi xin thanh minh là dư luận đó không đúng. Tôi đã nuôi dưỡng bố tôi rất tận tình, lúc bố tôi ốm, tôi lo chạy chữa thuốc men đầy đủ, mặc dầu hoàn cảnh kinh tế rất eo hẹp. Nếu cần thiết, Ủy ban cho người đến điều tra các hộ hàng xóm để xác minh ý kiến trình bày của tôi v.v...". Mình ngồi ngẩn ra, nhìn thầy và tự hỏi: "Không biết thầy đã điên chưa đây?". Mình hỏi: "Nhưng việc này cần thiết gì mà thầy phải mất công đến như vậy?". Thầy nhìn mình, mắt chớp chớp sau cặp kính trắng, có vẻ lầy lợm sao cậu học trò mình lại đặt ra một câu hỏi ngu ngốc thế? Thầy cẩn thận gấp bức thư đút vào phong bì, nói: "Việc này theo tôi rất cần thiết. Để chính quyền người ta khỏi hiểu nhầm đạo đức của người trí thức".

Sau ngày ông cụ mất ít lâu, thầy muốn dẹp bỏ những vật dụng thường dùng của bố, vì gian buồng quá chật chội. Nhưng một mình thầy không đủ sức chuyển những vật dụng khá nặng từ tầng gác ba xuống sân.

## HUỖNH ÁI TÔNG

Một buổi trưa, thầy đi đâu về, thấy mấy chị buôn chè chai đồng nát ngồi tùm tùm trên bãi cỏ, soạn xếp những vật dụng mua được. Thầy quan sát có rất nhiều thứ mà mình đang muốn bỏ đi. Thầy nói với các chị: "Tôi có một số đồ đạc bỏ đi giống những thứ này, nhưng không mang xuống được. Tôi muốn nhờ các chị khiêng giúp, có được không?".

Các chị vui vẻ nhận lời ngay. Giường, tủ buýp-phê, ghé đầu, ghé tựa, chậu thau, chăn màn, áo quần, giày dép... được đưa xuống, chất thành một đống lớn. Các chị lại còn giúp thầy quét tước gian buồng khá tươm tất. Thầy rất cảm động trước lòng tốt và nhiệt tình của các chị. Thầy nói: "Tôi muốn phiền các chị mang những đồ đạc đó ra khỏi sân. Vứt ngổn ngang ở đó, bà con trong khu tập thể họ phê bình làm mất trật tự, vệ sinh công cộng. Tiền công bao nhiêu, các chị cho tôi biết". Các chị nói: "Chị em chúng tôi thấy hoàn cảnh bác neo đơn, dọn dẹp giúp bác, chẳng phải công xá gì đâu ạ". Một giáo sư đại học ở tầng trên, nhìn xuống đống đồ đạc dưới sân, tiếc ngẩn ngời: "Giường tủ, chăn màn còn tốt thế kia, sao ông ấy lại không nhờ mình khiêng giúp!". Còn thầy thì phấn khởi ra mặt vì khỏi tốn đồng tiền công nào mà giải quyết được một việc sức mình không sao giải quyết nổi.

Thầy gọi Cao Xuân Hạo sang xem gian buồng vừa được dọn sạch đồ đạc gặt gù đắc ý: "Bà con lao động thật tốt, thật từ tâm, thật đáng kính trọng".

Dễ có đến hai năm tôi không đến khu tập thể Kim Liên. Lần này trở lại, tôi ngạc nhiên thấy cái quán của bà cụ móm dưới góc xà cừ, mà mười năm trước tôi thường ghé hút thuốc uống nước, vẫn còn nguyên ở đó. Tôi vào quán uống chén rượu thay bữa ăn sáng. Bà cụ đang rôm rả nói chuyện với mấy anh xích lô, chắc là những khách quen... "Con cháu nhà tôi nó vừa sắm được cái ti vi màu nội địa. Tối hôm kia, bắt dây dợ xong, bật lên thấy đang chiếu cánh tang lễ một ông tên là gì gì Thảo đó. Người ta giới thiệu cái ông Thảo này là nhà triết

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

học nổi tiếng thế giới, làm đến sáu, bảy chức, chức nào cũng dài dài là, chắc là toàn chức to được tặng huân chương Độc lập hạng hai. Ông ta sang tận bên Tây mà chết, cả Tây cả ta đều làm lễ truy điệu, toàn bộ cấp cao, có danh giá đến dự... Trong khu nhà B6 đằng kia cũng có một ông tên Thảo, nhưng lòi thoi nhếch nhác quá mấy anh công nhân móc cống. Mùa rét thì áo bông sù sụ, mùa nực thì bà ba nâu bạc phếch, quần ống cao ống thấp, chân dép cao su đứt quai, đầu mũ lá sùm sụp, cuồi cái xe đạp "Pơ-giô con vịt" mà mấy bà đồng nát cũng chê. Thật đúng như anh hề làm xiếc? Mặt cứ vác lên trời, đạp xem thịnh thoảng lại tùm tùm cười một mình như anh dờ người... Một buổi trưa nắng chang chang, ông ghé vào quán uống cốc nước chè xanh, tôi hỏi: "Ông đi đâu về mà nắng nom vát và thế... ế... ế...". Ông nói: Lên chợ Hàng Bè mua củi đun. Tôi hỏi: Thế củi ông để đâu cả rồi? Ông quay lại nhìn cái "poócbaga", mặt cứ ngẩn tò te. Chỉ còn có sợi dây buộc! Củi ná rơi đâu hết dọc đường, chẳng còn lấy một que... Nghĩ cũng tội, già ngần ấy tuổi đầu mà phải nấu lấy ăn, không vợ, không con... Đấy, cũng là Thảo cả đấy, mà Thảo một đảng thì chết danh, chết giá, còn Thảo này thì sống cơ cực trần ai". Bà cụ chép miệng thương cảm: "Một vài năm nay không thấy ông đạp xe ngang qua đây, dễ chết rồi cũng nên...".

Tôi uống cạn chén rượu, cười góp chuyện: "Cái ông Thảo mà bà kể đó chính là cái ông Thảo người ta chiếu tang lễ trên ti vi...". Bà già bĩu môi: "Ông đừng tưởng tôi già cả mà nói lỡm tôi!".

### **Chú thích:**

(1) Trần Đức Thảo (1917 -1993)

Trích thơ:

## HUỖNH ÁI TÔNG

### Lời mẹ dặn

*Tôi mồ côi cha năm hai tuổi  
Mẹ tôi thương con không lấy chồng  
Trồng dâu, nuôi tằm, dệt vải  
Nuôi tôi đến ngày lớn khôn,*

*Hai mươi năm qua tôi vẫn nhớ  
Ngày ấy tôi mới lên năm  
Có lần tôi nói dối mẹ  
Hôm sau tưởng phải ăn đòn,  
Nhưng không, mẹ tôi chỉ buồn  
Ôm tôi hôn lên mái tóc*

*- Con ơi –  
trước khi nhắm mắt  
Cha con dặn con suốt đời  
Phải làm một người chân thật.*

*- Mẹ ơi, chân thật là gì?  
Mẹ tôi hôn lên đôi mắt  
- Con ơi một người chân thật  
Thấy vui muốn cười cứ cười  
Thấy buồn muốn khóc cứ khóc.*

*Yêu ai cứ bảo là yêu  
Ghét ai cứ bảo là ghét.  
Dù ai ngon ngọt nuông chiều  
Cũng không nói yêu thành ghét.  
Dù ai cầm dao dọa giết  
Cũng không nói ghét thành yêu.*

*Từ đấy người lớn hỏi tôi:  
- Bé ơi, bé yêu ai nhất?  
Nhớ lời mẹ tôi trả lời:  
- Bé yêu những người chân thật.*

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Người lớn nhìn tôi không tin  
Cho tôi là con vẹt nhỏ  
Nhưng không! Những lời dặn đó  
In vào trí óc của tôi  
Nhu trang giấy trắng tuyết vời,  
In lên vết son đỏ chói.

Năm nay tôi hai mươi lăm tuổi  
Đứa bé mồ côi thành nhà văn  
Nhưng lời mẹ dặn thừa lên năm  
Văn nguyên vẹn màu son chói đó.

Người làm xiếc đi dây rất khó  
Nhưng chưa khó bằng làm nhà văn  
Đi trọn đời trên con đường chân thật.

Yêu ai cứ bảo là yêu  
Ghét ai cứ bảo là ghét.  
Dù ai ngon ngọt nuông chiều  
Cũng không nói yêu thành ghét.  
Dù ai cầm dao dọa giết  
Cũng không nói ghét thành yêu.

Tôi muốn làm nhà văn chân thật  
Chân thật chọn đời  
Đường mật công danh không làm ngọt được lưỡi tôi  
Sét nổ trên đầu không xô tôi ngã  
Bút giấy tôi ai cướp giật đi  
Tôi sẽ dùng dao viết văn trên đá.

(1957)

**Trường ca cây cà**

Ba mươi năm trước  
Tôi chết giữa Hồng Hà sóng dữ

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Tôi lại hồi sinh giữa xanh thẳm Hàn Giang  
Chính cây cà quê mùa lao lực  
Đã dạy tôi dũng khí bền gan!*

### Chương 1

#### Cây cà

*Quả da trinh nữ  
Cuống hoa văn tiền sử  
Hoa tím sắc xuân  
Lá xanh men ngọc  
Thân lao lực màu quê.*

### Chương 2

#### Thương cây cà

*Chất nắng  
Gạn mưa  
Mà xanh  
Mà tím  
Tím chỉ còn cuống  
Xanh chỉ còn xương*

### Chương 3

#### Lời cây cà

*Biết khổ đầy  
mà không ngại khổ  
Bởi đất sinh là để làm cà  
Mặc cho sâu róm đầy cành  
Rễ còn bám đất  
Còn khôn nguôi tím nguôi xanh*

### Chương 4

#### Cà giống



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Bạc tóc học trồng cà  
Tôi mới hiểu ra  
Vì sao Gióng  
Trước khi lên ngựa sắt  
Vung roi trừ giặc  
Chỉ ăn cơm cà  
vì gióng biết  
Trong trái cà lao lực khiêm nhường  
Ẩn giấu  
tiềm tàng  
Cái bền gan của đất  
trí khôn của nước  
Cái ngoan cường không khuất của cây  
sức mạnh của những gì rất thật  
Tấm lòng thơm thảo của dân  
ăn hết bầy nông còm  
Ba nông cà  
Chú bé không cha  
Làng Phù Đổng  
Đứng dậy vươn vai  
thành Thánh Gióng  
Người cứu nước không lò*

Chương năm  
Cà Nghệ

*Cà Nghệ  
thịt giòn  
ruột đặc  
Người Nghệ  
tiện tằn, chân chất  
Muối một vại cà  
Ăn một năm  
Sử kháng chiến ngàn trang  
Người Nghệ ưa vắn tắt:  
- Đánh Pháp hết chín vại cà*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Đánh Mỹ hơn hai chục vạn  
bù đi bù lại  
Đánh bại hai đế quốc to  
hết ba chục vạn cà*

### Chương sáu

*Tổ quốc ta đủ cà, đủ muối  
Đủ đất nung cả ngàn chiếc vại!*

### Tạ

*Ngày ra trận  
Tóc tôi còn để chỏm  
Nay trở về  
Đầu đã hoa râu...  
Sau cuộc trường chinh ba mươi năm  
Quỳ rạp trán xuống đất làng  
Con tạ...  
Con tạ đất làng quê  
Thấm đẫm máu bao anh hùng đã khuất  
Không ngọn cỏ nào không long lanh nước mắt  
Không lá cây nào không mặn chát gian lao!  
Con tạ ơn cha  
Đã yêu đầm thấm mẹ con  
Con tạ ơn mẹ  
Đã sinh con đúng lúc  
Con tạ trời  
Tạ đất  
Đã mưa thuận gió hoà đem mẹ lên giường sinh  
Con tạ bà mụ vườn  
Tạ lưỡi liềm cùn cắt rón  
Đã đỡ con ra đời  
Vẹn toàn, sung sức...  
Con tạ  
Manh chiếu rách con nằm*

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Con tạ  
Bát cơm nghèo mẹ con ăn  
Con tạ  
Câu dân ca mẹ con hát....  
Tất cả thành sữa ngọt  
Nuôi con ngày trứng nước...  
Để hôm nay con được sống  
Được lớn khôn...  
Được chiến đấu hết mình  
Vì tự do của Tổ Quốc  
Được ca hát hết mình  
Tổ Quốc thành thơ!*

### **Đêm Nghi Tầm đọc Đỗ Phủ cho vợ nghe**

*Ngoài trời trắng như tuyết  
Trắng lạnh đến thấu xương  
Trong nhà vách trống toang  
Gió ra vào thoả thích...  
Hồ khuya sương tĩnh mịch  
Trộn nước lẫn cùng trời  
Con dế chân bờ dậu  
Ni non hoài không thôi...  
Tựa lưng ghé cạnh ổi  
Vai khoác áo bông sồn  
Tôi ngồi đọc Đỗ Phủ  
Vợ vừa nghe vừa đan...  
Đỗ Phủ tự Tử Mỹ  
Thường xưng già Thiếu Lăng  
Sinh ở miền đất Cửng  
Cách ta hơn ngàn năm  
Thơ viết chừng vạn trang  
Chín nghìn trang thất lạc  
Người đời sau thu nhặt  
Còn được hơn ngàn bài  
Chỉ hơn ngàn bài thôi*

## HUỶNH ÁI TÔNG

Nỗi đau đã Thái Sơn  
Nếu còn đủ vạn trang  
Trái đất này e chật!...  
Thơ ai như thơ ông  
Lặng im mà găm thét  
Trang trang đều xé lòng  
Câu câu đều đâm huyết...  
Thơ ai như thơ ông  
Mỗi chữ đều như róc  
Từ xương thịt cuộc đời  
Từ bi thương phẫn uất  
Thơ ai như thơ ông  
Kể chuyện mái nhà tóc  
Vác củi làm chuồng gà...  
Đọc lên trào nước mắt!  
Giữa tuyết trong đò con  
Đỗ Phủ nằm chết đói  
Đắp mặt áo bông sồn  
Kéo hoài không kín gói.  
Ngàn năm nay sông Tương  
Sông còn nức nở mãi  
Khóc chuyện áo bông sồn  
Đắp mặt thơ chết đói!...  
Giật mình trên tay vợ  
Bồng nảy một hạt sương  
Hạt nửa rồi hạt nửa  
Tôi ghen dưng giữa trang.  
Kéo áo bông che vai  
Ngồi lặng nghe sương rơi  
Con để chân bờ dậu  
Nỉ non hoài không thôi!...  
Vụng về... tôi đỡ vợ:  
Em ơi đừng buồn nữa  
Qua rồi chuyện ngàn năm  
Bao nhiêu nước sông Tương...  
Miệng nói nhưng lòng nghĩ:

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Ôi thân phận nhà thơ  
Khác nào thép không rỉ  
Ngàn năm cũng thế thôi!...  
Đã đi với nhân dân  
Thì thơ không thể khác  
Dân máu lệ khốn cùng  
Thơ chết áo đắp mặt!  
Em ơi, nếu Đỗ Phủ  
Vai khoác áo lông cừu  
Bụng no đến muốn mửa  
Viết sao nổi câu thơ  
Ngàn năm cháy như lửa:  
Cửa sơn rượu thịt ôi  
Ngoài đường xương chết buốt  
Em ơi, nếu Tử Mỹ  
Nhà ở rộng mười gian  
Rào sắt với cổng sơn  
Thềm cao đá hoa lát  
Chắc ông không thể làm  
Mưa thu mái nhà tốc  
Em ơi, nếu Thiệu Lăng  
Cặp kẻ vợ béo nứt  
Một bước là ngựa xe  
Đứng đi quân hầu chặt  
Đời nào ông lắng nghe  
Tiếng gào và tiếng nấc  
Bà cụ xóm Thạch Hào  
Gái quê tân hôn biệt...  
Đã đi với nhân dân  
Thì thơ không thể khác  
Dân máu lệ khốn cùng  
Thơ chết áo đắp mặt!  
Chính vì thế em ơi  
Nhân loại ngàn năm qua  
Máu chảy như sông xiết  
Cũng là để cho Thơ

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Sẽ không còn phải viết  
Những Hành qua Bành Nha  
Vô gia Thủy Lão biệt...  
Cũng là để cho Thơ  
Sẽ không còn phải chết  
Giữa tuyết, trong đò con...  
Đắp mặt áo bông sòn.  
Đừng buồn nữa em ơi  
Chuyện ngàn năm... ngàn năm*

### Đói

*Trong trăm nghìn nỗi đói  
Tôi ném trái cả rồi  
Tôi chỉ kinh khiếp nhất  
Là nỗi đói tình người*

Mặc Lâm nhận định về nhà thơ Phùng Quán trên đài RFA ngày 22-01-2011 như sau: “*Phùng Quán không nổi tiếng từ các tác phẩm văn xuôi mà các bài thơ ông sáng tác trước đó mới thật sự đưa ông lên đỉnh vinh quang của sự nghiệp cầm bút. Thơ ông khắc khoải một niềm đau của người trí thức trước những nhớ nhãng của chế độ. Từ tham những tiền bạc đến tham những vị trí quyền lực. Từ ăn cắp, đến giết người nhằm củng cố chiếc ghế và quyền uy. Phùng Quán lên tiếng mạnh mẽ bằng những lời thơ đầy huyết lệ.*”

Tài liệu tham khảo:

- Phùng Quán Web: viwikipediaorg
- Phùng Quán Web: vnthuquan.net

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
37) Xuân Sách



**Xuân Sách - Ngô Xuân Sách (1932-2008)**

Nhà thơ Xuân Sách tên thật là Ngô Xuân Sách, sinh ngày 4 tháng 7 năm 1932 tại xã Trường Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Ông còn có bút danh Lê Hoài Đăng, là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam

Trước 1954, ông tham gia bộ đội ở địa phương, sau năm 1954, ông được về Hà Nội tham gia văn nghệ, có liên quan đến phong trào Nhân Văn – Giai Phẩm.

Năm 1960 – 1980, Biên tập viên Tạp chí *Văn nghệ Quân đội*.

Năm 1981 – 1984, Phó giám đốc Nhà xuất bản Hà Nội.

Năm 1985 – 1995, Chủ tịch Hội Văn nghệ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu...

Đêm 2 tháng 6 năm 2008, ông qua đời tại bệnh viện Thanh

Nhàn (Hà Nội), sau hai tháng nằm viện tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội do chứng tai biến mạch máu não.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Ngày 6 tháng 6 năm 2008, linh cữu nhà văn Xuân Sách được đưa về an táng tại quê nhà Thanh Hóa, theo nguyện vọng sinh thời của ông.

Tác phẩm:

- *Cô giáo làng* (truyện ngắn, 1962)
- *Đội du kích thiếu niên Đình Bảng* (truyện, 1964)
- *Mặt trời quê hương* (tiểu thuyết, 1971)
- *Đêm ra trận* (truyện ngắn, 1974)
- *Con suối mặt gương* (thơ, 1974)
- *Phía núi bên kia* (tiểu thuyết, 1977)
- *Nơi đi và đến* (thơ, 1979)
- *Rừng bên sông* (tiểu thuyết, 1984)
- *Đường xa* (thơ, 1986)
- *Cuộc hôn nhân bị đánh tráo* (tiểu thuyết, 1991)
- *Chân dung nhà văn* (thơ, 1992)
- *Người ơi, người ở lại* (truyện ngắn, 1995)
- *Cõi người* (thơ, 1996)

Trích văn:

### Tâm sự của Xuân Sách

Những bài thơ chân dung các nhà văn của tôi ra đời trong trường hợp rất tình cờ. Hồi ấy bước vào thập kỷ 60, tôi đang độ tuổi và mới từ đơn vị được chuyển về Tạp chí Văn nghệ quân đội ở ngôi nhà số 4 Lý Nam Đế, Hà nội. Ngoài công việc của toà soạn tờ báo ra thời gian của chúng tôi dành nhiều cho học tập chính trị. Những vấn đề thời sự trong nước, thế giới, những đường lối, chỉ thị, nghị quyết, những vấn đề tư tưởng lâu dài và trước mắt... đều phải học tập nghiêm túc, có bài bản. Học một ngày, hai ngày, có khi cả tuần, cả tháng. Lên lớp, thảo luận, kiểm điểm, làm sao sau mỗi đợt học, nhận thức và tư tưởng từng người phải được nâng cao lên một bước. Những buổi lên lớp tập trung tại hội trường gồm hàng ngàn sĩ quan, anh em văn



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

nghệ, các nhà văn, các hoạ sĩ, nhạc sĩ... thường ngồi lập trung với nhau ở những hàng ghế cuối hội trường thành một “xóm” văn nghệ. Để chống lại sự mệt mỏi phải nghe giảng về hai phe, bốn mâu thuẫn, về ba dòng thác cách mạng, về kiên trì, tăng cường, nỗ lực, quyết tâm... mấy anh văn nghệ vốn quen thói tự do thường rì rầm với nhau những câu chuyện tào lao hoặc che kín cho nhau để hút một hơi thuốc lá trộm, nuôi vội khói, nhiều khi ho sặc sụa. Nhưng rồi những chuyện đó cũng bị phát hiện, bị nhắc nhở phê bình. Vậy phải thay đổi chuyển sang “bút đàm”.

Vào năm 1962 có đợt học tập quan trọng, học nghị quyết 9, nghị quyết chống xét lại, chống tư tưởng hoà bình chủ nghĩa, và dĩ nhiên văn nghệ là một đối tượng cần chú ý trong đợt học này. Hội trường tập trung đông, trời nắng, hơi nóng từ cái sân láng xi măng hắt lên như thiêu như đất. Quân đội đang tiến lên chính quy hiện đại, ăn mặc phải tề chỉnh đầy đủ cân đai bối tử, đi giày da, những đôi giày cao cổ nặng như cùm. Bọn tôi trừ vài trường hợp như Vũ Cao, Nguyễn Khải có đôi chân quá khổ, có cơ chưa có giày đúng số để đi dép, nhưng cũng là những đôi dép có quai hậu, ngồi học cũng không được tụt quai. Nhân đây tôi xin nói thêm về Vũ Cao. Ông là người biệt danh “quanh năm đi chân đất”, ở nhà số 4 các phòng sàn ván đều được lau bóng để đánh trần nằm xuống mà viết. Quy định ai vào phòng phải bỏ giày dép trừ... Vũ Cao, bởi để ông đi dép vào phòng còn sạch hơn đi chân trần. Giờ đây ngồi học được ưu tiên đi dép vẫn là nỗi cực khổ đối với ông.

Trong buổi lên lớp căng thẳng như thế, Nguyễn Trọng Oánh xé vỏ bao thuốc lá Tam Đảo viết một bài thơ chữ Hán trao cho tôi. Ở Văn nghệ quân đội, Oánh được gọi là ông Đồ Nghệ giỏi chữ Hán và tôi được gọi là Đồ Thanh bởi cũng vẽ vẽ đôi ba chữ thánh hiền. Oánh bảo tôi dịch bài thơ Oánh viết vịnh Xuân Thiều. Xuân Thiều cũng ở lứa tuổi chúng tôi nhưng trông già dặn vì cái đầu hói, tóc lơ thơ. Con đường văn chương mới bước vào còn lộn độn. Mới in được tập truyện ngắn đầu tay “Đôi

## HUỶNH ÁI TÔNG

Vai”, tập tiểu thuyết “chuyển vùng” viết về cuộc chiến đấu chống Pháp ở Bình Trị Thiên mà Thiệu tham dự, đã sửa chữa nhiều lần, đưa qua nhiều nhà xuất bản chưa “nhà” nào chịu in. Tôi thấy bài thơ Oánh viết rất là hay và dịch:

*Văn nghiệp tiền trình khả điều quân  
Mao đầu tận lạc tự mao luân  
Lưỡng kiên mai hểu phong trần lý  
Chuyển địa hà thời chuyển đắc ngân*

Dịch nghĩa:

*Con dùng văn nghiệp khá thương cho ông  
Lông đầu ông đã rụng tro bụi  
Đôi vai làm lụi trên con đường gió bụi  
Chuyển vùng đến bao giờ thì chuyển thành tiền được?*

Dịch thơ:

*Con đường văn nghiệp thương ông  
Lông đầu rụng hết thu lông cái gấu  
Đôi vai gánh mãi càng đau  
Chuyển vùng nào nữa làm sao thành tiền?*

Dịch song tôi chuyển bài thơ cho anh em đọc. Oánh tỉnh bơ với bộ mặt lạnh lùng cố hữu còn mọi người phải nén cười cho khỏi bật thành tiếng. Nguyễn Minh Châu gục xuống bàn phím nén đến nổi mặt đỏ bừng và nước mắt dàn dụa.

Tự nhiên trong đầu tôi lóe lên cái ý nghĩ mà người ta thường gọi là “tia chớp”. Thơ chân dung! Trong bài thơ của Oánh phác hoạ một Xuân Thiệu với hình dáng và văn nghiệp bằng cách dùng nghĩa kép của tên tác phẩm: “Đôi Vai” “Chuyển Vùng”. Và sau chốc lát, tiếp tục trò đùa của Oánh tôi viết bài thơ về Hồ Phương, đang ngồi cạnh tôi, và bài thơ số một về chân dung các.. nhà văn ra đời. Hồi đó Hồ Phương đã là tác giả in nhiều

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

tác phẩm, đã được một số giải thưởng các cuộc thi sáng tác văn học. Tôi dùng tên các tập truyện của anh: “Trên biển lớn” “Xóm mới” “Cỏ non” và tên cái truyện ngắn đầu tay vẫn được nhắc đến: “Thư nhà”. Tôi viết bài thơ ra mẫu giấy:

*Trên biển lớn lênh đênh sóng nước  
Ngó trông về xóm mới khuất xa  
Cỏ non nay chắc đã già  
Buồn tênh lại giở thư nhà ra xem*

Tôi đưa bài thơ cho Nguyễn Khải.

Anh đọc xong trên mặt có thoáng chút ngạc nhiên và nghiêm nghị chứ không cười như tôi chờ đợi, anh bỏ bài thơ vào túi chứ không chuyển cho người khác. Đến giờ giải lao chúng tôi ra ngồi quanh gốc cây sấu già, Nguyễn Khải mới đưa bài thơ cho Hồ Phương đọc. Mặt Hồ Phương hơi tái và cặp môi mỏng của anh hơi run. Nguyễn Khải nói như cách số sàng của anh:

-Thằng này (chỉ tôi) ghê quá, không phải trò đùa nữa rồi!

Tôi hơi hoảng, nghĩ rằng đó chỉ là trò chơi chữ thông thường. Sau rồi tôi hiểu ngoài cái nghĩa thông thường bài thơ còn chạm vào tính cách và đánh giá nhà văn. Mà đánh giá nhà văn thì có gì quan trọng hơn là tính cách và tác phẩm. Bài thơ ngụ ý Hồ Phương có viết nhiều chằng nữa vẫn không vượt được tác phẩm đầu tay và vẫn cứ: buồn tênh lại giở thư nhà ra xem...”

Trước đây khi còn là lính ở địa phương, cái xã hội nhà văn đối với tôi đầy thiêng liêng bí ẩn. Đây là những con người dị biệt rất đáng ngưỡng mộ, rất đáng yêu mến dường như họ là một siêu tầng lớp trong xã hội. Mỗi hành động, mỗi cử chỉ, lời nói của họ đều có thể trở thành giai thoại, và cả tật xấu nữa, dường như cũng đứng ngoài vòng phán xét thông thường. Tóm lại đó là một thế giới đầy sức hấp dẫn đối với người say mê văn học và tập tễnh nuôi mộng viết văn như tôi. Khi tôi được về Hà nội

## HUỶNH ÁI TÔNG

vào một cơ quan văn nghệ dù là ở quân đội (hoàn cảnh nước ta quân đội có một vị trí đặc biệt trong xã hội kể cả lĩnh vực văn chương) tôi bắt đầu đi vào cái thế giới mà trước kia tôi mơ ước. Điều tôi nhận ra là ngoài cái phần tôi hiểu trước đây thì thế giới nhà văn còn có những chuyện khác. Đó là cái mặt đời thường, cái mặt rất chúng sinh và chúng cũng góp phần quan trọng làm nên các tác phẩm và tính cách nhà văn. Vì vậy chân dung của họ không thể bỏ qua. Hơn nữa nếu “vẽ” được chính xác những bức chân dung đó, thì bộ mặt xã hội của thời đại họ đang sống cũng qua đó mà hiện lên. Có thể, tôi nghĩ, không có tầng lớp nào hơn các nhà văn thể hiện rõ nhất bộ mặt tinh thần của dân tộc qua từng giai đoạn. Những điều này tôi nhận ra sau một thời gian dài khi những bài thơ chân dung lần lượt được ra đời, được phổ biến một cách không chính thức nhưng sâu rộng và dai dẳng, vượt cả sự mong muốn của tôi. Cũng chính các nhà văn giúp tôi nhiều trong sáng tác cũng như phổ biến các bài thơ. Bởi khi nhận định về tính cách con người, tính cách các nhà văn thì không ai sắc sảo bằng các nhà văn. Người giúp tôi nhiều nhất là anh Nguyễn Khải. Anh có mối quan hệ rộng rãi trong giới, có lối nhận xét người rất sắc sảo, chính xác dù có đôi lúc cực đoan. Anh không mấy thích thơ, nhưng anh lại thích những nhà văn chân dung. Anh có nói đại ý là các nhà văn chúng ta quen đánh giá nhận xét mọi tầng lớp người trong xã hội thì cũng cần tự đánh giá mình, cũng đều có cái tốt cái xấu như ai. Về sau thêm anh Vương Trí Nhàn về Văn nghệ quân đội. Nhà phê bình văn học trẻ tuổi này hết sức cổ súy tôi, đôi khi anh còn thách đố. Chúng tôi thường ngồi trong cái phòng “toilet” khoảng ba mét vuông, do hệ thống bơm nước lên tầng hai bị hỏng nên cái phòng vệ sinh đó biến thành phòng văn. Nó được ốp gạch men trắng bóng, lau sạch ngồi thật mát và thoải mái kín đáo. Có những hôm Nhàn mua sẵn vài ba điều thuốc lá lẻ, vài cái kẹo lạc, một ấm trà ngon rồi thách thức tôi viết ngay tại chỗ. Và đã có nhiều bài thơ ra đời như thế. Nhàn nói: “Những bài thơ này ông Sách viết ra khi có quỹ ám vào ông ấy”. Bởi Nhàn đánh giá tôi có một giọng điệu khác hẳn trong những sáng tác không phải thơ chân dung. Nhàn là người

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

rất thuộc thơ, và khi bài thơ tôi vừa làm xong thường anh là người phổ biến rộng rãi. Một số anh em trẻ khác như các anh Đình Nguyễn, Trần Hoàng Bách thường đem những bài thơ đi phổ biến để được chiêu đãi bia hơi. Có thể nói đó là “nhuận bút” đầu tiên, nhưng không thuộc về người sáng tác mà thuộc về người phát hành.

Tất nhiên những bài thơ đó được phổ biến rộng trong giới. Lúc đầu còn kín đáo, nhưng dần dần thành công khai và nhất là thành một “tiết mục” không thể thiếu trong những liên hoan của anh em văn nghệ. Có một buổi cũng khá đông đủ các nhà văn, khi vào tiệc rượu, mọi người yêu cầu tôi đọc thơ về các nhà văn có mặt, trong không khí như vậy thì dù các anh các chị ấy có giận cũng cười xoà làm vui. Riêng tôi thấy mình làm được trò vui cho mọi người cũng hay chứ sao. Tôi nhớ sau buổi vui, anh Nguyễn Đình Thi có nói đại ý nên đem cái tài đó làm những việc có ích hơn là chằm chọc nhau. Ngay đó một anh ngồi bên cạnh ri tai tôi: “chằm chọc cũng cần có tài và có ích lắm chứ”

Những bài thơ cũng được lan truyền sang các giới khác. Hồi đó tướng Lê Quang Đạo là phó chủ nhiệm Tổng cục chính trị, cấp trên của giới văn nghệ trong quân đội, ông rất thích những bài thơ chân dung, thường trong giờ nghỉ những buổi họp với giới văn nghệ ông đề nghị đọc cho ông nghe. Sự thích thú tuy có tính cách cá nhân nhưng rất hay cho tôi. Tôi cũng nhận được nhiều phản ứng khác nhau, có khi khen quá lời, có khi bực tức. Tôi kê ra vài trường hợp đặc biệt. Khi tôi đã tìm hiểu được những ứng xử những lối cách của các nhà văn, ngoài những tác phẩm mà tôi thường ngưỡng mộ tôi cứ băn khoăn tự hỏi: “Sao thế nhỉ? Với bề dày tác phẩm thư thế, với vị trí trong xã hội như thế, trong lòng người đọc như thế, sao họ còn ham muốn những thứ phù phiếm đến thế một chức vụ, một quyền lực, một chuyến đi nước ngoài... Mà đã ham muốn thì phải mưu mẹo, phải dối trá và nhất là phải sợ hãi”. Một lần trên báo đăng một bài thơ dài của một nhà thơ có tên tuổi viết theo thời

## HUỶNH ÁI TÔNG

tiết chính trị, quay ngược lại với những điều vừa viết chưa lâu, Nguyễn Khải chỉ bài thơ nói với tôi: “Rất tiếc một tài năng lỗi tàu!”

Tôi không nghĩ mình đứng ra ngoài cuộc để phán xét, muốn làm cặp mồi thứ hai trong một bài thơ để tự bạch, tự cảm thông với mình và cũng tự giận mình. Tôi vốn yêu thích và kính phục tài thơ Chế Lan Viên, nhưng bài thơ tôi viết về ông lại nói khía cạnh khác. Mỗi lần gặp lại tôi ông lại tỏ ra rất thân thiện. Điều đó làm cho tôi bối rối, phải chăng ông đã hiểu điều gì đó về ông về tôi. Lúc ông Hoài Thanh già yếu phải vào bệnh viện, tôi đến thăm ông. Ông không giận tôi nữa, còn cho tôi là người có tình và ông thấy những gì tôi viết về ông có phần đúng. Ông đề nghị chữa một chữ trong bài thơ. Khi ông mất, tôi đi viếng, nhìn khuôn mặt ông qua kính, và các con ông oà khóc, tôi bỗng cảm thấy mình như người có tội.

Một lần gặp Xuân Diệu trong quán bia hơi, tôi nâng cốc bia chúc mừng ông vừa được bầu làm viện sĩ của Viện hàn lâm nghệ thuật nước CHDC Đức, ông chạm cốc:

- Chúc mừng họ Ngô nhà ta, những bài thơ của cậu đi vào cõi bất tử.

Điều tôi không ngờ là cụ Đặng Thai Mai cho người gọi tôi đến nhà bảo tôi đọc thơ chân dung cho cụ nghe. Con người nổi tiếng uyên bác thâm trầm ấy ngồi đặt cằm lên đầu gối cười khục khục. Đột ngột cụ ngược cặp mắt tinh anh lên nhìn tôi: “Thế còn Đặng Thai Mai?” Tôi lúng túng: “Viết về bác rất khó, cháu đang suy nghĩ thưa bác”. Dường như ông cụ không tin lời tôi. Ít lâu sau cụ lại gọi đến: “Anh viết về tôi rồi chứ?” Trước tôi chỉ nghĩ cụ không để ý đến cái trò chơi chữ ngông nghênh này, hoá ra cụ quan tâm thật sự khiến tôi vừa cảm động vừa thích thú. Nhưng biết sao được, viết về cụ thật là khó và đến nay tôi vẫn chưa viết được.

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Còn cụ Nguyễn Tuân, con người vốn thích đùa một cách... cao sang và thâm trầm thích ăn nem rán nóng bỏng thì gấp lên đặt xuống cái nem nghe thơ và phán: “Hóm, thằng này hóm”. Nói về đồng nghiệp cũng là nói về mình. Cái hay cái dở của một người cũng là của một thời. Câu thơ: “Từ thuở tóc xanh đi vỡ đất. Đến bạc đầu sỏi đá chữa thành com” đâu chỉ là số phận của một nhà thơ. Hơn ai hết tôi nghĩ, nhà văn là đại diện của một thời, là lương tri của thời đại. Đã dành là khó ai vượt được thời đại mình đang sống, không dễ nói hết nói công khai những điều suy nghĩ. Nhưng cũng thật đau lòng và xấu hổ khi những nhà văn bán rẻ lương tâm, cong lưng quý gối trước quyền uy, mê muội vì danh lợi. Có lẽ đó là động cơ thúc đẩy tôi viết, nếu có nói quá cũng dễ hiểu, cái con “quỷ ám” nếu có thì cũng là ảnh hưởng của những cảm xúc ấy, nỗi đau chung ấy. Nhiều nghịch lý vốn tồn tại trong cuộc đời cũng như nghệ thuật. Tiếng cười nhiều khi xuất phát từ nỗi đau.

Những bài thơ chân dung đã có cuộc sống riêng của không phải kỳ lạ nhưng cũng độc đáo. Nó được lưu truyền đến đã ba mươi năm. Đã có nhiều bài “khảo dị” nhiều bài ngoài luồng cũng được gán cho tác giả. Bây giờ in ra cũng coi như một sự đính chính. Nó cũng là “một cái gì đó” như có người đã nói nên mới tại được nếu nó có ích thì tác giả cũng lấy làm mãn nguyện.

Ngày Xuân năm Nhâm Thân

Trích thơ:

### Chân dung các nhà văn

#### 1. Hồ Phương

*Trên biển lớn mênh mông sóng nước  
Ngó trông về xóm mới khuất xa*

## HUỶNH ÁI TÔNG

*Cỏ non nay chắc đã già  
Buồn tênh lại giờ *thư nhà* ra xem.*

### 2. Nguyễn Đình Thi

*Xung kích tràn lên nước vỡ bờ  
Đã vào lửa đỏ hầy còn mơ  
Bay chi *mặt trận trên cao* ấy  
Quên *chú nai đen* vẫn đứng chờ.*

### 3. Tô Hoài

*Dế mèn lưu lạc mười năm  
Đề O Chuột phải ôm cầm thuyền ai  
Miền tây sen đã tàn phai  
Trăng *thê* một mảnh lạnh ngoài *đảo hoang*.*

### 4. Nguyễn Hồng

*Bỉ vỡ một thời oanh liệt nhi  
Sóng *gầm* sông Lấp mấy ai hay  
Con *bão đến* động rừng Yên *thế*  
Con hổ già uống rượu giả vờ say*

### 5. Nguyễn Công Hoan

*Bác *Kép Tư Bền* rõ đến vui  
Bởi còn *tranh tới* bác nhâm *thời*  
Bới tung *đống rác* nên trời phạt  
Trời phạt *chứa xong* bác đã cười.*

### 6. Nguyễn Tuân

*Vang bóng một thời *đâu dễ* quên  
Sông Đà cũng muốn *đẩy* thuyền lên*



HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
Chén rượu *tình rường* cay đắng lắm  
*Tờ hoa* lại trót lỗ ưu phiền.

## 7. Huy Cận

*Các vị La hán chùa Tây phương*  
Các vị gày quá tôi thì béo  
Năm xưa tôi hát *vũ trụ ca*  
Bây giờ tôi hát *đất nở hoa*  
Tôi hát chiến tranh như *trở hội*  
Không nên xấu hổ khi nói dối  
Việc gì mặt ủ với *mày chau*  
*Trời mỗi ngày lại sáng* có sao đâu!

## 8. Xuân Diệu

*Hai đợt sóng dâng một khối hồng*  
Không làm trôi được chút phần thông  
Chao ơi *ngôi mới* nhà không mới  
*Riêng* còn chẳng có, có gì *chung*.

## 9. Tế Hanh

Quá tuổi *hoa niên* đã bạc đầu  
Tình còn dang dở tận Hàng Châu  
Khúc ca mới hát sao buồn thế  
*Hai nửa yêu thương* một nửa sầu.

## 10. Chế Lan Viên

*Điều tàn* ư? Đâu chỉ có *điều tàn*  
Ta nghĩ tới *vàng son* từ thuở ấy  
*Chim báo bão*, lựa chiều con gió dậy  
Lựa *ánh sáng* trên đầu mà thay đổi  
*sắc phù sa*  
Thay đổi cả con mơ,

## HUỶNH ÁI TÔNG

*ai dám bảo con tàu không mộng tưởng  
Mỗi đêm khuya không uống một vầng trăng  
Lòng ta cũng như tàu, ta cũng uống  
Mặt anh em trong suối cạn Hội nhà văn*

### 11. Nguyễn Thi

*Trăng sáng soi riêng một mặt người  
Chia ly đôi bạn cách phương trời  
Ước mơ của đất anh về đất  
Im lặng mà không cứu nổi đời.*

### 12. Kim Lân

*Nên danh nên giá ở làng  
Chết về ông lão bên hàng xóm kia  
Làm thân con chó xá gì  
Phận đàn trâu xí cũng vì miếng ăn.*

### 13. Tú Mỡ

*Một nắm xương khô cũng gọi mỡ  
Quanh năm mùa bút để mua cười  
Tưởng cụ vẫn bơi dòng nước ngược  
Nào ngờ trở gió lại trôi xuôi.*

### 14. Bùi Huy Phồn (Đồ Phồn)

*Phát rồi ông mới ăn khao  
Thơ ngang chạy dọc bán rao một thời  
Ông đồ phẩn, ông đồ vôi  
Bao giờ xé xác để tôi ăn mừng.*

### 15. Hoài Thanh

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Vị nghệ thuật* nửa cuộc đời  
Nửa đời sau lại vị người ngồi trên  
*Thi nhân* còn một chút duyên  
Lại vò cho nát lại lèn cho đau  
Bình thơ tới thuở bạc đầu  
Vẫn chưa thể tắt nổi câu nhân tình  
Giật mình mình lại thương mình  
Tàn canh tỉnh rượu bóng hình cũng tan

### 16. Vũ Tú Nam

Vốn cùng nhân dân tiến lên  
Mùa đông năm ấy bỏ quên cò đào  
Con về nấp bóng ca dao  
Giật mình nghe một tiếng chào: *Văn Ngạn*

### 17. Hữu Mai

Hồng *đôi mắt* phải đâu là mắt hét  
Trong cặp còn *hồ sơ điệp viên*  
*Ông có vấn* chẳng sợ gì cái chết  
*Cao điểm cuối cùng* quyết chí xông lên.

### 18. Đỗ Chu

Đám cháy ở sau lưng  
*Đám cháy* ở trước mặt  
Than ôi mây chạy đâu  
Dưới vòm trời *quen thuộc*  
Đốt bao nhiêu cỏ mặt  
Không bay mùi thơm tho  
Càng hun càng đỏ mắt  
Quay về *thung lũng cò*

### 19. Xuân Quỳnh

## HUỶNH ÁI TÔNG

Mãi hái *hoa dọc chiến hào*  
Bỏ quên *chồi biếc* lúc nào không hay  
Thói quen cũng lạ lòng thay  
Trồng cây táo lại mọc cây bạch đàn

### 20. Phạm Tiến Duật

*Trường sơn đông* em đi hái măng  
*Trường sơn tây* anh làm thơ cho lính  
Đời có lúc bay lên *vàng trắng*  
Lại rơi xuống chiếc *xe không kính*  
Thế đấy! giữa chiến trường  
Nghe tiếng bom cũng mạnh!

### 21. Nguyễn Thành Long

Thao thức năm canh nghĩ chẳng ra  
Trò chơi nguy hiểm đây thôi mà  
Lặng lẽ *giữa khoảng trong xanh* ấy  
Để mỗi đùn lên đến lúc già.

### 22. Đào Vũ

Trời thí cho ông *vụ lúa chiêm*  
Ông xây *sân gạch* với xây thêm  
Con đường mòn ấy ông đi mãi  
*Lưu lạc* đâu rồi mắt cả tên

### 23. Nguyễn Bính

Hai lần *lỡ bước sang ngang*  
Thương con bướm đậu trên giàn mồng toi  
*Trăm hoa* thân rã cành rời  
Thôi đành lấy đáy giếng thơi làm mồ.

### 24. Nguyễn Văn Bổng

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Nhọc nhần theo bước *con trâu*  
Hỡi người áo trắng nông sâu đã từng  
Mỗi bước đi một bước dừng  
Mà sao vẫn lạc giữa *rừng U minh*.

### 25. Nguyễn Ngọc

Mấy lần *đất nước đứng lên*  
Đứng lâu cũng mỏi cho nên phải nằm  
Hại thay một *mạch nước ngầm*  
Cuốn trôi *đất Quảng* lẫn *rừng Xà nu*

### 26. Vũ Thị Thường

Từ trong *hom giở* chui ra  
Đã toan gánh vác sơn hà chị ơi  
Định đem *cái lạt* buộc người  
Khổ thay *ông lão vịt trời* phải chẵn

### 27. Quang Dũng

“*Sông Mã xa rồi tây tiến ơi*”  
Về làm xiếc khi với đời thôi  
Nhà đời một nóc chênh vênh lấm  
Sống tạm cho qua một kiếp người  
*Áo sòn thay chiếu anh về đất*  
*Mây đầu ô trắng, Ba vì xanh*  
Gửi hồn theo mộng về tây tiến  
“*Sông Mã gấm lên khúc độc hành*”

### 28. Mai Ngữ

Tưởng *chuyện như đùa* hoá ra thật  
Biết ông sông phẳng tự bao giờ  
Cái con thò lò quay sáu mặt  
Vò hực mấy lần ông vẫn trơ

**29. Nguyễn Khải**

*Cha và con và... họ hàng và...  
Hết bay mùa thóc lẫn mùa lạc  
Cho nên chiến sĩ thiếu lương ăn  
Họ sống chiến đấu càng khó khăn  
Tháng Ba ở Tây nguyên đỏ lửa  
Tháng tư lại đi xa hơn nữa  
Đường đi ra đảo đường trong mây  
Những người trở về mây ai hay  
Xung đột mỗi ngày thêm gay gắt  
Muôn làm cách mạng nhưng lại dạt*

**30. Hoàng Trung Thông**

*Đường chúng ta đi trong gió lửa  
Còn mơ chi tới những cánh buồm  
Từ thuở tóc xanh đi vỡ đất  
Đến bạc đầu sỏi đá chừa thành com*

**31. Chính Hữu**

*Tấm áo hào hoa bạc gió mưa  
Anh thành đồng chí tự bao giờ  
Trắng còn một mảnh treo đầu súng  
Cái ghế quan trường giết chết thơ.*

**32. Thanh Tịnh**

*Bao năm ngậm ngải tìm trầm  
Giã từ quê mẹ xa dòng Hương giang  
Bạc đầu mới biết lạc đường  
Tay không nay lại vẫn hoàn tay không  
Mộng làm giọt nước ôm sông  
Ôm sông chẳng được, tơ lòng gió bay.*

**33. Chu Văn**

Một *con trâu bạc* già nua  
Nhờ *con bão biển* thổi lùa lên mây  
Trâu ơi ta bảo trâu này  
Quay về *đất mặn* kéo cày cho xong.

**34. Ngô Tất Tố**

Tài ba *thằng mõ* cỡ chuyên viên  
Chia xôi chia thịt lại chia quyền  
Việc làng việc nước là như vậy  
Lộn xộn cho nên phải *tắt đèn*.

**35. Nam Cao**

Anh còn *đôi mắt* ngây thơ  
*Sống mòn* sao vẫn đợi chờ tương lai  
Thương cho Thị Nở ngày nay  
Kiếm không đủ rượu làm say Chí Phèo.

**36. Xuân Thủy**

Xoắn mãi dây tình thơ bật ra  
Paris thì thích hơn ở nhà  
Đông y ắt hẳn hơn tây dược  
Xe tải không bằng xe Vonga  
Trên đời kim cương là quý nhất  
Thứ đến tình thương dân nghèo ta  
Em chớ chê anh già lắm cảm  
Còn hơn thằng trẻ lượn Honda.

**37. Lưu Trọng Lư**

*Em không nghe mùa thu*  
Mùa thu chỉ có lá

## HUỖNH ÁI TÔNG

*Em không nghe rừng thu*  
Rừng mưa to gió cả  
Em thích nghe mùa xuân  
Con nai vờ ngợ ngác  
Nó ca bài cái lương.

### 38. Nguyễn Khoa Điềm

*Một mặt đường khát vọng*  
Cuộc chiến tranh đi qua  
Rồi trở lại ngôi nhà  
Cất lên ngọn lửa ấm  
*Ngủ ngon a Kai ơi*  
Ngủ ngon a Kai à...

### 39. Nguyễn Kiên

Anh Keng cưới vợ tháng mười  
Những đứa con lại ra đời tháng năm  
Trong làng kháo chuyện rì rầm  
*Vụ mùa chưa gặt thóc đã nằm đầy kho.*

### 40. Anh Thơ

*Áy bức tranh quê đẹp một thời*  
Má hồng đến quá nửa pha phôi  
*Bên sông vải chín* mùa tu hú  
Khắc khoải kêu chi suốt một đời.

### 41. Xuân Thiều

“Đôi vai” thì gánh lập trường  
Đôi tay sờ soạn con *đường cuối thôn*  
Nghe anh kể chuyện đầu nguồn  
Về nhà thấy mất cái hồn của em.



**42. Nguyễn Thị Như Trang**

Nhà nhem *khoảng sáng trong rìng*  
Để cho cuộc thế xoay vần hơn thua  
Xác xơ màu tím hoa mua  
*Lửa chân sóng* báo mây mưa suốt ngày.

**43. Bùi Đức Ái (Anh Đức)**

*Chị Tư Hậu* đề ra anh  
Ví như *hòn đất* nặn thành đứa con  
Biển xa gió dập sóng dòn  
*Đất* tan thành đất chỉ còn *giấc mơ*.

**44. Nguyễn Thế Phương**

*Đi bước nữa* rồi đi bước nữa  
Phấn sơn mưa nắng đã tàn phai  
Cái kiếp đào chèo là vậy đó  
Đêm tàn bến cũ chẳng còn ai.

**45. Vũ Trọng Phụng**

Đã qua đi một thời *giông tố*  
Qua một thời *com thầy com cô*  
Còn để lại những thằng *Xuân tóc đỏ*  
Vẫn nghênh ngang cho đến tận bây giờ.

**46. Xuân Thiêm**

Thơ ông tang tính tang tình  
Cây đa bến nước mái đình vườn dâu  
Thân ông mấy lượt lấm đầu  
Miếng mồi danh lợi mắc câu vẫn thềm.

**47. Đào Hồng Cẩm**

Bắt đầu từ *lão nghị huyệt*  
Cầm dao giết mạng người  
*Chị Nhàn* phải đi bước nữa  
Lấy *đại đội trưởng của tôi*  
Cuộc đời mấy phen nổi gió  
Phải đem tổ quốc thề bồi  
Lần này ông ra ứng cử  
Chắc hẳn là trúng nghị viên thôi.

**48. Nguyễn Quang Sáng**

*Ông Năm Hạng* trở về đất lửa  
Với *chiếc lược ngà* vượt Trường sơn  
Bỗng mùa *gió chướng* vừa nổi dậy  
Ông biến thành thằng nộm hình rom.

**49. Hoàng Văn Bôn**

Có những lớp người đi vỡ đất  
Mùa mưa không trồng lúa trồng ngô  
Lại gieo hạt bông hường bông cúc  
*Trên mảnh đất này* hoa héo khô.

**50. Phù Thăng**

Chuyện kể cho người mẹ nghe  
Biển lửa bốc cháy bốn bề tan hoang  
*Đứa con nuôi* của trung đoàn  
*Phá vây* xong lại chết mòn trong vây.

**51. Nguyễn Thị Ngọc Tú**

Đất làng vừa một tác  
Bao nhiêu người đến cày

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
Thóc giống còn mấy *hạt*  
Đợi *mùa sau* sẽ hay

**52. Vũ Cao**

Sớm nay nhấp một chén trà  
Bâng khuâng tự hỏi đâu là *núi đôi*  
Những người cùng làng với tôi  
Muốn sang *đèo trúc* muộn rồi đừng sang

**53. Phan Tứ (Lê Khâm)**

*Bên kia biên giới* anh sang  
*Trước giờ nổ súng* về làng làm chi  
*Mãn và tôi* tính chi li  
*Gia đình má Bảy* lấy gì nuôi anh.

**54. Nguyễn Huy Tưởng**

Anh chẳng còn *sống mãi*  
*Với thú đô lũy hoa*  
Để những người ở lại  
*Bốn năm sau* khóc oà.

**55. Thu Bồn**

*Chim Chơ rao* cất cánh ngang trời  
Tình như chớp trắng cháy liên hồi  
*Đám mây cánh vạc* tan thành nước  
Mà đất ba dan vẫn khát hoài.

**56. Bùi Hiển**

Sinh ra trong *gió cát*  
Đất Nghệ an khô cằn

## HUỶNH ÁI TÔNG

Bao nhiêu năm “*nằm vạ*”  
Trước cửa Hội Nhà văn.

### 57. Võ Huy Tâm

Đem than từ *vùng mỏ*  
Về bán tại thủ đô  
Bị đập *chiếc cán búa*  
Hoá ra thẳng ngân ngơ.

### 58. Nông Quốc Chấn

Tưởng anh dọn về *làng xưa*  
Ngờ đâu về tận thủ đô nhận nhà  
Sống cái bụng lấm lấm à  
Đêm là đèo gió, ngày là hồ Tây.

### 59. Thế Lữ

Vói *tiếng sáo thiên thai* dìu dặt  
Mở ra dòng Thơ Mới cho đời  
Bỏ *rừng già* về vườn bách thú  
Con *hổ* buồn lặng lẽ trút tàn hơi.

### 60. Nguyễn Minh Châu

*Cửa sông* cất tiếng chào đời  
Rời đi ra những *vùng trời* khác nhau  
*Dấu chân* người lính in mau  
*Qua miền cháy* với *cỏ lau* bời bời  
Đọc lời ai điều một thời  
Tan *phiên chợ Giát* hồn người về đâu?

### 61. Phạm Huy Thông

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Nếu Trương Lương không thổi *địch sông Ô*

Liệu Hạng Vũ có lên ngôi hoàng đế

Nhưng buồn thay đã đánh mất Ngu Cơ

Đời chẳng còn gì, và thơ cũng thế.

### 62. Giang Nam

*“Xưa tôi yêu quê hương vì có chim có bướm”*

*“Có những ngày trốn học bị đòn roi”*

Nay tôi yêu quê hương về có ô che nắng

Có ghé ngồi viết những điệu thơ vui.

### 63. Bằng Việt

Nhen lên một *bếp lửa*

Mong soi gương mặt người

Bồng con giông nổi đến

Mây che một khung trời

*Đất sau mưa* sục lở

Màu mỡ trôi đi đâu

Còn trơ chiếc guốc vông

Trắng mài mòn canh trâu.

### 64. Nguyễn Trọng Oánh

Một chút hương thơm trải bốn mùa

Mười năm lặn lội chốn rừng già

Quay về không chịu ơn mưa móc

*Đất trắng* mưa rồi đất lại khô.

### 65. Nguyễn Xuân Sanh

Xưa thơ anh viết không người hiểu

*“Đáy đĩa mùa đi nhịp hải hà”*

Nay anh chưa viết người đã hiểu

Sấp sáng thì nghe có tiếng gà.

**66. Thâm Tâm**

*“Người đi, ở nhĩ, người đi thật”*  
Đi thật nhưng rồi lại trở về  
Nhẹ như hạt bụi, như hơi rượu  
Mà đắm hồn người trong tái tê.

**67. Nguyễn Huy Thiệp**

*Không có vua thì làm sao có tướng*  
Nên về hưu vẫn phải chết tại chiến trường  
*Kiểm sắc chém bao nhiêu đầu giặc*  
Đề vàng tôi trong lửa chịu đau thương.

**68. Phùng Quán**

Hồn đã vượt Côn đảo  
Thân xác ở trong lao  
Bởi nghe lời mẹ dặn  
Nên suốt đời lao đao.

**69. Tố Hữu**

*Ta đi tới đỉnh cao muôn trượng*  
*Mắt trông về tám hướng phía trời xa*  
*Chân dếp lớp bay vào vũ trụ*  
Khi trở về ta lại là ta  
*Từ ấy tim tôi ngừng tiếng hát*  
Trông về Việt Bắc tím mù mây  
Nhà càng lộng gió thơ càng nhạt  
*Máu ở chiến trường, hoa ở đây.*

**70. Dương Thu Hương**

Tay em cầm bông bản lý  
Bờ cây đỏ thắm làm chi não lòng

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Chuyện tình kể trước lúc rạng đông  
Hoàng hôn ảo vọng vẫn không tới bờ  
Thiên đường thì quá mù mờ  
Vĩ nhân tinh lẻ vật vờ bóng ma  
Hành trình thơ ấu đã qua  
Hồi người hàng xóm còn ta với mình.*

### 71. Hữu Thỉnh

*Cùng đoàn quân anh đi tới thành phố  
Bị lạc đường về Hội Nhà văn  
Ờ nhi bao giờ quay trở lại  
Vói năm anh em trên một chiếc xe tăng.*

### 72. Trần Bạch Đằng (Hương Triều, Hiểu Trường, Ng. Trương Thiên Lý)

*Ván bài lật ngửa tên hên  
Con đường thiên lý gập ghềnh mãi thôi  
Thay tên đổi họ mấy hồi  
Vẫn chưa tới được chân trời mộng mơ*

### 73. Nguyễn Duy

*Mẹ và em đang ở đâu  
Giữa vùng cát trắng đêm thâu gió lùa  
Ồ rom teo tóp ngày mùa  
Xác xơ thân lúa vật vờ thân tôi  
Bờ tre kéo kẹt liên hồi  
Bầu trời vuông với một ngôi sao dờ  
Đánh thức tiềm lực suốt đời  
Ai? Chẳng ai đáp lại lời của tôi.*

### 74. Nguyễn Mạnh Tuấn

## HUỶNH ÁI TÔNG

Anh đã *đứng trước biển*  
*Cù lao Chàm* kia rồi  
*Những khoảng cách còn lại*  
Xa vời lắm anh ơi.

### 75. Trần Mạnh Hảo

Ôi thằng Trần Mạnh Hảo  
Đi phỏng vấn Chí Phèo  
Lão chết từ tám hoánh  
Đời mày vẫn gieo neo  
Còn cái lão Bá Kiến  
Đục bản in thơ mày  
Bao giờ mày say rượu?  
Bao giờ mày ra tay?

### 76. Hoàng Cầm

*Em ơi buồn làm chi*  
Em không buồn sao được  
Quan họ đã vào hợp tác  
Đông Hồ gà lợn nuôi chung  
*Bên kia sông Đuống* em trông  
Tìm đâu thấy *lá diêu bông* hơi chàng.

### 77. Lê Lưu

*Người về đồng cói* người ơi  
*Phía ấy mặt trời mọc* lại  
Một *thời xa vắng*, xa rồi  
Phủ Khoái xin tương oai oái  
Ở đời gặp may hơn khôn  
Nào ai dám ghen dám cãi  
Người đã đi Mỹ hai lần  
Biết rồi, khổ lắm, nói mãi



**78. Vũ Quần Phương**

*Anh đừng thành tro... em có biết*  
Hôm qua lại gặp chuyến xe bò  
Vẫn anh đi trong vầng trăng cũ  
*Áo đỏ* bên cầu đợi ngân ngơ.

**79. Hữu Loan**

*Ôi màu tím hoa sim*  
Nhuộm tím cuộc đời dài đến thế  
Cho đến khi tóc bạc da môi  
Chưa làm được nhà  
còn bận làm người  
Ngoảnh lại ba mươi năm  
Tìm mấy nghìn  
*chiều hoang*  
*biền biệt*

**80. Lý Văn Sâm**

Kòn Trô dẫn bước đường chinh chiến  
Nửa gánh giang hồ nửa ái ân  
*Ngàn sau sông Dịch* còn tê lạnh  
Tráng sĩ có về với bến xuân.

**81. Tản Đà**

Văn chương thưở ấy như bèo  
Thương cụ gồng gánh trèo leo tận trời  
*Giấc mộng lớn* đã bốc hơi  
*Giấc mộng con* suốt một thời bơ vơ  
Ước chi cụ sống tới giờ  
Chợ trời nhan nhản tha hồ bán văn.

**82. Lưu Quang Vũ**

## HUỶNH ÁI TÔNG

Cũng muốn tin ở hoa hồng  
Tin vào điều không thể mất  
Cả tôi và cả chúng ta  
Đứng trong đầm lầy mà hát  
Ông không phải là bố tôi  
Con chim sâm cầm đã chết  
Ông không phải là bố tôi  
Con chim sâm cầm ai giết?

### 83. Hà Minh Tuấn

Bốn mươi tuổi mới vào đời  
Ăn đòn hội chợ toi bời xác xơ  
Giữa hai trận tuyến ngu ngơ  
Trong lòng Hà nội bây giờ ở đâu?

### 84. Minh Huệ

Vỡ lòng câu thơ viết  
Mời bác ngủ bác ơi  
Đêm nay bác không ngủ  
Nhà thơ ngủ lâu rồi

### 85. Văn Cao

Thiên thai – từ già về dương thế  
Nhắc chi ngày ấy buồn lòng ta  
Sân đình ngắt ngưỡng ngôi tiên chỉ  
Uống rượu say rồi hát quốc ca

### 86. Ma Văn Kháng

Khi xuôi anh mang theo  
Đồng bạc trắng hoa xòe  
Với một mối tình sơn cước  
Mùa lá rụng trong vườn

## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Năm này qua năm khác  
*Đám cưới vẫn không thành*  
Vì *giấy giá thú* chưa làm xong

### 87. Vũ Bão

*Sắp cưới* bỗng có thằng phá đám  
Nên ông chửi bố chúng mày lên  
Đầu chày đất thốt đầu còn ngán  
Không viết văn thì ông viết phim.

### 88. Hồ Dzếnh

Biết mấy mươi *chiều* khói thuốc bay  
Quê nhà vẫn lẫn khuất trong mây  
Lui về ký ức *chân trời cũ*  
Uống chén rượu buồn không dám say.

### 89. Hoàng Phủ Ngọc Tường

Trăm năm ông phủ... Ngọc Tường ơi  
Cái nợ *lên xanh* rũ sạch rồi  
*Cửa Việt* tung hoành con sóng vỗ  
*Sông Hương* lặng lẽ chiếc thuyền trôi  
Sử thi thành cổ buồn nao nã  
Chuyện mới Đông hà tái nhợt môi  
Từ biệt chốn xưa *nhiều ánh lửa*  
Trăm năm ông phủ... Ngọc Tường ơi!

### 90. Phạm Thị Hoài

Dẫu chín bỏ làm mười  
hay mười hai cũng mặc  
Chẳng ai dung *thiên sứ* đất này  
Dụ đồng đội vào trong *mê lộ*  
Rồi bỏ đi du hí đến *năm ngày*.

**91. Thanh Thảo**

Giặc dã yên rồi  
Về xoay *khối vuông Ru bích*  
Đoán vận rủi may  
Thưa quý vị, xin mời  
Xanh tím trắng đỏ vàng đều rõ hết  
Ta cùng vào cuộc chơi.  
Không gian bốn năm chiều,  
thời gian xin tùy thích  
Đảo lộn từng phèo thật gia trắng đen  
“Tôi như cục xà bông thứ thiệt”  
Cứ đổ rượu vào  
hình quý vị sẽ hiện lên.

**92. Trần Dần**

Người người lóp lóp  
xông ra trận  
*Cờ đỏ*  
*mưa sa*  
suốt dậm dài  
Mở đọt phá khẩu  
tiến lên  
*nhất định thắng*  
Lô cốt mấy tầng  
đề nát vai  
Dầu sông núi cỏ cây làm chứng  
Hồn vẫn treo trên  
Vọng hải đài.

**93. Khương Hữu Dụng**

Ba lô trên vai từ đêm mười chín  
“Một tiếng chim kêu sáng cả rừng”

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975  
Thì cứ khắc đi rồi khắc đến  
Sao còn ngồi đây cụ già Khương?

**94. Bùi Minh Quốc**

Tuổi hai mươi xung phong lên Tây bắc  
Nguyện hi sinh chiến đấu dưới cờ  
Lại xung phong vào Nam đánh giặc  
Với bà mẹ đào hầm đầu bạc phơ phơ  
Hoà bình rồi tiến lên đời mới  
Bất ngờ ngã ngựa chôn non cao  
*Dẫu thân thể mang đầy thương tích*  
Thì cuộc đời vẫn đẹp sao  
*Tình yêu vẫn đẹp sao*

**95. Ý Nhi**

Trái tim với nỗi nhớ ai  
N như *cây trong phố* đứng hoài chờ trăng  
N như *người đàn bà ngồi đan*  
Sợi dọc thì rối, sợi ngang thì chùng.

**96. Yến Lan**

Ra đi từ *bến My Lăng*  
Bao năm dấu kín ánh trăng trong lòng  
Tuổi già về lại bến sông  
Trăng xưa đã lớn, phải chong đèn dầu

**97. Phan Thị Thanh Nhàn**

*Dấu một chùm thơ trong chiếc khăn tay*  
Em hăm hở đi tìm người trao tặng  
Những kẻ phong lưu, những tên du đãng  
Mấy ai biết *huơng thơm* của cô gái xóm đê.

## HUỖNH ÁI TÔNG

### 98. Trần Đăng Khoa

Chú để góc sân hồn nhiên ca hát  
Hát thành thơ như nước triều lên  
Khi khôn lớn lại hồn nhiên đi giữa  
“*Biển một bên và em một bên*”.

### 99. Hoàng Lại Giang

Người đàn bà một thời tôi ao ước  
Trên vành đai Mỹ những năm xưa  
Tình yêu đã lụi tàn cùng ký ức  
Nhưng còn đây tội lỗi đến bao giờ?

### 100. Xuân Sách (Tự họa)

Cô giáo làng tôi đã chết rồi  
Một đêm ra trận đất bom vùi  
Xót xa đình Bảng người du kích  
Đau đớn Bạch đằng lũ trẻ côi  
Đường tới chiến công gân cốt mỏi  
Lối vào lửa sồn tóc da mồi  
Mặt trời ảm đạm quê hương cũ  
Ở một cung đường rách tả tơi.

Trên Bách khoa toàn thư mở Wikipedia, đã ghi nhận xét về nhà thơ này như sau: “*Xuân Sách đạt thành tựu trong cả văn xuôi và thơ trữ tình, nhưng nổi tiếng nhất với tập thơ “Chân dung nhà văn”.* Đó là 99 ký họa nhà văn (cùng một bài tự họa), lột tả thần thái của nhiều trong số tác giả quan trọng nhất của nền văn học Việt Nam hiện đại.”

Tài liệu tham khảo:

- Xuân Sách Web: [vi.wikipedia.org](http://vi.wikipedia.org)
- Xuân Sách Blog: [ban1946.vnweblogs.com](http://ban1946.vnweblogs.com)

**38) Thúc Hà**



**Thúc Hà – Hà Thúc Chỉ (1934-1994)**

Nhà thơ Thúc Hà tên thật là Hà Thúc Chỉ, sinh ngày 10 tháng 7 năm 1934 tại thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, nguyên quán của ông ở làng La Chũr, xã Hương Chũr, quận Hương Trà tỉnh Thừa Thiên.

Trong dân gian Thừa Thiên có truyền tụng:

*Họ Thân không nhà, họ Hà không dân.*

Họ Thân thuộc làng Phong Lũ xã Phong Hiền, quận Phong Điền không làm nhà trong làng, vì những người trong họ này đều làm quan, nhà ở là những dinh thự của nhà nước cấp cho họ ở. Còn họ Hà ở làng La Chũr, xã Hương Chũr, quận Hương Trà, con cháu đều thành đạt đi làm quan các nơi. Do vậy Thúc Hà sinh ở Vinh, hưởng dòng máu di truyền hiếu học đó.

Sau ngày toàn quốc kháng chiến 19-12-1946, Hà Thúc Chỉ tình nguyện theo học Trường Thiếu Sinh Quân Liên khu IV. Năm sau trường giải thể, Hà Thúc Chỉ vào học trường Huỳnh Thúc Kháng tại Nghệ An, tốt nghiệp năm 1952.

## HUỶNH ÁI TÔNG

Do hiểu học, Hà Thúc Chi phải đi bộ từ Nghi Lộc, Nghệ An ra Cầu Kè Thanh Hóa để theo học Trường Dự bị Đại học khóa 2, năm học 1953-1954.

Sau khi tiếp thu Hà Nội năm 1954, Trường Dự bị Đại học chuyển về Hà Nội, Hà Thúc Chi trở thành sinh viên năm thứ hai, khóa 1 của Trường Đại học Sư Phạm Văn khoa, nay là Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Năm 1955, Hà Thúc Chi sáng tác bài thơ *Chờ con má nhé*, được nổi tiếng từ đó với bút danh Thúc Hà.

Ngày 8 tháng 8 năm 1955, tại Cung Văn hóa Varsava của Ba Lan, bài thơ *Chờ con má nhé* được trao tặng huy chương vàng trong Đại hội Thanh Niên sinh viên Thế giới lần V tổ chức từ 31-7 đến 14-8-1955 tại thủ đô Ba Lan. Bài thơ được Phạm Huy Thông dịch ra Pháp văn và Bùi Sơn Tùng dịch ra Anh Văn, để giới thiệu với 114 đoàn đại biểu tham dự đại hội năm đó.

Hà Thúc Chi với luận văn tốt nghiệp: *Vấn đề con người trong giáo dục* đã đỗ thủ khoa khóa Văn Đại Học Sư Phạm Hà Nội năm 1956.

Hà Thúc Chi cùng các sinh viên tốt nghiệp thuộc loại giỏi khác như Bùi Quang Đoài, Cao Huy Đĩnh, Cao Xuân Hạo, Phan Kế Hoành, Nguyễn Văn Tâm, được giữ lại Trường để làm “Trợ lý giảng dạy đại học”

Năm 1956, do muốn thể hiện lý tưởng tự do dân chủ đã được tiếp thu, nên Hà Thúc Chi cùng với Bùi Quang Đoài, Cao Xuân Hạo, Phan Kế Hoành, Nguyễn Văn Tâm... xuất bản tờ *Đất Mới*, chỉ ra được một số thì bị đình bản. Năm 1958, họ bị kỷ luật, Hà Thúc Chi bị chuyển đến Ban Tu Thư (bộ phận biên soạn sách giáo khoa), thuộc Vụ Giáo dục phổ thông, Bộ Giáo dục.



## HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Năm 1960, Hà Thúc Chi được chuyển đến dạy tại Trường Phổ thông Ngô Quyền, Hải Phòng. Tại đây ông sáng tác bài thơ *Cô giáo vỡ lòng*, được giải thưởng thơ năm 1961 của báo *Người giáo viên nhân dân*. Đó là cô giáo dạy tiểu học Đặng Thị Toán được mệnh danh là Đệ nhất hoa khôi Hải phòng. Sau đó hai người lập gia đình với nhau.

Nhà thơ, nhà giáo Thúc Hà bị bệnh ung thư và mất ngày 25 tháng 3 năm 1994, thọ 60 tuổi.

Tác phẩm:

- *Mưa biển* (thơ)

Trích văn:

### **Vấn đề con người trong giáo dục**

Ở Việt Nam giáo dục đang còn xây dựng trong chế độ dân chủ nhân dân. Giáo dục Việt Nam nhằm đào tạo những người thanh niên biết yêu chế độ, có đầy đủ kiến thức khoa học cần thiết để kiến thiết chế độ dân chủ nhân dân. Những vấn đề còn tồn tại do quá trình phát triển của giáo dục của chúng ta cũng là vấn đề con người. Chế độ ta sẽ tiến lên xã hội chủ nghĩa, do đó con người lí tưởng của ta cũng là con người toàn diện. Giáo dục ta cũng phải tiến tới chỗ đào tạo những con người đó. (...) Trường Đại học Tổng hợp của chúng ta được mở trong niên khóa sắp đến là bước đầu đặt nền móng cho một nề giáo dục kỹ thuật tổng hợp nhằm đào tạo con người toàn diện. Chắc chắn chúng ta sẽ thành công tốt đẹp trong việc xây dựng một nền giáo dục mới dưới sự chỉ đạo của chính quyền dân chủ nhân dân.

Trích thơ:

## HUỶNH ÁI TÔNG

### Chờ con má nhé!



Nhớ hôm nào tiễn con, trên bến  
Bến dừa xanh, trù mến má hôn con  
Miền Nam khuất núi che non  
Chiều bên lửa sáng má còn dỗi trông  
Lần kim trên áo, tay rung:  
"Hắn đi ngày ấy lúa đồng đang xanh  
Bám tay má nhớ ngọn ngành:  
Hai mùa lúa chín con mình về đây"  
Ngày xưa sống đoạ sống đầy  
Vàng con mắt má chuỗi ngày tối tăm  
Bốn mùa bao bố che thân  
Củ môn hột sấu xót lòng má ơi!  
Ngày nay được thấy mặt trời  
Thấy lưng thẳng lại, thấy đời trẻ ra  
Ô rơm xếp kín hột gà  
Có nồi cơm nếp ở nhà đợi con  
Chôm chôm còn chín đỏ vườn  
Ngàn năm thấm mãi công ơn Bác Hồ  
Tuổi cao mắt má có mờ  
Cố hai năm nữa má chờ Bác vô

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

Đêm đêm nhắm đọc i tờ  
Cầu sao viết nổi chữ: Hồ Chí Minh  
Ghi lên lá phiếu đình ninh  
Khắc sâu thêm cả mối tình Bắc Nam  
Giờ đây vắng bóng sao vàng  
Qua cầu đôi nhịp má sang tới bờ  
Dù cho nước cả sóng xô  
Vững chân má bước, trông cò má đi  
Tháp Mười còn lúa xanh rì  
Còn kênh ngập nước, còn khi con về...  
Má ơi! Thương má một bề  
Hồ Gươm bóng Tháp nghiêng về hướng Nam  
Có người chị, thức thâu đêm  
Thêu con chim trắng trên nền khăn xanh  
Trắng này thêm trắng dòng kênh  
Xanh này thêm thắm màu xanh lá cờ  
Con tô tám chữ lên cờ:  
"Miền Nam là cửa cõi bờ Việt Nam"  
Con in lên gối con nằm  
Con ghi trong dạ, con hằn trong tim  
Hải Vân dốc ngược cây chen  
Lòng băng trăm núi, tình xuyên vạn đèo  
Đé cao khôn cản sóng triều  
Cả cây dâu để ngăn chiều gió lên?  
Ngày mai nắng toả mọi miềm  
Thanh trà đậu trái, sấu riêng rợp vườn  
Em cười giữa lúa thơm hương  
Chờ anh trong nắng gió vờn tóc bay  
Chân trâu lại vạch luống cày  
Gà ta xao xác gọi bầy bên sân  
Bát cơm má thổi trắng ngần  
Đèn khêu tổ ngon, tay cầm má trao...  
Con đi, má khóc hôm nào  
Con về má đón ngã vào hai tay...

## HUỶNH ÁI TÔNG

### **Xe chữ làm thơ**

*Ngươi ta xe cát làm nhà  
Tôi đây xe chữ để mà làm thơ  
Làm nhà che nắng, che mưa  
Làm thơ che nỗi cay chua cuộc đời*

### **Huế đây rồi.. Mẹ ơi!**

*Xa Huế bao ngày, lòng ta có xa đâu  
Huế vẫn đến trong ta, một điệu hò mái đẩy  
Một giọng Nam bằng trong khuya thức dậy  
Nỗi nhớ mênh mông sông nước của quê mình.  
Cố đô ta trải mấy thăng trầm  
Trên đỉnh Ngự vẫn hàng thông sáo thổi  
Huế vẫn Huế trong ngọt ngào giọng nói  
Trong đậm đà tà áo tím em bay...*

*Trong thủy chung ngàn dặm nước non này  
Trong trong suốt dòng sông nhìn tận đáy  
Trong lòng mẹ tiếng ru hời đưa đẩy  
Nhịp chuông chùa Thiên Mụ thoảng hương sen...*

*Chừ Huế đây rồi! Ta trở lại tìm em  
Ôm chặt Huế, con hôn vào mắt mẹ  
Giọt lệ tủi mừng ba mươi năm lẻ  
Cứ chảy nhiều cho sạch nỗi đau xưa!*

### **Nhánh phượng đầu thu**

*Thành phố đã sang thu  
Nắng vàng xiên cuối ngõ  
Con gió chuyển sang mùa  
Thổi dài như nỗi nhớ*

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC 1954 - 1975

*Nhành phượng nào thoáng đở  
Vấn vương chiêu chưa đi ?*

*Trong màn mưa màu xanh  
Gội hàng cây dọc phố  
Hoa đơn côi bé nhỏ  
Mưa không rơi thấm mình  
Cành hoa tròn hé nở  
Một niềm vui lặng thình !*

*Nú lại mảnh trời riêng  
Của mùa qua xao động  
Tiếng sè riu ran thêm  
Tiếng ve rào rạt sóng  
Cánh diều chao nắng bóng  
Ấm ắm màu hoa sôi.*

*Con sấm lặng yên rồi  
Hè ơi ! Mùa đã chín  
Có chi mà bịn rịn  
Sen tàn hương cốm bay  
Cô Tấm rời trái thị  
Hái bưởi vàng trên cây !*

*Mảnh bìa xanh thơ ngây  
Bọc niềm vui tuổi nhỏ  
Ép vào trang vở mới  
Cánh hoa màu yêu thương  
Trống dồn xua nỗi nhớ  
Đưa mùa thu tựu trường !*

*Tưởng nhành hoa nở muôn  
Hóa thu về sớm hơn...*

Nhà thơ Trần Quốc Minh, tác giả bài thơ “*Bắc Cầu*” được

## HUỶNH ÁI TÔNG

giải nhất cuộc thi thơ của người tàn tật Hải Phòng năm 1999. Đã nói về thầy giáo của mình, nhà thơ Thúc Hà: “*Có thể nói thầy Hà Thúc Chỉ về Hải Phòng là điều không may nhưng riêng lựa học sinh chúng tôi được học thầy là một hạnh phúc lớn. Với tôi thầy không những nhen ngọn lửa văn chương mà còn định hướng cho cuộc đời: Dù thế nào cũng phải đi bằng đôi chân của mình. Hãy sống như một người bình thường! Lời nói gói vàng là như thế!*”

Tài liệu tham khảo:

- Thúc Hà Web: [hnue.edu.vn](http://hnue.edu.vn)
- Thúc Hà Blog: [trangtho-dht.blogspot.com](http://trangtho-dht.blogspot.com)

**HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC MIỀN BẮC**  
(1954-1975)

**Hiên PHẬT HỌC**  
2013